

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo
Ngành, nghề Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ TIỀN GIANG

Căn cứ Quyết định số 5984/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-CDYT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành, nghề Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng năm 2024.

Điều 2. Ban Giám hiệu, lãnh đạo các phòng, khoa và cán bộ, viên chức nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐTNCKH.



Lê Minh Đức

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH/NGHỀ Y SĨ ĐA KHOA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định 25/QĐ-CDYT ngày 29 tháng 01 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)*

Tên ngành, nghề: Y sĩ đa khoa

Mã ngành, nghề: 6720101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Y sĩ đa khoa có kiến thức, kỹ năng chuyên môn y học ở trình độ cao đẳng; làm nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân tại tuyến y tế cơ sở hoặc phòng khám thuộc các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc trung ương, xã, huyện, khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trước sức khỏe và tính mạng người bệnh; có đủ sức khỏe; không ngừng học tập nâng cao trình độ.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về:
- + Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người;
- + Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe;
- Trình bày được những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh thông thường;
- Trình bày được Luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

b) Về kỹ năng

- Thực hiện được việc thăm, khám và chữa một số bệnh, chứng bệnh thông thường;
- Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở;

- Làm được một số thủ thuật theo quy định của Bộ Y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng;
- Chuyển tuyến trên kịp thời các bệnh vượt quá quy định và khả năng giải quyết ở tuyến y tế cơ sở;
- Tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình y tế quốc gia, phát hiện dịch bệnh sớm, lập kế hoạch, triển khai thực hiện phòng bệnh và chống dịch;
- Tổ chức thực hiện và theo dõi các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động và lựa chọn chương trình ưu tiên về chuyên môn y tế trong phạm vi phụ trách;
- Xây dựng tủ thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, có kế hoạch quản lý các nguồn thuốc; xây dựng phát triển cây thuốc nam, kết hợp ứng dụng y học dân tộc trong phòng và chữa bệnh;
- Truyền thông giáo dục sức khỏe; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, vận động cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề sức khỏe ở tuyến y tế cơ sở;
- Quản lý các chỉ số sức khỏe, quản lý thai, quản lý bệnh nhân mãn tính theo chỉ định của bác sĩ tại cộng đồng và tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác theo quy định của pháp luật;
- Tham gia bồi dưỡng kiến thức chuyên môn kỹ thuật cho nhân viên y tế thôn, bản, cộng tác viên y tế/dân số tại cộng đồng;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

c) Về thái độ

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân trước nhóm và cấp trên;
- Chủ động hoàn thành các nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ đột xuất;
- Tuân thủ các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y học và chăm sóc sức khỏe;
- Thận trọng, tỉ mỉ, khoa học và đúng mực trong khi thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Người có bằng tốt nghiệp Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng được tuyển dụng vào làm việc tại Trung tâm cấp cứu 115, Trung tâm y tế, Trạm Y tế xã, phường trực thuộc Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc trung ương, các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 36 môn học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 100 tín chỉ (2520 giờ)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2085 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 870 giờ (34,52%); Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1650 giờ (65,48%)

3. Chương trình khung:

S T T	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ hiệu chính	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ KT
	I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
1	MH24A111401	Giáo dục chính trị	4	75	41	29/0	5
2	MH24A111202	Pháp luật	2	30	18	10/0	2
3	MH24A111203	Giáo dục thể chất	2	60	5	51/0	4
4	MH24A111304	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35/0	4
5	MH24A111305	Tin học	3	75	15	58/0	2
6	MH24A111506	Tiếng Anh	5	120	42	72/0	6
	II	Các môn học chuyên môn					
	II.1	Môn học cơ sở ngành	29	525	329	166	30
7	MH24A112207	Xác suất – Thống kê Y học	2	30	20	8/0	2
8	MH24A112308	Giải phẫu	3	60	29	29/0	2
9	MH24A112209	Sinh lý	2	45	14	29/0	2
10	MH24A112210	Hoá sinh	2	30	28	0	2
11	MH24A112211	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	29/0	2
12	MH24A112212	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	30	28	0	2

13	MH24A112213	Dược lý	2	30	28	0	2
14	MĐ24A112114	Điều dưỡng cơ bản – Kỹ thuật điều dưỡng	1	30	0	28/0	2
15	MH24A112215	Dinh dưỡng	2	30	28	0	2
16	MH24A112216	SKMT - Vệ sinh phòng bệnh	2	30	28	0	2
17	MH24A112217	Quản lý tổ chức y tế - NCKH	2	30	28	0	2
18	MH24A112218	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	30	28	0	2
19	MH24A112219	Y đức - Giáo dục sức khỏe	2	30	28	0	2
20	MH24A112120	Thực tập Kỹ thuật Điều dưỡng	1	45	0	0/43	2
21	MH24A112221	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30	28	0	2
	II.2	Môn học chuyên ngành	48	1440	309	1096	35
22	MH24A113222	Cấp cứu ban đầu	2	45	14	29/0	2
23	MĐ24A113223	Kỹ năng thực hành lâm sàng	2	60	0	58/0	2
24	MH24A113524	Bệnh học nội khoa	5	135	44	0/88	3
25	MH24A113525	Bệnh học ngoại khoa	5	135	44	0/88	3
26	MH24A113526	Bệnh học nhi khoa	5	135	44	0/88	3
27	MH24A113427	Bệnh học truyền nhiễm	4	120	29	0/89	2
28	MH24A113428	Bệnh học sản phụ khoa	4	120	29	0/89	2
29	MH24A113229	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	2	30	28	0	2
30	MH24A113430	Bệnh học các chuyên khoa	4	120	29	0/89	2
31	MH24A113231	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	2	30	20	8	2
32	MH24A113332	Y học cổ truyền	3	105	14	0/89	2
33	MH24A113233	Phục hồi chức năng	2	45	14	29/0	2

34	MH24A113234	Thực tập cộng đồng	2	90	0	0/88	2
35	MH24A113635	Thực tế ngành	6	270	0	0/264	6
	III	Môn học tự chọn (chọn 1 trong những môn học sau)	4	120	29	89	2
36	MH24A113436	Định hướng cơ bản chuyên khoa Nội	4	120	29	0/89	2
37	MH24A113437	Định hướng cơ bản chuyên khoa Ngoại	4	120	29	0/89	2
38	MH24A113438	Định hướng cơ bản chuyên khoa Nhi	4	120	29	0/89	2
39	MH24A113439	Định hướng cơ bản chuyên khoa Y học cổ truyền	4	120	29	0/89	2
40	MH24A113440	Định hướng cơ bản chuyên khoa Y học gia đình	4	120	29	0/89	2
Tổng cộng			100	2520	824	1606	90

(Đính kèm 34 chương trình môn học)

11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Xác suất – Thống kê Y học

Mã môn học: MH24A112207

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 08 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ 1 năm thứ I trong chương trình đào tạo ngành, nghề Y sĩ cao đẳng chính quy.

- Tính chất: Môn học này là môn học lý thuyết

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Định nghĩa được các khái niệm về tập hợp, biến cố, xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất.

+ Phát biểu được các tính chất đặc trưng và các công thức tính xác suất, xác suất có điều kiện, công thức xác suất toàn phần, công thức Bayes, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất.

+ Trình bày được các định nghĩa cơ bản về thống kê trong y học.

+ Trình bày được các phương pháp thống kê trong y học.

+ Trình bày được các bước thực hiện kiểm định thống kê bằng phần mềm thống kê phù hợp.

- Kỹ năng:

+ Phân tích, vận dụng được những kiến thức về xác suất và đại lượng ngẫu nhiên để giải quyết các bài toán về tính xác suất và tìm được các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên.

+ Lập được bảng phân phối xác suất và xác định được các hàm mật độ, hàm phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên.

+ Ứng dụng được các kiến thức về xác suất đã học vào thực tế thông qua việc giải quyết các bài toán liên quan đến Y học.

+ Tính được các đại lượng thống kê mô tả cơ bản, ước lượng khoảng tin cậy của các tham số.

+ Giải được bài toán kiểm định về tỉ lệ và trung bình của các tham số trên một biến, hai biến và thực hiện được phép kiểm định.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Bồi dưỡng, nâng cao tư duy khái quát hoá, cụ thể hoá.

+ Hình thành và rèn luyện tính sáng tạo trong tư duy.

+ Phát triển khả năng phân tích và tổng hợp trong tư duy để tìm tòi, lập luận và trình bày hướng giải quyết vấn đề một cách chính xác, hợp logic.

+ Hình thành và rèn luyện khả năng làm việc nhóm thông qua quá trình thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng nội dung bài.

+ Tiếp cận và thích nghi với phương pháp học tập mới ở bậc Cao đẳng.

+ Nhận thức được tầm quan trọng của môn học này trong lĩnh vực Y tế.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Giải tích tổ hợp	4	2	2	0
	1. Hai quy tắc đếm cơ bản 1.1. Quy tắc cộng 1.2. Quy tắc nhân	1	0,5	0,5	0
	2. Tập hợp 2.1. Khái niệm tập hợp 2.2. Phép toán trên tập hợp	1	0,5	0,5	0
	3. Giải tích tổ hợp 3.1. Hoán vị 3.2. Chỉnh hợp 3.3. Tổ hợp	2	1	1	0
2	Chương 2: Công thức tính xác suất	5	3	2	0
	1. Phép thử - Biến cố 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phân loại biến cố	1	1	0	0
	2. Khái niệm xác suất 2.1. Khái niệm xác suất theo cổ điển 2.2. Khái niệm xác suất theo thống kê 2.3. Ý nghĩa - Tính chất của xác suất	2	1	1	0
	3. Công thức tính xác suất 3.1. Công thức cộng xác suất 3.2. Công thức nhân xác suất 3.3. Công thức xác suất toàn	2	1	1	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	phần - Công thức Bayes				
3	Chương 3: Biến ngẫu nhiên – Các số đặc trưng	5	3	2	0
	1. Khái niệm biến ngẫu nhiên	0,5	0,5	0	0
	2. Luật phân phối xác suất 2.1. Hàm mật độ xác suất 2.2. Hàm phân phối xác suất	2,5	1,5	1	0
	3.1. Trung bình lý thuyết 3.2. Phương sai 3.3. Độ lệch chuẩn	2	1	1	0
	Kiểm tra lần 1	1	0	0	1
4	Chương 4: Đại cương về thống kê y tế	2	2	0	0
	1. Các khái niệm cơ bản của thống kê	1	1	0	0
	2. Các đại lượng đo lường trung tâm và độ biến thiên	1	1	0	0
5	Chương 5: Các phương pháp phân tích trong thống kê y học	6	6	0	0
	1. Thống kê mô tả, ước lượng tham số 1.1. Các đại lượng trong thống kê mô tả 1.2. Ước lượng tham số	1	1	0	0
	2. Kiểm định giả thuyết thống kê	1	1	0	0
	3. So sánh các trung bình 3.1. So sánh một trung bình 3.2. So sánh hai trung bình độc lập 3.3. So sánh hai trung bình ghép cặp 3.4. Phân tích phương sai Anova	2	2	0	0
	4. So sánh các tỉ lệ 4.1. So sánh một tỉ lệ 4.2. So sánh hai tỉ lệ	2	2	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	4.3. So sánh nhiều hơn hai tỉ lệ				
6	Chương 6: Giới thiệu về Quản lý và Phân tích thống kê y học bằng phần mềm SPSS	6	4	2	0
	1. Thống kê mô tả, ước lượng tham số 1.1. Thống kê mô tả 1.2. Ước lượng tham số	2	1	1	0
	2. So sánh các trung bình 2.1. So sánh một trung bình 2.2. So sánh hai trung bình độc lập 2.3. So sánh hai trung bình ghép cặp 2.4. Phân tích phương sai Anova	2	1,5	0,5	0
	3. So sánh các tỉ lệ 3.1. So sánh một tỉ lệ 3.2. So sánh hai tỉ lệ 3.3. So sánh nhiều hơn hai tỉ lệ	2	1,5	0,5	0
	Kiểm tra lần 2	1	0	0	1
	Cộng	30	20	8	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Giải tích tổ hợp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

- + Phân biệt được hai quy tắc đếm cơ bản của giải tích tổ hợp.
- + Viết được công thức hoán vị, chỉnh hợp và tổ hợp.

- Kỹ năng:

- + Giải được các bài toán trên tập hợp.
- + Tính được số lượng mẫu của hoán vị, chỉnh hợp và tổ hợp.
- + Giải được các bài toán cơ bản của giải tích tổ hợp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Bồi dưỡng, nâng cao tư duy khái quát hoá, cụ thể hoá.
- + Hình thành và rèn luyện tính sáng tạo trong tư duy.
- + Phát triển khả năng phân tích và tổng hợp trong tư duy để tìm tòi, lập luận và trình bày hướng giải quyết vấn đề một cách chính xác, hợp logic.
- + Hình thành và rèn luyện khả năng làm việc nhóm thông qua quá trình thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng nội dung bài.

2. Nội dung chương:

2.1. Hai quy tắc đếm cơ bản

2.1.1. Quy tắc cộng

2.1.2. Quy tắc nhân

2.2. Tập hợp

2.2.1. Khái niệm tập hợp

2.2.2. Phép toán trên tập hợp

2.3. Giải tích tổ hợp

2.3.1. Hoán vị

2.3.2. Chỉnh hợp

2.3.3. Tổ hợp

Chương 2: Công thức tính xác suất

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

- + Trình bày được khái niệm phép thử, biến cố, không gian mẫu.
- + Trình bày được các công thức nhân xác suất, cộng xác suất, xác suất toàn phần và xác suất Bayes.

- Kỹ năng:

- + Giải được một số bài toán xác suất trong y dựa vào các công thức xác suất nêu trên

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Bồi dưỡng, nâng cao tư duy khái quát hoá, cụ thể hoá.
- + Hình thành và rèn luyện tính sáng tạo trong tư duy.
- + Phát triển khả năng phân tích và tổng hợp trong tư duy để tìm tòi, lập luận và trình bày hướng giải quyết vấn đề một cách chính xác, hợp logic.
- + Hình thành và rèn luyện khả năng làm việc nhóm thông qua quá trình thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng nội dung bài.

2. Nội dung chương:

2.1. Phép thử - Biến cố

- 2.1.1. Các khái niệm cơ bản
- 2.1.2. Phân loại biến cố
- 2.2. Khái niệm xác suất
 - 2.2.1. Khái niệm xác suất theo cổ điển
 - 2.2.2. Khái niệm xác suất theo thống kê
 - 2.2.3. Ý nghĩa - Tính chất của xác suất
- 2.3. Công thức tính xác suất
 - 2.3.1. Công thức cộng xác suất
 - 2.3.2. Công thức nhân xác suất
 - 2.3.3. Công thức xác suất toàn phần - Công thức Bayes

Chương 3: Biến ngẫu nhiên – Các số đặc trưng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

- + Trình bày và phân biệt được các biến ngẫu nhiên.
- + Viết được công thức tính các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.

- Kỹ năng:

+ Lập được bảng phân phối xác suất và viết được hàm mật độ, hàm phân phối ngẫu nhiên của biến ngẫu nhiên.

- + Giải được các bài toán tổng hợp của biến ngẫu nhiên.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Bồi dưỡng, nâng cao tư duy khái quát hoá, cụ thể hoá.
- + Hình thành và rèn luyện tính sáng tạo trong tư duy.
- + Phát triển khả năng phân tích và tổng hợp trong tư duy để tìm tòi, lập luận và trình bày hướng giải quyết vấn đề một cách chính xác, hợp logic.
- + Hình thành và rèn luyện khả năng làm việc nhóm thông qua quá trình thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng nội dung bài.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Khái niệm biến ngẫu nhiên
- 2.2. Luật phân phối xác suất
 - 2.2.1. Hàm mật độ xác suất
 - 2.2.2. Hàm phân phối xác suất
- 2.3. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên
 - 2.3.1. Trung bình lý thuyết
 - 2.3.2. Phương sai

2.3.3. Độ lệch chuẩn

Kiểm tra lần 1

Thời gian: 1 giờ

Chương 4: Đại cương về thống kê y tế

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu chương:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các khái niệm cơ bản của thống kê
- + Trình bày được các đại lượng đo lường trung tâm, độ biến thiên.

- Kỹ năng:

- + Phân biệt được các đại lượng đo lường trung tâm, độ biến thiên.
- + Ứng dụng được các đại lượng đo lường trung tâm, độ biến thiên vào bài toán thực tế.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Tích cực trong việc tự học và nghiên cứu tài liệu.

2. Nội dung chương:

2.1. Các khái niệm cơ bản của thống kê

2.2. Các đại lượng đo lường trung tâm và độ biến thiên

Chương 5: Các phương pháp phân tích trong thống kê y học Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu chương:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các khái niệm thống kê mô tả, ước lượng tham số
- + Trình bày được các Kiểm định giả thuyết thống kê.
- + Trình bày được các Kiểm định so sánh các trung bình.
- + Trình bày được các Kiểm định so sánh các tỉ lệ.

- Kỹ năng:

- + Phân biệt và ứng dụng được các thống kê mô tả, ước lượng tham số.
- + Phân biệt và ứng dụng được các Kiểm định giả thuyết thống kê, Kiểm định so sánh các trung bình và các tỉ lệ vào bài toán thực tế.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Tích cực trong việc tự học và nghiên cứu tài liệu.

2. Nội dung chương:

2.1. Thống kê mô tả, ước lượng tham số

2.1.1. Các đại lượng trong thống kê mô tả

2.1.2. Ước lượng tham số

2.2. Kiểm định giả thuyết thống kê

- 2.3. So sánh các trung bình
 - 2.3.1. So sánh một trung bình
 - 2.3.2. So sánh hai trung bình độc lập
 - 2.3.3. So sánh hai trung bình ghép cặp
 - 2.3.4. Phân tích phương sai Anova
- 2.4. So sánh các tỉ lệ
 - 2.4.1. So sánh một tỉ lệ
 - 2.4.2. So sánh hai tỉ lệ
 - 2.4.3. So sánh nhiều hơn hai tỉ lệ

Chương 6: Giới thiệu về Quản lý và Phân tích thống kê y học bằng phần mềm SPSS
 Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày được cách thực hiện và nhận xét kết quả các thống kê mô tả, ước lượng tham số trên phần mềm SPSS.

+ Trình bày được cách thực hiện và nhận xét kết quả các Kiểm định so sánh các trung bình và so sánh các tỉ lệ trên phần mềm SPSS.

- Kỹ năng:

+ Phân biệt và ứng dụng được các thống kê mô tả, ước lượng tham số trên phần mềm SPSS.

+ Phân biệt và ứng dụng được các Kiểm định giả thuyết thống kê, Kiểm định so sánh các trung bình và các tỉ lệ vào bài toán thực tế trên phần mềm SPSS.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tích cực trong việc tự học, nghiên cứu tài liệu và nghiêm túc nghe giảng.

2. Nội dung của bài:

2.1. Thống kê mô tả, ước lượng tham số trên phần mềm SPSS

2.1.1. Thống kê mô tả

2.1.2. Ước lượng tham số

2.2. So sánh các trung bình trên phần mềm SPSS

2.2.1. So sánh một trung bình

2.2.2. So sánh hai trung bình độc lập

2.2.3. So sánh hai trung bình ghép cặp

2.2.4. Phân tích phương sai Anova

2.3. So sánh các tỉ lệ trên phần mềm SPSS

2.3.1. So sánh một tỉ lệ

2.3.2. So sánh hai tỉ lệ

2.3.3. So sánh nhiều hơn hai tỉ lệ

Kiểm tra lần 2

Thời gian: 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: phòng học lý thuyết
2. Trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy chiếu, micro
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, bảng, phấn
4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Định nghĩa được các khái niệm về tập hợp, biến cố, xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất.

+ Phát biểu được các tính chất đặc trưng và các công thức tính xác suất, xác suất có điều kiện, công thức xác suất toàn phần, công thức Bayes, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất.

+ Trình bày được các định nghĩa cơ bản về thống kê trong y học.

+ Trình bày được các phương pháp thống kê trong y học.

+ Trình bày được các bước thực hiện kiểm định thống kê bằng phần mềm thống kê phù hợp.

- Kỹ năng:

+ Phân tích, vận dụng được những kiến thức về xác suất và đại lượng ngẫu nhiên để giải quyết các bài toán về tính xác suất và tìm được các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên.

+ Lập được bảng phân phối xác suất và xác định được các hàm mật độ, hàm phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên.

+ Ứng dụng được các kiến thức về xác suất đã học vào thực tế thông qua việc giải quyết các bài toán liên quan đến Y học.

+ Tính được các đại lượng thống kê mô tả cơ bản, ước lượng khoảng tin cậy của các tham số.

+ Giải được bài toán kiểm định về tỉ lệ và trung bình của các tham số trên một biến, hai biến và thực hiện được phép kiểm định.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Bồi dưỡng, nâng cao tư duy khái quát hoá, cụ thể hoá.

+ Hình thành và rèn luyện tính sáng tạo trong tư duy.

+ Phát triển khả năng phân tích và tổng hợp trong tư duy để tìm tòi, lập luận và trình bày hướng giải quyết vấn đề một cách chính xác, hợp logic.

+ Hình thành và rèn luyện khả năng làm việc nhóm thông qua quá trình thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng nội dung bài.

+ Tiếp cận và thích nghi với phương pháp học tập mới ở bậc Cao đẳng.

+ Nhận thức được tầm quan trọng của môn học này trong lĩnh vực Y tế.

2. Phương pháp:

- Hình thức đánh giá: trắc nghiệm, kiểm tra viết, bài tập nhóm hoặc thuyết trình theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.

- Hình thức kiểm tra trắc nghiệm: Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án; chọn đáp án đúng hoặc sai.

- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án; chọn đáp án đúng hoặc sai.

- Điểm kiểm tra gồm: ít nhất 1 cột điểm thường xuyên và ít nhất 1 cột điểm định kỳ trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2.

+ Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm/ kiểm tra viết, bài tập nhóm hoặc thuyết trình được xác nhận có tham gia. GV có thông báo trước.

+ Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Xác suất - Thống kê được sử dụng để giảng dạy cho đối tượng Y sĩ đa khoa chính quy trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

+ Giới thiệu môn học, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học. Nêu nội dung cốt lõi của chương và tổng kết chương, sử dụng bài giảng điện tử trong giảng dạy. Tập trung hướng dẫn học, tư vấn học, phản hồi kết quả thảo luận, bài tập lớn, kết quả kiểm tra và các nội dung lý thuyết chính mỗi chương.

+ Các phương pháp giảng dạy có thể áp dụng: phương pháp thuyết trình; phương pháp thảo luận nhóm; Phương pháp đóng vai; phương pháp minh họa, ...

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị bài từng chương, làm bài tập đầy đủ, trao đổi kỹ năng làm việc nhóm để chuẩn bị bài thảo luận.

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

+ Khi nghiên cứu phần Xác suất sinh viên sẽ hiểu được tường minh kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố và các công thức tính xác suất. Từ đó sinh viên có thể đưa ra các lập luận lôgic trong y học.

+ Khi nghiên cứu phần Thống kê sinh viên sẽ hiểu về cách giải quyết các bài toán ước lượng, bài toán kiểm định giả thiết, bài toán tương quan. Khi đó sinh viên sẽ biết cách tiếp cận các lưu trữ và hồi cứu các thông tin lâm sàng trong hồ sơ bệnh án (giấy và điện tử), thư viện, các nguồn thông tin trực tuyến một cách phù hợp, đầy đủ, chính xác đảm bảo tính bảo mật và tính pháp lý.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Chu Văn Thọ, Phạm Minh Bửu, Trần Đình Thanh, Nguyễn Văn Liêng (2012), *Xác suất thống kê*, Tài liệu lưu hành nội bộ (Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh).

[2] Chu Văn Thọ, Phạm Minh Bửu, Trần Đình Thanh, Nguyễn Văn Liêng (2012), *Bài Tập xác suất thống kê*, Tài liệu lưu hành nội bộ (Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh).

[3] Nguyễn Phan Dũng (2018), *Xác suất thống kê*, NXB Y học Hà Nội.

[4] Đào Hữu Hồ (2007), *Hướng dẫn giải các bài toán xác suất thống kê*, NXB ĐH quốc gia Hà Nội.

[5] Đặng Đức Hậu (2009), *Xác suất thống kê (Dùng cho đào tạo Bác sĩ đa khoa)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[6] Đặng Đức Hậu (2009), *Bài tập Xác suất thống kê (Dùng cho đào tạo Bác sĩ đa khoa)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[7] Bộ Y tế (2012), *Thống kê cơ bản trong y sinh học*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

[8] Trường Đại học Y Hà Nội (2012), *Thống kê y học cơ bản*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

[9] Trường Đại học Y Cần Thơ (2021), *Xác suất và Thống kê y học*, Tài liệu lưu hành nội bộ (Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh).

[10] Trường Đại học Tây Đô (2015), *Bài giảng Xác suất Thống kê y dược*, Tài liệu lưu hành nội bộ (Đại học Tây Đô).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIẢI PHẪU

Mã môn học: MH24A112308

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành giải phẫu: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học Giải phẫu là môn cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ I trong chương trình đào tạo ngành Y sĩ trình độ Cao đẳng

- Tính chất: Giải phẫu là những môn cơ sở của y học, cung cấp cho sinh viên y được những kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng và điều hòa các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể con người. Nhằm cung cấp những kiến thức Giải phẫu cơ bản nhất nhằm giúp sinh viên có cơ sở để học các môn Y học lâm sàng và Y học dự phòng.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được cấu tạo giải phẫu của các hệ cơ quan trong cơ thể người.

+ Trình bày được liên hệ thực tế giữa bài giảng với thực tập mô hình và lâm sàng.

+ Trình bày được vị trí và tầm quan trọng của giải phẫu học trong sinh học và y học

- Kỹ năng:

+ Xác định được các chi tiết giải phẫu trên mô hình giải phẫu.

+ Xác định được các chi tiết giải phẫu trên lâm sàng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng được các được kiến thức giải phẫu học vào thực hành lâm sàng và để học các học phần liên quan.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
I	CHƯƠNG 1 : GIẢI PHẪU	30	29	00	00
1	1. Bài 1. Nhập môn giải phẫu học 1. Định nghĩa - đối tượng và phạm vi nghiên cứu 1.1.giải phẫu học 1.2. Vị trí – tầm quan trọng của giải phẫu học trong y học 2. Các nguyên tắc đặt tên trong giải phẫu	2	2	0	0

	<p>học</p> <p>2.1. Tư thế giải phẫu</p> <p>2.2. Ba mặt phẳng qui chiếu</p> <p>2.3. Các tính từ giải phẫu học</p> <p>2.4. Động tác giải phẫu</p> <p>2.5. Một số nguyên tắc đặt tên trong giải phẫu học</p>				
2	<p>Bài 2. Hệ xương - khớp</p> <p>1. Đại cương về xương</p> <p>1.1. Chức năng – nhiệm vụ của hệ xương</p> <p>1.2. Số lượng và phân chia</p> <p>1.3. Phân loại xương</p> <p>1.4. Cấu tạo chung của xương</p> <p>2. Đại cương về khớp</p> <p>2.1. Khớp động hay khớp hoạt dịch</p> <p>2.2. Khớp bất động</p> <p>2.3. Khớp bán động</p> <p>3. Hệ xương trục</p> <p>3.1. Các xương đầu mặt</p> <p>3.2. Xương móng</p> <p>3.3. Xương của tai</p> <p>3.4. Xoang</p> <p>3.5. Các thóp của xương sọ</p> <p>3.6. Khớp thái dương – hàm dưới</p> <p>3.7. Tổng quan về hộp sọ</p> <p>4. Xương khớp vùng thân mình</p> <p>4.1. Xương sống (cột sống)</p> <p>4.2. Xương lồng ngực</p> <p>5. Hệ xương phụ</p> <p>5.1. Xương khớp chi trên</p> <p>5.2. Xương khớp chi dưới</p>	2	2	0	0

3	Bài 3. Cơ - xương khớp - mạch - thần kinh Vùng đầu - mặt - cổ và thân mình 1. Vùng đầu - mặt - cổ 1.1. Cơ 1.2. Xương – khớp 1.3. Mạch máu 1.4. Thần kinh 2. Vùng thân mình 2.1. Cơ 2.1.1. Cơ vùng ngực 2.1.2. Cơ vùng bụng 2.1.3. Cơ vùng lưng 2.1.4. Cơ vùng đáy chậu 2.2. Xương - khớp - mạch máu - thần kinh	2	2	0	0
4	Bài 4 . Cơ - xương khớp - mạch máu - thần kinh Chi Trên 1. Các Thành Của Hồ Nách 2. Xương – Khớp 3. Mạch Máu – Thần Kinh: Các Thành Phần Trong Hồ Nách * Vùng Cánh Tay 1. Cơ 2. Xương – Khớp 3. Mạch Máu 4. Thần Kinh * Vùng Khuỷu * Vùng Cẳng Tay 1. Cơ 2. Xương – Khớp 3. Mạch Máu 4. Thần Kinh * Vùng Cổ Tay * Vùng Bàn Tay	2	2	0	0
5	Bài 5. Cơ - xương khớp - mạch máu - thần kinh chi dưới * Vùng Mông 1. Cơ 2. Xương – Khớp 3. Mạch Máu 4. Thần Kinh * Vùng Bẹn - Đùi 1. Vùng Bẹn 2. Vùng Đùi	2	2	0	0

	2.1. Vùng Đùi Trước (Khu Gấp) 2.2. Vùng Đùi Sau (Khu Duỗi) * Vùng Gối * Hố Khoeo * Vùng Cẳng Chân 1. Vùng Cẳng Chân Trước 2. Vùng Cẳng Chân Sau * Vùng Cổ Chân * Vùng Bàn Chân				
6	Bài 6. Hệ thần kinh 1. Tủy Gai 1.1. Hình Thể Ngoài 1.2. Hình Thể Trong 2. Đại Não 3. Gian Não 4. Tiểu Não 5. Thân Não 6. Trung Não (Hay Cuống Não) 7. Cầu Não 8. Hành Não 9. Não Thất IV 10. Các Màng Não Tủy 11. Các Não Thất Và Dịch Não Tủy 12. Hệ Thần Kinh Ngoại Biên 12.1. Thần Kinh Gai Sống 12.2. Thần Kinh Sọ 13. Hệ Thần Kinh Tự Chủ (Hệ Thần Kinh Thực Vật) 13.1. Đại Cương 13.2. Phần Đối Giao Cảm	2	2	0	0
7	Bài 7. Hệ tuần hoàn 1. Đại Cương 2. Hệ Tuần Hoàn Máu 2.1. Tim 2.1.1. Vị Trí 2.1.2. Hình Thể Ngoài Và Liên Quan 2.1.3. Hình Thể Trong 2.1.4. Cấu Tạo 2.1.5. Mạch Máu Và Thần Kinh Của Tim 2.1.6. Hình Chiều Của Tim Lên Lồng Ngực 2.2. Hệ Thống Động Mạch 2.2.1. Đặc Điểm: 2.2.2. Hệ Thống Các Động Mạch Chính Của Cơ Thể 2.3.2. Hệ Thống Các Tĩnh Mạch Chính	3	3	0	0

	<p>Của Cơ Thể</p> <p>3. Hệ Tuần Hoàn Bạch Huyết</p> <p>3.1. Đặc Điểm Của Mạch Bạch Huyết</p> <p>3.2. Các Mạch Bạch Huyết Chính Của Cơ Thể</p>				
8	<p>Bài 8. Hệ hô hấp</p> <p>1. Đại Cương</p> <p>2. 2. Phân Dẫn Khí</p> <p>3. 2.1. Mũi</p> <p>2.2. Hầu</p> <p>2.3. Thanh Quản</p> <p>2.3.1. Đại Cương</p> <p>2.3.2. Cấu Tạo</p> <p>2.3.3. Hình Thể Ngoài</p> <p>2.3.4. Hình Thể Trong</p> <p>2.3.5. Mạch Máu Và Thần Kinh</p> <p>2.4. Khí Quản</p> <p>2.4.1. Hình Dạng - Vị Trí - Kích Thước</p> <p>2.4.2. Cấu Tạo</p> <p>2.4.3. Liên Quan</p> <p>2.5. Cuống Phổi</p> <p>2.5.1. Định Nghĩa - Phân Loại</p> <p>2.5.1.1. Định Nghĩa</p> <p>2.5.1.2. Phân Loại</p> <p>2.5.2. Phế Quản Gốc</p> <p>3. Phân Trao Đổi Khí</p> <p>3.1. Phổi</p> <p>3.1.1. Hình Thể Ngoài</p> <p>3.1.2. Hình Thể Trong</p> <p>4. Màng Phổi:</p> <p>5. Thành Ngực</p>	2	2	0	0
9	<p>Bài 9. Hệ tiêu hóa</p> <p>1. Đại Cương</p> <p>1.1. Chức Năng – Giới Hạn Của Hệ Tiêu Hóa</p> <p>1.2. Hệ Tiêu Hóa Gồm 2 Phần Chính</p> <p>1.2.1. Ống Tiêu Hóa :</p> <p>1.2.2. Các Tuyến Tiêu Hoá</p> <p>1.3. Phúc Mạc</p> <p>1.4. Mạch Máu</p> <p>1.5. Thần Kinh:</p> <p>1.6. Cách Phân Khu Vùng Bụng:</p> <p>2. Các Thành Phần Của Hệ Tiêu Hóa</p> <p>2.1. Khoang Miệng</p> <p>2.1.1. Miệng</p> <p>2.1.2. Lưỡi Gà</p>	3	3	0	0

	<p>2.1.3. Răng 2.1.4. Lưỡi 2.1.5. Các Tuyến Nước Bọt 2.2. Hàu 2.3. Thục Quản 2.4. Dạ Dày 2.5. Tá Tràng Và Tụy Tạng 2.5.1. Tá Tràng 2.5.2. Tụy (Tụy Tạng) 2.6. Lách 2.7. Gan Và Đường Dẫn Mật 2.7.1. Gan 2.7.2. Đường Dẫn Mật 2.8. Ruột Non (Tiểu Tràng) (Gồm: Tá Tràng - Hồng Tràng - Hồi Tràng) 2.8.1. Hình Thể - Vị Trí - Kích Thước 2.9. Ruột Già (Đại Tràng)</p>				
10	<p>Bài 10. Hệ tiết niệu Thận 1. hình thể ngoài 2. Hình chiếu lên bề mặt cơ thể 3. Mạc thận 4. Liên quan 5. Hình thể trong 5.1. Đại thể 5.2. Vi thể 6. Động mạch thận Niệu quản 1. Vị trí - kích thước - hình thể ngoài Bàng quang 1. Hình dạng - vị trí - kích thước Niệu đạo 1 Niệu đạo nam 2. Niệu đạo nữ</p>	2	2	0	0
11	<p>Bài 11. Hệ sinh dục Hệ sinh dục nam 1. Bìu 1.1. Hình thể - cấu trúc 1.2. Chức năng 2. Tinh hoàn 2.1. Hình thể - vị trí - cấu tạo 2.2. Chức năng: 2.3. Sự cấp máu và chi phối thần kinh 3. Hệ thống các ống dẫn (ống sinh sản) ở nam</p>	3	3	0	0

	<p>3.1. Các ống của tinh hoàn 3.2. Mào tinh 3.3. ống dẫn tinh 3.4. ống phóng tinh 3.5. niệu đạo 4. Các tuyến sinh sản 4.1. Túi tinh 4.2. Tuyến tiền liệt 4.3. Tuyến hành niệu đạo (tuyến Cowper) 5. Dương vật 5.1. thân dương vật 5.2. gốc dương vật: 5.3. Quy đầu: Hệ sinh dục nữ 4. 1. Buồng trứng 1.1. Vị trí - hình thể 1.2. Cấu tạo 1.3. Chức năng 1.4. Sự cấp máu và chi phối thần kinh: 5. 2. Vòi tử cung (vòi trứng = ống dẫn trứng) 2.1. Hình thể - vị trí 2.2. Chức năng 3. Tử cung 3.1. Hình thể - vị trí 3.2. Cấu tạo 3.3. Chức năng 3.4. Mạch máu và thần kinh 3.5. các phương tiện nâng đỡ tử cung 4. Âm đạo 5. Âm hộ (bộ phận sinh dục ngoài) 5.1. Gò mu: 5.2. Môi lớn: 5.3. Môi bé: 5.4. Âm vật: 5.5. Tiền đình: 6. Vú (tuyến vú) 6.1. Hình thể - vị trí - cấu tạo 6.2. Chức năng 6.3. Cấp máu và chi phối thần kinh:</p>				
12	<p>Bài 12. Hệ nội tiết 1. Đại cương 2. Tuyến yên 2.1. Hình thể - vị trí - cấu tạo 2.2. Chức năng 3. Tuyến giáp</p>	2	2	0	0


TI
CA
TIẾ


	3.1. Hình thể - vị trí - cấu tạo 3.2. Chức năng tuyến giáp 3.3. Áp dụng 4.tuyến cận giáp 4.1. Hình thể - vị trí 4.2. Chức năng: 4.3. Áp dụng 5. Tuyến thượng thận 5.1. Hình thể - vị trí - cấu tạo 5.2. Chức năng 6. Tuyến tụy nội tiết (đảo tụy langerhans) 7. Tinh hoàn và buồng trứng 8. Tuyến ức (tuyến hung) 9. Tuyến tùng				
13	Bài 13. Các giác quan 1. Da và xúc giác 1.1. Cấu tạo của da 1.2. Chức năng của da 2. Mắt và thị giác 2.1. Ô mắt 2.2. Nhãn cầu 3. Tai và thính giác (cơ quan tiền đình – ốc tai) 6. 3.1. Tai ngoài 3.2. Tai giữa 3.3. Tai trong 4. Mũi và khứu giác 5. Lưỡi và vị giác	2	2	0	0
II	CHƯƠNG 2: THỰC TẬP GIẢI PHẪU	30	00	29	00
14	Bài 14. Hệ xương 1. Xương đầu mặt 2. Xương chi 3. Xương thân mình 4. Khớp 5. Xoang	4	0	4	0
15	Bài15. Hệ tuần hoàn 1. Tim 2. Mạch máu 2.1. Động mạch 2.2. Tĩnh Mạch 2.3. Mao mạch 2.4. Bạch huyết	4	0	4	0
16	Bài. 16 Hệ hô hấp 1. Mũi	4	0	4	0

	<ol style="list-style-type: none"> 2. Hâu 3. Thanh quản 4. Khí quản 5. Phổi 				
17	Bài. 17 Hệ tiêu hóa <ol style="list-style-type: none"> 1. Răng 2. Lưỡi 3. Thực quản 4. Dạ dày 5. Tá tràng 6. Ruột non 7. Đại tràng 8. Tuyến tiêu hóa 	5	0	5	0
18	Bài. 18 Hệ tiết niệu <ol style="list-style-type: none"> 1. Thận 2. Niệu quản 3. Bàng quang 4. Niệu đạo nam 5. Niệu đạo nữ 	4	0	4	0
19	Bài. 19 Hệ sinh dục <p>I: Hệ sinh dục nam</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tinh hoàn 2. Ống dẫn tinh 3. Túi tinh 4. Ống phóng tinh 5. Tuyến tiền liệt 6. Dương vật 7. Bìu <p>II. Sinh dục nữ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Buồng trứng 2. Vòi trứng 3. Tử cung 4. Âm đạo 5. Âm hộ 	4	0	4	0
20	Bài. 20 Hệ thần kinh <p>I. Hệ thần kinh trung ương</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hành não 2. Cầu não 3. Trung não 4. Gian não 5. Tiểu não 6. Đại não 7. Tủy sống <p>II. Hệ thần kinh ngoại biên</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. 12 đôi dây thần kinh sọ 	4	0	4	0

	2. 32 đôi dây thần kinh gai sống				
21	Bài: 21 Hệ giác quan I. Tai 1. Tai ngoài 2. Tai giữa 3. Tai trong 4. Thần kinh II. Mắt 1. Thành phần xung quanh 2. Thành phần trong suốt 3. Thần kinh III. Da 1. Cấu tạo của da 2. Tác dụng của da	4	0	4	0
III	Kiểm tra	2	00	00	2
IV	Cộng	60	29	29	2

2. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1: GIẢI PHẪU

Bài 1. Nhập môn giải phẫu học

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được định nghĩa, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, tầm quan trọng của môn giải phẫu học.

1.2. Trình bày được các nguyên tắc đặt tên trong giải phẫu học.

2. Nội dung của bài:

2.1. Định nghĩa - đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1.1. Giải phẫu học

2.1.2. Vị trí – tầm quan trọng của giải phẫu học trong y học

2.2. Các nguyên tắc đặt tên trong giải phẫu học

2.2.1. Tư thế giải phẫu

2.2.2. Ba mặt phẳng qui chiếu

2.2.3. Các tính từ giải phẫu học

2.2.4. Động tác giải phẫu

2.2.5. Một số nguyên tắc đặt tên trong giải phẫu học

Bài 2. Hệ xương - khớp

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được đại cương về xương.

1.2. Trình bày được đại cương về khớp.

- 1.3. Liệt kê được các xương của hệ xương trục và hệ xương phụ.
- 1.4. Liên hệ được giữa bài giảng lý thuyết với thực tập mô hình và lâm sàng.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương về xương

2.1.1. Chức năng – nhiệm vụ của hệ xương

2.1.2. Số lượng và phân chia

2.1.3. Phân loại xương

2.1.4. Cấu tạo chung của xương

2.2. Đại cương về khớp

2.2.1. Khớp động hay khớp hoạt dịch

2.2.2. Khớp bất động

2.2.3. Khớp bán động

2.3. Hệ xương trục

2.3.1. Các xương đầu mặt

2.3.2. Xương móng

2.3.3. Xương của tai

2.3.4. Xoang

2.3.5. Các thóp của xương sọ

2.3.6. Khớp thái dương – hàm dưới

2.3.7. Tổng quan về hộp sọ

2.4. Xương khớp vùng thân mình

2.4.1. Xương sống (cột sống)

2.4.2. Xương lồng ngực

2.5. Hệ xương phụ

2.5.1. Xương khớp chi trên

2.5.2. Xương khớp chi dưới

Bài 3. Cơ - xương khớp - mạch - thần kinh Vùng đầu - mặt - cổ và thân mình

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Kể được tên và động tác của các cơ vùng đầu mặt cổ và thân mình.

1.2. Kể được tên của các mạch máu nuôi dưỡng vùng đầu - mặt - cổ và thân mình.

1.3. Trình bày được cấu tạo và phân phối của đám rối thần kinh cổ.

1.4. Liên hệ được giữa bài giảng lý thuyết với thực tập mô hình và lâm sàng.

2. Nội dung của bài:

2.1. Vùng đầu - mặt - cổ

2.1.1. Cơ

2.1.2. Xương – khớp

2.1.3. Mạch máu

2.1.4. Thần kinh

2.2. Vùng thân mình

2.2.1. Cơ

2.2.1.1. Cơ vùng ngực

2.2.1.2. Cơ vùng bụng

2.2.1.3. Cơ vùng lưng

2.2.1.4. Cơ vùng đáy chậu

2.2.2. Xương - khớp - mạch máu - thần kinh

Bài 4. Cơ - xương khớp - mạch máu - thần kinh chi trên

Thời gian: 2 giờ (2 LT,0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Kể được tên và động tác của các cơ thuộc khu cơ gấp, khu cơ duỗi chi trên.

1.2. Trình bày được đường đi và phân nhánh của các mạch máu nuôi dưỡng chi trên.

1.3. Trình bày được cấu tạo và sự chi phối của đám rối thần kinh cánh tay.

1.4. Liên hệ được giữa bài giảng lý thuyết với thực tập mô hình và lâm sàng.

2. Nội dung của bài:

2.1. Các thành của hố nách

2.2. Xương – khớp

2.3. Mạch máu – thần kinh: các thành phần trong hố nách

Bài 5. Cơ - xương khớp - mạch máu - thần kinh chi dưới

Thời gian: 2 giờ (2 LT,0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Kể được tên và động tác của các cơ thuộc khu cơ gấp, khu cơ duỗi chi dưới.

1.2. Trình bày được đường đi và phân nhánh của các mạch máu nuôi dưỡng chi dưới.

1.3. Mô tả được tên của các dây thần kinh thuộc đám rối thắt lưng- cùng chi phối vận động và cảm giác chi dưới.

1.4. Liên hệ được giữa bài giảng với thực tập mô hình và lâm sàng.

2. Nội dung của bài:

2.1. Cơ

2.2. Xương – khớp

2.3. Mạch máu

2.4. Thần kinh

Bài 6. Hệ thần kinh

Thời gian: 2 giờ (2 LT,0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài và cấu tạo của tủy gai, não bộ.

1.2. Trình bày được các thành phần của hệ thần kinh ngoại biên

1.3. Trình bày được cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh tự chủ.

1.4. Liên hệ được giữa bài giảng lý thuyết với thực tập mô hình và lâm sàng.

2. Nội dung của bài:

2.1. Tủy gai

2.1.1. Hình thể ngoài

2.1.2. Hình thể trong

2.2. Đại não

2.3. Gian não

2.4. Tiểu não

2.5. Thân não

2.6. Trung não (hay cuống não)

2.7. Cầu não

2.8. Hành não

2.9. Não thất IV

2.10. Các màng não tủy

2.11. Các não thất và dịch não tủy

2.12. Hệ thần kinh ngoại biên

2.12.1. Thần kinh gai sống

2.12.2. Thần kinh sọ

2.13. Hệ thần kinh tự chủ (hệ thần kinh thực vật)

2.13.1. Đại cương

2.13.2. Phần đối giao cảm

2.13.3. Phần giao cảm

Bài 7. Hệ tuần hoàn

Thời gian: 3 giờ (3 LT,0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- 1.1. Trình bày được đại cương về hệ tuần hoàn, 2 vòng tuần hoàn.
- 1.2. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo, liên quan của tim.
- 1.3. Trình bày được các động mạch và tĩnh mạch nuôi dưỡng tim.
- 1.4. Kể tên được hệ thống các động mạch và tĩnh mạch lớn.
- 1.5. Trình bày được hệ thống tuần hoàn bạch huyết.
- 1.6. Liên hệ được giữa bài giảng lý thuyết với thực tập mô hình và lâm sàng.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

2.2. Hệ tuần hoàn máu

2.2.1. Tim

2.2.1.1. Vị trí

2.2.1.2. Hình thể ngoài và liên quan

2.2.1.3. Hình thể trong

2.2.1.4. Cấu tạo

2.2.1.5. Mạch máu và thần kinh của tim

2.2.1.6. Hình chiếu của tim lên lồng ngực

2.2.2. Hệ thống động mạch

2.2.2.1. Đặc điểm:

2.2.2.2. Hệ thống các động mạch chính của cơ thể

2.2.3.2. Hệ thống các tĩnh mạch chính của cơ thể

2.3. Hệ tuần hoàn bạch huyết

2.3.1. Đặc điểm của mạch bạch huyết

2.3.2. Các mạch bạch huyết chính của cơ thể

Bài 8. Hệ hô hấp

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo và liên quan các bộ phận trong phần dẫn khí của hệ hô hấp.

1.2. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo và liên quan các bộ phận trong phần trao đổi khí của hệ hô hấp.

1.3. Liên hệ được giữa bài giảng lý thuyết với thực tập mô hình và lâm sàng.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

- 2.2. Phần dẫn khí
 - 2.2.1. Mũi
 - 2.2.2. Hầu
 - 2.2.3. Thanh quản
 - 2.2.3.1. Đại cương
 - 2.2.3.2. Cấu tạo
 - 2.2.3.3. Hình thể ngoài
 - 2.2.3.4. Hình thể trong
 - 2.2.3.5. Mạch máu và thần kinh
 - 2.2.4. Khí quản
 - 2.2.4.1. Hình dạng - vị trí - kích thước
 - 2.2.4.2. Cấu tạo
 - 2.2.4.3. Liên quan
 - 2.2.5. Cuống phổi
 - 2.2.5.1. Định nghĩa - phân loại
 - 2.2.5.1.1. Định nghĩa
 - 2.2.5.1.2. Phân loại
 - 2.2.5.2. Phế quản gốc
- 2.3. Phần trao đổi khí
 - 2.3.1. Phổi
 - 2.3.1.1. Hình thể ngoài
 - 2.3.1.2. Hình thể trong
- 2.4. Màng phổi:
- 2.5. Thành ngực

Bài 9. Hệ tiêu hóa

Thời gian: 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được các thành phần của hệ tiêu hóa .

1.2. Mô tả được cấu tạo chung của ống tiêu hoá.

1.3. Mô tả được: hình thể, vị trí, cấu tạo, liên quan của các cơ quan – bộ phận thuộc hệ tiêu hoá.

1.4. Vẽ được sơ đồ của hệ tiêu hóa.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

2.1.1. Chức năng – giới hạn của hệ tiêu hóa

2.1.2. Hệ tiêu hóa gồm 2 phần chính

2.1.2.1. Ống tiêu hóa :

2.1.2.2. Các tuyến tiêu hoá

2.1.3. Phúc mạc

2.1.4. Mạch máu

2.1.5. Thần kinh:

2.1.6. Cách phân khu vùng bụng:

2.2. Các thành phần của hệ tiêu hóa

2.2.1. Khoang miệng

2.2.1.1. Miệng

2.2.1.2. Lưỡi gà

2.2.1.3. Răng

2.2.1.4. Lưỡi

2.2.1.5. Các tuyến nước bọt

2.2.2. Hàu

2.2.3. Thực quản

2.2.4. Dạ dày

2.2.5. Tá tràng và tụy tạng

2.2.5.1. Tá tràng

2.2.5.2. Tụy (tụy tạng)

2.2.6. Lách

2.2.7. Gan và đường dẫn mật

2.2.7.1. Gan

2.2.7.2. Đường dẫn mật

2.2.8. Ruột non (tiểu tràng)

2.2.8.1. Hình thể - vị trí - kích thước

2.2.9. Ruột già (đại tràng)

Bài 10. Hệ tiết niệu

Thời gian: 2giờ (2 LT,0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo và liên quan của hệ tiết niệu.

1.2. Trình bày được chức năng của thận.

1.3. Liên hệ được giữa bài giảng lý thuyết với thực tập mô hình và lâm sàng.

2. Nội dung của bài:

2.1. Hình thể ngoài

2.2. Hình chiếu lên bề mặt cơ thể

2.3. Mạc thận

2.4. Liên quan

2.5. Hình thể trong

2.5.1. Đại thể

2.5.2. Vi thể

2.6. Động mạch thận

Bài 11. Hệ sinh dục

Thời gian: 3 giờ (3 LT,0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo, liên quan của hệ sinh dục nam và nữ.

1.2. Trình bày được chức năng của tinh hoàn, buồng trứng, tử cung.

1.3. Vẽ được sơ đồ của hệ sinh dục nam và nữ.

2. Nội dung của bài:

Hệ sinh dục nam

2.1. Bìu

2.1.1. Hình thể - cấu trúc

2.1.2. Chức năng

2.2. Tinh hoàn

2.2.1. Hình thể - vị trí - cấu tạo

2.2.2. Chức năng:

2.2.3. Sự cấp máu và chi phối thần kinh

2.3. Hệ thống các ống dẫn (ống sinh sản) ở nam

2.3.1. Các ống của tinh hoàn

2.3.2. Mào tinh

2.3.3. Ống dẫn tinh

2.3.4. Ống phóng tinh

2.3.5. Niệu đạo

2.4. Các tuyến sinh sản

2.4.1. Túi tinh

2.4.2. Tuyến tiền liệt

2.4.3. Tuyến hành niệu đạo (tuyến Cowper)

2.5.1. Thân dương vật

2.5.2. Gốc dương vật:

2.5.3. Quy đầu:



Hệ sinh dục nữ

2.1. Buồng trứng

2.1.1. Vị trí - hình thể

2.1.2. Cấu tạo

2.1.3. Chức năng

2.1.4. Sự cấp máu và chi phối thần kinh:

2.2. Vòi tử cung (vòi trứng = ống dẫn trứng)

2.2.1. Hình thể - vị trí

2.2.2. Chức năng

2.3. Tử cung

2.3.1. Hình thể - vị trí

2.3.2. Cấu tạo

2.3.3. Chức năng

2.3.4. Mạch máu và thần kinh

2.3.5. Các phương tiện nâng đỡ tử cung

2.4. Âm đạo

2.5. Âm hộ (bộ phận sinh dục ngoài)

2.5.1. Gò mu:

2.5.2. Môi lớn:

2.5.3. Môi bé:

2.5.4. Âm vật:

2.5.5. Tiền đình:

2.6. Vú (tuyến vú)

2.6.1. Hình thể - vị trí - cấu tạo

2.6.2. Chức năng

2.6.3. Cấp máu và chi phối thần kinh:

Bài 12. Hệ nội tiết

Thời gian: 2 giờ (2 LT,0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được định nghĩa của tuyến nội tiết, nội tiết tố.

1.2. Trình bày được hình thể - vị trí và chức năng của 4 tuyến nội tiết chính: Yên, Giáp, Cận giáp và Thượng thận .

1.3. Trình bày được các dạng bệnh lý do sự rối loạn của các tuyến nội tiết chính.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

- 2.2. Tuyến yên
 - 2.2.1. Hình thể - vị trí - cấu tạo
 - 2.2.2. Chức năng
- 2.3. Tuyến giáp
 - 2.3.1. Hình thể - vị trí - cấu tạo
 - 2.3.2. Chức năng tuyến giáp
 - 2.3.3. Áp dụng
- 2.4. Tuyến cận giáp
 - 2.4.1. Hình thể - vị trí
 - 2.4.2. Chức năng:
 - 2.4.3. Áp dụng
- 2.5. Tuyến thượng thận
 - 2.5.1. Hình thể - vị trí - cấu tạo
 - 2.5.2. Chức năng
- 2.6. Tuyến tụy nội tiết (đảo tụy langerhans)
- 2.7. Tinh hoàn và buồng trứng
- 2.8. Tuyến ức (tuyến hung)
- 2.9. Tuyến tùng

Bài 13. Các giác quan

Thời gian: 2 giờ (2 LT,0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được cấu tạo của các cơ quan giác quan chính: xúc giác, thị giác, thính giác, khứu giác và vị giác.

1.2. Trình bày được chức năng các cơ quan giác quan chính.

2. Nội dung của bài:

2.1. Da và xúc giác

2.1.1. Cấu tạo của da

2.1.2. Chức năng của da

2.2. Mắt và thị giác

2.2.1. Ổ mắt

2.2.2. Nhãn cầu



2.3. *Tai và thính giác (cơ quan tiền đình – ốc tai)*

2.3.1. Tai ngoài

2.3.2. Tai giữa

2.3.3. Tai trong

2.4. Mũi và khứu giác

2.5. Lưỡi và vị giác

CHƯƠNG 2 : THỰC TẬP GIẢI PHẪU

Bài 14. Hệ xương

Thời gian: 4 giờ (LOT,4 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Mô tả vị trí , cấu tạo, chức năng của mỗi loại xương.

1.2. Mô tả được các loại khớp.

1.3. Chỉ được trên mô hình và cơ thể sống.

2. Nội dung của bài:

2.1. Xương đầu mặt

2.2. Xương chi

2.3. Xương thân mình

2.4. Khớp

2.5. Xoang

Bài. 15 Hệ tuần hoàn

Thời gian: 4 giờ (0LT,4 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan của tim.

1.2. Hệ thống được các mạch máu lớn của tim.

1.3. Chỉ được trên mô hình và cơ thể sống.

2. Nội dung của bài:

2.1. Tim

2.2. Mạch máu

2.3. Động mạch

2.4. Tĩnh Mạch

2.5. Mao mạch

2.6. Bạch huyết

Bài. 16 Hệ hô hấp

Thời gian: 4 giờ (0LT,4

TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan trong hệ hô hấp

1.2. Chỉ được trên mô hình và cơ thể sống

2. Nội dung của bài:

2.1.Mũi

2.2.Hầu

2.3.Thanh quản

2.4.Khí quản

2.5.Phổi

Bài. 17 Hệ tiêu hóa

Thời gian: 5 giờ (0LT,5

TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan trong hệ tiêu hóa

1.2. Chỉ được trên mô hình và cơ thể sống

2. Nội dung của bài:

2.1. Răng

2.2. Lưỡi

2.3. Thực quản

2.4. Dạ dày

2.5. Tá tràng

2.6. Ruột non

2.7. Đại tràng

2.8. Tuyến tiêu hóa

Bài. 18 Hệ tiết niệu

Thời gian: 4 giờ (0LT,4 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan trong hệ tiết niệu

1.2. Chỉ được trên mô hình và cơ thể sống

2. Nội dung của bài:

2.1. Thận

2.2. Niệu quản

2.3. Bàng quang

2.4. Niệu đạo nam

2.5. Niệu đạo nữ

Bài. 19 Hệ sinh dục

Thời gian: 4 giờ (0LT,4 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan trong hệ sinh dục

1.2. Chỉ được trên mô hình và cơ thể sống

2. Nội dung của bài:

2.1. Hệ sinh dục nam

2.1.1. Tinh hoàn

2.1.2. Ống dẫn tinh

2.1.3. Túi tinh

2.1.4. Ống phóng tinh

2.1.5. Tuyến tiền liệt

2.1.6. Dương vật

2.1.7. Bìu

2.2. Sinh dục nữ

2.2.1. Buồng trứng

2.2.2. Vòi trứng

2.2.3. Tử cung

2.2.4. Âm đạo

2.2.5. Âm hộ

Bài. 20 Hệ thần kinh

Thời gian: 4 giờ (0LT,4 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan trong hệ thần kinh

1.2. Chỉ được trên mô hình và cơ thể sống

2. Nội dung của bài:

2.1. Hệ thần kinh trung ương

2.1.1. Hành não

2.1.2. Cầu não

2.1.3. Trung não

2.1.4. Gian não

2.1.5. Tiểu não

2.1.6. Đại não

2.1.7. Tủy sống

2.2. Hệ thần kinh ngoại biên

2.2.1. 12 đôi dây thần kinh sọ

2.2.2. 32 đôi dây thần kinh gai sống

Bài. 21 Hệ giác quan

Thời gian: 4 giờ (0LT,4TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan trong hệ thần kinh

1.2. Chỉ được trên mô hình và cơ thể sống

2. Nội dung của bài:

2.1.Tai

2.1.1.Tai ngoài

2.1.2.Tai giữa

2.1.3.Tai trong

2.1.4.Thần kinh

2.2.Mắt

2.2.1.Thành phần xung quanh

2.2.2.Thành phần trong suốt

2.2.3.Thần kinh

2.2. Da

2.3.1.Cấu tạo của da

2.3.2.Tác dụng của da

Kiểm tra

2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng:

- Lý thuyết: Giảng đường

- Thực hành: Phòng thực hành

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu, máy tính, bút trình chiếu, bảng, phấn, Tranh giải phẫu, mô hình xương thật, mô hình xương bằng nhựa, mô hình đa phủ tạng, mô hình chi trên, chi dưới, mô hình hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiêu hóa, giác quan, nội tiết...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Lý thuyết: Giáo trình, máy chiếu, máy tính, bút trình chiếu, bảng, phấn sách tài liệu tham khảo,...

- Thực hành: Tranh giải phẫu, mô hình xương thật, mô hình xương bằng nhựa, mô hình đa phủ tạng, mô hình chi trên, chi dưới, mô hình hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiêu hóa, giác quan, nội tiết...

4. Các điều kiện khác: Là môn học bắt buộc để học các môn cơ sở khác và các môn chuyên ngành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Trình bày được định nghĩa, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, tầm quan trọng của môn giải phẫu học.

+ Trình bày được các nguyên tắc đặt tên trong giải phẫu học.

+ Liệt kê được các bộ phận trong cơ thể người.

+ Liên hệ được giữa bài giảng lý thuyết với thực tập mô hình và lâm sàng.

- Kỹ năng:

+ Có khả năng nhận biết được các, cơ quan, bộ phận trên mô hình thật, nhựa, tranh.

+ Xác định đúng được các, cơ quan, bộ phận trên mô hình thật, nhựa, tranh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng được các được kiến thức giải phẫu học vào thực hành lâm sàng và để học các học phần liên quan.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

- Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút

- Hình thức kiểm tra trắc nghiệm: trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án

- Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm kiểm tra thực tập giải phẫu: Chạy trạm tại phòng thực tập giải phẫu 1,2.

- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án.

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

1.1. Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Y

1.2. Đối tượng học tập: Sinh viên ngành Y Sĩ Cao Đẳng chính qui.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giảng viên chuẩn bị bài giảng trước khi lên lớp

+ Tổ chức lớp học phân công nhóm thực hiện thuyết trình, thảo luận, vấn đáp,...

+ Soạn câu hỏi kiểm tra

+ Tổ chức đánh giá quá trình, kết quả học tập giữa học phần, cuối học phần

- + Báo cáo kết quả giảng dạy, kết quả học tập của sinh viên
- Đối với người học:
 - + Tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết.
 - + Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.
 - + Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần
 - + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
 - + Tạo động lực, cố gắng nắm vững những kiến thức cơ bản, tham gia vào các hoạt động trong học tập như thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi, làm bài học tập vận dụng. Tìm hiểu các thông tin về bài, tạo tiền đề tốt cho việc học tập cũng như tích lũy các kiến thức quan trọng sau này

3. Những trọng tâm cần chú ý: Trọng tâm là liệt kê được các bộ phận trong cơ thể người, có khả năng nhận biết được các, cơ quan, bộ phận trên mô hình thật, nhựa, tranh, liên hệ được giữa bài giảng lý thuyết với thực tập mô hình và lâm sàng.

4. Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Quang Quyền, Bài giảng Giải phẫu học tập 1, NXB Y học, năm 2013

Nguyễn Quang Quyền, Bài giảng Giải phẫu học tập 2, NXB Y học, năm 2013

Trường Đại học Y Hà Nội (2017). Giải phẫu Người (Dùng cho sinh viên hệ bác sĩ đa khoa) Tái bản lần thứ hai. NXB Y học.

Trường ĐHY Dược TP. Hồ Chí Minh (2017). Bài giảng Giải phẫu học, tập 1, in lần thứ 19. NXB Y học.

Trường ĐHY Dược TP. Hồ Chí Minh (2017). Bài giảng Giải phẫu học, tập 2. In lần thứ mười chín NXB Y học.

Trường ĐHY Dược TP. Hồ Chí Minh (2016). Sinh lý học y khoa. NXB Y học.

Bộ môn sinh lý học Trường ĐHY Dược TP. Hồ Chí Minh (2013). Giáo trình thực tập sinh lý học. NXB Y học.

Guyton & Hall (2015). Textbook of Medical Physiology, 12th edition, Elsevier Saunders.

Michael McKinley, Valerie Dean O'Loughlin (2011). Human anatomy 3rd edition. McGraw - Hill Companies.

Lauralee-Sherwood (2012). Fundamentals of human physiology 4th edition. Copyrighted Material.



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Sinh lý

Mã môn học: MH24A112209

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 2 giờ.

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Sinh lý là môn cơ sở được học ở học kỳ I năm thứ nhất.

- Tính chất: Sinh lý là môn cơ sở của y học, cung cấp cho sinh viên y dược những kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng và điều hòa các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể con người. Môn học này cung cấp những kiến thức về cơ chế hoạt động cơ bản của các hệ cơ quan trong cơ thể nhằm giúp sinh viên có cơ sở để học các môn Y học lâm sàng và Y học dự phòng.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày đầy đủ chức năng của các tế bào, các cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể con người bình thường

+ Giải thích được cơ chế và sự điều hòa hoạt động của tế bào, các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể.

+ Phân tích được mối liên hệ chặt chẽ về chức năng giữa các tế bào, các cơ quan và hệ thống các cơ quan, coi cơ thể là một khối thống nhất và mối liên hệ giữa cơ thể người với môi trường.

+ Hình thành thế giới quan khoa học về sinh lý cơ thể người một cách đúng đắn và phù hợp

+ Xác định được tầm quan trọng của Sinh lý học đối với kiến thức y học của loài người từ đó liên hệ với các ngành khoa học khác, các ngành khoa học khác và đối với cuộc sống

+ Xác định được Sinh lý học là môn học cơ sở cho các môn y học cơ sở khác và các môn y học lâm sàng thực tiễn.

- Kỹ năng:

+ Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức, phân tích, tổng hợp, mô tả để dùng vào những mục đích nghiên cứu môn học sinh lý cơ thể người.

+ Vận dụng được kiến thức sinh lý học trong các lĩnh vực lâm sàng, nghiên cứu khoa học về thay đổi tâm lý và bệnh tật trong cơ thể người.

+ Có kỹ năng làm việc theo nhóm, phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu có hiệu quả

+ Thực hiện được các thủ thuật cơ bản liên quan tới sinh lý học cơ thể người

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	CHƯƠNG 1: SINH LÝ	14	14	0	0
	Bài 1 : Sinh lý tế bào 1. Đại cương 1.1. Nước 1.2. Các chất điện giải 1.3. Protein 1.4. Lipid 1.5. Carbohydrate 2. Sinh lý màng sinh học tế bào 2.1. Cấu trúc 2.2. Chức năng màng tế bào 3. Các bào quan 3.1. Ty thể (Mitochondria) 3.2. Tiêu thể (lysosome) 3.3. Mạng lưới nội bào tương và ribosome 3.4. Bộ Golgi 3.5. Peroxisome 3.6. Lông tế bào 3.7. Bộ xương của tế bào (Cytoskeleton) 3.8. Trung thể 3.9. Nhân	1	1	0	0
	Bài 2 Sinh lý máu 1. Những chức năng chung của máu 1.1. Máu vận chuyển các phân tử và nhiệt từ nơi này đến nơi khác của cơ thể 1.2. Máu bảo vệ cơ thể chống lại các tác nhân lạ 1.3. Máu góp phần duy trì sự hằng định của pH và áp lực thẩm thấu của dịch ngoại bào 2. Những đặc tính của máu 3. Hồng cầu 3.1 Hình thái và số lượng hồng cầu	1	1	0	0

DẠ
 TR
 CA
 TIẾ
 (12)

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.2 Chức năng của hồng cầu 3.3 Quá trình sinh hồng cầu 3.4. Điều hoà quá trình sinh hồng cầu 3.5 Erythropoietin 3.6. Những chất cần cho quá trình sinh hồng cầu 3.7 Hemoglobin 3.8 Sự phá huỷ của hồng cầu và số phận của Hb 3.9 Các rối loạn lâm sàng dòng hồng cầu 4. Nhóm máu và truyền máu 4.1 Hệ thống nhóm máu ABO 4.2 Ứng dụng của nhóm máu 4.3 Cách xác định nhóm máu 4.4 Hệ thống nhóm máu Rh 5. Bạch cầu 5.1 Phân loại bạch cầu 5.2 Số lượng bạch cầu và công thức bạch cầu 5.3 Thay đổi sinh lý và bệnh lý của số lượng bạch cầu 5.4 Những đặc tính của bạch cầu 5.5 Chức năng của các loại bạch cầu 5.6 Quá trình sinh bạch cầu 6. Tiểu cầu 6.1 Cấu trúc và chức năng của tiểu cầu 6.2 Quá trình sinh tiểu cầu 6.3. Cầm máu 6.4 Các yếu tố đông máu 6.5 Các giai đoạn của quá trình đông máu.				
	Bài 3 Sinh lý tuần hoàn 1. Sinh lý tim 1.1. Đặc điểm cấu trúc – chức năng của sợi cơ tim		2	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1.2. Chu kỳ hoạt động của tim 1.3. Lưu lượng tim 1.4. Những biểu hiện bên ngoài của chu kỳ tim 1.5. Điều hòa hoạt động của tim 2. Sinh lý tuần hoàn động mạch 2.1. Đặc điểm cấu trúc - chức năng của động mạch 2.2. Các đặc tính sinh lý của động mạch 2.3. Huyết áp động mạch 2.4. Điều hòa tuần hoàn động mạch 3. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch 3.1. Đặc điểm cấu trúc - chức năng của tĩnh mạch 3.2. Huyết áp tĩnh mạch 3.3. Điều hòa tuần hoàn tĩnh mạch 4. Hệ mao mạch 4.1. Cấu trúc mao mạch 4.2. Chức năng chính của mao mạch 4.3. Thăng bằng Starling và trao đổi tại mao mạch				
	Bài 4 Sinh lý hệ hô hấp 1. Mở đầu 2. Nhắc lại giải phẫu cơ quan hô hấp 2.1. Lồng ngực 2.2. Cơ hô hấp 2.3. Màng phổi 2.4. Đường dẫn khí 2.5. Ống phế nang và phế nang 2.6. Hệ thống mạch máu 3. Thông khí ở phổi	2	2	0	0

T.
 (ÔNG
 ĐÀ)
 (TÊN
 GI)
 ★

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.1. Động tác hít vào và thở ra 3.2. Thông khí phế nang 3.3. Các dung tích phổi 4. Sự khuếch tán khí qua màng phế nang- mao mạch 4.1. Màng phế nang – mao mạch 4.2. Cơ chế khuếch tán qua màng trao đổi của O ₂ và CO ₂ 4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự trao đổi 4.4. Hoạt động trao đổi khí ở phổi 5. Chuyên chở khí trong máu 5.1. Sự chuyên chở O ₂ trong máu, sự giao O ₂ cho mô 5.2. Chuyên chở khí CO ₂ trong tuần hoàn 6. Hoạt động điều hòa hô hấp 6.1. Vai trò của trung tâm hô hấp 6.2. Vai trò vỏ não 6.3. Các yếu tố liên quan trong hoạt động điều hòa hô hấp				
	Bài 5 Sinh lý hệ tiêu hóa 1. Mở đầu 2. Tiêu hóa ở miệng 2.1. Hoạt động nhai 2.2. Hoạt động tiết dịch tiêu hóa 2.3. Hoạt động nuốt 3. Tiêu hóa ở dạ dày 3.1. Hoạt động bài tiết của dạ dày 3.2. Hoạt động hấp thu của dạ dày 4. Tiêu hóa ở ruột non 4.1. Hoạt động cơ học của	2	2	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	ruột non 4.2. Hoạt động tiết dịch tiêu hóa ở ruột non 4.3. Hấp thu ở ruột non 5. Sinh lý chức năng gan 5.1. Chức năng tuần hoàn 5.2. Chức năng bài tiết mật 5.3. Chức năng chuyển hóa 5.4. Chức năng khử độc, khử trùng 5.5. Chức năng dự trữ				
	Bài 6 Sinh lý thận 1. Nhắc lại giải phẫu thận 1.1. Giải phẫu đại thể 1.2. Cấu tạo của nephron 1.3. Tổ chức mạch máu thận 1.4. Phức hợp cận cầu thận 1.5. Hệ thống thần kinh 2. Quá trình lọc ở cầu thận 2.1. Màng lọc tiểu cầu thận và tính thấm của màng 2.2. Thành phần dịch lọc 2.3. Động học của dịch qua màng lọc 2.4. Mức lọc cầu thận 2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức lọc cầu thận 3. Quá trình hấp thu ở ống thận 3.1. Ống lượn gần 3.2. Quai Henle 3.3. Ống lượn xa 3.4. Ống góp 4. Sự điều hòa mức bài xuất nước tiểu 5. Hoạt động điều hòa nội môi	2	2	0	0
	Bài 7: Sinh lý hệ nội tiết 1. Đại cương 2. Tuyến yên 2.1. Đặc điểm giải phẫu	2	2	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	<p>chức năng tuyến yên</p> <p>2.2. Các hormon thùy trước tuyến yên</p> <p>2.3. Các hormon thùy sau tuyến yên</p> <p>3. Tuyến giáp</p> <p>3.1. Sơ lược giải phẫu chức năng</p> <p>3.2. Hormon tuyến giáp T3, T4</p> <p>3.3. Calcitonin</p> <p>4. Tuyến thượng thận</p> <p>4.1. Sơ lược giải phẫu chức năng</p> <p>4.2. Mineralcorticoid</p> <p>4.3. Glucocorticoid</p> <p>4.4. Catecholamines</p> <p>5. Tuyến tụy nội tiết</p> <p>5.1. Glucagon</p> <p>5.2. Insulin</p> <p>6. Tuyến cận giáp</p> <p>6.1. Tác dụng của PTH</p> <p>6.2. Điều hoà bài tiết</p>				
	<p>Bài 8: Sinh lý hệ thần kinh trung ương</p> <p>1. Hình thái chức năng nơron</p> <p>1.1. Nơron</p> <p>1.2. Synap</p> <p>2. Đặc điểm hưng phấn của nơron</p> <p>3. Sự dẫn truyền xung động trên sợi trục nơron</p> <p>3.1. Sự dẫn truyền xung động trong một sợi</p> <p>3.2. Sợi dẫn truyền xung động trong một bó sợi</p> <p>4. Sự dẫn truyền xung động qua synap</p> <p>4.1. Cơ chế dẫn truyền xung động qua synap</p>	2	2	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	4.2. Các chất truyền đạt thần kinh 5. Sinh lý tủy sống 5.1. Đại cương 5.2. Chức năng dẫn truyền của tủy sống 5.3 chức năng phân xạ của tủy sống 5.4 rối loạn do đứt ngang tủy sống 6. Sinh lý bán cầu não 6.1. Cấu tạo 6.2. Chức năng sinh lý 7. Sinh lý tiểu não 7.1. Đại cương 7.2. Chức năng				
2	CHƯƠNG 2: THỰC TẬP SINH LÝ	29	0	29	0
	Bài 1: Xác định nhóm máu 1. Định nghĩa 2. Nguyên tắc 3. Yêu cầu thực 4. Thực hành 5. Bảng kiểm 6. Kết luận	8	0	8	0
	Bài 2: Thời gian máu chảy, thời gian máu đông 1. Thời gian chảy máu 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên tắc 1.3. Yêu cầu thực tập 1.4. Thực hành 1.5. Bảng kiểm 2. Thời gian chảy máu 2.1. Định nghĩa 2.2. Nguyên tắc 2.3. Yêu cầu thực tập 2.4. Thực hành 2.5. Bảng kiểm	5	0	5	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.6. Kết luận				
	Bài 3: Xác định tốc độ lắng máu 1. Định nghĩa 2. Nguyên tắc 3. Thực hành 4. Bảng kiểm 5. Kết luận	2	0	2	0
	Bài 4: Định lượng huyết sắc tố 1. Nguyên tắc 2. Dụng cụ 3. Tiến hành 4. Kết quả	2	0	2	0
	Bài 5: Thử tích hồng cầu lắng đọng 1. Định nghĩa 2. Nguyên tắc 3. Yêu cầu thực tập 4. Thực hành 5. Kết luận	4	0	4	0
	Bài 6: Điện tâm đồ 1. Hoạt động điện học của tim 2. Điện thế màng 3. Tính dẫn truyền của sợi cơ tim 4. Tính hưng phấn 5. Định nghĩa ECG 6. Các trạng thái điện học 7. Tính chất điện học 8. Các chuyển đạo gián tiếp thông dụng 9. Hình dạng tồn quát ECG 10. Phân tích ECG	8	0	8	0
	Kiểm tra	2	0	0	2
	Cộng	45	14	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Sinh lý

Bài 1 : Sinh lý tế bào

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Xác định được các thành phần chính của một tế bào
- Trình bày được 5 chức năng của màng tế bào
- Trình bày được tác nhân tạo nên điện thế màng, điện thế hoạt động
- Trình bày được các chức năng của các bào quan tế bào

2. Nội dung của bài:

1. Đại cương

1.1. Nước

1.2. Các chất điện giải

1.3. Protein

1.4. Lipid

1.5. Carbohydrate

2. Sinh lý màng sinh học tế bào

2.1. Cấu trúc

2.2. Chức năng màng tế bào

3. Các bào quan

3.1. Ty thể (Mitochondria)

3.2. Tiêu thể (lysosome)

3.3. Mạng lưới nội bào tương và ribosome

3.4. Bộ Golgi

3.5. Peroxisome

3.6. Lông tế bào

3.7. Bộ xương của tế bào (Cytoskeleton)

3.8. Trung thể

3.9. Nhân

Bài 2: Sinh lý máu

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được chức năng và các thành phần của máu.
- Phân loại nhóm máu và nguyên tắc truyền máu.

2. Nội dung của bài:

1. Những chức năng chung của máu

1.1. Máu vận chuyển các phần tử và nhiệt từ nơi này đến nơi khác của cơ thể

1.2. Máu bảo vệ cơ thể chống lại các tác nhân lạ

1.3. Máu góp phần duy trì sự hằng định của pH và áp lực thẩm thấu của dịch ngoại bào

2. Những đặc tính của máu

3. Hồng cầu

3.1 Hình thái và số lượng hồng cầu

3.2 Chức năng của hồng cầu

3.3 Quá trình sinh hồng cầu

3.4. Điều hoà quá trình sinh hồng cầu

3.5 Erythropoietin

3.6. Những chất cần cho quá trình sinh hồng cầu

3.7 Hemoglobin

3.8 Sự phá huỷ của hồng cầu và số phận của Hb

3.9 Các rối loạn lâm sàng dòng hồng cầu

4. Nhóm máu và truyền máu

4.1 Hệ thống nhóm máu ABO

4.2 Ứng dụng của nhóm máu

4.3 Cách xác định nhóm máu

4.4 Hệ thống nhóm máu Rh

5. Bạch cầu

5.1 Phân loại bạch cầu

5.2 Số lượng bạch cầu và công thức bạch cầu

5.3 Thay đổi sinh lý và bệnh lý của số lượng bạch cầu

5.4 Những đặc tính của bạch cầu

5.5 Chức năng của các loại bạch cầu

5.6 Quá trình sinh bạch cầu

6. Tiểu cầu

6.1 Cấu trúc và chức năng của tiểu cầu

6.2 Quá trình sinh tiểu cầu

6.3. Cầm máu

6.4 Các yếu tố đông máu

6.5 Các giai đoạn của quá trình đông máu.

Bài 3: Sinh lý tuần hoàn

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được 4 đặc tính sinh lý của cơ tim, chu kỳ hoạt động và điều hòa hoạt động cơ tim.
- Trình bày được hai đặc tính sinh lý của động mạch, các loại huyết áp động mạch và điều hòa huyết áp động mạch
- Nêu được đặc tính chức năng của vi tuần hoàn
- Trình bày được các nguyên nhân của tuần hoàn tĩnh mạch

2. Nội dung của bài:

1. Sinh lý tim

- 1.1. Đặc điểm cấu trúc – chức năng của sợi cơ tim
- 1.2. Chu kỳ hoạt động của tim
- 1.3. Lưu lượng tim
- 1.4. Những biểu hiện bên ngoài của chu kỳ tim
- 1.5. Điều hòa hoạt động của tim

2. Sinh lý tuần hoàn động mạch

- 2.1. Đặc điểm cấu trúc - chức năng của động mạch
- 2.2. Các đặc tính sinh lý của động mạch
- 2.3. Huyết áp động mạch
- 2.4. Điều hòa tuần hoàn động mạch

3. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch

- 3.1. Đặc điểm cấu trúc - chức năng của tĩnh mạch
- 3.2. Huyết áp tĩnh mạch
- 3.3. Điều hòa tuần hoàn tĩnh mạch

4. Hệ mao mạch

- 4.1. Cấu trúc mao mạch
- 4.2. Chức năng chính của mao mạch
- 4.3. Thăng bằng Starling và trao đổi tại mao mạch

Bài 4: Sinh lý hệ hô hấp

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Mô tả được giải phẫu sinh lý và chức năng của các cơ quan hô hấp
- Trình bày hoạt động và kết quả của quá trình thông khí của phổi

- Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự khuếch tán khí qua màng phế nang – mao mạch.

- Phân tích sự vận chuyển khí trong hô hấp.

- Nêu được các yếu tố điều hòa hô hấp.

2. Nội dung của bài:

1. Mở đầu

2. Nhắc lại giải phẫu cơ quan hô hấp

2.1. Lồng ngực

2.2. Cơ hô hấp

2.3. Màng phổi

2.4. Đường dẫn khí

2.5. Ống phế nang và phế nang

2.6. Hệ thống mạch máu

3. Thông khí ở phổi

3.1. Động tác hít vào và thở ra

3.2. Thông khí phế nang

3.3. Các dung tích phổi

4. Sự khuếch tán khí qua màng phế nang- mao mạch

4.1. Màng phế nang – mao mạch

4.2. Cơ chế khuếch tán qua màng trao đổi của O₂ và CO₂

4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự trao đổi

4.4. Hoạt động trao đổi khí ở phổi

5. Chuyên chở khí trong máu

5.1. Sự chuyên chở O₂ trong máu, sự giao O₂ cho mô

5.2. Chuyên chở khí CO₂ trong tuần hoàn

6. Hoạt động điều hòa hô hấp

6.1. Vai trò của trung tâm hô hấp

6.2. Vai trò vỏ não

6.3. Các yếu tố liên quan trong hoạt động điều hòa hô hấp

Bài 5: Sinh lý hệ tiêu hóa

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày chức năng các bộ phận của bộ máy tiêu hóa

- Giải thích sự điều hòa hoạt động các phần của bộ máy tiêu hóa

- Phân tích quá trình tiêu hóa, hấp thu và dự trữ các chất dinh dưỡng
- Mô tả chức năng sinh lý của gan và tụy

2. Nội dung của bài:

1. Mở đầu
2. Tiêu hóa ở miệng
 - 2.1. Hoạt động nhai
 - 2.2. Hoạt động tiết dịch tiêu hóa
 - 2.3. Hoạt động nuốt
3. Tiêu hóa ở dạ dày
 - 3.1. Hoạt động bài tiết của dạ dày
 - 3.2. Hoạt động hấp thu của dạ dày
4. Tiêu hóa ở ruột non
 - 4.1. Hoạt động cơ học của ruột non
 - 4.2. Hoạt động tiết dịch tiêu hóa ở ruột non
 - 4.3. Hấp thu ở ruột non
5. Sinh lý chức năng gan
 - 5.1. Chức năng tuần hoàn
 - 5.2. Chức năng bài tiết mật
 - 5.3. Chức năng chuyển hóa
 - 5.4. Chức năng khử độc, khử trùng
 - 5.5. Chức năng dự trữ

Bài 6: Sinh lý thận

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Nêu được nhiệm vụ tạo nước tiểu của thận
- Kể được các chức năng chính của thận
- Giải thích được các quá trình hoạt động thực hiện chức năng của tiểu cầu thận và các ống thận.
- Phân tích được hoạt động điều hòa nội môi
- Trình bày được vai trò nội tiết của thận

2. Nội dung của bài:

1. Nhắc lại giải phẫu thận
 - 1.1. Giải phẫu đại thể
 - 1.2. Cấu tạo của nephron
 - 1.3. Tổ chức mạch máu thận

- 1.4. Phức hợp cận cầu thận
- 1.5. Hệ thống thần kinh
2. Quá trình lọc ở cầu thận
 - 2.1. Màng lọc tiểu cầu thận và tính thấm của màng
 - 2.2. Thành phần dịch lọc
 - 2.3. Động học của dịch qua màng lọc
 - 2.4. Mức lọc cầu thận
 - 2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức lọc cầu thận
3. Quá trình hấp thu ở ống thận
 - 3.1. Ống lượn gần
 - 3.2. Quai Henle
 - 3.3. Ống lượn xa
 - 3.4. Ống góp
4. Sự điều hòa mức bài xuất nước tiểu
5. Hoạt động điều hòa nội môi

Bài 7: Sinh lý hệ nội tiết

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được tác dụng của các hormon nội tiết.
- Trình bày được điều hòa bài tiết của các hormon nội tiết.

2. Nội dung của bài:

1. Đại cương
2. Tuyến yên
 - 2.1. Đặc điểm giải phẫu chức năng tuyến yên
 - 2.2. Các hormon thùy trước tuyến yên
 - 2.3. Các hormon thùy sau tuyến yên
3. Tuyến giáp
 - 3.1. Sơ lược giải phẫu chức năng
 - 3.2. Hormon tuyến giáp T3, T4
 - 3.3. Calcitonin
4. Tuyến thượng thận
 - 4.1. Sơ lược giải phẫu chức năng
 - 4.2. Mineralcorticoid
 - 4.3. Glucocorticoid

4.4. Catecholamines

5. Tuyến tụy nội tiết

5.1. Glucagon

5.2. Insulin

6. Tuyến cận giáp

6.1. Tác dụng của PTH

6.2. Điều hoà bài tiết

Bài 8: Sinh lý hệ thần kinh

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được sự dẫn truyền xung động trên sợi trục neuron
- Trình bày được sự dẫn truyền xung động qua synap
- Giải thích được qui luật của phản xạ tủy và phân tích 1 cung phản xạ tủy
- Trình bày được vai trò của các vùng của vỏ não
- Trình bày được chức năng tiểu não

2. Nội dung của bài:

1. Hình thái chức năng neuron

1.1. Neuron

1.2. Synap

2. Đặc điểm hưng phấn của neuron

3. Sự dẫn truyền xung động trên sợi trục neuron

3.1. Sự dẫn truyền xung động trong một sợi

3.2. Sợi dẫn truyền xung động trong một bó sợi

4. Sự dẫn truyền xung động qua synap

4.1. Cơ chế dẫn truyền xung động qua synap

4.2. Các chất truyền đạt thần kinh

5. Sinh lý tủy sống

5.1. Đại cương

5.2. Chức năng dẫn truyền của tủy sống

5.3 chức năng phản xạ của tủy sống

5.4 rối loạn do đứt ngang tủy sống

6. Sinh lý bán cầu não

6.1. Cấu tạo

6.2. Chức năng sinh lý



7. Sinh lý tiểu não

7.1. Đại cương

7.2. Chức năng

Chương 2 : Thực tập sinh lý

Bài 1: Xác định nhóm máu

Thời gian: 8 giờ (0LT, 8 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Phân loại trình bày nhóm máu hệ ABO và hệ Rhesus
- Trình bày hai nghiệm pháp và nguyên tắc của từng xét nghiệm xác định nhóm máu hệ ABO và hệ Rhesus.
- Chuẩn bị và thực hành thuần thục các thao tác xét nghiệm này.
- Ghi nhận và giải thích kết quả.
- Trình bày được nguyên tắc căn bản trong truyền máu.
- Thấy rõ sự cần thiết phải xác định nhóm máu trong truyền máu.

2. Nội dung của bài:

1. Định nghĩa
2. Nguyên tắc
3. Yêu cầu thực
4. Thực hành
5. Bảng kiểm
6. Kết luận

Bài 2: Thời gian máu chảy, thời gian máu đông

Thời gian: 5 giờ (0LT, 5 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Xác định nguyên tắc của từng thí nghiệm.
- Trình bày các yếu tố liên quan đến cầm máu, đông máu.
- Xác định giá trị và trị số bình thường của từng xét nghiệm.
- Chuẩn bị dụng cụ cho từng xét nghiệm.
- Tiến hành có hệ thống các bước của từng xét nghiệm.
- Nhận định và giải thích kết quả.

2. Nội dung của bài:

1. Thời gian chảy máu
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Nguyên tắc

- 1.3. Yêu cầu thực tập
- 1.4. Thực hành
- 1.5. Bảng kiểm
2. Thời gian chảy máu
- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Nguyên tắc
- 2.3. Yêu cầu thực tập
- 2.4. Thực hành
- 2.5. Bảng kiểm
- 2.6. Kết luận

Bài 3: Xác định tốc độ lắng máu

Thời gian: 2 giờ (0LT, 2 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được nguyên tắc, nêu giá trị và chỉ số bình thường của VS.
- Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện để làm xét nghiệm và thao tác đúng kỹ thuật
- Đọc, giải thích được kết quả và kết luận.

2. Mục tiêu của bài

1. Định nghĩa
2. Nguyên tắc
3. Thực hành
4. Bảng kiểm
5. Kết luận

Bài 4: Định lượng huyết sắc tố

Thời gian: 2 giờ (0LT, 2 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Nói được phương pháp và nguyên tắc định lượng huyết sắc tố.
- Nhận định được kết quả.

2. Nội dung của bài:

1. Nguyên tắc
2. Dụng cụ
3. Tiến hành
4. Kết quả

Bài 5: Thể tích hồng cầu lắng đọng

Thời gian: 4 giờ (0LT, 4 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được nguyên tắc của xét nghiệm.
- Nêu giá trị và chỉ số bình thường của hematocrit rate .
- Chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ của xét nghiệm.
- Tiến hành đúng từng bước có hệ thống kỹ thuật xét nghiệm.
- Đọc và giải thích được kết quả

2. Nội dung của bài:

1. Định nghĩa
2. Nguyên tắc
3. Yêu cầu thực tập
4. Thực hành
5. Kết luận

Bài 6: Điện tâm đồ

Thời gian: 8 giờ (0LT, 8 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Giải thích được các hoạt động điện học của tim.
- Thực hiện đúng việc mắc các điện cực thông thường và vận hành máy đo ECG.
- Phân tích đúng một điện tâm đồ bình thường.

2. Nội dung của bài:

1. Hoạt động điện học của tim
2. Điện thế màng
3. Tính dẫn truyền của sợi cơ tim
4. Tính hưng phấn
5. Định nghĩa ECG
6. Các trạng thái điện học
7. Tính chất điện học
8. Các chuyển đạo gián tiếp thông dụng
9. Hình dạng tổng quát ECG
10. Phân tích ECG

Kiểm tra thực hành chạy trạm 2 giờ (0 LT, 2 TH)

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng:
 - Lý thuyết: Giảng đường
 - Thực hành: Phòng thực hành

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu, máy tính, bút trình chiếu, bảng, phấn bảng,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Lý thuyết: Giáo trình, sách tài liệu tham khảo,...

- Thực hành: Máy đo điện tâm đồ, ống nghiệm, lam kính, ...

4. Các điều kiện khác: Quạt, đèn, internet,....

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Trình bày đầy đủ chức năng của các tế bào, các cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể con người bình thường

+ Giải thích được cơ chế và sự điều hòa hoạt động của tế bào, các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể.

+ Phân tích được mối liên hệ chặt chẽ về chức năng giữa các tế bào, các cơ quan và hệ thống các cơ quan, coi cơ thể là một khối thống nhất và mối liên hệ giữa cơ thể người với môi trường.

+ Hình thành thế giới quan khoa học về sinh lý cơ thể người một cách đúng đắn và phù hợp

+ Xác định được tầm quan trọng của Sinh lý học đối với kiến thức y học của loài người từ đó liên hệ với các ngành khoa học khác, các ngành khoa học khác và đối với cuộc sống

+ Xác định được Sinh lý học là môn học cơ sở cho các môn y học cơ sở khác và các môn y học lâm sàng thực tiễn.

- Kỹ năng:

+ Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức, phân tích, tổng hợp, mô tả để dùng vào những mục đích nghiên cứu môn học sinh lý cơ thể người.

+ Vận dụng được kiến thức sinh lý học trong các lĩnh vực lâm sàng, nghiên cứu khoa học về thay đổi tâm lý và bệnh tật trong cơ thể người.

+ Có kỹ năng làm việc theo nhóm, phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu có hiệu quả

+ Thực hiện được các thủ thuật cơ bản liên quan tới sinh lý học cơ thể người

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng được các kiến thức đã học, ứng dụng được thực tế trên lâm sàng.

2. Phương pháp:

- Điểm kiểm tra gồm 4 cột điểm: 2 cột thường xuyên và 2 cột định kì chia đều cho cả nội dung lý thuyết và thực hành, trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kì hệ số 2.

- Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

- Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút

- Lý thuyết: hình thức kiểm tra trắc nghiệm: trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án.

- Thực hành: kiểm tra tại phòng thực tập sinh lý hình thức chạy trạm

- Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án.

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

1.1. Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Y học cơ sở - Khoa Y

1.2. Đối tượng học tập: Sinh viên ngành Y sĩ trình độ Cao đẳng chính qui.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giảng viên chuẩn bị bài giảng trước khi lên lớp

+ Tổ chức lớp học phân công nhóm thực hiện thuyết trình, thảo luận, vấn đáp,...

+ Soạn câu hỏi kiểm tra

+ Tổ chức đánh giá quá trình, kết quả học tập giữa học phần, cuối học phần

+ Báo cáo kết quả giảng dạy, kết quả học tập của sinh viên

- Đối với người học:

+ Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia tối thiểu 80% giờ thực hành/thực tập và có báo cáo kết quả.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

+ Tham dự thi kết thúc học phần.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Trọng tâm là người học phải nắm được cơ chế hoạt động và cách thức điều hòa hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể từ đó liên hệ được giữa bài giảng lý thuyết, nội dung thực tập mô hình và ứng dụng trên lâm sàng và trong đời sống

4. Tài liệu tham khảo:

- [1] Bộ môn Sinh lý học - ĐHY Hà Nội (2007), *Sinh lý học*, Nhà xuất bản Y học.
- [2] Bộ môn Sinh lý học - ĐHYD TP Hồ Chí Minh (2008), *Sinh lý học y khoa*, tập I,II, Nhà xuất bản Y học.
- [3] Bộ môn Sinh lý học – ĐHY khoa Phạm Ngọc Thạch (2009), *Sinh lý học trung cấp y khoa*, Nhà xuất bản Y học.
- [4] Bộ môn Sinh lý học – ĐHYD Cần Thơ (2020), *Sinh lý học*, Nhà xuất bản Y học.
- [5] Bộ Y Tế (2005), *Giải phẫu sinh lý* - Sách dùng cho các trường Trung học Y tế, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
- [6] Trần Thị Liên Minh (2002), *Một số chuyên đề sinh lý học*, Nhà xuất bản Y học.
- [7] Ganong William F. (2001), *Review of Medical physiology*, 20th ed, McGraw – Hill Companies.
- [8] Guyton A.C., Hall (2000), *Textbook of Medical Physiology*, 10th ed, Philadelphia, W.B.Saunders Co.
- [9] Ross & Wilson (1996), *Giải phẫu học và sinh lý học người khỏe và người bệnh*, Nhà xuất bản Y học.
- [10] Silverthorn (2001), *Human Physiology*, 2nd ed, Printed in the USA.
- [11] John E. Hall & Michael E. Hall (2020) *Guyton and Hall Textbook of Medical Physiology, 14th Edition*, Mississippi Center for Clinical and Translational Research
- [12] Julianne M Hall & Bruce M. Koeppen & Agnieszka Swiatecka-Urban & Bruce A. Stanton (2023), *Berne & Levy Physiology, 8th Edition*, Elsevierhealth
- [13]. *Giáo trình cách đọc điện tâm đồ*. GS Nguyễn Văn Ninh.
- [14]. *Giáo trình thực tập Sinh lý học*. Trường Đại Học Y Dược TP Hồ Chí Minh.
- [15]. *Giáo trình Sinh lý*. Trường Đại Học Y Dược TP Hồ Chí Minh và Đại Học Hà Nội.
- [16]. Học viện Quân y - *Giáo trình Chẩn đoán chức năng* - Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân. 2013.
- [17]. Quyết định số 3983/QĐ-BYT - *Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật nội khoa chuyên ngành tim mạch (03/10/2014)*, Bộ Y Tế
- [18]. Phạm Mạnh Hùng - *Những vấn đề cơ bản về điêm tim đồ trong thực hành lâm sàng (1997)*, Viện Tim Mạch Việt Nam, Hà Nội .

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: HÓA SINH

Mã môn học: MH24A112210

Đối tượng: Y sĩ cao đẳng

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học này được giảng dạy ở học kì II của năm học thứ nhất, sau khi đã học xong môn giải phẫu, sinh lý

- Tính chất: là môn học cơ sở ngành, thuộc môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo nghề y sĩ

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức:

+ Trình bày được các định nghĩa, khái niệm, cấu tạo, tính chất hóa lý và vai trò của các hợp chất hữu cơ cấu tạo nên cơ thể người

+ Trình bày được vai trò của các enzyme và quá trình chuyển hóa các chất diễn ra trong cơ thể người.

+ Trình bày được quá trình oxy hóa sinh học, quá trình chuyển hóa muối nước, quá trình điều hòa thăng bằng acid-base trong cơ thể.

+ Trình bày được cấu tạo và chức phận của gan, thận; thành phần và tính chất lý hóa của máu và các dịch sinh học

- Kỹ năng:

+ Vận dụng được các kiến thức hóa sinh để giải thích nguyên nhân một số bệnh do rối loạn chuyển hóa glucid, lipid, protid trong cơ thể người và các xét nghiệm đánh giá một số chỉ số hóa sinh trong y học

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức trách nhiệm, đạo đức tác phong nghề nghiệp.

+ Rèn luyện tác phong tỉ mỉ, chính xác, thận trọng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên các bài trong môn học/mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Đại cương về Hóa sinh		1	0	
	1. Định nghĩa và mục tiêu của học phần hóa sinh 2. Sơ lược lịch sử phát triển của ngành hóa sinh 2.1. Thời kỳ trước thế kỷ XX 2.2. Thời kỳ từ đầu thế kỷ XX đến trước 1953 2.3. Thời kỳ từ 1953 đến nay: thời đại sinh học phân tử 3. Vị trí và vai trò của hóa sinh trong các ngành khoa học tự nhiên và y học 3.1. Trong các ngành khoa học tự nhiên 3.2. Trong y học 4. Phương pháp học tập môn hóa sinh				
2	Chương 1: Hóa học glucid		2	0	
	1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Vai trò 2. Monosaccharid (MS) 2.1. Cấu tạo 2.2. Công thức 2.3. Tính chất 2.4. Một số MS thường gặp 3. Disaccharid				

DAN
 RUC
 O D.
 Y TI
 4 GI.
 ★

	<ul style="list-style-type: none"> 3.1. Maltose 3.2. Lactose 3.3. Saccarose 4. Polysaccarid <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Polysaccarid thuần 4.2. Polysaccarid tạp 				
3	Chương 2: Hóa học lipid		2	0	
	<ul style="list-style-type: none"> 1. Đại cương <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Vai trò 2. Lipid đơn giản <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Glycerid 2.2. Cerid 2.3. Sterid 3. Lipid phức tạp <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Glycerophospholipid 3.2. Sphingophospholipid 3.3. Glycolipid 3.4. Sphingolipid 				
4	Chương 3: Hóa học protein – Hemoglobin		3	0	
	<ul style="list-style-type: none"> 1. Acid amin <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Cấu tạo chung 1.2. Phân loại acid amin 1.3. Các acid amin thường gặp 1.4. Các acid amin không thể thay thế 1.5. Các acid amin ít gặp 1.6. Một số tính chất của acid amin 2. Peptid <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Khái niệm chung 				

	<p>2.2. Một số peptid có hoạt tính sinh học</p> <p>3. Protein</p> <p>3.1. Phân loại protein</p> <p>3.2. Các bậc cấu trúc của phân tử protein</p> <p>3.3. Chức năng của protein</p> <p>4. Hemoglobin</p> <p>4.1. Cấu trúc phân tử hemoglobin</p> <p>4.2. Một số hemoglobin ở người</p> <p>4.3. Tính chất của hemoglobin</p>				
5	Chương 4: Hóa học acid nucleic		2	0	
	<p>1. Thành phần hóa học của acid nucleic</p> <p>1.1. Base nitơ</p> <p>1.2. Đường pentose</p> <p>1.3. Acid phosphoric</p> <p>1.4. Sự tạo thành nucleosid</p> <p>1.5. Sự tạo thành nucleotid</p> <p>1.6. Sự tạo thành acid nucleic</p> <p>2. Cấu trúc hóa học của acid nucleic</p> <p>2.1. DNA</p> <p>2.2. RNA</p> <p>3. Một số tính chất của acid nucleic</p>				
6	Chương 5: Oxy hóa sinh học		1	0	
	<p>1. Quá trình oxy hóa khử sinh học</p> <p>2. Chuỗi hô hấp tế bào và sự phosphoryl hóa oxy hóa</p> <p>2.1. Chuỗi hô hấp tế bào</p> <p>2.2. Sự phosphoryl hóa oxy hóa</p>				
7	Chương 6: Enzyme		1	0	
	<p>1. Bản chất hóa học của enzym</p>				

T.
IG
NG
NG
S

	<ul style="list-style-type: none"> 2. Cơ chế tác dụng 3. Tính đặc hiệu của enzym <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Đặc hiệu phản ứng 3.2. Đặc hiệu cơ chất 3.3. Đặc hiệu không gian 4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ của enzyme <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Ảnh hưởng của nồng độ enzym 4.2. Ảnh hưởng của nồng độ cơ chất 4.3. Ảnh hưởng của chất kìm hãm 4.4. Ảnh hưởng của chất hoạt hóa 4.5. Ảnh hưởng của nhiệt độ 4.6. Ảnh hưởng của pH 5. Cách gọi tên và phân loại enzyme 6. Các coenzyme quan trọng 				
8	Chương 7: Chuyển hóa glucid		3	0	
	<ul style="list-style-type: none"> 1. Sự thoái hóa của glucose <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Con đường đường phân 1.2. Sự thoái hóa tiếp theo của pyruvat 1.3. Con đường hexose monophosphat 1.4. Chuyển hóa của các monosaccarid khác 2. Sự tổng hợp glucose <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Các giai đoạn đặc biệt của quá trình tổng hợp glucose 2.2. Chu trình Cori 3. Chuyển hóa glycogen <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Thoái hóa glycogen 3.2. Tổng hợp glycogen 4. Rối loạn chuyển hóa glucid <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Hạ đường huyết 4.2. Bệnh thiếu vitamin B₁ 4.3. Bệnh đái tháo đường 				

9	Chương 8: Chuyển hóa lipid		2	0	
	<ul style="list-style-type: none"> 1. Sự phân giải lipid <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Phân giải glycerid 1.2. Sự oxy hóa acid béo 1.3. Phân giải glycerin 1.4. Phân giải glycerophospholipid 2. Tổng hợp lipid <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Tổng hợp acid béo 2.2. Tổng hợp glycerin 2.3. Tổng hợp glycerid 2.4. Tổng hợp sterid 				
10	Chương 9: Chuyển hóa acid amin và hemoglobin		3	0	
	<ul style="list-style-type: none"> 1. Sự phân giải protein, acid amin <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Phân giải protein 1.2. Phân giải acid amin <ul style="list-style-type: none"> 1.2.1. Khử amin 1.2.2. Khử carboxyl 1.2.3. Chuyển vị amin 1.2.4. Sự biến đổi các sản phẩm của quá trình phân giải acid amin 2. Tổng hợp acid amin <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Amin hóa 2.2. Amid hóa 2.3. Tổng hợp acid amin nhờ ATP 2.4. Chuyển vị amin 3. Sự thoái hóa hemoglobin và ý nghĩa lâm sàng <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Sự thoái hóa hemoglobin <ul style="list-style-type: none"> 3.1.1. Sự thoái hóa hemoglobin ngoài mạch 3.1.2. Sự thoái hóa hemoglobin nội mạch 3.2. Ý nghĩa lâm sàng <ul style="list-style-type: none"> 3.2.1. Vàng da trước gan 				

	<p>3.2.2. Vàng da tại gan</p> <p>3.2.3. Vàng da sau gan</p> <p>4. Sự tổng hợp hemoglobin</p> <p>4.1. Sự tổng hợp Hem</p> <p>4.1.1. Các bước tổng hợp Hem</p> <p>4.2. Sự tổng hợp globin</p> <p>4.2.1. Sự tổng hợp globin</p> <p>4.2.2. Sự sai sót trong tổng hợp globin</p>				
11	Chương 10: Chuyển hóa acid nucleic và sinh tổng hợp protein		3	0	
	<p>1. Sự phân giải acid nucleic</p> <p>1.1. Thủy phân acid nucleic</p> <p>1.2. Phân giải mononucleotid</p> <p>1.3. Phân giải base purin</p> <p>1.4. Phân giải base pyrimidin</p> <p>2. Sinh tổng hợp nucleotid purin</p> <p>3. Sinh tổng hợp nucleotid pyrimidin</p> <p>4. Tổng hợp DNA</p> <p>4.1. Các yếu tố tham gia tái bản DNA</p> <p>4.2. Cơ chế tái bản DNA ở procariot</p> <p>4.3. Tái bản DNA ở Eucariot</p> <p>5. Tổng hợp RNA</p> <p>5.1. Các yếu tố tham gia tổng hợp RNA</p> <p>5.2. Cơ chế sao mã</p> <p>5.3. Quá trình trưởng thành của RNA</p> <p>6. Tổng hợp protein</p> <p>6.1. Các thành phần tham gia tổng hợp protein</p> <p>6.2. Tổng hợp chuỗi polypeptid tại ribosom</p> <p>6.3. Hoàn thiện phân tử protein</p> <p>6.4. Điều hòa tổng hợp protein</p>				
12	Chương 11: Chuyển hóa muối nước - Thăng bằng acid - base		2	0	

	<ul style="list-style-type: none"> 1. Nước trong cơ thể 1.1. Cấu tạo và đặc tính của nước 1.2. Hàm lượng nước trong cơ thể 1.3. Sự phân bố nước trong cơ thể 1.4. Nhu cầu nước của cơ thể 1.5. Sự thăng bằng xuất nhập nước - Bilan nước 1.6. Vai trò của nước trong cơ thể 2. Các chất vô cơ 2.1. Hàm lượng và sự phân bố các chất vô cơ trong cơ thể 2.2. Nhu cầu về các chất vô cơ của cơ thể 2.3. Vai trò của các chất vô cơ trong cơ thể 3. Sự trao đổi muối nước 3.1. Các yếu tố quyết định sự vận chuyển và phân phối nước trong cơ thể 4. Điều hòa trao đổi muối nước 5. Sự thăng bằng acid-base trong cơ thể sống 5.1. Các hệ đệm của cơ thể 5.2. Sự điều hòa thăng bằng acid-base của cơ thể 6. Rối loạn thăng bằng acid-base 6.1. Nhiễm acid chuyển hóa 6.2. Nhiễm kiềm chuyển hóa 6.3. Nhiễm acid hô hấp 6.4. Nhiễm kiềm hô hấp 				
13	Chương 12: Hóa sinh gan - Hóa sinh hormon		1	0	
	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thành phần hóa học của nhu mô gan 2. Chức phận sinh hóa của gan 2.1. Chức phận tạo mật 2.2. Chức năng chuyển hóa 2.3. Chức năng khử độc 3. Một số xét nghiệm hóa sinh về gan 3.1. Các xét nghiệm đánh giá tổn thương hủy 				

	hoại tế bào gan 3.2. Các xét nghiệm đánh giá tình trạng ú mật 4. Phân loại hormon 4.1. Phân loại theo cấu tạo hóa học 4.2. Phân loại theo cơ chế tác dụng 5. Những hormone protein, polypeptid 5.1. Hormon tuyến yên 5.3. Hormon tuyến cận giáp và calcitonin 5.4. Hormon tuyến tụy 6. Hormon là dẫn xuất của acid amin 6.1. Hormon tủy thượng thận 6.2. Hormon tuyến giáp 7. Các hormone steroid 7.1. Hormon vỏ thượng thận 7.2. Hormon sinh dục nam 7.3. Hormon sinh dục nữ				
14	Chương 13: Hóa sinh thận – Nước tiểu		1	0	
	1. Thận 1.1. Chức phận bài tiết 1.1.1. Sự lọc của cầu thận 1.1.2. Sự tái hấp thu ở ống thận 1.2. Chức phận chuyển hóa 1.3. Vai trò của thận trong thăng bằng acid-base 1.4. Chức phận nội tiết 2. Nước tiểu 2.1. Tính chất chung của nước tiểu 2.2. Các chất bất thường trong nước tiểu				
15	Chương 14: Hóa sinh máu và các dịch sinh học		1	0	
	1. Các chức năng sinh lý của máu 1.1. Chức năng dinh dưỡng				

<ul style="list-style-type: none"> 1.2. Chức năng bài tiết 1.3. Chức năng hô hấp 1.4. Chức năng bảo vệ 1.5. Chức năng điều hòa 2. Tính chất lý hóa của máu <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Tỷ trọng 2.2. Độ nhớt 2.3. Áp suất thẩm thấu 2.4. pH và hệ đệm của máu 3. Thành phần của máu <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Huyết cầu 3.2. Thành phần của huyết tương 4. Dịch não tủy <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Tính chất chung 4.2. Thành phần hóa học 5. Sữa mẹ <ul style="list-style-type: none"> 5.1. Tính chất chung 5.2. Thành phần hóa học 6. Nước bọt <ul style="list-style-type: none"> 6.1. Tính chất chung 6.2. Thành phần hóa học 7. Dịch vị <ul style="list-style-type: none"> 7.1. Tính chất chung 7.2. Thành phần hóa học 8. Dịch ruột <ul style="list-style-type: none"> 8.1. Tính chất chung 8.2. Thành phần hóa học 9. Dịch tụy <ul style="list-style-type: none"> 9.1. Tính chất chung 9.2. Thành phần hóa học 				
Kiểm tra				B
TỔNG SỐ		28		2


T
C
A
T
I
E

2. Nội dung chi tiết

Đại cương về Hóa sinh

Thời gian: 1 giờ (01

LT)

1. Mục tiêu

- + Trình bày được định nghĩa và mục tiêu của học phần Hóa sinh.
- + Kể được một số thành tựu nổi bật của ngành Hóa sinh từ đầu thế kỷ XX đến nay.
- + Trình bày được vị trí vai trò của hóa sinh trong y học.

2. Nội dung chương

1. Định nghĩa và mục tiêu của học phần hóa sinh

2. Sơ lược lịch sử phát triển của ngành hóa sinh

2.1. Thời kỳ trước thế kỷ XX

2.2. Thời kỳ từ đầu thế kỷ XX đến trước 1953

2.3. Thời kỳ từ 1953 đến nay: thời đại sinh học phân tử

3. Vị trí và vai trò của hóa sinh trong các ngành khoa học tự nhiên và y học

3.1. Trong các ngành khoa học tự nhiên

3.2. Trong y học

4. Phương pháp học tập môn hóa sinh

Chương 1: Hóa học Glucid

Thời gian: 2 giờ (02 LT)

1. Mục tiêu

- + Trình bày được định nghĩa glucid và phân loại glucid.
- + Phân tích được cấu trúc hóa học của một monosaccarid và các dạng đồng phân của nó. Nêu được tính chất đặc trưng của các monosaccarid.
- + Trình bày được nguồn gốc, tính chất của 3 disaccarid; tính chất, vai trò của 4 polysaccarid thuần và một số polysaccarid tạp.
- + Kể được một số thành phần glucid có trong thức ăn và các chế phẩm glucid dùng trong y tế.

2. Nội dung chương

1. Đại cương

1.1. Định nghĩa

1.2. Phân loại

1.3. Vai trò

2. Monosaccarid (MS)

2.1. Cấu tạo

- 2.2. Công thức
 - 2.2.1. Dạng thẳng
 - 2.2.2. Dạng vòng
- 2.3. Tính chất
 - 2.3.1. Tính khử
 - 2.3.2. Tính oxy hóa
 - 2.3.3. Phản ứng tạo ester
 - 2.3.4. Phản ứng tạo glycosid
- 2.4. Một số MS thường gặp
 - 2.4.1. Triose
 - 2.4.2. Pentose
 - 2.4.3. Hexose
- 3. Disaccarid
 - 3.1. Maltose
 - 3.2. Lactose
 - 3.3. Saccarose
- 4. Polysaccarid
 - 4.1. Polysaccarid thuần
 - 4.1.1. Tinh bột
 - 4.1.2. Glycogen
 - 4.1.3. Cellulose
 - 4.1.4. Dextran
 - 4.2. Polysaccarid tạp
 - 4.2.1. Mucopolysaccarid
 - 4.2.2. Mucoprotein

Chương 2: Hóa học Lipid

Thời gian: 2 giờ (02 LT)

1. Mục tiêu:

- + Trình bày được định nghĩa, phân loại và vai trò của lipid.
- + Phân biệt được các loại lipid về thành phần hóa học và chức năng.
- + Trình bày được tính chất của acid béo và triglycerid

2. Nội dung chương

1. Đại cương

- 1.1. Định nghĩa
- 1.2. Phân loại
- 1.3. Vai trò
2. Lipid đơn giản
 - 2.1. Glycerid
 - 2.1.1. Glycerol
 - 2.1.2. Acid béo
 - 2.1.3. Tính chất của acid béo và triglycerid
 - 2.2. Cerid
 - 2.3. Sterid
 - 2.3.1. Cholesterol
 - 2.3.2. Acid mật
3. Lipid phức tạp
 - 3.1. Glycerophospholipid
 - 3.2. Sphingophospholipid
 - 3.3. Glycolipid
 - 3.4. Sphingolipid

Chương 3: Hóa học protein – Hemoglobin

Thời gian: 3 giờ (03 LT)

1. Mục tiêu:

- + Kể được tên của các acid amin trong từng nhóm của 5 nhóm acid amin.
- + Trình bày được một số tính chất của acid amin.
- + Kể được tên của một số peptid có hoạt tính sinh học.
- + Mô tả được cấu trúc và phân loại protein.
- + Mô tả cấu trúc và trình bày được các tính chất của hemoglobin.

2. Nội dung chương

1. Acid amin
 - 1.1. Cấu tạo chung
 - 1.2. Phân loại acid amin
 - 1.3. Các acid amin thường gặp
 - 1.4. Các acid amin không thể thay thế
 - 1.5. Các acid amin ít gặp
 - 1.6. Một số tính chất của acid amin
 - 1.6.1. Màu sắc và mùi vị của acid amin

- 1.6.2. Tính tan của acid amin
- 1.6.3. Biểu hiện tính quang học của acid amin
- 1.6.4. Tính lưỡng tính của acid amin
- 2. Peptid
 - 2.1. Khái niệm chung
 - 2.2. Một số peptid có hoạt tính sinh học
- 3. Protein
 - 3.1. Phân loại protein
 - 3.2. Các bậc cấu trúc của phân tử protein
 - 3.2.1. Cấu trúc bậc I
 - 3.2.2. Cấu trúc bậc II
 - 3.2.3. Cấu trúc bậc III
 - 3.2.4. Cấu trúc bậc IV
 - 3.3. Chức năng của protein
- 4. Hemoglobin
 - 4.1. Cấu trúc phân tử hemoglobin
 - 4.2. Một số hemoglobin ở người
 - 4.3. Tính chất của hemoglobin

Chương 4: Hóa học acid nucleic

Thời gian: 2 giờ (02

LT)

1. Mục tiêu:

- + Viết được công thức của ribose, deoxyribose, các base purin và pyrimidin.
- + Phân biệt được cấu tạo của nucleosid, nucleotid và acid nucleic.
- + Trình bày được cấu trúc của DNA và RNA.
- + Trình bày được một số tính chất của acid nucleic.

2. Nội dung chương

- 1. Thành phần hóa học của acid nucleic
 - 1.1. Base nitơ
 - 1.2. Đường pentose
 - 1.3. Acid phosphoric
 - 1.4. Sự tạo thành nucleosid
 - 1.5. Sự tạo thành nucleotid
 - 1.6. Sự tạo thành acid nucleic

2. Cấu trúc hóa học của acid nucleic

2.1. DNA

2.2. RNA

3. Một số tính chất của acid nucleic

Chương 5: Oxy hóa sinh học

Thời gian: 1 giờ (01

LT)

1. Mục tiêu:

- Vẽ được sơ đồ của tiến trình oxy hóa sinh học.
- Trình bày khái niệm và vai trò của chuỗi hô hấp tế bào.
- Trình bày khái niệm về sự phosphoryl hóa.

2. Nội dung chương

1. Quá trình oxy hóa khử sinh học
2. Chuỗi hô hấp tế bào và sự phosphoryl hóa oxy hóa
 - 2.1. Chuỗi hô hấp tế bào
 - 2.2. Sự phosphoryl hóa oxy hóa

Chương 6 :Enzym

Thời gian: 1 giờ (01

LT)

1. Mục tiêu:

- + Trình bày được bản chất hóa học, cơ chế tác dụng và tính đặc hiệu của enzym.
- + Kể được các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ của phản ứng enzym.
- + Trình bày được cách gọi tên và phân loại enzym.

2. Nội dung chương

1. Bản chất hóa học của enzym
2. Cơ chế tác dụng
3. Tính đặc hiệu của enzym
 - 3.1. Đặc hiệu phản ứng
 - 3.2. Đặc hiệu cơ chất
 - 3.3. Đặc hiệu không gian
4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ của enzyme
 - 4.1. Ảnh hưởng của nồng độ enzym
 - 4.2. Ảnh hưởng của nồng độ cơ chất

- 4.3. Ảnh hưởng của chất kìm hãm
- 4.4. Ảnh hưởng của chất hoạt hóa
- 4.5. Ảnh hưởng của nhiệt độ
- 4.6. Ảnh hưởng của pH
- 5. Cách gọi tên và phân loại enzyme
- 6. Các coenzyme quan trọng

Chương 7: Chuyển hóa Glucid

Thời gian: 3 giờ (03

LT)

1. Mục tiêu:

- + Trình bày được hai con đường thoái hóa của glucose.
- + Trình bày được quá trình tân tạo glucose.
- + Trình bày được quá trình thoái hóa và tổng hợp glycogen
- + Trình bày được một số bệnh lý do rối loạn chuyển hóa glucid.

2. Nội dung chương

1. Sự thoái hóa của glucose

- 1.1. Con đường đường phân
- 1.2. Sự thoái hóa tiếp theo của pyruvat
- 1.3. Con đường hexose monophosphat
- 1.4. Chuyển hóa của các monosaccarid khác

2. Sự tổng hợp glucose

- 2.1. Các giai đoạn đặc biệt của quá trình tổng hợp glucose

2.2. Chu trình Cori

3. Chuyển hóa glycogen

- 3.1. Thoái hóa glycogen
- 3.2. Tổng hợp glycogen

4. Rối loạn chuyển hóa glucid

- 4.1. Hạ đường huyết
- 4.2. Bệnh thiếu vitamin B₁
- 4.3. Bệnh đái tháo đường

Chương 8: Chuyển hóa Lipid

Thời gian: 2 giờ (02 LT)

1. Mục tiêu:

- + Trình bày được quá trình phân giải acid béo theo con đường β .oxy hóa.
- + Trình bày được quá trình phân giải glycerin và glycerophospholipid.
- + Trình bày được quá trình tổng hợp acid béo, glycerin và glycerid.

2. Nội dung chương

1. Sự phân giải lipid
 - 1.1. Phân giải glycerid
 - 1.2. Sự oxy hóa acid béo
 - 1.2.1. β . oxy hóa acid béo
 - 1.2.2. α -oxy hóa
 - 1.3. Phân giải glycerin
 - 1.4. Phân giải glycerophospholipid
2. Tổng hợp lipid
 - 2.1. Tổng hợp acid béo
 - 2.2. Tổng hợp glycerin
 - 2.3. Tổng hợp glycerid
 - 2.4. Tổng hợp sterid

Bài 10: Chuyển hóa Acid amin và Hemoglobin

Thời gian: 3 giờ (03 LT)

1. Mục tiêu:

- + Trình bày được sự phân giải protein và acid amin.
- + Trình bày được sự tổng hợp acid amin.
- + Trình bày được sơ đồ thoái hóa hemoglobin và giải thích được các hiện tượng vàng da.
- + Trình bày được bệnh do rối loạn tổng hợp hem và do sai sót tổng hợp globin.

2. Nội dung chương

1. Sự phân giải protein, acid amin
 - 1.1. Phân giải protein
 - 1.2. Phân giải acid amin
 - 1.2.1. Khử amin
 - 1.2.2. Khử carboxyl
 - 1.2.3. Chuyển vị amin
 - 1.2.4. Sự biến đổi các sản phẩm của quá trình phân giải acid amin
2. Tổng hợp acid amin
 - 2.1. Amin hóa

- 2.2. Amid hóa
- 2.3. Tổng hợp acid amin nhờ ATP
- 2.4. Chuyển vị amin
- 3. Sự thoái hóa hemoglobin và ý nghĩa lâm sàng
 - 3.1. Sự thoái hóa hemoglobin
 - 3.1.1. Sự thoái hóa hemoglobin ngoài mạch
 - 3.1.2. Sự thoái hóa hemoglobin nội mạch
 - 3.2. Ý nghĩa lâm sàng
 - 3.2.1. Vàng da trước gan
 - 3.2.2. Vàng da tại gan
 - 3.2.3. Vàng da sau gan
- 4. Sự tổng hợp hemoglobin
 - 4.1. Sự tổng hợp Hem
 - 4.1.1. Các bước tổng hợp Hem
 - 4.2. Sự tổng hợp globin
 - 4.2.1. Sự tổng hợp globin
 - 4.2.2. Sự sai sót trong tổng hợp globin

Chương 10: Chuyển hóa acid nucleic và sinh tổng hợp protein

Thời gian: 3 giờ (03 LT)

1. Mục tiêu:

- + Trình bày được sự phân giải acid nucleic và các sản phẩm trung gian của nó.
- + Trình bày được sự sinh tổng hợp nucleotid purin và nucleotid pyrimidin.
- + Trình bày được 3 kiểu tái bản DNA.
- + Kể được các yếu tố tham gia tổng hợp RNA.
- + Kể được các giai đoạn tổng hợp chuỗi polypeptid và trình bày được sự hoàn thiện phân tử protein, điều hòa tổng hợp protein.

2. Nội dung chương

- 1. Sự phân giải acid nucleic
 - 1.1. Thủy phân acid nucleic
 - 1.2. Phân giải mononucleotid
 - 1.3. Phân giải base purin
 - 1.4. Phân giải base pyrimidin
- 2. Sinh tổng hợp nucleotid purin
- 3. Sinh tổng hợp nucleotid pyrimidin

- 4. Tổng hợp DNA
 - 4.1. Các yếu tố tham gia tái bản DNA
 - 4.2. Cơ chế tái bản DNA ở procariot
 - 4.2.1. Giai đoạn mở đầu
 - 4.2.2. Giai đoạn kéo dài
 - 4.2.3. Giai đoạn kết thúc
 - 4.3. Tái bản DNA ở Eucariot
- 5. Tổng hợp RNA
 - 5.1. Các yếu tố tham gia tổng hợp RNA
 - 5.1.1. Khuôn
 - 5.1.2. Nguyên liệu
 - 5.1.3. Các enzym và protein
 - 5.2. Cơ chế sao mã
 - 5.2.1. Giai đoạn mở đầu
 - 5.2.2. Giai đoạn kéo dài chuỗi
 - 5.2.3. Giai đoạn kết thúc
 - 5.3. Quá trình trưởng thành của RNA
- 6. Tổng hợp protein
 - 5.1. Các yếu tố tham gia tổng hợp RNA
 - 5.1.1. Khuôn
 - 5.1.2. Nguyên liệu
 - 5.1.3. Các enzym và protein
 - 5.2. Cơ chế sao mã
 - 5.2.1. Giai đoạn mở đầu
 - 5.2.2. Giai đoạn kéo dài chuỗi
 - 5.2.3. Giai đoạn kết thúc
 - 5.3. Quá trình trưởng thành của RNA
 - 6.1. Các thành phần tham gia tổng hợp protein
 - 6.1.1. Acid nucleic
 - 6.1.2. Các enzym
 - 6.1.3. Năng lượng
 - 6.1.4. Nguyên liệu
 - 6.1.5. Ribosom
 - 6.1.6. Các yếu tố tham gia tổng hợp protein

- 6.2. Tổng hợp chuỗi polypeptid tại ribosom
 - 6.2.1. Giai đoạn hoạt hóa acid amin
 - 6.2.2. Giai đoạn mở đầu
 - 6.2.3. Giai đoạn kéo dài chuỗi polypeptid
 - 6.2.4. Giai đoạn kết thúc sự tổng hợp chuỗi polypeptid
- 6.3. Hoàn thiện phân tử protein
- 6.4. Điều hòa tổng hợp protein

Chương 11: Chuyển hóa muối nước - Thăng bằng acid - base

Thời gian: 2 giờ (02 LT)

1. Mục tiêu:

- + Trình bày được vai trò và sự phân bố các chất vô cơ trong cơ thể.
- + Trình bày được sự vận chuyển nước giữa trong và ngoài thành mạch, giữa trong và ngoài tế bào.
- + Trình bày được sự điều hòa trao đổi muối nước.
- + Trình bày thành phần và khả năng đệm của các hệ đệm của máu.
- + Trình bày được vai trò của phổi và thận trong sự điều hòa thăng bằng acid-base trong cơ thể.
- + Trình bày được các rối loạn thăng bằng acid-base.

2. Nội dung chương

1. Nước trong cơ thể

- 1.1. Cấu tạo và đặc tính của nước
- 1.2. Hàm lượng nước trong cơ thể
- 1.3. Sự phân bố nước trong cơ thể
- 1.4. Nhu cầu nước của cơ thể
- 1.5. Sự thăng bằng xuất nhập nước - Bilan nước
- 1.6. Vai trò của nước trong cơ thể

2. Các chất vô cơ

- 2.1. Hàm lượng và sự phân bố các chất vô cơ trong cơ thể
- 2.2. Nhu cầu về các chất vô cơ của cơ thể
- 2.3. Vai trò của các chất vô cơ trong cơ thể

3. Sự trao đổi muối nước

- 3.1. Các yếu tố quyết định sự vận chuyển và phân phối nước trong cơ thể
 - 3.1.1. Áp suất thẩm thấu (ASTT)
 - 3.1.2. Áp lực thủy tĩnh (ALTT)

- 3.2. Sự trao đổi muối nước và các chất giữa các khu vực
 - 3.2.1. Sự trao đổi nước và các chất giữa huyết tương và dịch gian bào
 - 3.2.2. Sự trao đổi nước và các chất giữa khu vực trong và ngoài tế bào
- 4. Điều hòa trao đổi muối nước
- 5. Sự thăng bằng acid-base trong cơ thể sống
 - 5.1. Các hệ đệm của cơ thể
 - 5.1.1. Các hệ đệm của huyết tương và dịch gian bào
 - 5.1.2. Các hệ đệm của hồng cầu
 - 5.1.3. Các hệ đệm của dịch trong tế bào
 - 5.2. Sự điều hòa thăng bằng acid-base của cơ thể
 - 5.2.1. Tác dụng của hệ đệm
 - 5.2.2. Điều hòa sự thăng bằng acid-base bởi cơ chế sinh lý
- 6. Rối loạn thăng bằng acid-base
 - 6.1. Nhiễm acid chuyển hóa
 - 6.2. Nhiễm kiềm chuyển hóa
 - 6.3. Nhiễm acid hô hấp
 - 6.4. Nhiễm kiềm hô hấp

Chương 12: Hóa sinh gan – Hóa sinh hormon

Thời gian: 1 giờ (01 LT)

- 1. Mục tiêu:
 - + Trình bày được thành phần hóa học của nhu mô gan.
 - + Trình bày được chức phận sinh hóa của gan.
 - + Trình bày được các loại hormon theo cấu tạo hóa học và cơ chế tác dụng.
 - + Viết được cấu tạo hóa học và tác dụng chính các hormon có bản chất peptid và protein
 - + Viết được cấu tạo hóa học, tên các hormon steroid đại diện.
- 2. Nội dung chương
 - 1. Thành phần hóa học của nhu mô gan
 - 2. Chức phận sinh hóa của gan
 - 2.1. Chức phận tạo mật
 - 2.2. Chức năng chuyển hóa
 - 2.2.1. Chuyển hóa glucid
 - 2.2.2. Chuyển hóa lipid
 - 2.2.3. Chuyển hóa protein

- 2.3. Chức năng khử độc
- 3. Một số xét nghiệm hóa sinh về gan
 - 3.1. Các xét nghiệm đánh giá tổn thương hủy hoại tế bào gan
 - 3.1.1. Aminotransferase huyết thanh
 - 3.1.2. γ Glutamintransferase (GGT) huyết thanh
 - 3.1.3. Lactat dehydrogenase (LDH) huyết thanh
 - 3.1.4. Glutamat dehydrogenase (GLDH) huyết thanh
 - 3.2. Các xét nghiệm đánh giá tình trạng ứ mật
 - 3.2.1. Phosphatase kiềm (ALP = alkaline phosphatase) huyết thanh
 - 3.2.2. Các xét nghiệm về bilirubin huyết thanh
- 4. Phân loại hormon
 - 4.1. Phân loại theo cấu tạo hóa học:
 - 4.1.1. Hormon là peptid và protein
 - 4.1.2. Hormon là amin
 - 4.1.3. Hormon steroid
 - 4.1.4. Nhóm Eicosanoid nội sinh
 - 4.2. Phân loại theo cơ chế tác dụng
- 5. Những hormone protein, polypeptid
 - 5.1. Hormon tuyến yên
 - 5.1.1. Hormon của tuyến yên trước
 - 5.1.2. Hormon của tuyến yên sau
 - 5.2. Hormon vùng dưới đồi
 - 5.3. Hormon tuyến cận giáp và calcitonin
 - 5.4. Hormon tuyến tụy
- 6. Hormon là dẫn xuất của acid amin
 - 6.1. Hormon tủy thượng thận
 - 6.2. Hormon tuyến giáp
- 7. Các hormone steroid
 - 7.1. Hormon vỏ thượng thận
 - 7.2. Hormon sinh dục nam
 - 7.3. Hormon sinh dục nữ

Chương 13: Hóa sinh thận – Nước tiểu

Thời gian: 1 giờ (01

LT)

N
 Đ
 T
 G
 4

1. Mục tiêu:

- + Trình bày được chức phận chuyển hóa của thận.
- + Trình bày được vai trò của thận trong thăng bằng acid-base.
- + Trình bày được các chất bất thường trong nước tiểu.

2. Nội dung chương

1. Thận

1.1. Chức phận bài tiết

1.1.1. Sự lọc của cầu thận

1.1.2. Sự tái hấp thu ở ống thận

1.2. Chức phận chuyển hóa

1.3. Vai trò của thận trong thăng bằng acid-base

1.4. Chức phận nội tiết

2. Nước tiểu

2.1. Tính chất chung của nước tiểu

2.1.1. Thể tích nước tiểu

2.1.2. Các tính chất vật lý của nước tiểu

2.1.3. Thành phần hóa học của nước tiểu

2.2. Các chất bất thường trong nước tiểu

2.2.1. Glucid

2.2.2. Protein

2.2.3. Các chất ceton

2.2.4. Sắc tố mật, muối mật

2.2.5. Hồng cầu và hemoglobin

2.2.6. Porphyrin

2.2.7. Dưỡng trấp

2.2.8. Nitrit

Chương 14: Hóa sinh máu và các dịch sinh học

Thời gian: 1 giờ (01 LT)

1. Mục tiêu:

- + Trình bày được thành phần hóa học cơ bản của máu, vai trò của từng thành phần.
- + Trình bày được vai trò và chức năng các loại protein trong huyết thanh.
- + Một số thay đổi bệnh lý điển hình của thành phần protein huyết thanh.
- + Trình bày được thành phần hóa học của dịch não tủy.

- + Trình bày được thành phần hóa học của sữa mẹ.
- + Trình bày được thành phần hóa học của nước bọt, dịch vị, dịch ruột, dịch tụy.

2. Nội dung chương

1. Các chức năng sinh lý của máu

- 1.1. Chức năng dinh dưỡng
- 1.2. Chức năng bài tiết
- 1.3. Chức năng hô hấp
- 1.4. Chức năng bảo vệ
- 1.5. Chức năng điều hòa

2. Tính chất lý hóa của máu

- 2.1. Tỷ trọng
- 2.2. Độ nhớt
- 2.3. Áp suất thẩm thấu
- 2.4. pH và hệ đệm của máu

3. Thành phần của máu

- 3.1. Huyết cầu
 - 3.1.1. Hồng cầu
 - 3.1.2. Bạch cầu
 - 3.1.3. Tiểu cầu
- 3.2. Thành phần của huyết tương
 - 3.2.1. Thành phần khí
 - 3.2.2. Các chất vô cơ
 - 3.2.3. Các chất hữu cơ

4. Dịch não tủy

- 4.1. Tính chất chung
- 4.2. Thành phần hóa học

5. Sữa mẹ

- 5.1. Tính chất chung
- 5.2. Thành phần hóa học

6. Nước bọt

- 6.1. Tính chất chung
- 6.2. Thành phần hóa học

7. Dịch vị

- 7.1. Tính chất chung



7.2. Thành phần hóa học

8. Dịch ruột

8.1. Tính chất chung

8.2. Thành phần hóa học

9. Dịch tụy

9.1. Tính chất chung

9.2. Thành phần hóa học

Kiểm tra

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: phòng học lý thuyết.
2. Trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy chiếu projector, bảng, phấn.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: File tài liệu, giáo án, giáo trình....
4. Các điều kiện khác: môn học này phải hoàn thành sau môn giải phẫu, sinh lý

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức

- + Trình bày được các định nghĩa, khái niệm, cấu tạo, tính chất hóa lý và vai trò của các hợp chất hữu cơ cấu tạo nên cơ thể người
- + Trình bày được vai trò của các enzyme và quá trình chuyển hóa các chất diễn ra trong cơ thể người.
- + Trình bày được quá trình oxy hóa sinh học, quá trình chuyển hóa muối nước, quá trình điều hòa thăng bằng acid-base trong cơ thể.
- + Trình bày được cấu tạo và chức phận của gan, thận; thành phần và tính chất lý hóa của máu và các dịch sinh học

- Kỹ năng:

- + Vận dụng được các kiến thức hóa sinh để giải thích nguyên nhân một số bệnh do rối loạn chuyển hóa glucid, lipid, protid trong cơ thể người
- + Thực hiện được các xét nghiệm đánh giá một số chỉ số hóa sinh trong y học

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Có ý thức trách nhiệm, đạo đức tác phong nghề nghiệp.
- + Rèn luyện tác phong tỉ mỉ, chính xác, thận trọng.

2. Phương pháp đánh giá

- Điểm kiểm tra gồm 2 cột điểm: 1 cột thường xuyên và 1 cột định kì trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kì hệ số 2.

- Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm với ít nhất 20 câu hỏi hoặc kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

- Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm với ít nhất 30 câu hỏi hoặc kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút

- Hình thức kiểm tra trắc nghiệm: trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án và trắc nghiệm đúng - sai

- Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án và trắc nghiệm đúng - sai.

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: giảng viên và sinh viên ngành **Y sĩ hệ cao đẳng chính quy**.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Tổ chức dạy/học tại trường/ online

+ Phối hợp các phương pháp dạy/học:

✓ Thuyết trình Powerpoint.

✓ Thảo luận nhóm.

✓ Chia nhóm thực hành.

- Đối với người học:

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Đỗ Quý Hải (2018), *Giáo trình Hóa sinh*, Nhà xuất bản Đại học Huế.

[2]. Đỗ Đình Hồ (2015), *Hóa sinh y học*, Nhà xuất bản Y học

[3]. Nguyễn Nghiêm Luật (2017), *Hóa sinh*, Nhà xuất bản Y học

[4]. Phạm Thị Trân Châu, Trần Thị Áng (2014), *Hóa sinh học*, Nhà xuất bản Giáo dục.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Vi sinh - Ký sinh trùng

Mã môn học: MH24A112211

Thời gian thực hiện : 45 giờ; (Lý thuyết: ...14 giờ ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, Bài tập: ..29 giờ; Kiểm tra:.....2 giờ....)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:

Môn cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ thứ 1 trong chương trình đào tạo ngành, nghề Y sĩ

- Tính chất:

Môn học này được kết hợp lý thuyết với thực hành và thực tập cơ sở, trang bị cho sinh viên những kiến thức về vi sinh vật và ký sinh trùng để sinh viên có thể ứng dụng các kiến thức đã được học nhằm ứng dụng các kiến thức đó trên lâm sàng và ở trong thực tế

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Nắm được các kiến thức về hình thể cấu tạo cơ chế gây bệnh và sinh lý các loại vi khuẩn virus, ký sinh trùng gây bệnh thường gặp

+ Trình bày được cách bước chẩn đoán, hướng xử trí khi bệnh nhân mắc bệnh do vi khuẩn, virus, ký sinh trùng gây nên

+ Trình bày được chu trình phát triển, cách thức gây bệnh của những loài vi khuẩn, virus, ký sinh trùng

+ Biết cách dự phòng những bệnh lý do vi khuẩn, virus, ký sinh trùng gây ra.

- Kỹ năng:

+ Phân loại được các loài vi khuẩn, virus, ký sinh trùng dựa vào hình dạng, đặc điểm sinh lý của chúng

+ Chẩn đoán và xử trí các trường hợp bệnh do vi khuẩn, virus, ký sinh trùng gây ra.

+ Thực hiện được các chương trình phòng chống bệnh lý do vi khuẩn, virus, ký sinh trùng gây ra

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của phân loại các loại vi sinh vật, vi khuẩn, virus hoặc ký sinh trùng. Tìm hiểu, nghiên cứu, áp dụng các biện pháp phòng ngừa và điều trị thích hợp các bệnh do các loại sinh vật, ký sinh trùng gây ra.

+ Thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

+ Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên Bài , Mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, Bài tập	Kiểm tra
1	Giới thiệu khái quát môn học	1	1	0	0
2	Chương 1: Đại cương về vi sinh vật	6	6	0	0
	Bài 1: Khái niệm, hình thể, cấu tạo và sinh lý vi khuẩn 1. Hình thể 1.1. Cầu khuẩn 1.2. Trục khuẩn 1.3. Xoắn khuẩn 2. Cấu trúc 2.1 . Nhân 2.2 . Bào tương 2.3 . Màng bào tương 2.4 . Vách 2.5. Vỏ 2.6 . Lông 2.7 . Pyli 2.8 . Nha bào 3. Sinh lý của vi khuẩn 3.1. Dinh dưỡng 3.2. Chuyển hóa 3.3. Chuyển hóa năng lượng 3.4. Sinh sản của vi khuẩn 4. Vi sinh vật trong tự nhiên và trên cơ thể người	2	2	0	0

<p>Bài 2: Đại cương vi rút</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Đặc điểm sinh học <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Hình thể 2.2. Cấu trúc 3. Sự nhân lên của virus <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Sự hấp phụ của virus lên tế bào cảm thụ 3.2. Sự xâm nhập vào trong tế bào 3.3. Sự tổng hợp các thành phần cấu trúc của virus 3.4. Sự lắp ráp 3.5. Sự giải phóng virus ra khỏi tế bào 4. Hậu quả sự nhân lên của virus trong tế bào <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Phá vỡ tế bào 4.2. Làm sai lệch nhiễm sắc thể 4.3. Tạo hạt virus không hoàn chỉnh 4.4. Gây chuyển thể tế bào 4.5. Tạo interferon 	1	1	0	0
<p>Bài 3: Đại cương miễn dịch</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Kháng nguyên <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Định nghĩa 2.2. Các thành phần kháng nguyên của vi sinh vật 3. Kháng thể <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Định nghĩa 3.2. Các loại kháng thể 4. Các hệ thống miễn dịch của cơ thể <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Hệ thống miễn dịch không đặc hiệu: miễn dịch tự nhiên 4.2. Hệ thống miễn dịch đặc hiệu. Miễn dịch thu được 	1	1	0	0

<p>Bài 4: Vi khuẩn gây bệnh thường gặp</p> <p>1. Tụ cầu</p> <p>1.1. Đặc điểm sinh học</p> <p>1.2. Khả năng gây bệnh</p> <p>1.3. Chẩn đoán vi sinh vật</p> <p>2. Liên cầu</p> <p>2.1. Đặc điểm sinh học</p> <p>2.2. Khả năng gây bệnh</p> <p>2.3. Chẩn đoán vi sinh vật</p> <p>3. Lậu cầu</p> <p>3.1. Đặc điểm sinh học</p> <p>3.2. Khả năng gây bệnh</p> <p>3.3. Chẩn đoán vi sinh vật</p> <p>4. Trực khuẩn ly</p> <p>4.1. Đặc điểm sinh học</p> <p>4.2. Khả năng gây bệnh</p> <p>4.3. Chẩn đoán vi sinh vật</p> <p>5. Phẩy khuẩn tả</p> <p>5.1. Đặc điểm sinh học</p> <p>5.2. Khả năng gây bệnh</p> <p>5.3. Chẩn đoán vi sinh vật</p> <p>6. Trực khuẩn lao</p> <p>6.1. Đặc điểm sinh học</p> <p>6.2. Khả năng gây bệnh</p> <p>6.3. Chẩn đoán vi sinh vật</p>	1	1	0	0
<p>Bài 5: Các loại vi rút gây bệnh thường gặp</p> <p>1. Vi rút bại liệt</p> <p>1.1. Đặc điểm sinh học</p> <p>1.2. Khả năng gây bệnh</p> <p>1.3. Chẩn đoán vi sinh vật</p> <p>2. Vi rút dại</p> <p>2.1. Đặc điểm sinh học</p> <p>2.2. Khả năng gây bệnh</p> <p>2.3. Chẩn đoán vi sinh vật</p>	1	1	0	0

DÀN
TRÚ
CAO
TIỀ
17

<p>3. Vi rút viêm gan 3.1. Đặc điểm sinh học 3.2. Khả năng gây bệnh 3.3. Chẩn đoán vi sinh vật 4. Vi rút sốt xuất huyết 4.1. Đặc điểm sinh học 4.2. Khả năng gây bệnh 4.3. Chẩn đoán vi sinh vật</p>				
<p>Chương 2: Đại cương ký sinh trùng</p>	7	7	0	0
<p>Bài 6: Đại cương ký sinh trùng 1. Định nghĩa 2. Các kiểu tương tác giữa những sinh vật 2.1. Cộng sinh 2.2. Tương sinh 2.3. Hội sinh 2.4. Ký Sinh 2.5. Phương thức ký sinh 3. Nguồn gốc của sự ký sinh 4. Tính đặc hiệu ký sinh 4.1. Đặc hiệu về ký chủ 4.2. Đặc hiệu nơi ký sinh (cơ quan) 5. Ký chủ - các loại ký chủ 5.1. Ký chủ 5.2. Các loại ký chủ 6. Tương tác giữa ký sinh trùng và ký chủ 6.1. Ảnh hưởng của ký sinh trùng trên ký chủ 6.2. Ảnh hưởng của Ký chủ lên Ký sinh trùng 7. Danh Pháp</p>	2	2	0	0

<ul style="list-style-type: none"> 2. Giun đũa <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Hình dạng 2.2. Đường lây 2.3. Sinh bệnh học 2.4. Điều trị 2.5. Dự phòng 3. Giun móc <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Hình dạng 3.2. Đường lây 3.3. Sinh bệnh học 3.4. Điều trị 3.5. Dự phòng 4. Giun chỉ <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Hình dạng 4.2. Đường lây 4.3. Sinh bệnh học 4.4. Điều trị 4.5. Dự phòng 5. Sán lá gan <ul style="list-style-type: none"> 5.1. Hình dạng 5.2. Đường lây 5.3. Sinh bệnh học 5.4. Điều trị 5.5. Dự phòng 6. Sán dải bò <ul style="list-style-type: none"> 6.1. Hình dạng 6.2. Đường lây 6.3. Sinh bệnh học 6.4. Điều trị 6.5. Dự phòng 7. Sán dải heo <ul style="list-style-type: none"> 7.1. Hình dạng 7.2. Đường lây 7.3. Sinh bệnh học 7.4. Điều trị 7.5. Dự phòng 8. Sán lá phổi <ul style="list-style-type: none"> 8.1. Hình dạng 8.2. Đường lây 8.3. Sinh bệnh học 8.4. Điều trị 8.5. Dự phòng 				
Chương 3: Thực tập vi ký sinh trùng	29	0	29	0

	Bài 1: Cách sử dụng kính hiển vi 1. Khái niệm kính hiển vi quang học 2. Cấu tạo 3. Cách sử dụng kính hiển vi 4. Bảo quản kính hiển vi	1	0	1	0
	Bài 2: Phương pháp nhuộm đơn – nhuộm gram 1. Chuẩn bị một phết vi trùng để nhuộm 1.1. Chuẩn bị lame 1.2. Cách gắn vi trùng vào tấm lame 2. Phương pháp nhuộm đơn 2.1. Nguyên tắc 2.2. Vật liệu 2.3. Thực hiện 2.4. Đọc kết quả 3. Phương pháp nhuộm gram 3.1. Nguyên tắc 3.2. Đặc điểm của tế bào vi khuẩn có liên quan đến phương pháp nhuộm Gram 3.3. Vật liệu 3.4. Thực hiện 3.5. Đọc kết quả	1	0	1	0
	Bài 3: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp 1. Quan sát hình thể vi khuẩn 2. Vi khuẩn gây bệnh thường gặp	3	0	3	0

<p>Bài 4: Định danh cầu khuẩn gram dương/gram âm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Staphilococci <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Đại cương 1.2. Thực hành 1.3. Phản ứng catalase 2. Streptococci và pneumococci <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Đại cương 2.2. Thực hành 3. Định danh cầu khuẩn gram âm <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Đại cương 3.2. Thực hành 	3	0	3	0
<p>Bài 5: Họ vi trùng đường ruột</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tính chất 2. Thực hành <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Tiến hành 2.2. Đọc kết quả 	1	0	1	0
<p>Bài 6: Hình thể giun sán</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Ascaris lumbricoides</i> 2. <i>Enterobius vermicularis</i> 3. <i>Trichuris trichiura</i> 4. <i>Ancylostoma duodenale</i> 5. <i>Necator americanus</i> 6. <i>Taenia solium</i> 7. <i>Taenia saginata</i> 8. Trứng sán dải 9. <i>Fasciolopsis buski</i> 10. <i>Fasciola hepatica</i> 11. <i>Clonorchis sinensis</i> 	6	0	6	0

<p>Bài 7: Ký sinh trùng sốt rét</p> <p>1. Plasmodium vivax</p> <p>1.1 Plasmodium vivax young trophozoites</p> <p>1.2 Plasmodium vivax late trophozoites</p> <p>1.3 Plasmodium vivax schizonts</p> <p>1.4 Plasmodium vivax gametocytes</p> <p>2. Plasmodium falciparum</p> <p>2.1 Plasmodium falciparum young trophozoites</p> <p>2.2 Plasmodium falciparum late trophozoites</p> <p>2.3 Plasmodium falciparum schizonts</p> <p>2.4 Plasmodium falciparum gametocytes</p>	5	0	5	0
<p>Bài 8: Hình thể đơn bào</p> <p>1. Trùng chân giả- Amip</p> <p>1.1 Amip gây bệnh (Entamoeba histolytica)</p> <p>1.2. Amip không gây bệnh (Entamoeba coli)</p> <p>2. Trùng roi đường ruột</p> <p>2.1. Trichomonas intestinalis (trichomonas hominis)</p> <p>2.2. Giardia lamblia</p> <p>3. Trùng roi âm đạo (Trichomonas vaginalis)</p> <p>4. Trùng lông (Balantidium coli)</p>	5	0	5	0
Bài 9: Ôn tập	4	0	4	0
Kiểm tra	2	0	0	2
Tổng cộng	45	14	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về vi sinh vật

Bài 1: Khái niệm, hình thể, cấu tạo và sinh lý vi khuẩn

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài

- Trình bày được một số khái niệm và đặc điểm của vi khuẩn.
- Mô tả được đặc điểm hình thể, cấu trúc và sinh lý vi khuẩn

2. Nội dung bài:

1. Hình thể

1.1. Cầu khuẩn

1.2. Trục khuẩn

1.3. Xoắn khuẩn

2. Cấu trúc

2.1 . Nhân

2.2 . Bào tương

2.3 . Màng bào tương

2.4 . Vách

2.5. Vỏ

2.6 . Lông

2.7 . Pyli

2.8 . Nha bào

3. Sinh lý của vi khuẩn

3.1. Dinh dưỡng

3.2. Chuyển hóa

3.3. Chuyển hóa năng lượng

3.4. Sinh sản của vi khuẩn

4. Vi sinh vật trong tự nhiên và trên cơ thể người

Bài 2: Đại cương vi rút

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Phân tích được đặc điểm cấu trúc của virus
- Trình bày được sự nhân lên và hậu quả sự nhân lên của virus ở tế bào cảm thụ

2. Nội dung bài:

1. Định nghĩa

2. Đặc điểm sinh học
 - 2.1. Hình thể
 - 2.2. Cấu trúc
3. Sự nhân lên của virus
 - 3.1. Sự hấp phụ của virus lên tế bào cảm thụ
 - 3.2. Sự xâm nhập vào trong tế bào
 - 3.3. Sự tổng hợp các thành phần cấu trúc của virus
 - 3.4. Sự lắp ráp
 - 3.5. Sự giải phóng virus ra khỏi tế bào
4. Hậu quả sự nhân lên của virus trong tế bào
 - 4.1. Phá vỡ tế bào
 - 4.2. Làm sai lệch nhiễm sắc thể
 - 4.3. Tạo hạt virus không hoàn chỉnh
 - 4.4. Gây chuyển thể tế bào
 - 4.5. Tạo interferon

Bài 3: Đại cương miễn dịch

Thời gian: 1 giờ (01 LT,0 TH)

1. Mục tiêu của bài:
 - Phân tích được thành phần kháng nguyên của vi sinh vật
 - Trình bày được 2 hệ thống miễn dịch tham gia quá trình bảo vệ cơ thể
 - Trình bày được nguyên lý, nguyên tắc sử dụng vaccin và huyết thanh

2. Nội dung bài:

1. Định nghĩa

2. Kháng nguyên

2.1: Định nghĩa

2.2: Các thành phần kháng nguyên của vi sinh vật

3. Kháng thể

3.1. Định nghĩa

3.2. Các loại kháng thể

4. Các hệ thống miễn dịch của cơ thể

4.1. Hệ thống miễn dịch không đặc hiệu: miễn dịch tự nhiên

4.2. Hệ thống miễn dịch đặc hiệu: Miễn dịch thu được

Bài 4: Vi khuẩn gây bệnh thường gặp

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Phân tích được đặc điểm sinh học của vi khuẩn gây bệnh thường gặp.
- Trình bày được khả năng gây bệnh của vi khuẩn thường gặp.
- Trình bày được các bước chẩn đoán vi sinh vật các bệnh thường gặp do vi khuẩn.
- Trình bày được biện pháp phòng và điều trị các bệnh thường gặp do vi khuẩn.

2. Nội dung bài:

1. Tụ cầu

- 1.1. Đặc điểm sinh học
- 1.2. Khả năng gây bệnh
- 1.3. Chẩn đoán vi sinh vật

2. Liên cầu

- 2.1. Đặc điểm sinh học
- 2.2. Khả năng gây bệnh
- 2.3. Chẩn đoán vi sinh vật

3. Lậu cầu

- 3.1. Đặc điểm sinh học
- 3.2. Khả năng gây bệnh
- 3.3. Chẩn đoán vi sinh vật

4. Trực khuẩn lỵ

- 4.1. Đặc điểm sinh học
- 4.2. Khả năng gây bệnh
- 4.3. Chẩn đoán vi sinh vật

5. Phẩy khuẩn tả

- 5.1. Đặc điểm sinh học
- 5.2. Khả năng gây bệnh
- 5.3. Chẩn đoán vi sinh vật

6. Trực khuẩn lao

- 6.1. Đặc điểm sinh học
- 6.2. Khả năng gây bệnh
- 6.3. Chẩn đoán vi sinh vật

Bài 5: Các loại vi rút gây bệnh thường gặp

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được khả năng gây bệnh của virus thường gặp
- Trình bày được các bước chẩn đoán virus gây bệnh thường gặp
- Trình bày được biện pháp phòng và trị bệnh thường gặp do virus

2. Nội dung bài:

1. Vi rút bại liệt

- 1.1. Đặc điểm sinh học
- 1.2. Khả năng gây bệnh
- 1.3. Chẩn đoán vi sinh vật

2. Vi rút dại

- 2.1. Đặc điểm sinh học
- 2.2. Khả năng gây bệnh
- 3.3. Chẩn đoán vi sinh vật

3. Vi rút viêm gan

- 3.1. Đặc điểm sinh học
- 3.2. Khả năng gây bệnh
- 3.3. Chẩn đoán vi sinh vật

4. Vi rút sốt xuất huyết

- 4.1. Đặc điểm sinh học
- 4.2. Khả năng gây bệnh
- 4.3. Chẩn đoán vi sinh vật

Chương 2: Đại cương ký sinh trùng

Bài 6: Đại cương ký sinh trùng

Thời gian: 2 giờ (02 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được các kiểu tương quan giữa các sinh vật
- Trình bày được các loại ký chủ.
- Nêu được ảnh hưởng của ký sinh trùng lên ký chủ và ngược lại.
- Biết cách viết tên ký sinh trùng bằng tên la tinh

2. Nội dung bài:

1. Định nghĩa

2. Các kiểu tương tác giữa những sinh vật

- 1.1. Cộng sinh
- 1.2. Tương sinh
- 1.3. Hội sinh



1.4. Ký Sinh

1.5. Phương thức ký sinh

3. Nguồn gốc của sự ký sinh

4. Tính đặc hiệu ký sinh

4.1. Đặc hiệu về ký chủ

4.2. Đặc hiệu nơi ký sinh (cơ quan)

5. Ký chủ - các loại ký chủ

5.1. Ký chủ

5.2. Các loại ký chủ

6. Tương tác giữa ký sinh trùng và ký chủ

6.1. Ảnh hưởng của ký sinh trùng trên ký chủ

6.2. Ảnh hưởng của Ký chủ lên Ký sinh trùng

7. Danh Pháp

Bài 7: Amip gây bệnh, trùng roi, trùng lông.

Thời gian: 2 giờ (02 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Mô tả được hình dạng 3 dạng *Entamoeba histolytica*
- Nêu được phương thức lan truyền của *Entamoeba histolytica*.
- Trình bày được 2 phương pháp chẩn đoán đặc hiệu của *Entamoeba histolytica*.
- Trình bày được 2 phương pháp dự phòng cá nhân và cộng đồng đối với amip
- Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của *Trichomonas vaginalis*.
- Nêu được đặc điểm lâm sàng của *P.intestinalis*.
- Trình bày được 3 thể bệnh do *B.coli* gây ra.
- Trình bày được 4 cấp dự phòng trùng roi, trùng lông

2. Nội dung bài:

1. Amip

1.1. Đại Cương

1.2. Hình dạng

1.3. Sinh học

1.4. Dịch tễ

1.5. Bệnh lý

2. Trùng roi

2.1. Đại Cương

2.2. Hình dạng

- 2.3. Sinh học
- 2.4. Dịch tễ
- 2.5. Bệnh lý
 - 3. Trùng lông
- 3.1. Đại Cương
- 3.2. Hình dạng
- 3.3. Sinh học
- 3.4. Dịch tễ
- 3.5. Bệnh lý

Bài 8: Ký sinh trùng sốt rét

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 00 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Nêu được đặc điểm về dịch tễ học bệnh sốt rét ở miền Nam Việt Nam.
- Trình bày được bệnh lý học của bệnh sốt rét.
- Trình bày được 3 phương thức truyền bệnh sốt rét.
- Nêu được phương pháp chẩn đoán cận lâm sàng của bệnh sốt rét

2. Nội dung bài:

1. Đại cương, chu trình phát triển

- 1.1. Chu trình sinh sản vô tính
- 1.2. Chu trình sinh sản hữu tính

2. Dịch tễ

- 2.1. Thế giới
- 2.2. Tại Việt Nam

3. Bệnh sốt rét

- 3.1. Thời kỳ ủ bệnh
- 3.2. Thời kỳ khởi phát
- 3.3. Con sốt rét
- 3.4. Điều trị
- 4. Phòng bệnh

Bài 9: Đại cương giun sán

Thời gian: 2 giờ (02 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Nêu được 5 đặc điểm chung về giun sán.
- Nêu được đặc điểm dịch tễ học của bệnh giun sán.
- Trình bày được 2 đặc điểm miễn dịch học của bệnh giun sán.

2. Nội dung bài:

1. Giun kim

1.1. Hình dạng

1.2. Đường lây

1.3. Sinh bệnh học

1.4. Điều trị

1.5. Dự phòng

2. Giun đũa

2.1. Hình dạng

2.2. Đường lây

2.3. Sinh bệnh học

2.4. Điều trị

2.5. Dự phòng

3. Giun móc

3.1. Hình dạng

3.2. Đường lây

3.3. Sinh bệnh học

3.4. Điều trị

3.5. Dự phòng

4. Giun chỉ

4.1. Hình dạng

4.2. Đường lây

4.3. Sinh bệnh học

4.4. Điều trị

4.5. Dự phòng

5. Sán lá gan

5.1. Hình dạng

5.2. Đường lây

5.3. Sinh bệnh học

5.4. Điều trị

- 5.5. Dự phòng
 - 6. Sán dãi bò
 - 6.1. Hình dạng
 - 6.2. Đường lây
 - 6.3. Sinh bệnh học
 - 6.4. Điều trị
 - 6.5. Dự phòng
 - 7. Sán dãi heo
 - 7.1. Hình dạng
 - 7.2. Đường lây
 - 7.3. Sinh bệnh học
 - 7.4. Điều trị
 - 7.5. Dự phòng
 - 8. Sán lá phổi
 - 8.1. Hình dạng
 - 8.2. Đường lây
 - 8.3. Sinh bệnh học
 - 8.4. Điều trị
 - 8.5. Dự phòng

Chương 3: Thực tập vi ký sinh trùng

Bài 1: Cách sử dụng kính hiển vi

Thời gian: 1 giờ (00 LT, 01 TH)

1. Mục tiêu của bài:
 - Trình bày được cấu tạo kính hiển vi quang học.
 - Thực hiện được thao tác sử dụng kính để quan sát tiêu bản, và bảo quản kính.
2. Nội dung bài:
 1. **Khái niệm kính hiển vi quang học**
 2. **Cấu tạo**
 3. Cách sử dụng kính hiển vi
 4. Bảo quản kính hiển vi

Bài 2: Phương pháp nhuộm đơn – nhuộm gram

Thời gian: 1 giờ (00 LT, 01 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được phương pháp nhuộm Gram
- Nhận dạng được vi khuẩn Gram dương- Gram âm.

2. Nội dung bài:

1. Chuẩn bị một phết vi trùng để nhuộm

1.1. Chuẩn bị lame

1.2. Cách gắn vi trùng vào tấm lame

2. Phương pháp nhuộm đơn

2.1. Nguyên tắc

2.2. Vật liệu

2.3. Thực hiện

2.4. Đọc kết quả

3. Phương pháp nhuộm gram

3.1. Nguyên tắc

3.2. Đặc điểm của tế bào vi khuẩn có liên quan đến phương pháp nhuộm Gram

3.3. Vật liệu

3.4. Thực hiện

3.5. Đọc kết quả

Bài 3: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp

Thời gian: 3 giờ (00 LT, 03 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Nhận dạng được hình thể các loại vi khuẩn thường gặp.
- Nêu được tên khoa học các loại vi khuẩn thường gặp.

2. Nội dung bài:

1. Quan sát hình thể vi khuẩn

2. Vi khuẩn gây bệnh thường gặp

Bài 4: Định danh cầu khuẩn gram dương/ gram âm

Thời gian: 3 giờ (00 LT, 03 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được các phương pháp định danh cầu khuẩn Gram dương.
- Nêu được tên các phương pháp định danh.

2. Nội dung bài

1. Staphilococci

- 1.1. Đại cương
- 1.2. Thực hành
- 1.3. Phản ứng catalase
2. Streptococci và pneumococci
- 2.1. Đại cương
- 2.2. Thực hành
3. Định danh cầu khuẩn gram âm
- 3.1. Đại cương
- 3.2. Thực hành

Bài 5: Họ vi trùng đường ruột

Thời gian: 1 giờ (00 LT, 01 TH)

1. Mục tiêu của bài:
 - Nhận dạng được hình thể các loại vi trùng đường ruột thường gặp
 - Trình bày được tên khoa học các loại vi trùng đường ruột.
2. Nội dung bài:
 1. Tính chất
 2. Thực hành
 - 2.1. Tiến hành
 - 2.2. Đọc kết quả

Bài 6: Hình thể giun sán

Thời gian: 6 giờ (00 LT, 06 TH)

1. Mục tiêu của bài:
 - Nhận dạng được hình thể các loại giun sán.
 - Trình bày được tên khoa học các loại giun sán.
2. Nội dung bài
 1. *Ascaris lumbricoides*
 2. *Enterobius vermicularis*
 3. *Trichuris trichiura*
 4. *Ancylostoma duodenale*
 5. *Necator americanus*
 6. *Taenia solium*
 7. *Taenia saginata*

8. Trứng sán dải
9. Fasciolopsis buski
10. Fasciola hepatica
11. Clonorchis sinensis

Bài 7: Ký sinh trùng sốt rét

Thời gian: 5 giờ (00 LT, 05 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Nhận dạng được hình thể Plasmodium vivax, Plasmodium falciparum.
- Trình bày được các giai đoạn phát triển trong hồng cầu của Plasmodium vivax, Plasmodium falciparum.
- Viết được tên khoa học của Plasmodium vivax, Plasmodium falciparum ở từng giai đoạn trong hồng cầu.

2. Nội dung bài

1. Plasmodium vivax

1.1 Plasmodium vivax young trophozoites

1.2 Plasmodium vivax late trophozoites

1.3 Plasmodium vivax schizonts

1.4 Plasmodium vivax gametocytes

2. Plasmodium falciparum

2.1 Plasmodium falciparum young trophozoites

2.2 Plasmodium falciparum late trophozoites

2.3 Plasmodium falciparum schizonts

2.4 Plasmodium falciparum gametocytes

Bài 8: Hình thể đơn bào

Thời gian: 5 giờ (00 LT, 05 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Nhận dạng hình thể Amip gây bệnh và Amip không gây bệnh
- Nhận dạng được hình thể trùng roi đường ruột, trùng roi âm đạo, trùng lông.
- Nêu được tên khoa học Amip gây bệnh, Amip không gây bệnh, trùng roi đường ruột, trùng roi âm đạo, trùng lông.

2. Nội dung bài

1. Trùng chân giả- Amip
 - 1.1 Amip gây bệnh (*Entamoeba histolytica*)
 - 1.2. Amip không gây bệnh (*Entamoeba coli*)
2. Trùng roi đường ruột
 - 2.1. *Trichomonas intestinalis* (*trichomonas hominis*)
 - 2.2. *Giardia lamblia*
3. Trùng roi âm đạo (*Trichomonas vaginalis*)
4. Trùng lông (*Balantidium coli*)

Bài 9: Ôn tập

Thời gian: 4 giờ (00 LT, 04 TH)

1. Mục tiêu của bài:
 - Ôn lại kiến thức tất cả các bài đã học ở chương thực hành

2. Nội dung bài

Ôn tập các chương

Chương 1: Cách sử dụng kính hiển vi quang học.

Chương 2: Nhuộm đơn, Nhuộm Gram.

Chương 3: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp.

Chương 4: Định danh cầu khuẩn Gram dương, Gram âm.

Chương 5: Vi khuẩn đường ruột.

Chương 6: Hình thể giun sán.

Chương 7: Hình thể KST Sốt rét.

Chương 8: Hình thể đơn bào.

IV. Điều kiện thực hiện

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: giảng đường, phòng thực tập.
2. Trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy chiếu, micro, kính hiển vi, các tiêu thể...
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, bảng, phấn, dụng cụ tiêu hao tương ứng với kỹ thuật, tiêu bản, hình ảnh về các loại vi sinh vật, ký sinh trùng,...
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Nắm được các kiến thức về hình thể cấu tạo cơ chế gây bệnh và sinh lý các loại vi khuẩn virus, ký sinh trùng gây bệnh thường gặp

+ Trình bày được cách bước chẩn đoán, hướng xử trí khi bệnh nhân mắc bệnh do vi khuẩn, virus, ký sinh trùng gây nên

+ Trình bày được chu trình phát triển, cách thức gây bệnh của những loài vi khuẩn, virus, ký sinh trùng

+ Biết cách dự phòng những bệnh lý do vi khuẩn, virus, ký sinh trùng gây ra.

- Kỹ năng:

+ Phân loại được các loài vi khuẩn, virus, ký sinh trùng dựa vào hình dạng, đặc điểm sinh lý của chúng

+ Chẩn đoán và xử trí các trường hợp bệnh do vi khuẩn, virus, ký sinh trùng gây ra.

+ Thực hiện được các chương trình phòng chống bệnh lý do vi khuẩn, virus, ký sinh trùng gây ra

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tích cực tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến xây dựng bài trong học tập.

+ Nhận thức được tầm quan trọng của phân loại các loại vi sinh vật, vi khuẩn, virus hoặc ký sinh trùng. Tìm hiểu, nghiên cứu, áp dụng các biện pháp phòng ngừa và điều trị thích hợp các bệnh do các loại sinh vật, ký sinh trùng gây ra.

+ Thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

+ Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

- Kiểm tra nội dung thực tập bằng hình thức chạy trạm tại phòng thực tập Vi sinh – Ký sinh trùng

- Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút

- Hình thức kiểm tra trắc nghiệm: trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án

- Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án.

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện

1. Phạm vi áp dụng : áp dụng cho sinh viên trình độ Cao đẳng ngành Y sĩ

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập :

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Tổ chức dạy và học tại trường

+ Phối hợp các phương pháp dạy/học:

✓ Thuyết trình Powerpoint.

✓ Thảo luận nhóm.

✓ Chia nhóm thực hành đóng vai, xử lý tình huống.

- Đối với người học:

+ Tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, thực hành

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Đây là một môn học đòi hỏi sinh viên phải cố gắng nắm bắt được những kiến thức khá phức tạp và khó hình dung, với nhiều khái niệm, cách gọi tên các loài vi sinh vật, ký sinh trùng khó nhớ. Điều đó đòi hỏi sinh viên phải có nỗ lực cao trong quá trình học tập và đồng thời giảng viên cũng phải hỗ trợ, tìm cách tối giản nhất những kiến thức để truyền đạt cho sinh viên để các em có thể đạt được hiệu quả tiếp thu cao nhất

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ môn Ký sinh trùng, Khoa Y- Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (2010), *Ký sinh trùng y học*- Giáo trình Đại học, Nhà xuất bản Y học

[2]. Bộ môn sốt rét, Ký sinh trùng và côn trùng – Học viện Quân Y (2001), *Kỹ thuật Ký sinh trùng y học*, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân

[3]. Bộ Y tế (2010), *Vi sinh vật* – Dành cho đào tạo kỹ thuật viên cao đẳng xét nghiệm, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[4]. Bộ Y tế (2010), *Vi sinh y học* – Dành cho đào tạo cao đẳng y học, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[5]. Bộ Y tế (2009), *Vi sinh vật y học* – Tài liệu dùng trong các trường Trung học y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[6]. Bộ Y tế (2010), *Vi sinh vật y học*– Sách đào tạo Bác sĩ đa khoa, Nhà xuất bản Y học.

[7]. Bộ Y tế (2009), *Vi sinh vật học* – Dành cho đối tượng Dược sĩ đại học, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[8]. Bộ Y tế (2010), *Vi sinh – Ký sinh trùng* – Sách dùng trong các trường Trung học y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[9]. Nguyễn Văn Đề (2013), *Ký sinh trùng trong lâm sàng* – sách đào tạo Cử nhân kỹ thuật y học, Nhà xuất bản Y học

[10]. Lê Thị Thu Hương (2010), *Ký sinh trùng* – Dành cho đào tạo Dược sĩ đại học, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

[11]. Nguyễn Đình Nga (2010), *Ký sinh trùng - Dùng đào tạo Dược sĩ đại học*, Nhà xuất bản Y học

[12]. Lê Thị Oanh (2011), *Vi sinh y học – Dùng cho đào tạo Cử nhân Điều dưỡng*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[13]. Vụ Khoa học và Đào tạo- Bộ Y tế (2009), *Vi sinh – ký sinh trùng – sách dùng trong các trường Trung học y tế*, Nhà xuất bản Y học

[14]. Lê Thị Xuân (2013), *Ký sinh trùng thực hành*, Nhà xuất bản Y học

[15]. Mahmud, Rohela, Lim, Yvonne Ai Lian, Amir, Amirah (2020), *Medical Parasitology*, Springer International Publishing 2020.

[16]. Lim, Yvonne Ai Lian, Vythilingam, Indra (2020), *Parasites and their vectors*, Springer Vienna 2020.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH

Mã môn học: MH24A112212

Thời gian thực hiện: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ III trong chương trình đào tạo ngành Y sĩ trình độ Cao đẳng

- Tính chất: Môn học lý thuyết nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ chế phát sinh, phát triển của các bệnh lý thường gặp cũng như phản ứng của cơ thể trước những bệnh cảnh đó. Từ đó giúp các bạn học sinh đưa ra hướng xử trí, điều trị một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm, yếu tố, nguyên nhân, cơ chế gây bệnh thông qua các quá trình sinh lý của cơ thể

+ Trình bày được vai trò của các quá trình chuyển hóa, các quá trình sinh lý bệnh của các hệ cơ quan trong cơ thể.

+ Trình bày được các biểu hiện bình thường và biểu hiện bất thường của cơ thể thông qua các quá trình sinh lý.

- Kỹ năng:

+ Nhận biết, phân loại một số bất thường của cơ thể dựa trên nguyên nhân, cơ chế, các quá trình sinh lý từ đó đưa ra hướng xử trí thích hợp.

+ Giải thích được các nguyên nhân gây ra những biểu hiện bất thường trong cơ thể bằng các cơ chế của sinh lý bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của việc hiểu rõ các quá trình chuyển hóa, các quá trình sinh lý gây bệnh. Tìm hiểu, nghiên cứu, áp dụng các biện pháp phòng ngừa và điều trị thích hợp từng loại bệnh theo các nguyên nhân khác nhau.

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

+ Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy chế chuyên môn, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực hộ sinh và các quy định khác của ngành y tế;

+ Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế;

+ Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

+ Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên Bài, Mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, Bài tập	Kiểm tra
01	Chương 1: Rối loạn chuyển hóa	10	09		01
	Bài 1: Nhập môn sinh lý bệnh 1. Khái niệm về bệnh 1.1. Những yếu tố để định nghĩa bệnh 1.2. Khái niệm và thuật ngữ liên quan 2. Khái niệm bệnh nguyên 2.1. Định nghĩa 2.2. Quan niệm hiện nay về bệnh nguyên 2.3. Xếp loại các yếu tố bệnh nguyên 3. Khái niệm bệnh sinh 3.1. Vai trò bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh 3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình bệnh sinh 3.3. Vòng xoắn bệnh lý 3.4. Diễn biến của quá trình bệnh sinh	02	02		00
	Bài 2: Rối loạn chuyển hóa glucid-protid-lipid 1. Rối loạn chuyển hóa glucid 1.1. Đại cương 1.2. Rối loạn chuyển hóa glucid 2. Rối loạn chuyển hóa protid 2.1 Vai trò của protid trong cơ thể 2.2. Rối loạn chuyển hóa protid	04	04	00	00

	<p>3. Rối loạn chuyển hóa lipid</p> <p>3.1. Đại cương</p> <p>3.2. Rối loạn rối loạn chuyển hóa lipid</p>				
	<p>Bài 3: Rối loạn chuyển hóa nước điện giải</p> <p>1. Vai trò của nước và điện giải</p> <p>1.1. Nước</p> <p>1.2. Điện giải</p> <p>2. Phân bố nước và điện giải trong cơ thể</p> <p>3. Trao đổi nước và điện giải qua thành mao mạch</p> <p>3.1. Tính thấm thành mạch</p> <p>3.2. Áp lực thẩm thấu và áp lực keo trong máu và dịch gian bào</p> <p>3.3. Yếu tố thần kinh – thể dịch.</p> <p>4. Trao đổi nước và điện giải qua màng tế bào</p> <p>5. Rối loạn chuyển hóa nước điện giải</p> <p>5.1. Rối loạn chuyển hoá nước</p> <p>5.2. Rối loạn chuyển hoá điện giải</p>	04	03	0	01
02	Chương 2: Sinh lý bệnh	16	16		00
	<p>Bài 4: Sinh lý bệnh quá trình viêm</p> <p>1. Nguyên nhân gây viêm</p> <p>1.1 Nguyên nhân bên ngoài</p> <p>1.2 Nguyên nhân bên trong</p> <p>2. Phân loại viêm</p> <p>2.1 Theo nguyên nhân</p> <p>2.2 Theo vị trí</p> <p>2.3 Theo dịch rỉ viêm</p> <p>2.4 Theo tính chất</p> <p>2.5 Theo diễn tiến</p> <p>3. Những biến đổi chủ yếu trong viêm</p> <p>3.1 Rối loạn vận mạch</p>	2	2	0	0

<p>3.2 Rối loạn chuyển hóa trong ổ viêm 3.3 Tổn thương mô 3.4 Tăng sinh tế bào quá trình làm lành vết thương 4. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể 4.1 ảnh hưởng của cơ thể đến phản ứng viêm 4.2 Ảnh hưởng của quá trình viêm đối với cơ thể 4.3. Nguyên tắc xử trí ổ viêm</p>				
<p>Bài 5: Sinh lý bệnh điều hoà thân nhiệt 1. Điều hoà thân nhiệt 1.1 Biến nhiệt và ổn nhiệt 1.2 Cơ chế duy trì ổn định thân nhiệt 2. Thay đổi thân nhiệt thụ động 2.1 Giảm thân nhiệt 2.2 Tăng thân nhiệt 3. Sốt 3.1 Định nghĩa sốt 3.2 Chất gây sốt 3.3 Nguyên nhân gây sốt 3.4 Các giai đoạn của quá trình sốt 3.5 Cơ chế sốt, các yếu tố ảnh hưởng đến sốt 3.7 Thay đổi chức năng của các cơ quan trong sốt 3.8 Các dạng biểu hiện của sốt 3.9 Ý nghĩa của sốt</p>	2	2	0	0
<p>Bài 6: Sinh lý bệnh tuần hoàn 1. Rối loạn hoạt động của tim 1.1. Những chỉ tiêu hoạt động của tim 1.2. Sinh lý bệnh của suy tim 2. Rối loạn hoạt động mạch</p>	4	4	0	0

<p>máu</p> <p>2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp</p> <p>2.2. Bệnh tăng huyết áp</p> <p>2.3. Hạ huyết áp</p>				
<p>Bài 7: Sinh lý bệnh hô hấp</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Rối loạn chức năng hô hấp</p> <p>2.1 Rối loạn quá trình thông khí</p> <p>2.2 Rối loạn quá trình khuếch tán</p> <p>3. Suy hô hấp</p> <p>3.1 Định nghĩa</p> <p>3.2 Nguyên nhân</p> <p>3.3 Biểu hiện của suy hô hấp</p> <p>3.4. Hoạt động thích nghi của cơ thể khi thiếu oxy</p>	03	03	0	0
<p>Bài 8: Sinh lý bệnh tiêu hóa</p> <p>1. Rối loạn chức năng tiêu hóa tại dạ dày</p> <p>1.1 Rối loạn chức năng co bóp của dạ dày</p> <p>1.2 Rối loạn chức năng tiết dịch của dạ dày</p> <p>2. Cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày - tá tràng</p> <p>2.1 Sự cân bằng giữa các yếu tố hủy hoại và yếu tố bảo vệ</p> <p>2.2 Cơ chế sinh bệnh của loét dạ dày tá tràng</p> <p>3. Tiêu chảy</p> <p>3.1 Cơ chế bệnh sinh của tiêu chảy</p> <p>3.2 Rối loạn nước - điện giải trong tiêu chảy</p> <p>4. Hội chứng tắc ruột</p> <p>4.1 Định nghĩa</p> <p>4.2 Nguyên nhân</p> <p>4.3 Cơ chế bệnh sinh của</p>	02	02	0	0

	tắc ruột cơ học 5. Rối loạn hấp thu 5.1 Nhắc lại sinh lý học 5.2 Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh của rối loạn hấp thu				
	Bài 9: Sinh lý bệnh tiết niệu 1. Đại cương chức năng thận 1.1 Chức năng nội tiết 1.2 Chức năng Bài tiết 2. Thay đổi nước tiểu và máu trong bệnh thận 2.1 Những biểu hiện ở nước tiểu 2.2 Những biểu hiện ở máu 3. Một số bệnh lý của thận 3.1 Viêm ống thận cấp 3.2 Viêm cầu thận cấp 3.3 Viêm cầu thận mạn 3.4 Viêm thận kẽ (viêm thận ngược dòng hay viêm bể thận -thận) 3.5 Hội chứng thận hư 4. Cơ chế những biểu hiện của bệnh thận 4.1 Những biểu hiện toàn thân của bệnh thận 4.2 Những biến chứng của bệnh thận	03	03	0	0
03	Chương 3: Miễn dịch	04	03		01
	Bài 10: Sinh lý bệnh miễn dịch 1. Bệnh lý quá mẫn 1.1 Khái niệm – Định nghĩa – Phân loại 1.2 Quá mẫn tủyp I 1.3 Quá mẫn tủyp II 1.4 Quá mẫn tủyp III 1.5 Quá mẫn tủyp IV 2. Bệnh lý tự miễn 2.1 Định nghĩa 2.2 Nguyên nhân	04	03	0	01

2.3 Cơ chế bệnh sinh 3. Thiếu năng miễn dịch 3.1 Khái niệm 3.2 Phân loại				
Tổng cộng	30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1: RỐI LOẠN CHUYỂN HÓA

Bài 1: Nhập môn sinh lý bệnh

Thời gian: 2 giờ (LT 02; TH 0)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được những yếu tố liên quan đến định nghĩa về bệnh.
- Phân biệt được bệnh, quá trình bệnh lý và trạng thái bệnh lý.
- Trình bày được quy luật nhân quả giữa nguyên nhân và bệnh.
- Trình bày cách xếp loại đại cương về nguyên nhân gây bệnh.

2. Nội dung bài:

1. Khái niệm về bệnh

1.1. Những yếu tố để định nghĩa bệnh

1.2. Khái niệm và thuật ngữ liên quan

2. Khái niệm bệnh nguyên

2.1 . Định nghĩa

2.2 . Quan niệm hiện nay về bệnh nguyên

2.3 . Xếp loại các yếu tố bệnh nguyên

3. Khái niệm bệnh sinh

3.1. Vai trò bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình bệnh sinh

3.3. Vòng xoắn bệnh lý

3.4. Diễn biến của quá trình bệnh sinh

Bài 2: Rối loạn chuyển hóa glucid-protid-lipid

Thời gian: 4 giờ (LT 04; TH 0)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày vai trò của nội tiết, thần kinh trong điều hòa glucose máu.
- Trình bày bệnh nguyên và bệnh sinh của bệnh tiểu đường typ I và typ II.
- Trình bày cơ chế bệnh sinh do rối loạn gen cấu trúc và gen điều hòa tổng hợp protid.
- Trình bày cơ chế bệnh sinh, hậu quả xơ vữa động mạch.

2. Nội dung bài:

1. Rối loạn chuyển hóa glucid

1.1. Đại cương

1.2. Rối loạn chuyển hóa glucid

2. Rối loạn chuyển hóa protid

2.1. Vai trò của protid trong cơ thể

2.2. Rối loạn chuyển hóa protid

3. Rối loạn chuyển hóa lipid

3.1. Đại cương

3.2. Rối loạn chuyển hóa lipid

Bài 3: Rối loạn chuyển hóa nước điện giải Thời gian: 04 giờ (LT 03; KT 01)

1. Mục tiêu của bài

- Trình bày được vai trò của nước và điện giải trong cơ thể
- Trình bày các yếu tố tham gia điều hòa nước, điện giải trong và ngoài tế bào, trong và ngoài lòng mạch
- Trình bày được các rối loạn nước và điện giải trong cơ thể

2. Nội dung bài:

1. Vai trò của nước và điện giải

1.1. Nước

1.2. Điện giải

2. Phân bố nước và điện giải trong cơ thể

3. Trao đổi nước và điện giải qua thành mao mạch

3.1. Tính thấm thành mạch

3.2. Áp lực thẩm thấu và áp lực keo trong máu và dịch gian bào

3.3. Yếu tố thần kinh – thể dịch.

4. Trao đổi nước và điện giải qua màng tế bào

5. Rối loạn chuyển hóa nước điện giải

5.1. Rối loạn chuyển hoá nước

5.2. Rối loạn chuyển hoá điện giải

CHƯƠNG 2: SINH LÝ BỆNH

Bài 4: Sinh lý bệnh viêm

Thời gian: 2 giờ (LT 02; TH 0)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày cơ chế, biểu hiện của rối loạn vận mạch tại ổ viêm
- Phân tích hậu quả của phản ứng tuần hoàn trong viêm

- Trình bày cơ chế và vai trò của phản ứng tế bào trong viêm
- Phân tích mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể

2. Nội dung bài:

1. Nguyên nhân gây viêm
 - 1.1 Nguyên nhân bên ngoài
 - 1.2 Nguyên nhân bên trong
2. Phân loại viêm
 - 2.1 Theo nguyên nhân
 - 2.2 Theo vị trí
 - 2.3 Theo dịch rỉ viêm
 - 2.4 Theo tính chất
 - 2.5 Theo diễn tiến
3. Những biến đổi chủ yếu trong viêm
 - 3.1 Rối loạn vận mạch
 - 3.2 Rối loạn chuyển hóa trong ổ viêm
 - 3.3 Tổn thương mô
 - 3.4 Tăng sinh tế bào quá trình làm lành vết thương
4. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể
 - 4.1 Ảnh hưởng của cơ thể đến phản ứng viêm
 - 4.2 Ảnh hưởng của quá trình viêm đối với cơ thể
 - 4.3. Nguyên tắc xử trí ổ viêm

Bài 5: Sinh lý bệnh điều hoà thân nhiệt

Thời gian: 2 giờ (LT 02; TH 0)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của say nóng, say nắng, nhiễm lạnh
- Nêu được định nghĩa sốt, yếu tố gây sốt
- Giải thích được cơ chế tăng thân nhiệt trong sốt, các giai đoạn sốt
- Trình bày được rối loạn chuyển hóa và chức năng các cơ quan trong sốt
- Nêu các ý nghĩa của sốt và nguyên tắc xử trí

2. Nội dung bài:

1. Điều hoà thân nhiệt
 - 1.1 Biến nhiệt và ổn nhiệt
 - 1.2 Cơ chế duy trì ổn định thân nhiệt
2. Thay đổi thân nhiệt thụ động
 - 2.1. Giảm thân nhiệt

2.2 Tăng thân nhiệt

3. Sốt

3.1 Định nghĩa sốt

3.2 Chất gây sốt

3.3 Nguyên nhân gây sốt

3.4 Các giai đoạn của quá trình sốt

3.5 Cơ chế sốt, các yếu tố ảnh hưởng đến sốt

3.7 Thay đổi chức năng của các cơ quan trong sốt

3.8 Các dạng biểu hiện của sốt

3.9 Ý nghĩa của sốt

Bài 6: Sinh lý bệnh tuần hoàn

Thời gian: 4 giờ (LT 04; TH 0)

1. Mục tiêu của bài:

- Định nghĩa suy tim và nêu một số nguyên nhân chính gây suy tim.
- Trình bày những thay đổi chỉ tiêu hoạt động khi suy tim.
- Giải thích cơ chế biểu hiện của suy tim trái và suy tim phải.
- Trình bày cơ chế bệnh sinh cao huyết áp nguyên phát và cao huyết áp thứ phát.
- Giải thích cơ chế bệnh sinh các trạng thái chính gây giảm huyết áp.

2. Nội dung bài:

1. Rối loạn hoạt động của tim

1.1. Những chỉ tiêu hoạt động của tim

1.2. Sinh lý bệnh của suy tim

2. Rối loạn hoạt động mạch máu

2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến huyết áp

2.2. Bệnh tăng huyết áp

2.3. Hạ huyết áp

Bài 7: Sinh lý bệnh hô hấp

Thời gian: 03 giờ (LT 03; TH 0)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày nguyên nhân, cơ chế, hậu quả của rối loạn thông khí
- Giải thích được cơ chế, hậu quả của các rối loạn khuếch tán
- Trình bày phân loại, biểu hiện của suy hô hấp

2. Nội dung bài:

1. Đại cương

2. Rối loạn chức năng hô hấp

2.1 Rối loạn quá trình thông khí

2.2 Rối loạn quá trình khuếch tán

3. Suy hô hấp

3.1 Định nghĩa

3.2 Nguyên nhân

3.3 Biểu hiện của suy hô hấp

3.4 Hoạt động thích nghi của cơ thể khi thiếu oxy

Bài 8: Sinh lý bệnh tiêu hóa

Thời gian: 02 giờ (LT 02; TH 00)

1. Mục tiêu của bài:

- Giải thích cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày tá tràng.
- Giải thích cơ chế sinh lý bệnh của tiêu chảy.
- Trình bày các rối loạn sinh lý xảy ra trong tắc ruột.
- Nêu nguyên nhân và cơ chế gây nên hội chứng kém hấp thu.

2. Nội dung bài:

1. Rối loạn chức năng tiêu hóa tại dạ dày

1.1 Rối loạn chức năng co bóp của dạ dày

1.2 Rối loạn chức năng tiết dịch của dạ dày

2. Cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày - tá tràng

2.1 Sự cân bằng giữa các yếu tố hủy hoại và yếu tố bảo vệ

2.2 Cơ chế sinh bệnh của loét dạ dày tá tràng

3. Tiêu chảy

3.1 Cơ chế bệnh sinh của tiêu chảy

3.2 Rối loạn nước - điện giải trong tiêu chảy

4. Hội chứng tắc ruột

4.1 Định nghĩa

4.2 Nguyên nhân

4.3 Cơ chế bệnh sinh của tắc ruột cơ học

5. Rối loạn hấp thu

5.1 Nhắc lại sinh lý học

5.2 Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh của rối loạn hấp thu

Bài 9: Sinh lý bệnh tiết niệu

Thời gian: 03 giờ (LT 03; TH 00)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày nguyên nhân và cơ chế của các biểu hiện rối loạn chức năng cầu thận
- Trình bày nguyên nhân và cơ chế của các biểu hiện rối loạn chức năng ống thận
- Nêu các cơ chế gây thay đổi số lượng và chất lượng nước tiểu

- Trình bày nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh của một số bệnh cầu thận, ống thận

2. Nội dung bài:

1. Đại cương chức năng thận

1.1 Chức năng nội tiết

1.2 Chức năng bài tiết

2. Thay đổi nước tiểu và máu trong bệnh thận

2.1 Những biểu hiện ở nước tiểu

2.2 Những biểu hiện ở máu

3. Một số bệnh lý của thận

3.1 Viêm ống thận cấp

3.2 Viêm cầu thận cấp

3.3 Viêm cầu thận mạn

3.4 Viêm thận kẽ (viêm thận ngược dòng hay viêm bể thận -thận)

3.5 Hội chứng thận hư

4. Cơ chế những biểu hiện của bệnh thận

4.1 Những biểu hiện toàn thân của bệnh thận

4.2 Những biến chứng của bệnh thận

CHƯƠNG 3: MIỄN DỊCH

Bài 10: Sinh lý bệnh miễn dịch

Thời gian: 04 giờ (LT 03; KT 01)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được bệnh lý quá mẫn: định nghĩa, cơ chế và biểu hiện cận lâm sàng.

- Trình bày được bệnh lý tự miễn: định nghĩa, cơ chế và biểu hiện cận lâm sàng.

- Trình bày được bệnh lý thiếu năng miễn dịch: định nghĩa, cơ chế và biểu hiện lâm sàng

2. Nội dung bài:

1. Bệnh lý quá mẫn

1.1 Khái niệm – Định nghĩa – Phân loại

1.2 Quá mẫn tuyp I

1.3 Quá mẫn tuyp II

1.4 Quá mẫn tuyp III

1.5 Quá mẫn tuyp IV

2. Bệnh lý tự miễn

2.1 Định nghĩa

2.2 Nguyên nhân

2.3 Cơ chế bệnh sinh

3. Thiếu năng miễn dịch

3.1 Khái niệm

3.2 Phân loại

IV. Điều kiện thực hiện

1. Phòng học chuyên môn hóa: giảng đường

2. Trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy chiếu, micro, ...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, bảng, phấn, ...

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm, yếu tố, nguyên nhân, cơ chế gây bệnh thông qua các quá trình sinh lý của cơ thể

+ Trình bày được vai trò của các quá trình chuyển hóa, các quá trình sinh lý bệnh của các hệ cơ quan trong cơ thể.

+ Trình bày được các biểu hiện bình thường và biểu hiện bất thường của cơ thể thông qua các quá trình sinh lý.

- Kỹ năng:

+ Nhận biết, phân loại một số bất thường của cơ thể dựa trên nguyên nhân, cơ chế, các quá trình sinh lý từ đó đưa ra hướng xử trí thích hợp.

+ Giải thích được các nguyên nhân gây ra những biểu hiện bất thường trong cơ thể bằng các cơ chế của sinh lý bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của việc hiểu rõ các quá trình chuyển hóa, các quá trình sinh lý gây bệnh. Tìm hiểu, nghiên cứu, áp dụng các biện pháp phòng ngừa và điều trị thích hợp từng loại bệnh theo các nguyên nhân khác nhau.

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

+ Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy chế chuyên môn, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực hộ sinh và các quy định khác của ngành y tế;

+ Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế;

+ Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

+ Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

- Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút

- Hình thức kiểm tra trắc nghiệm: trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án, chọn đúng - sai

- Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án, đúng - sai

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện

1. Phạm vi áp dụng

1.1. Đơn vị phụ trách học phần: Khoa Y

1.2. Đối tượng học tập: Áp dụng cho sinh viên trình độ Cao đẳng ngành Y sĩ

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập :

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Tổ chức dạy và học tại trường

+ Phối hợp các phương pháp dạy/học:

✓ Thuyết trình Powerpoint.

✓ Thảo luận nhóm.

✓ Chia nhóm thực hành đóng vai, xử lý tình huống.

- Đối với người học:

+ Tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết.

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

+ Tạo động lực, cố gắng nắm vững những kiến thức cơ bản, tham gia vào các hoạt động trong học tập như thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi, làm bài học tập vận dụng. Tìm hiểu các thông tin về bài, tạo tiền đề tốt cho việc học tập cũng như tích lũy các kiến thức quan trọng sau này

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Đây là một môn học đòi hỏi sinh viên phải cố gắng nắm bắt được những kiến thức khá phức tạp và khó hình dung, với nhiều khái niệm, nguyên lý khó nhớ, khó hiểu. Điều đó đòi hỏi sinh viên phải có nỗ lực cao trong quá trình học tập và đồng thời giảng viên cũng phải hỗ trợ, tìm cách tối giản nhất những kiến thức để truyền đạt cho sinh viên để các em có thể đạt được hiệu quả tiếp thu cao nhất

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ môn Miễn dịch - Sinh lý bệnh - Trường ĐH Y Hà Nội (2012), *Sinh lý bệnh học*, Nhà xuất bản Y học

[2]. Văn Đình Hoa (2012), *Sinh lý bệnh dùng cho đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[3] Phạm Hoàng Phiệt (2006), *Miễn dịch sinh lý bệnh*, Nhà xuất bản Y học

[4] Trần Hữu Phúc, Nguyễn Thái Nghĩa (2010), *Sinh lý bệnh dùng cho đào tạo Cao đẳng Y học*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[5] Kathryn A. Booth, Terry Wyman (2007), *Anatomy-Physiology and thophysiology for Allied Health*, 1st ed, Career Education.

[6] Carol Mattson Porth, Sheila Grossman (2013), *Porth's Pathophysiology: Concepts of Altered Health States*, Wolters Kluwer.



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: DƯỢC LÝ

Mã môn học: MH24A112213

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 0 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí:

+ Là môn học chuyên ngành, thuộc môn học đào tạo nghề được thực hiện giảng dạy ở Học kì thứ 3

- Tính chất:

+ Môn học này nhằm cung cấp những kiến thức về tác dụng của thuốc và những vấn đề liên quan đến điều trị để có thể kê đơn và hướng dẫn sử dụng thuốc cho bệnh nhân an toàn, hợp lý.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức:

+ Trình bày được dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, tương tác thuốc, chỉ định, chống chỉ định của một số thuốc hóa dược trong Danh mục thuốc thiết yếu.

- Kỹ năng:

+ Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược trong danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc – mỹ phẩm – thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả.

+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm.

+ Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

+ Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo quy định của pháp luật, trung thực, khách quan.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về dược lý	3	3	0	0
	Bài 1: Đại cương về thuốc	1	1	0	0
	Bài 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc	2	2	0	0
2	Chương 2: Thuốc kháng histamin H1 và thuốc tác động trên đường hô hấp	2	2	0	0
	Bài 1: Thuốc kháng Histamin	1	1	0	0
	Bài 2: Thuốc chữa ho, hen phế quản	1	1	0	0
3	Chương 3: Thuốc kháng sinh kháng khuẩn	5	5	0	0
	Bài 1: Kháng sinh và sulfamid kháng khuẩn	5	5	0	0
4	Chương 4: Thuốc tác động trên hệ thần kinh trung ương	5	5	0	0
	Bài 1: Thuốc gây tê, gây mê	1	1	0	0
	Bài 2: Thuốc an thần, gây ngủ, chống co giật	1	1	0	0
	Bài 3: Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm	3	3	0	0

5	Chương 5: Vitamin	2	2	0	0
	Bài 1: Vitamin	2	2	0	0
6	Chương 6: Thuốc tác động trên hệ tim mạch	4	4	0	0
	Bài 1: Thuốc chữa bệnh tim mạch	3	3	0	0
	Bài 2: Thuốc lợi tiểu	1	1	0	0
7	Chương 7: Hormon	3	3	0	0
	Bài 1: Hormon	3	3	0	0
8	Chương 8: Thuốc trị ký sinh trùng	1	1	0	0
	Bài 1: Thuốc trị giun, sán	1	1	0	0
9	Chương 9: Thuốc tác động trên đường tiêu hóa	2	2	0	0
	Bài 1: Thuốc chữa loét dạ dày – tá tràng	1	1	0	0
	Bài 2: Thuốc chống tiêu chảy và chữa lỵ	1	1	0	0
10	Chương 10: Dung dịch tiêm truyền	1	1	0	0
	Bài 1: Dung dịch tiêm truyền	1	1	0	0
11	Kiểm tra	2	0	0	2
Tổng		30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về dược lý

Bài 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ THUỐC

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về thuốc, quan niệm về cách dùng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người.

- Trình bày được cách phân loại thuốc.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Các khái niệm
- 2.2. Quan niệm về dùng thuốc
- 2.3. Các đặc tính của thuốc

Bài 2: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÁC DỤNG CỦA THUỐC

Thời gian: 02 giờ (02LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các cách tác dụng của thuốc và vận dụng được các tác dụng của thuốc để sử dụng thuốc và phối hợp thuốc hợp lý, an toàn.

- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Các cách tác dụng của thuốc
- 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc
- 2.3. Ảnh hưởng của thức ăn đến tác dụng của thuốc
- 2.4. Thời điểm dùng thuốc
- 2.5. Dị ứng thuốc

Chương 2: Thuốc kháng Histamin H1 và thuốc tác động trên hệ hô hấp

Bài 1: THUỐC KHÁNG HISTAMIN

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về dị ứng, thuốc kháng histamin, nguyên tắc sử dụng các thuốc kháng histamin H1 tổng hợp.

- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, dạng dùng một số thuốc kháng histamin H1 tổng hợp.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Các khái niệm
- 2.2. Đại cương về thuốc kháng Histamin
- 2.3 Các thuốc kháng Histamin H1

Bài 2: THUỐC CHỮA HO, HEN PHẾ QUẢN

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được và phân loại thuốc chữa ho.

- Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, dạng thuốc các thuốc chữa ho, hen phế quản

2. Nội dung bài:

2.1. Phân loại

2.2. Các thuốc chữa ho, hen phế quản

Chương 3: Thuốc kháng sinh kháng khuẩn

Bài 1: KHÁNG SINH VÀ SULFAMID KHÁNG KHUẨN

Thời gian: 05 giờ (05LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đại cương về kháng sinh và sulfamid, cách phân loại, đặc điểm từng loại, nguyên tắc sử dụng kháng sinh, sulfamid, cơ chế kháng khuẩn của sulfamid.

- Trình bày được dược động học, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tai biến, cách dùng, liều lượng, kỹ thuật bảo quản các thuốc kháng sinh và sulfamid thông dụng.

2. Nội dung bài:

2.1. Phân Kháng sinh

2.2. Phân Sulfamid

Chương 4: Thuốc tác động trên hệ thần kinh trung ương

Bài 1: THUỐC GÂY TÊ, GÂY MÊ

Thời gian: Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa thuốc gây tê, gây mê.

- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định các thuốc gây tê.

- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định của các loại thuốc mê, thuốc tiền mê.

2. Nội dung bài:

2. 1. Các định nghĩa

2.2. Các thuốc gây tê

2.3. Các thuốc gây mê

Bài 2: THUỐC AN THẦN, GÂY NGỦ, CHỐNG CO GIẬT

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về thuốc ngủ, an thần, chống co giật và đặc điểm của dẫn chất barbituric, benzodiazepin.

- Trình bày được dược động học, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc ngủ an thần, chống co giật.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Các khái niệm
- 2.2. Các dẫn chất barbituric
- 2.3. Các dẫn chất benzodiazepin
- 2.4. Các thuốc an thần gây ngủ chống co giật

Bài 3: THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT, CHỐNG VIÊM

Thời gian: Thời gian: 03 giờ (03LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, cách phân loại, cơ chế tác dụng, độc tính, chỉ định chung của thuốc hạ sốt.

- Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng, bảo quản thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm

2. Nội dung bài:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Các thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm

Chương 5: Vitamin

Bài 1: VITAMIN

Thời gian: 02 giờ (02LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đại cương, vai trò, phân loại, nguyên tắc sử dụng các vitamin.

- Trình bày được dược động học, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng, bảo quản các vitamin.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Đại cương về vitamin
- 2.2. Các vitamin thông dụng

Chương 6: THUỐC TÁC ĐỘNG TRÊN TIM MẠCH

Bài 1: THUỐC CHỮA BỆNH TIM MẠCH

Thời gian: 03 giờ (03LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cách phân loại, đặc điểm, tác dụng từng loại thuốc chữa bệnh tim - mạch.

- Trình bày được dược động học, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều dùng, bảo quản các thuốc chữa bệnh tim - mạch.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Phân loại

2.2. Các thuốc chữa bệnh tim mạch

Bài 2: THUỐC LỢI TIỂU

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1.Mục tiêu:

- Trình bày được sơ lược về sinh lý thận, cách phân loại, đặc điểm, cơ chế tác dụng từng loại thuốc lợi tiểu.

- Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng, bảo quản các loại thuốc lợi tiểu.

2. Nội dung bài:

2.1. Phân loại thuốc lợi tiểu

2.2. Các thuốc lợi tiểu

Chương 7: Hormon

Bài 1: HORMON

Thời gian: 03 giờ (03LT, 0TH)

1.Mục tiêu:

-Trình bày được chức năng của các tuyến nội tiết, vai trò, đặc điểm, phân loại hormon.

- Trình bày được tác dụng chung, chỉ định và nguyên tắc sử dụng glucocorticoid trong điều trị.

- Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng, bảo quản hormon và các chất tương tự.

2. Nội dung bài:

2.1. Đại cương về hormon

2.2. Glucocorticoid

2.3. Các hormon và glucocorticoid

Chương 8: Thuốc trị ký sinh trùng

Bài 1: THUỐC TRỊ GIUN, SÁN

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1.Mục tiêu:

- Trình bày được đại cương về bệnh giun, sán, cách phân loại và những chú ý khi dùng thuốc chống giun, sán.

- Trình bày được tên, tác dụng, chỉ định, cách dùng, liều lượng, bảo quản các thuốc chống giun, sán.

2. Nội dung bài:

2.1. Phân loại thuốc trị giun, sán

2.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc chống giun sán

2.3. Các thuốc chống giun, sán

Chương 9: Thuốc tác động trên hệ tiêu hóa

Bài 1: THUỐC CHỮA LOÉT DẠ DÀY – TÁ TRÀNG

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được sơ lược về bệnh loét dạ dày - tá tràng, cách phân loại các thuốc chữa loét dạ dày - tá tràng.

- Trình bày được tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng, bảo quản các thuốc chữa loét dạ dày - tá tràng.

2. Nội dung bài:

2.1. Phân loại các nhóm thuốc chữa loét dạ dày – tá tràng

2.2. Các thuốc chữa loét dạ dày – tá tràng

Bài 2: THUỐC CHỐNG TIÊU CHẢY VÀ CHỮA LỖ

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân gây bệnh tiêu chảy, bệnh lỵ và cách phân loại thuốc chống tiêu chảy và chữa lỵ.

- Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng, bảo quản các thuốc chống tiêu chảy và chữa lỵ.

2. Nội dung bài:

2.1. Phân loại

2.2. Các thuốc chống tiêu chảy và chữa lỵ

Chương 10: Dung dịch tiêm truyền

Bài 1: DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1. Mục tiêu

- Trình bày được vai trò của nước trong cơ thể, cách phân loại các thuốc tiêm truyền.

- Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng, bảo quản các dung dịch tiêm truyền.

2. Nội dung bài

2.1. Phân loại các dung dịch tiêm truyền

2.2. Một số dung dịch tiêm truyền

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: phòng học, phòng thực hành Dược lý – dược lâm sàng.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy vi tính, máy chiếu projector, bảng, phấn.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: File tài liệu, Dược thư quốc gia Việt Nam, Sách Thuốc biệt dược và cách sử dụng, MIMS, vỏ hộp thuốc và mẫu thuốc đại diện các nhóm thuốc đang lưu hành trên thị trường.

4. Các điều kiện khác: môn học này được học sau các môn hóa sinh y học, bệnh học, hóa dược và trước môn học dược lâm sàng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức:

+ Trình bày được dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, tương tác thuốc, chỉ định, chống chỉ định của một số thuốc hóa dược trong Danh mục thuốc thiết yếu.

- Kỹ năng:

+ Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược trong danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc – mỹ phẩm – thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả.

+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm.

+ Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

+ Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo quy định của pháp luật, trung thực, khách quan.

2. Phương pháp đánh giá

- Điểm kiểm tra gồm 2 cột điểm: 1 cột thường xuyên và 1 cột định kỳ, trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2

- Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

- Kiểm tra định kỳ được có thể bằng hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm; kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút; chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận hoặc bài thuyết trình.

- Hình thức kiểm tra trắc nghiệm: trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án

- Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Hình thức thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án.

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6; điểm môn học được sử dụng theo thang điểm thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho sinh viên ngành Y sĩ trình độ cao đẳng hệ chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Tổ chức dạy và học tại trường

+ Phối hợp các phương pháp dạy/học:

Thuyết trình Powerpoint.

Thảo luận nhóm.

Chia nhóm thực hành.

- Đối với người học:

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

3. Ghi chú và giải thích (nếu có):

4. Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Y tế, *Dược lý học (2011)*, NXB Giáo dục (dành cho đào tạo bác sỹ đa khoa)

[2] Bộ Y Tế, *Dược lý học lâm sàng (2005)*, NXB Y học.

[3] Bộ Y tế, *Dược thư quốc gia Việt Nam (2012)*, NXB Y học, Hà Nội

[4] Mai Phương Mai, Trần Mạnh Hùng (2018), *Giáo trình Dược lý học (1,2)*, NXB Y Học, Hà Nội.

[5] Trần Thị Thu Hằng (2017), *Dược động học lâm sàng*, NXB Phương Đông, TP Hồ Chí Minh

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Điều dưỡng cơ bản – Kỹ thuật điều dưỡng

Mã mô đun: MĐ24A112114

Thời gian thực hiện mô đun: 30 giờ (Lý thuyết: 0 giờ. Thực hành thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ. Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: là mô đun cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ 1 năm thứ 2 trong chương trình đào tạo ngành, nghề Y sĩ cao đẳng chính quy.

- Tính chất: Mô đun này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vấn đề ở đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, đồng thời nhận biết được những triệu chứng, tai biến có thể xảy ra và xử lý được các dấu hiệu bất thường, đảm bảo an toàn cho người bệnh khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng. Vận dụng những kiến thức này vào việc học tập các môn học khác của ngành Y sĩ.

II. Mục tiêu mô đun:

1 Kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức tổng quan về kỹ thuật điều dưỡng
- Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.
- Trình bày được các bước thực hiện của các kỹ thuật điều dưỡng.
- Nêu được những tai biến có thể xảy ra khi thực các kỹ thuật, đưa ra hướng xử trí phù hợp.
- Nêu được những điểm cần lưu ý khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng.

2. Kỹ năng:

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách
- Giao tiếp tốt với tốt với nhân viên y tế, bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân.

3. Thái độ:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y sĩ và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Dấu hiệu sinh tồn 1. Nhiệt độ 1.1. Thân nhiệt bình thường, không bình thường 1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thân nhiệt 1.3. Các vị trí đo thân nhiệt 1.4. Quy trình kỹ thuật 2. Mạch 2.1. Tần số 2.2. Nhịp điệu 2.3. Cường độ 2.4. Sức căng của mạch 2.5. Liên quan giữa mạch và nhiệt độ 3. Nhịp thở 3.1. Khái niệm 3.2. Tần số thở bình thường ở các lứa tuổi 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến điều hòa hoạt động của trung tâm hô hấp 3.4. Những thay đổi về nhịp thở 3.5. Quy trình kỹ thuật 4. Huyết áp 4.1. Định nghĩa 4.2. Những yếu tố sinh lý, bệnh lý ảnh hưởng đến hađm	4	0	3	1

	<p>16. 4.3. Nguyên lý và nguyên tắc khi đo huyết áp động mạch</p> <p>17. 4.4. Quy trình kỹ thuật</p> <p>5. Những điều cần lưu ý</p> <p>Kiểm tra lần 1</p>				
2	<p>Bài 2: Vệ sinh cá nhân</p> <p>1. Tầm quan trọng của việc vệ sinh cá nhân</p> <p>18.2. Những kỹ thuật chăm sóc, vệ sinh cho bệnh nhân</p> <p>2.1. Săn sóc răng miệng</p> <p>2.2. Gọi đầu cho người bệnh</p> <p>2.3. Tắm bệnh</p>	4	0	4	0
3	<p>Bài 3: Kỹ thuật tiêm thuốc</p> <p>1. Kỹ thuật tiêm bắp</p> <p>1.1. Áp dụng</p> <p>1.2. Không áp dụng</p> <p>1.3. Vị trí tiêm và góc độ tiêm</p> <p>1.4. Tai biến</p> <p>1.5. Quy trình kỹ thuật</p> <p>2. Kỹ thuật tiêm dưới da</p> <p>2.1. Áp dụng</p> <p>2.2. Không áp dụng</p> <p>2.3. Vị trí tiêm và góc độ tiêm</p> <p>2.4. Tai biến</p> <p>2.5. Quy trình kỹ thuật</p> <p>3. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch</p> <p>3.1. Áp dụng</p> <p>3.2. Không áp dụng</p> <p>3.3. Vị trí và góc độ tiêm</p> <p>3.4. Tai biến</p> <p>3.5. Quy trình kỹ thuật</p> <p>4. Kỹ thuật tiêm trong da</p> <p>4.1. Áp dụng</p> <p>4.2. Không áp dụng</p> <p>4.3. Quy trình kỹ thuật</p> <p>4.4. Theo dõi</p> <p>4.5. Tai biến và xử trí</p>	1	0	1	0
4	<p>Bài 4: Kỹ thuật truyền dịch</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>19.2. Nguyên tắc truyền dịch vào đường tĩnh mạch</p> <p>3. Chỉ định - Chống chỉ định</p> <p>4. Các loại dung dịch</p>	2	0	2	0

	<p>5. Quy trình kỹ thuật</p> <p>6. Theo dõi và tai biến có thể xảy ra khi truyền dịch</p> <p>6.1. Theo dõi truyền dịch</p> <p>6.2. Tai biến có thể xảy ra khi truyền dịch</p>				
5	<p>Bài 5: Kỹ thuật truyền máu</p> <p>1. Sinh lý về hệ nhóm máu abo và rh</p> <p>20. 1.1. Hệ thống nhóm máu abo</p> <p>21. 1.2. Hệ thống nhóm máu rh</p> <p>22. 2. Mục đích của truyền máu</p> <p>23. 3. Chỉ định truyền máu toàn phần</p> <p>24. 4. Chống chỉ định truyền máu toàn phần</p> <p>25. 5. Nguyên tắc truyền máu</p> <p>26. 6. Quy trình kỹ thuật truyền máu</p> <p>6.1. Chuẩn bị người bệnh</p> <p>27. 6.2. Chuẩn bị dụng cụ</p> <p>28. 6.3. Tiến hành</p> <p>29. 7. Các tai biến có thể xảy ra trong và sau khi truyền máu</p> <p>7. 1. Các phản ứng mang tính chất cấp tính hay sớm</p> <p>30. 7. 2. Các tai biến muộn</p> <p>31. Kiểm tra lần 2</p>	1	0	1	1
6	<p>Bài 6: Kỹ thuật thay băng rửa vết thương</p> <p>1. Mục đích thay băng rửa vết thương</p> <p>32. 2. Quy tắc chung khi thay băng và rửa vết thương</p> <p>2.1. Chuẩn bị nb chu đáo trước khi tiến hành thay băng và rửa vết thương</p> <p>2.2. Chuẩn bị dụng cụ, thuốc (các thuốc sát khuẩn, dung dịch rửa vết thương) đầy đủ phù hợp với tình trạng của vết thương và đúng theo chỉ định của thầy thuốc</p> <p>2.3 Đảm bảo công tác vô khuẩn và ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện trong khi thực hiện quy trình thay băng và rửa vết thương cho nb</p>	2	0	2	0

	<p>2.4. phải có sổ để ghi tóm tắt chỉ định thay băng, rửa vết thương và theo dõi công việc hàng ngày của phòng thay băng. sổ được sử dụng để ghi các nội dung</p> <p>33.2.5. Các vết thương có nhiều mũ, tiến triển lâu phải báo cáo với thầy thuốc điều trị biết, lấy bệnh phẩm (mủ) vào ống nghiệm để nuôi cấy phân lập vi khuẩn và làm kháng sinh đồ</p> <p>34.3. Phân loại vết thương</p> <p>35.3.1. Vết thương sạch</p> <p>36.3.2. Vết thương nhiễm khuẩn</p> <p>37.4. Quy trình kỹ thuật</p> <p>38.5. Những điểm cần lưu ý</p>				
7	<p>Bài 7: Kỹ thuật thay băng cắt chỉ vết thương</p> <p>1. Mục đích</p> <p>2. Chỉ định</p> <p>3. Thời gian thay băng cắt chỉ vết thương</p> <p>4. Các yêu cầu khi cắt chỉ vết thương</p> <p>5. Quy trình kỹ thuật</p>	1	0	1	0
8	<p>Bài 8: Kỹ thuật thay băng vết thương có ống dẫn lưu</p> <p>1. Mục đích</p> <p>39. - Tránh loét miệng vết thương.</p> <p>40. - Tránh nhiễm trùng và lây chéo trong bệnh viện.</p> <p>41. - Đề phòng tụ dịch sau mổ hay theo dõi nguy cơ chảy máu sau mổ.</p> <p>42. - Theo dõi được diễn tiến nơi vết thương có đặt ống dẫn lưu: xì bục đường khâu miệng nối.</p> <p>43. - Hệ thống dẫn lưu đạt hiệu quả.</p> <p>44. - Đảm bảo an toàn cho người bệnh sau mổ.</p> <p>2. Chỉ định</p> <p>45. - Người bệnh có vết thương đặt ống dẫn lưu.</p> <p>46. - Băng thấm dịch.</p> <p>47. - Thay túi chứa mới.</p> <p>3. Tai biến</p>	1	0	1	0

	4. Xử trí 5. Quy trình kỹ thuật				
9	Bài 9: Thông tiêu- dẫn lưu nước tiểu- rửa bàng quang 1. Đại cương 2. Thông tiêu 2.1. Chỉ định 2.2. Chống chỉ định 2.3. Quy trình kỹ thuật 3. Dẫn lưu nước tiểu 3.1. Chỉ định 3.2. Chống chỉ định 3.3. Quy trình kỹ thuật 4. Rửa bàng quang 4.1. Chỉ định 4.2. Chống chỉ định 4.3. Quy trình kỹ thuật 5. Tai biến 6. Những điểm cần lưu ý	4	0	4	0
10	Bài 10: Cho ăn bằng ống thông 1. Chỉ định 2. Quy trình 3. Những điều lưu ý	2	0	2	0
11	Bài 11: Kỹ thuật hút dịch dạ dày 1. Mục đích 2. Chỉ định 3. Chống chỉ định 4. Quy trình kỹ thuật 4.1. Chuẩn bị người bệnh 4.2. Chuẩn bị người điều dưỡng 4.3. Kỹ thuật tiến hành 4.4. Thu dọn dụng cụ 5. Những điểm cần lưu ý	1	0	1	0
12	Bài 12: Kỹ thuật rửa dạ dày 1. Mục đích 2. Chỉ định 3. Chống chỉ định 4. Quy trình kỹ thuật 4.1. Chuẩn bị người bệnh 4.2. Chuẩn bị người điều dưỡng 4.3. Thu dọn dụng cụ 5. Các tai biến khi rửa dạ dày và cách đề phòng 5.1. Viêm phổi do sặc dịch rửa	1	0	1	0

	5.2. Rối loạn nước điện giải 5.3. Nhịp chậm, ngất do kích thích dây phế vị 5.4. Hạ thân nhiệt do trời lạnh 5.5. Tổn thương thực quản, dạ dày				
13	Bài 13: Thụt tháo- thụt giữ 1. Thụt tháo 1.1. Tác dụng của thụt tháo 1.2. Những trường hợp áp dụng 1.3. Những trường hợp không được áp dụng 1.4. Quy trình kỹ thuật 2. Thụt giữ 2.1. Tác dụng của thụt tháo 2.2. Những trường hợp áp dụng 2.3. Những trường hợp không được áp dụng 2.4. Quy trình kỹ thuật	2	0	2	0
	Cộng	30	0	28	02

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Dấu hiệu sinh tồn

Thời gian: 4 giờ (3 TH-1 KT)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được nguyên tắc đo DHST
- Xác định được giới hạn bình thường, bất thường của mạch, nhiệt độ, nhịp thở, huyết áp
- Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến DHST
- Kê đúng kết quả DHST vào phiếu chức năng sống
- Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh chóng, chính xác khi đo DHST cho bệnh nhân

2. Nội dung bài:

2.1. Nhiệt độ

2.1.1. Thân nhiệt bình thường, không bình thường

2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thân nhiệt

2.1.3. Các vị trí đo thân nhiệt

2.1.4. Quy trình kỹ thuật

2.2. Mạch

2.2.1. Tần số

2.2.2. Nhịp điệu

2.2.3. Cường độ

2.2.4. Sức căng của mạch

2.2.5. Liên quan giữa mạch và nhiệt độ

- 2.3. Nhịp thở
 - 2.3.1. Khái niệm
 - 2.3.2. Tần số thở bình thường ở các lứa tuổi
 - 2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến điều hòa hoạt động của trung tâm hô hấp
 - 2.3.4. Những thay đổi về nhịp thở
 - 2.3.5. Quy trình kỹ thuật
- 2.4. Huyết áp
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Những yếu tố sinh lý, bệnh lý ảnh hưởng đến hađm
 - 2.4.3. Nguyên lý và nguyên tắc khi đo huyết áp động mạch
 - 2.4.4. Quy trình kỹ thuật
- 2.5. Những điều cần lưu ý

Bài 2: Vệ sinh cá nhân

Thời gian: 4 giờ (4 TH)

1. Mục tiêu của bài:
 - Trình bày được vai trò của vệ sinh cá nhân đối với sức khỏe.
 - Trình bày được nội dung cơ bản của vệ sinh cá nhân.
 - Trình bày được các biện pháp giữ gìn vệ sinh cá nhân cho từng nội dung cơ bản.
 - Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật vệ sinh cá nhân cho bệnh nhân.
 - Rèn luyện được tính cẩn thận, nhanh chóng, chính xác khi vệ sinh cá nhân cho bệnh nhân.
2. Nội dung bài:
 - 2.1. Tầm quan trọng của việc vệ sinh cá nhân
 48. 2.2. Những kỹ thuật chăm sóc, vệ sinh cho bệnh nhân
 - 2.2.1. Săn sóc răng miệng
 - 2.2.2. Gọi đầu cho người bệnh
 - 2.2.3. Tắm bệnh

Bài 3: Kỹ thuật tiêm thuốc

Thời gian: 4 giờ (2TH)

1. Mục tiêu của bài:
 - Trình bày đúng chỉ định, chống chỉ định của các kỹ thuật tiêm thuốc.
 - Kể được các tai biến có thể xảy ra khi tiêm thuốc.
 - Thực hiện đúng kỹ thuật tiêm thuốc theo quy trình bảng kiểm.
 - Thực hiện tiêm thuốc cho bệnh nhân đảm bảo an toàn cho người bệnh, nhân viên y tế và cộng đồng.
2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Kỹ thuật tiêm bắp
 - 2.1.1. Áp dụng
 - 2.1.2. Không áp dụng

- 2.1.3. Vị trí tiêm và góc độ tiêm
- 2.1.4. Tai biến
- 2.1.5. Quy trình kỹ thuật
- 2.2. Kỹ thuật tiêm dưới da
 - 2.2.1. Áp dụng
 - 2.2.2. Không áp dụng
 - 2.2.3. Vị trí tiêm và góc độ tiêm
 - 2.2.4. Tai biến
 - 2.2.5. Quy trình kỹ thuật
- 2.3. Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch
 - 2.3.1. Áp dụng
 - 2.3.2. Không áp dụng
 - 2.3.3. Vị trí và góc độ tiêm
 - 2.3.4. Tai biến
 - 2.3.5. Quy trình kỹ thuật
- 2.4. Kỹ thuật tiêm trong da
 - 2.4.1. Áp dụng
 - 2.4.2. Không áp dụng
 - 2.4.3. Quy trình kỹ thuật
 - 2.4.4. Theo dõi
 - 2.4.5. Tai biến và xử trí

Bài 4: Kỹ thuật truyền dịch

Thời gian: 2 giờ (2TH)

1. Mục tiêu của bài:
 - Trình bày được định nghĩa, chỉ định và chống chỉ định của truyền dịch, nguyên tắc khi truyền dịch, tai biến xảy ra khi truyền dịch
 - Thực hiện đúng nguyên tắc khi truyền dịch.
 - Nhận thức được tầm quan trọng của việc truyền dịch đúng cách.
2. Nội dung bài:
 - 2.1. Định nghĩa truyền dịch
 - 2.2. Chỉ định-Chống chỉ định
 - 2.3. Nguyên tắc truyền dịch
 - 2.4. Tai biến khi truyền dịch
 - 2.5. Quy trình kỹ thuật

Bài 5: Kỹ thuật truyền máu

Thời gian: 2 giờ (1TH-

1KT)

1. Mục tiêu của bài:
 - Trình bày được chỉ định và chống chỉ định, nguyên tắc của truyền máu.
 - Trình bày được tai biến có thể xảy ra khi truyền máu.
 - Thực hiện đúng nguyên tắc khi truyền máu
 - Nhận thức được tầm quan trọng của việc truyền máu đúng cách.
2. Nội dung bài:
 - 2.1. Sinh lý về hệ nhóm máu ABO và Rh

- 2.1.1. Hệ thống nhóm máu ABO
- 2.1.2. Hệ thống nhóm máu Rh
- 2.2. Mục đích của truyền máu
- 2.3. Chỉ định truyền máu toàn phần
- 2.4. Chống chỉ định truyền máu toàn phần
- 2.5. Nguyên tắc truyền máu
- 2.6. Quy trình kỹ thuật truyền máu
 - 2.6.1. Chuẩn bị người bệnh
 - 2.6.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.6.3. Tiến hành
- 2.7. Các tai biến có thể xảy ra trong và sau khi truyền máu
 - 2.7.1. Các phản ứng mang tính chất cấp tính hay sớm
 - 2.7.2. Các tai biến muộn

Bài 6: Kỹ thuật thay băng rửa vết thương

Thời gian: 2 giờ (2TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được mục đích thay băng rửa vết thương.
- Trình bày được các yếu tố giúp vết thương mau lành
- Nhận định đúng tình trạng vết thương.
- Thực hiện đúng kỹ thuật thay băng rửa vết thương trên mô hình
- Thay băng rửa vết thương đảm bảo an toàn cho người bệnh, nhân viên y tế và trang thiết bị dụng cụ.

2. Nội dung của bài:

- 2.1. Mục đích thay băng rửa vết thương
- 2.2. Quy tắc chung khi thay băng và rửa vết thương
 - 2.2.1. Chuẩn bị nb chu đáo trước khi tiến hành thay băng và rửa vết thương
 - 2.2.2. Chuẩn bị dụng cụ, thuốc (các thuốc sát khuẩn, dung dịch rửa vết thương) đầy đủ phù hợp với tình trạng của vết thương và đúng theo chỉ định của thầy thuốc
 - 2.2.3. Đảm bảo công tác vô khuẩn và ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện trong khi thực hiện quy trình thay băng và rửa vết thương cho nb
 - 2.2.4. phải có sổ để ghi tóm tắt chỉ định thay băng, rửa vết thương và theo dõi công việc hàng ngày của phòng thay băng. sổ được sử dụng để ghi các nội dung
 - 2.2.5. Các vết thương có nhiều mủ, tiến triển lâu phải báo cáo với thầy thuốc điều trị biết, lấy bệnh phẩm (mủ) vào ống nghiệm để nuôi cấy phân lập vi khuẩn và làm kháng sinh đồ
- 2.3. Phân loại vết thương
 - 2.3.1. Vết thương sạch
 - 2.3.2. Vết thương nhiễm khuẩn
- 2.4. Quy trình kỹ thuật
- 2.5. Những điểm cần lưu ý

Bài 7: Kỹ thuật thay băng cắt chỉ vết thương

Thời gian: 1 giờ

(1TH)



1. Mục tiêu của bài:
 - Trình bày được mục đích thay băng cắt chỉ vết thương.
 - Nêu được thời gian cắt chỉ vết thương
 - Nhận định đúng tình trạng vết thương.
 - Thực hiện đúng kỹ thuật thay băng cắt chỉ vết thương trên mô hình
 - Thay băng cắt chỉ vết thương đảm bảo an toàn cho người bệnh, nhân viên y tế và trang thiết bị dụng cụ.
2. Nội dung của bài
 - 2.1. Mục đích
 - Tránh sẹo xấu
 - Thoát lưu dịch
 - 2.2. Chỉ định
 - Vết thương lành tốt đến ngày cắt chỉ
 - Vết thương nhiễm trùng
 - 2.3. Thời gian thay băng cắt chỉ vết thương
 - Vết thương đầu, mặt, cổ, thẳm mĩ: cắt chỉ sau 3-5 ngày
 - Vết thương thường: cắt chỉ sau 7 ngày
 - Vết thương dài trên 10cm, gần khuỷu, xương: thời gian cắt chỉ lâu hơn
 - Vết thương ở người già yếu, suy dinh dưỡng, thành bụng nhiều mỡ: cắt chỉ từ sau 10 ngày trở lên
 - Vết thương nhiễm trùng: cắt sớm khi phát hiện nhiễm trùng
 - 2.4. Các yêu cầu khi cắt chỉ vết thương
 - Phải sát trùng chỉ trước khi cắt.
 - Phần chỉ phía trên không được chui xuống da.
 - Phải kiểm tra sự toàn vẹn của mỗi chỉ sau khi cắt.
 - Hạn chế tối đa sự đau đớn cho người bệnh.
 - 2.5. Quy trình kỹ thuật

Bài 8: Kỹ thuật thay băng vết thương có ống dẫn lưu

Thời gian: 1 giờ (1TH)

1. Mục tiêu của bài:
 - Trình bày được mục đích, chỉ định, tai biến, xử trí, quy trình chăm sóc ống dẫn lưu.
 - Thực hiện thay băng rửa vết thương có ống dẫn lưu đúng quy trình.
 - Thay băng rửa vết thương có ống dẫn lưu thận trọng, tránh làm tổn thương thêm.
2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Mục đích
 - Tránh loét miệng vết thương.
 - Tránh nhiễm trùng và lây chéo trong bệnh viện.
 - Đề phòng tụ dịch sau mổ hay theo dõi nguy cơ chảy máu sau mổ.
 - Theo dõi được diễn tiến nơi vết thương có đặt ống dẫn lưu: xì bục đường khâu miệng nối.
 - Hệ thống dẫn lưu đạt hiệu quả.
 - Đảm bảo an toàn cho người bệnh sau mổ.

- 2.2. Chỉ định
 - Người bệnh có vết thương đặt ống dẫn lưu.
 - Băng thấm dịch.
 - Thay túi chứa mới.
- 2.3. Tai biến
- 2.4. Xử trí
- 2.5. Quy trình kỹ thuật

Bài 9: Thông tiểu- dẫn lưu nước tiểu- rửa bàng quang

Thời gian: 4 giờ (4TH)

1. Mục tiêu của bài:

Nêu được mục đích của thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang cho người bệnh.

Nêu được chỉ định và chống chỉ định của thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang cho người bệnh.

Trình bày được những điểm lưu ý khi thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang cho người bệnh.

Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang cho người bệnh.

Thực hiện kỹ thuật thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang thận trọng, tỉ mỉ đảm bảo an toàn cho người bệnh.

2. Nội dung của bài:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Thông tiểu
 - 2.2.1. Chỉ định
 - 2.2.2. Chống chỉ định
 - 2.2.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.3. Dẫn lưu nước tiểu
 - 2.3.1. Chỉ định
 - 2.3.2. Chống chỉ định
 - 2.3.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.4. Rửa bàng quang
 - 2.4.1. Chỉ định
 - 2.4.2. Chống chỉ định
 - 2.4.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.5. Tai biến
- 2.6. Những điểm cần lưu ý

Bài 10: Cho ăn bằng ống thông

Thời gian: 2 giờ (2TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Kể được các đường đưa thức ăn vào cơ thể.
- Trình bày được mục đích, chỉ định của việc cho ăn bằng ống thông.
- Trình bày được 3 cách kiểm tra ống.
- Giải thích được những điểm cần lưu ý khi cho bệnh nhân ăn bằng ống thông.

2. Nội dung của bài :

2.2.1. Chỉ định

2.2.2. Quy trình

2.2.3. Những điểm cần lưu ý

Bài 11 : Kỹ thuật hút dịch dạ dày

Thời gian: 1 giờ (1TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được mục đích của hút dịch dạ dày
- Nêu được chỉ định, chống chỉ định hút dịch dạ dày.
- Trình bày những điểm cần lưu ý khi hút dịch dạ dày.
- Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật hút dịch dạ dày.

2. Nội dung của bài:

2.1. Mục đích

2.2. Chỉ định

2.3. Chống chỉ định

2.4. Quy trình kỹ thuật

2.4.1. Chuẩn bị người bệnh

2.4.2. Chuẩn bị người điều dưỡng

2.4.3. Kỹ thuật tiến hành

2.4.4. Thu dọn dụng cụ

2.5. Những điểm cần lưu ý

Bài 12: Kỹ thuật rửa dạ dày

Thời gian: 1 giờ (1TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được mục đích của rửa dạ dày.
- Nêu được chỉ định, chống chỉ định của rửa dạ dày.
- Thực hiện đúng các bước của quy trình kỹ thuật rửa dạ dày.
- Trình bày được các tai biến khi rửa dạ dày.

2. Nội dung của bài:

2.1. Mục đích

2.2. Chỉ định

2.3. Chống chỉ định

2.4. Quy trình kỹ thuật

2.4.1. Dụng cụ

2.4.2. Tiến hành

2.5. Cái tai biến khi rửa dạ dày và cách đề phòng

2.5.1. Viêm phổi do sặc dịch rửa

2.5.2. Rối loạn nước điện giải

2.5.3. Nhịp chậm, ngất do kích thích dây phế vị

2.5.4. Hạ thân nhiệt do trời lạnh

2.5.5. Tổn thương thực quản, dạ dày

Bài 13: Thụt tháo- thụt giữ

Thời gian: 2 giờ (2TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được mục đích, tác dụng chung của thụt tháo - thụt giữ.
- Nêu được các trường hợp áp dụng của thụt tháo - thụt giữ.
- Nêu được các trường hợp không áp dụng của thụt tháo - thụt giữ.
- Trình bày được quy trình kỹ thuật thụt tháo - thụt giữ cho người bệnh.

2. Nội dung của bài:

2.1. Thụt tháo

2.1.1. Tác dụng của thụt tháo

2.1.2. Những trường hợp áp dụng

2.1.3. Những trường hợp không được áp dụng

2.1.4. Quy trình kỹ thuật

2.2. Thụt giữ

2.2.1. Tác dụng của thụt tháo

2.2.2. Những trường hợp áp dụng

2.2.3. Những trường hợp không được áp dụng

2.2.4. Quy trình kỹ thuật

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: phòng thực tập chăm sóc người bệnh.

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, micro, máy tính, bút trình chiếu, máy đo huyết áp, máy truyền dịch tự động, bơm tiêm tự động...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, giáo án, bảng, phấn, bông lau bảng

Kềm, kẹp phẫu tích, gòn viên, gạc, bông hạt đậu, nhiệt kế, đồng hồ, chén chung, ống sonde tiểu, ống sonde dạ dày, ly mức nước, que gòn, que đẽ lưỡi, bơm kim tiêm, thuốc tiêm, dịch truyền, chai máu giả định, dây truyền dịch, dây truyền máu, dung dịch sát khuẩn, nước muối sinh lý,...

4. Các điều kiện khác: Người học phải được học trước các môn: Giải phẫu, Sinh lý, Vi sinh – KST, Dược lý.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Mục đích của các kỹ thuật điều dưỡng

Chỉ định, chống chỉ định của các kỹ thuật

Những tai biến có thể xảy ra đối với từng loại kỹ thuật.

Những điều cần lưu ý khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng

- Kỹ năng: Thực hiện đúng các kỹ thuật và đảm bảo an toàn

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tác phong chuẩn mực, cẩn trọng và chính xác.

2. Phương pháp:

- Hình thức đánh giá: vấn đáp, kỹ năng thực hiện kỹ thuật điều dưỡng trên mô hình, chạy trạm kết hợp với đánh giá chuyên cần theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc mô đun.

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1):

+ Số cột: ít nhất 01 cột

+ Hình thức: Vấn đáp trong giờ học, thực hiện kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên mô hình kết hợp với đánh giá chuyên cần.

- Kiểm tra định kỳ (hệ số 2):

+ Số cột: ít nhất 01 cột

+ Hình thức:

Thực hiện kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên mô hình theo chỉ định của giảng viên

- Kiểm tra kết thúc mô đun (thi kết thúc mô đun):

+ Hình thức: thi chạy trạm kết hợp đánh giá kiến thức lý thuyết và thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng đã học (thông qua bảng kiểm).

- **Tính điểm mô đun:**

+ Điểm mô đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô đun có trọng số 0,6.

+ Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm.

+ Điểm mô đun được sử dụng theo thang điểm 4 theo phương thức tích lũy tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: mô đun Điều dưỡng cơ bản – Kỹ thuật điều dưỡng sử dụng để giảng dạy ngành, nghề Y sĩ trình độ cao đẳng chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

Đối với giảng viên:

- Tổ chức dạy và học tích hợp.

- Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Phối hợp các phương pháp dạy/học:

+ Thuyết trình có minh họa

+ Đặt vấn đề và giải quyết vấn đề

+ Thao tác mẫu

Đối với người học:

- Thực hiện đúng theo Quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ áp dụng cho khoá học đó.

- Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc mô đun. Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm 0 (điểm không) ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó”.

- Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.

- Vận dụng kiến thức lý thuyết vào chăm sóc sức khoẻ người bệnh.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Những trọng tâm cần lưu ý được cụ thể hóa ở mục tiêu của mỗi bài.

4. Tài liệu tham khảo:

- Lê Thị Bình, Trần Thúy Hanh, Điều dưỡng cơ và nâng cao, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2017: 99-337

- Nguyễn Minh Lợi, Horri Satoko, *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới tập 1*, NXB Y học, 2020: 170-268

- Caroline Bunker Rosdahl, Mary T.Kowalski, *Textbook of Basic Nursing (Rosdahl, Textbook of Basic Nursing)* 9th edition, Publisher : Lippincott Williams & Wilkins, 2007

- Trần Thị Thuận, *Điều dưỡng cơ bản tập 2*, NXB Y học, 2007: 39-357

- Đỗ Đình Xuân, *Điều dưỡng cơ bản tập II*, NXB Y học, 2007: 23-229

- Đỗ Đình Xuân, *Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012: 89-319

- <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/books/NBK470199/>
 - <https://bvnguyentriphuong.com.vn/khoa-nhi/ky-thuat-tiem-trong-da>
5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Dinh dưỡng

Mã môn học: MH24A112215

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ 1 năm thứ 2 trong chương trình đào tạo ngành, nghề Y sĩ cao đẳng chính quy.

- Tính chất: Môn học này là môn học lý thuyết. Môn học cung cấp các kiến thức về nguồn gốc và nhu các chất dinh dưỡng như carbohydrat, lipid, protein và các chất khoáng trong cơ thể, các vấn đề sức khỏe liên quan đến chế độ dinh dưỡng. Đồng thời sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức về đặc điểm sinh lý, nhu cầu dinh dưỡng cho từng đối tượng và tư vấn, xây dựng được chế độ dinh dưỡng hợp lý cho các đối tượng khác nhau. Bên cạnh đó còn cung cấp các kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng và cách phòng ngừa một số loại ngộ độc thực phẩm nhằm đảm bảo công tác an toàn vệ sinh thực phẩm trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

Vận dụng kiến thức về cấu tạo, chức năng và vai trò của các chất dinh dưỡng để hiểu về quá trình tiêu hóa, hấp thu và ảnh hưởng của chất dinh dưỡng đó đến cơ thể.

Xác định được nhu cầu dinh dưỡng, xây dựng được khẩu phần ăn và tư vấn chế độ dinh dưỡng cho từng đối tượng dựa vào đặc điểm sinh lý của họ.

Xác định được nhu cầu năng lượng của một người trong một ngày.

Nhận định được triệu chứng lâm sàng một số loại ngộ độc thực phẩm.

- Kỹ năng:

Vận dụng kiến thức trong việc xây dựng khẩu phần ăn hợp lý cho từng đối tượng trong một ngày.

Vận dụng kiến thức trong việc tư vấn về nhu cầu dinh dưỡng và biết cách dự phòng những bệnh liên quan đến dinh dưỡng.

Vận dụng kiến thức tư vấn về việc phòng ngừa ngộ độc thực phẩm cũng như các biện pháp an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Thái độ: Có phẩm chất đạo đức, làm việc có trách nhiệm, chăm chỉ, trung thực, thẳng thắn và cầu thị.

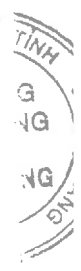
III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:



Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<p>Chương 1: Vai trò, nguồn gốc, nhu cầu chất dinh dưỡng</p> <p>1. Nguồn gốc của chất dinh dưỡng</p> <p>2. Vai trò và nhu cầu của các chất sinh năng lượng</p> <p>2.1. Protein</p> <p>2.2. Lipid</p> <p>2.3. Glucid</p> <p>3. Vai trò và nhu cầu vitamin</p> <p>3.1. Nhóm vitamin tan trong lipid</p> <p>3.2. Nhóm vitamin tan trong nước</p> <p>4. Vai trò và nhu cầu các chất khoáng</p> <p>4.1. Sắt</p> <p>4.2. Kẽm</p> <p>4.3. Iod</p> <p>4.4. Calci</p>	3	3	0	0
2	<p>Chương 2: Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thực phẩm</p> <p>1. Thực phẩm nguồn gốc động vật</p> <p>1.1. Thịt</p> <p>1.2. Cá và chế phẩm từ cá</p> <p>1.3. Sữa</p> <p>1.4. Trứng</p> <p>2. Thực phẩm nguồn gốc thực vật</p> <p>2.1. Ngũ cốc</p> <p>2.2. Khoai củ</p> <p>2.3. Đậu đỗ</p> <p>2.4. Các hạt có dầu</p> <p>2.5. Rau quả</p>	2	2	0	0

3	<p>Chương 3: Khẩu phần dinh dưỡng cân đối - hợp lý</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng khẩu phần ăn <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Khẩu phần là gì? 1.2. Chế độ ăn là gì? 1.3. Thực đơn là gì? 1.4. Tính cân đối của khẩu phần được thể hiện như thế nào? 2. Những yêu cầu về dinh dưỡng hợp lý <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Yêu cầu đầu tiên của dinh dưỡng hợp lý ở người lao động là cung cấp đầy đủ năng lượng theo nhu cầu cơ thể 2.2. Yêu cầu thứ hai là chế độ ăn phải đáp ứng đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết 2.3. Yêu cầu thứ ba là các chất dinh dưỡng cần thiết ở tỷ lệ cân đối, thích hợp 2.4. Phù hợp với điều kiện kinh tế của từng gia đình và thực tế địa phương 2.5. Thức ăn phải đảm bảo lành, sạch, không gây bệnh 3. Dinh dưỡng hợp lý cho người lao động trí óc <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Về tiêu hao năng lượng 3.2. Nhu cầu các chất dinh dưỡng 4. Dinh dưỡng cho công nhân <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Nhu cầu năng lượng 4.2. Nhu cầu các chất dinh dưỡng 4.3. Chế độ ăn 5. Dinh dưỡng cho nông dân <ol style="list-style-type: none"> 5.1. Tiêu hao năng lượng và nhu cầu các chất dinh 	3	3	0	0
---	--	---	---	---	---



	dưỡng 5.2. Chế độ ăn				
4	<p>Chương 4: Khẩu phần ăn của bà mẹ khi mang thai và nuôi con bú</p> <p>1. Đặc điểm và nhu cầu dinh dưỡng của phụ nữ có thai và nuôi con bú</p> <p>2. Ăn uống của bà mẹ trong khi có thai và nuôi con bú</p> <p>2.1. Những thức ăn nào tốt nhất cho bà mẹ có thai và cho con bú?</p> <p>2.2. Các bà mẹ chú ý về chế độ ăn trong thời gian mang thai</p> <p>2.3. Các bà mẹ cần tăng bao nhiêu cân trong thời kỳ mang thai?</p> <p>3. Chăm sóc bà mẹ khi có thai và cho con bú</p> <p>3.1. Chăm sóc y tế và dinh dưỡng</p> <p>3.2. Vấn đề vệ sinh khi mang thai và nuôi con bú</p> <p>3.3. Vấn đề nghỉ ngơi và lao động khi mang thai và nuôi con bú</p> <p>3.4. Vấn đề quan tâm chăm sóc của gia đình và xã hội đối với phụ nữ khi có thai và nuôi con bú</p>	2	2	0	0
5	<p>Chương 5: Khẩu phần ăn của trẻ em dưới 12 tháng tuổi</p> <p>1. Đặc điểm phát triển cơ thể trẻ em</p> <p>2. Nhu cầu dinh dưỡng của trẻ em dưới 12 tháng tuổi</p> <p>2.1. Nhu cầu protein, glucid, lipid, vitamin và muối khoáng</p>	2	2	0	0

	<p>2.2. Nuôi con bằng sữa mẹ</p> <p>2.3. Lợi ích của nuôi con bằng sữa mẹ.</p> <p>3. Ăn bổ sung hợp lý</p> <p>3.1. Nguyên tắc chung</p> <p>3.2. Lý do cần cho trẻ ăn bổ sung</p> <p>3.3. Khi nào cần cho trẻ ăn bổ sung</p> <p>3.4. Chọn thức ăn bổ sung</p>				
6	<p>Chương 6: Một số bệnh do thiếu cân bằng dinh dưỡng</p> <p>1. Bệnh thiếu dinh dưỡng protein năng lượng</p> <p>1.1. Nguyên nhân thiếu dinh dưỡng protein năng lượng</p> <p>1.2. Các yếu tố nguy cơ:</p> <p>1.3. Biện pháp phòng chống</p> <p>2. Thiếu vitamin A và bệnh khô mắt</p> <p>2.1. Nguyên nhân gây thiếu vitamin A</p> <p>2.2. Biện pháp phòng chống</p> <p>3. Thiếu máu dinh dưỡng</p> <p>3.1 Khái niệm</p> <p>3.2. Phòng chống</p> <p>4. Thiếu iod và bệnh bướu cổ</p> <p>4.1. Thiếu iod</p> <p>4.2. Bệnh bướu cổ</p>	3	3	0	0
7	<p>Chương 7: Dinh dưỡng điều trị một số bệnh thường gặp</p> <p>1. Một số chế độ ăn đặc biệt</p> <p>1.1. Chế độ ăn hạn chế nước và muối</p> <p>1.2. Chế độ ăn hoàn toàn lỏng</p> <p>1.3. Chế độ ăn hạn chế</p>	5	5	0	0

	<p>sợi, xơ và chất kích thích</p> <p>1.4. Chế độ ăn toan và kiềm</p> <p>1.5. Chế độ ăn giàu năng lượng</p> <p>1.6. Chế độ ăn giảm protein</p> <p>1.7. Chế độ tăng protein</p> <p>1.8. Chế độ ăn hạn chế purin</p> <p>2. Ăn uống cho một số bệnh lý</p> <p>2.1. Suy tim</p> <p>2.2. Tăng huyết áp</p> <p>2.3. Đái tháo đường</p> <p>2.4. Loét dạ dày và tá tràng.</p> <p>2.5. Bệnh Gout</p> <p>2.6. Ăn uống sau phẫu thuật</p>				
8	<p>Chương 8: An toàn vệ sinh thực phẩm</p> <p>1. Một số khái niệm về vệ sinh an toàn thực phẩm</p> <p>2. Những thách thức và tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay</p> <p>2.1. Những thách thức</p> <p>2.2. Tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay</p> <p>3. Những nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm</p> <p>3.1. Do quá trình chăn nuôi, gieo trồng, sản xuất thực phẩm, lương thực</p> <p>3.2. Do quá trình chế biến không đúng</p> <p>3.3. Do quá trình sử dụng và bảo quản không đúng</p> <p>4. Yêu cầu vệ sinh trong quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm</p> <p>4.1. Yêu cầu vệ sinh đối với thực phẩm tươi sống, sử dụng hàng ngày</p> <p>4.2. Yêu cầu vệ sinh đối</p>	5	4	0	1

	với quá trình chế biến thực phẩm 4.3. Đối với quá trình bảo quản thực phẩm				
	Kiểm tra lần 1		0	0	1
9	Chương 9: Ngộ độc thực phẩm 1. Khái niệm ngộ độc thức ăn 2. Phân loại ngộ độc thức ăn 3. Ngộ độc thức ăn nguyên nhân do vi khuẩn và độc tố của vi khuẩn 49.3.1. Ngộ độc thức ăn do Salmonella 50.3.2. Ngộ độc thức ăn do độc tố tụ cầu 3.3. Ngộ độc thức ăn do Clostridium botulinum 4. Ngộ độc thức ăn không do vi khuẩn 4.1. Ngộ độc do độc tố của vi nấm 51.4.2. Ngộ độc thực phẩm do bản thân thực phẩm có chứa chất độc tự nhiên 52.4.3. Ngộ độc do thực phẩm bị biến chất, ôi, hỏng 4.4. Ngộ độc do thức ăn bị nhiễm hóa chất	5	4	0	1
	Kiểm tra lần 2	1	0	0	1
	Cộng	30	28		02

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Vai trò, nguồn gốc, nhu cầu chất dinh dưỡng

Thời gian: 3 giờ (LT)

1. Mục tiêu của chương:

- Kiến thức:

+ Nêu được nguồn gốc và vai trò của chất dinh dưỡng.

+ Trình bày được nhu cầu của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể.

- Kỹ năng: Lựa chọn được các loại thực phẩm cung cấp các nhóm chất dinh dưỡng chất đạm, chất bột đường, chất béo, vitamin và khoáng chất.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Lựa chọn thực phẩm đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng và phù hợp với điều kiện của từng bệnh nhân.

2. Nội dung của chương:

2.1. Nguồn gốc của chất dinh dưỡng

- Theo danh y thời cổ Hyocrát (460-377 trước công nguyên)

- Ở nước ta đại danh Y Tuệ Tĩnh (Thế kỷ XIV)

- Hải Thượng Lãn Ông một danh y Việt Nam thế kỉ XVIII

- Năm 1824 thầy thuốc người Anh là Prout (1785 - 1850)

- Các thành phần dinh dưỡng của thức ăn là:

+ Chất sinh năng lượng

+ Chất không sinh năng lượng

2.2. Vai trò và nhu cầu của các chất sinh năng lượng

2.2.1. Protein

- Vai trò dinh dưỡng của Protein

- Nhu cầu protein

- Nguồn protein trong thực phẩm

2.2.2. Lipid

- Vai trò dinh dưỡng của lipid

- Nhu cầu lipid

- Nguồn lipid trong thực phẩm

2.2.3. Glucid

- Vai trò dinh dưỡng của glucid

- Nhu cầu glucid

- Nguồn glucid trong thực phẩm

2.3. Vai trò và nhu cầu vitamin

2.3.1. Nhóm vitamin tan trong lipid

- Vitamin A (tên khoa học là Retinol)

- Vitamin D

- Vitamin E

- Vitamin K

2.3.2. Nhóm vitamin tan trong nước

- Vitamin B₁ (Thiamine)
- Vitamin B₂ (Riboflavin)
- Vitamin PP
- Vitamin B₆
- Acid Folic
- Vitamin B₁₂
- Vitamin C

2.4. Vai trò và nhu cầu các chất khoáng

2.4.1. Sắt

- Vai trò của sắt
- Nhu cầu sắt
- Nguồn sắt trong thực phẩm

2.4.2. Kẽm

- Vai trò của kẽm
- Nhu cầu kẽm
- Nguồn kẽm trong thực phẩm

2.4.3. Iod

- Vai trò của iod
- Nhu cầu iod
- Nguồn iod trong thực phẩm

2.4.4. Calci

- Vai trò của calci
- Nhu cầu calci
- Nguồn calci trong thực phẩm

Chương 2: Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thực phẩm

Thời gian: 2 giờ (LT)

1. Mục tiêu của chương:

- Kiến thức:
 - + Xác định được giá trị dinh dưỡng của thực phẩm cung cấp.
 - + Trình bày được các đặc điểm vệ sinh của thực phẩm khi bảo quản và sử dụng.
- Kỹ năng: Lựa chọn được thực phẩm tươi sống, sạch, an toàn.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác lựa chọn, tư vấn bệnh nhân lựa chọn thực phẩm đảm bảo các yếu tố về giá trị dinh dưỡng, tính chất vệ sinh nhằm nâng cao sức khỏe của người sử dụng.

2. Nội dung của chương:

2.1. Thực phẩm nguồn gốc động vật

2.1.1. Thịt

- Giá trị dinh dưỡng
- Tính chất vệ sinh

2.1.2. Cá và chế phẩm từ cá

- Giá trị dinh dưỡng
- Tính chất vệ sinh

2.1.3. Sữa

- Giá trị dinh dưỡng
- Tính chất vệ sinh của sữa

2.1.4. Trứng

- Giá trị dinh dưỡng
- Tính chất vệ sinh

2.2. Thực phẩm nguồn gốc thực vật

2.2.1. Ngũ cốc

- Giá trị dinh dưỡng
- Đặc điểm vệ sinh

2.2.2. Khoai củ

- Nghèo các chất dinh dưỡng và năng lượng thấp
- Về mặt vệ sinh

2.2.3. Đậu đỗ

- Cung cấp năng lượng ngang với ngũ cốc
- Đậu cần được ăn chín và ngâm nước trước khi rang

2.2.4. Các hạt có dầu

- Lạc
- Vừng

2.2.5. Rau quả

- Là nguồn cung cấp các chất có hoạt tính sinh học
- Rau có nhiều chất xơ
- Cần biết cách rửa và chế biến để làm giảm sự hao hụt lượng vitamin
- Rau có thể bị nhiễm các vi khuẩn gây bệnh và trứng giun sán

Chương 3: Khẩu phần dinh dưỡng cân đối - hợp lý

1. Mục tiêu của chương:

- Kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm khẩu phần, chế độ ăn, thực đơn.

+ Trình bày được các yêu cầu về dinh dưỡng hợp lý.

- Kỹ năng: Xây dựng khẩu phần ăn hợp lý cho người lao động trí óc, công nhân, nông dân.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng khẩu phần ăn cho các đối tượng đảm bảo giá trị dinh dưỡng, đặc điểm vệ sinh và phù hợp với điều kiện của từng đối tượng.

2. Nội dung của chương:

2.1. Xây dựng khẩu phần ăn

2.1.1. Khẩu phần là gì?

2.1.2. Chế độ ăn là gì?

2.1.3. Thực đơn là gì?

2.1.4. Tính cân đối của khẩu phần được thể hiện như thế nào?

2.2. Những yêu cầu về dinh dưỡng hợp lý

2.2.1. Yêu cầu đầu tiên của dinh dưỡng hợp lý ở người lao động là cung cấp đầy đủ năng lượng theo nhu cầu cơ thể

- Năng lượng tiêu hao hàng ngày của cơ thể bao gồm năng lượng cho chuyển hóa cơ bản và năng lượng cho các hoạt động.

- Có nhiều cách tính năng lượng chuyển hóa cơ bản:

2.2.2. Yêu cầu thứ hai là chế độ ăn phải đáp ứng đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết

- Lượng protein

- Lượng lipid

- Lượng glucid

- Vitamin và chất khoáng

2.2.3. Yêu cầu thứ ba là các chất dinh dưỡng cần thiết ở tỷ lệ cân đối, thích hợp

- Cân đối giữa các yếu tố sinh năng lượng

- Cân đối về protein

- Cân đối về lipid

- Cân đối về glucid

- Cân đối về vitamin

- Cân đối về chất khoáng

2.2.4. Phù hợp với điều kiện kinh tế của từng gia đình và thực tế địa phương

10N
ĐẠI
TÊN
1 GI
★

- Trong lựa chọn thực phẩm chú ý sao cho thích hợp nhất với điều kiện kinh tế của từng đối tượng

- Mặt khác, tùy thuộc vào tập quán dinh dưỡng, món ăn cần được thay đổi, ngon miệng, hợp khẩu vị.

2.2.5. Thức ăn phải đảm bảo lành, sạch, không gây bệnh

- Phòng tránh sự nhiễm khuẩn.

- Nên phân cân đối thức ăn ra các bữa sáng, trưa, tối và đảm bảo sự cân đối trong từng bữa ăn.

2.3. Dinh dưỡng hợp lý cho người lao động trí óc

2.3.1. Về tiêu hao năng lượng

2.3.2. Nhu cầu các chất dinh dưỡng

2.4. Dinh dưỡng cho công nhân

2.4.1. Nhu cầu năng lượng

2.4.2. Nhu cầu các chất dinh dưỡng

2.4.3. Chế độ ăn

2.5. Dinh dưỡng cho nông dân

2.5.1. Tiêu hao năng lượng và nhu cầu các chất dinh dưỡng

2.5.2. Chế độ ăn

Chương 4: Khẩu phần ăn của bà mẹ khi mang thai và nuôi con bú

Thời gian: 2 giờ (LT)

1. Mục tiêu của chương:

- Kiến thức:

+ Trình bày được những đặc điểm, nhu cầu dinh dưỡng, cách chăm sóc và ăn uống của bà mẹ khi có thai và nuôi con bú.

+ Giải thích được vì sao người mẹ cần phải được chăm sóc tốt hơn và ăn nhiều hơn trong thời kỳ có thai và nuôi con bú.

- Kỹ năng: Xây dựng được khẩu phần ăn hợp lý cho bà mẹ mang thai và nuôi con bú.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tư vấn, hướng dẫn cho bà mẹ mang thai lựa chọn chế độ ăn đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng và an toàn cho sức khỏe.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đặc điểm và nhu cầu dinh dưỡng của phụ nữ có thai và nuôi con bú

- Thai nghén là một trạng thái sinh lý bình thường

- Ở người phụ nữ có thai chuyển hoá tăng

- Nhu cầu về năng lượng của bà mẹ nuôi con bú

- Nhu cầu protein của phụ nữ có thai và nuôi con bú cũng cao hơn mức bình thường.

- Nhu cầu một số vi chất dinh dưỡng như sắt, calci, kẽm ... của các bà mẹ cũng tăng.

2.2. Ăn uống của bà mẹ trong khi có thai và nuôi con bú

2.2.1. Những thức ăn nào tốt nhất cho bà mẹ có thai và cho con bú?

2.2.2. Các bà mẹ chú ý về chế độ ăn trong thời gian mang thai

2.2.3. Các bà mẹ cần tăng bao nhiêu cân trong thời kỳ mang thai?

2.3. Chăm sóc bà mẹ khi có thai và cho con bú

2.3.1. Chăm sóc y tế và dinh dưỡng

- Bà mẹ có thai

- Bà mẹ nuôi con bú

2.3.2. Vấn đề vệ sinh khi mang thai và nuôi con bú

- Mặc

- Tắm rửa

- Chăm sóc núm vú

2.3.3. Vấn đề nghỉ ngơi và lao động khi mang thai và nuôi con bú

- Vận động và lao động.

- Nghỉ ngơi

2.3.4. Vấn đề quan tâm chăm sóc của gia đình và xã hội đối với phụ nữ khi có thai và nuôi con bú

Chương 5: Khẩu phần ăn của trẻ em dưới 12 tháng tuổi

Thời gian: 2 giờ (LT)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được đặc điểm phát triển cơ thể và nhu cầu dinh dưỡng của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

+ Trình bày được lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ.

+ Trình bày được chế độ ăn bổ sung và cách chăm sóc trẻ dưới 12 tháng tuổi.

- Kỹ năng: Xây dựng được bữa ăn dặm hợp lý cho trẻ theo độ tuổi.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xây dựng bữa ăn dặm cho trẻ đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng, phù hợp với lứa tuổi và điều kiện của từng gia đình.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đặc điểm phát triển cơ thể trẻ em

- Trẻ em là một cơ thể đang lớn và phát triển nhanh

- Trẻ nhỏ, đặc biệt trong những năm đầu tiên
 - Những trẻ bị suy dinh dưỡng bào thai thường phát triển chậm hơn
- 2.2. Nhu cầu dinh dưỡng của trẻ em dưới 12 tháng tuổi
- 2.2.1. Nhu cầu protein, glucid, lipid, vitamin và muối khoáng
- Nhu cầu protein:
 - Ngoài protein, trẻ còn cần các chất dinh dưỡng khác như glucid, lipid, vitamin và muối khoáng
- 2.2.2. Nuôi con bằng sữa mẹ
- Tổ chức quỹ nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF)
 - Sáu tháng đầu tiên sau khi sinh
- 2.2.3. Lợi ích của nuôi con bằng sữa mẹ.
- Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho trẻ nhỏ, nhất là trẻ dưới 1 tuổi
 - Sữa mẹ là dịch thể sinh học tự nhiên chứa nhiều chất kháng khuẩn,
 - Sữa mẹ có tác dụng chống dị ứng
 - Cho con bú sữa mẹ hoàn toàn có lợi cả về kinh tế
 - Nuôi con bằng sữa mẹ làm tăng tình cảm mẹ con
- 2.3. Ăn bổ sung hợp lý
- 2.3.1. Nguyên tắc chung
- Cho trẻ bú mẹ hoàn toàn đến 6 tháng
 - Từ 4 đến 6 tháng tuổi chỉ nên cho trẻ ăn thức ăn bổ sung
 - Trẻ từ 6 - 7 tháng tuổi
- 2.3.2. Lý do cần cho trẻ ăn bổ sung
- 2.3.3. Khi nào cần cho trẻ ăn bổ sung
- Khi nguồn sữa mẹ không đủ đáp ứng nhu cầu về năng lượng và các chất dinh dưỡng
 - Vào thời gian 4 - 6 tháng tuổi
- 2.3.4. Chọn thức ăn bổ sung
- Giàu năng lượng, protein và các vi chất dinh dưỡng (đặc biệt là sắt, kẽm, calci, vitamin A, vitamin C và folate)
 - Sạch và an toàn
 - Trẻ có thể ăn được một cách dễ dàng
 - Hấp dẫn, làm trẻ thích
 - Dễ chế biến
 - Cần phải phối hợp thêm các lương thực, thực phẩm khác với lương thực chính để trẻ nhận đủ các chất dinh dưỡng

Chương 6: Một số bệnh do thiếu cân bằng dinh dưỡng

Thời gian: 3 giờ (LT)

1. Mục tiêu của chương:

- Kiến thức:

+ Trình bày được nguyên nhân các bệnh do thiếu cân bằng dinh dưỡng.

+ Nêu được cách phòng chống các do thiếu cân bằng dinh dưỡng.

- Kỹ năng: xác định được tình trạng dinh dưỡng của người bệnh từ đó xây dựng khẩu phần ăn hợp lý cho từng đối tượng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận định đúng tầm quan trọng của chế độ dinh dưỡng đối với cơ thể con người.

2. Nội dung của chương:

2.1. Bệnh thiếu dinh dưỡng protein năng lượng

2.1.1. Nguyên nhân thiếu dinh dưỡng protein năng lượng

- Nuôi dưỡng kém

- Cho trẻ ăn nước cháo hoặc ăn bột quá sớm.

- Ăn bổ sung quá sớm hoặc quá muộn.

- Cho ăn không đủ chất dinh dưỡng.

- Cai sữa quá sớm

- Nhiễm trùng

2.1.2. Các yếu tố nguy cơ:

- Trẻ đẻ non, đẻ thấp cân.

- Trẻ sống trong gia đình đông con

- Trẻ bị mắc các dị tật bẩm sinh

2.1.3. Biện pháp phòng chống

- Cách phát hiện sớm các loại thiếu dinh dưỡng

- Theo dõi thường kỳ cân nặng của trẻ hàng tháng

- Phụ nữ mang thai cần có kiến thức và hiểu biết cách tự chăm sóc bản thân và nuôi dưỡng đứa con ngay từ khi còn trong bụng mẹ

2.2. Thiếu vitamin A và bệnh khô mắt

2.2.1. Nguyên nhân gây thiếu vitamin A

- Do khẩu phần ăn bị thiếu hụt vitamin A

- Tình trạng nhiễm khuẩn

- Trẻ bị nhiễm giun

- Trẻ bị suy dinh dưỡng nặng thường kèm theo thiếu vitamin A

2.2.2. Biện pháp phòng chống

- Cải thiện để nâng cao chất lượng bữa ăn
- Bổ sung vitamin A liều cao cho trẻ
- Phát hiện và điều trị trẻ khô mắt

2.3. Thiếu máu dinh dưỡng

2.3.1 Khái niệm

- Theo Tổ chức Y tế Thế giới
- Thiếu máu dinh dưỡng không những là loại thiếu máu phổ biến nhất
- Thiếu máu do thiếu sắt ảnh hưởng tới khả năng lao động.
- Ảnh hưởng tới năng lực trí tuệ
- Ảnh hưởng tới thai sản

2.3.2. Phòng chống

- Dinh dưỡng hợp lý
- Điều trị sớm các bệnh nhiễm khuẩn
- Bổ sung viên sắt, acid folic

2.4. Thiếu iod và bệnh bướu cổ

2.4.1. Thiếu iod

- Thiếu iod dẫn đến thiếu hoóc-môn tuyến giáp và ảnh hưởng tới nhiều chức năng quan trọng của cơ thể
- Tình trạng thiếu iod ở Việt Nam
- Mục tiêu lớn của chương trình quốc gia
- Bên cạnh đó cũng cần cải thiện điều kiện lưu thông phân phối thực phẩm để thức ăn các miền qua lại dễ dàng.

2.4.2. Bệnh bướu cổ

- Bệnh bướu cổ là gì
- Nguyên nhân của bệnh
- Cách chữa bệnh và phòng chống bệnh bướu cổ

Chương 7: Dinh dưỡng điều trị một số bệnh thường gặp

Thời gian: 5 giờ (LT)

1. Mục tiêu của chương:

- Kiến thức: Trình bày chỉ định của một số chế độ ăn đặc biệt.
- Kỹ năng: Lựa chọn được mẫu thực đơn cho một số bệnh lý như tăng huyết áp,

đái tháo đường, ...

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Lựa chọn thực đơn cho một số bệnh lý đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng, tươi ngon, phù hợp với từng đối tượng.

2. Nội dung của chương:

2.1. Một số chế độ ăn đặc biệt

2.1.1. Chế độ ăn hạn chế nước và muối

- Dùng cho các bệnh nhân mắc các chứng tim, thận kèm theo phù nặng, bệnh nhân bị huyết áp cao, viêm thận mãn tính

- Mục đích là giảm nhẹ gánh nặng cho hệ tuần hoàn và tiết niệu

2.1.2. Chế độ ăn hoàn toàn lỏng

- Suy nhược nặng hoặc bán hôn mê.

- Hẹp đường tiêu hoá trên, kể cả hẹp môn vị.

- Chán ăn nặng.

- Trước và sau mổ

2.1.3. Chế độ ăn hạn chế sợi, xơ và chất kích thích

- Loét dạ dày tá tràng

- Viêm ruột.

2.1.4. Chế độ ăn toan và kiềm

- Dùng khi cơ thể mất cân đối giữa toan và kiềm

- Dùng để gây một sự mất cân bằng giữa toan và kiềm của cơ thể

2.1.5. Chế độ ăn giàu năng lượng

- Đa chấn thương.

- Các bệnh ung thư.

- Biếng ăn do nguyên nhân thần kinh.

- Nhiễm HIV.

2.1.6. Chế độ ăn giảm protein

- Cơ thể không bài tiết được các chất sinh ra từ chuyển hoá protid

- Không tiêu hoá được protid do có rối loạn ở hệ tiêu hoá

- Chuyển hoá cơ bản tăng quá mức

2.1.7. Chế độ tăng protein

- Dùng trong các bệnh nội khoa

- Dùng trong các bệnh ngoại khoa

2.1.8. Chế độ ăn hạn chế purin

- Bệnh Calci thận

- Bệnh Gout

2.2. Ăn uống cho một số bệnh lý

2.2.1. Suy tim

- Giảm nhẹ tiền gánh bằng rút nước phù.
- Giảm nhẹ hậu gánh bằng dùng thuốc giãn mạch.
- Trợ tim bằng dùng các thuốc trợ tim

2.2.2. Tăng huyết áp

- Giảm muối
- Giảm cân
- Rượu

2.2.3. Tiểu đường

- Nguyên tắc ăn uống
- Bệnh nhân tiểu đường cần hạn chế các thực phẩm
- Một số thực phẩm tốt cho bệnh nhân tiểu đường

2.2.4. Loét dạ dày và tá tràng.

- Nên ăn chín, uống sôi
- Tuyệt đối không nên để dạ dày quá đói
- Nhiệt độ của thức ăn
- Không nên tắm ngay sau khi ăn

2.2.5. Bệnh Gout

- Tránh những thực phẩm có chứa nhiều purin
- Bỏ rượu, thức uống có rượu, bia, cà phê, chè.
- Không giảm cân quá nhanh cho người béo quá mức.
- Uống đủ nước (nhưng không dùng cà phê, chè). Thực đơn mẫu cho bệnh nhân bị Goutte cấp tính

- Không ăn mỡ động vật, không ăn đường
- Các món nộm, gỏi bóp giấm
- Hạn chế uống các nước có tính chua

2.2.6. Ăn uống sau phẫu thuật

- Để có được một chế độ dinh dưỡng hợp lý
- Ngoài ra cần chọn phương pháp nuôi ăn phù hợp

Chương 8: An toàn vệ sinh thực phẩm

Thời gian: 5 giờ (4 LT – 1KT)

1. Mục tiêu của chương:

- Kiến thức:

- + Nêu được định nghĩa, một số khái niệm về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- + Trình bày được các vấn đề thách thức và tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay ở nước ta.
- + Trình bày được các nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm.
- + Trình bày được các yêu cầu vệ sinh trong quá chế biến, bảo quản thực phẩm và các biện pháp thực hành vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Kỹ năng: Đưa ra được những biện pháp nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho bệnh nhân, bản thân và gia đình.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Áp dụng kiến thức đã học vào công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình chăm sóc người bệnh, bản thân và gia đình.

2. Nội dung của chương:

2.1. Một số khái niệm về vệ sinh an toàn thực phẩm

- Thực phẩm
- Vệ sinh thực phẩm
- An toàn thực phẩm
- Định nghĩa vệ sinh an toàn thực phẩm

2.2. Những thách thức và tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay

2.2.1. Những thách thức

- Sự bùng nổ dân số
- Bên cạnh đó, sự gia tăng nhanh dân số còn làm khan hiếm tài nguyên thiên nhiên

- Ô nhiễm môi trường
- Sự phát triển của khoa học công nghệ

2.2.2. Tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay

- Trong những năm gần đây
- Ngoài ra, việc sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật bao gồm thuốc trừ sâu, diệt
- Việc bảo quản lương thực thực phẩm không đúng quy cách
- Các bệnh do thực phẩm gây
- Theo báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới

2.3. Những nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm

2.3.1. Do quá trình chăn nuôi, gieo trồng, sản xuất thực phẩm, lương thực

- Thực phẩm có nguồn gốc từ gia súc, gia cầm

- Các loại rau, quả

2.3.2. Do quá trình chế biến không đúng

- Quá trình giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm
- Dùng chất phụ gia không đúng quy định
- Dùng chung dao thớt hoặc để lẫn thực phẩm sống với thực phẩm chín
- Dùng khăn bẩn
- Bàn chế biến thực phẩm
- Người chế biến thực phẩm
- Rửa thực phẩm, dụng cụ ăn uống
- Nấu thực phẩm chưa chín hoặc không đun lại.

2.3.3. Do quá trình sử dụng và bảo quản không đúng

- Dùng dụng cụ
- Để thức ăn qua đêm
- Do thực phẩm bảo quản không đủ độ lạnh

2.4. Yêu cầu vệ sinh trong quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm

2.4.1. Yêu cầu vệ sinh đối với thực phẩm tươi sống, sử dụng hàng ngày

- Thực phẩm phải có nguồn gốc rõ ràng
- Phải được kiểm tra
- Khi cần phải sử dụng các loại phụ gia
- Không dùng thực phẩm ôi thiu
- Không được dùng bất kỳ thực phẩm nhiễm chất độc hại

2.4.2. Yêu cầu vệ sinh đối với quá trình chế biến thực phẩm

- Chế biến thịt
- Sơ chế các loại rau
- Chế biến món ăn

2.4.3. Đối với quá trình bảo quản thực phẩm

- Bảo quản khô
- Bảo quản mặn
- Bảo quản ngọt
- Bảo quản bằng cách lên men
- Bảo quản lạnh

Kiểm tra lần 1: 1 giờ

Chương 9: Ngộ độc thực phẩm

Thời gian: 5 giờ (4LT – 1KT)

1. Mục tiêu của chương:

- Kiến thức:

- + Trình bày được khái niệm và phân loại ngộ độc thức ăn.
- + Mô tả được đặc điểm dịch tễ, biểu hiện lâm sàng và phòng chống ngộ độc thức ăn do vi khuẩn và độc tố vi khuẩn.
- + Trình bày được phân loại ngộ độc thức ăn không do vi khuẩn.
- Kỹ năng: Đưa ra được các biện pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm cho bệnh nhân, bản thân và gia đình.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc phòng chống ngộ độc thực phẩm trong công tác chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân, bản thân và gia đình.

2. Nội dung của chương:

2.1. Khái niệm ngộ độc thức ăn

- Ngộ độc thức ăn
- Bệnh thường xảy ra có tính chất đột ngột

2.2. Phân loại ngộ độc thức ăn

- Ngộ độc thức ăn do vi khuẩn và độc tố của vi khuẩn thường gặp
- Ngộ độc thức ăn không do vi khuẩn

2.3. Ngộ độc thức ăn nguyên nhân do vi khuẩn và độc tố của vi khuẩn

2.3.1. Ngộ độc thức ăn do Salmonella

- Đặc điểm dịch tễ
- Biểu hiện lâm sàng
- Biện pháp phòng bệnh

2.3.2. Ngộ độc thức ăn do độc tố tụ cầu

- Đặc điểm dịch tễ
- Biểu hiện lâm sàng
- Biện pháp phòng bệnh

2.3.3. Ngộ độc thức ăn do Clostridium botulinus

- Đặc điểm dịch tễ
- Biểu hiện lâm sàng
- Phòng bệnh

2.4. Ngộ độc thức ăn không do vi khuẩn

2.4.1. Ngộ độc do độc tố của vi nấm

- 54. 2.4.2. Ngộ độc thực phẩm do bản thân thực phẩm có chứa chất độc tự nhiên
- Ngộ độc thức ăn do ăn phải thực phẩm có chất độc

- Ngộ độc do ăn phải thức phẩm động vật có chất độc

55. 2.4.3. Ngộ độc do thực phẩm bị biến chất, ôi, hỏng

- Do protein bị biến chất gây ôi hỏng tạo ptomain, histamin...

- Do lipid bị ôi hỏng tạo peroxyt, aldehyt, ceton...

- Ngộ độc do nitrat, nitrit.

2.4.4. Ngộ độc do thức ăn bị nhiễm hóa chất

- Do nhiễm các kim loại nặng: chì, asen, kẽm, thiếc, đồng...

- Do sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: các thuốc trừ sâu, trừ chuột, trừ mối và diệt cỏ.

- Ngộ độc do các chất phụ gia thực phẩm.

Kiểm tra lần 2:

Thời gian 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy chiếu, micro, bút trình chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, tài liệu tham khảo, bảng, phấn, bông lau bảng

4. Các điều kiện khác: sinh viên phải học xong các môn học Giải phẫu, Vi sinh – Ký sinh trùng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Biết được nguồn gốc và vai trò của chất dinh dưỡng.

Trình bày được nhu cầu và vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể.

Xác định được các nhóm thực phẩm sinh năng lượng và không sinh năng lượng.

Trình bày được các yêu cầu về dinh dưỡng hợp lý.

Trình bày được nguyên nhân các bệnh do thiếu cân bằng dinh dưỡng, nêu được cách phòng chống các do thiếu cân bằng dinh dưỡng.

Trình bày được các vấn đề thách thức và tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay ở nước ta.

Trình bày được các yêu cầu vệ sinh trong quá chế biến, bảo quản thực phẩm và các biện pháp thực hành vệ sinh an toàn thực phẩm.

Trình bày được khái niệm và phân loại ngộ độc thức ăn.

Mô tả được đặc điểm dịch tễ, biểu hiện lâm sàng và phòng chống ngộ độc thức ăn do vi khuẩn và độc tố vi khuẩn.

- Kỹ năng:

Tính toán được năng lượng chuyển hóa cơ bản theo công thức của Tổ chức Y tế Thế giới.

Tính toán được nhu cầu năng lượng cần thiết trong ngày cho người lớn.

Xây dựng khẩu phần ăn hợp lý cho người lao động trí óc, công nhân, nông dân.

Xây dựng được mẫu thực đơn cho một số bệnh lý như tăng huyết áp, tiểu đường...

Đánh giá tình trạng dinh dưỡng, xây dựng chế độ dinh dưỡng và giáo dục sức khỏe cho người suy dinh dưỡng

Lựa chọn được thực phẩm tươi sống, sạch, an toàn

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập: chuẩn bị bài, tham khảo tài liệu.

Phối hợp tốt với nhóm trong quá trình học, thuyết trình, thảo luận nhóm

Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

2. Phương pháp:

- **Hình thức đánh giá:** trắc nghiệm, kiểm tra viết, bài tập nhóm hoặc thuyết trình theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.

+ *Kiểm tra:* Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án; chọn đáp án đúng hoặc sai; kiểm tra viết, bài tập nhóm có xác nhận tham gia.

Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng một trong các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết. Kết hợp với đánh giá chuyên cần, có thông báo quy định trước vào buổi học đầu tiên.

Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: Kiểm tra trắc nghiệm, kiểm tra viết, bài tập nhóm hoặc thuyết trình được xác nhận có tham gia. Giảng viên có thông báo trước.

Điểm kiểm tra gồm: ít nhất 1 cột điểm thường xuyên và ít nhất 1 cột điểm định kỳ trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2.

+ *Thi kết thúc môn học:* Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án; chọn đáp án đúng hoặc sai.

- **Tính điểm môn học:**

+ Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

+ Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm.

+ Điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4 theo phương thức tích lũy tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Dinh dưỡng sử dụng để giảng dạy ngành, nghề Y sĩ trình độ cao đẳng chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Đối với giảng viên:

- Tổ chức dạy và học lý thuyết.

- Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Phối hợp các phương pháp dạy/học:

+ Thuyết trình có minh họa.

+ Thảo luận nhóm

+ Đặt vấn đề và giải quyết vấn đề

Đối với người học:

- Thực hiện đúng theo Quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ áp dụng cho khóa học.

- Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học. Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thi kết quả điểm kiểm tra là điểm 0 (điểm không) ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó”.

- Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.

- Vận dụng kiến thức lý thuyết vào chăm sóc sức khoẻ người bệnh.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Biết được nguồn gốc và vai trò của chất dinh dưỡng.

Trình bày được nhu cầu và vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể.

Xác định được các nhóm thực phẩm sinh năng lượng và không sinh năng lượng.

Trình bày được các yêu cầu về dinh dưỡng hợp lý.

Trình bày được nguyên nhân các bệnh do thiếu cân bằng dinh dưỡng, nêu được cách phòng chống các do thiếu cân bằng dinh dưỡng.

Trình bày được các vấn đề thách thức và tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay ở nước ta.

Trình bày được các yêu cầu vệ sinh trong quá chế biến, bảo quản thực phẩm và các biện pháp thực hành vệ sinh an toàn thực phẩm.

Trình bày được khái niệm và phân loại ngộ độc thức ăn.

Mô tả được đặc điểm dịch tễ, biểu hiện lâm sàng và phòng chống ngộ độc thức ăn do vi khuẩn và độc tố vi khuẩn.

Tính toán được năng lượng chuyển hóa cơ bản theo công thức của Tổ chức Y tế Thế giới.

Tính toán được nhu cầu năng lượng cần thiết trong ngày cho người lớn.

Xây dựng khẩu phần ăn hợp lý cho người lao động trí óc, công nhân, nông dân.

Xây dựng được mẫu thực đơn cho một số bệnh lý như tăng huyết áp, tiểu đường...

Đánh giá tình trạng dinh dưỡng, xây dựng chế độ dinh dưỡng và giáo dục sức khỏe cho người suy dinh dưỡng

Lựa chọn được thực phẩm tươi sống, sạch, an toàn

4. Tài liệu tham khảo:

- Hà Huy Khôi, *Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm*, NXB Y học Hà Nội, 2004: 17-171

- Hà Huy Khôi, *Dinh dưỡng dự phòng các bệnh mạn tính*, NXBYH Hà nội, 2006: 1-237

- Đào Thị Yến Phi, *An toàn thực phẩm*, NXB Y học, năm 2024, 8 - 35.

- Đào Thị Yến Phi, *Dinh dưỡng học*, Tái bản lần thứ 5, NXB Y học, 2022, 3 - 343.

- Phạm Duy Tường, *Dinh dưỡng – Vệ sinh an toàn thực phẩm*, Đại học Y Hà Nội, NXB Giáo dục, 2012: 1-186

- Cơ sở dữ liệu thành phần thực phẩm Mỹ - USDA Food Composition Database, Version 18, năm 2006: 1-511

Hills, A., P., Mokhtar, N., and Byrne, N. M., (2014), *Assessment of physical activity and energy expenditure: an overview of objective measures*. *Frontiers in Nutrition*,1 (5): 1-16

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Sức khỏe môi trường – Vệ sinh phòng bệnh

Mã môn học: MH24A112216

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành, được bố trí giảng dạy ở học kỳ II trong chương trình đào tạo ngành, nghề Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng hệ chính quy.

- Tính chất: Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về sức khỏe môi trường, những vấn đề cấp bách về sức khỏe môi trường hiện nay ở Việt Nam, những nguy hại của môi trường đối với sức khỏe từ đó đưa ra các biện pháp để bảo vệ, cải tạo môi trường sống, đề phòng tai nạn, phòng chống dịch bệnh.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được một số khái niệm cơ bản về môi trường và sức khỏe môi trường.

+ Xác định những vấn đề môi trường cấp bách hiện nay và những ảnh hưởng của chúng đến sức khỏe con người Việt Nam.

+ Phân tích được tầm quan trọng của cộng đồng trong việc tham gia quản lý sức khỏe môi trường.

+ Trình bày được các nguyên lý cơ bản của phát triển bền vững.

+ Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe con người, sự lây truyền tác nhân gây bệnh.

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng của cơ thể.

+ Trình bày được các yêu cầu vệ sinh cá nhân, vệ sinh lao động, vệ sinh trong cơ sở y tế.

+ Trình bày được các biện pháp phòng chống các bệnh thường gặp.

- Về kỹ năng:

+ Đánh giá được các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe.

+ Phân biệt được mối liên hệ giữa môi trường và sức khỏe.

+ Xác định được yếu tố có nguy cơ gây bệnh thường gặp tác động đến sức khỏe con người.

+ Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản vào trong công tác vệ sinh để phòng bệnh.

+ Tham gia tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người thân và cộng đồng nhằm nâng cao sức khỏe và hạn chế được bệnh tật đồng thời giảm bớt gánh nặng cho xã hội.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức bảo vệ môi trường, quyết tâm thực hiện các hành vi đúng nhằm giảm thiểu tác hại đến môi trường, góp phần bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
Phần A: Sức khỏe môi trường		15	14		1
1	Chương 1: Tổng quan về sức khỏe môi trường 1. Các thành phần cơ bản của môi trường 1.1. Khái niệm về môi trường 1.2. Các thành phần của môi trường 1.3. Các chức năng của môi trường 2. Các khía cạnh lịch sử của sức khỏe môi trường 2.1. Khái niệm về sức khỏe môi trường 2.2. Lịch sử phát triển của sức khỏe môi trường 3. Những mối nguy hiểm sức khỏe môi trường truyền thống và hiện đại 4. Quản lý sức khỏe môi trường tại Việt Nam 4.1. Thực trạng và chiến lược về sức khỏe môi trường 4.2. Thách thức về sức khỏe môi trường Việt Nam trong thời gian tới 4.3. Một số chiến lược và giải pháp nâng cao sức khỏe môi trường	2	2		
2	Chương 2: Cơ sở sinh thái học của sức khỏe và bệnh tật 1. Con người và hệ sinh thái 1.1. Thế nào là một hệ sinh thái 1.2. Môi trường và sức khỏe con người 1.3. Sự ổn định của hệ sinh thái: nền tảng của sức khỏe con người 1.4. Các hoạt động của con người và tác động lên hệ sinh thái	3	3		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1.5. Hậu quả của thay đổi khí hậu và biến đổi hệ sinh thái 2. Những thay đổi sinh thái học và một số bệnh phổ biến liên quan đến môi trường 2.1. Các bệnh truyền nhiễm 2.2. Các bệnh không truyền nhiễm				
3	Chương 3: Ô nhiễm môi trường không khí 1. Khái niệm về ô nhiễm không khí 2. Sơ lược lịch sử ô nhiễm không khí 3. Các nguồn gây ô nhiễm không khí 3.1. Ô nhiễm không khí do công nghiệp 3.2. Ô nhiễm không khí do giao thông 3.3. Ô nhiễm không khí do nông nghiệp 3.3. Ô nhiễm không khí do xây dựng và dân sinh 4. Các ảnh hưởng của ô nhiễm không khí 4.1. Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí lên sức khỏe 4.2. Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí lên môi trường 4.3. Những ảnh hưởng khác 5. Các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường 5.1. Quan trắc môi trường không khí 5.2. Kiểm soát hành chính 5.3. Các biện pháp kỹ thuật	3	3		
4	Chương 4: Nước và vệ sinh nước 1. Các nguồn nước trong tự nhiên 1.1. Nước biển và đại dương 1.2. Nước ngầm 1.3. Nước sông hồ (nước mặt) 1.4. Nước mưa 2. Vai trò của nước đối với sức khỏe 3.1. Định nghĩa ô nhiễm nước 3.2. Nguồn gây ô nhiễm nước	2	2		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.3. Tác nhân gây ô nhiễm nước 3.4. Các bệnh liên quan đến nước 3. Các biện pháp phòng chống ô nhiễm nước 3.1. Đối với nước thải trong sinh hoạt 3.2. Đối với nước thải công nghiệp 3.3. Đối với nước thải trong nông nghiệp				
5	Chương 5: Quản lý chất thải rắn và chất thải y tế 1. Khái niệm chất thải, chất thải rắn 2. Nguồn phát sinh chất thải rắn 2.1. Nguồn chất thải tự nhiên 2.2. Nguồn chất thải nhân tạo 3. Nguyên tắc xử lý chất thải rắn 4. Những vấn đề sức khỏe và môi trường của chất thải rắn 4.1. Tác động lên môi trường đô thị 4.2. Tác động lên sức khỏe con người 5. Quản lý chất thải rắn 5.1. Giảm thiểu nguồn phát sinh 5.2. Tái sử dụng – tái chế 5.3. Thu hồi năng lượng từ chất thải rắn 6. Chất thải y tế và yêu cầu xử lý chất thải y tế 6.1. Khái niệm chất thải y tế 6.2. Phân loại chất thải y tế 6.3. Nguyên tắc tiêu hủy chất thải y tế nguy hại	2	2		
6	Chương 6: Phát triển bền vững 1. Phát triển bền vững và các nguyên tắc chung 1.1. Khái niệm chung về phát triển bền vững 1.2. Các nguyên tắc của phát triển bền vững 2. Các tiêu chí và chỉ thị về phát triển bền vững	3	2		1



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.1. Bền vững về kinh tế 2.2. Bền vững về xã hội 2.3. Bền vững về môi trường 3. Hành động của cấp địa phương vì sự bền vững toàn cầu 3.1. Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam 3.2. Chiến lược môi trường cho phát triển bền vững cấp quốc gia và địa phương 3.3. Chính sách môi trường 3.4. Quản lý môi trường 4. Quản lý bền vững tài nguyên tái tạo và không tái tạo 4.1. Cơ sở khoa học của việc quản lý khai thác tài nguyên thiên nhiên 4.2. Công cụ quản lý tài nguyên				
Phần B: Vệ sinh phòng bệnh		15	14		1
	Chương 1: Dịch tễ học đại cương 1. Định nghĩa dịch tễ học 2. Mục tiêu của dịch tễ học 2.1. Mục tiêu tổng quát 2.2. Mục tiêu cụ thể 3. Nhiệm vụ của dịch tễ học 4. Vai trò của dịch tễ học 5. Diễn tiến của bệnh trong dịch tễ học 5.1. Giai đoạn cảm nhiễm 5.2. Giai đoạn tiền lâm sàng 5.3. Giai đoạn lâm sàng 5.4. Giai đoạn hậu lâm sàng 6. Các cấp độ dự phòng 7. Phân loại các nguyên nhân 8. Dịch tễ học và các nhóm bệnh truyền nhiễm 8.1. Phân loại các nhóm bệnh truyền nhiễm 8.2. Các bệnh truyền nhiễm qua đường tiêu hóa	1	1		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	8.2.1. Các bệnh truyền từ người sang người 8.2.2. Các bệnh truyền nhiễm từ súc vật sang người 8.3. Các bệnh truyền nhiễm qua đường hô hấp 8.4. Các bệnh truyền nhiễm qua đường máu 8.5. Các bệnh truyền nhiễm qua đường da và niêm mạc				
	Chương 2: Chương trình dinh dưỡng 1. Khái niệm dinh dưỡng 2. Đặc điểm tình hình dinh dưỡng hiện nay của nước ta 3. Vai trò các chất dinh dưỡng đối với sức khỏe 3.1. Dinh dưỡng và sức khỏe sinh sản 3.2. Dinh dưỡng với sinh trưởng và phát triển 3.3. Dinh dưỡng với suy lão 3.4. Dinh dưỡng với miễn dịch 3.5. Dinh dưỡng liên quan với một số bệnh tật	1	1		
	Chương 3: Nhu cầu dinh dưỡng 1. Phân loại thức ăn 2. Vai trò các nhóm thức ăn 2.1. Chất bột đường 2.2. Chất đạm 2.3. Chất béo 2.4. Vitamin, chất khoáng và chất xơ 3. Nhu cầu năng lượng 3.1. Năng lượng tiêu hao 3.2. Chuyển hóa cơ bản 3.3. Lao động thể lực 3.4. Tác dụng động lực học của thức ăn 3.5. Nhu cầu cần năng lượng hằng ngày 4. Nhu cầu các chất dinh dưỡng của cơ	1	1		

|| / 2.4.10.1 ||

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	thể 5. Nguyên tắc xây dựng thực đơn hợp lý				
	Chương 4: Vệ sinh thực phẩm 1. Một số khái niệm 1.1. Thực phẩm 1.2. Vệ sinh an toàn thực phẩm 1.3. Ngộ độc thực phẩm 1.4. Ô nhiễm thực phẩm 2. Tầm quan trọng vệ sinh an toàn thực phẩm 2.1. Đối với sức khỏe và bệnh tật 2.2. Tác động đến kinh tế và xã hội 3. Nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm 3.1. Do quá trình chăn nuôi, gieo trồng, sản xuất thực phẩm, lương thực 3.2. Do quá trình chế biến không đúng: 3.3. Do quá trình sử dụng và bảo quản không đúng 4. Phân loại ngộ độc thực phẩm: 4.1. Do vi sinh vật 4.2. Do hóa chất 4.3. Do thực phẩm có sẵn các yếu tố tự nhiên 4.4. Do thức ăn bị hư hỏng biến chất 5. Biện pháp phòng ngộ độc thực phẩm	1	1		
	Chương 5: Cung cấp nước sạch 1. Đại cương 2. Vai trò của nước sạch 3. Tiêu chuẩn một nguồn nước sạch 3.1. Tiêu chuẩn về số lượng 3.2. Tiêu chuẩn về chất lượng 3.3. Tiêu chuẩn vi sinh vật 3.4. Các vi yếu tố: iod. Flo... 3.5. Các chất độc trong nước 4. Các nguồn nước trong thiên nhiên	1	1		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	5. Các hình thức cung cấp nước ở các vùng 5.1. Vùng đồng bằng 5.2. Ở vùng miền núi và trung du 5.3. Ở vùng ven biển 5.4. Ở thành phố, thị xã 6. Các biện pháp làm sạch nước				
	Chương 6: Xử lý chất thải 1. Mối quan hệ giữa phân với đời sống, sản xuất và môi trường 2. Tầm quan trọng của việc thanh trừ phân 2.1. Về mặt vệ sinh 2.2. Về mặt dịch tễ 2.3. Về mặt sản xuất 3. Tiêu chuẩn hổ xí hợp vệ sinh 3.1. Tiêu chuẩn hổ xí hợp vệ sinh 3.2. Nhà tiêu tự hoại 4. Vệ sinh rác 4.1. Thành phần của rác 4.2. Nguồn gốc 4.3. Tầm quan trọng của rác đối với đời sống 4.4. Tác hại của rác 4.5. Công dụng của rác 4.6. Phương pháp xử lý rác	1	1		
	Chương 7: Phòng và diệt các bệnh côn trùng 1. Đại cương 2. Một số côn trùng và sinh vật truyền bệnh thường gặp 2.1. Muỗi 2.2. Ruồi nhà 2.3. Bọ chét 3. Đặc điểm chung của muỗi, ruồi và bọ chét 4. Các biện pháp phòng và diệt côn trùng truyền bệnh	1	1		



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	Chương 8: Vệ sinh cá nhân 1. Vai trò của vệ sinh cá nhân 2. Nội dung và vệ sinh cá nhân 3. Vệ sinh thân thể và các giác quan 4. Vệ sinh trang phục 5. Vệ sinh ăn uống 6. Vệ sinh trong học tập, lao động, vui chơi giải trí và trong giấc ngủ 6.1. Vệ sinh giấc ngủ 6.2. Vệ sinh trong học tập 6.3. Vệ sinh trong lao động 6.4. Vệ sinh trong nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí 6.5. Vệ sinh kinh nguyệt	1	1		
	Chương 9: Vệ sinh trường học 1. Đại cương 2. Yêu cầu vệ sinh xây dựng trường học 2.1. Địa điểm xây dựng 2.2. Tiêu chuẩn diện tích 2.3. Các công trình vệ sinh trong trường học 3. Yêu cầu vệ sinh của một phòng học 4. Yêu cầu vệ sinh của bàn, ghế, bảng 5. Bệnh học đường- nguyên nhân và các biện pháp phòng tránh 5.1. Định nghĩa 5.2. Bệnh cận thị học đường 5.3. Bệnh cong vẹo cột sống	1	1		
	Chương 10: Vệ sinh Bệnh viện - Trạm y tế A – Vệ sinh bệnh viện 1. Đại cương 2. Chế độ vệ sinh ở bệnh viện 3. Công tác vệ sinh trong các khoa, phòng của bệnh viện 3.1. Mục tiêu 3.2. Nguyên tắc 3.3. Phân loại khu vực vệ sinh	2	2		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	<p>4. Quy trình vệ sinh ở các khoa, phòng</p> <p>4.1. Vị trí</p> <p>4.2. Dụng cụ, hóa chất và các phương tiện phòng hộ cá nhân</p> <p>4.3. Các bước tiến hành làm vệ sinh</p> <p>5. Phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn trong bệnh viện</p> <p>B – Vệ sinh trạm y tế</p> <p>1. Cơ sở hạ tầng</p> <p>1.1. Vị trí</p> <p>1.2. Diện tích quy định</p> <p>1.3. Các công trình cơ bản trong trạm y tế</p> <p>2. Trang thiết bị trong trạm y tế</p> <p>4. Y tế thôn bản</p>				
	<p>Chương 11: Vệ sinh trong lao động</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Biến đổi sinh lý trong quá trình lao động</p> <p>3. Mệt mỏi trong lao động</p> <p>4. Vi khí hậu trong lao động</p> <p>5. Tiếng ồn trong lao động sản xuất</p> <p>6. Rung chuyển trong sản xuất</p> <p>7. Bụi trong môi trường lao động và một số bệnh bụi phổi</p> <p>8. Bệnh bụi phổi silic</p> <p>9. Vệ sinh lao động nông nghiệp</p>	1	1		
	<p>Chương 12: Phòng chống tai nạn thương tích</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Định nghĩa</p> <p>3. Phân loại</p> <p>3.1. Theo định nghĩa</p> <p>3.2. Theo tác nhân</p> <p>4. Các yếu tố nguy cơ</p> <p>4.1. Do khách quan</p> <p>4.2. Do chủ quan</p> <p>4.3. Các yếu tố nguy cơ có liên quan</p>	1	1		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	<p>đến nghề nghiệp, học tập, lao động, các hoạt động khác ở cộng đồng, gia đình</p> <p>5. Các tổn thương thường xảy ra</p> <p>6. Hậu quả</p> <p>6.1. Hậu quả cho con người</p> <p>6.2. Hậu quả về kinh tế</p> <p>7. Các biện pháp phòng ngừa</p>				
	<p>Chương 13: Phòng dịch, bao vây, dập tắt một vụ dịch ở cộng đồng</p> <p>A – Quá trình dịch</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Yếu tố liên quan để quá trình dịch</p> <p>2.1. Yếu tố trực tiếp</p> <p>2.2. Yếu tố gián tiếp</p> <p>3. Các hình thái và mức độ dịch</p> <p>B – Nguyên lý phòng chống dịch</p> <p>1. Những yếu tố cơ bản trong công tác điều tra một bệnh truyền nhiễm</p> <p>1.1. Phân tích ban đầu</p> <p>1.2. Khai thác và phân tích</p> <p>1.3. Báo cáo kết quả</p> <p>2. Biện pháp phòng ngừa bệnh truyền nhiễm</p> <p>3. Biện pháp chống dịch chủ yếu</p> <p>3.1. Nguồn truyền nhiễm</p> <p>3.2. Đường truyền nhiễm</p> <p>3.3. Khỏi cảm nhiễm</p> <p>4. Điều tra xử lý một vụ dịch ở cộng đồng</p> <p>4.1. Điều tra dịch</p> <p>4.2. Yêu cầu</p> <p>4.3. Các giai đoạn tiến hành</p> <p>4.4. Nguyên tắc của công tác xử lý một vụ dịch</p>	2	1		1
	Tổng cộng	30	28		2

2. Nội dung chi tiết:

Phần A: Sức khỏe môi trường

Chương 1: Tổng quan về sức khỏe môi trường

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về môi trường và sức khỏe môi trường.
- Nêu được các khía cạnh lịch sử của sức khỏe môi trường.
- Trình được những mối nguy hiểm sức khỏe môi trường truyền thống và hiện đại
- Trình bày được thực trạng, thách thức, chiến lược và một số giải pháp về sức khỏe môi trường tại Việt Nam.

2. Nội dung chương:

2.1. Các thành phần cơ bản của môi trường

2.1.1. Khái niệm về môi trường

2.1.2. Các thành phần của môi trường

2.1.3. Các chức năng của môi trường

2.2. Các khía cạnh lịch sử của sức khỏe môi trường

2.2.1. Khái niệm về sức khỏe môi trường

2.2.2. Lịch sử phát triển của sức khỏe môi trường

2.3. Những mối nguy hiểm sức khỏe môi trường truyền thống và hiện đại

2.4. Quản lý sức khỏe môi trường tại Việt Nam

2.4.1. Thực trạng và chiến lược về sức khỏe môi trường

2.4.2. Thách thức về sức khỏe môi trường Việt Nam trong thời gian tới

2.4.3. Một số chiến lược và giải pháp nâng cao sức khỏe môi trường

Chương 2: Cơ sở sinh thái học của sức khỏe và bệnh tật

Thời gian: 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm hệ sinh thái và mối quan hệ giữa các sinh vật trong hệ sinh thái
- Nêu được mối quan hệ giữa các hoạt động của con người và mất cân bằng sinh thái
- Trình bày được những tác động của thay đổi hệ sinh thái lên sức khỏe con người

2. Nội dung chương:

2.1. Con người và hệ sinh thái

2.1.1. Thế nào là một hệ sinh thái

2.1.2. Môi trường và sức khỏe con người

2.1.3. Sự ổn định của hệ sinh thái: nền tảng của sức khỏe con người

2.1.4. Các hoạt động của con người và tác động lên hệ sinh thái

2.1.5. Hậu quả của thay đổi khí hậu và biến đổi hệ sinh thái

2.2. Những thay đổi sinh thái học và một số bệnh phổ biến liên quan đến môi trường

2.2.1. Các bệnh truyền nhiễm

2.2.2. Các bệnh không truyền nhiễm

Chương 3: Ô nhiễm môi trường không khí

Thời gian: 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những khái niệm cơ bản về ô nhiễm không khí
- Nêu được các khía cạnh của lịch sử ô nhiễm không khí
- Liệt kê được các nguồn, thành phần của các chất gây ô nhiễm không khí và nêu được ảnh hưởng đến sức khỏe con người
- Mô tả được một số biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm về ô nhiễm không khí

2.2. Sơ lược lịch sử ô nhiễm không khí

2.3. Các nguồn gây ô nhiễm không khí

2.3.1. Ô nhiễm không khí do công nghiệp

2.3.2. Ô nhiễm không khí do giao thông

2.3.3. Ô nhiễm không khí do nông nghiệp

2.3.3. Ô nhiễm không khí do xây dựng và dân sinh

2.4. Các ảnh hưởng của ô nhiễm không khí

2.4.1. Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí lên sức khỏe

2.4.2. Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí lên môi trường

2.4.3. Những ảnh hưởng khác

2.5. Các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường

2.5.1. Quan trắc môi trường không khí

2.5.2. Kiểm soát hành chính

2.5.3. Các biện pháp kỹ thuật

Chương 4: Nước và vệ sinh nước

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các nguồn nước trong tự nhiên
- Nêu được vai trò của nước đối với sức khỏe con người
- Trình bày được các tác động của ô nhiễm nước lên sức khỏe môi trường

- Nêu được các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường nước

2. Nội dung chương:

2.1. Các nguồn nước trong tự nhiên

2.1.1. Nước biển và đại dương

2.1.2. Nước ngầm

2.1.3. Nước sông hồ (nước mặt)

2.1.4. Nước mưa

2.2. Vai trò của nước đối với sức khỏe

2.3.1. Định nghĩa ô nhiễm nước

2.3.2. Nguồn gây ô nhiễm nước

2.3.3. Tác nhân gây ô nhiễm nước

2.3.4. Các bệnh liên quan đến nước

2.3. Các biện pháp phòng chống ô nhiễm nước

2.3.1. Đối với nước thải trong sinh hoạt

2.3.2. Đối với nước thải công nghiệp

2.3.3. Đối với nước thải trong nông nghiệp

Chương 5: Quản lý chất thải rắn và chất thải y tế

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về chất thải rắn, chất thải y tế
- Mô tả được nguồn phát sinh của chất thải rắn, chất thải y tế
- Trình bày được các nguyên tắc xử lý chất thải rắn, chất thải y tế nguy hại

2. Nội dung chương:

1. Khái niệm chất thải, chất thải rắn

2.2. Nguồn phát sinh chất thải rắn

2.2.1. Nguồn chất thải tự nhiên

2.2.2. Nguồn chất thải nhân tạo

2.3. Nguyên tắc xử lý chất thải rắn

2.4. Những vấn đề sức khỏe và môi trường của chất thải rắn

2.4.1. Tác động lên môi trường đô thị

2.4.2. Tác động lên sức khỏe con người

2.5. Quản lý chất thải rắn

2.5.1. Giảm thiểu nguồn phát sinh

2.5.2. Tái sử dụng – tái chế

- 2.5.3. Thu hồi năng lượng từ chất thải rắn
- 2.6. Chất thải y tế và yêu cầu xử lý chất thải y tế
 - 2.6.1. Khái niệm chất thải y tế
 - 2.6.2. Phân loại chất thải y tế
 - 2.6.3. Nguyên tắc tiêu hủy chất thải y tế nguy hại

Chương 6: Phát triển bền vững

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các nguyên tắc của phát triển bền vững
- Hiểu được vai trò của các nguyên tắc phát triển bền vững
- Trình bày được một số tiêu chí và chỉ thị về phát triển bền vững
- Trình bày được những tác động của kỹ thuật hiện đại lên phát triển bền vững

2. Nội dung chương:

2.1. Phát triển bền vững và các nguyên tắc chung

2.1.1. Khái niệm chung về phát triển bền vững

2.1.2. Các nguyên tắc của phát triển bền vững

2.2. Các tiêu chí và chỉ thị về phát triển bền vững

2.2.1. Bền vững về kinh tế

2.2.2. Bền vững về xã hội

2.2.3. Bền vững về môi trường

2.3. Hành động của cấp địa phương vì sự bền vững toàn cầu

2.3.1. Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam

2.3.2. Chiến lược môi trường cho phát triển bền vững cấp quốc gia và địa phương

2.3.3. Chính sách môi trường

2.3.4. Quản lý môi trường

2.4. Quản lý bền vững tài nguyên tái tạo và không tái tạo

2.4.1. Cơ sở khoa học của việc quản lý khai thác tài nguyên thiên nhiên

2.4.2. Công cụ quản lý tài nguyên

Phần B: Vệ sinh phòng bệnh

Chương 1: Dịch tễ học đại cương

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa, nhiệm vụ và nội dung của dịch tễ học.
- Trình bày được các mục tiêu của dịch tễ học.
- Trình bày được các cấp độ dự phòng.

- Nêu được tên của các nhóm bệnh truyền nhiễm.
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Định nghĩa dịch tễ học
 - 2.2. Mục tiêu của dịch tễ học
 - 2.2.1. Mục tiêu tổng quát
 - 2.2.2. Mục tiêu cụ thể
 - 2.3. Nhiệm vụ của dịch tễ học
 - 2.4. Vai trò của dịch tễ học
 - 2.5. Diễn tiến của bệnh trong dịch tễ học
 - 2.5.1. Giai đoạn cảm nhiễm
 - 2.5.2. Giai đoạn tiền lâm sàng
 - 2.5.3. Giai đoạn lâm sàng
 - 2.5.4. Giai đoạn hậu lâm sàng
 - 2.6. Các cấp độ dự phòng
 - 2.7. Phân loại các nguyên nhân
 - 2.8. Dịch tễ học và các nhóm bệnh truyền nhiễm
 - 2.8.1. Phân loại các nhóm bệnh truyền nhiễm
 - 2.8.2. Các bệnh truyền nhiễm qua đường tiêu hóa
 - 2.8.2.1. Các bệnh truyền từ người sang người
 - 2.8.2.2. Các bệnh truyền nhiễm từ súc vật sang người
 - 2.8.3. Các bệnh truyền nhiễm qua đường hô hấp
 - 2.8.4. Các bệnh truyền nhiễm qua đường máu
 - 2.8.5. Các bệnh truyền nhiễm qua đường da và niêm mạc

Chương 2: Chương trình dinh dưỡng

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu:
 - Trình bày được khái niệm về dinh dưỡng
 - Trình bày được đặc điểm tình hình dinh dưỡng hiện nay của nước ta.
 - Trình bày được vai trò các chất dinh dưỡng đối với sức khỏe và bệnh tật.
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Khái niệm dinh dưỡng
 - 2.2. Đặc điểm tình hình dinh dưỡng hiện nay của nước ta
 - 2.3. Vai trò các chất dinh dưỡng đối với sức khỏe
 - 2.3.1. Dinh dưỡng và sức khỏe sinh sản

2.3.2. Dinh dưỡng với sinh trưởng và phát triển

2.3.3 Dinh dưỡng với suy lão

2.3.4. Dinh dưỡng với miễn dịch

2.3.5. Dinh dưỡng liên quan với một số bệnh tật

Chương 3: Nhu cầu dinh dưỡng

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cách phân loại thức ăn
- Nêu được vai trò của các nhóm thức ăn
- Trình bày được nhu cầu các chất dinh dưỡng
- Trình bày được nguyên tắc xây dựng thực đơn hợp lý

2. Nội dung chương:

2.1. Phân loại thức ăn

2.2. Vai trò các nhóm thức ăn

2.2.1. Chất bột đường

2.2.2. Chất đạm

2.2.3. Chất béo

2.2.4. Vitamin, chất khoáng và chất xơ

2.3. Nhu cầu năng lượng

2.3.1. Năng lượng tiêu hao

2.3.2. Chuyển hóa cơ bản

2.3.3. Lao động thể lực

2.3.4. Tác dụng động lực học của thức ăn

2.3.5. Nhu cầu cần năng lượng hằng ngày

2.4. Nhu cầu các chất dinh dưỡng của cơ thể

2.5. Nguyên tắc xây dựng thực đơn hợp lý.

Chương 4: Vệ sinh thực phẩm

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày một số khái niệm về thực phẩm và nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm
- Trình bày tầm quan trọng vệ sinh an toàn thực phẩm
- Trình bày biện pháp đề phòng ngộ độc thực phẩm (NĐTP)

2. Nội dung chương:

- 2.1. Một số khái niệm
 - 2.1.1. Thực phẩm
 - 2.2.2. Vệ sinh an toàn thực phẩm
 - 2.3.3. Ngộ độc thực phẩm
 - 2.4.4. Ô nhiễm thực phẩm
- 2.2. Tầm quan trọng vệ sinh an toàn thực phẩm
 - 2.2.1. Đối với sức khỏe và bệnh tật
 - 2.2.2. Tác động đến kinh tế và xã hội
- 2.3. Nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm
 - 2.3.1. Do quá trình chăn nuôi, gieo trồng, sản xuất thực phẩm, lương thực
 - 2.3.2. Do quá trình chế biến không đúng
 - 2.3.3. Do quá trình sử dụng và bảo quản không đúng
- 2.4. Phân loại ngộ độc thực phẩm
 - 2.4.1. Do vi sinh vật
 - 2.4.2. Do hóa chất
 - 2.4.3. Do thực phẩm có sẵn các yếu tố tự nhiên
 - 2.4.4. Do thức ăn bị hư hỏng biến chất
- 2.5. Biện pháp phòng ngộ độc thực phẩm

Chương 5: Cung cấp nước sạch

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò quan trọng của nước sạch đối với sức khỏe con người
- Trình bày được các hình thức cung cấp nước chủ yếu ở các vùng địa chất
- Trình bày được các biện pháp làm sạch nước khi bị nhiễm bẩn.

2. Nội dung chương:

- 2.1 Đại cương
- 2.2. Vai trò của nước sạch
- 2.3. Tiêu chuẩn một nguồn nước sạch
 - 2.3.1. Tiêu chuẩn về số lượng
 - 2.3.2. Tiêu chuẩn về chất lượng
 - 2.3.3. Tiêu chuẩn vi sinh vật
 - 2.3.4. Các vi yếu tố: iod. Flo...
 - 2.3.5. Các chất độc trong nước
- 2.4. Các nguồn nước trong thiên nhiên

2.5. Các hình thức cung cấp nước ở các vùng

2.5.1. Vùng đồng bằng

2.5.2. Ở vùng miền núi và trung du

2.5.3. Ở vùng ven biển

2.5.4. Ở thành phố, thị xã

2.6. Các biện pháp làm sạch nước:

Chương 6: Xử lý chất thải

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được mối quan hệ giữa phân với đời sống, sản xuất và môi trường.
- Trình bày được quy định xây dựng, nguyên tắc sử dụng đối với nhà tiêu tự hoại.
- Trình bày được các phương pháp xử lý rác.

2. Nội dung chương:

2.1. Mối quan hệ giữa phân với đời sống, sản xuất và môi trường

2.2. Tầm quan trọng của việc thanh trừ phân

2.2.1. Về mặt vệ sinh

2.2.2. Về mặt dịch tễ

2.2.3. Về mặt sản xuất

2.3. Tiêu chuẩn hố xí hợp vệ sinh

2.3.1. Tiêu chuẩn hố xí hợp vệ sinh

2.3.2. Nhà tiêu tự hoại

2.4. Vệ sinh rác

2.4.1. Thành phần của rác

2.4.2. Nguồn gốc

2.4.3. Tầm quan trọng của rác đối với đời sống

2.4.4. Tác hại của rác

2.4.5. Công dụng của rác

2.4.6. Phương pháp xử lý rác

Chương 7: Phòng và diệt các bệnh côn trùng

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác hại của chuột, ruồi, muỗi trong vai trò truyền bệnh cho người

- Trình bày được đặc điểm chung của muỗi, ruồi và bọ chét

- Trình bày được các biện pháp đơn giản trong đề phòng và diệt côn trùng truyền bệnh

2. Nội dung chương

2.1. Đại cương

2.2. Một số côn trùng và sinh vật truyền bệnh thường gặp

2.2.1. Muỗi

2.2.2. Ruồi nhà

2.2.3. Bọ chét

2.3. Đặc điểm chung của muỗi, ruồi và bọ chét

2.4. Các biện pháp phòng và diệt côn trùng truyền bệnh

Chương 8: Vệ sinh cá nhân

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được ý nghĩa của vệ sinh cá nhân đối với sức khỏe
- Nêu được nội dung cơ bản của vệ sinh cá nhân
- Trình bày được cách giữ gìn vệ sinh thân thể và các giác quan
- Trình bày được cách giữ gìn vệ sinh trong ăn uống

2. Nội dung chương

2.1. Vai trò của vệ sinh cá nhân

2.2. Nội dung và vệ sinh cá nhân

2.3. Vệ sinh thân thể và các giác quan

2.4. Vệ sinh trang phục

2.5. Vệ sinh ăn uống

2.6. Vệ sinh trong học tập, lao động, vui chơi giải trí và trong giấc ngủ

2.6.1. Vệ sinh giấc ngủ

2.6.2. Vệ sinh trong học tập

2.6.3. Vệ sinh trong lao động

2.6.4. Vệ sinh trong nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí

2.6.5. Vệ sinh kinh nguyệt

Chương 9: Vệ sinh trường học

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Nêu được các tiêu chuẩn vệ sinh của trường học và lớp học
- Trình bày được các tiêu chuẩn vệ sinh của các phương tiện học tập



- Nêu được những nguyên nhân và biện pháp phòng tránh các bệnh học đường

2. Nội dung chương

2.1. Đại cương

2.2. Yêu cầu vệ sinh xây dựng trường học

2.2.1. Địa điểm xây dựng

2.2.2. Tiêu chuẩn diện tích

2.2.3. Các công trình vệ sinh trong trường học

2.3. Yêu cầu vệ sinh của một phòng học

2.4. Yêu cầu vệ sinh của bàn, ghế, bảng

2.5. Bệnh học đường- nguyên nhân và các biện pháp phòng tránh

2.5.1. Định nghĩa

2.5.2. Bệnh cận thị học đường

2.5.3. Bệnh cong vẹo cột sống

Chương 10: Vệ sinh Bệnh viện - Trạm y tế

Thời gian: 2 giờ (02 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Nêu được một số chế độ vệ sinh trong bệnh viện
- Trình bày được những công tác vệ sinh trong các khoa, phòng ở bệnh viện
- Trình bày được công tác khử khuẩn, tiệt khuẩn trong bệnh viện
- Trình bày được kiến trúc và trang thiết bị theo chuẩn quốc gia về trạm y tế xã.

2. Nội dung chương

A – Vệ sinh bệnh viện

2.1. Đại cương

2.2. Chế độ vệ sinh ở bệnh viện

2.3. Công tác vệ sinh trong các khoa, phòng của bệnh viện

2.3.1. Mục tiêu

2.3.2. Nguyên tắc

2.3.3. Phân loại khu vực vệ sinh

2.4. Quy trình vệ sinh ở các khoa, phòng

2.4.1. Vị trí

2.4.2. Dụng cụ, hóa chất và các phương tiện phòng hộ cá nhân

2.4.3. Các bước tiến hành làm vệ sinh

2.5. Phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn trong bệnh viện

B – Vệ sinh trạm y tế

- 2.1. Cơ sở hạ tầng
 - 2.1.1. Vị trí:
 - 2.1.2. Diện tích quy định
 - 2.1.3. Các công trình cơ bản trong trạm y tế
- 2.2. Trang thiết bị trong trạm y tế
- 4. Y tế thôn bản

Chương 11: Vệ sinh trong lao động

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Nêu được vai trò của vệ sinh lao động
- Trình bày được những biến đổi sinh lý trong quá trình lao động
- Trình bày được những yếu tố vi khí hậu trong lao động sản xuất ảnh hưởng tới sức khỏe người công nhân
 - Nêu được một số yếu tố trong môi trường lao động sản xuất có ảnh hưởng tới sức khỏe người công nhân.

2. Nội dung chương

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Biến đổi sinh lý trong quá trình lao động
- 2.3. Mệt mỏi trong lao động
- 2.4. Vi khí hậu trong lao động
- 2.5. Tiếng ồn trong lao động sản xuất
- 2.6. Rung chuyển trong sản xuất
- 2.7. Bụi trong môi trường lao động và một số bệnh bụi phổi
- 2.8. Bệnh bụi phổi silic
- 2.9. Vệ sinh lao động nông nghiệp

Chương 12: Phòng chống tai nạn thương tích

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Nêu được định nghĩa về tai nạn thương tích
- Trình bày được phân loại tai nạn thương tích
- Nêu được các yếu tố nguy cơ gây ra tai nạn thương tích
- Trình bày được hậu quả và các biện pháp đề phòng tai nạn thương tích

2. Nội dung chương

- 2.1. Đại cương

2.2. Định nghĩa

2.3. Phân loại:

2.3.1. Theo định nghĩa

2.3.2. Theo tác nhân

2.4. Các yếu tố nguy cơ

2.4.1. Do khách quan

2.4.2. Do chủ quan

2.4.3. Các yếu tố nguy cơ có liên quan đến nghề nghiệp, học tập, lao động, các hoạt động khác ở cộng đồng, gia đình

2.5. Các tổn thương thường xảy ra

2.6. Hậu quả

2.6.1. Hậu quả cho con người

2.6.2. Hậu quả về kinh tế

2.7. Các biện pháp phòng ngừa

Chương 13: Phòng dịch, bao vây, dập tắt một vụ dịch ở cộng đồng

Thời gian: 1 giờ (01 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các yếu tố của quá trình dịch
- Trình bày được cơ chế và phân loại bệnh truyền nhiễm
- Trình bày được các biện pháp phòng chống dịch
- Trình bày được các giai đoạn điều tra và xử lý một vụ dịch ở cộng đồng.

2. Nội dung chương

A – Quá trình dịch

2.1. Định nghĩa

2.2. Yếu tố liên quan đến quá trình dịch

2.2.1. Yếu tố trực tiếp

2.2.2. Yếu tố gián tiếp

2.3. Các hình thái và mức độ dịch

B – Nguyên lý phòng chống dịch

2.1. Những yếu tố cơ bản trong công tác điều tra một bệnh truyền nhiễm

2.1.1. Phân tích ban đầu

2.1.2. Khai thác và phân tích

2.1.3. Báo cáo kết quả

2.2. Biện pháp phòng ngừa bệnh truyền nhiễm

2.3. Biện pháp chống dịch chủ yếu

2.3.1. Nguồn truyền nhiễm

2.3.2. Đường truyền nhiễm

2.3.3. Khỏi cảm nhiễm

2.4. Điều tra xử lý một vụ dịch ở cộng đồng

4.1. Điều tra dịch

4.2. Yêu cầu

4.3. Các giai đoạn tiến hành

4.4. Nguyên tắc của công tác xử lý một vụ dịch

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy chiếu, micro,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu học, bảng, phấn, bông lau,...

4. Các điều kiện khác: phòng học thoáng mát

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

Nội dung môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa sức khỏe, môi trường và bệnh tật. Các yếu tố nguy cơ của môi trường sống xung quanh chúng ta như môi trường nước, không khí, trường học, bệnh viện,... ảnh hưởng đến sức khỏe con người và các biện pháp phát triển bền vững để giảm thiểu bệnh tật cho con người.

- Kiến thức:

+ Vận dụng kiến thức sức khỏe môi trường, dịch tễ, vệ sinh phòng bệnh trong thực hành nghề nghiệp, trong nghiên cứu các vấn đề về khoa học sức khỏe, chăm sóc, dự phòng, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Kỹ năng:

+ Có khả năng đề xuất được một số giải pháp can thiệp thích hợp để bảo vệ môi trường và phòng chống các yếu tố nguy cơ bảo vệ sức khỏe con người.

+ Có khả năng nhận thức được vai trò của sức khỏe và môi trường trong công tác phòng chống dịch bệnh bảo vệ sức khỏe nhân dân và có thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được vị trí, vai trò của cử nhân y sĩ trình độ cao đẳng trong hoạt động chuyên môn về vấn đề sức khỏe môi trường – vệ sinh phòng bệnh.

+ Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.

2. Phương pháp:

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Hệ số	Trọng số đánh giá môn học (thang điểm 10 làm tròn 01 chữ số thập phân)
Kiểm tra thường xuyên	Kiểm tra trắc nghiệm	1	40%
Kiểm tra định kỳ	Kiểm tra viết	2	
Thi kết thúc môn học	Thi trắc nghiệm		60%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Sức khỏe môi trường – Vệ sinh phòng bệnh sử dụng để giảng dạy ngành/nghề Y sĩ chính quy trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- Phối hợp các phương pháp dạy/học:

+ Thuyết giảng có minh họa

+ Thảo luận nhóm

+ Đặt vấn đề

- Đối với người học:

+ Tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, thực hành, thực tập (nếu môn học có thực tập cơ sở)

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần

3. Những trọng tâm cần chú ý:

+ Chuẩn bị bài trước khi học.

+ Tham dự lớp học tối thiểu 80% số tiết môn học

+ Tham dự kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo quy định

+ Tham dự thi kết thúc môn học

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn Môi trường Độc chất (2010), Giáo trình khoa học môi trường sinh thái Đại học Y Dược Thái Nguyên.

- Giáo trình Dịch tễ học (2012), Trường Đại học Y dược Huế.

- Nguyễn Công Khẩn (2008), Dinh dưỡng cộng đồng và an toàn vệ sinh thực phẩm, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội

- Sức khỏe môi trường (2010), Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
- Trần Văn Dân, Vệ sinh phòng bệnh (2009), Nhà xuất bản Giáo dục
- R.Bonita, R.Beaglehole, T.Kjellström, Basic epidemiology, WHO, 2006.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: QUẢN LÝ TỔ CHỨC Y TẾ - NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã môn học: MH24A112217

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ, Thực hành tại trường: 00 giờ, Thực hành tại bệnh viện: 00 giờ, Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:

Là môn cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ 4 năm thứ 2 trong chương trình đào tạo ngành nghề điều dưỡng.

- Tính chất:

Môn học này là môn học lý thuyết trang bị cho SV những kiến thức về nhu cầu cơ về tổ chức, quản lý y tế Việt Nam từ cấp trung ương đến cơ sở trong giai đoạn hiện nay cũng như những định hướng y tế trong giai đoạn tương lai

Rèn luyện đạo đức tác phong người điều dưỡng dựa trên 12 điều Y đức trong công tác chăm sóc người bệnh

Kỹ năng lập kế hoạch y tế phù hợp với tình hình hiện tại của địa phương.

II. Mục tiêu môn học:

- **Kiến thức:**

- Mô tả được mô hình chung của tổ chức mạng lưới y tế Việt Nam, những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức mạng lưới y tế Việt Nam

- Trình bày được mục tiêu bảo vệ sức khỏe nhân dân Việt Nam, các giải pháp và chính sách để thực hiện mục tiêu chiến lược

- Mô tả được hệ thống các tuyến tổ chức y tế tại Việt Nam, phân tích được chức năng của các tuyến y tế.

- Trình bày được đặc điểm của ngành y và nhiệm vụ của người cán bộ y tế.

- Trình bày được nhiệm vụ và mô hình tổ chức bệnh viện, phân tích được công tác quản lý bệnh viện.

- Trình bày được chức năng và nhiệm vụ của sở y tế, trung tâm y tế quận huyện, trạm y tế, y tế thôn bản

- Trình bày được khái niệm nghiên cứu khoa học, đặc điểm của một nghiên cứu khoa học y học tốt.

- Trình bày được qui trình nghiên cứu khoa học trong y học.

- Trình bày được các loại thiết kế nghiên cứu trong y học.

- Trình bày được các bước xác định vấn đề nghiên cứu trong y học.

- Trình bày được khái niệm mục tiêu, biến số nghiên cứu.

- **Kỹ năng:**

- Lập được một kế hoạch chăm sóc sức khỏe và bảo vệ sức khỏe.

- Có khả năng làm việc nhóm.
- Xác định được loại thiết kế nghiên cứu trong y học.
- Xác định được vấn đề cần tiến hành nghiên cứu trong nghiên cứu y học.
- Xác định được mục tiêu nghiên cứu trong y học.
- Xác định được các loại biến số trong nghiên cứu y học.
- Xác định cỡ mẫu phù hợp cho nghiên cứu.
- Xác định được phương pháp chọn mẫu phù hợp cho nghiên cứu.
- Xác định được phương pháp thu thập số liệu và công cụ thu thập số liệu phù hợp cho nghiên cứu.
- Xác định được phương pháp xử lý và phân tích số liệu phù hợp cho nghiên cứu.
- Xác định được các sai số thường gặp trong nghiên cứu
- Xác định được các vấn đề y đức thường xuất hiện khi thực hiện nghiên cứu trong y học.
- Xác định được nguyên tắc trình bày kết quả nghiên cứu khoa học trong y học.
- **Thái độ:**
- Tích cực tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến xây dựng bài trong học tập.
- Rèn luyện thái độ đúng đắn khi chăm sóc người bệnh theo đúng nhiệm vụ của một cán bộ y tế

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
Phần 1 : Quản lý tổ chức y tế					
1	Chương 1: Hệ thống y tế việt nam	5	5	0	0
	Bài 1: Hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam 1. Những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức mạng lưới y tế việt nam 1.1. Đảm bảo phục vụ nhân dân kịp thời, có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu CSSK của người dân 1.2. Xây dựng theo hướng dự phòng chủ động và tích cực 1.3. Các cơ sở y tế xây dựng phù hợp	3	3	0	

<p>với phân tuyến kỹ thuật (Trung ương, tỉnh, huyện, xã)</p> <p>1.4. Đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ phù hợp với tình hình hiện tại và phát triển tương lai</p> <p>2. Mô hình chung của tổ chức mạng lưới y tế VIỆT NAM</p> <p>2.1. Mạng lưới y tế được tổ chức theo tổ chức hành chính Nhà nước</p> <p>2.2. Mạng lưới y tế được tổ chức theo thành phần kinh tế (đầu tư kinh phí)</p> <p>2.3. Mạng lưới y tế tổ chức theo các lĩnh vực hoạt động</p> <p>2.4. Mạng lưới y tế tổ chức theo 2 khu vực và các tuyến</p> <p>2.4.1. Khu vực y tế chuyên sâu với nhiệm vụ</p> <p>2.4.2. Khu vực y tế phổ cập với nhiệm vụ</p> <p>3. Các tuyến y tế</p> <p>3.1. Tuyến y tế Trung ương</p> <p>3.1.1. Chức năng, nhiệm vụ</p> <p>3.1.2. Cơ cấu tổ chức</p> <p>3.1.3. Các lĩnh vực y tế</p> <p>3.2. Y tế địa phương</p> <p>3.2.1. Sở y tế+</p> <p>3.2.2. Phòng Y tế</p> <p>3.2.3. Trạm y tế xã, phường, thị trấn</p> <p>4. Y tế tư nhân</p> <p>4.1. Các loại hình tổ chức</p> <p>4.1.1. Các loại hình y tế tư nhân:</p> <p>4.1.2. Các loại hình dược tư nhân: - Nhà thuốc tư nhân</p> <p>4.2. Hình thức kinh doanh tư nhân</p> <p>4.3. Vai trò, ý nghĩa và những tồn tại của y tế tư nhân</p> <p>4.3.1. Vai trò, ý nghĩa</p> <p>4.3.2. Những tồn tại</p>				
<p>Bài 2: Đường lối, nhiệm vụ ngành y tế đến năm 2020</p> <p>1. Mục tiêu chiến lược và ưu tiên về bảo vệ sức khỏe nhân dân việt nam</p> <p>1.1. Mục tiêu tổng quát</p> <p>1.2. Mục tiêu cụ thể (ưu tiên)</p> <p>1.2.1. Các chỉ tiêu cơ bản về sức khỏe của nhân dân đến năm 2010 và 2020:</p>	2	2	0	

	<p>1.2.2. Làm giảm tỷ lệ mắc và tử vong các bệnh truyền nhiễm gây dịch, không để dịch lớn xảy ra.</p> <p>1.2.3. Nâng cao một cách có hiệu quả công bằng trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ CSSK</p> <p>1.2.4. Phát huy truyền thống dân tộc</p> <p>1.2.5. Tăng cường hiệu quả các hoạt động của ngành y tế để nâng cao chất lượng CSSK</p> <p>2. Các giải pháp và chính sách chủ yếu</p> <p>2.1. Về đầu tư</p> <p>2.2. Kiện toàn tổ chức</p> <p>2.3. Phát triển nhân lực y tế</p> <p>2.4. Củng cố và phát triển y tế cơ sở</p> <p>2.5. Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, nâng cao sức khoẻ</p> <p>2.6. Khám chữa bệnh</p> <p>2.7. Phát triển y dược học cổ truyền dân tộc</p> <p>2.8. Thuốc và trang thiết bị y tế</p> <p>2.9. Phát triển khoa học công nghệ và thông tin y tế</p> <p>2.10. Tăng cường công tác quản lý</p>				
2	Chương 2: Quản lý y tế	5	5	0	0
	<p>Bài 1: Đại cương về quản lý y tế</p> <p>1. Định nghĩa quản lý</p> <p>2. Chức năng chính của quản lý</p> <p>2.1. Lập kế hoạch</p> <p>2.2. Tổ chức thực hiện</p> <p>2.3. Đánh giá</p>	2	2	0	
	<p>Bài 2: Nhiệm vụ của người cán bộ y tế</p> <p>1. Đặc điểm hoạt động của nghề y</p> <p>1.1 Sự tiếp xúc thường xuyên với bệnh tật</p> <p>1.2 Tính đa dạng , phức tạp của đối tượng hoạt động</p> <p>1.3 Là một nghề nhân đạo</p> <p>1.4 Mọi hành vi, cử chỉ, lời nói của thầy thuốc đều tác động mạnh mẽ đến người bệnh</p> <p>1.5. Có sự trợ giúp của nhiều phương tiện công cụ</p>	1	1	0	



	1.6 Đối tượng phục vụ của thầy thuốc 2. Nhiệm vụ người cán bộ y tế:				
	Bài 3: Tổ chức và quản lý bệnh viện 1. Đặc điểm ảnh hưởng đến công tác quản lý bệnh viện 1.1. Nhiệm vụ của bệnh viện 1.1.1. Khám bệnh, chữa bệnh: 1.1.2. Đào tạo cán bộ y tế 1.1.3. Nghiên cứu khoa học 1.1.4. Chỉ đạo tuyến 1.1.5. Phòng bệnh 1.1.6. Hợp tác quốc tế. 1.1.7. Quản lý kinh tế trong bệnh viện 1.2. Mô hình tổ chức của bệnh viện 1.2.1. Phân loại bệnh viện 1.2.2. Tổ chức bệnh viện 2. Quản lý bệnh viện 2.1. Vai trò của quản lý bệnh viện 2.2. Nguyên tắc quản lý bệnh viện 2.3. Phương pháp quản lý 2.3.1. Phương pháp giáo dục 2.3.2. Phương pháp hành chính 2.3.3. Phương pháp kỹ thuật 2.3.4. Phương pháp kinh tế 2.4. Nội dung quản lý bệnh viện 2.4.1. Quản lý con người 2.4.2. Quản lý kế hoạch 2.4.3. Quản lý tổ chức, chế độ, tiêu chuẩn 2.4.4. Quản lý chuyên môn	1	1	0	
	Bài 4: Tổ chức và quản lý y tế cơ sở 1. Tuyển tỉnh - sở y tế: 1.1. Các tổ chức chuyên môn, kỹ thuật: 1.2. Các phòng chức năng giúp việc cho giám đốc sở có: 2. Trung tâm y tế quận, huyện: 3. Trạm y tế xã, phường, thị trấn 4. Y tế thôn bản:	1	1	0	
3	Chương 3 : Kế hoạch y tế	5	4	0	1
	Bài: Lập kế hoạch y tế 1. Bước 1: Thu thập thông tin đánh giá tình hình CSSK 2. Bước 2: Xác định vấn đề sức khỏe và xác định vấn đề ưu tiên	4	4	0	0

	<p>2.1. Khái niệm vấn đề sức khoẻ</p> <p>2.2. Tại sao phải xác định vấn đề sức khoẻ và vấn đề sức khoẻ ưu tiên</p> <p>2.3. Phân tích vấn đề sức khoẻ</p> <p>2.3.1. Khái niệm phân tích vấn đề sức khoẻ</p> <p>2.3.2. Mục đích phân tích vấn đề sức khoẻ</p> <p>2.4. Phương pháp xác định vấn đề sức khoẻ</p> <p>2.4.1. Kỹ thuật Delphy</p> <p>2.4.2. Phương pháp dựa trên gánh nặng bệnh tật</p> <p>2.4.3. Cách cho điểm</p> <p>2.4.4. Cân nhắc dựa trên hệ thống phân loại ưu tiên cơ bản BPRS (Basic Priority Rating System)</p> <p>3. Bước 3: Xác định mục tiêu</p> <p>4. Bước 4: Phân tích vấn đề, lựa chọn giải pháp</p> <p>4.1. Kỹ thuật nhưng tại sao</p> <p>4.2. Sơ đồ diễn tiến</p> <p>5. Bước 5: Viết kế hoạch hoạt động</p>				
	Kiểm tra định kỳ	1	0	0	1
Phần 2 : Nghiên cứu khoa học					
4	<p>Chương 1: Đại cương về Nghiên cứu khoa học</p> <p>1. Giới thiệu về nghiên cứu khoa học trong y học</p> <p>2. Giới thiệu qui trình nghiên cứu khoa học trong y học</p> <p>3. Các loại thiết kế nghiên cứu trong y học</p> <p>4. Xác định và phân tích vấn đề nghiên cứu</p> <p>5. Mục tiêu nghiên cứu và biến số nghiên cứu</p>	5	5	0	
5	<p>Chương 2: Phương pháp Nghiên cứu khoa học</p> <p>1. Phương pháp xác định cỡ mẫu nghiên cứu</p> <p>2. Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu</p> <p>3. Phương pháp thu thập và công cụ thu thập số liệu nghiên cứu</p>	5	5	0	

	4. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu 5. Các sai số trong nghiên cứu khoa học				
6	Chương 3: Viết đề cương và báo cáo kết quả Nghiên cứu khoa học 1. Cách viết đề cương nghiên cứu khoa học 2. Vấn đề y đức trong nghiên cứu khoa học 3. Trình bày kết quả nghiên cứu khoa học 4. Cách viết một bài báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học Kiểm tra thường xuyên	4	4	0	1
Tổng cộng		28	28	0	02

2. Nội dung chi tiết:

1. CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG Y TẾ VIỆT NAM

Bài 1: Hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài:

❖ Kiến thức:

–Phân tích được những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức mạng lưới y tế Việt Nam

–Phân tích được chức năng của các tuyến y tế.

❖ Kỹ năng

Vẽ được sơ đồ hệ thống tổ chức các tuyến y tế Việt Nam

❖ Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Hiểu rõ tầm quan trọng của việc tuân thủ theo các nguyên tắc tổ chức mạng lưới y tế Việt Nam

2. Nội dung bài:

2.1. Những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức mạng lưới y tế Việt Nam

2.1.1. Đảm bảo phục vụ nhân dân kịp thời, có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu CSSK của người dân

- Các cơ sở y tế gần dân, rộng khắp

- Tổ chức y tế theo các tuyến và theo các điểm dân cư

- Thực hiện tốt các chương trình y tế và công tác CSSKBĐ.

2.1.2. Xây dựng theo hướng dự phòng chủ động và tích cực

- Làm tốt công tác quản lý sức khỏe
- Tổ chức công tác phòng chống dịch, phòng chống các bệnh xã hội, bệnh nghề nghiệp, bệnh thường lưu hành ở địa phương, làm tốt công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em – KHHGD.

- Mạng lưới y tế đảm bảo chữa bệnh ngoại trú, tại nhà các bệnh thông thường

2.1.3. Các cơ sở y tế xây dựng phù hợp với phân tuyến kỹ thuật (Trung ương, tỉnh, huyện, xã)

- Phù hợp với trình độ khoa học kỹ thuật, khả năng quản lý của ngành y tế.
- Phù hợp với tình hình kinh tế của mỗi địa phương.

2.1.4. Đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ phù hợp với tình hình hiện tại và phát triển tương lai

- Phát huy mọi tiềm lực về cơ sở, trang thiết bị, nhân lực trong các cơ sở y tế nhà nước, liên doanh và tư nhân để nâng cao chất lượng CSSK nhân dân

- Tăng cường hợp tác trong khu vực và quốc tế

- Đổi mới và hiện đại hoá công tác quản lý, trang thiết bị y tế, tăng cường đào tạo, đào

tao liên tục để nâng cao chất lượng phục vụ.

2.2. Mô hình chung của tổ chức mạng lưới y tế VIỆT NAM

2.2.1. Mạng lưới y tế được tổ chức theo tổ chức hành chính Nhà nước

- Tuyến y tế Trung ương.
- Tuyến y tế địa phương

2.2.2. Mạng lưới y tế được tổ chức theo thành phần kinh tế (đầu tư kinh phí)

- Cơ sở y tế Nhà nước.
- Cơ sở y tế tư nhân.

2.2.3. Mạng lưới y tế tổ chức theo các lĩnh vực hoạt động

- Lĩnh vực khám chữa bệnh, điều dưỡng, phục hồi chức năng.
- Lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng.
- Lĩnh vực đào tạo nhân viên y tế.
- Lĩnh vực giám định, kiểm định, kiểm nghiệm.
- Lĩnh vực dược - thiết bị y tế.

- Lĩnh vực giáo dục, truyền thông và chính sách y tế.

2.2.4. Mạng lưới y tế tổ chức theo 2 khu vực và các tuyến

2.2.4.1. Khu vực y tế chuyên sâu với nhiệm vụ

- Nghiên cứu khoa học và chỉ đạo khoa học kỹ thuật
- Thực hiện kỹ thuật cao, mũi nhọn



- Hỗ trợ và đào tạo cán bộ y tế cho các tuyến thuộc khu vực y tế phổ cập

2.2.4.2. Khu vực y tế phổ cập với nhiệm vụ

- Đảm bảo mọi nhu cầu CSSK cho nhân dân hàng ngày.

- Thực hiện nội dung CSSKBĐ.

- Sử dụng kỹ thuật thông thường, phổ biến nhất, có tác dụng tốt.

2.3. Các tuyến y tế

2.3.1. Tuyến y tế Trung ương

- Là tuyến y tế cao nhất trong hệ thống tổ chức ngành y tế.

2.3.1.1. Chức năng, nhiệm vụ

Theo Nghị định số 49/2003/NĐ - CP ngày 15/5/2003 của Chính phủ, ngoài các quy định chung về chức năng như pháp luật, chiến lược, quy hoạch, hợp tác quốc tế v.v.v như đã được quy định, Bộ Y tế còn có các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước và chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực cụ thể khác

2.3.1.2. Cơ cấu tổ chức

- Cơ quan Bộ Y tế

- Các cơ sở trực thuộc Bộ

2.3.1.3. Các lĩnh vực y tế

- Lĩnh vực y tế dự phòng

- Lĩnh vực khám chữa bệnh, điều trị, phục hồi chức năng

- Lĩnh vực đào tạo

- Lĩnh vực giám định, kiểm nghiệm

- Lĩnh vực giáo dục truyền thông và chiến lược, chính sách y tế

- Lĩnh vực Dược - Thiết bị y tế

2.3.2. Y tế địa phương

2.3.2.1. Sở y tế

- Sở y tế là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh và chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân

- Nhiệm vụ, quyền hạn Sở y tế

- Tổ chức.

2.3.2.2. Phòng Y tế

- Chức năng

- Quyền hạn, nhiệm vụ.

- Biên chế

2.3.2.3. Trạm y tế xã, phường, thị trấn

- Chịu sự quản lý Nhà nước của Phòng Y tế huyện, quận, chịu sự quản lý, chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã trong việc xây dựng kế hoạch phát triển y tế trên địa bàn.

- Nhiệm vụ

- Tổ chức

2.4. Y tế tư nhân

2.4.1. Các loại hình tổ chức

2.4.1.1. Các loại hình y tế tư nhân:

2.4.1.2. Các loại hình dược tư nhân: - Nhà thuốc tư nhân

2.4.2. Hình thức kinh doanh tư nhân

2.4.3. Vai trò, ý nghĩa và những tồn tại của y tế tư nhân

2.4.3.1. Vai trò, ý nghĩa

2.4.3.2. Những tồn tại

Bài 2: : Đường lối, nhiệm vụ ngành y tế đến năm 2020 Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài:

❖ Kiến thức

Trình bày được mục tiêu chiến lược và mục tiêu ưu tiên về bảo vệ sức khỏe nhân dân Việt Nam.

❖ Kỹ năng

Phân tích được các giải pháp và chính sách chủ yếu để thực hiện mục tiêu chiến lược.

❖ Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Hiểu rõ tầm quan trọng của đường lối chiến lược y tế và các quan điểm về chỉ đạo công tác y tế hiện nay

2. Nội dung bài:

2.1. Mục tiêu chiến lược và ưu tiên về bảo vệ sức khỏe nhân dân Việt Nam

2.1.1. Mục tiêu tổng quát

- Giảm tỷ lệ mắc bệnh.

- Nâng cao thể lực.

- Tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể (ưu tiên)

2.1.2.1. Các chỉ tiêu cơ bản về sức khỏe của nhân dân đến năm 2010 và 2020:

- Tuổi thọ trung bình tăng lên.

- Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi hạ xuống.

- Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống.

2.1.2.2. Làm giảm tỷ lệ mắc và tử vong các bệnh truyền nhiễm gây dịch, không để dịch lớn xảy ra.

- Khống chế tới mức thấp nhất tỷ lệ mắc và chết của các bệnh truyền nhiễm
- Duy trì kết quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh.
- Hạn chế tốc độ gia tăng tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS.
- Tích cực phòng chống và quản lý các bệnh không nhiễm trùng.

2.1.2.3. Nâng cao một cách có hiệu quả công bằng trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ CSSK

2.1.2.4. Phát huy truyền thống dân tộc

2.1.2.5. Tăng cường hiệu quả các hoạt động của ngành y tế để nâng cao chất lượng CSSK

2.2. Các giải pháp và chính sách chủ yếu

2.2.1. Về đầu tư

- Dựa vào nhiều nguồn lực khác nhau, trong đó đầu tư của Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Phân bổ ngân sách phù hợp và dựa theo BHYT

- Đầu tư cho các mục tiêu chương trình y tế quốc gia

- Cơ chế để mở rộng bảo hiểm tự nguyện và củng cố quỹ bảo hiểm y tế bắt buộc hiện nay

- Cần điều chỉnh giá viện phí

- Tiếp tục thực hiện quan hệ hợp tác quốc tế.

2.2.2. Kiện toàn tổ chức

- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống tổ chức ngành y tế theo hướng tinh giản đầu mối để đạt hiệu quả cao nhất.

- Nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng từ trung ương đến cơ sở.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các cơ sở đào tạo

2.2.3. Phát triển nhân lực y tế

- Nâng cao chất lượng đào tạo

- Đảm bảo số lượng cán bộ y tế theo đầu dân,

- Phân bổ lực lượng cán bộ y tế hợp lý giữa các vùng theo nhu cầu CSSK của nhân dân.

2.2.4. Củng cố và phát triển y tế cơ sở

Tiếp tục củng cố và phát triển mạng lưới y tế cơ sở nhằm nâng cao chất lượng công

tác CSSKBD.

2.2.5. Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, nâng cao sức khoẻ

Tiếp tục thực hiện các mục tiêu Chương trình Quốc gia thanh toán một số bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm

2.2.6. Khám chữa bệnh

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bằng cách nâng cao chất lượng bệnh viện kết hợp các biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên y tế, phối hợp động tác y, cổ điển và hiện đại.

2.2.7. Phát triển y dược học cổ truyền dân tộc

- Cùng cố và phát triển hệ thống YDHCT từ trung ương đến trạm y tế xã/ phường cả về nhân lực, vật lực

2.2.8. Thuốc và trang thiết bị y tế

- Kiện toàn về tổ chức và xây dựng các trung tâm dịch vụ kỹ thuật trang thiết bị y tế, hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp quy về trang thiết bị y tế.

2.2.9. Phát triển khoa học công nghệ và thông tin y tế

Chú trọng đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật để đẩy nhanh quá trình hiện đại hoá ngành y tế, phấn đấu đạt trình độ ngang tầm với các nước trung bình trong khu vực.

2.2.10. Tăng cường công tác quản lý

- Tăng cường đào tạo cán bộ quản lý các cấp về kiến thức tổ chức và quản lý trong lĩnh vực y tế.

CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ Y TẾ

Bài 1: Đại cương về quản lý y tế

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài:

❖ Kiến thức

Trình bày được định nghĩa quản lý y tế.

❖ Kỹ năng

Phân tích được các chức năng của quản lý y tế.

❖ Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Hiểu rõ chức năng và tầm quan trọng của quản lý y tế trong công tác quản lý y tế hiện nay

2. Nội dung bài:

2.1. Định nghĩa quản lý

- Quản lý là làm cho công việc cần làm được thực hiện bởi con người
- Quản lý là sử dụng có hiệu quả các nguồn lực
- Quản lý là đưa ra quyết định đúng

2.2. Chức năng chính của quản lý



2.2.1. Lập kế hoạch

- Thu thập và chọn lọc thông tin
- Xác định vấn đề ưu tiên, các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến vấn đề
- Lựa chọn ưu tiên
- Nêu mục tiêu
- Nêu giải pháp và lựa chọn giải pháp thích hợp
- Xác định các nguồn lực cần thiết và khả năng có được
- Dự kiến kế hoạch đánh giá

2.2.2. Tổ chức thực hiện

Đó là quá trình tổ chức điều hành, giám sát, điều chỉnh, tăng cường kiểm tra, đôn đốc... cung cấp nguồn lực để hoạt động thực hiện kế hoạch đã đề ra.

2.2.3. Đánh giá

Xác định hiệu quả đạt được so với mục tiêu, so với nguồn lực bỏ ra. Từ đó rút ra những kết luận, kinh nghiệm, điều chỉnh và dữ liệu cho các kế hoạch khác.

Bài 2: Nhiệm vụ của người cán bộ y tế

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu của bài:

❖ Kiến thức

Trình bày được đặc điểm của ngành y.

❖ Kỹ năng

vận dụng thực hiện nhiệm vụ của người cán bộ y tế vào tình huống cụ thể

❖ Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Hiểu rõ tầm quan trọng của việc thực hiện đúng nhiệm vụ của người cán bộ y tế trong công việc

2. Nội dung bài:

2.1. Đặc điểm hoạt động của nghề y

2.1.1 Sự tiếp xúc thường xuyên với bệnh tật

2.1.2 Tính đa dạng , phức tạp của đối tượng hoạt động

2.1.3 Là một nghề nhân đạo

2.1.4 Mọi hành vi, cử chỉ, lời nói của thầy thuốc đều tác động mạnh mẽ đến người bệnh

2.1.5. Có sự trợ giúp của nhiều phương tiện công cụ

2.1.6 Đối tượng phục vụ của thầy thuốc

2.2. Nhiệm vụ người cán bộ y tế

12 tiêu chuẩn đạo đức của người làm công tác y tế

Bài 3: Tổ chức và quản lý bệnh viện

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu của bài:

❖ Kiến thức

Trình bày được nhiệm vụ và mô hình tổ chức bệnh viện.

Phân tích được công tác quản lý bệnh viện.

❖ Kỹ năng

Vẽ được sơ đồ mô hình tổ chức của 1 khoa trong bệnh viện.

❖ Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tổ chức và quản lý bệnh viện

2. Nội dung bài:

2.1. Đặc điểm ảnh hưởng đến công tác quản lý bệnh viện

2.1.1. Nhiệm vụ của bệnh viện

2.1.1.1. Khám bệnh, chữa bệnh:

- Bệnh viện là nơi tiếp nhận mọi người bệnh đến cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú và ngoại trú theo chế độ chính sách Nhà nước quy định.

- Tổ chức khám sức khoẻ và chứng nhận sức khoẻ theo quy định của Nhà nước.

2.1.1.2. Đào tạo cán bộ y tế

Bệnh viện là cơ sở thực hành để đào tạo cán bộ y tế. Các thành viên trong bệnh viện phải mẫu mực thực hiện quy chế bệnh viện và quy định kỹ thuật bệnh viện.

2.1.1.3. Nghiên cứu khoa học

Bệnh viện là nơi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ người bệnh.

2.1.1.4. Chỉ đạo tuyến

Hệ thống các bệnh viện được tổ chức theo tuyến kỹ thuật. Tuyến trên có trách nhiệm chỉ đạo kỹ thuật tuyến dưới.

2.1.1.5. Phòng bệnh

Phòng bệnh là nhiệm vụ quan trọng của bệnh viện.

2.1.1.6. Hợp tác quốc tế: theo đúng các quy định của Nhà nước.

2.1.1.7. Quản lý kinh tế trong bệnh viện

Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về thu, chi ngân sách của bệnh viện

2.1.2. Mô hình tổ chức của bệnh viện

2.1.2.1. Phân loại bệnh viện

Tùy theo quy mô giường bệnh, trình độ kỹ thuật, trang thiết bị y tế và cán bộ, chia ra làm 3 hạng bệnh viện:

- Bệnh viện hạng 1

- Bệnh viện hạng 2

- Bệnh viện hạng 3

2.1.2.2. Tổ chức bệnh viện

- Ban giám đốc bệnh viện

- Bộ phận hành chính gồm: - Phòng kế hoạch tổng hợp

- Các bộ phận chuyên môn: - Phòng khám bệnh đa khoa

- Các bộ phận phục vụ

2.2. Quản lý bệnh viện

2.2.1. Vai trò của quản lý bệnh viện

Quá trình quản lý là quá trình giải quyết các mâu thuẫn để đạt được mục tiêu chất lượng và hiệu quả của các dịch vụ y tế, tạo được công bằng trong khám, chữa bệnh.

2.2.2. Nguyên tắc quản lý bệnh viện

- Quản lý tập trung thống nhất đi đôi với phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý rõ ràng, hợp lý.

- Kết hợp hài hoà giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể.

2.2.3. Phương pháp quản lý

- Phương pháp giáo dục

- Phương pháp hành chính

- Phương pháp kỹ thuật

- Phương pháp kinh tế

2.2.4. Nội dung quản lý bệnh viện

- Quản lý con người

- Quản lý kế hoạch

- Quản lý tổ chức, chế độ, tiêu chuẩn

- Quản lý chuyên môn

Bài 4: Tổ chức và quản lý y tế cơ sở

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu của bài:

❖ Kiến thức

Trình bày được chức năng và nhiệm vụ của sở y tế, trung tâm y tế quận huyện, trạm y tế, y tế thôn bản

❖ Kỹ năng

Vẽ được sơ đồ tổ chức ở trạm y tế

❖ Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Hiểu rõ tầm quan trọng của việc tổ chức và quản lý y tế ở cơ sở

2. Nội dung bài:

2.1. Tuyên tỉnh - sở y tế:

Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh, thành phố trực thuộc TW, có trách nhiệm giúp UBND thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác Y tế trên địa bàn

2.1.1. Các tổ chức chuyên môn, kỹ thuật:

- Trung tâm Y tế dự phòng.
- Trung tâm Bảo vệ Bà mẹ trẻ em - KHHGD (sắp tới sẽ đổi thành Sức khỏe sinh sản).
- Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội.
- Trung tâm Truyền thông - GD sức khỏe.
- Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm.
- Các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa.
- Trường Trung học Y tế.
- Các tổ chức sản xuất, kinh doanh dược, trang thiết bị.
- Phòng Giám định Y khoa.
- Tổ chức giám định y pháp tỉnh.
- Ban hoặc tổ chức bảo vệ Sức khỏe cán bộ.

2.1.2. Các phòng chức năng giúp việc cho giám đốc sở có:

- Phòng Kế Toán Tổng hợp.
- Phòng Nghiệp vụ Y.
- Phòng Quản lý Dược.
- Phòng Tài chính - Kế Toán.
- Phòng Tổ chức cán bộ.
- Phòng Hành chính - Quản trị.
- Thanh tra Y tế.

2.2. Trung tâm y tế quận, huyện:

Là tổ chức trực thuộc Sở Y tế, chịu sự quản lý, chỉ đạo và hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra của Giám đốc Sở Y tế về chuyên môn, nghiệp vụ, kinh phí, nhân lực y tế. Chịu sự quản lý, chỉ đạo của UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch phát triển y tế của huyện, quận, thị xã

2.3. Trạm y tế xã, phường, thị trấn

Trạm y tế chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện quận về chuyên môn, nghiệp vụ, kinh phí và nhân lực y tế. Chịu sự quản lý, chỉ đạo của Chủ tịch UBND xã trong việc xây dựng kế hoạch phát triển y tế; phối hợp các

ban, ngành đoàn thể trong xã tham gia vào công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2.4. Y tế thôn bản:

Y tế thôn bản do nhân dân chọn cử, được Ngành Y tế đào tạo và cấp chứng chỉ để họ chăm sóc Sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn.

Chương 3: Kế hoạch y tế

Bài 1: Lập kế hoạch y tế

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài:

❖ Kiến thức

Trình bày được khái niệm kế hoạch, lập kế hoạch y tế.

Phân tích được các bước của quy trình lập kế hoạch y tế.

❖ Kỹ năng

Thực hiện được các bước trong lập kế hoạch y tế

❖ Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Nhận thức được tầm quan trọng của việc lập kế hoạch y tế trong công tác quản lý y tế

2. Nội dung bài

2.1. Bước 1: Thu thập thông tin đánh giá tình hình CSSK

Những yêu cầu đối với thông tin

Các phương pháp thu thập thông tin

Thu thập các chỉ số y tế

2.2. Bước 2: Xác định vấn đề sức khỏe và xác định vấn đề ưu tiên

2.2.1. Khái niệm vấn đề sức khỏe

là tình trạng xấu về sức khỏe, bệnh tật, tử vong, các nguy cơ v.v.v, mà còn là tình trạng xấu về quản lý và sử dụng các nguồn lực.

2.2.2. Tại sao phải xác định vấn đề sức khỏe và vấn đề sức khỏe ưu tiên

- Để tránh tình trạng đưa ra quyết định sai, lãng phí.

- Để đưa ra các can thiệp phù hợp, kịp thời với các vấn đề của địa phương

2.2.3. Phân tích vấn đề sức khỏe

- Khái niệm phân tích vấn đề sức khỏe

- Mục đích phân tích vấn đề sức khỏe

2.2.4. Phương pháp xác định vấn đề sức khỏe

- Kỹ thuật Delphy

- Phương pháp dựa trên gánh nặng bệnh tật

- Cách cho điểm

- Cân nhắc dựa trên hệ thống phân loại ưu tiên cơ bản BPRS (Basic Priority Rating System)

2.3. Bước 3: Xác định mục tiêu

- Định nghĩa mục tiêu
- Các loại mục tiêu
- Cách viết mục tiêu

2.4. Bước 4: Phân tích vấn đề, lựa chọn giải pháp

2.4.1. Kỹ thuật nhưng tại sao

- Nêu vấn đề.
- Phân tích tìm nguyên nhân

2.4.2. Sơ đồ diễn tiến

Vấn đề- hậu quả- diễn tiến

2.4.3. Sơ đồ khung xương cá

- Xác định vấn đề
- Xác định các nhân tố ảnh hưởng
- Tìm nguyên nhân thuộc từng nhân tố
- Xác định vấn đề

2.5. Bước 5: Viết kế hoạch hoạt động

Kiểm tra định kỳ

Thời gian 1 giờ

Chương 4: Đại cương về Nghiên cứu khoa học

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Trình bày được khái niệm nghiên cứu khoa học, đặc điểm của một nghiên cứu khoa học y học tốt.

- Trình bày được qui trình nghiên cứu khoa học trong y học.
- Trình bày được các loại thiết kế nghiên cứu trong y học.
- Trình bày được các bước xác định vấn đề nghiên cứu trong y học.
- Trình bày được khái niệm mục tiêu, biến số nghiên cứu.
- Hiểu được khái niệm nghiên cứu khoa học.
- Nhận biết được các đặc điểm của một nghiên cứu khoa học y học tốt.
- Xác định được loại thiết kế nghiên cứu trong y học.
- Xác định được vấn đề cần tiến hành nghiên cứu trong nghiên cứu y học.
- Xác định được mục tiêu nghiên cứu trong y học.
- Xác định được các loại biến số trong nghiên cứu y học.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Giới thiệu về nghiên cứu khoa học trong y học
 - 2.1.1. Khái niệm về nghiên cứu khoa học.
 - 2.1.2. Các đặc điểm của một nghiên cứu khoa học tốt.
- 2.2. Giới thiệu qui trình nghiên cứu khoa học trong y học
 - 2.2.1. Ý tưởng nghiên cứu
 - 2.2.2. Tổng quan tài liệu
 - 2.2.3. Giả thuyết nghiên cứu
 - 2.2.4. Thiết kế nghiên cứu
 - 2.2.5. Thu thập và phân tích số liệu
 - 2.2.6. Diễn dịch kết quả
 - 2.2.7. So sánh kết quả với các nghiên cứu trước
 - 2.2.8. Kết luận của nghiên cứu
- 2.3. Các loại thiết kế nghiên cứu trong y học
 - 2.3.1. Nghiên cứu không can thiệp
 - 2.3.1.1. Nghiên cứu Thăm dò
 - 2.3.1.2. Nghiên cứu mô tả
 - 2.3.1.3. Nghiên cứu so sánh (nghiên cứu phân tích)
 - 2.3.1.4. Nghiên cứu cắt ngang
 - 2.3.2. Nghiên cứu can thiệp
 - 2.3.2.1. Nghiên cứu thực nghiệm
 - 2.3.2.2. Nghiên cứu bán thực nghiệm
- 2.4. Xác định và phân tích vấn đề nghiên cứu
 - 2.4.1. Khái niệm vấn đề nghiên cứu
 - 2.4.2. Tiêu chuẩn ưu tiên cho vấn đề nghiên cứu
 - 2.4.3. Thang điểm đánh giá cho các tiêu chuẩn ưu tiên
- 2.5. Mục tiêu nghiên cứu và biến số nghiên cứu
 - 2.5.1. Khái niệm mục tiêu nghiên cứu
 - 2.5.2. Lý do cần phải xây dựng mục tiêu nghiên cứu
 - 2.5.3. Yêu cầu của mục tiêu nghiên cứu
 - 2.5.4. Khái niệm về biến số nghiên cứu
 - 2.5.5. Phân loại biến số nghiên cứu

Chương 5: Phương pháp Nghiên cứu khoa học

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Trình bày được phương pháp xác định cỡ mẫu.

- Trình bày được phương pháp chọn mẫu.
- Trình bày được phương pháp thu thập số liệu.
- Trình bày được công cụ thu thập số liệu.
- Trình bày được phương pháp xử lý số liệu.
- Trình bày được phương pháp phân tích số liệu
- Xác định cỡ mẫu phù hợp cho nghiên cứu.
- Xác định được phương pháp chọn mẫu phù hợp cho nghiên cứu.
- Xác định được phương pháp thu thập số liệu và công cụ thu thập số liệu phù hợp cho nghiên cứu.
- Xác định được phương pháp xử lý và phân tích số liệu phù hợp cho nghiên cứu.
- Xác định được các sai số thường gặp trong nghiên cứu

2. Nội dung bài:

2.1. Phương pháp xác định cỡ mẫu nghiên cứu

2.1.1. Giới thiệu phương pháp chọn mẫu

2.1.2. Các cách tiếp cận trong tính cỡ mẫu

2.2. Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu

2.2.1. Đại cương về phương pháp chọn mẫu

2.2.2. Phương pháp chọn mẫu có xác suất

2.2.2.1. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn

2.2.2.2. Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống

2.2.2.3. Chọn mẫu phân tầng

2.2.2.4. Chọn mẫu cụm (chùm)

2.2.2.5. Chọn mẫu nhiều giai đoạn (nhiều bậc)

2.2.3. Phương pháp chọn mẫu không xác suất

2.2.3.1. Chọn mẫu thuận tiện

2.2.3.2. Chọn mẫu theo mục tiêu

2.2.3.3. Chọn mẫu chủ đích

2.3. Phương pháp thu thập và công cụ thu thập số liệu nghiên cứu

2.3.1. Các phương pháp thu thập số liệu

2.3.2. Các công cụ thu thập số liệu

2.4. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

2.4.1. Một số lý thuyết thống kê cơ bản

2.4.2. Kiểm định giả thuyết

2.5. Các sai số trong nghiên cứu khoa học

11
 10
 Đ
 T
 T
 G
 1
 ★

Chương 6: Viết đề cương và báo cáo kết quả Nghiên cứu khoa học

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Trình bày được cách viết đề cương nghiên cứu khoa học trong y học.
- Trình bày được các vấn đề .
- Trình bày được phương pháp thu thập số liệu.
- Trình bày được công cụ thu thập số liệu.
- Trình bày được phương pháp xử lý số liệu.
- Trình bày được phương pháp phân tích số liệu
- Viết được một đề cương nghiên cứu ở mức độ cơ bản.
- Xác định được các vấn đề y đức thường xuất hiện khi thực hiện nghiên cứu trong y học.
- Xác định được nguyên tắc trình bày kết quả nghiên cứu khoa học trong y học.
- Hiểu rõ được cách viết một bài báo cáo khoa học.

2. Nội dung bài:

2.1. Cách viết đề cương nghiên cứu khoa học

2.1.1. Cách viết đề cương nghiên cứu

2.1.2. Cấu trúc của đề cương nghiên cứu

2.1.3. Nguyên tắc viết đề cương nghiên cứu

2.2. Vấn đề y đức trong nghiên cứu khoa học

2.2.1. Đại cương về vấn đề y đức nghiên cứu

2.2.2. Các vấn đề y đức thường gặp trong nghiên cứu khoa học

2.3. Trình bày kết quả nghiên cứu khoa học

2.3.1. Giới thiệu về trình bày kết quả nghiên cứu

2.3.2. Các yêu cầu của việc trình bày kết quả nghiên cứu khoa học

2.4. Cách viết một bài báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học

2.4.1. Đại cương về viết báo cáo nghiên cứu khoa học

2.4.2. Các bước chuẩn bị

2.4.3. Đặc tính của bài báo cáo khoa học tốt

2.4.4. Nội dung của bài báo cáo khoa học

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: giảng đường
2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, tranh
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

4. Các điều kiện khác: trước khi học môn này, SV phải học các môn học Điều dưỡng cơ bản, Y đức - Giao tiếp - Giáo dục sức khoẻ & hành vi con người, Sức khỏe - Môi trường và dịch tễ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- Mô tả được mô hình chung của tổ chức mạng lưới y tế Việt Nam, những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức mạng lưới y tế Việt Nam

- Trình bày được mục tiêu bảo vệ sức khoẻ nhân dân Việt Nam, các giải pháp và chính sách để thực hiện mục tiêu chiến lược

- Mô tả được hệ thống các tuyến tổ chức y tế tại Việt Nam, phân tích được chức năng của các tuyến y tế.

- Trình bày được đặc điểm của ngành y và nhiệm vụ của người cán bộ y tế.

- Trình bày được nhiệm vụ và mô hình tổ chức bệnh viện, phân tích được công tác quản lý bệnh viện.

- Trình bày được chức năng và nhiệm vụ của sở y tế, trung tâm y tế quận huyện, trạm y tế, y tế thôn bản

- Trình bày được khái niệm nghiên cứu khoa học, đặc điểm của một nghiên cứu khoa học y học tốt.

- Trình bày được qui trình nghiên cứu khoa học trong y học.

- Trình bày được các loại thiết kế nghiên cứu trong y học.

- Trình bày được các bước xác định vấn đề nghiên cứu trong y học.

- Trình bày được khái niệm mục tiêu, biến số nghiên cứu.

- Kỹ năng:

- Lập được một kế hoạch chăm sóc sức khỏe và bảo vệ sức khỏe.

- Có khả năng làm việc nhóm.

- Xác định được loại thiết kế nghiên cứu trong y học.

- Xác định được vấn đề cần tiến hành nghiên cứu trong nghiên cứu y học.

- Xác định được mục tiêu nghiên cứu trong y học.

- Xác định được các loại biến số trong nghiên cứu y học.

- Xác định cỡ mẫu phù hợp cho nghiên cứu.

- Xác định được phương pháp chọn mẫu phù hợp cho nghiên cứu.

- Xác định được phương pháp thu thập số liệu và công cụ thu thập số liệu phù hợp cho nghiên cứu.

- Xác định được phương pháp xử lý và phân tích số liệu phù hợp cho nghiên cứu.

- Xác định được các sai số thường gặp trong nghiên cứu



- Xác định được các vấn đề y đức thường xuất hiện khi thực hiện nghiên cứu trong y học.

- Xác định được nguyên tắc trình bày kết quả nghiên cứu khoa học trong y học.

- Thái độ:

- Tích cực tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến xây dựng bài trong học tập.

- Rèn luyện thái độ đúng đắn khi chăm sóc người bệnh theo đúng nhiệm vụ của một cán bộ y tế

2. Phương pháp đánh giá:

Điểm kiểm tra gồm 02 cột điểm: 01 cột thường xuyên và 01 cột định kỳ, trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2.

Kiểm tra thường xuyên do giảng viên giảng dạy các chương 4,5,6 tổ chức thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng hình thức: kiểm tra trắc nghiệm hoặc bài tập nhóm với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

Kiểm tra định kỳ do giảng viên giảng dạy các chương 1, 2,3 tổ chức thực hiện bằng hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm hoặc bài tập nhóm với thời gian làm bài từ 45 đến 60 phút.

Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Sinh viên không dự kiểm tra thường xuyên, định kỳ sẽ nhận điểm "0" (không) của lần kiểm tra đó.

Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm.

Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; điểm môn học được qui đổi theo thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Tổ chức Y tế sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng ngành Điều dưỡng chính quy.

SV Điều dưỡng cao đẳng chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, đàm thoại, để học sinh dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào chăm sóc bệnh nhân

- Đối với người học:

Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

Vận dụng kiến thức lý thuyết vào cộng đồng.

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Những nội dung trọng tâm đã được cụ thể hóa trong mục tiêu của từng bài trong mỗi chương

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Giáo trình Tổ chức y tế do nhà trường biên soạn

[2] Bộ Y tế, *Quản lý và chính sách y tế*, Nhà xuất bản Y học, 2016.

[3] Bộ Y tế, *Quản lý và chính sách y tế*, Nhà xuất bản Y học, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN

Mã môn học: MH24A112218

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28; Thực hành: 00 giờ, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ 2, Năm thứ I trong chương trình đào tạo ngành Y sĩ trình độ Cao đẳng chính qui.

- Tính chất: môn học này là môn lý thuyết.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được tầm quan trọng của công tác kiểm soát nhiễm khuẩn.

+ Trình bày được sơ đồ hệ thống tổ chức mạng lưới kiểm soát nhiễm khuẩn quốc gia, tổ chức kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

+ Trách nhiệm của Hội đồng chống nhiễm khuẩn Nhiệm vụ và trách nhiệm chính của chuyên viên chống nhiễm khuẩn

+ Trình bày được nội dung giám sát nhiễm khuẩn.

+ Tuân thủ các chính sách, quy trình về phòng ngừa cách ly và kiểm soát nhiễm khuẩn.

+ Phân tích được định nghĩa, nội dung kiểm soát nhiễm khuẩn tiêu an toàn.

+ Tuân thủ các quy định về kiểm soát môi trường chăm sóc, quy định về quản lý, xử lý chất thải.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được quy trình về phòng ngừa cách ly và kiểm soát nhiễm khuẩn.

+ Thực hiện được phòng ngừa các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện: viêm phổi, nhiễm khuẩn vết mổ, nhiễm khuẩn huyết, nhiễm khuẩn đường tiết niệu.

+ Thực hiện được phòng ngừa chuẩn, phòng ngừa bổ sung.

+ Thực hiện được quy trình tiêu an toàn liên quan kiểm soát nhiễm khuẩn.

+ Thực hiện được các phương pháp phòng ngừa, xử trí các tai nạn rủi ro nghề nghiệp liên quan đến tiêu.

+ Thực hiện được quy trình quản lý chất thải rắn y tế tại các cơ sở y tế.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tiến hành thực hiện các quy trình kỹ thuật trên người bệnh, thao tác tự tin, nhẹ nhàng và thông cảm.

+ ền luyện đức tính cẩn thận, chính xác khi thực hiện thao tác trên người bệnh.

+ Tạo sự an toàn, thoải mái và kín đáo cho người bệnh.

+ Thể hiện đạo đức trong thực hành chăm sóc người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<p>Chương 1: Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế:</p> <p>1.1. Định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện.</p> <p>1.2. Dịch tễ học nhiễm khuẩn bệnh viện.</p> <p>1.3. Hậu quả của nhiễm khuẩn bệnh viện</p> <p>1.4. Các văn bản qui phạm pháp luật liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn.</p> <p>1.5. Chương trình KSNK và những giải pháp cụ thể.</p>		3		
2	<p>Chương 2: Hệ thống tổ chức và điều kiện thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn</p> <p>1. Hệ thống KSNK trong bệnh viện</p> <p>2. Điều kiện thực hiện công tác KSNK</p>		2		
3	<p>Chương 3: Các đường lây truyền bệnh và biện pháp phòng ngừa</p> <p>1.1. Các đường lây truyền bệnh.</p> <p>1.2. Các biện pháp phòng ngừa</p> <p>1.3. Kỹ thuật áp dụng trong PNC và phòng ngừa bổ sung</p> <p>1.4. Sử dụng phương</p>		5		



	tiện phòng hộ cá nhân (PTPHCN)				
4	<p>Chương 4: Khử khuẩn, tiệt khuẩn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Một số khái niệm 2 Một số yếu tố ảnh hưởng tới quá trình khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ. 3. Phân loại dụng cụ 4. Nguyên tắc khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ 5. Quy trình khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ 6. Một số lưu ý 		3		
5	<p>Chương 5: Phòng và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa tiêm an toàn 2. Những hành vi nguy cơ liên quan đến tiêm 3. Phòng nhiễm khuẩn và thực hành trong tiêm 4. Sắp xếp xe tiêm 		4		1
6	<p>Chương 6: Quản lý đồ vải</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục đích phân loại đồ vải 2. Nguyên tắc phân loại và thu gom đồ vải 3. Bố trí, sắp xếp nhà giặt và phương tiện thu gom, vận chuyển đồ vải. 4. Quy trình thu gom đồ vải tại buồng bệnh 5. Quy trình xử lý đồ vải tại nhà giặt 6. Bảo quản đồ vải 		2		
7	Chương 7: Vệ sinh môi		2		

	<p>trường bệnh viện</p> <ol style="list-style-type: none"> Một số khái niệm Nguyên tắc vệ sinh buồng bệnh, khoa phòng Phân vùng các khu vực vệ sinh Các qui định áp dụng cho vệ sinh bề mặt Qui trình thực hiện Một số lưu ý 				
8	<p>Chương 8: Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp</p> <ol style="list-style-type: none"> Khái niệm Căn nguyên gây nhiễm khuẩn bệnh viện Tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện Các qui định áp dụng cho vệ sinh bề mặt Nguyên tắc phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện và biện pháp phòng ngừa Một số lưu ý 		4		1
9	<p>Chương 9: Quản lý chất thải rắn y tế</p> <ol style="list-style-type: none"> Phân định chất thải y tế Bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế Phân loại chất thải y tế Thu gom chất thải y tế 		3		
	Cộng	30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế

Thời gian: 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

DAN
 TRU
 DAO
 TIEN
 Y

- Về kiến thức:

+ Định nghĩa được nhiễm khuẩn BV.

+ Trình bày được nguyên nhân, hậu quả và các phương thức lây truyền nhiễm khuẩn.

+ Kể được các loại NKBV và tác nhân gây bệnh thường gặp.

- Về kỹ năng: Thực hiện đúng các quy trình phòng ngừa lây nhiễm trong môi trường bệnh viện.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác khi thực hiện thao tác trên người bệnh.

2. Nội dung bài:

2.1. Định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện

2.2. Dịch tễ học nhiễm khuẩn bệnh viện

2.2.1. Tần suất nhiễm khuẩn bệnh viện

2.2.2. Các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp

2.2.3. Các tác nhân vi sinh vật

2.2.4. Đường lây truyền và hậu quả của nhiễm khuẩn bệnh viện

2.2.5. Nguồn lây nhiễm khuẩn bệnh viện

2.2.6. Nguyên nhân nhiễm khuẩn bệnh viện

2.3. Hậu quả của nhiễm khuẩn bệnh viện

2.4. Các văn bản qui phạm pháp luật liên quan đến kiểm soát nhiễm khuẩn.

2.5. Chương trình KSNK và những giải pháp cụ thể.

Chương 2: Hệ thống tổ chức và điều kiện thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn

Thời gian: 2 giờ (2LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Về kiến thức:

+ Mô tả được hệ thống tổ chức kiểm soát nhiễm khuẩn và phương thức hoạt động trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

+ Trình bày được yêu cầu cơ sở hạ tầng phù hợp để thực hiện kiểm soát nhiễm khuẩn

- Về kỹ năng: Áp dụng được lý thuyết vào thực tế để đảm bảo thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn vào chăm sóc người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác khi làm việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Hệ thống KSNK trong bệnh viện

2.1.1. Hội đồng kiểm soát nhiễm khuẩn

2.1.2. Khoa Tổ KSNK

2.1.3. Mạng lưới KSNK

2.2. Điều kiện thực hiện công tác KSNK

2.2.1. Yêu cầu cơ sở hạ tầng cơ bản và phương tiện đảm bảo KSNK tại khoa nội trú

2.2.2. Yêu cầu cho buồng phẫu thuật và buồng chăm sóc đặc biệt

2.2.3. Yêu cầu cho phòng xét nghiệm

2.2.4. Phương tiện đảm bảo công tác khử tiệt khuẩn

2.2.5. Điều kiện tại nhà giặt

2.2.6. Phương tiện thực hiện vệ sinh môi trường

2.2.7. Cơ sở hạ tầng bảo đảm xử lý an toàn các loại chất thải.

Chương 3: Các đường lây truyền bệnh và biện pháp phòng ngừa

Thời gian: 5 giờ (5 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- **Về kiến thức:**

+ Trình bày được định nghĩa và những nội dung phòng ngừa chuẩn.

+ Thực hiện được phòng ngừa lây truyền bệnh qua các đường: đường tiếp xúc; đường giọt bắn và đường không khí.

- **Về kỹ năng:** Thực hiện được các kỹ thuật: VST thường quy, vệ sinh hô hấp và sử dụng các phương tiện phòng hộ cá nhân

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác khi làm việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Các đường lây truyền bệnh

2.1.1. Lây truyền qua đường tiếp xúc

2.1.2. Lây bệnh qua đường giọt bắn

2.1.3. Lây truyền qua đường không khí

2.2. Các biện pháp phòng ngừa

2.2.1. Phòng ngừa chuẩn

2.2.2. Phòng ngừa lây qua đường lây truyền (phòng ngừa bổ sung)

2.3. Kỹ thuật áp dụng trong PNC và phòng ngừa bổ sung

2.3.1. Vệ sinh tay thường quy

2.3.2. Thực hiện quy tắc vệ sinh hô hấp

2.4. Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân (PTPHCN)

2.4.1. Nguyên tắc chung về cách sử dụng các PTPHCN

2.4.2. Lựa chọn các PTPHCN

70
NG
Á
T
GIA
★

2.4.3. Sử dụng các phương tiện bảo hộ cá nhân

Chương 4: Khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ

Thời gian: 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được định nghĩa khử khuẩn, tiệt khuẩn.
- + Trình bày được các nguyên tắc khử khuẩn, tiệt khuẩn.
- + Mô tả được các phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn.

- Về kỹ năng: Thực hiện tốt các phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn trên lâm sàng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác khi làm việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Một số khái niệm

2.2. Một số yếu tố ảnh hưởng tới quá trình khử khuẩn, tiệt khuẩn

2.3. Phân loại dụng cụ

2.4. Một số vấn đề có thể gặp phải khi phân loại dụng cụ

2.5. Các phương pháp tiệt khuẩn

2.6. Quy trình khử - tiệt khuẩn cụ thể trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

2.7. Một số chú ý

Chương 5: Phòng và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm

Thời gian: 5 giờ (4 LT, 0 TH, 1 KT)

1. Mục tiêu của bài:

- Về kiến thức:

- + Phát biểu đúng định nghĩa tiêm an toàn.
- + Trình bày được nguyên tắc thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn trong tiêm.

- Về kỹ năng: Thực hiện đúng và an toàn các kỹ thuật tiêm trên người bệnh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác khi làm việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Định nghĩa tiêm an toàn

2.2. Những hành vi nguy cơ liên quan đến tiêm và các lưu ý

2.3. Những hành vi nguy cơ liên quan đến tiêm và các lưu ý tiêm

2.4. Sắp xếp xe tiêm

2.5. Các phương thức phơi nhiễm nghề nghiệp và biện pháp phòng rủi ro do vật sắc nhọn cho nhân viên y tế

Kiểm tra lần 1: 1 giờ

Chương 6: Quản lý đồ vải

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- **Về kiến thức:**

+ Kể được mục đích, nguyên tắc phân loại, thu gom đồ vải.

+ Liệt kê đủ, đúng nguyên tắc bố trí nhà giặt và danh sách các phương tiện tối thiểu cho xử lý đồ vải tại nhà giặt.

- **Về kỹ năng:** thực hiện đúng quy trình thu gom, xử lý và bảo quản đồ vải tại đơn vị.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác khi làm việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Mục đích

2.2. Nguyên tắc phân loại và thu gom đồ vải.

2.3. Bố trí, sắp xếp nhà giặt và phương tiện thu gom, vận chuyển đồ vải.

2.4. Quy trình thu gom đồ vải tại buồng bệnh

2.5. Quy trình xử lý đồ vải tại nhà giặt

Chương 7: Vệ sinh môi trường bệnh viện

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- **Về kiến thức:**

+ Kể được mục đích và nội dung vệ sinh trong các cơ sở y tế

+ Trình bày được nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và cách phân vùng vệ sinh đúng.

- **Về kỹ năng:** Thực hiện đúng quy trình vệ sinh tại đơn vị mình làm việc

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác khi làm việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Nguyên tắc vệ sinh bề mặt, buồng bệnh, khoa phòng

2.2. Phân vùng các khu vực vệ sinh

2.3. Các quy định áp dụng cho khu vực vệ sinh bề mặt môi trường chăm sóc NB

2.4. Quy trình thực hiện

Chương 8: Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp

Thời gian: 4 giờ (4 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- **Về kiến thức:**

+ Trình bày được nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và cách phân vùng vệ sinh đúng.

+ Liệt kê được các dụng cụ, phương tiện cần thiết phục vụ cho công tác vệ sinh và tần suất vệ sinh tại các bề mặt trong bệnh viện.

- **Về kỹ năng:** Thực hiện đúng quy trình vệ sinh tại đơn vị mình làm việc

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác khi làm việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Căn nguyên gây nhiễm khuẩn bệnh viện

2.2. Tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện

2.3. Nguyên tắc phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện

2.4. Biện pháp phòng ngừa các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp

Kiểm tra lần 2: 1 giờ

Chương 9: Quản lý chất rắn thải y tế

Thời gian: 3 giờ (3 LT, 0

TH)

1. Mục tiêu của bài:

- **Về kiến thức:** Trình bày được một số khái niệm cơ bản về quản lý chất thải rắn y tế, các nguy cơ do chất thải rắn y tế gây ra

- **Về kỹ năng:** Thực hiện được quy trình quản lý, phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có ý thức rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác khi làm việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, giảm thiểu và tái chế rác thải.

2.1.1. Phân định chất thải y tế

2.1.2. Bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế

2.1.3. Thu gom chất thải y tế

2.1.4. Lưu giữ chất thải y tế

2.1.5. Giảm thiểu chất thải y tế

2.1.6. Quản lý chất thải y tế thông thường phục vụ mục đích tái chế

2.2. Vận chuyển và xử lý chất thải y tế.

2.2.1. Vận chuyển chất thải y tế nguy hại để xử lý theo mô hình cụm cơ sở y tế.

2.2.2. Vận chuyển chất thải y tế để xử lý theo mô hình tập trung

2.2.3. Xử lý chất thải y tế nguy hại

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, laptop,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng, tài liệu học tập chính công cụ kiểm tra - đánh giá kiến thức, phiếu đánh giá kỹ năng, bệnh nhân thực hành,...

4. Điều kiện khác: Sinh viên phải hoàn thành xong các môn học: Vi sinh - kí sinh trùng, giải phẫu sinh lý...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Trình bày được tầm quan trọng của công tác kiểm soát nhiễm khuẩn.

+ Trình bày được sơ đồ hệ thống tổ chức mạng lưới kiểm soát nhiễm khuẩn quốc gia, tổ chức kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

+ Trách nhiệm của Hội đồng chống nhiễm khuẩn Nhiệm vụ và trách nhiệm chính của chuyên viên chống nhiễm khuẩn

+ Trình bày được nội dung giám sát nhiễm khuẩn.

+ Tuân thủ các chính sách, quy trình về phòng ngừa cách ly và kiểm soát nhiễm khuẩn.

+ Phân tích được định nghĩa, nội dung kiểm soát nhiễm khuẩn tiêm an toàn.

+ Tuân thủ các quy định về kiểm soát môi trường chăm sóc, quy định về quản lý, xử lý chất thải.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được quy trình về phòng ngừa cách ly và kiểm soát nhiễm khuẩn.

+ Thực hiện được phòng ngừa các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện: viêm phổi, nhiễm khuẩn vết mổ, nhiễm khuẩn huyết, nhiễm khuẩn đường tiết niệu.

+ Thực hiện được phòng ngừa chuẩn, phòng ngừa bổ sung.

+ Thực hiện được quy trình tiêm an toàn liên quan kiểm soát nhiễm khuẩn.

+ Thực hiện được các phương pháp phòng ngừa, xử trí các tai nạn rủi ro nghề nghiệp liên quan đến tiêm.

+ Thực hiện được quy trình quản lý chất thải rắn y tế tại các cơ sở y tế.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tiến hành thực hiện các quy trình kỹ thuật trên người bệnh, thao tác tự tin, nhẹ nhàng và thông cảm.

+ Rèn luyện đức tính cẩn thận, chính xác khi thực hiện thao tác trên người bệnh.

+ Tạo sự an toàn, thoải mái và kín đáo cho người bệnh.

+ Thể hiện đạo đức trong thực hành chăm sóc người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá:

- **Hình thức đánh giá:** trắc nghiệm, kiểm tra viết, bài tập nhóm hoặc thuyết trình theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.

+ **Kiểm tra:** Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án; chọn đáp án đúng hoặc sai; kiểm tra viết, bài tập nhóm có xác nhận tham gia.

Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết.

Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm/ kiểm tra viết, bài tập nhóm hoặc thuyết trình được xác nhận có tham gia. GV có thông báo trước.

Điểm kiểm tra gồm: ít nhất 1 cột điểm thường xuyên và ít nhất 1 cột điểm định kỳ trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2.

+ **Thi kết thúc môn học:** Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án; chọn đáp án đúng hoặc sai.

- Tính điểm môn học:

+ Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

+ Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm.

+ Điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4 theo phương thức tích lũy tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Kiểm soát nhiễm khuẩn sử dụng để giảng dạy ngành, nghề Y sĩ trình độ cao đẳng chính qui.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Giảng viên trước khi dạy căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Đối với người học:

Thực hiện đúng theo Quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ áp dụng cho khóa học.

Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học. Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm 0 (điểm không) ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó”.

Quan sát, lắng nghe, động não, ghi nhớ, thảo luận nhóm, thuyết trình, giải quyết vấn đề

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Những nội dung trọng tâm đã được cụ thể hóa ở phần mục tiêu trong từng bài ở mỗi chương

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Thị Anh Thư. Tài liệu chống nhiễm khuẩn bệnh viện. NXB Y học Tp. HCM 2011

[2]. Tài liệu đào tạo liên tục Kiểm soát nhiễm khuẩn cho nhân viên y tế tuyến cơ sở năm 2012.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Y ĐỨC-GIÁO DỤC SỨC KHỎE

Mã môn học: MH24A112219

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ, Thực hành tại trường: 00 giờ, Thực hành tại bệnh viện: 00 giờ, Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ 1 năm thứ 2 trong chương trình đào tạo ngành, nghề Y sĩ cao đẳng chính quy.

- Tính chất: Môn học này là môn học lý thuyết. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng giao tiếp trong công tác nhằm thiết lập mối quan hệ tốt với người bệnh, gia đình của người bệnh và với đồng nghiệp. Kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt, sẽ giúp cho người cán bộ y tế: Thể hiện tính chuyên nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; Giúp hoàn thành vai trò của người điều dưỡng; Giúp người cán bộ y tế khẳng định vị thế của mình trước NB và người nhà NB; Giúp người cán bộ y tế tránh được các hạn chế trong giao tiếp, ứng xử có thể gây nên những bức xúc không đáng có ở NB và người nhà NB. Bên cạnh đó môn học còn cung cấp những phương pháp và kỹ thuật học thích hợp để bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho mọi người thông qua một loạt quá trình được sử dụng để thay đổi những yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

- Trình bày được mục đích của giao tiếp.
- Mô tả được 6 kỹ năng trong giao tiếp.
- Trình bày được ưu, nhược điểm của 2 phương pháp TT – GDSK.
- Nêu được vị trí tầm quan trọng của truyền thông trong công tác chăm sóc sức khỏe.
- Trình bày được 10 vấn đề cơ bản để lập kế hoạch 1 buổi GDSK
- Trình bày được khái niệm và bản chất của hiện tượng tâm lý
- Trình bày được cách phân loại hiện tượng tâm lý theo thời gian tồn tại
- Trình bày được mức độ, đặc điểm các loại cấu trúc nhân cách, những ảnh hưởng của bệnh tật, những biểu hiện tâm lý chung khi bị bệnh, nhân cách bệnh nhân
- Trình bày được một số phẩm chất nhân cách người thầy thuốc/điều dưỡng, sự hình thành và phát triển nhân cách của người thầy thuốc/điều dưỡng
- Trình bày các yêu cầu giao tiếp giữa điều dưỡng và bệnh nhân, các yêu cầu giao tiếp giữa điều dưỡng và người nhà bệnh nhân, điều dưỡng và cộng đồng, điều dưỡng và đồng nghiệp
- Xác định được mối quan hệ giữa tâm lý và bệnh lý, mối quan hệ tâm lý - thể chất, môi trường xã hội và bệnh lý

- Trình bày được khái niệm stress, giai đoạn trạng thái stress
- Hiểu được khái niệm vệ sinh tâm lý từng lứa tuổi, các yêu cầu vệ sinh tâm lý theo lứa tuổi
- Trình bày được những vấn đề cơ bản của liệu pháp tâm lý, những liệu pháp tâm lý chủ yếu, một số sai sót khi tiến hành liệu pháp tâm lý.
- Trình bày được các khái niệm về đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp.
- Trình bày được các đặc điểm cơ bản của đạo đức y học, 3 đặc trưng của bản chất đạo đức y học XHCN.
- Trình bày được đạo đức của người thầy thuốc Việt Nam và 12 điều y đức của người thầy thuốc Việt Nam.
- **Kỹ năng:**
 - Ứng dụng được kỹ năng giao tiếp vào công tác giao tiếp với người bệnh, gia đình người bệnh, người dân tại cộng đồng.
 - Sử dụng được một số phương tiện dùng trong TT – GDSK.
 - Thực hiện được các kỹ năng truyền thông trực tiếp.
 - Tìm ra được các trở ngại thường gặp trong truyền thông – giáo dục sức khỏe.
 - Lập được 1 bản kế hoạch cho 1 buổi GDSK cụ thể.
 - Ứng dụng được các khái niệm, cơ sở xã hội của giao tiếp để giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp của người điều dưỡng.
 - Phân biệt được các hiện tượng tâm lý thuộc quá trình tâm lý
 - Phân tích được hiện tượng ý thức
 - Phân tích được những thay đổi về nhận thức và phản ứng khi bị bệnh
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**
 - Tích cực tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến xây dựng bài trong học tập.
 - Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác trong giao tiếp, chăm sóc người bệnh.
 - Có tinh thần tự học và luôn học tập những kinh nghiệm của nhân viên y tế tại các cơ sở y tế để nâng cao trình độ chuyên môn.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	2	2		

	<ul style="list-style-type: none"> 1. Bản chất của quá trình giáo dục sức khỏe 2. Khái niệm về sức khỏe 2.1. Sức khỏe là gì? 2.2. Các yếu tố tác động đến sức khỏe 3. Khái niệm về nâng cao sức khỏe 3.1. Nâng cao sức khỏe là gì ? 3.2 Phân biệt giữa GDSK và NCSK 3.3 Các hoạt động nâng cao sức khỏe 				
2	<p>Chương 2: Kỹ năng và các hình thức giao tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Giao tiếp là gì? 2. Vai trò, ý nghĩa của giao tiếp 3. Mục đích của giao tiếp 4. Các kỹ năng giao tiếp trong truyền thông gdsK 4.1. Lắng nghe: 4.2. Quan sát 4.3. Đặt câu hỏi 4.4. Sử dụng ngôn ngữ nói 4.5. Sử dụng ngôn ngữ không lời 4.6. Ngôn ngữ cơ thể 5. Những điểm thầy thuốc và điều dưỡng viên cần quyết định khi giao tiếp. 6. Hướng dẫn giao tiếp với người bệnh và gia đình họ 6.1. Giao tiếp với người bệnh như thế nào? 6.2. Giao tiếp với gia đình người bệnh như thế nào 	3	3		
3	<p>Chương 3: Các phương pháp – phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Các phương pháp truyền thông gdsK 2.1. Phương pháp gián tiếp 2.2. Phương pháp trực tiếp 3. Các phương tiện truyền thông 3.1. Các loại phương tiện truyền thông 3.2. Hướng dẫn sử dụng 1 số phương tiện truyền thông thường dùng 4. Thực hiện một góc giáo dục sức khỏe. 	4	4		1

4	<p>Chương 4: Kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vị trí, tầm quan trọng của kỹ năng truyền thông trong cssk 2. Lý thuyết học tập của người lớn <ol style="list-style-type: none"> 2.1 Những kinh nghiệm giúp người lớn học tốt. 2.2. Các mối quan hệ cơ bản 3. Những điều giảng viên nên và không nên làm khi giảng dạy. <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Nên làm 3.2. Không nên 4. Những trở ngại thường gặp trong truyền thông trực tiếp 	5	5		
5	<p>Chương 5: Lập kế hoạch giáo dục sức khỏe</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xác định chủ đề truyền thông 2. Xác định các nhóm đối tượng đích 3. Chọn địa điểm và thời gian thích hợp 4. Xác định các mục tiêu cụ thể 5. Lựa chọn các nội dung truyền thông 6. Phối hợp các phương pháp Truyền thông trực tiếp và gián tiếp 7. Lựa chọn các phương tiện truyền thông 8. Kinh phí 9. Cách đánh giá kết quả truyền thông 10. Những người thực hiện 	3	3		
6	<p>Chương 6: Đại cương về tâm lý học và tâm lý y học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm chung về hiện tượng tâm lý <ol style="list-style-type: none"> 1.1 Bản chất của hiện tượng tâm lý 1.2 Đặc điểm chung của hiện tượng tâm lý 2. Vị trí, đối tượng nghiên cứu tâm lý y học 3. Đối tượng chủ yếu của tâm lý y học <ol style="list-style-type: none"> 3.1 Cung cấp những tri thức tâm lý học đại cương và trên cơ sở đó vận dụng vào y học, nghiên cứu những biểu hiện tâm lý ở từng loại bệnh. 3.2. Nghiên cứu đặc điểm tâm lý người bệnh và ảnh hưởng của những đặc 	1	1		

AN
RƯỜI
O Đ
Y T
NG

	<p>điểm đó lên sức khỏe, thể lực, bệnh tật.</p> <p>3.3 Phân tích về mặt tâm lý của bản chất các bệnh thần kinh (theo Ekpectiep -là một bộ phận hẹp của tâm lý y học)</p> <p>3.4 Nguyên cứu vai trò của các yếu tố tâm lý trong quá trình điều trị, quá trình xuất hiện và diễn biến của bệnh.</p> <p>3.5 Nghiên cứu vai trò của các yếu tố tâm lý trong dự phòng, bảo vệ và nâng cao sức khỏe.</p> <p>4 . Nhiệm vụ của tâm lý y học</p> <p>4.1 Nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lý người bệnh</p> <p>4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu tâm lý thầy thuốc và nhân viên y tế</p> <p>4.3 Một số nhiệm vụ chung của tâm lý y học: Nghiên cứu:</p> <p>4.4 Nội dung nghiên cứu của tâm lý y học</p> <p>5. Cấu trúc tâm lý y học</p> <p>5.1. Đại cương tâm lý học y học.</p> <p>5.2. Một số nét cơ bản về tâm lý con người.</p> <p>5.3. Tâm lý học người bệnh.</p> <p>5.4. Tâm lý học thầy thuốc, luân lý và đạo đức y học.</p> <p>5.5. Hoạt động giao tiếp của nhân viên y tế.</p> <p>5.6. Tâm lý liệu pháp, liệu pháp phục hồi sức khỏe.</p> <p>5.7. Stress và vệ sinh tâm lý.</p> <p>5.8. Một số vấn đề về tâm lý học thần kinh và tâm lý bệnh học.</p> <p>5.9. Tâm lý học chẩn đoán và một số trắc nghiệm tâm lý trong lâm sàng.</p> <p>6. Phương pháp nghiên cứu tâm lý y học</p> <p>6.1 Phần mở đầu cuộc khám</p> <p>6.2 Phần khám các triệu chứng khách quan</p> <p>6.3 Phần kết luận</p>				
7	Chương 7 : Các quá trình và trạng thái tâm lý	1	1		

	<p>1. Các loại hiện tượng tâm lý theo thời gian tồn tại</p> <p>1.1. Quá trình tâm lý</p> <p>1.2. Trạng thái tâm lý</p> <p>1.3. Thuộc tính tâm lý</p> <p>2. Các quá trình tâm lý:</p> <p>2.1. Cảm giác</p> <p>2.2. Tri giác</p> <p>2.3. Biểu tượng</p> <p>2.4. Tư duy</p> <p>3. Sự hình thành và phát triển ý thức</p> <p>3.1. Khái niệm chung về ý thức</p> <p>3.2. Sự hình thành và phát triển ý thức</p> <p>4. Hoạt động:</p> <p>4.1. Khái niệm chung về hoạt động</p> <p>4.2. Những nét đặc trưng của hoạt động</p> <p>4.3. Phân loại hoạt động</p> <p>4.4. Cấu trúc của hoạt động</p>				
8	<p>Chương 8: Tâm lý học nhân cách</p> <p>1. Khái niệm về nhân cách</p> <p>2. Các mức độ và đặc điểm nhân cách</p> <p>2.1 Các mức độ của nhân cách</p> <p>2.2 Các đặc điểm cơ bản của nhân cách</p> <p>3. Cấu trúc nhân cách</p> <p>3.1. Các quan niệm về cấu trúc nhân cách</p> <p>3.2 Cấu trúc nhân cách đức và tài</p> <p>3.3. Giá trị nhân cách</p> <p>4. Con đường hình thành nhân cách</p> <p>4.1. Giáo dục nhân cách</p> <p>4.2. Hoạt động và nhân cách</p> <p>4.3. Giao lưu và nhân cách</p> <p>5. Tập thể và nhân cách</p>	1	1		
9	<p>60. Chương 9: Tâm lý bệnh nhân</p> <p>1. Khái niệm về bệnh tật</p> <p>2. Ảnh hưởng của bệnh tật:</p> <p>61. 3. Quá trình nhận thức và phản ứng của bệnh nhân</p> <p>3.1 Nhận thức cảm tính</p> <p>3.2 Nhận thức lý tính</p> <p>3.3 Các loại nhận thức</p> <p>3.4 Các loại phản ứng</p>	1	1		

	<p>4. Tâm lý chung khi mắc bệnh</p> <p>4.1. Bệnh nặng hay nhẹ</p> <p>4.2. Bệnh phải chữa lâu hay mau</p> <p>4.3. Ai là người chạy chữa cho mình</p> <p>4.4. Khi phải nằm viện</p> <p>62. 5. Các yếu tố ảnh hưởng tâm lý người bệnh</p> <p>5.1. Quá trình giao tiếp giữa thầy thuốc với bệnh nhân</p> <p>63. 5.2. Mối quan hệ thầy thuốc bệnh nhân</p> <p>5.3. Môi trường và tâm lý người bệnh:</p> <p>5.4. Những đặc điểm thái độ của bệnh nhân</p> <p>6. Tìm hiểu nhân cách bệnh nhân</p> <p>6.1 Thương tổn về xu hướng nhân cách</p> <p>6.2 Sai sót về thuộc tính tính cách</p> <p>6.3 Sai sót về thuộc tính năng lực</p> <p>6.4 Sai sót về khí chất và các thành tố khác trong nhân cách</p> <p>6.5 Sai sót chung về nhân cách</p>				
10	<p>Chương 10: Tâm lý người thầy thuốc</p> <p>1. Đặc điểm hoạt động của nghề y</p> <p>2. Một số phẩm chất nhân cách người thầy thuốc/điều dưỡng</p> <p>3. Hình thành và phát triển nhân cách người thầy thuốc</p> <p>4. Phẩm chất của người thầy thuốc/điều dưỡng</p>	1	1		
11	<p>Chương 11: Giao tiếp của người điều dưỡng và người bệnh, người nhà bệnh nhân, cộng đồng và đồng nghiệp</p> <p>1. Khái niệm về giao tiếp</p> <p>2. Giao tiếp là cơ sở xã hội của tâm lý</p> <p>3. Giao tiếp giữa người điều dưỡng với bệnh nhân</p> <p>3.1 Thái độ và lời nói của thầy thuốc/Điều dưỡng:</p> <p>3.2 Tranh thủ tình cảm và lòng tin của bệnh nhân</p> <p>3.3 Biết tiếp xúc với bệnh nhân</p> <p>3.4 Biết tác động vào tâm lý bệnh nhân</p> <p>3.5 Những kỹ năng giao tiếp tổng quát</p>	2	2		

	<p>với bệnh nhân</p> <p>3.6. Những điều cần tránh khi thầy thuốc/người điều dưỡng tiếp xúc với bệnh nhân:</p> <p>4. Giao tiếp giữa người điều dưỡng với người nhà bệnh nhân</p> <p>5. Giao tiếp giữa người điều dưỡng với cộng đồng</p> <p>5.1. Vai trò giao tiếp với sự hình thành tâm lý nhân cách</p> <p>5.2. Khía cạnh tâm lý trong giao tiếp tại cộng đồng</p> <p>6. Giao tiếp giữa người điều dưỡng với đồng nghiệp</p> <p>6.1. Các yêu cầu giao tiếp với đồng nghiệp</p> <p>6.2. Trách nhiệm đối với sự hành nghề</p> <p>6.3. Các kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp</p>				
12	<p>Chương 12: Tâm lý bệnh học</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>1.1. Tâm lý học và y học có mối liên hệ mật thiết với nhau.</p> <p>1.2. Các mặt cần tìm hiểu ở một con người</p> <p>2. Mối quan hệ tâm và thể</p> <p>2.1. Những quan niệm về tm v thể:</p> <p>2.2. Mối quan hệ tâm - thể</p> <p>2.3. Tâm lý học và bệnh lý</p>	0.5	0.5		
13	<p>Chương 13: Stress tâm lý</p> <p>1. Khái niệm về stress</p> <p>2. Các giai đoạn của trạng thái stress</p> <p>2.1. Giai đoạn báo động</p> <p>2.2. Giai đoạn thích nghi</p> <p>2.3. Giai đoạn kiệt quệ</p> <p>3. Một số dạng đặc biệt của phản ứng stress</p>	0.5	0.5		
14	<p>Chương 14: Vệ sinh tâm lý</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Các yêu cầu vệ sinh tâm lý theo lứa tuổi</p> <p>2.1. Vệ sinh tâm lý tuổi nhỏ</p> <p>2.2. Vệ sinh tâm lý tuổi thiếu niên</p> <p>2.3. Vệ sinh tâm lý lứa tuổi thanh niên</p>	0.5	0.5		

	<p>và trưởng thành</p> <p>2.4. Vệ sinh tâm lý người cao tuổi</p> <p>2.5. Vệ sinh tâm lý lao động</p> <p>2.6. Vệ sinh tâm lý trong sinh hoạt</p> <p>2.7. Vệ sinh tâm lý gia đình</p>				
15	<p>Chương 15: Liệu pháp tâm lý</p> <p>1. Những vấn đề cơ bản của liệu pháp tâm lý</p> <p>1.1 Mục đích nhiệm vụ của liệu pháp tâm lý</p> <p>1.2 Điều kiện của liệu pháp tâm lý</p> <p>1.3 Yếu tố sinh vật và xã hội trong liệu pháp tâm lý</p> <p>1.4 Phân tích và tổng hợp trong liệu pháp tâm lý</p> <p>1.5 Điều trị nguyên nhân và điều trị triệu chứng</p> <p>2. liệu pháp tâm lý</p> <p>2.1. Liệu pháp tâm lý gián tiếp:</p> <p>2.2 Liệu pháp tâm lý trực tiếp:</p> <p>2.3 Phân tích khi ngủ</p> <p>2.4 Liệu pháp nhóm</p> <p>2.5 Liệu pháp tuân theo những quy định và sự học tập</p> <p>3. Một số sai sót khi tiến hành liệu pháp tâm lý</p>	0.5	0.5		
16	<p>Chương 16: Khái niệm đạo đức và đạo đức nghề nghiệp</p> <p>1. Khái niệm về đạo đức xã hội</p> <p>2. Khái niệm về đạo đức nghề nghiệp và đạo đức y học</p> <p>2.1. Đạo đức nghề nghiệp:</p> <p>2.2. Đạo đức y học</p> <p>2.3. Vị trí, tầm quan trọng của y đức</p>	1	1		
17	<p>Chương 17: Những nội dung đặc trưng của đạo đức người thầy thuốc Việt Nam & 12 điều y đức</p> <p>1. Đặc trưng của đạo đức y học XHCN:</p> <p>1.1. Đạo đức người thầy thuốc XHCN</p> <p>1.2. Thầy thuốc phải có lòng nhân đạo</p> <p>1.3. Thầy thuốc XHCN hành nghề vì mục đích trong sáng</p> <p>2. Đạo đức của người cán bộ y tế</p> <p>2.1. Các yêu cầu về đạo đức cá nhân</p>	2	1		1

của người điều dưỡng 2.2 Nghĩa vụ nghề nghiệp của người điều dưỡng 3. Những quy định về y đức- 12 điều y đức (tiêu chuẩn đạo đức của người làm công tác y tế)				
Kiểm tra định kỳ lần 2				1
Tổng cộng	30	28		02

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương về giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe

Thời gian: 2 giờ (2LT)

1. Mục tiêu của bài:

Giải thích được bản chất của quá trình giáo dục sức khỏe (GDSK)

Trình bày được định nghĩa về sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng tới sức khỏe

Phân biệt được khái niệm nâng cao sức khỏe (NCSK) và GDSK

Mô tả được 7 lĩnh vực hoạt động nâng cao sức khỏe

Mô tả được 5 cách tiếp cận trong nâng cao sức khỏe

Kể đúng 6 năng lực cơ bản trong nâng cao sức khỏe

2. Nội dung của bài:

2.1. Bản chất của quá trình giáo dục sức khỏe

- Giáo dục sức khỏe là gì

- Tóm lại

2.2. Khái niệm về sức khỏe

2.2.1. Sức khỏe là gì?

- Quan niệm SK

- Nói đến sức khỏe

- Tổ chức Y tế Thế giới đã định nghĩa

2.2.2. Các yếu tố tác động đến sức khỏe

- Yếu tố bên trong

- Yếu tố bên ngoài

2.3. Khái niệm về nâng cao sức khỏe

2.3.1. Nâng cao sức khỏe là gì ?

2.3.2 Phân biệt giữa GDSK và NCSK

2.3.3 Các hoạt động nâng cao sức khỏe

- Hoạt động cung cấp các dịch vụ cho người bệnh và tàn tật
- Hoạt động tăng cường sức khỏe

2.3.4. Các cách tiếp cận NCSK

- Cách tiếp cận theo y học
- Cách tiếp cận nhằm thay đổi hành vi
- Cách tiếp cận theo phương pháp giáo dục
- Cách tiếp cận lấy khách hàng là trung tâm
- Cách tiếp cận nhằm thay đổi xã hội

2.3.5. Năng lực cơ bản trong nâng cao sức khỏe.

- Năng lực quản lý, lập kế hoạch và quản lý
- Năng lực giao tiếp
- Năng lực giáo dục
- Năng lực tiếp thị và quảng cáo
- Năng lực hỗ trợ và hình thành mạng lưới
- Năng lực tác động vào các chính sách và thực tế

Chương 2: Kỹ năng và các hình thức giao tiếp

Thời gian: 3 giờ (3LT)

1. Mục tiêu của bài:

Định nghĩa được giao tiếp là gì? Ý nghĩa mục đích của giao tiếp.

Mô tả được 6 kỹ năng trong giao tiếp.

Ứng dụng kỹ năng giao tiếp vào công tác giao tiếp với người bệnh, gia đình người bệnh, người dân tại cộng đồng.

2. Nội dung của bài:

2.1. Giao tiếp là gì ?

- Giao tiếp là quá trình tiếp xúc
- Giao tiếp là một quá trình
- Trong giao tiếp thường diễn ra 3 khía cạnh khác nhau

2.2. Vai trò, ý nghĩa của giao tiếp

- Con người là tổng hợp các mối quan hệ xã hội
- Giao tiếp chính là động lực thúc đẩy sự hình thành và phát triển nhân cách
- Có 3 yếu tố làm tăng hiệu lực của điều trị, chăm sóc bệnh nhân

2.3. Mục đích của giao tiếp

- Nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần cho con người
- Hình thành mối quan hệ giữa con người với nhau

- Qua giao tiếp con người có thể
- Bằng kỹ năng giao tiếp, thầy thuốc, điều dưỡng viên có thể nâng đỡ, bồi dưỡng, giáo dục sức khỏe cho người bệnh.

2.4. Các kỹ năng giao tiếp trong truyền thông gdsK

2.4.1. Lắng nghe:

2.4.2. Quan sát

2.4.3. Đặt câu hỏi

2.4.4. Sử dụng ngôn ngữ nói

2.4.5. Sử dụng ngôn ngữ không lời

2.4.6. Ngôn ngữ cơ thể

2.5. Những điểm thầy thuốc và điều dưỡng viên cần quyết định khi giao tiếp.

- Giao tiếp cái gì? (tùy nội dung yêu cầu)
- Cần giao tiếp với ai?
- Tại sao cần phải giao tiếp
- Khi nào thì nên giao tiếp
- Vậy giao tiếp như thế nào để thành công ?

2.6. Hướng dẫn giao tiếp với người bệnh và gia đình họ

2.6.1. Giao tiếp với người bệnh như thế nào?

2.6.2. Giao tiếp với gia đình người bệnh như thế nào

Chương 3: Các phương pháp – phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe

Thời gian: 5 giờ (4LT-1KT)

1. Mục tiêu của bài:

Trình bày được ưu, nhược điểm của 2 phương pháp TT – GDSK.

Sử dụng được một số phương tiện dùng trong TT – GDSK.

2. Nội dung của bài:

2.1. Khái niệm

- Truyền thông là một quá trình
- Đặc trưng quan trọng của truyền thông

2.2. Các phương pháp truyền thông GDSK

2.2.1. Phương pháp gián tiếp :

2.2.2. Phương pháp trực tiếp

2.3. các phương tiện truyền thông

2.3.1. Các loại phương tiện truyền thông

2.3.2. Hướng dẫn sử dụng 1 số phương tiện truyền thông thường dùng

2.4. Thực hiện một góc giáo dục sức khỏe.

- Góc giáo dục sức khỏe (GDSK) 1 một hình thức truyền thông gián tiếp
- Cách thức thực hiện một góc GDSK
- Một số điểm lưu ý

Kiểm tra định kỳ lần 1: 1 giờ

Chương 4: Kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe

Thời gian: 5 giờ (5LT)

1. Mục tiêu của bài:

Nêu được vị trí tầm quan trọng của truyền thông trong công tác chăm sóc sức khỏe.

Giải thích được lý thuyết học tập của người lớn.

Thực hiện được các kỹ năng truyền thông trực tiếp.

Tìm ra được các trở ngại thường gặp trong truyền thông – giáo dục sức khỏe.

2. Nội dung của bài:

2.1. Vị trí, tầm quan trọng của kỹ năng truyền thông trong cssk

2.2. Lý thuyết học tập của người lớn

2.2.1 Những kinh nghiệm giúp người lớn học tốt.

2.2.2. Các mối quan hệ cơ bản

2.3. Những điều giảng viên nên và không nên làm khi giảng dạy.

2.3.1. Nên làm

2.3.2. Không nên

2.4. Những trở ngại thường gặp trong truyền thông trực tiếp

Chương 5: Lập kế hoạch giáo dục sức khỏe

Thời gian: 3 giờ (3LT)

1. Mục tiêu của bài:

Trình bày được 10 vấn đề cơ bản để lập kế hoạch 1 buổi GDSK

Lập được 1 bản kế hoạch cho 1 buổi GDSK cụ thể.

2. Nội dung của bài:

2.1. Xác định chủ đề truyền thông

- Chủ đề truyền thông phải đáp ứng

- Chủ đề truyền thông cần phải

2.2. Xác định các nhóm đối tượng đích

- Đối tượng đích gồm

- Việc xác định đúng đối tượng

2.3. Chọn địa điểm và thời gian thích hợp

- Địa điểm
- Thời gian

2.4. Xác định các mục tiêu cụ thể

- Xác định mục tiêu truyền thông
- Đối tượng đích
- Hành vi sức khỏe
- Các điều kiện cần thiết
- Các mức độ hoàn thành

2.5. Lựa chọn các nội dung truyền thông

- Đáp ứng đúng
- Phù hợp
- Hấp dẫn
- Khoa học và thực tiễn
- Diễn đạt bằng ngôn ngữ địa phương
- Lựa chọn

2.6. Phối hợp các phương pháp Truyền thông trực tiếp và gián tiếp

- Các phương pháp truyền thông trực tiếp đã được thừa nhận là phương pháp có hiệu quả nhất để giúp đối tượng thay đổi hành vi

- Trước và trong buổi truyền thông có thể chiếu một đoạn băng hình, phát một

2.7. Lựa chọn các phương tiện truyền thông

2.8. Kinh phí

2.9. Cách đánh giá kết quả truyền thông

- Thường dùng nhất
- Đối với các kỹ năng thực hành

2.10. Những người thực hiện

Chương 6: Đại cương về tâm lý học và tâm lý y học

Thời gian: 1 giờ (1LT)

1. Mục tiêu của bài:

Trình bày được khái niệm và bản chất của hiện tượng tâm lý

Trình bày được các đặc điểm của hiện tượng tâm lý

Trình bày được khái niệm, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu cơ bản của tâm lý y học

2. Nội dung của bài:

7
HỒN
ĐÁ
TÊ
GI
★

2.1. Khái niệm chung về hiện tượng tâm lý

2.1.1 Bản chất của hiện tượng tâm lý

2.1.2 Đặc điểm chung của hiện tượng tâm lý

2.2. Vị trí, đối tượng nghiên cứu tâm lý y học

- Tâm lý y học là lĩnh vực khoa học ứng dụng

- Tuy nhiên

2.3. Đối tượng chủ yếu của tâm lý y học

2.3.1 Cung cấp những tri thức tâm lý học đại cương và trên cơ sở đó vận dụng vào y học, nghiên cứu những biểu hiện tâm lý ở từng loại bệnh.

2.3.2. Nghiên cứu đặc điểm tâm lý người bệnh và ảnh hưởng của những đặc điểm đó lên sức khỏe, thể lực, bệnh tật.

2.3.3 Phân tích về mặt tâm lý của bản chất các bệnh thần kinh (theo Ekpectiep -là một bộ phận hẹp của tâm lý y học)

2.3.4 Nguyên cứu vai trò của các yếu tố tâm lý trong quá trình điều trị, quá trình xuất hiện và diễn biến của bệnh.

2.3.5 Nghiên cứu vai trò của các yếu tố tâm lý trong dự phòng, bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

2.4 . Nhiệm vụ của tâm lý y học

2.4.1 Nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lý người bệnh

2.4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu tâm lý thầy thuốc và nhân viên y tế

2.4.3 Một số nhiệm vụ chung của tâm lý y học: Nghiên cứu:

2.4.4 Nội dung nghiên cứu của tâm lý y học

2.5. Cấu trúc tâm lý y học

2.5.1 Đại cương tâm lý học y học.

2.5.2 Một số nét cơ bản về tâm lý con người.

2.5.3 Tâm lý học người bệnh.

2.5.4 Tâm lý học thầy thuốc, luân lý và đạo đức y học.

2.5.5 Hoạt động giao tiếp của nhân viên y tế.

2.5.6 Tâm lý liệu pháp, liệu pháp phục hồi sức khỏe.

2.5.7 Stress và vệ sinh tâm lý.

2.5.8 Một số vấn đề về tâm lý học thần kinh và tâm lý bệnh học.

2.5.9 Tâm lý học chẩn đoán và một số trắc nghiệm tâm lý trong lâm sàng.

2.6. Phương pháp nghiên cứu tâm lý y học

2.6.1 Phần mở đầu cuộc khám

2.6.2 Phần khám các triệu chứng khách quan

2.6.3 Phần kết luận

Chương 7 : Các quá trình và trạng thái tâm lý

Thời gian: 1 giờ (1LT)

1. Mục tiêu của bài:

Trình bày được cách phân loại hiện tượng tâm lý theo thời gian tồn tại

Phân biệt được các hiện tượng tâm lý thuộc quá trình tâm lý

Phân tích được hiện tượng ý thức

2. Nội dung của bài:

2.1. Các loại hiện tượng tâm lý theo thời gian tồn tại

2.1.1. Quá trình tâm lý

2.1.2. Trạng thái tâm lý

2.1.3. Thuộc tính tâm lý

2.2. Các quá trình tâm lý:

2.2.1. Cảm giác

2.2.2. Tri giác

2.2.3. Biểu tượng

2.2.4. Tư duy

2.3. Sự hình thành và phát triển ý thức

2.3.1. Khái niệm chung về ý thức

2.3.2. Sự hình thành và phát triển ý thức

2.4. Hoạt động:

2.4.1. Khái niệm chung về hoạt động

2.4.2 Những nét đặc trưng của hoạt động

2.4.3 Phân loại hoạt động

2.4.4 Cấu trúc của hoạt động

Chương 8: Tâm lý học nhân cách

Thời gian: 1 giờ (1LT)

1. Mục tiêu của bài:

Trình bày được các khái niệm về nhân cách.

Trình bày được mức độ, đặc điểm các loại cấu trúc nhân cách

Phân tích được sự hình thành nhân cách

2. Nội dung của bài:

2.1. Khái niệm về nhân cách

2.2. Các mức độ và đặc điểm nhân cách

- 2.2.1 Các mức độ của nhân cách
- 2.2.2 Các đặc điểm cơ bản của nhân cách
- 2.3. Cấu trúc nhân cách
 - 2.3.1. Các quan niệm về cấu trúc nhân cách
 - 2.3.2 Cấu trúc nhân cách đức và tài
 - 2.3.3. Giá trị nhân cách
- 2.4. Con đường hình thành nhân cách
 - 2.4.1. Giáo dục nhân cách
 - 2.4.2. Hoạt động và nhân cách
 - 2.4.3. Giao lưu và nhân cách
- 2.5. Tập thể và nhân cách

- Trong quá trình sống
- Hình thức phát triển cao nhất

Chương 9: Tâm lý bệnh nhân

Thời gian: 1 giờ (1LT)

1. Mục tiêu của bài:

Trình bày được khái niệm về bệnh tật và những ảnh hưởng của bệnh tật

Phân tích được những thay đổi về nhận thức và phản ứng khi bị bệnh

Trình bày được những biểu hiện tâm lý chung khi bị bệnh, nhân cách bệnh nhân

2. Nội dung của bài:

2.1. Khái niệm về bệnh tật

- Bệnh là những tổn thương thực thể hay cơ năng
- Tính chất của bệnh
- Tính toàn diện của bệnh tật

2.2. Ảnh hưởng của bệnh tật

- Bệnh ảnh hưởng đến tinh thần nhân cách bệnh nhân
- Bệnh ảnh hưởng đến người xung quanh

2.3. Quá trình nhận thức và phản ứng của bệnh nhân

2.3.1 Nhận thức cảm tính

2.3.2 Nhận thức lý tính

2.3.3 Các loại nhận thức

2.3.4 Các loại phản ứng

2.4. Tâm lý chung khi mắc bệnh

2.4.1. Bệnh nặng hay nhẹ

- 2.4.2. Bệnh phải chữa lâu hay mau
- 2.4.3. Ai là người chạy chữa cho mình
- 2.4.4. Khi phải nằm viện
- 2.5. Các yếu tố ảnh hưởng tâm lý người bệnh
- 2.5.1. Quá trình giao tiếp giữa thầy thuốc với bệnh nhân
- 2.5.2. Mối quan hệ thầy thuốc bệnh nhân
- 2.5.3. Môi trường và tâm lý người bệnh:
- 2.5.4. Những đặc điểm thái độ của bệnh nhân
- 2.6. Tìm hiểu nhân cách bệnh nhân
- 2.6.1. Thương tổn về xu hướng nhân cách
- 2.6.2. Sai sót về thuộc tính tính cách
- 2.6.3. Sai sót về thuộc tính năng lực
- 2.6.4. Sai sót về khí chất và các thành tố khác trong nhân cách
- 2.6.5. Sai sót chung về nhân cách

Chương 10: Tâm lý người thầy thuốc

Thời gian: 1 giờ (1LT)

1. Mục tiêu của bài:

Trình bày được các đặc điểm hoạt động của nghề y

Trình bày được một số phẩm chất nhân cách người thầy thuốc/điều dưỡng

Trình bày được sự hình thành và phát triển nhân cách của người thầy thuốc/điều dưỡng

2. Nội dung của bài:

2.1. Đặc điểm hoạt động của nghề y

2.1.1 Sự tiếp xúc thường xuyên với bệnh tật

2.1.2 Tính đa dạng, phức tạp của đối tượng hoạt động

2.1.3 Là một nghề nhân đạo

2.1.4 Mọi hành vi, cử chỉ, lời nói của thầy thuốc đều tác động mạnh mẽ đến người bệnh

2.1.5. Có sự trợ giúp của nhiều phương tiện công cụ

2.2. Một số phẩm chất nhân cách người thầy thuốc/điều dưỡng

2.2.1 Xu hướng nghề nghiệp của người thầy thuốc

2.2.2 Tính cách người thầy thuốc/điều dưỡng

2.2.3 Năng lực của người thầy thuốc/điều dưỡng:

2.2.4 Vấn đề đạo đức của người thầy thuốc

2.3. Hình thành và phát triển nhân cách người thầy thuốc

2.3.1. Xác lập mô hình nhân cách

2.3.2 Xác định mức độ phù hợp nghề nghiệp

2.3.3 Nhân cách hình thành, phát triển trong hoạt động

2.3.4 Hoàn thiện, phát triển nhân cách là một quá trình

2.4. Phẩm chất của người thầy thuốc/điều dưỡng

2.4.1 Các phẩm chất đạo đức

2.4.2. Các phẩm chất nghề nghiệp

2.4.3 Một số phẩm chất tâm lý khác

Chương 11: Giao tiếp của người điều dưỡng và người bệnh, người nhà bệnh nhân, cộng đồng và đồng nghiệp

Thời gian: 2 giờ (2LT)

1. Mục tiêu của bài:

Ứng dụng được các khái niệm, cơ sở xã hội của giao tiếp để giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp của người điều dưỡng.

Trình bày các yêu cầu giao tiếp giữa điều dưỡng và bệnh nhân

Trình bày các yêu cầu giao tiếp giữa điều dưỡng và người nhà bệnh nhân, điều dưỡng và cộng đồng, điều dưỡng và đồng nghiệp

2. Nội dung của bài:

2.1. Khái niệm về giao tiếp

- Giao tiếp bao gồm hàng loạt các yếu tố

- Một khía cạnh quan trọng khác của quá trình giao tiếp là sự ảnh hưởng, tác

- Hai xu hướng giao tiếp

- Khía cạnh của tri giác của giao tiếp

2.2. Giao tiếp là cơ sở xã hội của tâm lý

- Hoạt động tâm lý của con người

- Đặc điểm cơ bản của quá trình lĩnh hội

2.3. Giao tiếp giữa người điều dưỡng với bệnh nhân

2.3.1 Thái độ và lời nói của thầy thuốc/Điều dưỡng:

2.3.2 Tranh thủ tình cảm và lòng tin của bệnh nhân

2.3.3 Biết tiếp xúc với bệnh nhân

2.3.4 Biết tác động vào tâm lý bệnh nhân

2.3.5 Những kỹ năng giao tiếp tổng quát với bệnh nhân

2.3.6. Những điều cần tránh khi thầy thuốc/người điều dưỡng tiếp xúc với bệnh nhân:

2.4. Giao tiếp giữa người điều dưỡng với người nhà bệnh nhân

- Vấn đề này có một ý nghĩa tâm lý quan trọng
- Cũng ở đây cần nêu lên khía cạnh tiêu cực

2.5. Giao tiếp giữa người điều dưỡng với cộng đồng

2.5.1. Vai trò giao tiếp với sự hình thành tâm lý nhân cách

2.5.2. Khía cạnh tâm lý trong giao tiếp tại cộng đồng

2.6. Giao tiếp giữa người điều dưỡng với đồng nghiệp

2.6.1. Các yêu cầu giao tiếp với đồng nghiệp

2.6.2. Trách nhiệm đối với sự hành nghề

2.6.3. Các kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp

Chương 12: Tâm lý bệnh học

Thời gian: 0.5 giờ (0.5LT)

1. Mục tiêu của bài:

Xác định được mối quan hệ giữa tâm lý và bệnh lý

Trình bày được mối quan hệ tâm lý - thể chất, môi trường xã hội và bệnh lý

2. Nội dung của bài:

2.1. Khái niệm

2.1.1. Tâm lý học và y học có mối liên hệ mật thiết với nhau.

2.1.2. Các mặt cần tìm hiểu ở một con người

2.2. Mối quan hệ tâm và thể

2.2.1. Những quan niệm về tm v thể:

2.2.2. Mối quan hệ tâm - thể

2.2.3. Tâm lý học và bệnh lý

Chương 13: Stress tâm lý

Thời gian: 0.5 giờ (0.5LT)

1. Mục tiêu của bài:

Trình bày được khái niệm stress

Trình bày được giai đoạn trạng thái stress

2. Nội dung của bài:

2.1. Khái niệm về stress

- Stress như một đáp ứng

- Stress là một đáp ứng thích nghi

- Nếu đáp ứng của cá nhân với các yếu tố stress không đầy đủ, không thích hợp

2.2. Các giai đoạn của trạng thái stress

2.2.1. Giai đoạn báo động



2.2.2. Giai đoạn thích nghi

2.2.3. Giai đoạn kiệt quệ

2.3. Một số dạng đặc biệt của phản ứng stress

- Có sự tổn thương

- Sự đáp ứng với các nhân tố stress

Chương 14: Vệ sinh tâm lý

Thời gian: 0.5 giờ (0.5LT)

1. Mục tiêu của bài:

Hiểu được khái niệm vệ sinh tâm lý từng lứa tuổi

Trình bày các yêu cầu vệ sinh tâm lý theo lứa tuổi

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

- Chúng ta quan niệm

- Nhiệm vụ của vệ sinh tâm lý

2.2. Các yêu cầu vệ sinh tâm lý theo lứa tuổi

2.2.1. Vệ sinh tâm lý tuổi nhỏ

2.2.2. Vệ sinh tâm lý tuổi thiếu niên

2.2.3. Vệ sinh tâm lý lứa tuổi thanh niên và trưởng thành

2.2.4. Vệ sinh tâm lý người cao tuổi

2.2.5. Vệ sinh tâm lý lao động

2.2.6. Vệ sinh tâm lý trong sinh hoạt

2.2.7. Vệ sinh tâm lý gia đình

Chương 15: Liệu pháp tâm lý

Thời gian: 0.5 giờ (0.5LT)

1. Mục tiêu của bài:

Trình bày được những vấn đề cơ bản của liệu pháp tâm lý.

Trình bày được những liệu pháp tâm lý chủ yếu.

Trình bày được một số sai sót khi tiến hành liệu pháp tâm lý.

2. Nội dung của bài:

2.1. Những vấn đề cơ bản của liệu pháp tâm lý

2.1.1 Mục đích nhiệm vụ của liệu pháp tâm lý

2.1.2 Điều kiện của liệu pháp tâm lý

2.1.3 Yếu tố sinh vật và xã hội trong liệu pháp tâm lý

2.1.4 Phân tích và tổng hợp trong liệu pháp tâm lý

2.1.5 Điều trị nguyên nhân và điều trị triệu chứng

2.2. liệu pháp tâm lý

2.2.1. Liệu pháp tâm lý gián tiếp:

2.2.2 Liệu pháp tâm lý trực tiếp:

2.2.3 Phân tích khi ngủ

2.2.4 Liệu pháp nhóm

2.2.5 Liệu pháp tuân theo những quy định và sự học tập

2.3. Một số sai sót khi tiến hành liệu pháp tâm lý

- Trong giao tiếp

- Trong quá trình tiến hành liệu pháp tâm lý

- Nhiều khi các nhà liệu pháp bỏ qua

- Có những thầy thuốc

- hiểu khi cả thầy thuốc và người bệnh nóng vội

- Ngoài những thiếu sót nêu trên

Chương 16: Khái niệm đạo đức và đạo đức nghề nghiệp

Thời gian: 1 giờ (1LT)

1. Mục tiêu của bài:

Trình bày được các khái niệm về đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp

Trình bày được các đặc điểm cơ bản của đạo đức y học

2. Nội dung của bài:

2.1. Khái niệm về đạo đức xã hội

- Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội

- Quan niệm đạo đức

2.2. Khái niệm về đạo đức nghề nghiệp và đạo đức y học

2.2.1. Đạo đức nghề nghiệp:

2.2.2. Đạo đức y học

2.2.3. Vị trí, tầm quan trọng của y đức

Chương 17: Những nội dung đặc trưng của đạo đức người thầy thuốc Việt Nam & 12 điều y đức

Thời gian: 1 giờ (1LT-1KT)

1. Mục tiêu của bài:

Trình bày được 3 đặc trưng của bản chất đạo đức y học XHCN.

Trình bày được đạo đức của người thầy thuốc Việt Nam

Trình bày được 12 điều y đức của người thầy thuốc Việt Nam

2. Nội dung của bài:

2.1. Đặc trưng của đạo đức y học xhcn:

2.1.1. Đạo đức người thầy thuốc XHCN

2.1.2. Thầy thuốc phải có lòng nhân đạo

2.1.3. Thầy thuốc XHCN hành nghề vì mục đích trong sáng

2.2. Đạo đức của người cán bộ y tế

2.2.1. Các yêu cầu về đạo đức cá nhân của người điều dưỡng

2.2.2 Nghĩa vụ nghề nghiệp của người điều dưỡng:

2.3. Những quy định về y đức- 12 điều y đức (tiêu chuẩn đạo đức của người làm công tác y tế)

Kiểm tra định kỳ lần 2

Thời gian: 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: giảng đường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy vi tính, máy chiếu, micro

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, bảng, phấn, giấy, viết

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Trình bày được mục đích của giao tiếp.

Mô tả được 6 kỹ năng trong giao tiếp.

Trình bày được ưu, nhược điểm của 2 phương pháp TT – GDSK.

Nêu được vị trí tầm quan trọng của truyền thông trong công tác chăm sóc sức khỏe.

Trình bày được 10 vấn đề cơ bản để lập kế hoạch 1 buổi GDSK

Trình bày được khái niệm và bản chất của hiện tượng tâm lý

Trình bày được cách phân loại hiện tượng tâm lý theo thời gian tồn tại

Trình bày được mức độ, đặc điểm các loại cấu trúc nhân cách, những ảnh hưởng của bệnh tật, những biểu hiện tâm lý chung khi bị bệnh, nhân cách bệnh nhân

Trình bày được một số phẩm chất nhân cách người thầy thuốc/điều dưỡng, sự hình thành và phát triển nhân cách của người thầy thuốc/điều dưỡng

Trình bày các yêu cầu giao tiếp giữa điều dưỡng và bệnh nhân, các yêu cầu giao tiếp giữa điều dưỡng và người nhà bệnh nhân, điều dưỡng và cộng đồng, điều dưỡng và đồng nghiệp

Xác định được mối quan hệ giữa tâm lý và bệnh lý, mối quan hệ tâm lý - thể chất, môi trường xã hội và bệnh lý

Trình bày được khái niệm stress, giai đoạn trạng thái stress

Hiểu được khái niệm vệ sinh tâm lý từng lứa tuổi, các yêu cầu vệ sinh tâm lý theo lứa tuổi

Trình bày được những vấn đề cơ bản của liệu pháp tâm lý, những liệu pháp tâm lý chủ yếu, một số sai sót khi tiến hành liệu pháp tâm lý.

Trình bày được các khái niệm về đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp.

Trình bày được các đặc điểm cơ bản của đạo đức y học, 3 đặc trưng của bản chất đạo đức y học XHCN.

Trình bày được đạo đức của người thầy thuốc Việt Nam và 12 điều y đức của người thầy thuốc Việt Nam.

- Kỹ năng:

Ứng dụng được kỹ năng giao tiếp vào công tác giao tiếp với người bệnh, gia đình người bệnh, người dân tại cộng đồng.

Sử dụng được một số phương tiện dùng trong TT – GDSK.

Thực hiện được các kỹ năng truyền thông trực tiếp.

Tìm ra được các trở ngại thường gặp trong truyền thông – giáo dục sức khỏe.

Lập được 1 bản kế hoạch cho 1 buổi GDSK cụ thể.

Ứng dụng được các khái niệm, cơ sở xã hội của giao tiếp để giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp của người điều dưỡng.

Phân biệt được các hiện tượng tâm lý thuộc quá trình tâm lý

Phân tích được hiện tượng ý thức

Phân tích được những thay đổi về nhận thức và phản ứng khi bị bệnh

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tích cực tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến xây dựng bài trong học tập.

Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong thận trọng, chính xác trong giao tiếp, chăm sóc người bệnh.

Có tinh thần tự học và luôn học tập những kinh nghiệm của nhân viên y tế tại các cơ sở y tế để nâng cao trình độ chuyên môn.

2. Phương pháp đánh giá:

- Hình thức đánh giá: trắc nghiệm, vấn đáp hoặc thuyết trình theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.

+ Hình thức kiểm tra trắc nghiệm: Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án; chọn đáp án đúng hoặc sai.

+ Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án; chọn đáp án đúng hoặc sai.

- Điểm kiểm tra gồm 2 cột điểm: 1 cột thường xuyên và 1 cột định kỳ trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2.

+ Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút. Nội dung kiểm tra thuộc phần Tâm lý – Y đức.

+ Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm/ kiểm tra viết/ thuyết trình từ 45 đến 60 phút. Nội dung kiểm tra thuộc phần Kỹ năng giao tiếp – GDSK.

+ Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Y đức – GDSK sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng điều dưỡng chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Đối với giảng viên:

- Tổ chức dạy và học lý thuyết.

- Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Phối hợp các phương pháp dạy/học:

+ Thuyết giảng có minh họa

+ Thảo luận nhóm

- Đối với người học:

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

- Vận dụng kiến thức lý thuyết vào chăm sóc sức khỏe người bệnh.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trình bày được mục đích của giao tiếp.

Mô tả được 6 kỹ năng trong giao tiếp.

Trình bày được ưu, nhược điểm của 2 phương pháp TT – GDSK.

Nêu được vị trí tầm quan trọng của truyền thông trong công tác chăm sóc sức khỏe.

Trình bày được 10 vấn đề cơ bản để lập kế hoạch 1 buổi GDSK

Trình bày được khái niệm và bản chất của hiện tượng tâm lý

Trình bày được cách phân loại hiện tượng tâm lý theo thời gian tồn tại

Trình bày được mức độ, đặc điểm các loại cấu trúc nhân cách, những ảnh hưởng của bệnh tật, những biểu hiện tâm lý chung khi bị bệnh, nhân cách bệnh nhân

Trình bày được một số phẩm chất nhân cách người thầy thuốc/điều dưỡng, sự hình thành và phát triển nhân cách của người thầy thuốc/điều dưỡng

Trình bày các yêu cầu giao tiếp giữa điều dưỡng và bệnh nhân, các yêu cầu giao tiếp giữa điều dưỡng và người nhà bệnh nhân, điều dưỡng và cộng đồng, điều dưỡng và đồng nghiệp

Xác định được mối quan hệ giữa tâm lý và bệnh lý, mối quan hệ tâm lý - thể chất, môi trường xã hội và bệnh lý

Trình bày được khái niệm stress, giai đoạn trạng thái stress

Hiểu được khái niệm vệ sinh tâm lý từng lứa tuổi, các yêu cầu vệ sinh tâm lý theo lứa tuổi

Trình bày được những vấn đề cơ bản của liệu pháp tâm lý, những liệu pháp tâm lý chủ yếu, một số sai sót khi tiến hành liệu pháp tâm lý.

Trình bày được các khái niệm về đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp.

Trình bày được các đặc điểm cơ bản của đạo đức y học, 3 đặc trưng của bản chất đạo đức y học XHCN.

Trình bày được đạo đức của người thầy thuốc Việt Nam và 12 điều y đức của người thầy thuốc Việt Nam.

Ứng dụng được kỹ năng giao tiếp vào công tác giao tiếp với người bệnh, gia đình người bệnh, người dân tại cộng đồng.

Sử dụng được một số phương tiện dùng trong TT – GDSK.

Thực hiện được các kỹ năng truyền thông trực tiếp.

Tìm ra được các trở ngại thường gặp trong truyền thông – giáo dục sức khỏe.

Lập được 1 bản kế hoạch cho 1 buổi GDSK cụ thể.

Ứng dụng được các khái niệm, cơ sở xã hội của giao tiếp để giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp của người điều dưỡng.

Phân biệt được các hiện tượng tâm lý thuộc quá trình tâm lý

Phân tích được hiện tượng ý thức

Phân tích được những thay đổi về nhận thức và phản ứng khi bị bệnh

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo dục và nâng cao sức khỏe, NXB Y Học Hà Nội, 2007

[2]. Giáo trình SK-NCSK-HVCN, Trường CD Y tế Cần Thơ, 2010

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực tập Kỹ thuật điều dưỡng

Mã môn học: MH24A112120

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 0 giờ. Thực hành thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 43 giờ. Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ 1 năm thứ 2 trong chương trình đào tạo ngành, nghề Y sĩ cao đẳng chính quy.

- Tính chất: Trong môn học này, sinh viên sẽ được thực tập tại bệnh viện để thực hành toàn bộ những kỹ năng điều dưỡng đã được học ở mô đun Điều dưỡng cơ bản-kỹ thuật điều dưỡng. Đây cũng là môn học đầu tiên để sinh viên tiếp xúc với môi trường bệnh viện, tiếp xúc với bệnh nhân. Ngoài việc học các kỹ năng lâm sàng thì môn học này cũng chú ý tới việc học các quy trình làm việc trong bệnh viện, cách giao tiếp với bệnh nhân và người nhà.

II. Mục tiêu môn học:

1 Kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức tổng quan về kỹ thuật điều dưỡng
- Trình bày được mục đích, chỉ định, chống chỉ định của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.
- Trình bày được các bước thực hiện của các kỹ thuật điều dưỡng.
- Nêu được những tai biến có thể xảy ra khi thực các kỹ thuật, đưa ra hướng xử trí phù hợp.
- Nêu được những điểm cần lưu ý khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng.

2. Kỹ năng:

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh.
- Thực hiện đầy đủ và thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh.
- Thực hành đảm bảo sự an toàn, đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện, ổn định và liên tục.
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh.
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc đúng quy định.
- Thực hành chăm sóc phù hợp với văn hóa người bệnh; có đủ khả năng cung cấp và hợp tác trong chăm sóc, thông tin giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng; thực hiện các mối quan hệ hợp tác với nhóm chăm sóc sức khỏe.

3. Thái độ:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y sĩ và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Stt	Tên các bài trong môn học	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Thực tập lâm sàng tại khoa nội	45	0	43	2
	Cộng	45	0	43	2

2. Nội dung chi tiết:

Thực tập lâm sàng tại khoa nội

Thời gian: 45 giờ (43 TH-2 KT)

1. Mục tiêu:

Giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh và thân nhân người bệnh.

Nhận định đúng tình trạng của người bệnh

Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc cơ bản cho người bệnh.

Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc đúng quy định

Rèn luyện đạo đức người y sĩ, tác phong thận trọng, chính xác.

2. Chỉ tiêu thực tập:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
		Thực tập	Kiến tập	
1	Đo dấu sinh tồn	10 lần		

2	Rửa tay thường quy	10 lần		
3	Tiêm tĩnh mạch	05 lần		
4	Tiêm bắp	05 lần		
5	Tiêm trong da	01 lần		
6	Tiêm dưới da	05 lần		
7	Truyền dịch	05 lần		
8	Truyền máu	01 lần	01 lần	
9	Thay băng rửa vết thương	03 lần		
10	Thay băng vết thương có ống dẫn lưu	01 lần		
11	Cắt chỉ vết thương	01 lần		
12	Hướng dẫn bệnh nhân uống thuốc	10 lần		
13	Vận chuyển bệnh nhân	02 lần		
14	Vệ sinh cá nhân cho người bệnh (tắm, gội, chải răng miệng)	01 lần		
15	Lấy bệnh phẩm xét nghiệm	03 lần		
16	Cho người bệnh thở oxy	01 lần		
17	Hút đờm dãi cho người bệnh	01 lần		
18	Thông tiểu thường	01 lần	01 lần	
19	Dẫn lưu nước tiểu	01 lần	01 lần	
20	Rửa bàng quang	01 lần		
21	Hút dịch dạ dày	01 lần		
22	Rửa dạ dày	01 lần	01 lần	

23	Thụt tháo	01 lần		
24	Chườm nóng - chườm lạnh	01 lần		
25	Cho bệnh nhân ăn qua ống sonde	01 lần	01 lần	

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: khoa lâm sàng của cơ sở y tế tuyến huyện trở lên.

2. Trang thiết bị máy móc: máy đo huyết áp, máy truyền dịch tự động, bơm tiêm tự động, máy đo SpO2, máy hút đàm, ...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Kềm, kẹp phẫu tích, gòn viên, gạc, bông hạt đậu, nhiệt kế, đồng hồ, chén chung, ống sonde tiêu, ống sonde dạ dày, ly mức nước, que gòn, que đũa lược, bơm kim tiêm, thuốc tiêm, dịch truyền, chai máu giả định, dây truyền dịch, dây truyền máu, dung dịch sát khuẩn, nước muối sinh lý,...

4. Các điều kiện khác: Người học phải được học trước các môn: Giải phẫu, Sinh lý, Vi sinh – KST, Dược lý, Điều dưỡng cơ bản-Kỹ thuật điều dưỡng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Mục đích của các kỹ thuật điều dưỡng

Chỉ định, chống chỉ định của các kỹ thuật

Những tai biến có thể xảy ra đối với từng loại kỹ thuật.

Những điều cần lưu ý khi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng

- Kỹ năng:

Thực hiện đầy đủ và thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh.

Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh.

Thực hành đảm bảo sự an toàn, đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện, ổn định và liên tục.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật.

Tác phong chuẩn mực, cẩn trọng và chính xác.

2. Phương pháp:

- Hình thức đánh giá: vấn đáp, kỹ năng thực hiện kỹ thuật điều dưỡng trên người bệnh kết hợp với đánh giá chuyên cần theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1):

+ Số cột: 01 cột

+ Hình thức: Vấn đáp trong giờ học hoặc báo cáo bài tập do giảng viên phân công trong quá trình thực tập kết hợp với đánh giá chuyên cần.

- Kiểm tra định kỳ (hệ số 2):

+ Số cột: 01 cột

+ Hình thức:

- Kiểm tra kết thúc môn học (thi kết thúc môn học):

+ Số cột: 01 cột

+ Hình thức: Đánh giá kỹ năng thực hiện một trong các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản trên người bệnh thông qua bảng kiểm.

- Tính điểm môn học:

+ Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

+ Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm.

+ Điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4 theo phương thức tích lũy tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học Thực tập kỹ thuật điều dưỡng sử dụng để giảng dạy ngành, nghề Y sĩ trình độ cao đẳng chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Đối với giảng viên:

- Tổ chức dạy và học tích hợp.

- Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Phối hợp các phương pháp dạy/học:

+ Thuyết trình có minh họa

+ Đặt vấn đề và giải quyết vấn đề

+ Thao tác mẫu

Đối với người học:

- Thực hiện đúng theo Quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ áp dụng cho khoá học đó.

- Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học. Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm 0 (điểm không) ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó”.

- Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.

- Vận dụng kiến thức lý thuyết vào chăm sóc sức khoẻ người bệnh.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Những trọng tâm cần lưu ý được cụ thể hóa ở mục tiêu của mỗi bài.

4. Tài liệu tham khảo:

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh chuyên ngành

Mã môn học: MH24A112221

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận/bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học Tiếng Anh chuyên ngành là môn học cơ sở ngành, được bố trí ở học kỳ 3, năm thứ II trong chương trình đào tạo ngành Y sĩ trình độ Cao đẳng chính quy.

- Tính chất: Môn học Tiếng Anh chuyên ngành là môn lý thuyết.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức:

+ Đọc, dịch được các bài khóa về sự tuần hoàn và tim, bệnh hen suyễn, bệnh tiêu đường, chức năng của các bộ phận cơ thể.

+ Nghe, nói, viết được bằng Tiếng Anh những chủ điểm liên quan đến các bộ phận cơ thể, các triệu chứng bệnh thông thường, thống kê số liệu và dấu hiệu sinh tồn, mô tả các chấn thương, những hướng dẫn trong trường hợp cấp cứu hen suyễn ở mức độ cơ bản.

+ Sử dụng được các tiền tố và hậu tố thông dụng trong các thuật ngữ y khoa.

- Kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ chuyên ngành khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các bộ phận cơ thể, các triệu chứng bệnh thông thường, sự tuần hoàn, cấu trúc và hoạt động của tim, thống kê số liệu và dấu hiệu sinh tồn, những hướng dẫn trong trường hợp cấp cứu hen suyễn.

+ Kỹ năng nói: Vận dụng Tiếng Anh để giao tiếp với bệnh nhân trong những tình huống liên quan đến các chủ đề chuyên ngành ở mức độ cơ bản.

+ Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề liên quan đến các bộ phận cơ thể, các triệu chứng bệnh thông thường, sự tuần hoàn, cấu trúc và hoạt động của tim, dấu hiệu sinh tồn.

+ Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản về các chủ đề trong khóa học.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh chuyên ngành nói riêng.

+ Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng Tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Parts of the body 1A. Vocabulary: Parts of the body 1B. Speaking: Describing radiation of pain 1C. Reading: The abdomen and the chest 1D. Writing: Anatomical terms 1E. Language: Present Simple and Present Continuous	7	7 2 1 2 1 1	0	
2	Bài 2: Symptoms 2A. Vocabulary: Symptoms and Injuries 2B. Speaking: Asking about symptoms and injuries 2C. Reading: Asthma emergency - Giving instructions 2D. Writing: Writing a symptom report 2E. Language: Past Simple and Past Continuous	7	7 2 1 2 1 1	0	
3	Bài 3: Vital signs 3A. Vocabulary: Statistics and Vital signs 3B. Speaking: Describing vital signs 3C. Reading: Circulation and the heart	7	7 2 1 2	0	

	3D. Writing: Equipment to take vital signs 3E. Language: will + infinitive for future		1 1		
4	Bài 4: Health problems 4A. Vocabulary: Health problems 4B. Speaking: I don't feel well 4C. Reading: Diabetes 4D. Writing: He specializes in ... 4E. Language: Medical terms	7	7 1 1 2 1 2	0	
5	Consolidation and test	2	0	0	2
	Cộng	30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Parts of the body (Các bộ phận cơ thể)

Thời gian 7 giờ (LT 7, TH 0)

1. Mục tiêu:

- Kể tên và mô tả chức năng của các bộ phận chính của cơ thể.
- Mô tả cơn đau qua vị trí nội tạng cơ thể.
- Thực hành các thuật ngữ giải phẫu.
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các bộ phận cơ thể - tên Tiếng Anh thông thường và từ giải phẫu.
- Viết từ, cụm từ và phân nhóm được các bộ phận thuộc phần đầu, thân và các chi.
- Sử dụng được thì Hiện tại đơn và Hiện tại tiếp diễn.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến các bộ phận cơ thể.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì Hiện tại đơn (Present Simple).

2.2.2. Thì Hiện tại tiếp diễn (Present Continuous).

2.2.3. Bài tập điền từ.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

Nghe và trả lời câu hỏi về các bộ phận cơ thể.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành mô tả chỗ đau.

2.4.2. Luyện tập đóng vai theo cặp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: The abdomen and the chest.

2.5.2. Bài tập trả lời câu hỏi.

2.5.3. Bài tập điền tên vào sơ đồ.

2.5.4. Bài tập kết nối từ, cụm từ.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết từ, cụm từ và phân nhóm được các bộ phận thuộc phần đầu, thân và các chi.

Bài 2: Symptoms (Triệu chứng)

Thời gian 7 giờ (LT 7, TH 0)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các triệu chứng và chấn thương.
- Hoàn thành hồ sơ bệnh nhân.
- Thực hành các hướng dẫn trong trường hợp cấp cứu hen suyễn.
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về bệnh hen suyễn.
- Viết báo cáo ngắn về triệu chứng của bệnh nhân dựa trên tình huống gợi ý.
- Sử dụng được thì Quá khứ đơn và Quá khứ tiếp diễn.

2. Nội dung của bài:

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các từ vựng liên quan đến các triệu chứng và chấn thương.

2.1.2. Các cụm từ hướng dẫn người bệnh.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì Quá khứ đơn (Past Simple).

2.2.2. Thì Quá khứ tiếp diễn (Past Continuous).

2.2.3. Bài tập điền từ.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

Nghe và trả lời câu hỏi về các triệu chứng của bệnh nhân hen suyễn.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành các mẫu câu hỏi về triệu chứng của người bệnh.

2.4.2. Bài tập thảo luận.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Asthma emergency - Giving instructions.

2.5.2. Bài tập kết nối.

2.5.3. Bài tập điền từ.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết báo cáo ngắn về triệu chứng của bệnh nhân dựa trên tình huống gợi ý.

Bài 3: Vital signs (Dấu hiệu sinh tồn)

Thời gian 7 giờ (LT 7, TH 0)

1. Mục tiêu:

- Kể tên các trang thiết bị y tế dùng để theo dõi, đo dấu hiệu sinh tồn.
- Trình bày được một số hướng dẫn trong quá trình thực hiện kiểm tra dấu hiệu sinh tồn.
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về tuần hoàn và tim.
- Viết các câu ngắn về công dụng của các thiết bị, các thông số đo dấu hiệu sinh tồn.
- Sử dụng được thì Tương lai đơn (will+infinitive).

2. Nội dung của bài

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các từ vựng liên quan đến số liệu thống kê và dấu hiệu sinh tồn.

2.1.2. Các cụm từ hướng dẫn đo các chức năng cơ bản của cơ thể.

2.1.3. Sơ đồ trái tim.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì Tương lai đơn (will + infinitive).

2.2.2. Bài tập điền từ.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

Nghe và trả lời câu hỏi về ký hiệu viết tắt cho sinh hiệu như BP, RR, ...

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thảo luận về cách thức mà các yếu tố gợi ý có thể ảnh hưởng đến các dấu hiệu sinh tồn của một người bệnh.

2.4.2. Bài tập nhóm, cặp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Circulation and the heart; Smoking and cardiovascular disease.

2.5.2. Bài tập True/False.

2.5.3. Bài tập điền từ.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết các câu ngắn về công dụng của các thiết bị, các thông số đo dấu hiệu sinh tồn.

Bài 4: Health problems (Các vấn đề sức khỏe)

Thời gian 7 giờ (LT 7, TH 0)

1. Mục tiêu:

- Sử dụng được từ vựng về các vấn đề sức khỏe.
- Phân biệt và sử dụng được tiền tố, hậu tố trong thuật ngữ y khoa.
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về bệnh tiểu đường.
- Luyện tập được các mẫu câu nói về tình trạng sức khỏe.
- Viết các câu ngắn mô tả công việc của các bác sĩ chuyên khoa.

2. Nội dung của chương

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các từ vựng liên quan đến vấn đề sức khỏe.

2.1.2. Các từ vựng về bệnh tiểu đường.

2.1.3. Tiền tố và hậu tố trong thuật ngữ y khoa.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Bài tập mở rộng vốn từ chuyên ngành với tiền tố, hậu tố.

2.2.2. Bài tập điền từ.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

Nghe và trả lời câu hỏi về tình trạng sức khỏe của một người.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Đóng vai luyện tập tình huống hỏi thăm sức khỏe và thăm khám bệnh.

2.4.2. Bài tập thực hành mẫu câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Diabetes.

2.5.2. Bài tập trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết các câu ngắn mô tả công việc của các bác sĩ chuyên khoa.

Kiểm tra

Thời gian 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng

- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng)

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, loa.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên/Giảng viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học như máy tính, tranh ảnh, thuyết trình ngắn có minh họa, làm việc nhóm, cặp.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin trong các tình huống theo yêu cầu.
- Kỹ năng nói: Sử dụng những mẫu câu hỏi thăm sức khỏe, kiểm tra triệu chứng, đo dấu hiệu sinh tồn của bệnh nhân.
- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.
- Kỹ năng viết: Viết câu về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

- **Hình thức đánh giá:** trắc nghiệm, kiểm tra viết, bài tập nhóm hoặc thuyết trình theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.

+ *Kiểm tra:* Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án; chọn đáp án đúng hoặc sai; kiểm tra viết, bài tập nhóm có xác nhận tham gia.

Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết.

Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng các hình thức: kiểm tra trắc nghiệm/ kiểm tra viết. GV có thông báo trước.

Điểm kiểm tra gồm: ít nhất 1 cột điểm thường xuyên và ít nhất 1 cột điểm định kỳ trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2.

+ *Thi kết thúc môn học:* Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án; chọn đáp án đúng hoặc sai.

- Tính điểm môn học:

+ Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

+ Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm.

+ Điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4 theo phương thức tích lũy tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh chuyên ngành là một trong các môn học trong chương trình đào tạo ngành, nghề Y sĩ trình độ cao đẳng chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm.

- Đối với người học: Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học. Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm 0 (điểm không) ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó. Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Bên cạnh việc học 30 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học 60 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học cải thiện được vốn từ vựng chuyên ngành Y sĩ trình độ cao đẳng.

4. Tài liệu tham khảo

[1] Dr. Duy (2018). *Thuật ngữ Y khoa Tiếng Anh*. NXB: University of Medicine and Pharmacy-Ho Chi Minh City.

[2] Ehrlich, Ann & Schroeder, Caro L. (2009). *Medical Terminology for Health Professions*. Delmar Cengage Learning.

[3] Eric H. Glendinning, Ron Howard (2007). *Professional English in Use: Medicine*. Cambridge University Press.

[4] Maria Spada Symonds and Ros Wright (2011). *English for Nursing 2*. Pearson Education.

[5] Tony Grice (2009). *Oxford English for Careers: Nursing 1*. Oxford University Press, USA.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CẤP CỨU BAN ĐẦU

Mã môn học: MH24A113222

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học cấp cứu ban đầu là môn học chuyên ngành, được bố trí ở học kỳ 1 năm thứ 2 trong chương trình đào tạo nghề y sĩ.

- Tính chất: Môn học cấp cứu ban đầu là một trong những nội dung quan trọng của đào tạo nghề y sĩ để xử trí các trường hợp cấp cứu thường gặp và được ứng dụng rộng rãi trên thực tế.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được kiến thức về cấp cứu ban đầu: các trường hợp cấp cứu, phân loại, dấu hiệu, triệu chứng, mức độ nguy hiểm, mục đích, nguyên tắc xử trí cấp cứu.

+ Giải thích tầm quan trọng của cấp cứu ban đầu trong từng trường hợp cấp cứu cụ thể.

+ Lựa chọn được phương pháp cấp cứu thích hợp cho từng trường hợp cụ thể.

+ Áp dụng được kiến thức các chuyên ngành nội, ngoại, sản, nhi và các chuyên khoa khác khi tiếp cận nạn nhân và xử lý nhanh chóng.

- Kỹ năng:

+ Thao tác được quy trình các kỹ thuật cấp cứu ban đầu.

+ Phối hợp được các kỹ thuật cấp cứu để đạt hiệu quả cao nhất khi cấp cứu nạn nhân

+ Giao tiếp tốt với tốt với nhân viên y tế, bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân.

+ Vận dụng được kiến thức đã học khi tiến hành tiếp cận nạn nhân, xử lý có hiệu quả các tình huống đã xảy ra.

+ Có khả năng làm việc nhóm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tích cực tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến xây dựng bài trong học tập.

+ Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương nhưng thận trọng, chính xác trong cấp cứu, giao tiếp, chăm sóc người bệnh.

+ Có tinh thần tự học và luôn học tập những kinh nghiệm của nhân viên y tế tại các cơ sở y tế để nâng cao trình độ chuyên môn.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm,	Kiểm tra

				thảo luận, bài tập	
1	<p>Chương 1: CÔNG TÁC TỔ CHỨC CẤP CỨU HÀNG LOẠT</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>1.1. Sơ cứu:</p> <p>1.2. Cấp cứu ban đầu</p> <p>1.3. Cấp cứu hàng loạt</p> <p>2. Đặc điểm:</p> <p>2.1. Cấp cứu ban đầu</p> <p>2.2. Cấp cứu hàng loạt:</p> <p>3. Mục đích:</p> <p>3.1. Cấp cứu ban đầu</p> <p>3.2. Cấp cứu hàng loạt</p> <p>4. Trách nhiệm của người cấp cứu</p> <p>5. Nguyên tắc cấp cứu ban đầu</p> <p>6. Đặc điểm công tác cấp cứu hàng loạt</p> <p>7. Hướng dẫn gọi cấp cứu 115</p> <p>8. Thăm khám người bị nạn</p> <p>9. Tổ chức công tác cấp cứu hàng loạt tại bệnh viện</p>	1	1	0	0
2	<p>Chương 2: PHÂN LOẠI CHỌN LỌC NẠN NHÂN</p> <p>1. Đại cương</p> <p>1.1. Tiến hành trong tình thế đặc biệt</p> <p>1.2. Cô đọng</p> <p>1.3. Thiếu an toàn và điều kiện</p> <p>2. Cơ sở trong công tác chọn lọc</p> <p>2.1. Tiêu chuẩn chính</p> <p>2.2. Phân loại</p> <p>2.3. Hậu quả của tổn thương đến các cơ quan</p> <p>3. Tổ chức phân loại</p> <p>4. Kết luận</p>	1	1	0	0
3	<p>Chương 3: VẬN CHUYỂN NẠN NHÂN</p> <p>1. Nguyên tắc chung</p> <p>2. Phương pháp vận chuyển người bệnh</p> <p>2.1. Chuẩn bị người bệnh</p> <p>2.2. Chuẩn bị dụng cụ phương tiện</p> <p>2.3. Các phương pháp vận chuyển người</p>	3	1	2	0

	bệnh 3.Những điểm cần lưu ý				
4	<p>Chương 4: SƠ CỨU CHẢY MÁU</p> <p>1. Dấu hiệu mất máu nhiều</p> <p>2. Phân loại chảy máu:</p> <p>2.1. Chảy máu ngoài</p> <p>2.2. Chảy máu trong</p> <p>3. Chẩn đoán vết thương mạch máu:</p> <p>3.1. Vết thương động mạch</p> <p>3.2. Vết thương tĩnh mạch</p> <p>3.3. Vết thương mao mạch</p> <p>4. Sơ cứu nạn nhân chảy máu ngoài:</p> <p>4.1. Phương pháp băng ép</p> <p>4.2 Phương pháp băng nhồi</p> <p>4.3 Phương pháp gấp chi tối đa</p> <p>4.4. Phương pháp garô cầm máu</p> <p>4.4.1. Nguyên tắc đặt garô</p> <p>4.4.2. Tiến hành</p> <p>5. Theo dõi phát hiện và chăm sóc nạn nhân chảy máu trong</p>	4	1	3	0
5	<p>Chương 5: PHƯƠNG PHÁP CẤP CỨU HỒI SINH TIM PHỔI CƠ BẢN Ở NGƯỜI LỚN</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Quy trình cấp cứu hồi sinh tim phổi ở người lớn</p> <p>2.1. Bước 1</p> <p>2.2. Bước 2</p> <p>2.3. Bước 3</p> <p>2.4. Bước 4</p> <p>3. Một số chú ý trong cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản</p>	6	1	5	0
6	<p>Chương 6: SƠ CỨU NẠN NHÂN GÃY XƯƠNG</p> <p>1. Triệu chứng chung:</p> <p>1.1. Đau</p> <p>1.2. Sung nề bầm tím</p> <p>1.3. Giảm hoặc mất vận động</p> <p>1.4. Biến dạng trục của chi</p> <p>1.5. Có tiếng lạo xạo xương gãy</p> <p>1.6. Cử động bất thường</p> <p>2. Mục đích và nguyên tắc cố định gãy</p>	11	1	9	1

	<p>xương</p> <p>2.1. Mục đích</p> <p>2.2. Nguyên tắc</p> <p>3. Dụng cụ để cố định gãy xương:</p> <p>3.1. Nẹp cố định</p> <p>3.2. Băng</p> <p>3.3. Băng</p> <p>3.4. Hộp thuốc cấp cứu cáng phiếu chuyên thương nếu có</p> <p>4. Gãy xương chi trên:</p> <p>4.1. Gãy xương hàm dưới</p> <p>4.2. Gãy xương đòn</p> <p>4.3. Gãy xương cánh tay</p> <p>4.4. Gãy xương cẳng tay</p> <p>4.5. Gãy xương ức và xương sườn</p> <p>5. Gãy xương chi dưới:</p> <p>5.1. Gãy cột sống</p> <p>5.2. Vỡ xương chậu</p> <p>5.5. Gãy xương đùi</p> <p>5.6. Gãy xương cẳng chân</p>				
7	<p>Chương 7: KỸ THUẬT BĂNG BÓ</p> <p>1. Băng cuộn:</p> <p>1.1. Vật liệu để làm băng</p> <p>1.2. Cách làm băng</p> <p>1.3. Cách sử dụng cuộn băng</p> <p>1.3.1. Nguyên tắc băng</p> <p>1.3.2. Các kiểu băng cơ bản</p> <p>1.4. Ứng dụng các kiểu băng cơ bản để băng các vết thương trên cơ thể</p> <p>2. Băng tam giác:</p> <p>2.1. Băng treo:</p> <p>2.1.1. Kiểu rộng</p> <p>2.1.2. Kiểu hẹp</p> <p>2.2. Băng mặt</p> <p>2.3. Băng đỉnh đầu</p> <p>2.4. Băng bàn tay</p> <p>2.5. Băng khuỷu tay</p> <p>3. Băng có dải:</p> <p>3.1. Băng chữ T</p> <p>3.2. Băng 4 dải</p> <p>3.3. Băng nhiều dải</p> <p>4. Băng dính</p> <p>5. Theo dõi biến đổi tuần hoàn chi sau băng</p>	11	1	10	0

8	<p>Chương 8: SỐC CHẤN THƯƠNG</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân gây sốc chấn thương 3. Các rối loạn chức năng trong sốc <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Rối loạn chức năng tuần hoàn 3.2. Rối loạn hô hấp 3.3. Rối loạn chức năng gan 3.4. Rối loạn chức năng thận 3.5. Rối loạn nội tiết 3.6. Rối loạn chức năng thần kinh 3.7. Rối loạn đông máu 4. Triệu chứng lâm sàng <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Sốc nguyên phát 4.2. Sốc thứ phát 5. Biến chứng của sốc chấn thương 6. Nguyên tắc điều trị sốc chấn thương 	2	2	0	0
9	<p>Chương 9: ĐẠI CƯƠNG GÃY XƯƠNG</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Gãy xương chấn thương <ol style="list-style-type: none"> 2.1.1. Gãy xương trực tiếp 2.1.2. Gãy xương gián tiếp 2.2. Gãy xương bệnh lý 2.3. Gãy xương do mỏi (do stress) 2.4. Ảnh hưởng của giới tính và tuổi tác đến loại gãy xương 3. Phân loại <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Gãy xương kín 3.2. Gãy xương hở 4. Triệu chứng <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Lâm sàng 4.2. Cận lâm sàng 5. Biến chứng 6. Biện pháp xử trí cấp cứu gãy xương do chấn thương 7. Nguyên tắc điều trị gãy xương 	1	1	0	0
10	<p>Chương 10: VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Phân loại 3. Vết thương đâm chọc nhỏ (vết thương loại 1) 4. Vết thương cắt gọn (vết thương loại 2) 5. Vết thương dập nát (vết thương loại 3) 6. Điều trị 7. Xử trí tại nơi xảy ra tai nạn và tại phòng 	1	1	0	0

	<p>cấp cứu</p> <p>8. Xử trí chính thức vết thương</p> <p>Săn sóc sau mổ</p>				
11	<p>Chương 11: BỎNG</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Nguyên nhân</p> <p>3. Do nhiệt độ cao</p> <p>3.1. Do hoá chất:</p> <p>3.2. Do tia vật lý</p> <p>3.3. Các nguyên nhân khác.</p> <p>4. Phân loại bỏng</p> <p>4.1. Dựa vào diện tích</p> <p>4.1. Dựa vào độ sâu</p> <p>4.2. Bỏng nông.</p> <p>4.3. Bỏng sâu.</p> <p>4.4. Tiên lượng</p> <p>4.5. Dựa vào tác nhân gây bỏng</p> <p>4.6. Dựa vào diện tích và độ sâu</p> <p>4.7. Dựa vào vị trí</p> <p>4.8. Diễn biến</p> <p>4.9. Giai đoạn sóc:</p> <p>4.10. Giai đoạn nhiễm độc cấp tính:</p> <p>4.11. Giai đoạn nhiễm trùng</p> <p>4.12. Giai đoạn hồi phục Sơ cứu bỏng</p>	1	1	0	0
12	<p>Chương 12: CẤP CỨU NGƯỜI BỊ ĐIỆN GIẬT</p> <p>1. Cơ chế tổn thương do điện giật</p> <p>2. Các tổn thương khi bị điện giật</p> <p>3. Xử trí cấp cứu người bị điện giật</p> <p>4. Theo dõi và tiên lượng điện giật</p> <p>5. Các biện pháp phòng chống điện giật</p>	1	1	0	0
13	<p>Chương 12: CẤP CỨU NGƯỜI BỊ ĐUỐI NƯỚC</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Nguyên nhân chính dẫn đến đuối nước</p> <p>3. Xử trí cấp cứu người bị đuối nước</p> <p>4. Nhanh chóng đưa nạn nhân ra khỏi mặt nước .</p> <p>5. Sơ cấp cứu sau khi đưa nạn nhân lên bờ</p> <p>6. Chăm sóc tại chỗ và chuyển đến cơ sở y tế gần nhất khi nạn nhân tỉnh lại.</p> <p>7. Các biện pháp phòng tránh đuối nước</p>	1	1	0	0

14	Kiểm tra	1	0	0	1
	Cộng	45	14	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: CÔNG TÁC TỔ CHỨC CẤP CỨU HÀNG LOẠT

Thời gian: 1 giờ (LT)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, mục đích của cấp cứu ban đầu, cấp cứu hàng loạt.

+Phân tích được trách nhiệm của người cấp cứu.

+Trình bày được nguyên tắc cấp cứu ban đầu.

+Trình bày được đặc điểm của công tác cấp cứu hàng loạt.

- Kỹ năng:

+Sử dụng thành thạo cuộc gọi cấp cứu 115

+Thực hành được cách khám tổng quát một nạn nhân.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: tích cực, chủ động trong quá trình học.

2. Nội dung bài:

2.1. Định nghĩa

2.1.1. Sơ cứu

- Là những trợ giúp hay chữa trị ban đầu trước khi có nhân viên y tế

2.1.2. Cấp cứu ban đầu

- Là kỹ năng trợ giúp ban đầu dành cho người bị chấn thương hay bệnh bất ngờ trước khi nạn nhân được sự chăm sóc của nhân viên y tế

2.1.3. Cấp cứu hàng loạt

- Là khi có cấp cứu một số lượng lớn nạn nhân trên 20 người

2.2. Đặc điểm:

2.2.1. Cấp cứu ban đầu

- Có tính tức thời và tạm thời

2.2.2. Cấp cứu hàng loạt:

- Gặp nhiều khó khăn vì số lượng nạn nhân lớn

2.3. Mục đích:

2.2.1.Cấp cứu ban đầu

- Duy trì sự sống cho nạn nhân.

2.2.2.Cấp cứu hàng loạt

- Cấp cứu với mục đích làm tỉ lệ tử vong và thương tật ở mức độ thấp nhất

2.4.Trách nhiệm của người cấp cứu

- Đánh giá tình hình nhanh chóng,kêu gọi sự hỗ trợ

2.5.Nguyên tắc cấp cứu ban đầu:

Hành động theo trình tự Check,Call,Care

2.5.1. Check

- Kiểm tra hiện trường

2.5.2. Call

- Nếu nạn nhân không trả lời,và có hai người cấp cứu thì một người gọi cấp cứu 115,người còn lại bắt đầu CPR

2.5.3. Care

- Sau khi nạn nhân qua khỏi nguy hiểm,chăm sóc,điều trị vết thương

2.6.Đặc điểm công tác cấp cứu hàng loạt

2.6.1. Cấp cứu tại nơi xảy ra tai nạn

2.6.2.Cấp cứu theo dây chuyền

2.6.3. Phân loại chọn lọc nạn nhân

2.6.4. Tổ chức cấp cứu cần theo hệ thống chỉ đạo cấp trên

2.6.5. Tự tạo phương tiện thích hợp để cấp cứu

2.6.6. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn

2.6.7. Cần có sự phối hợp với địa phương

2.7.Hướng dẫn gọi cấp cứu 115

- Hệ thống cấp cứu y tế ngoài bệnh viện

2.8.Thăm khám người bị nạn

2.9.Tổ chức công tác cấp cứu hàng loạt tại bệnh viện

- Bệnh viện có đầy đủ phương tiện để giải quyết cấp cứu từ tuyến dưới chuyển đến

Chương 2: PHÂN LOẠI CHỌN LỌC NẠN NHÂN

Thời gian: 1 giờ (LT)

1.Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- +Trình bày đặc điểm, phân loại, chọn lọc nạn nhân.
- +Nêu các tiêu chuẩn và các mức độ phân loại, chọn lọc nạn nhân.
- +Trình bày yêu cầu của công tác tổ chức phân loại chọn lọc nạn nhân.
- Kỹ năng: Phân loại, chọn lọc nạn nhân trong cấp cứu.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: tích cực, chủ động trong quá trình học.

2. Nội dung bài:

2.1. Đại cương

- Công tác cấp cứu hàng loạt có những khó khăn

2.1.1. Tiến hành trong tình thế đặc biệt

- Nạn nhân về hàng loạt

2.1.2. Cô đọng

- Dồn dập trong thời gian nhất định

2.1.3. Thiếu an toàn và điều kiện

- Y tế chuyển từ phục vụ một người sang phục vụ nhiều người

2.2. Cơ sở trong công tác chọn lọc

2.2.1. Tiêu chuẩn chính

- Tác động của tổn thương đến các chức năng sinh lý quan trọng hơn là vị trí của nơi tổn thương

2.2.2. Phân loại

- Mục đích: sắp xếp nạn nhân để công việc cấp cứu có hiệu quả nhất và cứu được nhiều người nhất

2.2.3. Hậu quả của tổn thương đến các cơ quan

- Tuần hoàn: giảm khối lượng tuần hoàn

2.3. Tổ chức phân loại

- Bác sĩ ngoại khoa chịu trách nhiệm phân loại

2.4. Kết luận

- Mỗi tuyến cần phân loại nạn nhân chính xác

Chương 3: VẬN CHUYỂN NẠN NHÂN

Thời gian: 3 giờ (1LT+2 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- +Trình bày được các nguyên tắc chung của phương pháp vận chuyển bệnh nhân.
- +Thực hiện được các phương pháp vận chuyển người bệnh đúng quy trình kỹ thuật.

+Trình bày được các tư thế người bệnh khi vận chuyển.

- Kỹ năng: vận chuyển nạn nhân đúng kỹ thuật

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: tích cực, chủ động trong quá trình học.

2. Nội dung bài:

2.1. Nguyên tắc chung

- Chỉ được di chuyển người bệnh khi có chỉ định

2.2. Phương pháp vận chuyển người bệnh

2.2.1. Chuẩn bị người bệnh

- Giải thích cho người bệnh và người nhà

2.2.2. Chuẩn bị dụng cụ phương tiện

- Đầy đủ dụng cụ, giấy tờ cần thiết

2.2.3. Các phương pháp vận chuyển người bệnh

2.3. Những điểm cần lưu ý

Chương 4: : SƠ CỨU CHẢY MÁU

Thời gian: 4 giờ (1LT+3TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được dấu hiệu và phân loại chảy máu.

+ Nêu được cách chẩn đoán vết thương mạch máu.

+ Trình bày được các biện pháp sơ cứu nạn nhân chảy máu.

- Kỹ năng: Tiến hành sơ cứu cho nạn nhân chảy máu đúng kỹ thuật

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: tích cực, chủ động trong quá trình học.

2. Nội dung bài:

2.1. Dấu hiệu mất máu nhiều

- Người bệnh hoảng hốt, ý thức lú lẫn, vật vã kích thích hoặc li bì

2.2. Phân loại chảy máu:

2.2.1. Chảy máu ngoài

- Là máu chảy ra từ các cơ quan, tổ chức bên ngoài cơ thể

2.2.2. Chảy máu trong

- Là máu chảy ra từ vết thương ở các cơ quan

2.3. Chẩn đoán vết thương mạch máu:

2.3.1. Vết thương động mạch

- Máu chảy nhiều, phụt thành tia, mạnh lên khi mạch đập

2.3.2. Vết thương tĩnh mạch

- Máu màu đỏ sẫm

2.3.3. Vết thương mao mạch

- Máu chảy ra số lượng ít, tốc độ rỉ rỉ

2.4. Sơ cứu nạn nhân chảy máu ngoài:

- Tuỳ theo tình hình cụ thể của vết thương để sử dụng một trong các biện pháp xử trí sau để cầm máu

2.4.1. Phương pháp băng ép

- Áp dụng: các vết thương tĩnh mạch, mao mạch hoặc những vết thương động mạch nhỏ

2.4.2 Phương pháp băng nhồi

- Áp dụng: các vết thương miệng rộng hoặc vết thương sâu nhưng trong vết thương không còn dị vật

2.4.3 Phương pháp gấp chi tối đa

- Áp dụng: vết thương mạch máu ở chi như động mạch cánh tay, động mạch cẳng tay, động mạch đùi, động mạch cẳng chân nhưng chi đó không bị gãy

2.4.4. Phương pháp garô cầm máu

- Vết thương động mạch.

2.4.4.1. Nguyên tắc đặt garô

- Không garô chặt quá hoặc lỏng quá

2.4.4.2. Tiến hành

- Ấn động mạch để cầm máu tạm thời

2.5. Theo dõi phát hiện và chăm sóc nạn nhân chảy máu trong

Chương 5: PHƯƠNG PHÁP CẤP CỨU HỒI SINH TIM PHỔI CƠ BẢN Ở NGƯỜI LỚN

Thời gian: 6 giờ (1LT+5TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+Trình bày được đại cương về ngưng hô hấp-tuần hoàn.

+Thực hiện được quy trình hồi sinh tim phổi cơ bản ở người lớn.

+Trình bày được những lưu ý khi thực hiện quy trình hồi sinh tim phổi.

- Kỹ năng: Tiến hành hồi sinh tim phổi cho nạn nhân ngưng hô hấp – tuần hoàn đúng quy trình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: tích cực, chủ động trong quá trình học.

2. Nội dung bài:

2.1. Đại cương

- Ngưng tuần hoàn-hô hấp (NTH-HH) đột ngột hay còn gọi là ngưng tim đột ngột, là một cấp cứu hết sức khẩn cấp

2.2. Quy trình cấp cứu hồi sinh tim phổi ở người lớn

2.2.1. Bước 1

- Tiếp cận hiện trường và nhận diện người bệnh ngưng hô hấp-tuần hoàn đột ngột

2.2.2. Bước 2

- Kích hoạt hệ thống cấp cứu

2.2.3. Bước 3

- Kiểm tra mạch

2.2.4. Bước 4

- Tiến hành hồi sinh tim phổi (C-A-B)

2.3. Một số chú ý trong cấp cứu hồi sinh tim phổi cơ bản

- Không nên kiểm tra hơi thở bằng “Nhìn -Nghe - Cảm Nhận”

Chương 6: SƠ CỨU GÃY XƯƠNG

Thời gian: 12 giờ (1LT+10 TH+1KT)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+Nêu được triệu chứng của nạn nhân gãy xương.

+Trình bày được mục đích, nguyên tắc chung khi sơ cứu gãy xương.

- Kỹ năng: Thực hiện được quy trình kỹ thuật sơ cứu nạn nhân gãy xương.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: tích cực, chủ động trong quá trình học.

2. Nội dung bài:

1. Triệu chứng chung:

1.1. Đau

- Đau ngay sau khi chấn thương xảy ra

1.2. Sưng nề bầm tím

- Tùy theo nơi gãy hoặc mức độ gãy mà mức độ sưng nề nhiều hay ít

1.3. Giảm hoặc mất vận động

- Mất hoặc giảm một phần vận động

1.4. Biến dạng trục của chi

- Khi xương bị gãy làm cho chi bị biến dạng

1.5. Có tiếng lạo xạo xương gãy

1.6. Cử động bất thường

2. Mục đích và nguyên tắc cố định gãy xương

2.1. Mục đích

- Làm cho nạn nhân đỡ đau phòng ngừa sốc do chấn thương

2.2. Nguyên tắc

- Nẹp được sử dụng để cố định xương gãy phải đủ dài

3. Dụng cụ để cố định gãy xương:

3.1. Nẹp cố định

3.2. Băng

3.3. Băng

3.4. Hộp thuốc cấp cứu các phiếu chuyển thương nếu có

4. Gãy xương chi trên

4.1. Gãy xương hàm dưới

4.2. Gãy xương đòn

4.3. Gãy xương cánh tay

4.4. Gãy xương cẳng tay

4.5. Gãy xương ức và xương sườn

5. Gãy xương chi dưới:

5.1. Gãy cột sống

5.2. Vỡ xương chậu

5.5. Gãy xương đùi

5.6. Gãy xương cẳng chân

Kiểm tra định kỳ: 1 giờ

Chương 7: KỸ THUẬT BĂNG BÓ

Thời gian: 11 giờ (1LT+10TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+Nêu được các kiểu băng cơ bản của băng cuộn.

+Nêu được nguyên tắc băng vết thương bằng băng cuộn.

- Kỹ năng: Thực hiện được các kỹ thuật băng vết thương ở các vùng trên cơ thể.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: tích cực, chủ động trong quá trình học.

2. Nội dung bài:

2.1. Băng cuộn:

- Che chở bảo vệ vết thương

2.1.1. Vật liệu để làm băng

- Băng cuộn được làm bằng: vải mềm, vải gạc, vải thun, cao su, vải trải thạch cao

2.1.2. Cách làm băng

2.1.3. Cách sử dụng cuộn băng

2.1.3.1. Nguyên tắc băng

- Khi băng, đặt đuôi băng vào phía dưới nơi định băng (cách vết thương khoảng 10cm), tay trái giữ lấy đầu băng, tay phải cầm thân băng vừa nói cuộn băng

2.1.3.2. Các kiểu băng cơ bản

- Có 6 kiểu băng cơ bản

2.1.4. Ứng dụng các kiểu băng cơ bản để băng các vết thương trên cơ thể

2.2. Băng tam giác:

2.2.1. Băng treo:

2.2.1.1. Kiểu rộng

2.2.1.2. Kiểu hẹp

2.2.2. Băng mặt

2.2.3. Băng đỉnh đầu

2.2.4. Băng bàn tay

2.2.5. Băng khuỷu tay

2.3. Băng có dải:

2.3.1. Băng chữ T

2.3.2. Băng 4 dải

2.3.3. Băng nhiều dải

2.4. Băng dính

2.5. Theo dõi biến đổi tuần hoàn chi sau băng

Chương 9: ĐẠI CƯƠNG GÃY XƯƠNG

Thời gian: 1 giờ (1LT+ 0TH)

1. Mục tiêu:

1. Kể được các nguyên nhân và phân loại của gãy xương.

2. Trình bày được các triệu chứng và biến chứng của gãy xương.

3. Mô tả các biện pháp xử trí cấp cứu gãy xương do chấn thương.

4. Tiến hành cố định tạm thời xương gãy cho nạn nhân đúng quy trình

5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác cấp cứu nạn nhân gãy xương.

2. Nội dung bài:

2.1. Định nghĩa

- 2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.1. Gãy xương chấn thương
 - 2.2.2. Gãy xương trực tiếp
 - 2.2.3. Gãy xương gián tiếp
 - 2.2.4. Gãy xương bệnh lý
 - 2.2.5. Gãy xương do mỏi (do stress)
 - 2.2.6. Ảnh hưởng của giới tính và tuổi tác đến loại gãy xương
- 2.3. Phân loại
 - 2.3.1. Gãy xương kín
 - 2.3.2. Gãy xương hở
- 2.4. Triệu chứng
 - 2.4.1. Lâm sàng
 - 2.4.2. Cận lâm sàng
- 2.5. Biến chứng
- 2.6. Biện pháp xử trí cấp cứu gãy xương do chấn thương
- 2.7. Nguyên tắc điều trị gãy xương

Chương 10: VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM

Thời gian: 1 giờ (1LT+ 0TH)

1. Mục tiêu:
 1. Kể được cách phân loại vết thương phần mềm.
 2. Trình bày được cách xử trí, điều trị vết thương phần mềm.
 3. Nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác cấp cứu nạn nhân có vết thương phần mềm.
2. Nội dung bài:
 - 2.1. Đại Cương
 - 2.2. Phân Loại
 - 2.2.1. Vết Thương Đâm Chọc Nhỏ (Vết Thương Loại 1)
 - 2.2.2. Vết Thương Cắt Gọn (Vết Thương Loại 2)
 - 2.2.3. Vết Thương Dập Nát (Vết Thương Loại 3)
 - 2.3. Điều Trị
 - 2.3.1. Xử Trí Tại Nơi Xảy Ra Tai Nạn Và Tại Phòng Cấp Cứu
 - 2.3.2. Xử Trí Chính Thức Vết Thương
 - 2.4. Săn Sóc Sau Mổ

Chương 11: BỎNG

Thời gian: 1 giờ (1LT+ 0TH)

1. Mục tiêu:
 1. Trình bày nguyên nhân và phân loại của bỏng.

2. Nêu tiên lượng và diễn biến của bỏng.
3. Mô tả cách xử trí sơ cứu bỏng.
4. Nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác cấp cứu nạn nhân bỏng.

2. Nội dung bài:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Do nhiệt độ cao

2.2.2. Do hoá chất:

2.2.3. Do tia vật lý

2.2.4. Các nguyên nhân khác.

2.3. Phân loại bỏng

2.3.1. Dựa vào diện tích

2.3.2. Dựa vào độ sâu

2.3.3. Bỏng nông.

2.3.4. Bỏng sâu.

2.4. Tiên lượng

2.4.1. Dựa vào tác nhân gây bỏng

2.4.2. Dựa vào diện tích và độ sâu

2.4.3.. Dựa vào vị trí

2.5. Diễn biến

2.5.1. Giai đoạn sốc:

2.5.2. Giai đoạn nhiễm độc cấp tính:

2.5.3. Giai đoạn nhiễm trùng

2.5.4. Giai đoạn hồi phục hay suy mãn kéo dài

2.6. Sơ cứu bỏng

Chương 12: CẤP CỨU NGƯỜI BỊ ĐIỆN GIẬT

1. Mục tiêu:

1. Trình bày cơ chế tổn thương do điện giật.
2. Nêu theo dõi và tiên lượng điện giật.
3. Mô tả các biện pháp phòng chống điện giật.
4. Nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác cấp cứu nạn nhân bị điện giật.

2. Nội dung bài:

2.1. Cơ chế tổn thương do điện giật

2.2. Các tổn thương khi bị điện giật

2.3. Xử trí cấp cứu người bị điện giật

2.4. Theo dõi và tiên lượng điện giật

2.5. Các biện pháp phòng chống điện giật

Chương 13: CẤP CỨU NGƯỜI BỊ ĐUỔI NƯỚC

1. Mục tiêu:

1. Trình bày định nghĩa, nguyên nhân dẫn đến đuối nước.
2. Nêu cách xử trí cấp cứu người bị đuối nước.
3. Mô tả các biện pháp phòng tránh đuối nước.
4. Nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác cấp cứu nạn nhân bị đuối nước.

2. Nội dung bài:

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân chính dẫn đến đuối nước

2.3. Xử trí cấp cứu người bị đuối nước

2.3.1 Nhanh chóng đưa nạn nhân ra khỏi mặt nước .

2.3.2. Sơ cấp cứu sau khi đưa nạn nhân lên bờ

2.3.3. Chăm sóc tại chỗ và chuyển đến cơ sở y tế gần nhất khi nạn nhân tỉnh lại.

2.4. Các biện pháp phòng tránh đuối nước

Kiểm tra định kì

1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học lý thuyết, phòng thực hành cấp cứu

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính máy chiếu Projector

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, các tài liệu tham khảo, bảng phấn khăn lau, mô hình thực tập cấp cứu, băng cuộn, băng thun, khăn tam giác, khăn lông nhỏ, khăn lông lớn, vải thưa, nẹp gỗ, dây cột to bản, kềm, băng ca, xe lăn, ghế đai gỗ, cây đờ lưỡi.

4. Các điều kiện khác: sinh viên phải học xong các môn học giải phẫu sinh lý, vi sinh ký sinh trùng.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: đạt các yêu cầu sau

+ Trình bày được kiến thức về cấp cứu ban đầu: các trường hợp cấp cứu, phân loại, dấu hiệu, triệu chứng, mức độ nguy hiểm, mục đích, nguyên tắc xử trí cấp cứu.

+ Giải thích tầm quan trọng của cấp cứu ban đầu trong từng trường hợp cấp cứu cụ thể.

+ Lựa chọn được phương pháp cấp cứu thích hợp cho từng trường hợp cấp cứu cụ thể.

- Kỹ năng:

+ Thao tác được quy trình các kỹ thuật cấp cứu ban đầu.

+ Phối hợp được các kỹ thuật cấp cứu để đạt hiệu quả cao nhất khi cấp cứu nạn nhân

+ Giao tiếp tốt với nhân viên y tế, bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân.

+Có khả năng làm việc nhóm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+Tích cực tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến xây dựng bài trong học tập.

+Rèn luyện đạo đức người điều dưỡng, tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương nhưng thận trọng, chính xác trong cấp cứu, giao tiếp, chăm sóc người bệnh.

+Có tinh thần tự học và luôn học tập những kinh nghiệm của nhân viên y tế tại các cơ sở y tế để nâng cao trình độ chuyên môn.

2.Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1)

+ Số cột : 1 cột

+ Hình thức: trắc nghiệm

- Kiểm tra định kỳ (hệ số 2)

+ Số cột : 1 cột

+ Hình thức: trắc nghiệm

- Kiểm tra kết thúc môn học: chiếm trọng số 0.6

+ Số cột: 1 cột

+ Hình thức: trắc nghiệm

- Tính điểm môn học:

+ Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6;

+ Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2; Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4 trong đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học Cấp cứu ban đầu được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng y sĩ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, đàm thoại.

- Đối với người học:

- + Trang bị đủ tài liệu và xem bài trước khi học.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học, tích cực trong quá trình học tập.
- + Xây dựng tác phong nhanh nhẹn, chính xác và an toàn.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Xem bài trước khi đến lớp

Tham dự lớp học tối thiểu 80% số tiết môn học

Tham dự kiểm tra định kỳ, các bài tập nhóm

Tham dự thi kết thúc học phần

4. Tài liệu tham khảo:

- Cấp cứu ban đầu ,sở giáo dục và đào tạo Hà Nội 2005

- Ths Trần Thị Thuận, Điều dưỡng cơ bản, nhà xuất bản y học, năm 2012

- Bộ chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam, Nhà xuất bản Y học, năm 2012

- Russell Jones T. Approach to the Emergency Department Patient. In: Current D & T Emergency Medicine, 2008.

- Current Emergency Diagnosis & Treatment, 5th Edition. The McGrawHill Companies 2004.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: KỸ NĂNG THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Mã mô đun: MĐ24A113223

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Kỹ năng thực hành lâm sàng là một môn học trong chương trình đào tạo Y sĩ cao đẳng, là một môn học bổ ích nhằm nâng cao kỹ năng thăm khám bệnh, môn học kỹ năng thực hành lâm sàng được học vào học kỳ II năm I.

- Tính chất: đây là môn học thực hành, cung cấp cho học sinh kiến thức, kỹ năng khai thác bệnh sử, tiền sử, thăm khám bệnh nhân, để học sinh thực hành thăm khám trên người bệnh tại các cơ sở y tế được tốt hơn.

II. Mục tiêu mô đun

- Kiến thức: Trình bày được các bước tiếp cận bệnh nhân, cách khai thác bệnh sử, các kỹ năng thăm khám người bệnh.

- Kỹ năng: có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng, bệnh lý nội khoa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: chẩn đoán được các bệnh lý nội khoa thường gặp.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Kỹ năng khai thác bệnh sử, hỏi bệnh, viết bệnh án Ngoại khoa Bệnh án tiền phẫu Bệnh án hậu phẫu	5	0	5	0
2	Bài 2: Khám bụng ngoại khoa 1. Nguyên tắc khám bụng 2. Phân khu vùng bụng 3. Khám gan, lách, thận 4. Xác định một số điểm đau	5	0	4	1

<p>4.1. Điểm Mac Burney 4.2. Điểm niệu quản trên, giữa 4.3. Điểm túi mật 4.4. Điểm đau buồng trứng</p> <p>Bài 3: Khám và làm bệnh án Sản khoa</p> <p>1. Khám sản khoa 1.1 Nhìn 1.2 Nắn bụng 1.3 Nghe tim thai 1.4 Khám âm đạo 1.5 Khám và nhận định: Ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt</p> <p>2. Cách làm bệnh án sản khoa</p>	5	0	5	0
<p>Bài 4: Khám và làm bệnh án phụ khoa</p> <p>1. Quy trình khám phụ khoa 1.1. Chuẩn bị 1.2. Tiếp đón người bệnh 1.3. Hỏi bệnh 1.4. Khám thực thể 1.4.1 Khám bụng 1.4.2 Khám bộ phận sinh dục ngoài 1.4.3. Khám bằng mỏ vịt 1.4.4. Khám âm đạo bằng tay kết hợp với nắn bụng</p> <p>2. Làm bệnh án phụ khoa</p>	5	0	5	0
<p>Bài 5: Khám sức nhai trong Nha khoa</p> <p>1. Dụng cụ khám: 2. Sơ đồ răng: 2.1. Bộ răng vĩnh viễn: 2.2. Bộ răng sữa: 3. Cách tính sức nhai: 3.1. Bộ răng vĩnh viễn: 3.2. Bộ răng sữa:</p>	5	0	5	0
<p>Bài 6: Chấn thương phần mềm vùng hàm mặt</p> <p>1. Phân loại vết thương phần mềm vùng hàm mặt: 2. Cách xử trí các loại vết thương phần mềm vùng</p>	5	0	5	0

<p>hàm mắt</p> <p>3. Các nếp nhăn da tự nhiên</p> <p>4. Nguyên tắc khâu vết thương phần mềm vùng hàm mắt</p> <p>Bài 7. Kỹ năng khai thác bệnh sử, hỏi bệnh, viết bệnh án Nội khoa</p> <p>1. Các bước khai thác bệnh sử</p> <p>2. Kỹ năng khai thác bệnh sử, tiền sử</p> <p>3. Mẫu bệnh án nội khoa</p>	5	0	5	0
<p>Bài 8: Khám tim, hô hấp</p> <p>A. Khám tim</p> <p>1. Nguyên tắc khám tuần hoàn</p> <p>2. Xác định 5 vị trí nghe tim</p> <p>3. Thực hiện các kỹ năng khám tim và mô tả tiếng tim</p> <p>3.1. Nhìn</p> <p>3.2. Sờ</p> <p>3.3. Nghe</p> <p>B. Khám hô hấp</p> <p>1. Nguyên tắc khám hô hấp</p> <p>2. Thực hiện các kỹ năng thăm khám hô hấp</p> <p>2.1. Nhìn</p> <p>2.2. Sờ</p> <p>2.3. Gõ</p> <p>2.4. Nghe</p> <p>3. Khám các biểu hiện: tần số thở, co kéo cơ hô hấp phụ,...</p>	5	0	4	1
<p>Bài 9: Kỹ năng thăm khám Nhi khoa</p> <p>1. Kỹ năng thăm khám trẻ sơ sinh</p> <p>1.1. Chào hỏi, chuẩn bị trước khám</p> <p>1.2. Đánh giá tình trạng ban đầu - đánh giá các dấu hiệu</p> <p>1.3. Cân, đo chiều dài, vòng</p>	5	0	5	0

<p>đầu trẻ</p> <p>1.4. Khám da, niêm mạc</p> <p>1.5. Khám đầu, mắt, tai mũi họng</p> <p>1.6. Khám ngực</p> <p>1.7. Khám bụng và tiêu hóa</p> <p>1.8. Khám sinh dục tiết niệu và hậu môn</p> <p>1.9. Khám trương lực cơ bị động và chủ động</p> <p>1.10. Khám các phản xạ sơ sinh</p> <p>2. Kỹ năng thăm khám ở trẻ em</p> <p>2.1. Khai thác bệnh sử, tiền sử trẻ em</p> <p>2.2. Khám tổng quan cho trẻ em</p> <p>2.2.1. Quan sát chung</p> <p>2.2.2. Các dấu hiệu quan trọng</p> <p>2.2.3. Các chỉ số nhân trắc</p> <p>2.2.4. Da</p> <p>2.2.5. Đầu</p> <p>2.2.6. Khám tim phổi</p> <p>2.2.7. Khám bụng, tiết niệu sinh dục</p> <p>2.2.8. Chi trên & chi dưới</p> <p>2.3. Kết thúc khám</p> <p>Bài 10: Kỹ năng giao tiếp</p> <p>1. Kỹ năng giao tiếp có lời</p> <p>1.1. Đại cương</p> <p>1.2. Các bước thực hiện</p> <p>1.3. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng giao tiếp có lời</p> <p>1.4. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng giao tiếp có lời</p> <p>2. Kỹ năng giao tiếp không lời</p> <p>2.1. Đại cương</p> <p>2.2. Các bước thực hiện</p> <p>2.3. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng giao tiếp không lời</p> <p>2.4. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng giao tiếp không lời</p>	5	0	4	1
---	---	---	---	---

N T
 HỒN
 Đ D A
 Y T E
 H N G I

<p>3. Kỹ năng hỏi bệnh sử</p> <p>3.1. Đại cương</p> <p>3.2. Các bước thực hiện</p> <p>3.3. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng hỏi bệnh sử</p> <p>3.4. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng hỏi bệnh sử</p> <p>4. Kỹ năng hỏi tiền sử</p> <p>4.1. Đại cương</p> <p>4.2. Các bước thực hiện</p> <p>4.3. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng hỏi tiền sử</p> <p>4.4. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng hỏi tiền sử</p> <p>5. Kỹ năng cung cấp thông tin</p> <p>5.1. Đại cương</p> <p>5.2. Các bước thực hiện</p> <p>5.3. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng cung cấp thông tin</p> <p>5.4. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng cung cấp thông tin</p> <p>6. Kỹ năng thông báo tin xấu</p> <p>6.1. Đại cương</p> <p>6.2. Các bước thực hiện</p> <p>6.3. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng thông báo tin xấu</p> <p>6.4. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng thông báo tin xấu</p> <p>Bài 11: Kỹ năng khai thác bệnh sử, hỏi bệnh, viết bệnh án bệnh truyền Nhiễm</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Kỹ năng khai thác bệnh sử</p> <p>3. Kỹ năng hỏi bệnh</p> <p>4. Kỹ năng viết bệnh án</p>	5	0	5	0
<p>Bài 12. Xét nghiệm cận lâm sàng</p> <p>1. Xét nghiệm thường quy</p> <p>2. Xét nghiệm theo bệnh lý chuyên khoa</p> <p>3. Hình ảnh học</p>	5	0	5	0

	4. Phân tích kết quả cận lâm sàng				
	Cộng	60	0	57	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Kỹ năng khai thác bệnh sử, hỏi bệnh, viết bệnh án Ngoại khoa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Áp dụng các kỹ năng đã học thực hiện hỏi bệnh theo mẫu bệnh án từ phân hành chánh đến hết phần tiền sử.
- Kỹ năng: Viết, trình bày lại các phần vừa hỏi bệnh theo mẫu bệnh án.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức tầm quan trọng của hỏi bệnh và viết bệnh án Ngoại khoa.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Kỹ năng khai thác bệnh sử
- 2.3. Kỹ năng hỏi bệnh
- 2.4. Kỹ năng viết bệnh án

Bài 2: Khám bụng Ngoại khoa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày nguyên tắc khám bụng, hai cách phân khu, vị trí và ý nghĩa các điểm đau vùng bụng.
- Kỹ năng: Thực hiện thuần thục kỹ năng thăm khám bụng trình bày kết quả thu được.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức tầm quan trọng của khám bụng.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Nhìn
- 2.2. Nghe
- 2.3. Gõ bụng
- 2.4. Xác định một số điểm đau

Bài 3: Khám và làm bệnh án Sản khoa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Áp dụng các kỹ năng đã học thực hiện hỏi bệnh theo mẫu bệnh án từ phân hành chánh đến hết phần tiền sử.

- Kỹ năng: Viết, trình bày lại các phần vừa hỏi bệnh theo mẫu bệnh án.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức tầm quan trọng của hỏi bệnh và viết bệnh án Sản khoa.

2. Nội dung bài

2.1. Khám sản khoa

2.1.1 Nhìn

2.1.2 Nắn bụng

2.1.3 Nghe tim thai

2.1.4 Khám âm đạo

2.1.5 Khám và nhận định: Ngôi , thể, kiểu thể, độ lọt

2.2. Cách làm bệnh án sản khoa

Bài 4: Khám và làm bệnh án Phụ khoa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của chương

- Kiến thức: Áp dụng các kỹ năng đã học thực hiện hỏi bệnh theo mẫu bệnh án từ phần hành chánh đến hết phần tiền sử.

- Kỹ năng: Viết, trình bày lại các phần vừa hỏi bệnh theo mẫu bệnh án.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức tầm quan trọng của hỏi bệnh và viết bệnh án Phụ khoa.

2. Nội dung chương

2.1. Quy trình khám phụ khoa

2.1.1. Chuẩn bị

2.1.2. Tiếp đón người bệnh

2.1.3. Hỏi bệnh

2.1.4. Khám thực thể

2.1.4.1 Khám bụng

2.1.4.2 Khám bộ phận sinh dục ngoài

2.1.4.3. Khám bằng mỏ vịt

2.1.4.4. Khám âm đạo bằng tay kết hợp với nắn bụng

2.2. Làm bệnh án phụ khoa

Bài 5: Khám sức nhai trong Nha khoa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Nhận biết được cấu trúc giải phẫu học bình thường trong miệng và ngoài miệng.

- + Nhận định đúng tình trạng răng miệng của bệnh nhân.
- Kỹ năng:
 - + Sử dụng thành thạo các dụng cụ và thao tác thăm khám vùng răng miệng.
 - + Tính đúng sức nhai của bệnh nhân trong từng tình huống cụ thể.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thận trọng, tác phong chính xác. Tự giác học tập, hướng dẫn bạn học thực hiện thao tác.

2. Nội dung của bài:

2.1. Dụng cụ khám:

2.2. Sơ đồ răng:

2.2.1. Bộ răng vĩnh viễn:

2.2.2. Bộ răng sữa:

2.3. Cách tính sức nhai:

2.3.1. Bộ răng vĩnh viễn:

2.3.2. Bộ răng sữa:

Bài 6: Chấn thương phần mềm vùng hàm mặt

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được đặc điểm phần mềm vùng hàm mặt.
 - + Nhận định đúng tình trạng răng miệng của bệnh nhân.
- Kỹ năng:
 - + Phân loại được vết thương phần mềm vùng hàm mặt từ nhẹ đến nặng.
 - + Xử trí được một số loại vết thương phần mềm thường gặp.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện thăm khám cho bệnh nhân thận trọng, tác phong chính xác. Tự giác học tập, hướng dẫn bạn học thực hiện thao tác.

2. Nội dung của bài:

2.1. Phân loại vết thương phần mềm vùng hàm mặt:

2.2. Cách xử trí các loại vết thương phần mềm vùng hàm mặt

2.3. Các nếp nhăn da tự nhiên

2.4. Nguyên tắc khâu vết thương phần mềm vùng hàm mặt

Bài 7: Kỹ năng khai thác bệnh sử, hỏi bệnh, viết bệnh án Nội khoa

Thời gian: 5 giờ

- Kiến thức: Áp dụng các kỹ năng đã học thực hiện hỏi bệnh theo mẫu bệnh án từ phần hành chánh đến hết phần tiền sử.

- Kỹ năng: Viết, trình bày lại các phần vừa hỏi bệnh theo mẫu bệnh án.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức tầm quan trọng của hỏi bệnh và viết bệnh án Nội khoa.

2. Nội dung bài:

2.1. Đại cương

2.2. Kỹ năng khai thác bệnh sử

2.3. Kỹ năng hỏi bệnh

2.4. Kỹ năng viết bệnh án

Bài 8: Khám tim, hô hấp

Thời gian: 5 giờ

A. Khám tim

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày nguyên tắc khám tim

- Kỹ năng: Thực hiện thuần thục kỹ năng thăm khám tim và trình bày kết quả thu được.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức tầm quan trọng của khám tim.

2. Nội dung bài:

2.1. Nhìn

2.2. Sờ

2.2.1. Sờ xác định vị trí mỏm tim, số ổ đập

2.2.2. Sờ rung miu

2.3. Nghe

2.3.1. Nghe van 2 lá

2.3.2. Nghe van 3 lá

2.3.3. Nghe van động mạch phổi

2.3.4. Nghe van động mạch chủ

B. Khám hô hấp

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày nguyên tắc khám hô hấp

- Kỹ năng: Thực hiện thuần thục kỹ năng thăm khám hô hấp và trình bày kết quả thu được.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức tầm quan trọng của khám hô hấp.

2. Nội dung bài:

2.1. Nhìn

- 2.2. Sờ
- 2.3. Gõ
- 2.4. Nghe
- 2.5. Khám các dấu hiệu hô hấp khác

Bài 9: Kỹ năng thăm khám Nhi khoa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Thực hiện đúng các bước hỏi - khám bệnh cho trẻ sơ sinh
- Thực hiện đúng các bước hỏi - khám bệnh cho trẻ em

2. Nội dung bài:

1. Kỹ năng thăm khám trẻ sơ sinh

1.1. Chào hỏi, chuẩn bị trước khám

1.1.1. Chào hỏi

1.1.2. Chuẩn bị trước khám

1.2. Đánh giá tình trạng ban đầu - đánh giá các dấu hiệu

1.3. Cân, đo chiều dài, vòng đầu trẻ

1.4. Khám da, niêm mạc

1.5. Khám đầu, mắt, tai mũi họng

1.6. Khám ngực

1.7. Khám bụng và tiêu hóa

1.8. Khám sinh dục tiết niệu và hậu môn

1.9. Khám trương lực cơ bị động và chủ động

1.10. Khám các phản xạ sơ sinh

2. Kỹ năng thăm khám ở trẻ em

2.1. Khai thác bệnh sử, tiền sử trẻ em

2.1.1. Chào hỏi trẻ và bà mẹ, giới thiệu, giải thích mục đích

2.1.2. Hỏi tiền sử sản khoa của bà mẹ và tiền sử ngay sau sinh của trẻ

2.1.3. Hỏi tiền sử tiêm chủng

2.1.4. Hỏi tiền sử chu sinh

2.1.5. Hỏi tiền sử dinh dưỡng

2.1.6. Hỏi tiền sử phát triển tâm thần - vận động của trẻ từ nhỏ đến hiện tại

2.1.7. Hỏi tiền sử phát triển thể chất của trẻ từ nhỏ đến hiện tại

2.1.8. Hỏi tiền sử bệnh tật của trẻ đã mắc từ trước hoặc các đợt trước của bệnh lý mạn tính



- 2.1.9. Tiền sử gia đình
- 2.1.10. Tóm tắt và kiểm tra thông tin
- 2.1.11. Cảm ơn bà mẹ và trẻ
- 2.2. Khám tổng quan cho trẻ em
 - 2.2.1. Quan sát chung
 - 2.2.2. Các dấu hiệu quan trọng
 - 2.2.2.1. Thân nhiệt
 - 2.2.2.2. Nhịp thở
 - 2.2.2.3. Nhịp tim
 - 2.2.2.4. Huyết áp
 - 2.2.3. Các chỉ số nhân trắc
 - 2.2.3.1. Cân nặng
 - 2.2.3.2. Chiều cao
 - 2.2.4. Da
 - 2.2.5. Đầu
 - 2.2.5.1. Hộp sọ
 - 2.2.5.2. Tóc
 - 2.2.5.3. Mắt
 - 2.2.5.4. Mũi và má
 - 2.2.5.5. Tai
 - 2.2.5.6. Miệng
 - 2.2.5.7. Cổ
 - 2.2.6. Khám tim phổi
 - 2.2.6.1. Khám tim
 - 2.2.6.2. Khám hô hấp
 - 2.2.7. Khám bụng, tiết niệu sinh dục
 - 2.2.7.1. Tiêu hóa
 - 2.2.7.2. Tiết niệu sinh dục
 - 2.2.8. Chi trên & chi dưới
 - 2.2.8.1. Chi trên
 - 2.2.8.2. Chi dưới
- 2.3. Kết thúc khám

1. Mục tiêu của bài
 - Thực hiện được 1 số kỹ năng giao tiếp
 - Sử dụng được bảng kiểm cho 1 số kỹ năng giao tiếp để tự lượng giá và lượng giá theo nhóm

2. Nội dung bài:

1. Kỹ năng giao tiếp có lời

- 1.1. Đại cương

- 1.2. Các bước thực hiện

- 1.2.1. Kỹ năng nói

- 1.2.2. Kỹ năng lắng nghe

- 1.2.3. Kỹ năng đặt câu hỏi

- 1.2.4. Kỹ năng phản hồi

- 1.3. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng giao tiếp có lời

- 1.3. 1. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng nói và lắng nghe

- 1.3.2. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng đặt câu hỏi và phản hồi

- 1.4. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng giao tiếp có lời

- 1.4. 1. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng nói và lắng nghe

- 1.4.2. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng đặt câu hỏi và phản hồi

2. Kỹ năng giao tiếp không lời

- 2.1. Đại cương

- 2.2. Các bước thực hiện

- 2.2.1. Môi trường giao tiếp

- 2.2.2. Quần áo, trang phục

- 2.2.3. Các phụ kiện đi kèm

- 2.2.4. Cử chỉ

- 2.2.5. Sử dụng từ tượng thanh phù hợp

- 2.2.6. Tiếp xúc về mặt thể chất khi thăm khám lâm sàng

- 2.2.7. Khoảng cách với người bệnh

- 2.3. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng giao tiếp không lời

- 2.4. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng giao tiếp không lời

3. Kỹ năng hỏi bệnh sử

- 3.1. Đại cương

- 3.2. Các bước thực hiện

- 3.2.1. Chào, hỏi; giải thích mục đích cuộc giao tiếp
- 3.2.2. Thông báo với người bệnh khi cần ghi chép thông tin
- 3.2.3. Nhìn và quan sát người bệnh
- 3.2.4. Sử dụng câu hỏi mở
- 3.2.5. Lắng nghe người bệnh
- 3.2.6. Sử dụng câu hỏi đóng
- 3.2.7. Sử dụng cặp câu hỏi đối chứng
- 3.2.8. Tóm tắt thông tin quá trình bệnh lý
- 3.2.9. Cảm ơn, chào tạm biệt
- 3.3. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng hỏi bệnh sử
- 3.4. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng hỏi bệnh sử
4. Kỹ năng hỏi tiền sử
 - 4.1. Đại cương
 - 4.2. Các bước thực hiện
 - 4.2.1. Chào hỏi người bệnh
 - 4.2.2. Tiền sử những đợt trước của bệnh lý
 - 4.2.3. Tiền sử các bệnh đã mắc
 - 4.2.4. Tiền sử gia đình
 - 4.2.5. Thói quen sinh hoạt và môi trường sống
 - 4.2.6. Tiền sử tiêm chủng
 - 4.2.7. Tiền sử thai sản
 - 4.2.8. Tiền sử liên quan đến dịch tễ
 - 4.2.9. Tiền sử các bệnh dị ứng
 - 4.2.10. Tóm tắt và kiểm tra thông tin
 - 4.2.11. Kết thúc hỏi tiền sử
 - 4.3. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng hỏi tiền sử
 - 4.4. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng hỏi tiền sử
5. Kỹ năng cung cấp thông tin
 - 5.1. Đại cương
 - 5.2. Các bước thực hiện
 - 5.2.1. Chuẩn bị
 - 5.2.2. Chào người bệnh và thể hiện sự đồng cảm
 - 5.2.3. Giải thích lý do cuộc tiếp xúc và quan sát phản ứng của người bệnh

- 5.2.4. Cung cấp thông tin
- 5.2.5. Tóm tắt lại các thông tin vừa cung cấp cho người bệnh
- 5.2.6. Dành thời gian cho người bệnh hỏi
- 5.2.7. Trả lời các câu hỏi của người bệnh
- 5.2.8. Kiểm tra lại thông tin vừa cung cấp
- 5.2.9. Cảm ơn, chào tạm biệt
- 5.3. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng cung cấp thông tin
- 5.4. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng cung cấp thông tin
- 6. Kỹ năng thông báo tin xấu
 - 6.1. Đại cương
 - 6.2. Các bước thực hiện
 - 6.2.1. Chuẩn bị
 - 6.2.2. Chào người bệnh và thể hiện sự đồng cảm
 - 6.2.3. Giải thích lý do cuộc tiếp xúc và quan sát phản ứng của người bệnh
 - 6.2.4. Bắt đầu tự sự hiểu biết của người bệnh, gia đình về bệnh lý hiện tại
 - 6.2.5. Thông báo tin xấu
 - 6.2.6. Hỗ trợ tâm lý, cảm xúc
 - 6.2.7. Kiểm tra lại thông tin
 - 6.2.8. Dành thời gian cho người bệnh hỏi
 - 6.2.9. Trả lời các câu hỏi của người bệnh
 - 6.2.10. Chia sẻ với người bệnh về thông tin xấu vừa nhận được
 - 6.2.11. Chào tạm biệt
 - 6.3. Bảng kiểm dạy – học kỹ năng thông báo tin xấu
 - 6.4. Bảng kiểm lượng giá kỹ năng thông báo tin xấu

Bài 11: Kỹ năng khai thác bệnh sử, hỏi bệnh, viết bệnh án bệnh truyền nhiễm

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Áp dụng các kỹ năng đã học thực hiện hỏi bệnh theo mẫu bệnh án từ phần hành chánh đến hết phần tiền sử.
- Kỹ năng: Viết, trình bày lại các phần vừa hỏi bệnh theo mẫu bệnh án.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức tầm quan trọng của hỏi bệnh và viết bệnh án bệnh nhiễm.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Kỹ năng khai thác bệnh sử
- 2.3. Kỹ năng hỏi bệnh
- 2.4. Kỹ năng viết bệnh án

Bài 12. Xét nghiệm cận lâm sàng

Thời gian: 5 tiết

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức: Biết được các chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng.
- Kỹ năng: Phân tích được giá trị kết quả các xét nghiệm.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chỉ định các xét nghiệm cận lâm sàng phù hợp với bệnh lý

2. Nội dung của bài:

- 2.1. Xét nghiệm thường quy
- 2.2. Xét nghiệm theo bệnh lý chuyên khoa
- 2.3. Hình ảnh học
- 2.4. Phân tích kết quả cận lâm sàng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học thực hành Tiên lâm sàng.
2. Trang thiết bị máy móc: bảng, phấn, projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: các dụng cụ thực hành khám bệnh theo các chuyên khoa (được trang bị đầy đủ theo danh mục tại phòng thực hành tiên lâm sàng).
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: nắm được các bước tiến hành khai thác bệnh sử, tiền sử và thăm khám người bệnh.
- Kỹ năng: có khả năng thăm khám và làm được các bệnh án chuyên khoa.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: khám được bệnh nhân mắc các bệnh nội khoa thường gặp.

2. Phương pháp: kiểm tra định kỳ thực hành.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học: Kỹ năng thực hành lâm sàng được áp dụng giảng dạy cho y sĩ trình độ cao đẳng tại trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Căn cứ nội dung tổng quát của môn học và nội dung cụ thể của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học trước khi lên lớp.

Kết hợp các phương pháp giảng dạy thuyết trình, trực quan, chia nhóm thực hành các thao tác thăm khám.

- Đối với người học:

Chuẩn bị đầy đủ tài liệu trước khi vào học

Xem trước bài trước khi đến lớp.

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

3. Những trọng tâm cần chú ý: các kỹ năng thăm khám bệnh nhân.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Dự án đẩy mạnh huấn luyện kỹ năng tiền lâm sàng tại 8 trường/khoa Y Việt Nam (2009), *Kỹ năng Y khoa cơ bản*, Nhà xuất bản Y học.

[2]. Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên (2019), *Giáo trình “Thực hành Y khoa”, tập 1*, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên.

[3]. Trường Đại học Y Hà Nội (2018), *Bài giảng kỹ năng Y khoa*, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Bệnh Nội khoa

Mã môn học: MH24A113524

Thời gian thực hiện môn học: 135 giờ; (Lý thuyết: 43 giờ; thực hành bệnh viện: 90 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Bệnh Nội khoa là một môn học trong chương trình đào tạo Y sĩ, là một trong các chuyên khoa chuyên ngành quan trọng được học sau khi học xong các môn cơ bản, được học vào học kỳ I năm II.

- Tính chất: đây là môn học lý thuyết, cung cấp cho học sinh kiến thức về bệnh lý nội khoa để học sinh sẽ đi thực hành trên người bệnh tại các cơ sở y tế.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán các bệnh lý nội khoa thường gặp và nêu được hướng xử trí.

- Kỹ năng: có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng, bệnh lý nội khoa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: chẩn đoán được các bệnh lý nội khoa thường gặp.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Bệnh tim mạch	8	8		0
	Bài 1. Triệu chứng bệnh tim mạch	1	1		
	Bài 2. Bệnh tăng huyết áp	2	2		
	Bài 3. Bệnh suy tim	2	2		
	Bài 4. Bệnh van tim	1	1		
	Bài 5. Bệnh tai biến mạch máu não	2	2	0	
2	Chương 2. Bệnh hô hấp	6	6		
	Bài 1. Triệu chứng hệ hô hấp	1	1		
	Bài 2. Viêm phế quản	2	2		
	Bài 3. Viêm phổi	2	2		

3	Bài 4. Hen phế quản	1	1		
	Chương 3. Bệnh huyết học	5	5		
	Bài 1. Triệu chứng bệnh về máu	1	1		
4	Bài 2. Thiếu máu	2	2		
	Bài 3. Bệnh bạch cầu cấp	2	2		
	Chương 4. Bệnh hệ tiêu hóa	14	14		
	Bài 1. Triệu chứng bệnh tiêu hóa	1	1		
	Bài 2. Loét dạ dày tá tràng	2	2		
	Bài 3. Xơ gan	2	2		1
	Bài 4. Xuất huyết tiêu hóa	2	2		
5	Bài 5. Ung thư gan	3	2		
	Bài 6. Áp xe gan	2	2		
	Bài 7. Bệnh giun sán	2	2		
	Chương 5. Bệnh hệ tiết niệu	6	6		
	Bài 1. Triệu chứng hệ tiết niệu	2	2		
	Bài 2. Viêm đường tiết niệu	2	2		
	Bài 3. Viêm cầu thận mạn	2	2		
6	Chương 6. Bệnh nội tiết	6	6		
	Bài 1. Triệu chứng bệnh nội tiết	2	2		1
	Bài 2. Bệnh đái tháo đường	2	2		
	Bài 3. Bệnh Basedow	2	1		
7	Thực tập tại bệnh viện:	90	0	90	0
	Khoa Nội tim mạch	45		45	
	Khoa Nội B	45		45	
	Cộng	135	43	90	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Bệnh tim mạch

Bài 1: Triệu chứng bệnh tim mạch

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng tim mạch thường gặp.

- Kỹ năng: có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng tim mạch thường gặp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: phát hiện được các triệu chứng tim mạch thường gặp.

2. Nội dung bài:

2.1. Đại cương

2.2. Các triệu chứng cơ năng chính của bệnh tim

2.2.1. Khó thở

2.2.2. Đau ngực

2.2.3. Hồi hộp đánh trống ngực

2.2.4. Ngất

2.2.5. Xanh tím

2.2.6. Phù

Bài 2. Tăng huyết áp

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu bệnh tăng huyết áp.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng tăng huyết áp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh tăng huyết áp.

2. Nội dung bài:

2.1. Đại cương

2.2. Cơ chế tăng huyết áp

2.3. Nguyên nhân

2.4. Triệu chứng

2.5. Chẩn đoán

2.6. Tiến triển và biến chứng

2.7. Điều trị

Bài 3: Suy tim

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu bệnh suy tim.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng suy tim.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh suy tim.

2. Nội dung bài:

2.1. Đại cương

- 2.2. Sinh lý bệnh
- 2.3. Nguyên nhân
- 2.4. Triệu chứng
- 2.5. Phân độ theo NYHA
- 2.6. Điều trị

Bài 4: Bệnh van tim

Thời gian: 1 giờ

- 1. Mục tiêu của bài
 - Kiến thức: Trình bày được các triệu bệnh van tim.
 - Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng van tim.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh van tim.
- 2. Nội dung bài:
 - 2.1. Hẹp van hai lá
 - 2.2. Hở van hai lá
 - 2.3. Hẹp van động mạch chủ
 - 2.4. Hở van động mạch chủ
 - 2.5. Điều trị

Bài 5. Bệnh tai biến mạch máu não

Thời gian: 2 giờ

- 1. Mục tiêu của bài
 - Kiến thức: Trình bày được các triệu bệnh tai biến mạch máu não.
 - Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh tai biến mạch máu não.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh tai biến mạch máu não.
- 2. Nội dung bài:
 - 2.1. Định nghĩa
 - 2.2. Nguyên nhân
 - 2.3. Triệu chứng
 - 2.4. Cận lâm sàng
 - 2.5. Điều trị

Chương 2. Bệnh hô hấp

Bài 1. Triệu chứng bệnh hô hấp

Thời gian: 1 giờ

- 1. Mục tiêu của bài
 - Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng bệnh hô hấp thường gặp.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh hô hấp thường gặp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: phát hiện được các triệu chứng bệnh hô hấp thường gặp.

2. Nội dung bài:

2.1. Triệu chứng cơ năng

2.1.1. Ho

2.1.2. Khạc đàm

2.1.3. Khó thở

2.1.4. Đau ngực và điểm đau ngực

2.2. Triệu chứng thực thể

2.2.1. Nhìn

2.2.2 Sờ lồng ngực

2.2.3. Gõ lồng ngực

2.2.4. Nghe phổi

2.3. Các phương pháp thăm dò cận lâm sàng

2.3.1. Xét nghiệm đàm và các chất khạc nhổ để tìm vi khuẩn gây bệnh:

2.3.2. Xét nghiệm các chất dịch lấy ra từ màng phổi (tràn dịch màng phổi).

2.3.3. X quang

2.3.4 Soi phế quản, chụp phế quản có bơm thuốc cản quang

Bài 2. Viêm phế quản

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng bệnh viêm phế quản.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng viêm phế quản.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh viêm phế quản.

2. Nội dung bài

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.2.1. Triệu chứng toàn thân: thường nhẹ, có khi không rõ ràng.

2.2.2. Triệu chứng cơ năng

2.2.3. Triệu chứng thực thể

2.2.4. Cận lâm sàng

2.3. Tiến triển và tiên lượng

2.4. Điều trị

2.4.1. Nghỉ ngơi và ăn uống

2.4.2. Thuốc

2.5. Phòng bệnh.

Bài 3. Viêm phổi

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu bệnh viêm phổi.
- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng viêm phổi.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh viêm phổi.

2. Nội dung bài

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Viêm phổi cộng đồng

2.2.2. Viêm phổi bệnh viện

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Triệu chứng lâm sàng:

2.3.2. Cận lâm sàng

2.4. Chẩn đoán

2.4.1. Chẩn đoán xác định

2.4.2. Chẩn đoán phân biệt

2.5. Tiên lượng

2.5.1. Tiên lượng

2.5.2. Biến chứng

2.6. Điều trị

2.6.1. Nguyên tắc chung

2.6.2. Đặc trị bằng kháng sinh

2.6.3. Điều trị triệu chứng

2.7. Dự phòng

Bài 4. Hen phế quản

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu bệnh hen phế quản.
- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng hen phế quản.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh hen phế quản.

2. Nội dung bài
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Xuất độ
 - 2.3. Căn nguyên
 - 2.3.1. Các dị ứng nguyên
 - 2.3.2. Nhiễm trùng
 - 2.3.3. Ô nhiễm không khí
 - 2.3.4. Sự thay đổi thời tiết
 - 2.3.5. Yếu tố thần kinh tâm lý
 - 2.3.6. Sự trào ngược dịch vị - dạ dày lên thực quản khí quản
 - 2.3.7. Tăng hoạt động thể lực
 - 2.3.8. Do nghề nghiệp
 - 2.3.9. Yếu tố nội tiết
 - 2.4. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.1. Cơ hen phế quản điển hình
 - 2.4.2. Cơ hen ác tính
 - 2.5. Cận lâm sàng
 - 2.6. Chẩn đoán phân biệt
 - 2.7. Biến chứng
 - 2.7.1 Biến chứng cấp tính
 - 2.7.2 Biến chứng mãn tính: hiếm gặp.
 - 2.8. Chẩn đoán hen phế quản
 - 2.9. Điều trị
 - 2.9.1. Điều trị dự phòng
 - 2.9.2. Điều trị ngừa cơn hen kịch phát
 - 2.10. Dự phòng

Chương 3. Bệnh huyết học

Bài 1. Triệu chứng bệnh về máu

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu của bài
 - Kiến thức: Trình bày được các triệu bệnh huyết học.
 - Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh huyết học.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh huyết học.
2. Nội dung bài

- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Hội chứng suy tủy
 - 2.3.2. Tổn thương, xâm lấn ngoài
 - 2.3.3. Triệu chứng tắc mạch do tăng bạch cầu
 - 2.3.4. Triệu chứng do ly giải tế bào khối u
- 2.4. Cận lâm sàng
 - 2.4.1. Công thức máu
 - 2.4.2. Tủy đồ
 - 2.4.3. Acid uric máu
 - 2.4.4. Nhiễm sắc thể
- 2.5. Chẩn đoán
 - 2.5.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.5.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.6. Biến chứng
- 2.7. Các yếu tố tiên lượng
- 2.8. Điều trị
 - 2.8.1. Hóa trị liệu
 - 2.8.2. Ghép tủy xương

Chương 4. Bệnh hệ tiêu hóa

Bài 1. Triệu chứng bệnh tiêu hóa

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu của bài
 - Kiến thức: Trình bày được các triệu bệnh hệ tiêu hóa.
 - Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh tiêu hóa.
 - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh hệ tiêu hóa.
2. Nội dung bài
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Các rối loạn cơ năng của bộ máy tiêu hoá
 - 2.2.1. Khó nuốt
 - 2.2.2. Nôn và buồn nôn
 - 2.2.3. Đau bụng
 - 2.2.4. Rối loạn về phân
 - 2.3. Biểu hiện bệnh lý khi khám vùng bụng

Bài 2. Loét dạ dày tá tràng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng bệnh loét dạ dày tá tràng.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh loét dạ dày tá tràng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh loét dạ dày tá tràng.

2. Nội dung bài

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Cận lâm sàng

2.4. Biến chứng

2.5. Điều trị

Bài 3. Xơ gan

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng bệnh xơ gan.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh xơ gan.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh xơ gan.

2. Nội dung bài

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân thường gặp của xơ gan

2.3. Triệu chứng

2.4. Tiến triển và biến chứng

Bài 4. Xuất huyết tiêu hóa

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng bệnh xuất huyết tiêu hóa.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh xuất huyết tiêu hóa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh xuất huyết tiêu hóa.

2. Nội dung bài

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân xuất huyết tiêu hóa cao

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.4. Điều trị và chăm sóc

Bài 5. Ung thư gan

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu bệnh ung thư gan.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh ung thư gan.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh ung thư gan.

2. Nội dung bài

2.1. Ung thư gan nguyên phát

2.1.1. Dịch tễ học và bệnh sinh

2.1.2. Triệu chứng lâm sàng

2.1.3. Cận lâm sàng

2.1.4. Chẩn đoán phân biệt

2.1.5. Điều trị

2.2. Ung thư gan thứ phát

2.2.1. Dịch tễ và bệnh sinh

2.2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.2.3. Điều trị

Kiểm tra lần 1

Bài 6. Áp xe gan

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu bệnh áp xe gan.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh áp xe gan.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh áp xe gan.

2. Nội dung bài

2.1. Áp xe gan do amip

2.1.1. Sinh lý bệnh

2.1.2. Giải phẫu bệnh

2.1.3. Triệu chứng

2.1.4. Chẩn đoán

2.1.5. Biến chứng

2.1.6. Điều trị

2.2. Áp xe gan do vi trùng

2.2.1. Sinh lý bệnh

2.2.2. Giải phẫu bệnh

2.2.3. Triệu chứng

2.2.4. Chẩn đoán

2.2.5. biến chứng

2.2.6. Điều trị

Bài 7. Bệnh giun sán

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu bệnh giun sán.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh do giun sán.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh giun sán.

2. Nội dung bài

2.1 Giun đũa

2.2. Giun kim

2.3. Giun móc

2.4. Sán dây

Chương 5. Bệnh hệ tiết niệu

Bài 1. Triệu chứng hệ tiết niệu

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu bệnh tiết niệu.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh tiết niệu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh tiết niệu.

2. Nội dung bài

2.1. Đau

2.2. Phù

2.3. Đái ít, vô niệu, bí đái, đái nhiều

2.4. Đái buốt, đái dắt, đái nhiều lần

2.5. Đái không tự chủ

2.6. Đái dầm

2.7. Đái máu

Bài 2. Viêm đường tiết niệu

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu bệnh viêm đường tiết niệu.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh viêm đường tiết niệu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh viêm đường tiết niệu.

2. Nội dung bài

2.1. Đại cương

2.2. Các nguyên nhân và yếu tố thuận lợi

2.3. Lâm sàng

4. Điều trị

Bài 3: Viêm cầu thận mạn

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng bệnh viêm cầu thận.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh viêm cầu thận.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh viêm cầu thận.

2. Nội dung bài

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân

2.3. Cơ thể bệnh học

2.4. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.5. Các thể bệnh

2.6. Điều trị

Chương 6. Bệnh nội tiết

Bài 1. Triệu chứng bệnh nội tiết

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng bệnh nội tiết.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh nội tiết.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh nội tiết.

2. Nội dung bài

2.1. Đại cương

2.2. Khám lâm sàng

2.3. Các phương pháp thăm dò tuyến

2.4. Các hội chứng chủ yếu

2.5. Kết luận.

Bài 2: Đái tháo đường

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng bệnh đái tháo đường.
- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh đái tháo đường.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh đái tháo đường.

2. Nội dung bài

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Đái tháo đường nguyên phát

2.2.2. Đái tháo đường thứ phát

2.3. Chẩn đoán

2.4. Biến chứng

2.5. Điều trị

Bài 3: Basedow

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng bệnh Basedow.
- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng bệnh Basedow.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được bệnh Basedow.

2. Nội dung bài

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.3. Cận lâm sàng

2.4. Biến chứng

2.5. Điều trị

Kiểm tra lần 2

Thời gian: 1 giờ

THỰC TẬP TẠI BỆNH VIỆN

Thời gian: 90 giờ (0 LT, 90 TH, 0 KT)

1. Mục tiêu:

- Tiếp xúc và hỏi được bệnh sử, tiền sử bệnh lý của người bệnh
- Thực hành thăm khám được các bệnh lý nội khoa thường gặp
- Tư vấn được chế độ điều trị các bệnh lý nội khoa.

2. Chỉ tiêu

STT	Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
		Thực tập	Kiến tập	
1	Thăm khám bệnh nhân tăng huyết áp	10		
2	Thăm khám được bệnh nhân suy tim	4		
3	Tư vấn điều trị cho bệnh nhân đái tháo đường	10		
4	Chẩn đoán được bệnh viêm dạ dày	5		
5	Thăm khám bệnh nhân viêm phổi	15		
6	Thăm khám được bệnh nhân thiếu máu	6		
7	Chọc dò màng phổi		2	
8	Tư vấn chế độ điều trị bệnh tăng huyết áp	20		
9	Làm và bình bệnh án nội khoa	2		
10	Thực hành nghe ran phổi (ran nổ, ran ẩm, ran rít)	10		

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học lý thuyết
2. Trang thiết bị máy móc: bảng, phấn, projector
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình bệnh học Nội
4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: nắm được các triệu chứng và tiêu chuẩn chẩn đoán các bệnh nội khoa thường gặp.

- Kỹ năng: có khả năng thăm khám, tổng hợp các triệu chứng thành hội chứng, đưa đến chẩn đoán bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: khám được bệnh nhân mắc các bệnh nội khoa thường gặp.

2. Phương pháp: kiểm tra định kỳ tự luận

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: bệnh nội khoa được áp dụng giảng dạy cho y sĩ trình độ cao đẳng tại trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Căn cứ nội dung tổng quát của môn học và nội dung cụ thể của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học trước khi lên lớp.

Kết hợp các phương pháp giảng dạy thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu trước khi vào học

+ Xem trước bài trước khi đến lớp.

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế lâm sàng

3. Những trọng tâm cần chú ý: các tiêu chuẩn chẩn đoán từng bệnh nội khoa thường gặp.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bệnh học Nội khoa (2019), Bộ môn Nội, Đại học Y dược Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Y học.

- Bệnh viện Chợ Rẫy (2021), Phác đồ điều trị Nội khoa, Nhà xuất bản Y học.

- Harrison Internal Medicine 2020.



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Bệnh ngoại khoa

Mã môn học: MH24A113525

Thời gian thực hiện môn học: 135 giờ; (Lý thuyết: 44 giờ; Thực hành: 88 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Bệnh học Ngoại là một môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo Y sĩ, là một trong các chuyên khoa chuyên ngành quan trọng được học sau khi học xong các môn cơ bản, được học ở học kỳ 2 năm thứ 2
- Tính chất: đây là môn học lý thuyết, sau khi học kết thúc môn học sinh sẽ đi thực hành trên người bệnh tại các cơ sở y tế.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán các bệnh lý Ngoại khoa thường gặp và nêu được hướng xử trí.
- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng, bệnh lý Ngoại khoa.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được các bệnh lý Ngoại khoa thường gặp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
I	CHƯƠNG 1: NGOẠI TỔNG QUÁT	22	22	0	0
1	Bài 1 Đại Cương Cấp Cứu Ngoại Khoa Vùng Bụng 1. Đại cương 2. Cách phân chia vùng bụng: kể 4 đường: 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng cơ năng (hỏi bệnh) : 3.2. Triệu chứng thực thể 3.3. Triệu chứng toàn thân. 3.4. triệu chứng cận lâm sàng	1	1	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.4. Triệu chứng cận lâm sàng: 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán nguyên nhân 4.3. Chẩn đoán phân biệt 5. Xử trí ở tuyến cơ sở				
4	Bài 4 Hội Chứng Chảy Máu 1. Đại cương 2. Phân loại – nguyên nhân 2.1. Triệu chứng hội chứng xuất huyết nội 2.1.1. Nguyên nhân : 2.1.2. Triệu chứng : 2.2. Hội chứng xuất huyết tiêu hóa 2.2.1. Nguyên nhân : 2.2.2.1. Triệu chứng cơ năng 2.2.2.2. Triệu chứng toàn thân 2.2.2.3. Triệu chứng thực thể: 2.2.2.4. Triệu chứng cận lâm sàng 3. Xử trí	1	1	0	0
5	Bài 5 Viêm Ruột Thừa Cấp 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng toàn thân 3.2. Triệu chứng cơ năng 3.3. Triệu chứng thực thể 3.4. Triệu chứng cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Biến chứng 5.1. Viêm phúc mạc do ruột thừa vỡ : 5.2. Áp xe ruột thừa :	1	1	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	5.3. Đám quánh ruột thừa 6. Xử trí 6.1.không được làm: 6.2.nên làm:				
6	Bài 6 Thủng Dạ Dày – Tá Tràng 1. Nguyên nhân 1.1. Nguyên nhân chủ yếu: 1.2. Nguyên nhân khác : 1.3. Điều kiện thuận lợi 2.giải phẫu bệnh: 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng toàn thân: 3.2. Triệu chứng cơ năng: 3.3. Triệu chứng thực thể 3.4. Triệu chứng cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định: 4.2. Chẩn đoán phân biệt: 5. Biến chứng 6. Xử trí 6.1. Những việc nên làm 6.2. Những việc không nên làm:	1	1	0	0
7	Bài 7 Lòng Ruột Cấp Ở Trẻ Nhũ Nhi 1. Triệu chứng 1.1. Triệu chứng cơ năng: 1.2. Triệu chứng thực thể 1. Triệu chứng 1.1. Triệu chứng cơ năng: 1.2. Triệu chứng thực thể 1.3. Triệu chứng toàn thân 3.4. Triệu chứng cận lâm sàng: 2. Chẩn đoán 2.1. Chẩn đoán xác định: 3. Chẩn đoán	1	1	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.1. Chẩn đoán xác định: 3.2. Chẩn đoán phân biệt: 4. Biểu chứng 5. Xử trí 5.1. Những việc nên làm 5.2. Những việc không nên làm:				
8	Bài 8 Thoát Vị Bẹn Nghệt 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Triệu chứng cơ năng 2.2. Triệu chứng thực thể 2.3. Triệu chứng toàn thân 2.4. Triệu chứng cận lâm sàng: 3. Chẩn đoán 3.1. Chẩn đoán xác định dựa vào: 3.2. Chẩn đoán phân biệt với : 4. Xử trí	1	1	0	0
9	Bài 9 Chấn Thương Bụng 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Triệu chứng cơ năng 2.2. Triệu chứng thực thể Hội chứng viêm phúc mạc do thủng tạng rỗng 3. Xử trí 3.1. Không nên làm: 3.2. Các việc nên làm	1	1	0	0
10	Bài 10 Vết Thương Bụng 1. Nguyên nhân 2. Phân loại vết thương 2.1. Vết thương thành bụng đơn thuần: 2.2. Vết thương thấu bụng : 2.3. Vết thương phối hợp	1	1	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3. Triệu chứng 3.1. Bệnh nhân đến sớm 3.2. Bệnh nhân đến muộn 4. Xử trí 4.1. Phòng chống sóc: 4.2. Xử trí vết thương: 4.2.3. chuyển viện				
11	Bài 11 Sởi Ống Mật Chủ 1. Nguyên nhân 1.1. Nhiễm khuẩn đường mật: 1.2. Nhiễm ký sinh trùng (đặc biệt là giun đũa): 2. Triệu chứng 2.1. Triệu chứng cơ năng: 2.2. Triệu chứng toàn thân 2.3. Triệu chứng thực thể. 2.4. Triệu chứng cận lâm sàng 3. tiên triển và biến chứng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định: 4.2. Chẩn đoán phân biệt với các bệnh sau: 5. Xử trí và phòng bệnh 5.1. Phòng bệnh: 5.2. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở.	1	1	0	0
12	Bài 12 Áp Xe Gan 1. Nguyên nhân 2. Giải phẫu bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng toàn thân 3.2. Triệu chứng cơ năng 3.3. Triệu chứng thực thể. 3.4. Triệu chứng cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 5. Biến chứng 6. Điều trị 6.1. Ở tuyến y tế cơ sở 6.2. Ở tuyến trên	1	1	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
13	Bài 13 Ung Thư Gan 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Triệu chứng cơ năng 2.2. Triệu chứng thực thể 2.3. Triệu chứng toàn thân 2.4. Triệu chứng cận lâm sàng 3. Chẩn đoán 3.1. Chẩn đoán xác định. 3.2. Chẩn đoán phân biệt 4. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở	1	1	0	0
14	Bài 14 Ung Thư Dạ Dày 1. Đại cương 2. Giải phẫu bệnh 3. Triệu chứng : có 3 giai đoạn 3.1. Giai đoạn sớm 3.2. Giai đoạn tiến triển 3.3. Giai đoạn muộn 3. Biến chứng 4. Xử trí	1	1	0	0
15	Bài 15 Hẹp Môn Vị 1. Nguyên nhân 1.1. Do loét dạ dày - tá tràng : 1.2. Do ung thư dạ dày 1.3. Nguyên nhân khác 1.4. Nguyên nhân từ bên ngoài. 2. Triệu chứng 2.1. Triệu chứng cơ năng 2.2. Triệu chứng toàn thân: 2.3. Triệu chứng thực thể: 2.4. Triệu chứng cận lâm sàng 3. Xử trí	1	1	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
16	Bài 16 Bệnh Trĩ 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. triệu chứng cơ năng 2.2. Triệu chứng toàn thân 2.3. Triệu chứng thực thể 3. Biến chứng 4. Phòng bệnh – điều trị ở y tế cơ sở 4.1. Phòng bệnh : 4.2. Điều trị :	1	1	0	0
17	Bài 17 Rò Hậu Môn 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa: 1.2. Phân loại: 2. Triệu chứng 2.1. Triệu chứng cơ năng 2.2. Triệu chứng thực thể 3. Phòng bệnh – xử trí	1	1	0	0
18	Bài 18 Tràn Dịch Màng Tinh Hoàn 1. Đại cương 2. Triệu chứng lâm sàng 2.1. Triệu chứng cơ năng: 2.2. Triệu chứng thực thể 3. Chẩn đoán 3.1. Chẩn đoán nguyên nhân tràn dịch màng tinh hoàn: 3.2. Chẩn đoán phân biệt 4. Xử trí:	1	1	0	0
19	Bài 19 Hẹp Bao Quy Đầu 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Hẹp bao quy đầu không hoàn toàn: 2.2. Hẹp bao quy đầu hoàn toàn 3. Biến chứng	1	1	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.1. Hẹp bao quy đầu nghẹt: 3.2. Đái khó, tạo sỏi: 3.3. Nhiễm khuẩn: 3.4. Ung thư dương vật: là biến chứng nguy hiểm nhất. 4. Xử trí 4.1. Hẹp bao quy đầu: phẫu thuật cắt bao da quy đầu. 4.2. Hẹp bao quy đầu nghẹt.				
20	Bài 20 Áp Xe Nóng 1. Nguyên nhân 2. Triệu chứng 2.1. Giai đoạn đầu (giai đoạn viêm tấy) 2.2. Giai đoạn sau: (giai đoạn mưng mủ) 3. Chẩn đoán: 3.1. Chẩn đoán xác định: dựa vào 4 triệu chứng chính sưng, nóng, đỏ, đau. 4. Xử trí 4.1. Ở giai đoạn đầu: 4.2. Giai đoạn có mủ:	0,5	0,5	0	0
21	Bài 21 Áp Xe Lạnh 1. Nguyên nhân: 2. Giải phẫu bệnh 2.1. Vỏ áp xe lạnh: 2.2. Mủ: 3. Triệu chứng 3.1. Toàn thân: 3.2. Tại chỗ: 4. Tiến triển 5. Xử trí	0,5	0,5	0	0
22	Bài 22 Viêm Cơ 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa: 1.2. Nguyên nhân: 2. Triệu chứng lâm sàng	2	2	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.1. Viêm một bắp cơ 2.1.1. Triệu chứng toàn thân: 2.1.2. Triệu chứng tại chỗ: 2.2. Viêm nhiều bắp cơ: 3. Diễn biến 4. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở				
II	CHƯƠNG 2: NGOẠI CHẤN THƯƠNG	15	15	0	0
23	Bài 23 Đại Cương Gãy Xương 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 2.1. Gãy xương chấn thương 2.2. Gãy xương bệnh lý 2.3. Gãy xương do môi (do stress) 2.4. Ảnh hưởng của giới tính và tuổi tác đến loại gãy xương 3. Phân loại 3.1. Gãy xương kín 3.2. Gãy xương hở 4. Triệu chứng 4.1. Lâm sàng 4.2. Cận lâm sàng 5. Biến chứng 5.1. Choáng chấn thương trong gãy xương 5.2. Hội chứng tắc mạch máu do mỡ trong gãy xương 5.3. Hội chứng chèn ép khoang cấp tính 5.4. Biến chứng các mạch máu lớn 5.5. Biến chứng chèn ép thần kinh ngoại biên 5.6. Biến chứng nhiễm trùng của gãy xương 5.7. Hội chứng rối loạn dinh	1	1	0	0



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	dưỡng 6. Biện pháp xử trí cấp cứu gãy xương do chấn thương 7. Nguyên tắc điều trị gãy xương				
24	Bài 24 Vết Thương Phần Mềm 1. Đại cương 2. Phân loại 2.1. Vết thương đâm chọc nhỏ (vết thương loại 1) 2.2. Vết thương cắt gọn (vết thương loại 2) 2.3. Vết thương dập nát (vết thương loại 3) 3. Điều trị 3.1. Xử trí tại nơi xảy ra tai nạn và tại phòng cấp cứu 3.2. Xử trí chính thức vết thương 3.3. Săn sóc sau mổ	1	1	0	0
25	Bài 25 Bong Gân 1. Định nghĩa 2. Giải phẫu- sinh lý bệnh của dây chằng 2.1. Giai đoạn viêm tấy cấp tính 2.2. Giai đoạn phục hồi 2.3. Giai đoạn tái tạo lại các dây chằng và các mô khác 3. Phân loại 3.1. Bong gân độ 1 3.2. Bong gân độ 2 3.3. Bong gân độ 3 4. Chẩn đoán 4.1. Bệnh sử 4.2. Các dấu hiệu lâm sàng 4.3. Xquang	1	1	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	4.4. Cộng hưởng từ (MRI) 5. Điều trị 5.1. Điều trị viêm tấy cấp tính 5.2. Điều trị phục hồi và tái tạo dây chằng, bao khớp				
26	Bài 26 Trật Khớp 1. Đại cương 2. Tổn thương giải phẫu của trật khớp 3. Phân loại trật khớp 3.1. Theo thời gian 3.2. Theo giải phẫu và xquang 3.3. Theo mức độ tái phát 3.4. Theo thể lâm sàng 4. Chẩn đoán trật khớp 4.1. Bệnh sử 4.2. Triệu chứng lâm sàng 4.3. Xquang 5. Nguyên tắc điều trị trật khớp	1	1	0	0
27	Bài 27 Gãy Xương Hở 1. Đại cương 2. Phân loại gãy xương hở 3. Các biến chứng của gãy xương hở 4. Chẩn đoán 5. Xử trí 5.1. Trước hết phải xử trí các tổn thương có nguy cơ đe dọa tính mạng nếu Có: 5.2. Xử trí gãy xương hở theo đúng phác đồ điều trị dựa vào 3 nguyên tắc Chính: 5.3. Xử trí gãy xương hở theo tình huống lâm sàng	1	1	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
28	Bài 28 Vết Thương Mạch Máu 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Máu chảy ra ngoài 2.2. Bọc máu 3. Xử trí 3.1. Tại tuyến cơ sở (tuyến không có phẫu thuật) 4. Biên chứng 4.1. Biến chứng sớm 4.2. Biến chứng muộn	1	1	0	0
29	Bài 29 Chấn Thương Ngực 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và phân loại 2.1. Nguyên nhân 2.2. Phân loại 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến chức năng hô hấp bình Thường 3.1. Thành ngực 3.2. Đường hô hấp 3.3. Áp lực âm tính màng phổi 4. Triệu chứng 4.1. Gãy xương 4.2. Tràn máu màng phổi 4.3. Tràn khí màng phổi 4.4. Tràn khí- tràn máu màng phổi phổi phối hợp 4.5. Vết thương ngực hở 5. Biên chứng 6. Xử trí cấp cứu	2	2	0	0
30	Bài 30 Nhiễm Khuẩn Ngoại Khoa 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và điều kiện thuận lợi 2.1. Nguyên nhân	1	1	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2.2. Điều kiện thuận lợi 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng toàn thân 3.2. Triệu chứng tại chỗ 3.3. Cận lâm sàng 4. Tiến triển và biến chứng 5. Điều trị				
31	Bài 31 Nhiễm Trùng Bàn Tay Chín Mé 1. Đại cương 2. Diễn biến 2.1. Giai đoạn viêm tấy 2.2. Giai đoạn tụ mủ 3.3. Giai đoạn biến chứng 3. Loại chín mé hay gặp 3.1. Chín mé nông 3.2. Chín mé dưới da 3.3. Chín mé sâu 4. Điều trị Viêm tấy bàn tay 1. Viêm tấy các khoang mô lỏng lẻo 1.1. Viêm tấy khoang gan tay giữa nông 1.2. Viêm tấy khoang gan tay giữa sâu 1.3. Viêm tấy ở mô cái 1.4. Viêm tấy ô mô út 1.5. Viêm tấy kẽ ngón 1.6. Viêm tấy mu tay 2. Viêm tấy bao gân gấp 2.1. Viêm tấy gân gấp quay 2.2. Viêm bao gân gấp trụ 3. Điều trị 3.1. Điều trị viêm tấy khoang mô lỏng lẻo 3.2. Điều trị viêm tấy bao gân gấp quay và trụ	1	1	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
32	<p>Bài 32 Gãy Xương Chi Trên Gãy Xương Cánh Tay</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Phân loại theo tổn thương giải phẫu bệnh lý</p> <p>3. Nguyên nhân và cơ chế</p> <p>4. Triệu chứng</p> <p>4.1. Triệu chứng lâm sàng</p> <p>4.1.1 . Cơ năng.</p> <p>4.1.2. Thực thể</p> <p>4.2. Biến chứng</p> <p>5. Trị</p> <p>5.1. Sơ cứu</p> <p>5.2. Điều trị</p> <p>Gãy trên lồi cầu xương cánh tay</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2.phân loại</p> <p>2.1. Gãy duỗi</p> <p>2.2. Gãy gấp</p> <p>3. Thương tổn giải phẫu bệnh lý</p> <p>4. Lâm sàng</p> <p>4.1. Cơ năng</p> <p>4.2. Thực thể</p> <p>5. Điều trị</p> <p>6. Di chứng</p> <p>Gãy hai xương cẳng tay</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Nguyên nhân</p> <p>3. Tổn thương giải phẫu bệnh lý</p> <p>3.1. Nơi gãy</p> <p>3.2. Di lệch các đầu gãy</p> <p>4. Triệu chứng</p> <p>4.1. Cơ năng</p> <p>4.2. Thực thể</p> <p>4.3. Triệu chứng cận lâm sàng</p> <p>5. Biến chứng</p> <p>6. Hướng điều trị</p>	2	2	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
33	<p>Bài 33 Gãy Xương Đùi Gãy Cổ Xương Đùi</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng</p> <p>2.1. Gãy cổ chính danh, gãy khớp</p> <p>2.2. Gãy cổ chính danh, gãy dang (loại gãy này ít gặp)</p> <p>2.3. Gãy máu chuyển</p> <p>3. Triệu chứng cận lâm sàng</p> <p>4. Tiến triển và biến chứng</p> <p>4.1. Biến chứng sớm</p> <p>4.2. Biến chứng muộn</p> <p>5. Điều trị</p> <p>Gãy thân xương đùi</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Định nghĩa</p> <p>3. Tổn thương giải phẫu bệnh lý</p> <p>4. Triệu chứng lâm sàng</p> <p>4.1. Cơ năng</p> <p>4.2. Thực thể</p> <p>5. Triệu chứng cận lâm sàng</p> <p>6. Biến chứng</p> <p>7. Hướng điều trị</p> <p>7.1. Sơ cứu</p> <p>7.2. Điều trị</p> <p>7.2.1. Đối với trẻ nhỏ.</p> <p>7.2.2. Trẻ em trên 12 tuổi và người lớn.</p>	2	2	0	0
34	<p>Bài 34 Gãy Hai Xương Cẳng Chân</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Nguyên nhân sinh bệnh</p> <p>3. Triệu chứng</p> <p>3.1. Triệu chứng cơ năng</p> <p>3.2. Triệu chứng thực thể</p> <p>3.3. Triệu chứng toàn thân</p> <p>3.4. Triệu chứng cận lâm sàng</p>	1	1	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	4. Biến chứng 5. Hướng điều trị 5.1. Sơ cứu 5.2. Hướng điều trị				
III	CHƯƠNG 3: NGOẠI TIẾT NIỆU	3	3	0	0
35	Bài 35 Chấn Thương Thận- Bàng Quang Chấn thương thận 1. Tồn thương giải phẫu bệnh 2. Nguyên nhân chấn thương thận 3. Triệu chứng lâm sàng 3.1. Triệu chứng cơ năng 3.2. Triệu chứng thực thể 3.3. Triệu chứng toàn thân 4. Triệu chứng cận lâm sàng 5. Diễn biến 6. Biến chứng 7. Hướng điều trị Chấn thương bàng quang 1. Nguyên nhân 2. Tồn thương giải phẫu bệnh 3. Triệu chứng 3.1. Triệu chứng lâm sàng 3.2. Triệu chứng cận lâm sàng 4. Hướng điều trị	2	2	0	0
36	Bài 36 Sỏi Thận- Bàng Quang Sỏi Thận 1. Đại cương 2. Nguyên nhân sinh bệnh 2.1. Sỏi thứ phát 2.2. Sỏi nguyên phát 2.3. Các loại sỏi thận 3. Giải phẫu bệnh lý 3.1. Viên sỏi	1	1	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.2. Thận có sỏi 4. Triệu chứng 4.1. Triệu chứng lâm sàng 4.1.1. Triệu chứng cơ năng. 4.1.2. Triệu chứng thực thể. 4.1.3. Triệu chứng toàn thân. 4.2. Triệu chứng cận lâm sàng 5. Biện chứng 6. Hướng điều trị Sỏi bàng quang 1. Đại cương 2. Nguyên nhân sinh bệnh 2.1. Sỏi nguyên phát 2.2. Sỏi thứ phát 3. Giải phẫu bệnh lý 3.1. Viên sỏi 3.2. Bàng quang có sỏi 4. Triệu chứng 4.1. Triệu chứng lâm sàng 4.2. Triệu chứng cận lâm sàng 5. Biện chứng 6. Hướng điều trị				
IV	CHƯƠNG 4: NGOẠI THẦN KINH	4	4	0	0
37	Bài 37 Chấn Thương Sọ Não 1. Nguyên nhân cơ chế 2. Phân loại 2.1. Chấn thương sọ não kín 2.2. Vết thương sọ não 3. Lâm sàng 3.1. Hỏi bệnh 3.2. Khám da đầu và xương sọ 3.3. Dấu hiệu tri giác: dựa vào thang điểm glasgow 3.4. Dấu hiệu liệt khu trú, liệt thần kinh sọ não 3.5. Dấu hiệu thần kinh thực vật	2	2	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	3.6. Vết thương sọ não hở 3.7. Khám phát hiện những tổn thương phối hợp khác 4. Triệu chứng cận lâm sàng 4.1. Chụp sọ không chuẩn bị 4.2. Chụp sọ có chuẩn bị 4.3. Chụp cắt lớp vi tính (ct.scanner) 4.4. Chụp cộng hưởng từ (mri) 4.5. Làm các xét nghiệm thường quy 5. Điều trị 5.1. Xử trí ban đầu 5.2. Phẫu thuật 5.3. Bảo tồn 6. Di chứng sau chấn thương sọ não 6.1. Di chứng về thần kinh 6.2. Di chứng về tâm thần				
38	Bài 38 Chấn Thương Cột Sống 1. Đại cương 2. Giải phẫu và sinh lý bệnh 2.1. Sinh lý 2.2. Giải phẫu bệnh 3. Nguyên nhân 3.1. Gián tiếp 3.2. Trực tiếp 4. Triệu chứng 4.1. Gãy cột sống không liệt tủy 4.2. Gãy cột sống có liệt tủy 4.3. Triệu chứng chèn ép tủy 5. Tiên triển và tiên lượng 5.1. Gãy cột sống không liệt tủy 5.2. Gãy cột sống có liệt tủy 6. Xử trí	2	2	0	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	6.1. Sơ cứu 6.2. Điều trị				
V	CHƯƠNG 5: THỰC TẬP BỆNH VIỆN: Khoa Ngoại Tổng Quát	88	0	88	00
VI	Kiểm tra	3	0	0	3
VII	Cộng	135	44	88	3

2. Nội dung chi tiết:

CHƯƠNG 1: NGOẠI TỔNG QUÁT

Bài 1 Đại Cương Cấp Cứu Ngoại Khoa Vùng Bụng

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được, vẽ được hình, cách phân khu vùng bụng.

1.2. Trình bày được: cách khám để phát hiện các triệu chứng lâm sàng, các xét nghiệm cận lâm sàng của đau bụng ngoại khoa.

1.3. Xử trí được đau bụng ngoại khoa ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

2.2. Cách phân chia vùng bụng: kẻ 4 đường:

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Triệu chứng cơ năng (hỏi bệnh) :

2.3.2. Triệu chứng thực thể

2.3.3. Triệu chứng toàn thân.

2.3.4. triệu chứng cận lâm sàng

2.4. Xử trí ở tuyến cơ sở

2.4.1. Không làm:

2.4.2. Cần làm:

Bài 2 Hội Chứng Viêm Phức Mạc

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được: định nghĩa, nguyên nhân - phân loại của viêm phúc mạc.

1.2. Trình bày được: triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của viêm phúc mạc.

1.3. Xử trí được viêm phúc mạc ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân – phân loại

AN
RƯ
ĐAO
TIÊN
10

2.2.1. Viêm phúc mạc nguyên phát

2.2.2. viêm phúc mạc thứ phát

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.3.1. Triệu chứng cơ năng

2.3.2. Triệu chứng toàn thân

2.3.3. Triệu chứng thực thể.

2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng

2.4. Chẩn đoán

2.4.1. Chẩn đoán xác định:

2.4.2. Chẩn đoán phân biệt với:

2.5. Diễn biến

2.6. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở

2.6.1. Không nên:

2.6.2. Nên làm :

Bài 3 Hội Chứng Tắc Ruột

Thời Gian: 1 Giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục Tiêu Của Bài:

1.1. Trình bày được phân loại, nguyên nhân của tắc ruột.

1.2. trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của tắc ruột.

1.3. Xử trí được tắc ruột ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại - nguyên nhân

2.2.1. Tắc ruột cơ học : loại này phải điều trị bằng phẫu thuật.

2.2.1.1. Tắc ruột do nút bít (tiến triển từ từ).

2.2.1.2. Tắc ruột do bị thắt:(loại này tiến triển rất nhanh gây hoại tử ruột).

2.2.2. Tắc ruột cơ năng

2.3. Triệu chứng lâm sàng (của tắc ruột cơ học)

2.3.1. Triệu chứng cơ năng:

2.3.2. Triệu chứng thực thể.

2.3.3. Triệu chứng toàn thân.

2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng:

2.4. Chẩn đoán

2.4.1. Chẩn đoán xác định

2.4.2. Chẩn đoán nguyên nhân

2.4.3. Chẩn đoán phân biệt

2.5. Xử trí ở tuyến cơ sở

Bài 4 Hội Chứng Chảy Máu

Thời Gian: 1 Giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục Tiêu Của Bài:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của hội chứng xuất huyết nội

1.2. trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của hội chứng xuất huyết tiêu hóa.

1.3. Xử trí được xuất huyết nội, xuất huyết tiêu hóa ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1.Đại cương

2.1.1. Nguyên nhân :

2.1.2. Triệu chứng :

2.2. Hội chứng xuất huyết tiêu hóa

2.2.1. Nguyên nhân :

2.2.2. Triệu chứng :

2.2.2.1. Triệu chứng cơ năng

2.2.2.2. Triệu chứng toàn thân

2.2.2.3. Triệu chứng thực thể:

2.2.2.4. Triệu chứng cận lâm sàng

2.3. Xử trí

Bài 5 Viêm Ruột Thừa Cấp

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, biến chứng của viêm ruột thừa cấp.

1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của viêm ruột thừa cấp.

1.3. Xử trí được viêm ruột thừa cấp ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1.Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Triệu chứng toàn thân

2.3.2. Triệu chứng cơ năng

2.3.3. Triệu chứng thực thể

2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng

2.4. Chẩn đoán

2.4.1. Chẩn đoán xác định

2.4.2. Chẩn đoán phân biệt

2.5. Biến chứng

2.5.1. Viêm phúc mạc do ruột thừa vỡ :

2.5.2. Áp xe ruột thừa :

2.5.3. Đám quánh ruột thừa

2.6. Xử trí

2.6.1. không được làm:

2.6.2. nên làm:

Bài 6 Thủng Dạ Dày – Tá Tràng

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, biến chứng của thủng dạ dày – tá tràng.

1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của thủng dạ dày – tá tràng.

1.3. Xử trí được thủng dạ dày – tá tràng ở tuyến cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1. Nguyên nhân

2.1.1. Nguyên nhân chủ yếu:

2.1.2. Nguyên nhân khác :

2.1.3. Điều kiện thuận lợi

2.2. giải phẫu bệnh:

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Triệu chứng toàn thân:

2.3.2. Triệu chứng cơ năng:

2.3.3. Triệu chứng thực thể

2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng

2.4. Chẩn đoán

2.4.1. Chẩn đoán xác định:

2.4.2. Chẩn đoán phân biệt:

2.5. Biến chứng

2.6. Xử trí

2.6.1. Những việc nên làm

2.6.2. Những việc không nên làm:

Bài 7 Lòng Ruột Cấp Ở Trẻ Nhũ Nhi

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Mô tả được tiến triển của lòng ruột cấp tính.

1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của lòng ruột cấp.

1.3. Xử trí được lòng ruột cấp ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1. Triệu chứng

2.1.1. Triệu chứng cơ năng:

2.1.2. Triệu chứng thực thể

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Triệu chứng cơ năng:

2.2.2. Triệu chứng thực thể

2.2.3. Triệu chứng toàn thân

2.4. Triệu chứng cận lâm sàng:

2.5. Chẩn đoán

2.5.1. Chẩn đoán xác định:

2.5.2. Chẩn đoán phân biệt:

2.6. Biến chứng

2.7. Xử trí

2.7.1. Những việc nên làm

2.7.2. Những việc không nên làm:

Bài 8 Thoát Vị Bẹn Nghẹt

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của thoát vị bẹn nghẹt.

1.2. Xử trí được thoát vị bẹn nghẹt ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Triệu chứng cơ năng

2.2.2. Triệu chứng thực thể

2.2.3. Triệu chứng toàn thân

2.2.4. Triệu chứng cận lâm sàng:

2.3. Chẩn đoán

2.3.1. Chẩn đoán xác định dựa vào:

2.3.2. Chẩn đoán phân biệt với :

2.4. Xử trí

Bài 9 Chấn Thương Bụng

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài

1.1. Trình bày được: định nghĩa, nguyên nhân, các loại thương tổn của chấn thương bụng.

1.2. Trình bày được: triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của chấn thương bụng và của 2 hội chứng chính: viêm phúc mạc do thủng tạng rỗng ; xuất huyết nội do vỡ tạng đặc.

1.3. Xử trí được chấn thương bụng ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Triệu chứng cơ năng

2.2.2. Triệu chứng thực thể

2.3. Xử trí

2.3.1. Không nên làm:

2.3.2. Các việc nên làm

Bài 10 Vết Thương Bụng

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Kể được cách phân loại vết thương bụng.

1.2. Trình bày được: triệu chứng lâm sàng của vết thương bụng đến sớm và đến muộn.

1.3. Xử trí được vết thương bụng ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1. Nguyên nhân

2.2. Phân loại vết thương

2.2.1. Vết thương thành bụng đơn thuần:

2.2.2. Vết thương thấu bụng :

2.2.3. Vết thương phối hợp

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Bệnh nhân đến sớm

2.3.2. Bệnh nhân đến muộn

2.4. Xử trí

2.4.1. Phòng chống sóc:

2.4.2. Xử trí vết thương:

2.4.3. Chuyển viện

Bài 11 Sỏi Ống Mật Chủ

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của sỏi ống mật chủ.

1.2. Trình bày được tiến triển và biến chứng của sỏi ống mật chủ.

1.3. Xử trí được sỏi ống mật chủ ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1. Nguyên nhân

2.1.1. Nhiễm khuẩn đường mật:

2.1.2. Nhiễm ký sinh trùng (đặc biệt là giun đũa):

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Triệu chứng cơ năng:

2.2.2. Triệu chứng toàn thân

2.2.3. Triệu chứng thực thể.

2.2.4. Triệu chứng cận lâm sàng

2.3. tiến triển và biến chứng

2.4. Chẩn đoán

2.4.1. Chẩn đoán xác định:

2.4.2. Chẩn đoán phân biệt với các bệnh sau:

2.5. Xử trí và phòng bệnh

2.5.1. Phòng bệnh:

2.5.2. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở.

Bài 12 Áp Xe Gan

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, biến chứng của áp xe gan.

1.2. Trình bày được triệu chứng của áp xe gan do amíp.

1.3. Trình bày được các nguyên tắc điều trị áp xe gan do amíp.

2. Nội dung của bài:

2.1. Nguyên nhân

- 2.2. Giải phẫu bệnh
- 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Triệu chứng toàn thân
 - 2.3.2. Triệu chứng cơ năng
 - 2.3.3. Triệu chứng thực thể.
 - 2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.4. Chẩn đoán
- 2.5. Biến chứng
- 2.6. Điều trị
 - 2.6.1. Ở tuyến y tế cơ sở
 - 2.6.2. Ở tuyến trên

Bài 13 Ung Thư Gan

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1. Trình bày được các yếu tố nguy cơ của ung thư gan.
 - 1.2. Trình bày được triệu chứng của ung thư gan.
 - 1.3. Trình bày được chẩn đoán, xử trí ung thư gan ở tuyến y tế cơ sở.
- 2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.2.3. Triệu chứng toàn thân
 - 2.2.4. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.3. Chẩn đoán
 - 2.3.1. Chẩn đoán xác định.
 - 2.3.2. Chẩn đoán phân biệt
 - 2.4. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở

Bài 14 Ung Thư Dạ Dày

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1. Trình bày được yếu tố thuận lợi của ung thư dạ dày.
 - 1.2. Trình bày được triệu chứng của ung thư dạ dày.
 - 1.3. Trình bày được biến chứng, xử trí của ung thư dạ dày.
- 2. Nội dung của bài:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Giải phẫu bệnh
- 2.3. Triệu chứng : có 3 giai đoạn
 - 2.3.1. Giai đoạn sớm
 - 2.3.2. Giai đoạn tiến triển
 - 2.3.3. Giai đoạn muộn
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Xử trí

Bài 15 Hẹp Môn Vị

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1. Trình bày được nguyên nhân của hẹp môn vị.
 - 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của hẹp môn vị.
 - 1.3. Xử trí bước đầu hẹp môn vị ở tuyến y tế cơ sở.
- 2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Nguyên nhân
 - 2.1.1. Do loét dạ dày - tá tràng :
 - 2.1.2. Do ung thư dạ dày
 - 2.1.3. Nguyên nhân khác
 - 2.1.4. Nguyên nhân từ bên ngoài.
 - 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2.2. Triệu chứng toàn thân:
 - 2.2.3. Triệu chứng thực thể:
 - 2.2.4. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.3. Xử trí

Bài 16 Bệnh Trĩ

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1. Trình bày được yếu tố thuận lợi của bệnh trĩ.
 - 1.2. Trình bày được triệu chứng, biến chứng của bệnh trĩ.
 - 1.3. Trình bày được cách phòng bệnh và điều trị bệnh trĩ ở tuyến y tế cơ sở.
- 2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Triệu chứng

- 2.2.1. triệu chứng cơ năng
- 2.2.2. Triệu chứng toàn thân
- 2.2.3. Triệu chứng thực thể
- 2.3. Biến chứng
- 2.4. Phòng bệnh – điều trị ở y tế cơ sở
- 2.4.1. Phòng bệnh :
- 2.4.2. Điều trị :

Bài 17 Rò Hậu Môn

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1. Trình bày được định nghĩa, phân loại của rò hậu môn.
 - 1.2. Trình bày được triệu chứng của rò hậu môn.
 - 1.3. Trình bày được cách xử trí – phòng bệnh rò hậu môn ở tuyến y tế cơ sở .
- 2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. định nghĩa:
 - 2.1.2. phân loại:
 - 2.2. Triệu chứng
 - 2.2.1. Triệu chứng cơ năng
 - 2.2.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.3. Phòng bệnh – xử trí

Bài 18 Tràn Dịch Màng Tinh Hoàn

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1. Trình bày được định nghĩa, phân loại của tràn dịch màng tinh hoàn.
 - 1.2. Trình bày được triệu chứng của tràn dịch màng tinh hoàn.
 - 1.3. Chẩn đoán và xử trí được tràn dịch màng tinh hoàn ở tuyến y tế cơ sở .
- 2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Triệu chứng cơ năng:
 - 2.2.2. Triệu chứng thực thể
 - 2.3. Chẩn đoán
 - 2.3.1. Chẩn đoán nguyên nhân tràn dịch màng tinh hoàn:
 - 2.3.2. Chẩn đoán phân biệt

2.4. Xử trí:

Bài 19 Hẹp Bao Quy Đầu

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được triệu chứng, biến chứng của hẹp bao quy đầu.

1.2. Xử trí được hẹp bao quy đầu ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Hẹp bao quy đầu không hoàn toàn:

2.2.2. Hẹp bao quy đầu hoàn toàn

2.3. Biến chứng

2.3.1. Hẹp bao quy đầu nghẹt:

2.3.2. Đái khó, tạo sỏi:

2.3.3. Nhiễm khuẩn:

2.3.4. Ung thư dương vật: là biến chứng nguy hiểm nhất.

2.4. Xử trí

2.4.1. Hẹp bao quy đầu: phẫu thuật cắt bao da quy đầu.

2.4.2. Hẹp bao quy đầu nghẹt.

Bài 20 Áp Xe Nóng

Thời Gian: 0.5 giờ (0,5 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của áp xe nóng.

1.2. Xử trí được áp xe nóng ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1. Nguyên nhân

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Giai đoạn đầu (giai đoạn viêm tấy)

2.2.2. Giai đoạn sau: (giai đoạn mưng mủ)

2.3. Chẩn đoán:

2.3.1. Chẩn đoán xác định: dựa vào 4 triệu chứng chính sưng, nóng, đỏ, đau.

2.4. Xử trí

2.4.1. Ở giai đoạn đầu:

2.4.2. Giai đoạn có mủ:

Bài 21 Áp Xe Lạnh

Thời gian: 0.5 giờ (0,5 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng của áp xe lạnh.

1.2. Xử trí được áp xe lạnh ở tuyến y tế cơ sở.

2. Nội dung của bài:

2.1. Nguyên nhân:

- 2.2. Giải phẫu bệnh
- 2.2.1. Vỏ áp xe lạnh:
- 2.2.2. Mủ:
- 2.3. Triệu chứng
- 2.3.1. Toàn thân:
- 2.3.2. Tại chỗ:
- 2.4. Tiến triển
- 2.5. Xử trí

Bài 22 Viêm Cơ

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1. Trình bày được nguyên nhân của viêm cơ.
 - 1.2. Trình bày được triệu chứng của viêm cơ.
 - 1.3. Xử trí được viêm cơ ở tuyến y tế cơ sở.
- 2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa:
 - 2.1.2. Nguyên nhân:
 - 2.2. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.1. Viêm một bắp cơ
 - 2.2.1.1. Triệu chứng toàn thân:
 - 2.2.1.2. Triệu chứng tại chỗ:
 - 2.3. Diễn biến
 - 2.4. Xử trí ở tuyến y tế cơ sở

CHƯƠNG 2: NGOẠI CHẤN THƯƠNG

Bài 23 Đại Cương Gãy Xương

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1. Kể được các nguyên nhân và phân loại của gãy xương.
 - 1.2. Trình bày được các triệu chứng và biến chứng của gãy xương.
 - 1.3. Trình bày các biện pháp xử trí cấp cứu gãy xương do chấn thương.
- 2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Định nghĩa
 - 2.2. Nhân
 - 2.2.1. Gãy xương chấn thương
 - 2.2.2. Gãy xương bệnh lý
 - 2.2.3. Gãy xương do mỏi (do stress)
 - 2.2.4. Ảnh hưởng của giới tính và tuổi tác đến loại gãy xương
 - 2.3. Phân loại
 - 2.3.1. Gãy xương kín
 - 2.3.2. Gãy xương hở

- 2.4. Triệu chứng
 - 2.4.1. Lâm sàng
 - 2.4.2. Cận lâm sàng
- 2.5. Biến chứng
 - 2.5.1. Choáng chấn thương trong gãy xương
 - 2.5.2. Hội chứng tắc mạch máu do mỡ trong gãy xương
 - 2.5.3. Hội chứng chèn ép khoang cấp tính
 - 2.5.4. Biến chứng các mạch máu lớn
 - 2.5.5. Biến chứng chèn ép thần kinh ngoại biên
 - 2.5.6. Biến chứng nhiễm trùng của gãy xương
 - 2.5.7. Hội chứng rối loạn dinh dưỡng
- 2.6. Biện pháp xử trí cấp cứu gãy xương do chấn thương
- 2.7. Nguyên tắc điều trị gãy xương

Bài 24 Vết Thương Phần Mềm

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1. Kể được cách phân loại vết thương phần mềm.
 - 1.2. Trình bày được cách xử trí, điều trị vết thương phần mềm.
- 2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Phân loại
 - 2.2.1. Vết thương đâm chọc nhỏ (vết thương loại 1)
 - 2.2.2. Vết thương cắt gọn (vết thương loại 2)
 - 2.2.3. Vết thương dập nát (vết thương loại 3)
 - 2.3. Điều trị
 - 2.3.1. Xử trí tại nơi xảy ra tai nạn và tại phòng cấp cứu
 - 2.3.2. Xử trí chính thức vết thương
 - 2.3.3. Săn sóc sau mổ

Bài 25 Bong Gân

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1. Trình bày giải phẫu- sinh lý bệnh của dây chằng.
 - 1.2. Trình bày phân loại và chẩn đoán bong gân.
 - 1.3. Trình bày cách điều trị bong gân.

2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Định nghĩa
 - 2.2. Giải phẫu- sinh lý bệnh của dây chằng
 - 2.2.1. Giai đoạn viêm tấy cấp tính
 - 2.2.2. Giai đoạn phục hồi
 - 2.2.3. Giai đoạn tái tạo lại các dây chằng và các mô khác
 - 2.3. Phân loại
 - 2.3.1. Bong gân độ 1
 - 2.3.2. Bong gân độ 2
 - 2.3.3. Bong gân độ 3
 - 2.4. Chẩn đoán
 - 2.4.1. Bệnh sử
 - 2.4.2. Các dấu hiệu lâm sàng
 - 2.4.3. Xquang
 - 2.4.4. Cộng hưởng từ (mri)
 - 2.5. Điều trị
 - 2.5.1. Điều trị viêm tấy cấp tính
 - 2.5.2. Điều trị phục hồi và tái tạo dây chằng, bao khớp

Bài 26 Trật Khớp

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1. Kể các thành phần của một đơn vị khớp.
 - 1.2. Trình bày phân loại và chẩn đoán trật khớp.
 - 1.3. Trình bày cách điều trị trật khớp.
2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Tổn thương giải phẫu của trật khớp
 - 2.3. Phân loại trật khớp
 - 2.3.1. Theo thời gian
 - 2.3.2. Theo giải phẫu và xquang
 - 2.3.3. Theo mức độ tái phát
 - 2.3.4. Theo thể lâm sàng
 - 2.4. Chẩn đoán trật khớp
 - 2.4.1. Bệnh sử

2.4.2. Triệu chứng lâm sàng

2.4.3. Xquang

2.5. Nguyên tắc điều trị trật khớp

Bài 27 Gãy Xương Hở

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Kể cách phân loại gãy xương hở.

1.2. Trình bày cách chẩn đoán gãy xương hở.

1.3. Trình bày cách xử trí- điều trị gãy xương hở.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

2.2. Loại gãy xương hở

2.3. Các biến chứng của gãy xương hở

2.4. Chẩn đoán

2.5. Xử trí

Bài 28 Vết Thương Mạch Máu

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày được nguyên nhân và triệu chứng của vết thương mạch máu.

1.2. Trình bày cách chẩn đoán và xử trí vết thương mạch máu.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Máu chảy ra ngoài

2.2.2. Bọc máu

2.3. Xử trí

2.3.1. Tại tuyến cơ sở (tuyến không có phẫu thuật)

2.4. Biến chứng

2.4.1. Biến chứng sớm

2.4.2. Biến chứng muộn

Bài 29 Chấn Thương Ngực

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày nguyên nhân và phân loại của chấn thương ngực.

1.2. Kể các yếu tố ảnh hưởng và triệu chứng của chấn thương ngực.

1.3. Trình bày các biến chứng và cách xử trí cấp cứu của chấn thương ngực.

2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Nguyên nhân và phân loại
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Phân loại
 - 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến chức năng hô hấp bình thường
 - 2.3.1. Thành ngực
 - 2.3.2. Đường hô hấp
 - 2.3.3. Áp lực âm tính màng phổi
 - 2.4. Triệu chứng
 - 2.4.1. Gãy xương
 - 2.4.2. Tràn máu màng phổi
 - 2.4.3. Tràn khí màng phổi
 - 2.4.4. Tràn khí- tràn máu màng phổi phổi hợp
 - 2.4.5. Vết thương ngực hở
 - 2.5. Biến chứng
 - 2.6. Xử trí cấp cứu

Bài 30 Nhiễm Khuẩn Ngoại Khoa

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1. Kể các nguyên nhân và điều kiện thuận lợi của nhiễm khuẩn ngoại khoa.
 - 1.2. Trình bày các triệu chứng của nhiễm khuẩn ngoại khoa.
 - 1.3. Trình bày tiến triển- biến chứng và điều trị của nhiễm khuẩn ngoại khoa
2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuận lợi
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Điều kiện thuận lợi
 - 2.3. Triệu chứng
 - 2.3.1. Triệu chứng toàn thân
 - 2.3.2. Triệu chứng tại chỗ
 - 2.3.3. Cận lâm sàng
 - 2.4. Tiến triển và biến chứng
 - 2.5. Điều trị

Bài 31 Nhiễm Trùng Bàn Tay

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- 1.1. Trình bày diễn biến và phân loại của chín mé.
- 1.2. Trình bày viêm tấy các khoang mô lỏng lẻo và viêm tấy bao gân gấp.
- 1.3. Kể cách điều trị chín mé và viêm tấy bàn tay.

2. Nội dung của bài:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Diễn biến
 - 2.2.1. Giai đoạn viêm tấy
 - 2.2.2. Giai đoạn tụ mủ
 - 2.2.3. Giai đoạn biến chứng
- 2.3. Loại chín mé hay gặp
 - 2.3.1. Chín mé nông
 - 2.3.2. Chín mé dưới da
 - 2.3.3. Chín mé sâu
- 2.4. Điều trị

Bài 32 Gãy Xương Chi Trên

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế của gãy xương chi trên.
- 1.2. Kể các triệu chứng và biến chứng của gãy xương chi trên.
- 1.3. Trình bày cách điều trị của gãy xương chi trên.

2. Nội dung của bài:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Loại theo tổn thương giải phẫu bệnh lý
- 2.3. Nguyên nhân và cơ chế
- 2.4. Triệu chứng
 - 2.4.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.1.1. Cơ năng.
 - 2.4.1.2. Thực thể
 - 2.4.2. Biến chứng
- 2.5. Điều trị
 - 2.5.1. Sơ cứu
 - 2.5.2. Điều trị

Bài 33 Gãy Xương Đùi

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày các triệu chứng, biến chứng của gãy cổ và thân xương đùi.

1.2. Kể cách điều trị của gãy cổ và thân xương đùi.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng lâm sàng

2.2.1. Gãy cổ chính danh, gãy khớp

2.2.2. Gãy cổ chính danh, gãy dang (loại gãy này ít gặp)

2.2.3. Gãy máu chuyển

2.3. Triệu chứng cận lâm sàng

2.4. Tiên triển và biến chứng

2.4.1. Biến chứng sớm

2.4.2. Biến chứng muộn

2.5. Điều trị

Bài 34 Gãy Hai Xương Cẳng Chân

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1. Trình bày các triệu chứng và biến chứng của gãy hai xương cẳng chân.

1.2. Kể cách điều trị của gãy hai xương cẳng chân.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân sinh bệnh

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Triệu chứng cơ năng

2.3.2. Triệu chứng thực thể

2.3.3. Triệu chứng toàn thân

2.3.4. Triệu chứng cận lâm sàng

2.4. Biến chứng

2.5. Hướng điều trị

2.5.1. Sơ cứu

2.5.2. Hướng điều trị

CHƯƠNG 3: NGOẠI TIẾT NIỆU

Bài 35 Chấn Thương Thận- Bàng Quang

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

1.1.Trình bày các nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, diễn biến và điều trị của chấn thương thận.

1.2.Kể các nguyên nhân, tổn thương giải phẫu, triệu chứng và điều trị của chấn thương bàng quang.

2. Nội dung của bài:

2.1. Tổn thương giải phẫu bệnh

2.2. Nguyên nhân chấn thương thận

2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.3.1. Triệu chứng cơ năng

2.3.2. Triệu chứng thực thể

2.3.3. Triệu chứng toàn thân

2.4. Triệu chứng cận lâm sàng

2.5. Diễn biến

2.6. Biến chứng

2.7. Hướng điều trị

Chấn thương bàng quang

2.8. Nguyên nhân

2.9. Tổn thương giải phẫu bệnh

2.10. Triệu chứng

2.10.1. Triệu chứng lâm sàng

2.10.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.11. Hướng điều trị

Bài 36 Sỏi Thận- Bàng Quang

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1.Mục tiêu của bài:

1.1.Trình bày các nguyên nhân sinh bệnh, giải phẫu bệnh lý, triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị của sỏi thận.

1.2.Kể các nguyên nhân sinh bệnh, giải phẫu bệnh lý, triệu chứng và hướng điều trị của sỏi bàng quang.

2.Nội dung của bài:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân sinh bệnh

2.2.1. Sỏi thứ phát

2.2.2. Sỏi nguyên phát

2.2.3. Các loại sỏi thận

- 2.3. Giải phẫu bệnh lý
 - 2.3.1. Viên sỏi
 - 2.3.2. Thận có sỏi
- 2.4. Triệu chứng
 - 2.4.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.1.1. Triệu chứng cơ năng.
 - 2.4.1.2. Triệu chứng thực thể.
 - 2.4.1.3. Triệu chứng toàn thân.
 - 2.4.2. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.5. Biến chứng
- 2.6. Hướng điều trị
- Sỏi bàng quang
- 2.7. Đại cương
- 2.8.. Nguyên nhân sinh bệnh
 - 2.8.1. Sỏi nguyên phát
 - 2.8.2. Sỏi thứ phát
- 2.9. Giải phẫu bệnh lý
 - 2.9.1. Viên sỏi
 - 2.9.2. Bàng quang có sỏi
- 2.10. Triệu chứng
 - 2.10.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.10.2. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.11. Biến chứng
- 2.12. Hướng điều trị

CHƯƠNG 4: NGOẠI THẦN KINH

Bài 37 Chấn Thương Sọ Não

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1 Trình bày được nguyên nhân và phân loại của chấn thương sọ não.
 - 1.2. Kể các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của chấn thương sọ não.
 - 1.3. Trình bày cách điều trị và di chứng của chấn thương sọ não.
- 2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Nguyên nhân cơ chế
- 2. Phân loại

- 2.2.1. Chấn thương sọ não kín
- 2.2.2. Vết thương sọ não
- 2.3. Lâm sàng
 - 2.3.1. Hỏi bệnh
 - 2.3.2. Khám da đầu và xương sọ
 - 2.3.3. Dấu hiệu tri giác: dựa vào thang điểm glasgow
 - 2.3.4. Dấu hiệu liệt khu trú, liệt thần kinh sọ não
 - 2.3.5. Dấu hiệu thần kinh thực vật
 - 2.3.6. Vết thương sọ não hở
 - 2.3.7. Khám phát hiện những tổn thương phối hợp khác
- 2.4. Triệu chứng cận lâm sàng
 - 2.4.1. Chụp sọ không chuẩn bị
 - 2.4.2. Chụp sọ có chuẩn bị
 - 2.4.3. Chụp cắt lớp vi tính (ct.scanner)
 - 2.4.4. Chụp cộng hưởng từ (mri)
 - 2.4.5. Làm các xét nghiệm thường quy
- 2.5. Điều trị
 - 2.5.1. Xử trí ban đầu
 - 2.5.2. Phẫu thuật
 - 2.5.3. Bảo tồn
- 2.6. Di chứng sau chấn thương sọ não
 - 2.6.1. Di chứng về thần kinh
 - 2.6.2. Di chứng về tâm thần

Bài 38 Chấn Thương Cột Sống

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:
 - 1.1. Trình bày được nguyên nhân và tổn thương giải phẫu bệnh của chấn thương cột sống.
 - 1.2. Kể các triệu chứng, tiến triển và tiên lượng của chấn thương cột sống.
 - 1.3. Trình bày cách sơ cứu và điều trị của chấn thương cột sống.
2. Nội dung của bài:
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Giải phẫu và sinh lý bệnh
 - 2.2.1. Sinh lý
 - 2.2.2. Giải phẫu bệnh

2.3. Nguyên nhân

2.3.1. Gián tiếp

2.3.2. Trực tiếp

2.4. Triệu chứng

2.4.1. Gãy cột sống không liệt tủy

2.4.2. Gãy cột sống có liệt tủy

2.4.3. Triệu chứng chèn ép tủy

2.5. Tiến triển và tiên lượng

2.5.1. Gãy cột sống không liệt tủy

2.5.2. Gãy cột sống có liệt tủy

2.6. Xử trí

2.6.1. Sơ cứu

2.6.2. Điều trị

CHƯƠNG 5: THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thực tập tại khoa Ngoại Tổng Quát

Thời gian: 88 tiết

Kiểm tra định kỳ hình thức tự luận / Vấn đáp

Thời gian: 03tiết

1. Mục tiêu:

- Tiếp xúc và hỏi được bệnh sử, tiền sử bệnh lý của người bệnh
- Thực hành thăm khám được các bệnh lý ngoại khoa thường gặp
- Tư vấn được chế độ điều trị các bệnh lý ngoại khoa.

2. Chỉ tiêu

STT	Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
		Thực tập	Kiến tập	
1	Thăm khám bệnh nhân viêm phúc mạc	10		
2	Thăm khám được bệnh nhân viêm ruột thừa	4		
3	Thăm khám được bệnh nhân tắc ruột	10		
4	Thăm khám được bệnh nhân viêm ruột thừa	5		
5	Chẩn đoán được bệnh nhân viêm ruột thừa và hướng xử trí	15		

6	Chẩn đoán được bệnh nhân tắc ruột, thoát vị bẹn và hướng xử trí	6		
7	Chọc dò màng phổi , màng bụng	2		
8	Thăm khám được bệnh nhân được bệnh nhân tràn khí , tràn máu màng phổi	10		
9	Làm và bình bệnh án ngoại khoa	4		
10	Thực hành khám bụng ngoại khoa	20		
11	Kiểm tra chuyên khoa bình bệnh án vấn đáp	2		

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: phòng học lý thuyết; các cơ sở y tế có các khoa lâm sàng chuyên khoa Ngoại tổng quát.

2. Trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy chiếu, micro, ống nghe, máy đo HA, đèn pin, búa phản xạ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, bảng, phấn, nguyên vật liệu tiêu hao tương ứng với các chỉ tiêu thực tập lâm sàng.

4. Các điều kiện khác: sinh viên phải học xong các môn học Vi sinh – Ký sinh trùng, Giải phẫu – Sinh lý, KNGT và giáo dục sức khỏe, điều dưỡng cơ bản – KTĐD, Cấp cứu ban đầu.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán các bệnh lý Ngoại khoa thường gặp và nêu được hướng xử trí.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng, bệnh lý Ngoại khoa.

+ Thăm khám bệnh nhân viêm phúc mạc

+ Thăm khám được bệnh nhân viêm ruột thừa

+ Thăm khám được bệnh nhân tắc ruột

+ Thăm khám được bệnh nhân viêm ruột thừa...

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được các bệnh lý Ngoại khoa thường gặp.

+ Chẩn đoán được bệnh nhân viêm ruột thừa và hướng xử trí

+ Chẩn đoán được bệnh nhân tắc ruột, thoát vị bẹn và hướng xử trí...

2. Phương pháp:

- Hình thức đánh giá: trắc nghiệm, vấn đáp hoặc thực hiện kỹ thuật thăm khám người bệnh theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.

+ Hình thức kiểm tra bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp.

+ Hình thức thi kết thúc môn học: bình bệnh án vấn đáp trên người bệnh tại cơ sở y tế.

- Điểm kiểm tra gồm 2 cột điểm: 1 cột thường xuyên (phần lý thuyết bệnh ngoại khoa) và 1 cột định kỳ (đánh giá lâm sàng khoa Ngoại tổng quát). Trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2.

+ Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Bình bệnh án vấn đáp trên người bệnh, từ 45 đến 60 phút

+ Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

1.1. Đơn vị phụ trách môn học: Khoa Y.

1.2. Đối tượng học tập: Sinh viên Ngành Y sĩ Cao Đẳng Chính Quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giảng viên chuẩn bị bài giảng trước khi lên lớp

+ Tổ chức lớp học phân công nhóm thực hiện thuyết trình, thảo luận, vấn đáp,...

+ Soạn câu hỏi kiểm tra

+ Tổ chức đánh giá quá trình, kết quả học tập giữa học phần, cuối học phần

+ Báo cáo kết quả giảng dạy, kết quả học tập của sinh viên

- Đối với người học:

+ Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia tối thiểu 80% giờ thực hành/thực tập và có báo cáo kết quả.

- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- + Tham dự thi kết thúc môn học.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Trọng tâm là chẩn đoán các bệnh lý Ngoại khoa thường gặp và nêu được hướng xử trí.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Tuấn. (2014), "Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, hình ảnh cắt lớp điện toán và kết quả điều trị phẫu thuật nhồi máu ruột do tắc mạch mạc treo". Luận án tiến sĩ y học.

[2]. Nguyễn Văn Việt., và cs. (2010), "Góp phần nghiên cứu các dấu hiệu hình ảnh chụp cắt lớp vi tính ở bệnh nhân thiếu máu mạc treo cấp tính", Y Dược học quân sự, Tập 35, tr. 39-43.

[3]. Vũ Hữu Vĩnh. (2008), "Vai trò của can thiệp mạch máu trong tắc mạch mạc treo", Y học TP.HCM, Tập 12(Phụ bản của Số 3), tr. 9-13.

[4]. Bệnh học Ngoại – Điều trị Ngoại; Bộ môn Ngoại ĐHYD T/p HCM; NXB Y học 2006.

[5]. Bệnh học Ngoại T1, T2 ; Bộ môn Ngoại ĐH Y Hà nội; NXB Y học 2007.

[6]. Acosta, S., Nilsson, T. K., Bjorck, M. (2004), "D-dimer testing in patients with suspected acute thromboembolic occlusion of the superior mesenteric artery", Br J Surg, 91(8), pp. 991-994.

[7]. Acosta, S., Sonesson, B., Resch, T. (2009), "Endovascular therapeutic approaches for acute superior mesenteric artery occlusion, Cardiovasc Intervent Radiol, 32(5), pp. 896-905.

[8]. Boley, S. J., Brandt, L. J., Veith, F. J. (1978), "Ischemic disorders of the intestines", Curr Probl Surg, 15(4), pp. 1-85.

[9]. Boley, S. J., Kaleya, R. N. (2003). Mesenteric ischemic disorders. In Maingot's Abdominal operations, 10th ed., Vol. 1, pp. 655-689. McGraw-Hill's.

[10]. Bradbury, A. W., Brittenden, J., McBride, K., Ruckley, C. V. (1995), "Mesenteric ischaemia: a multidisciplinary approach" Br J Surg, 82(11), pp. 1446-1459.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

TÊN MÔN HỌC: Bệnh học Nhi khoa

MÃ MÔN HỌC: MH24A113526

Thời gian thực hiện môn học: 135 giờ; (Lý thuyết: 44 giờ; Thực hành: 88 giờ;Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học :

- Vị trí: Bệnh học nhi là một môn học trong chương trình đào tạo y sĩ cao đẳng được học ở học kỳ 2 và là một trong các chuyên khoa chuyên ngành quan trọng.

- Tính chất: Đây là môn học lý thuyết, sau khi học kết thúc môn học sinh sẽ đi thực hành trên người bệnh tại các cơ sở y tế.

II. Mục tiêu môn học: theo chuẩn đầu ra ngành Y sĩ Cao Đẳng

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán các bệnh lý ở trẻ em thường gặp và nêu được hướng xử trí.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng, bệnh lý ở trẻ em.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được các bệnh lý ở trẻ em thường gặp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số Tt	Tên các bài trong Môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1 Đặc điểm giải phẫu – sinh lý trẻ em 1. Đặc điểm da, cơ xương ở trẻ em 1.1. Da 1.2. Cơ 1.3. Xương 2. Đặc điểm hệ hô hấp 2.1. Đặc điểm giải phẫu 2.2. Đặc điểm sinh lý 3. Đặc điểm hệ tuần hoàn trẻ em 3.1. Đặc điểm tuần hoàn bào thai 3.2. Đặc điểm tuần hoàn sau sinh 3.3. Các chỉ số huyết động học cơ bản	3	3	0	0

	<p>4. Đặc điểm hệ máu trẻ em</p> <p>4.1. Đặc điểm sự tạo máu</p> <p>4.2 Đặc điểm về tế bào máu ở trẻ em</p> <p>5. Đặc điểm của bộ máy tiêu hóa trẻ em</p> <p>5.1 Miệng</p> <p>5.2 Tuyến nước bọt</p> <p>5.3 Thực quản</p> <p>5.4 Dạ dày</p> <p>5.5 Ruột</p> <p>5.6 Phân</p> <p>5.7 Gan</p>				
2	<p>Chương 2 Các thời kỳ của tuổi trẻ</p> <p>1. Thời kỳ bào thai</p> <p>1.1. Giai đoạn phát triển phôi thai</p> <p>1. 2. Giai đoạn phát triển thai nhi</p> <p>2. Thời kỳ sơ sinh</p> <p>3. Thời kỳ nhũ nhi</p> <p>4. Thời kỳ răng sữa</p> <p>5. Thời kỳ niên thiếu hoặc tuổi học đường</p> <p>6. Thời kỳ dậy thì</p> <p>7. Kết luận</p>	2	2	0	0
3	<p>Chương 3 Sự tăng trưởng thể chất ở trẻ em</p> <p>1. Cân nặng</p> <p>1.1. Trẻ sơ sinh</p> <p>1.2. Trẻ dưới 1 tuổi</p> <p>1.3. Trẻ từ 1 tuổi trở lên</p> <p>2. Chiều cao</p> <p>2.1. Trẻ sơ sinh</p> <p>2.2. Trẻ dưới 1 tuổi</p> <p>2.3. Trẻ từ 1 tuổi trở lên</p> <p>3. Vòng đầu và vòng cánh tay</p> <p>3.1. Vòng đầu</p> <p>3.2. Vòng cánh tay</p> <p>4. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng thể chất</p> <p>4.1. Những yếu tố bên trong cơ thể</p> <p>4.2. Những yếu tố bên ngoài cơ thể</p> <p>5. Kết luận</p>	2	2	0	2

4	<p>Chương 4 Dinh dưỡng trẻ em</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nuôi con bằng sữa mẹ <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Tính chất ưu việt của sữa mẹ 1.2. Sữa non 1.3. Sữa vĩnh viễn 1.4. Thành phần của sữa mẹ và các chất tiết qua sữa mẹ 1.5. Cách cho con bú 1.6. Một số biến cố khi cho con bú 2. Nuôi con khi không có sữa mẹ <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Nuôi bằng sữa thay thế 2.2. Nuôi trẻ bằng sữa bột 2.3. Số bữa ăn và số lượng sữa trong ngày 3. Ăn dặm <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Phân tích lý do tại sao cho trẻ ăn dặm 3.2. Nguyên tắc dứt sữa và ăn dặm 3.3. Xây dựng khẩu phần ăn dặm 3.4. Thực đơn hướng dẫn nuôi dưỡng trẻ 	3	3	0	2
5	<p>Chương 5 Đặc điểm trẻ sơ sinh</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm trẻ sơ sinh đủ tháng <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Đặc điểm hình thể 1.2. Đặc điểm sinh lý 2. Đặc điểm trẻ sơ sinh đẻ non <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Đặc điểm hình thể trẻ đẻ non 2.2. Đặc điểm sinh lý 2.3. Nhu cầu dinh dưỡng 2.4. Phân loại nhóm trẻ đẻ non và cách xử trí 3. Đánh giá tuổi thai <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Bảng đánh giá tuổi thai 3.2. Cách đánh giá tuổi thai 3.3. Nguy cơ thường gặp ở trẻ đẻ non 	1	1	0	0
6	<p>Chương 6 Vàng da sơ sinh</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Chuyển hóa bilirubin 3. Nguyên nhân vàng da sơ sinh <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Vàng da tăng bilirubin gián tiếp 3.2. Vàng da do tăng Bilirubin trực tiếp 4. Chẩn đoán 5. Cận lâm sàng 	2	2	0	0

	6. Biến chứng vàng da nhân 6.1. Triệu chứng 6.2. Nguyên nhân 7. Điều trị 7.1. Điều trị vàng da tăng bilirubin gián tiếp 7.2. Điều trị vàng da do tăng Bilirubin trực tiếp				
7	Chương 7 Xuất huyết não – màng não muện sơ sinh 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh 2.1. Nguyên nhân 2.2. Bệnh sinh của thiếu vitamin K trong XHNMM 3. Lâm sàng 3.1. Thiếu máu cấp 3.2. Tăng áp lực nội sọ 3.3. Nặng hơn 4. Cận lâm sàng 4.1. Xét nghiệm 4.2. Chẩn đoán hình ảnh 4.3. Chọc dò tuỷ sống 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng ngừa	2	2	0	0
8	Chương 8 Thiếu vitamin A và bệnh khô mắt 1. Nguồn cung cấp, chuyển hóa và vai trò của Vitamin A trong cơ thể. 1.1. Nguồn cung cấp vitamin A 1.2. Chuyển hóa của vitamin A trong cơ thể 1.3. Vai trò của vitamin A 2. Nguyên nhân gây thiếu vitamin A 3. Biểu hiện lâm sàng 3.1. Quáng gà (XN) 3.2. Khô kết mạc (X1A) 3.3. Vệt Biot (X1B) 3.4. Khô mờ giác mạc (X2) 3.5. Loét nhuyễn giác mạc (X3A) 3.6. Hoại tử toàn bộ giác mạc (X3B): 3.7. Sẹo giác mạc sau khô mắt (XS) 4. Chẩn đoán	1	1	0	0

	<p>5. Điều trị</p> <p>5.1 Giáo dục dinh dưỡng cho các bà mẹ về nuôi con theo khoa học</p> <p>5.2 Uống vitamin A liều tấn công</p> <p>6. Phòng bệnh</p>				
9	<p>Chương 9 Còi xương do thiếu vitamin D</p> <p>1.Nguồn cung cấp, chuyển hóa và vai trò của Vitamin D trong cơ thể</p> <p>1.1. Nguồn cung cấp</p> <p>1.2. Chuyển hóa</p> <p>1.3. Vai trò của vitamin D</p> <p>2. Nguyên nhân và điều kiện thuận lợi</p> <p>2.1. Nguyên nhân</p> <p>2.2. Điều kiện thuận lợi</p> <p>3. Các thể lâm sàng</p> <p>3.1. Thể cổ điển ở trẻ trên 6 tháng</p> <p>3.2. Bệnh còi xương sớm ở trẻ dưới 6 tháng</p> <p>3.3. Bệnh còi xương bào thai:</p> <p>4. Chẩn đoán</p> <p>5. Điều trị</p> <p>5.1. Giáo dục cho bà mẹ cách nuôi con theo khoa học</p> <p>5.2. Điều trị vitamin D:</p>	1	1	0	0
10	<p>Chương 10 Thiếu Vitamin B1</p> <p>1.Nguồn cung cấp, chuyển hóa và vai trò của vitamin B1</p> <p>1.1.Nguồn cung cấp</p> <p>1.2. Chuyển hóa</p> <p>1.3. Vai trò của vitamin B1</p> <p>2.Nguyên nhân thiếu Vitamin B1</p> <p>2.1. Thiếu cung cấp từ thức ăn</p> <p>2.2. Giảm tổng hợp ở ruột</p> <p>3. Các thể lâm sàng</p> <p>3.1. Thể tim mạch</p> <p>3.2. Thể thần kinh</p> <p>3.3. Thể mẫn hay gặp ở trẻ nuôi nhân tạo</p> <p>3.4. Thể tiềm ẩn</p> <p>4. Chẩn đoán</p> <p>5. Điều trị</p>	1	1	0	0

	6. Phòng bệnh				
11	Chương 11 Bệnh suy dinh dưỡng 1. Định nghĩa 2. Dịch tễ học 3. Nguyên nhân 3.1. Nhiễm trùng và ký sinh trùng 3.2. Các dị tật bẩm sinh 3.3. Thiếu kiến thức nuôi con theo khoa học 4. Hậu quả của suy dinh dưỡng 5. Phân loại suy dinh dưỡng 5.1. Cân nặng theo tuổi (CN/T) 5.2. Chiều cao theo tuổi (CC/T) 5.3. Cân nặng theo chiều cao (CN/CC) 5.4. Phân loại theo WATERLOW 6. Triệu chứng lâm sàng 6.1. Giai đoạn khởi phát 6.2. Giai đoạn toàn phát 6.2.1. SDD thể phù (KWASHIORKOR) 6.2.2. SDD thể teo đét (MARASMUS) 6.2.3. Thể hỗn hợp 7. Chẩn đoán 8. Điều trị 8.1. SDD thể nhẹ và vừa không có biến chứng 8.2. SDD thể vừa kèm biến chứng và SDD thể nặng	4	4	0	0
12	Chương 12 Nôn trớ ở trẻ em 1. Cơ chế sinh lý của nôn 2. Tiếp cận lâm sàng một bệnh nhân nôn 2.1. Hỏi bệnh 2.2. Thăm khám 3. Nguyên nhân nôn 3.1. Nôn do các bệnh ở ngoài đường tiêu hóa 3.1.1. Do tổn thương não, màng não 3.1.2. Nôn trong một số bệnh nhiễm trùng 3.1.3. Nôn do các bệnh rối loạn chuyển hóa	2	2	0	0

	<p>3.2. Nôn do bệnh ở đường tiêu hóa</p> <p>3.2.1. Các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa</p> <p>3.2.2. Hẹp phì đại môn vị</p> <p>3.2.3. Luồng trào ngược dạ dày thực quản</p> <p>3.2.4. Các dị tật ở đường tiêu hóa và các bệnh cấp cứu ngoại khoa khác</p> <p>3.3. Do ngộ độc</p> <p>3.4. Do sai lầm về ăn uống</p> <p>4. Điều trị</p> <p>4.1 Xử trí cấp cứu ngay lúc trẻ nôn</p> <p>4.2 Điều trị nguyên nhân:</p> <p>4.3 Điều trị nâng đỡ</p> <p>5. Kết luận</p>				
13	<p>Chương 13 Co giật ở trẻ em</p> <p>1. Dịch tễ học</p> <p>2. Nguyên nhân</p> <p>2.1. Co giật có nguyên nhân kích gợi</p> <p>2.2. Co giật không có nguyên nhân kích gợi</p> <p>3. Tiếp cận chẩn đoán co giật</p> <p>4. Co giật do sốt</p> <p>5. Xử trí cơn co giật</p> <p>6. Lời khuyên cho các bậc cha mẹ khi trẻ có cơn sốt cao co giật</p>	3	3	0	0
14	<p>Chương 14 Viêm miệng</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Nguyên nhân</p> <p>2.1. Tình trạng vệ sinh răng miệng kém.</p> <p>2.2. Do thức ăn, nước uống</p> <p>2.3. Do thuốc</p> <p>2.4. Các kích thích vật lý</p> <p>2.5. Phản ứng dị ứng</p> <p>2.6. Các bệnh lý hệ thống</p> <p>2.7. Các bệnh lý nhiễm trùng</p> <p>2.8. Nhiều trường hợp không tìm thấy nguyên nhân</p> <p>3. Triệu chứng</p> <p>4. Điều trị</p> <p>5. Một số nguyên nhân gây viêm miệng</p> <p>5.1. Viêm miệng áp tơ</p>	1	1	0	0

	5.2. Bệnh tay chân miệng 5.3. Viêm miệng do nấm Candida albicans 5.4. Viêm miệng do Herpes simplex 5.5. Viêm miệng do varicella zoster virus (Herpes zoster)				
15	Chương 15 Viêm cầu thận cấp 1. Dịch tễ học 2. Nguyên nhân 3. Bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Chẩn đoán 7. Diễn tiến 8. Điều trị 9. Theo dõi 10. Dự phòng	2	2	0	0
16	Chương 16 Hội chứng thận hư 1. Định nghĩa 2. Phân loại 3. Cơ chế bệnh sinh 4. Lâm sàng 5. Cận lâm sàng 6. Biến chứng 7. Diễn tiến và dự hậu 8. Điều trị 9. Theo dõi 10. Dự phòng	2	2	0	0
17	Chương 17 Nhiễm trùng tiểu 1. Đặc điểm dịch tễ học 2. Đường vào và yếu tố thuận lợi 3. Nguyên nhân 4. Lâm sàng 5. Cận lâm sàng 5.1. Cây nước tiểu 5.2. Tổng phân tích nước tiểu 5.3. Xem cận lắng 6. Chẩn đoán 7. Điều trị	2	2	0	0
18	Chương 18 Viêm phổi 1. Định nghĩa và phân loại 1.1. Định nghĩa	3	3	0	0

TIA
JNG
ĐAN
TÊ
GIA
★

	<p>1.2. Phân loại</p> <p>1.2.1. Theo giải phẫu</p> <p>1.2.2. Theo độ nặng</p> <p>2. Dịch tễ học</p> <p>2.1. Yếu tố thuận lợi:</p> <p>2.2. Yếu tố nguy cơ gây viêm phế quản phổi tái phát</p> <p>2.3. Nguyên nhân:</p> <p>2.3.1. Do vi sinh</p> <p>2.3.2. Không do vi sinh</p> <p>3. Lâm sàng</p> <p>3.1. Giai đoạn khởi phát</p> <p>3.2. Giai đoạn toàn phát</p> <p>4. Cận lâm sàng</p> <p>4.1. Xquang: Bóng mờ ở phổi được chia làm 3 loại:</p> <p>4.2. Công thức máu</p> <p>4.3. Vs, CRP</p> <p>4.4. Xét nghiệm đàm</p> <p>4.5. Cây máu</p> <p>5. Điều trị</p> <p>6. Hướng dẫn bà mẹ cách chăm sóc và theo dõi trẻ bị viêm phổi tại nhà</p>				
19	<p>Chương 19 Nhiễm khuẩn hô hấp cấp ở trẻ em</p> <p>1. Mục tiêu chương trình ARI</p> <p>2. Đại cương</p> <p>3. Triệu chứng của trẻ bị ARI</p> <p>4. Đánh giá, phân loại và xử trí ARI ở trẻ em</p> <p>4.1. Đánh giá</p> <p>4.2. Phân loại và xử trí ARI ở trẻ em</p> <p>4.3. Điều trị ARI:</p> <p>4.4. Hướng dẫn bà mẹ chăm sóc trẻ tại nhà</p>	3	3	0	0
20	<p>Chương 20 Hen phế quản</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Yếu tố nguy cơ</p> <p>2.1- Yếu tố chủ thể</p> <p>2.2- Yếu tố môi trường</p> <p>3. Lâm sàng</p> <p>3.1- Con hen phế quản đặc hiệu</p> <p>3.2- Hen phế quản ở trẻ nhũ nhi</p> <p>4. Cận lâm sàng</p>	4	4	0	0

	<p>4.1-Các xét nghiệm xác định tác nghẽn phế quản</p> <p>4.2-Các xét nghiệm hỗ trợ chẩn đoán và điều trị</p> <p>5. Chẩn đoán</p> <p>5.1- Chẩn đoán xác định</p> <p>5.2-Chẩn đoán phân biệt</p> <p>6. Đánh giá độ nặng cơn hen cấp</p> <p>7. Phân bậc hen</p> <p>8. Điều trị</p> <p>9. Điều trị dự phòng</p>				
21	<p>Chương 21 Tiêu chảy ở trẻ em</p> <p>1.Đại cương</p> <p>2.Dịch tễ</p> <p>3.Phân loại tiêu chảy</p> <p>3.1.Tiêu chảy cấp.</p> <p>3.2. Hội chứng lỵ</p> <p>3.3. Tiêu chảy kéo dài</p> <p>4. Thăm khám một trẻ bị tiêu chảy</p> <p>5. Phác đồ điều trị tiêu chảy</p> <p>5.1.Phác đồ A: điều trị tiêu chảy tại nhà</p> <p>5.2.Phác đồ B: Điều trị tiêu chảy có mất nước bằng ORS</p> <p>5. 3.Phác đồ C: nhanh chóng điều trị mất nước nặng</p> <p>5.4.Điều trị những biểu hiện khác</p> <p>5.5..Sử dụng kháng sinh trong điều trị tiêu chảy</p> <p>5.6..Những thuốc không sử dụng trong điều trị tiêu chảy</p> <p>5.7. Xử trí những tình huống bù dịch bằng đường uống không hiệu quả</p> <p>6. Phòng ngừa bệnh tiêu chảy</p>	4	4	0	0
22	<p>Chương 22 Bệnh thấp tim</p> <p>1.Dịch tễ học</p> <p>2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh</p> <p>2.1. Nguyên nhân</p> <p>2.2. Cơ chế bệnh sinh</p> <p>3. Triệu chứng</p> <p>3.1. Viêm khớp</p> <p>3.2. Viêm tim</p> <p>3.3. Múa vờn</p> <p>3.4. Hạt thấp dưới da</p>	1	1	0	0

	<p>3.5. Ban đỏ vòng 3.6. Các triệu chứng phụ 4. Cận lâm sàng 5. Chẩn đoán 6. Điều trị 7. Phòng bệnh</p>				
23	<p>Chương 23 Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp trẻ em 1. Tâm quan trọng và ý nghĩa của chiến lược lồng ghép 2. Thăm khám, đánh giá, phân loại và xử trí trẻ bệnh từ 2 tháng đến 5 tuổi 2.1. Dấu hiệu nguy hiểm toàn thân 2.2. Ho hoặc khó thở 2.3. Tiêu chảy 2.4. Sốt 2.5. Bệnh ở tai 2.6. Kiểm tra suy dinh dưỡng và thiếu máu 2.7. Kiểm tra tiêm chủng 2.8. Kiểm tra, đánh giá những bệnh khác 3. Thăm khám, đánh giá, phân loại và xử trí trẻ nhỏ bị bệnh dưới 2 tháng tuổi 3.1. Đánh giá, phân loại trẻ nhỏ có khả năng nhiễm khuẩn 3.2. Đánh giá, phân loại trẻ nhỏ tiêu chảy 3.3. Kiểm tra vấn đề dinh dưỡng hoặc nhẹ cân 3.4. Đánh giá bữa bú 3.5. Phân loại vấn đề nuôi dưỡng và nhẹ cân 3.6. Kiểm tra tiêm chủng 3.7. Đánh giá các vấn đề khác 4. Xác định điều trị 5. Tham vấn cho bà mẹ</p>	2	2	0	0
24	<p>Chương 24 Sốt xuất huyết Dengue 1. Đại cương 2. Diễn biến lâm sàng bệnh sốt xuất huyết Dengue 2.1. Giai đoạn sốt 2.2. Giai đoạn nguy hiểm:</p>	4	4	0	0

	<p>2.3. Giai đoạn hồi phục</p> <p>3.Chẩn đoán</p> <p>3.1. Phân độ (Theo Tổ chức Y tế Thế giới năm 2009):</p> <p>3.2. Chẩn đoán căn nguyên vi rút Dengue</p> <p>4. Điều trị</p> <p>4.1. Điều trị sốt xuất huyết Dengue</p> <p>4.2. Điều trị Sốt xuất huyết Dengue có dấu hiệu cảnh báo</p> <p>4.3. Điều trị sốc sốt xuất huyết Dengue nặng</p> <p>4.4. Tiêu chuẩn cho người bệnh xuất viện</p> <p>5. Phòng bệnh</p> <p>6. Phát hiện và xử trí điều trị sốt xuất huyết Dengue ở tuyến cơ sở khi có dịch</p>				
25	<p>Chương 25 Bệnh tay chân miệng</p> <p>1.Đại cương</p> <p>2.Chẩn đoán</p> <p>2.1. Chẩn đoán xác định</p> <p>2.2 Chẩn đoán phân biệt</p> <p>3. Diễn tiến và biến chứng</p> <p>3.1. Phân độ</p> <p>3.2. Biến chứng</p> <p>4. Điều trị</p> <p>5. Phòng ngừa</p>	4	4	0	0
26	<p>Chương 26 Chương trình tiêm chủng mở rộng</p> <p>1.Giới thiệu chương trình tiêm chủng mở rộng</p> <p>2. Ý nghĩa của tiêm chủng</p> <p>3.Thành quả chương trình tiêm chủng mở rộng</p> <p>4. Các bệnh dự phòng bằng vaccin trong chương trình tiêm chủng mở rộng</p> <p>4.1. Lao</p> <p>4.2. Bạch hầu</p> <p>4.3. Ho gà</p> <p>4.4. Uốn ván</p> <p>4. 5. Bại liệt</p> <p>4. 6. Sởi</p>	2	2	0	0

4.7. Viêm gan siêu vi B 4.8. Viêm não Nhật Bản 4.9. Tả 4.10. Thương hàn 4.11. Viêm phổi/viêm màng não do Heamophilus Influenza typ B (Hib) 5. Lịch tiêm chủng theo chương trình tiêm chủng mở rộng 5.1.Lịch tiêm chủng cho trẻ em 5.2.Lịch tiêm chủng cho phụ nữ 5.3. Chủng chỉ định tiêm chủng 6. An toàn tiêm chủng 7. Phản ứng sau tiêm chủng				
THỰC TẬP BỆNH VIỆN: Khoa Nhi	88	0	88	0
Kiểm tra	3	0	0	03
Cộng	135	44	88	03

2. Nội dung chi tiết

Chương 1 Đặc điểm giải phẫu – sinh lý trẻ em

Thời gian: 03 giờ (03LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm cấu tạo và giải phẫu của từng hệ cơ quan.

2. Nội dung của chương

2.1. Đặc điểm da, cơ xương ở trẻ em

2.1.1. Da

2.1.2. Cơ

2.1.3. Xương

2.2. Đặc điểm hệ hô hấp

2.2.1. Đặc điểm giải phẫu

2.2.2. Đặc điểm sinh lý

2.3. Đặc điểm hệ tuần hoàn trẻ em

2.3.1. Đặc điểm tuần hoàn bào thai

2.3.2. Đặc điểm tuần hoàn sau sinh

2.3.3. Các chỉ số huyết động học cơ bản

2.4. Đặc điểm hệ máu trẻ em

- 2.4.1. Đặc điểm sự tạo máu
- 2.4.2 Đặc điểm về tế bào máu ở trẻ em
- 2.5. Đặc điểm của bộ máy tiêu hóa trẻ em
 - 2.5.1 Miệng
 - 2.5.2 Tuyến nước bọt
 - 2.5.3 Thực quản
 - 2.5.4 Dạ dày
 - 2.5.5 Ruột
 - 2.5.6 Phân
 - 2.5.7 Gan

Chương 2 Các thời kỳ của tuổi trẻ

Thời gian: 02 giờ (02LT, 0TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Kể được 6 thời kỳ của trẻ em.
- Mô tả được đặc điểm bình thường của mỗi thời kỳ.
- Kể được hậu quả, nếu có bất thường.

2. Nội dung của bài:

2.1. Thời kỳ bào thai

2.1.1. Giai đoạn phát triển phôi thai

2.1.2. Giai đoạn phát triển thai nhi

2.2. Thời kỳ sơ sinh

2.3. Thời kỳ nhũ nhi

2.4. Thời kỳ răng sữa

2.5. Thời kỳ niên thiếu hoặc tuổi học đường

2.6. Thời kỳ dậy thì

2.7. Kết luận

Chương 3 Sự tăng trưởng thể chất ở trẻ em

Thời gian: 02 giờ (02LT, 0TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Kể được 10 yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng thể chất
- Trình bày các chỉ số về cân nặng, chiều cao, sự phát triển của não, phần mềm, các chi, răng và các điểm cốt hóa ở các khớp xương.

2. Nội dung của bài:

2.1. Cân nặng

2.1.1. Trẻ sơ sinh

2.1.2. Trẻ dưới 1 tuổi

2.1.3. Trẻ từ 1 tuổi trở lên

2.2. Chiều cao

2.2.1. Trẻ sơ sinh

2.2.2. Trẻ dưới 1 tuổi

2.2.3. Trẻ từ 1 tuổi trở lên

2.3. Vòng đầu và vòng cánh tay

2.3.1. Vòng đầu

2.3.2. Vòng cánh tay

2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng thể chất

2.4.1. Những yếu tố bên trong cơ thể

2.4.2. Những yếu tố bên ngoài cơ thể

2.5. Kết luận

Chương 4 Dinh dưỡng trẻ em

Thời gian: 03 giờ (03LT, 0TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được tính chất ưu việt của sữa mẹ, sữa non
- Trình bày được thành phần của sữa mẹ và các chất tiết qua sữa mẹ
- Trình bày được cách cho con bú đúng và một số biến cố khi cho con bú mẹ
- Phân tích được lý do tại sao cần phải cho trẻ ăn dặm và nguyên tắc ăn dặm

2. Nội dung của bài:

2.1. Nuôi con bằng sữa mẹ

2.1.1. Tính chất ưu việt của sữa mẹ

2.1.2. Sữa non

2.1.3. Sữa vĩnh viễn

2.1.4. Thành phần của sữa mẹ và các chất tiết qua sữa mẹ

2.1.5. Cách cho con bú

2.1.6. Một số biến cố khi cho con bú

2.2. Nuôi con khi không có sữa mẹ

2.2.1. Nuôi bằng sữa thay thế

- 2.2.2. Nuôi trẻ bằng sữa bột
- 2.2.3. Số bữa ăn và số lượng sữa trong ngày
- 2.3. Ăn dặm
 - 2.3.1. Phân tích lý do tại sao cho trẻ ăn dặm
 - 2.3.2. Nguyên tắc dứt sữa và ăn dặm
 - 2.3.3. Xây dựng khẩu phần ăn dặm
 - 2.3.4. Thực đơn hướng dẫn nuôi dưỡng trẻ

Chương 5 Đặc điểm trẻ sơ sinh

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được các đặc điểm của trẻ sơ sinh đẻ đủ tháng và trẻ sơ sinh đẻ non
- Đánh giá được tuổi thai ở trẻ sơ sinh.

2. Nội dung của bài:

2.1. Đặc điểm trẻ sơ sinh đủ tháng

2.1.1. Đặc điểm hình thể

2.1.2. Đặc điểm sinh lý

2.2. Đặc điểm trẻ sơ sinh đẻ non

2.2.1. Đặc điểm hình thể trẻ đẻ non

2.2.2. Đặc điểm sinh lý

2.2.3. Nhu cầu dinh dưỡng

2.2.4. Phân loại nhóm trẻ đẻ non và cách xử trí

2.3. Đánh giá tuổi thai

2.3.1. Bảng đánh giá tuổi thai

2.3.2. Cách đánh giá tuổi thai

2.3.3. Nguy cơ thường gặp ở trẻ đẻ non

Chương 6 Vàng da sơ sinh

Thời gian: 02 giờ (02LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được chu trình chuyển hóa của Bilirubin
- Trình bày được các nguyên nhân gây vàng da ở trẻ sơ sinh
- Chẩn đoán phân biệt được vàng da do tăng Bilirubin trực tiếp - gián tiếp, vàng da sinh - bệnh lý
- Trình bày được biến chứng vàng da nhân



- Trình bày được biện pháp điều trị vàng da sơ sinh

2. Nội dung của chương::

2.1. Định nghĩa

2.2. Chuyển hóa bilirubin

2.3. Nguyên nhân vàng da sơ sinh

2.3.1. Vàng da tăng bilirubin gián tiếp

2.3.2. Vàng da do tăng Bilirubin trực tiếp

2.4. Chẩn đoán

2.5. Cận lâm sàng

2.6. Biểu chứng vàng da nhân

2.6.1. Triệu chứng

2.6.2. Nguyên nhân

2.7. Điều trị

2.7.1. Điều trị vàng da tăng bilirubin gián tiếp

2.7.2. Điều trị vàng da do tăng Bilirubin trực tiếp

Chương 7 Xuất huyết não – màng não muện

Thời gian: 02 giờ (02LT, 0TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được định nghĩa XHNMMNM sơ sinh
- Trình bày được nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh XHNMMNM sơ sinh
- Trình bày được triệu chứng lâm sàng XHNMMNM sơ sinh
- Trình bày được chẩn đoán XHNMMNM sơ sinh
- Trình bày được nguyên tắc điều trị XHNMMNM sơ sinh theo từng tuyến
- Trình bày được các biện pháp phòng bệnh XHNMMNM sơ sinh

2. Nội dung của bài:

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Bệnh sinh của thiếu vitamin K trong XHNMMNM

2.3. Lâm sàng

2.3.1. Thiếu máu cấp

2.3.2. Tăng áp lực nội sọ

2.3.3. Nặng hơn

- 2.4. Cận lâm sàng
 - 2.4.1. Xét nghiệm
 - 2.4.2. Chẩn đoán hình ảnh
 - 2.4.3. Chọc dò tuỷ sống
- 2.5. Chẩn đoán
- 2.6. Điều trị
- 2.7. Phòng ngừa

Chương 8 Thiếu Vitamin A và bệnh khô mắt

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguồn cung cấp vitamin A trong cơ thể.
- Trình bày được vai trò của vitamin A trong cơ thể.
- Nêu được nguyên nhân thiếu vitamin A ở trẻ em.
- Kể được đúng 6 biểu hiện lâm sàng theo các giai đoạn của bệnh thiếu vitamin A.

2. Nội dung của chương::

2.1. Nguồn cung cấp, chuyển hóa và vai trò của Vitamin A trong cơ thể.

2.1.1. Nguồn cung cấp vitamin A

2.1.2. Chuyển hóa của vitamin A trong cơ thể

2.1.3. Vai trò của vitamin A

2.2. Nguyên nhân gây thiếu vitamin A

2.3. Biểu hiện lâm sàng

2.3.1. Quáng gà (XN)

2.3.2. Khô kết mạc (X1A)

2.3.3. Vệt Bitot (X1B)

2.3.4. Khô mờ giác mạc (X2)

2.3.5. Loét nhuyễn giác mạc (X3A)

2.3.6. Hoại tử toàn bộ giác mạc (X3B):

2.3.7. Sẹo giác mạc sau khô mắt (XS)

2.4. Chẩn đoán

2.5. Điều trị

2.5.1 Giáo dục dinh dưỡng cho các bà mẹ về nuôi con theo khoa học

2.5.2 Uống vitamin A liều tấn công

2.6. Phòng bệnh

Chương 9 Còi xương do thiếu vitamin D

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguồn cung cấp và vai trò của vitamin D trong cơ thể.
- Trình bày được nguyên nhân của bệnh còi xương.
- Trình bày được biểu hiện lâm sàng của bệnh còi xương.

2. Nội dung của chương::

2.1.Nguồn cung cấp, chuyển hóa và vai trò của Vitamin D trong cơ thể

2.1.1. Nguồn cung cấp

2.1.2. Chuyển hóa

2.1.3. Vai trò của vitamin D

2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuận lợi

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Điều kiện thuận lợi

2.3. Các thể lâm sàng

2.3.1. Thể cổ điển ở trẻ trên 6 tháng

2.3.2. Bệnh còi xương sớm ở trẻ dưới 6 tháng

2.3.3. Bệnh còi xương bào thai:

2.4. Chẩn đoán

2.5. Điều trị

2.5.1. Giáo dục cho bà mẹ cách nuôi con theo khoa học

2.5.2. Điều trị vitamin D

Chương 10 Thiếu Vitamin B1

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1.Mục tiêu:

- Trình bày được nguồn cung cấp, vai trò và chuyển hóa của vitamin B1 trong cơ thể.
- Trình bày được nguyên nhân gây thiếu vitamin B1.
- Trình bày được các thể lâm sàng của bệnh thiếu vitamin B1.

2. Nội dung của chương::

2.1.Nguồn cung cấp, chuyển hóa và vai trò của vitamin B1

2.1.1.Nguồn cung cấp

- 2.1.2. Chuyển hóa
- 2.1.3. Vai trò của vitamin B1
- 2.2. Nguyên nhân thiếu Vitamin B1
 - 2.2.1. Thiếu cung cấp từ thức ăn
 - 2.2.2. Giảm tổng hợp ở ruột
- 2.3. Các thể lâm sàng
 - 2.3.1. Thể tim mạch
 - 2.3.2. Thể thần kinh
 - 2.3.3. Thể mãn hay gặp ở trẻ nuôi nhân tạo
 - 2.3.4. Thể tiềm ẩn
- 2.4. Chẩn đoán
- 2.5. Điều trị
- 2.6. Phòng bệnh

Chương 11 Bệnh suy dinh dưỡng

Thời gian: 04 giờ (04LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa và nguyên nhân gây SDD.
- Mô tả được cách phân loại bệnh SDD.
- Nêu được các triệu chứng lâm sàng của các thể bệnh SDD.

2. Nội dung của chương:

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Dịch tễ học
- 2.3. Nguyên nhân
 - 2.3.1. Nhiễm trùng và ký sinh trùng
 - 2.3.2. Các dị tật bẩm sinh
 - 2.3.3. Thiếu kiến thức nuôi con theo khoa học
- 2.4. Hậu quả của suy dinh dưỡng
- 2.5. Phân loại suy dinh dưỡng
 - 2.5.1. Cân nặng theo tuổi (CN/T)
 - 2.5.2. Chiều cao theo tuổi (CC/T)
 - 2.5.3. Cân nặng theo chiều cao (CN/CC)
 - 2.5.4. Phân loại theo WATERLOW
- 2.6. Triệu chứng lâm sàng

- 2.6.1. Giai đoạn khởi phát
- 2.6.2. Giai đoạn toàn phát
 - 2.6.2.1. SDD thể phù (KWASHIORKOR)
 - 2.6.2.2. SDD thể teo đét (MARASMUS)
 - 2.6.2.3. Thể hỗn hợp
- 2.7. Chẩn đoán
- 2.8. Điều trị
 - 2.8.1. SDD thể nhẹ và vừa không có biến chứng
 - 2.8.2. SDD thể vừa kèm biến chứng và SDD thể nặng

Chương 12 Nôn trớ ở trẻ em

Thời gian: 02 giờ (02LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa và nguyên nhân gây SDD.
- Mô tả được cách phân loại bệnh SDD.
- Nêu được các triệu chứng lâm sàng của các thể bệnh SDD.

2. Nội dung của chương::

- 2.1. Cơ chế sinh lý của nôn
- 2. 2. Tiếp cận lâm sàng một bệnh nhân nôn
 - 2.2.1. Hỏi bệnh
 - 2. 2.2. Thăm khám
- 2.3. Nguyên nhân nôn
 - 2. 3.1. Nôn do các bệnh ở ngoài đường tiêu hóa
 - 2. 3.1.1. Do tổn thương não, màng não
 - 2. 3.1.2. Nôn trong một số bệnh nhiễm trùng
 - 2.3.1.3. Nôn do các bệnh rối loạn chuyển hóa
 - 2. 3.2. Nôn do bệnh ở đường tiêu hóa
 - 2.3.2.1. Các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa
 - 2.3.2.2. Hẹp phì đại môn vị
 - 2.3.2.3. Luồng trào ngược dạ dày thực quản
 - 2.3.2.4. Các dị tật ở đường tiêu hóa và các bệnh cấp cứu ngoại khoa khác
 - 2.3.3. Do ngộ độc
 - 2.3.4. Do sai lầm về ăn uống

2.4. Điều trị

2. 4.1 Xử trí cấp cứu ngay lúc trẻ nôn

2.4.2 Điều trị nguyên nhân:

2.4.3 Điều trị nâng đỡ

2.5. Kết luận

Chương 13 Co giật ở trẻ em

Thời gian: 03 giờ (03LT, 0TH)

1.Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân gây co giật ở trẻ em.
- Phân tích được cách tiếp cận bệnh nhi co giật
- Phân tích được các bước điều trị của một trường hợp co giật.
- Giải thích được lời khuyên cho các bậc cha mẹ khi có trẻ bị co giật

2. Nội dung của chương::

2.1.Dịch tễ học

2.2. Nguyên nhân

2. 2.1.Co giật có nguyên nhân kích gợi

2. 2.2.Co giật không có nguyên nhân kích gợi

2.3. Tiếp cận chẩn đoán co giật

2.4. Co giật do sốt

2 5. Xử trí cơn co giật

2.6. Lời khuyên cho các bậc cha mẹ khi trẻ có cơn sốt cao co giật

Chương 14 Viêm miệng

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1.Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa và các nguyên nhân gây viêm miệng.
- Trình bày được triệu chứng của một số bệnh lý gây viêm miệng.

2.Nội dung của chương::

2.1.Định nghĩa

2.2.Nguyên nhân

2.2.1. Tình trạng vệ sinh răng miệng kém.

2.2.2. Do thức ăn, nước uống

2.2.3. Do thuốc

- 2.2.4. Các kích thích vật lý
- 2.2.5. Phản ứng dị ứng
- 2.2.6. Các bệnh lý hệ thống
- 2.2.7. Các bệnh lý nhiễm trùng
- 2.2.8. Nhiều trường hợp không tìm thấy nguyên nhân
- 2.3. Triệu chứng
- 2.4. Điều trị
- 2.5. Một số nguyên nhân gây viêm miệng
 - 2.5.1. Viêm miệng áp tơ
 - 2.5.2. Bệnh tay chân miệng
 - 2.5.3. Viêm miệng do nấm *Candida albicans*
 - 2.5.4. Viêm miệng do Herpes simplex
 - 2.5.5. Viêm miệng do varicella zoster virus (Herpes zoster)

Chương 15 Viêm cầu thận cấp

Thời gian: 02 giờ (02LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các đặc điểm dịch tễ, lâm sàng, biến chứng, chẩn đoán, tiên triển, tiên lượng, điều trị và phòng bệnh viêm cầu thận cấp.

2. Nội dung của chương::

- 2.1. Dịch tễ học
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Bệnh sinh
- 2.4. Lâm sàng
- 2.5. Cận lâm sàng
- 2.6. Chẩn đoán
- 2.7. Diễn tiến
- 2.8. Điều trị
- 2.9. Theo dõi
- 2.10. Dự phòng

Chương 16 Hội chứng thận hư

Thời gian: 02 giờ (02LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa, phân loại, biểu hiện lâm sàng, biến chứng, điều trị, tiến triển và tiên lượng hội chứng thận hư .

2. Nội dung của chương:

2.1. Định nghĩa

2.2. Phân loại

2.3. Cơ chế bệnh sinh

2.4. Lâm sàng

2.5. Cận lâm sàng

2.6. Biến chứng

2.7. Diễn tiến và dự hậu

2.8. Điều trị

2.9. Theo dõi

2.10. Dự phòng

Chương 17 Nhiễm trùng tiểu

Thời gian: 01 giờ (01LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân gây bệnh nhiễm trùng tiểu ở trẻ em
- Trình bày được triệu chứng lâm sàng bệnh nhiễm trùng tiểu ở trẻ em
- Chẩn đoán được bệnh nhiễm trùng tiểu ở trẻ em
- Điều trị được bệnh nhiễm trùng tiểu ở trẻ em\

2. Nội dung của chương

2.1. Đặc điểm dịch tễ học

2.2. Đường vào và yếu tố thuận lợi

2.3. Nguyên nhân

2.4. Lâm sàng

2.5. Cận lâm sàng

5.1. Cấy nước tiểu

2.5.2. Tổng phân tích nước tiểu

2.5.3. Xem cặn lắng

2.6. Chẩn đoán

2.7. Điều trị

Chương 18 Viêm phổi

Thời gian: 03 giờ (03LT, 0TH)



1.Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa và phân loại viêm phổi
- Trình bày được triệu chứng lâm sàng của bệnh viêm phổi
- Trình bày được các xét nghiệm cận lâm sàng của bệnh viêm phổi
- Biết cách xử trí một trường hợp viêm phổi
- Biết hướng dẫn cho bà mẹ cách chăm sóc và phòng bệnh viêm phổi

2.Nội dung của chương::

2.1.Định nghĩa và phân loại

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1. 2.1. Theo giải phẫu

2.1.2.2. Theo độ nặng

2.2. Dịch tễ học

2.2.1. Yếu tố thuận lợi:

2.2.2. Yếu tố nguy cơ gây viêm phế quản phổi tái phát

2.2.3. Nguyên nhân:

2.2.3.1. Do vi sinh

2.2.3.2. Không do vi sinh

2.3. Lâm sàng

2.3.1. Giai đoạn khởi phát

2.3.2.Giai đoạn toàn phát

2.4. Cận lâm sàng

2.4.1. Xquang: Bóng mờ ở phổi được chia làm 3 loại:

2.4.2. Công thức máu

2.4.3. Vs, CRP

2.4.4. Xét nghiệm đàm

2.4.5. Cây máu

2.5. Điều trị

2.6. Hướng dẫn bà mẹ cách chăm sóc và theo dõi trẻ bị viêm phổi tại nhà

Chương 19 Nhiễm khuẩn hô hấp cấp ở trẻ em

Thời gian: 3 giờ (03LT, 0TH)

1.Mục tiêu:

- Trình bày được các triệu chứng khi trẻ bị ARI

- Trình bày được cách đánh giá trẻ bị ARI
- Trình bày được cách phân loại và xử trí ARI ở trẻ < 2 tháng tuổi
- Trình bày được cách phân loại và xử trí ARI ở trẻ 2 tháng – 5 tuổi
- Trình bày được cách hướng dẫn bà mẹ chăm sóc trẻ bị ARI tại nhà
- Điều trị được viêm phổi ở trẻ em.

2. Nội dung của chương::

2.1.Mục tiêu chương trình ARI

2.2.Đại cương

2.3.Triệu chứng của trẻ bị ARI

2.4. Đánh giá, phân loại và xử trí ARI ở trẻ em

2.4.1.Đánh giá

2.4.2. Phân loại và xử trí ARI ở trẻ em

2.4.3. Điều trị ARI

Chương 20 Hen phế quản

Thời gian: 04 giờ (04LT, 0TH)

1.Mục tiêu bài học:

- Mô tả được các triệu chứng lâm sàng của cơn hen
- Chẩn đoán phân biệt được các bệnh khác
- Phân biệt được 4 mức độ nặng của cơn hen
- Phân biệt được 4 bậc hen
- Trình bày được cách xử trí cắt cơn hen và các bước điều trị dự phòng

2.Nội dung bài học:

2.1.Định nghĩa

2.2.Yếu tố nguy cơ

2.2.1-Yếu tố chủ thể

2.2.2-Yếu tố môi trường

2.3. Lâm sàng

2.3.1- Cơn hen phế quản đặc hiệu

2.3.2- Hen phế quản ở trẻ nhũ nhi

2.4. Cận lâm sàng

2.4.1-Các xét nghiệm xác định tắc nghẽn phế quản

2.4.2-Các xét nghiệm hỗ trợ chẩn đoán và điều trị

2.5. Chẩn đoán

- 2.5.1- Chẩn đoán xác định
- 2.5.2-Chẩn đoán phân biệt
- 2.6. Đánh giá độ nặng cơn hen cấp
- 2.7. Phân bậc hen
- 2.8. Điều trị
- 2.9. Điều trị dự phòng

Chương 21 Tiêu chảy ở trẻ em

Thời gian: 4 giờ (04LT, 0TH)

1.Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của bệnh tiêu chảy.
- Trình bày được 3 thể lâm sàng thường gặp của bệnh tiêu chảy.
- Trình bày được cách đánh giá và phân loại mất nước trên lâm sàng của bệnh tiêu chảy.
- Trình bày được phác đồ điều trị của bệnh tiêu chảy.
- Biết được chỉ định sử dụng kháng sinh và các loại kháng sinh dùng trong bệnh tiêu chảy.
- Trình bày được các biện pháp phòng bệnh tiêu chảy.

2. Nội dung của chương::

2.1.Đại cương

2.2.Dịch tễ

2.3.Phân loại tiêu chảy

2.3.1.Tiêu chảy cấp.

2.3.2. Hội chứng lỵ

2.3.3. Tiêu chảy kéo dài

2.4. Thăm khám một trẻ bị tiêu chảy

2.5. Phác đồ điều trị tiêu chảy

2.5.1.Phác đồ A: điều trị tiêu chảy tại nhà

2.5.2.Phác đồ B: Điều trị tiêu chảy có mất nước bằng ORS

2.5.3.Phác đồ C: nhanh chóng điều trị mất nước nặng

2.5.4.Điều trị những biểu hiện khác

2.5.5..Sử dụng kháng sinh trong điều trị tiêu chảy

2.5.6..Những thuốc không sử dụng trong điều trị tiêu chảy

2.5.7. Xử trí những tình huống bù dịch bằng đường uống không hiệu

- Thăm khám, đánh giá, phân loại và xử trí được trẻ bệnh dưới 5 tuổi
- Tư vấn cho bà mẹ có trẻ bệnh dưới 5 tuổi về cách theo dõi và chăm sóc tại nhà

2. Nội dung của chương::

2.1. Tầm quan trọng và ý nghĩa của chiến lược lồng ghép

2.2. Thăm khám, đánh giá, phân loại và xử trí trẻ bệnh từ 2 tháng đến 5 tuổi

2.2.1. Dấu hiệu nguy hiểm toàn thân

2.2.2. Ho hoặc khó thở

2.2.3. Tiêu chảy

2.2.4. Sốt

2.2.5. Bệnh ở tai

2.2.6. Kiểm tra suy dinh dưỡng và thiếu máu

2.2.7. Kiểm tra tiêm chủng

2.2.8. Kiểm tra, đánh giá những bệnh khác

2.3. Thăm khám, đánh giá, phân loại và xử trí trẻ nhỏ bị bệnh dưới 2 tháng tuổi

2.3.1. Đánh giá, phân loại trẻ nhỏ có khả năng nhiễm khuẩn

2.3.2. Đánh giá, phân loại trẻ nhỏ tiêu chảy

2.3.3. Kiểm tra vấn đề dinh dưỡng hoặc nhẹ cân

2.3.4. Đánh giá bữa bú

2.3.5. Phân loại vấn đề nuôi dưỡng và nhẹ cân

2.3.6. Kiểm tra tiêm chủng

2.3.7. Đánh giá các vấn đề khác

2.4. Xác định điều trị

2.5. Tham vấn cho bà mẹ

Chương 24 Sốt xuất huyết Dengue

Thời gian: 04 giờ (04LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được diễn tiến lâm sàng bệnh sốt xuất huyết Dengue.
- Phân độ được bệnh sốt xuất huyết Dengue.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị bệnh sốt xuất huyết Dengue.
- Thực hiện được các biện pháp phòng ngừa bệnh sốt xuất huyết Dengue.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Diễn biến lâm sàng bệnh sốt xuất huyết Dengue

- 2.2.1. Giai đoạn sốt
- 2.2.2. Giai đoạn nguy hiểm:
- 2.2.3. Giai đoạn hồi phục
- 2.3. Chẩn đoán
 - 2.3.1. Phân độ (Theo Tổ chức Y tế Thế giới năm 2009):
 - 2.3.2. Chẩn đoán căn nguyên vi rút Dengue
- 2.4. Điều trị
 - 2.4.1. Điều trị sốt xuất huyết Dengue
 - 2.4.2. Điều trị Sốt xuất huyết Dengue có dấu hiệu cảnh báo
 - 2.4.3. Điều trị sốc sốt xuất huyết Dengue nặng
 - 2.4.4. Tiêu chuẩn cho người bệnh xuất viện
- 2.5. Phòng bệnh
- 2.6. Phát hiện và xử trí điều trị sốt xuất huyết Dengue ở tuyến cơ sở khi có dịch

Chương 25 Bệnh tay chân miệng

Thời gian: 04 giờ (04LT, 0TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các dấu hiệu chẩn đoán bệnh tay chân miệng
- Trình bày được các phân độ và biến chứng bệnh tay chân miệng
- Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh tay chân miệng

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Chẩn đoán

2.2.1. Chẩn đoán xác định

2.2.2 Chẩn đoán phân biệt

2.3. Diễn tiến và biến chứng

2.3.1. Phân độ

2.3.2. Biến chứng

2.4. Điều trị

2.5. Phòng ngừa

Chương 26 Chương trình tiêm chủng mở rộng

Thời gian: 02 giờ (02LT, 0TH)

1. Mục tiêu::

- Trình bày được ý nghĩa của tiêm chủng.

- Trình bày lịch tiêm chủng theo chương trình tiêm chủng mở rộng đề ra.
- Thực hiện được tiêm chủng phòng các bệnh.
- Phát hiện và xử trí được các tai biến và phản ứng sau khi tiêm chủng.
- Trình bày được các biện pháp bảo đảm an toàn tiêm chủng

2. Nội dung của chương:

2.1. Giới thiệu chương trình tiêm chủng mở rộng

2.2. Ý nghĩa của tiêm chủng

2.3. Thành quả chương trình tiêm chủng mở rộng

2.4. Các bệnh dự phòng bằng vaccin trong chương trình tiêm chủng mở rộng

2.4.1. Lao

2.4.2. Bạch hầu

2.4.3. Ho gà

2.4.4. Uốn ván

2.4.5. Bại liệt

2.4.6. Sởi

2.4.7. Viêm gan siêu vi B

2.4.8. Viêm não Nhật Bản

2.4.9. Tả

2.4.10. Thương hàn

2.4.11. Viêm phổi/viêm màng não do Heamophilus Influenza typ B (Hib)

2.5. Lịch tiêm chủng theo chương trình tiêm chủng mở rộng

2.5.1. Lịch tiêm chủng cho trẻ em

2.5.2. Lịch tiêm chủng cho phụ nữ

2.5.3. Chống chỉ định tiêm chủng

2.6. An toàn tiêm chủng

2.7. Phản ứng sau tiêm chủng

THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thời gian: 88 giờ (0 LT, 88 TH, 0 KT)

Mục tiêu thực tập lâm sàng :

- Giúp học viên có kỹ năng thăm khám trẻ em.
- Kỹ năng khám và phát hiện các triệu chứng bệnh lý ở trẻ em.
- Chẩn đoán được các bệnh lý trẻ em thường gặp.
- Rèn luyện đạo đức người cán bộ y tế, tác phong thận trọng, chính xác.

IV. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán các bệnh lý ở trẻ em thường gặp và nêu được hướng xử trí.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng, bệnh lý thường gặp ở trẻ em.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chẩn đoán được các bệnh lý trẻ em thường gặp.

2. Phương pháp đánh giá:

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá		Hệ số		Trọng số đánh giá môn học (thang điểm 10 làm tròn 01 chữ số thập phân)	
	Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1. Kiểm tra thường xuyên	Bài tập nhóm	Quan sát thái độ học tập và vấn đáp cá nhân	1	1		
2. Kiểm tra định kỳ	Kiểm tra cá nhân bằng hình thức MCQ chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án	Kiểm tra cá nhân. Đánh giá từng cá nhân.	2	2	40%	40%
3. Thi kết thúc môn học	Kiểm tra cá nhân bằng hình thức MCQ chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án	Kiểm tra cá nhân. Đánh giá từng cá nhân.			60%	60%

V. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học : bệnh học nhi được áp dụng giảng dạy cho sinh viên Y sĩ cao đẳng Chính quy tại trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học :

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Tổ chức dạy và học tại trường

+ Phối hợp các phương pháp dạy/học:

Thuyết trình Powerpoint.

Thảo luận nhóm.

Chia nhóm thực hành đóng vai, xử lý tình huống.

- Đối với người học:

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết vào lâm sàng.

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

3. Những trọng tâm cần chú ý: các tiêu chuẩn chẩn đoán từng bệnh lý ở trẻ em thường gặp. Ghi chú và giải thích (nếu có)

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang (2019), Bài giảng Sức khỏe trẻ em (tài liệu đào tạo Y sĩ), Tài liệu lưu hành nội bộ

[2]. Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (2014), Bài giảng Nhi khoa, NXB. Y học, tập 1, 2.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Mã môn học: MH24A113427

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ ; Thực tập tại bệnh viện: 89 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học chuyên ngành, được bố trí giảng dạy ở học kỳ III, trong chương trình đào tạo ngành y sỹ, thuộc Bộ môn Y học bắt buộc của Khoa Y học.

- Tính chất:

+ Môn học được kết hợp lý thuyết với thực hành tại các cơ sở y tế.

+ Môn học này cung cấp kiến thức những đặc điểm về bệnh sinh, đường lây và phát bệnh, tiến triển bệnh, phân loại bệnh, chẩn đoán và phương hướng điều trị, biện pháp phòng bệnh.

+ Từ đó giúp sinh viên có đủ cơ sở để khám và chữa trị được một số bệnh thông thường.

II. Mục tiêu môn học:

- **Kiến thức:**

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của các bệnh truyền nhiễm.

+ Trình bày được những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm thường gặp trên lâm sàng.

+ Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của các bệnh truyền nhiễm.

- **Kỹ năng:**

+ Áp dụng để phân tích, đánh giá ban đầu trong chẩn đoán bệnh trên lâm sàng.

+ Thực hiện được các kỹ năng khám các cơ quan trên người bệnh..

+ Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh truyền nhiễm .

+ Hoàn thành được hồ sơ bệnh án của bệnh nhân tại cơ sở y tế.

+ Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh truyền nhiễm.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Sinh viên phải thận trọng nghiêm túc, không phân biệt đối xử, kỳ thị với người bệnh truyền nhiễm.

+ Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc điều trị và chăm sóc an toàn cho người bệnh truyền nhiễm.

+ Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp ý kiến xây dựng bài trong học tập.

III. Nội dung môn học:



1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập(LS)	Kiểm tra
1	Chương 1: Mở đầu	2	2		
	Bài 1: Đại cương bệnh truyền nhiễm: 1.Định nghĩa: 2.Những đặc điểm bệnh truyền nhiễm: 2.1. Diễn biến lâm sàng. 2.2. Diễn biến dịch tễ. 3. Phân loại bệnh truyền nhiễm: 3.1 Nhóm theo đường hô hấp. 3.2. Nhóm theo đường tiêu hóa. 3.3. Nhóm theo đường máu. 3.4. Nhóm theo đường da-niêm mạc. 4. Chẩn đoán bệnh truyền nhiễm: 4.1. Dịch tễ học 4.2. Lâm sàng\ 4.3 xét nghiệm 5. Đặc điểm chăm sóc bệnh truyền nhiễm.	2	2		
2	Chương 2: Nhóm các bệnh truyền nhiễm đường hô hấp	9	9		
	Bài 2: Bệnh Sởi 1. Mầm bệnh 2. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Đường lây: 2.3. Khỏi cảm thụ: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng:	1	1		

<p>4.1. Thời kỳ ủ bệnh: 4.2. Thời kỳ khởi phát: 4.3. Thời kỳ toàn phát: 4.4. Thời kỳ hồi phục: 5. Chẩn đoán: Dựa vào 5.1. Dịch tễ học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm: 6. Biến chứng: 7. Điều trị: 8. Dự phòng:</p>				
<p>Bài 3 : Bệnh Cúm A: 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Đường lây: 2.3. Dịch cúm: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng: 4.1. Thời kỳ ủ bệnh: 4.2. Thời kỳ khởi phát: 4.3. Thời kỳ toàn phát: 4.4. Thời kỳ lui bệnh: 5. Chẩn đoán: Dựa vào 5.1. Dịch tễ học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm: 6. Biến chứng: 7. Điều trị: 8. Dự phòng:</p>	1	1		
<p>Bài 4: Bệnh bạch hầu: 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn nhiễm: 2.2. Đường lây: 2.3. Khỏi cảm thụ: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng:có 3 thể chính 4.1. Thể bạch hầu họng: 4.2. Thể bạch hầu ác tính: 4.3. Thể bạch thanh quản: có 3 giai đoạn 5. Chẩn đoán: Dựa vào</p>	1	1		

<p>5.1. Dịch tễ học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm: 6. Biểu chứng do ngoại độc tố: 7. Điều trị 8. Dự phòng</p>				
<p>Bài 5: Bệnh ho gà: 1. Mâm bệnh: 2. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Đường lây: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng: 4.1. Thời kỳ ủ bệnh: 4.2. Thời kỳ khởi phát: 4.3. Thời kỳ toàn phát: 4.4. Thời kỳ hồi phục: 5. Chẩn đoán: Dựa vào 5.1. Dịch tễ học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm: 6. Biểu chứng: 7. Điều trị: 8. Dự phòng:</p>	1	1		
<p>Bài 6: Bệnh Thủy đậu: 1. Mâm bệnh: 2. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Đường lây: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng: 4.1. Thời kỳ ủ bệnh: 4.2. Thời kỳ khởi phát: 4.3. Thời kỳ toàn phát: 4.4. Thời kỳ hồi phục: 5. Chẩn đoán: Dựa vào 5.1. Dịch tễ học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm: 6. Biểu chứng 7. Điều trị 8. Dự phòng</p>	1			
<p>Bài 7: Bệnh nhân mắc Covid 19:</p>	1	1		

<ul style="list-style-type: none"> 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tễ học: <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Đường lây: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng: <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Thời kỳ ủ bệnh: 4.2. Triệu chứng toàn thân: 4.3. Triệu chứng hô hấp: 4.4. Các biểu hiện khác: 5. Cận lâm sàng: 6. Chẩn đoán: <ul style="list-style-type: none"> 6.1. Chẩn đoán xác định 6.2. Chẩn đoán phân biệt: 7. Điều trị 8. Dự phòng 				
<p>Bài 8: Bệnh Quai bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tễ học: <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Đường lây: 2.3. Khỏi cảm thụ: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng: <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Thời kỳ ủ bệnh: 4.2. Thời kỳ khởi phát: 4.3. Thời kỳ toàn phát: 4.4. Thời kỳ hồi phục: 5. Chẩn đoán: Dựa vào <ul style="list-style-type: none"> 5.1. Dịch tễ học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm: 6. Biến chứng 7. Điều trị 8. Dự phòng 	1	1		
<p>Bài 9: Bệnh Rubella:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tễ học: <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Đường lây: 2.3. Khỏi cảm thụ: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng: <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Bệnh Rubella mắc phải sau 	1	1		

	sinh: 4.2. Bệnh Rubella bẩm sinh: 5. Chẩn đoán: 6. Biểu chứng 7. Điều trị 8. Dự phòng				
	Bài 10: Bệnh Viêm màng não mủ: 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Đường lây: 2.3. Khỏi cảm nhiễm: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng: 4.1. Ở trẻ em và người lớn: 4.1.1. Hội chứng nhiễm khuẩn: 4.1.2. Hội chứng màng não: 4.2. Ở trẻ sơ sinh và nhũ nhi: 4.2.1. Hội chứng nhiễm khuẩn: 4.2.2. Hội chứng màng não: 5. Chẩn đoán 6. Xét nghiệm: 7. Điều trị 8. Dự phòng	1	1		
3	Chương 3: Nhóm các bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa	7	7		
	Bài 11: Bệnh thương hàn: 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Đường lây: 2.3. Khỏi cảm nhiễm: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng: 4.1. Thời kỳ ủ bệnh: 4.2. Thời kỳ khởi phát: 4.3. Thời kỳ toàn phát: 4.4. Thời kỳ lui bệnh: 5. Chẩn đoán: Dựa vào 5.1. Dịch tễ học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm:	1	1		

6. Biến chứng: 7. Điều trị: 8. Dự phòng:				
Bài 12: Bệnh Tả: 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Đường lây: 2.3. Tính cảm thụ: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng: 4.1. Thời kỳ ủ bệnh: 4.2. Thời kỳ khởi phát: 4.3. Thời kỳ toàn phát: 4.4. Thời kỳ hồi phục: 5. Chẩn đoán: Dựa vào 5.1. Dịch tễ học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm: 6. Biến chứng: 7. Điều trị: 8. Dự phòng:	1	1		
Bài 13: Bệnh lỵ trực trùng: 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Đường lây: 2.3. Khối cảm nhiễm: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng: 4.1. Thời kỳ ủ bệnh: 4.2. Thời kỳ khởi phát: 4.3. Thời kỳ toàn phát: 5. Chẩn đoán: Dựa vào 5.1. Dịch tễ học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm: 6. Điều trị: 7. Dự phòng:	1	1		
Bài 14: Bệnh lỵ Amíp: 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn bệnh:	1	1		

 H
 G
 H
 G

<p>2.2. Đường lây: 2.3. Khôï cảm nhiễm: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng: 4.1. Ly Amíp cấp: 4.2. Ly Amíp mãn: 5. Chẩn đoán: Dựa vào 5.1. Dịch tễ học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm: 6. Biến chứng: 7. Điều trị: 8. Dự phòng:</p>				
<p>Bại 15: Bệnh bại liệt: 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Đường lây: 2.3. Khôï cảm nhiễm: 3. Bệnh sinh: Quá trình bệnh sinh qua 3 giai đoạn 3.1. Giai đoạn xâm nhập và tăng sinh 3.2. Giai đoạn nội tạng 3.3. Giai đoạn xâm nhập và tăng sinh ở hệ thần kinh trung ương 4. Triệu chứng lâm sàng: 4.1. Nhiễm poliovirus không triệu chứng: 4.2. Sốt bại liệt thể tủy sống: 4.3. Sốt bại liệt thể hành tủy: 5. Chẩn đoán: Dựa vào 5.1. Dịch tễ học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm: 6. Điều trị: 7. Dự phòng:</p>	1	1		
<p>Bài 16: Bệnh nhiễm Leptospira: 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Đường lây: 2.3. Tính cảm thụ: 3. Bệnh sinh:</p>	1	1		

	<p>4. Triệu chứng lâm sàng: các hội chứng chính</p> <p>4.1. Hội chứng nhiễm khuẩn:</p> <p>4.2. Hội chứng gan mật:</p> <p>4.3. Hội chứng thận:</p> <p>4.4. Hội chứng màng não</p> <p>4.5. Hội chứng xuất huyết:</p> <p>5. Chẩn đoán: Dựa vào</p> <p>5.1. Dịch tễ học:</p> <p>5.2. Lâm sàng :</p> <p>5.3. Xét nghiệm:</p> <p>6. Điều trị:</p> <p>7. Dự phòng:</p>				
	<p>Bài 17: Ngộ độc thức ăn do tụ cầu, E.coli và salmonella:</p> <p>1. Mầm bệnh:</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng:</p> <p>3. Chẩn đoán: Dựa vào</p> <p>3.1. Khai thác bệnh sử:</p> <p>3.2. Lâm sàng :</p> <p>3.3. Xét nghiệm:</p> <p>4. Điều trị:</p> <p>5. Dự phòng:</p>	1	1		
4	Chương 4: Nhóm các bệnh truyền nhiễm đường máu	6	6		
	<p>Bài 18: Bệnh viêm não Nhật bản B:</p> <p>1. Mầm bệnh:</p> <p>2. Dịch tễ học:</p> <p>2.1. Ổ virus::</p> <p>2.2. Trung gian truyền bệnh:</p> <p>2.3. Khôỉ cảm nhiễm:</p> <p>3. Triệu chứng lâm sàng:</p> <p>4.1. Thời kỳ ủ bệnh:</p> <p>4.2. Thời kỳ khởi phát:</p> <p>4.3. Thời kỳ toàn phát:</p> <p>4.4. Diễn tiến:</p> <p>5. Chẩn đoán: Dựa vào</p> <p>5.1. Dịch tễ học:</p> <p>5.2. Lâm sàng :</p> <p>5.3. Xét nghiệm:</p> <p>6. Điều trị:</p> <p>7. Dự phòng:</p>	1	1		

<p>Bài 19: Bệnh viêm gan siêu vi 1. Mầm bệnh và dịch tế học: 1.1. Virus viêm gan A (HAV) 1.2. Virus viêm gan B (HBV) 1.3. Virus viêm gan C (HCV) 1.4. Virus viêm gan D (HDV) 1.5. Virus viêm gan E (HEV) 2. Bệnh sinh: 3. Triệu chứng lâm sàng: 3.1. Thời kỳ ủ bệnh: 3.2. Thời kỳ khởi phát: 3.3. Thời kỳ toàn phát: 3.4. Thời kỳ hồi phục: 4. Chẩn đoán: Dựa vào 4.1. Dịch tế học: 4.2. Lâm sàng : 4.3. Xét nghiệm: 5. Điều trị: 6. Dự phòng:</p>	2	2		
<p>Bài 20: Bệnh dịch hạch 1. Định nghĩa: 2. Mầm bệnh: 3. Dịch tế học: 4. Bệnh sinh: 5. Triệu chứng lâm sàng: 5.1. Thể viêm hạch: 5.2. Thể nhiễm trùng huyết: 5.3. Thể phổi: 6. Chẩn đoán: Dựa vào 5.1. Dịch tế học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm: 7. Điều trị: 8. Dự phòng:</p>	1	1		
<p>Bài 21: Bệnh sốt xuất huyết Dengue 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tế học: 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Trung gian truyền bệnh: 2.3. Ở Việt Nam: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng: 4.1. Thời kỳ ủ bệnh:</p>	2	2		

	<p>4.2. Các hội chứng: 4.3. Giai đoạn nguy hiểm 4.4. Phân độ sốt xuất huyết: 5. Chẩn đoán: Dựa vào 5.1. Dịch tễ học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm: 6. Điều trị: 7. Dự phòng:</p>				
5	Chương 5: Nhóm các bệnh truyền nhiễm lớp bao phủ bên ngoài	6	6		
	<p>Bài 22: Bệnh sốt rét: 1. Định nghĩa: 2. Mầm bệnh 3. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn bệnh: 2.2. Trung gian truyền bệnh: 2.3. Ở Việt Nam: 4. Bệnh sinh: 5. Triệu chứng lâm sàng: 5.1. Sốt rét cơn thông thường: 5.2. Sốt rét nặng, sốt rét ác tính: 6. Chẩn đoán: Dựa vào 5.1. Dịch tễ học: 5.2. Lâm sàng : 5.3. Xét nghiệm: 7. Điều trị: 8. Dự phòng:</p>	1	1		
	<p>Bài 23: Bệnh dại: 1. Mầm bệnh: 2. Dịch tễ học: 2.1. Nguồn bệnh trong thiên nhiên: 2.2. Đường lây: 2.3. Bệnh dại trên thế giới: 3. Bệnh sinh: 4. Triệu chứng lâm sàng: 4.1. Thời kỳ ủ bệnh: 4.2. Thời kỳ khởi phát: 4.3. Thời kỳ toàn phát: 5. Chẩn đoán: Dựa vào 5.1. Dịch tễ học:</p>	1	1		

<p>5.2. Lâm sàng :</p> <p>5.3. Xét nghiệm:</p> <p>6. Điều trị:</p> <p>6.1. Xử trí khi bị chó cắn:</p> <p>6.2. Khi bệnh nhân lên cơn dại:</p> <p>7. Biện pháp phòng ngừa chung:</p>				
<p>Bài 24: Bệnh uốn ván:</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Mầm bệnh:</p> <p>3. Dịch tễ học:</p> <p>2.1. Nguồn bệnh:</p> <p>2.2. Đường lây::</p> <p>2.3. Khỏi cảm nhiễm:</p> <p>4. Bệnh sinh:</p> <p>5. Triệu chứng lâm sàng:</p> <p>5.1. Thời kỳ ủ bệnh:</p> <p>5.2. Thời kỳ khởi phát:</p> <p>5.3. Thời kỳ toàn phát:</p> <p>5.4. Tiến triển:</p> <p>6. Chẩn đoán: Dựa vào</p> <p>5.1. Dịch tễ học:</p> <p>5.2. Lâm sàng :</p> <p>5.3. Ngõ vào của vết thương:</p> <p>7. Điều trị:</p> <p>8. Dự phòng:</p>	1	1		
<p>Bài 25: Bệnh HIV/AIDS:</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Mầm bệnh:</p> <p>3. Các đường lây truyền:</p> <p>2.1. Ở bệnh nhân có HIV trong:</p> <p>2.2. Ba đường lây:</p> <p>4. Triệu chứng lâm sàng:</p> <p>4.1. Giai đoạn nhiễm HIV cấp:</p> <p>4.2. Giai đoạn nhiễm HIV không triệu chứng:</p> <p>4.3. Giai đoạn có biểu hiện lâm sàng:</p> <p>5. Xét nghiệm::</p> <p>6. Điều trị:</p> <p>7. Các biện pháp phòng bệnh:</p>	2	1		1
<p>Bài 26: Sốc (shock) nhiễm trùng</p> <p>1. Mầm bệnh:</p> <p>2. Các điều kiện xuất hiện Sốc:</p>	1	1		

	3. Triệu chứng lâm sàng: 4. Cận lâm sàng: 5. Chẩn đoán: 5.1. Chẩn đoán xác định: 5.2. Chẩn đoán phân biệt 5.3. Các thể lâm sàng: 2 thể 6. Tiên lượng: 7. Điều trị: Tiến hành cùng một lúc Thực hiện 5 bước chống sốc				
6	Chương 6: Thực tập lâm sàng	90		89	1
	Thực tập tại khoa Nhiễm	90		89	1
	Cộng	120	29	89	2

2. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU

Bài 1: Đại cương bệnh truyền nhiễm

Thời gian: 2 giờ (2LT, 0TH)

1. Mục tiêu của bài:

* Kiến thức:

- + Trình bày được khái niệm về Bệnh truyền nhiễm (BTN).
- + Trình bày được các thời kỳ diễn biến lâm sàng, các nhóm bệnh truyền nhiễm theo đường lây truyền.

- + Trình bày được đặc điểm của BTN, yêu cầu tổ chức và lề lối làm việc

* Kỹ năng:

- + Phân biệt được các thời kỳ gây bệnh
- + Phân loại được các BTN
- + Thực hiện tốt các biện pháp đề phòng bệnh
- + Thực hiện đúng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người mắc BTN.
- + Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chăm sóc người mắc BTN.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người mắc BTN.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Sinh viên phải thận trọng nghiêm túc, không phân biệt đối xử, kỳ thị với người bệnh truyền nhiễm.

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác chẩn đoán, điều trị và theo dõi chăm sóc an toàn cho người bệnh truyền nhiễm.

AN
TRƯỜNG
CAO
TIỂU
Y

+ Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp ý kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Định nghĩa BTN:

2.2. Những đặc điểm bệnh truyền nhiễm

2.2.1. Diễn biến lâm sàng: 5 thời kỳ

2.2.2. Diễn biến dịch tễ:

2.2.2.1. Khôï cảm thụ

2.2.2.2. Đường ra của mầm bệnh

2.2.2.3 Nguồn nhiễm

2.2.2.4. Phương thức xâm nhập

2. 3. Phân loại bệnh truyền nhiễm

2.3.1. Bệnh lây qua đường hô hấp

2.3.2. Bệnh lây qua đường tiêu hóa

2.3.3. Bệnh lây qua đường máu

2.3.4. Bệnh lây qua đường da-niêm mạc

2.4. Chẩn đoán bệnh truyền nhiễm

2.4.1. Dịch tễ học

2.4.2. Lâm sàng\

2.4.3 xét nghiệm

2.5. Đặc điểm chăm sóc bệnh truyền nhiễm.

2.5.1. Đặc điểm của khoa truyền nhiễm

2.5.2. Yêu cầu tổ chức và lề lối làm việc

CHƯƠNG 2: NHÓM CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM ĐƯỜNG HÔ HẤP

Bài 2: BỆNH SỞI

Thời gian: 1 giờ (1LT,0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Sởi.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Sởi.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Sởi.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Sởi.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Sởi.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Sởi dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Sởi..
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Sởi.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Sởi.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Sởi.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn bệnh:

2.2.2. Đường lây:

2.2.3. Khỏi cảm thụ:

2.3. Bệnh sinh:

2.4. Triệu chứng lâm sàng:

2.4.1. Thời kỳ ủ bệnh:

2.4.2. Thời kỳ khởi phát:

2.4.3. Thời kỳ toàn phát:

2.4.4. Thời kỳ hồi phục:

2.5. Chẩn đoán: Dựa vào

2.5.1. Dịch tễ học:

2.5.2. Lâm sàng :

2.5.3. Xét nghiệm:

2.6. Biến chứng:

2.7. Điều trị:

2.8. Dự phòng:

Bài 3: BỆNH CÚM

Thời gian: 1 giờ (1 LT,0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Cúm.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Cúm.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Cúm.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Cúm.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Cúm.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Cúm dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
 - + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Cúm.
 - + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Cúm.
 - + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Cúm.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Cúm.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn bệnh:

2.2.2. Đường lây:

2.2.3. Dịch cúm:

2.3. Bệnh sinh:

2.4. Triệu chứng lâm sàng:

2.4.1. Thời kỳ ủ bệnh:

2.4.2. Thời kỳ khởi phát:

2.4.3. Thời kỳ toàn phát:

2.4.4. Thời kỳ lui bệnh:

2.5. Chẩn đoán: Dựa vào

2.5.1. Dịch tễ học:

2.5.2. Lâm sàng :

2.5.3. Xét nghiệm:

2.6. Biến chứng:

2.7. Điều trị:

2.8. Dự phòng:

Bài 4: BỆNH BẠCH HẦU

Thời gian: 1 giờ (1LT,0TH)

Mục tiêu của bài:

*Kiến thức:

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Bạch hầu.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Bạch hầu.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Bạch hầu.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Bạch hầu.

*Kỹ năng:

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Bạch hầu.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Bạch hầu dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Bạch hầu.
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Bạch hầu.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Bạch hầu.

*Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Bạch hầu.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn nhiễm:

2.2.2. Đường lây:

2.2.3. Khỏi cảm thụ:

2.3. Bệnh sinh:

2.4. Triệu chứng lâm sàng: có 3 thể chính

2.4.1. Thể bạch hầu họng:

2.4.2. Thể bạch hầu ác tính:

2.4.3. Thể bạch thanh quản: có 3 giai đoạn

2.5. Chẩn đoán: Dựa vào

2.5.1. Dịch tễ học:

2.5.2. Lâm sàng :

2.5.3. Xét nghiệm:

2.6. Biến chứng do ngoại độc tố:

2.7. Điều trị

2.8. Dự phòng

Bài 5: BỆNH HO GÀ

Thời gian: 1 giờ (1LT,0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Ho gà.

+ Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Ho gà.

+ Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Ho gà.

+ Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Ho gà.

***Kỹ năng:**

+ Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Ho gà.

+ Biện luận và chẩn đoán được bệnh Ho gà dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm

+ Thực hiện tốt cách phòng bệnh Ho gà.

+ Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Ho gà.

+ Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Ho gà.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Ho gà.

+ Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn nhiễm:

2.2.2. Đường lây:

- 2.2.3. Khỏi cảm thụ:
- 2.3. Bệnh sinh:
- 2.4. Triệu chứng lâm sàng: có 3 thể chính
 - 2.4.1. Thể bạch hầu họng:
 - 2.4.2. Thể bạch hầu ác tính:
 - 2.4.3. Thể bạch thanh quản: có 3 giai đoạn
- 2.5. Chẩn đoán: Dựa vào
 - 2.5.1. Dịch tễ học:
 - 2.5.2. Lâm sàng :
 - 2.5.3. Xét nghiệm:
- 2.6. Biến chứng do ngoại độc tố:
- 2.7. Điều trị
- 2.8. Dự phòng

Bài 6: BỆNH THỦY ĐẬU
Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Thủy đậu.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Thủy đậu.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Thủy đậu.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Thủy đậu.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Thủy đậu..
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Thủy đậu dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
 - + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Thủy đậu.
 - + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Thủy đậu.
 - + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Thủy đậu.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Thủy đậu.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

- 2. Nội dung bài:
 - 2.1. Mầm bệnh:
 - 2.2. Dịch tễ học:
 - 2.2.1. Nguồn bệnh:
 - 2.2.2. Đường lây:
 - 2.3. Bệnh sinh:
 - 2.4. Triệu chứng lâm sàng:
 - 2.4.1. Thời kỳ ủ bệnh:
 - 2.4.2. Thời kỳ khởi phát:
 - 2.4.3. Thời kỳ toàn phát:
 - 2.4.4. Thời kỳ hồi phục:
 - 2.5. Chẩn đoán: Dựa vào
 - 2.5.1. Dịch tễ học:
 - 2.5.2. Lâm sàng :
 - 2.5.3. Xét nghiệm:
 - 2.6. Biến chứng:
 - 2.7. Điều trị:
 - 2.8. Dự phòng:

Bài 7: BỆNH COVID 19

Thời gian: 1 giờ (1 LT,0TH))

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Covid 19.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Covid 19.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Covid 19.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Covid 19.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Covid 19.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Covid 19 dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Covid 19.
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Covid 19.

+ Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Covid 19.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Covid 19.

+ Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn bệnh:

2.2.2. Đường lây:

2.3. Bệnh sinh:

2.4. Triệu chứng lâm sàng:

2.4.1. Thời kỳ ủ bệnh:

2.4.2. Triệu chứng toàn thân:

2.4.3. Triệu chứng hô hấp:

2.4.4. Các biểu hiện khác:

2.5. Cận lâm sàng:

2.6. Chẩn đoán:

2.6.1. Chẩn đoán xác định: dựa vào

- Lâm sàng:

- Cận lâm sàng:

- Dịch tễ học:

2.6.2. Chẩn đoán phân biệt:

- Bệnh nhân nhẹ:

- Bệnh nhân nặng:

2.7. Điều trị

2.8. Dự phòng

Bài 8: BỆNH QUAI BỊ

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Quai bị.

- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Quai bị.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Quai bị.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Quai bị.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Quai bị.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Quai bị dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm

- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Quai bị
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Quai bị.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Đại.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Quai bị.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn bệnh:

2.2.2. Đường lây:

2.2.3. Khỏi cảm thụ:

2.3. Bệnh sinh:

2.4. Triệu chứng lâm sàng:

2.4.1. Thời kỳ ủ bệnh:

2.4.2. Thời kỳ khởi phát:

2.4.3. Thời kỳ toàn phát:

2.4.4. Thời kỳ hồi phục:

2.5. Chẩn đoán: Dựa vào

2.5.1. Dịch tễ học:

2.5.2. Lâm sàng :

2.5.3. Xét nghiệm:

2.6. Biến chứng

2.7. Điều trị

2.8. Dự phòng

Bài 9: BỆNH RUBELLA

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0TH)

1. Mục tiêu của bài:

*Kiến thức:

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Rubella.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Rubella.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Rubella.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Rubella.

*Kỹ năng:

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Rubella.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Rubella dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
 - + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Rubella.
 - + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Rubella.
 - + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Rubella.

*Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Rubella.
 - + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn bệnh:

2.2.2. Đường lây:

2.2.3. Khó cảm thụ:

2.3. Bệnh sinh:

2.4. Triệu chứng lâm sàng:

2.4.1. Bệnh Rubella mắc phải sau sinh:

2.4.2. Bệnh Rubella bẩm sinh:

2.5. Chẩn đoán:

2.6. Biến chứng

2.7. Điều trị

2.8. Dự phòng

Bài 10: BỆNH VIÊM MÀNG NÃO MỦ

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Viêm màng não mủ.

+ Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Viêm màng não mủ.

+ Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Viêm màng não mủ.

+ Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Viêm màng não mủ.

***Kỹ năng:**

+ Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Viêm màng não mủ.

+ Biện luận và chẩn đoán được bệnh Viêm màng não mủ dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm

+ Thực hiện tốt cách phòng bệnh Viêm màng não mủ.

+ Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Viêm màng não mủ.

+ Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Viêm màng não mủ.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Viêm màng não mủ.

+ Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn bệnh:

2.2.2. Đường lây:

2.2.3. Khỏi cảm nhiễm:

2.3. Bệnh sinh:

2.4. Triệu chứng lâm sàng:

2.4.1. Ở trẻ em và người lớn:

2.4.1.1. Hội chứng nhiễm khuẩn:

2.4.1.2. Hội chứng màng não:

2.4.2. Ở trẻ sơ sinh và nữ nhi:

2.4.2.1. Hội chứng nhiễm khuẩn:

2.4.2.2. Hội chứng màng não:

2.5. Chẩn đoán

2.6. Xét nghiệm:

2.7. Điều trị

2.8. Dự phòng

CHƯƠNG 3: NHÓM CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM ĐƯỜNG TIÊU HÓA

Bài 11: BỆNH THƯƠNG HÀN

Thời gian: 1 giờ (1LT,0TH))

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Thương hàn.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Thương hàn.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Thương hàn.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Thương hàn.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Thương hàn.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Thương hàn dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm

- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Thương hàn.
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Thương hàn.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Thương hàn.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Thương hàn.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

TĐ
ĐNC
ĐAI
TÈ
GI/
★

- 2.2. Dịch tễ học:
 - 2.2.1. Nguồn bệnh:
 - 2.2.2. Đường lây:
 - 2.2.3. Khỏi cảm nhiễm:
- 2.3. Bệnh sinh:
- 2.4. Triệu chứng lâm sàng:
 - 2.4.1. Thời kỳ ủ bệnh:
 - 2.4.2. Thời kỳ khởi phát:
 - 2.4.3. Thời kỳ toàn phát:
 - 2.4.4. Thời kỳ lui bệnh:
- 2.5. Chẩn đoán: Dựa vào
 - 2.5.1. Dịch tễ học:
 - 2.5.2. Lâm sàng :
 - 2.5.3. Xét nghiệm:
- 2.6. Biến chứng:
- 2.7. Điều trị:
- 2.8. Dự phòng:

Bài 12: BỆNH TẢ

Thời gian: 1 giờ (1LT,0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Tả.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Tả.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Tả.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Tả.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Tả.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Tả. dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Tả
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Tả.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Tả.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Tả.

+ Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn bệnh:

2.2.2. Đường lây:

2.2.3. Tính cảm thụ:

2.3. Bệnh sinh:

2.4. Triệu chứng lâm sàng:

2.4.1. Thời kỳ ủ bệnh:

2.4.2. Thời kỳ khởi phát:

2.4.3. Thời kỳ toàn phát:

2.4.4. Thời kỳ hồi phục:

2.5. Chẩn đoán: Dựa vào

2.5.1. Dịch tễ học:

2.5.2. Lâm sàng :

2.5.3. Xét nghiệm:

2.6. Biến chứng:

2.7. Điều trị:

2.8. Dự phòng:

Bài 13: BỆNH LY TRỰC TRÙNG.

Thời gian: 1 giờ 30ph (1 LT,0TH,30phKT)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Ly trực trùng.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Ly trực trùng.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Ly trực trùng.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Ly trực trùng.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Ly trực trùng.

+ Biện luận và chẩn đoán được bệnh Ly trực trùng dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm

+ Thực hiện tốt cách phòng bệnh Ly trực trùng.

+ Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Ly trực trùng.

+ Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Ly trực trùng.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Ly trực trùng.

+ Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn bệnh:

2.2.2. Đường lây:

2.2.3. Khỏi cảm nhiễm:

2.3. Bệnh sinh:

2.4. Triệu chứng lâm sàng:

2.4.1. Thời kỳ ủ bệnh:

2.4.2. Thời kỳ khởi phát:

2.4.3. Thời kỳ toàn phát:

2.5. Chẩn đoán: Dựa vào

2.5.1. Dịch tễ học:

2.5.2. Lâm sàng :

2.5.3. Xét nghiệm:

2.6. Điều trị:

2.7. Dự phòng:

Bài 14: BỆNH LY AMÍP

Thời gian: 1 giờ (1LT,0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Ly amíp.

+ Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Ly amíp.

- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Ly amíp.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Ly amíp.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Ly amíp.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Ly amíp dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm

- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Ly amíp.
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Ly amíp.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Ly amíp.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Ly amíp.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn bệnh:

2.2.2. Đường lây:

2.2.3. Khỏi cảm nhiễm:

2.3. Bệnh sinh:

2.4. Triệu chứng lâm sàng:

2.4.1. Ly Amíp cấp:

2.4.2. Ly Amíp mãn:

2.5. Chẩn đoán: Dựa vào

2.5.1. Dịch tễ học:

2.5.2. Lâm sàng :

2.5.3. Xét nghiệm:

2.6. Biến chứng:

2.7. Điều trị:

2.8. Dự phòng.:

Bài 15: BỆNH BẠI LIỆT

Thời gian: 1 giờ (1 LT,0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Bại liệt.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Bại liệt..
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Bại liệt.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Bại liệt.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Bại liệt.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Bại liệt dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Bại liệt
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Bại liệt.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Bại liệt.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Bại liệt.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn bệnh:

2.2.2. Đường lây:

2.2.3. Khó cảm nhiễm:

2.3. Bệnh sinh: Quá trình bệnh sinh qua 3 giai đoạn

2.3.1. Giai đoạn xâm nhập và tăng sinh

2.3.2. Giai đoạn nội tạng

2.3.3. Giai đoạn xâm nhập và tăng sinh ở hệ thần kinh trung ương

2.4. Triệu chứng lâm sàng:

2.4.1. Nhiễm poliovirus không triệu chứng:

2.4.2. Sốt bại liệt thể tủy sống:

2.4.3. Sốt bại liệt thể hành tủy:

2.5. Chẩn đoán: Dựa vào

2.5.1. Dịch tễ học:

2.5.2. Lâm sàng :

2.5.3. Xét nghiệm:

2.6. Điều trị:

2.7. Dự phòng:

Bài 16: BỆNH NHIỄM LEPTOSPIRA

Thời gian: 1 giờ (1 LT,0TH)

1. Mục tiêu của bài:

*Kiến thức:

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Nhiễm Leptospira.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Nhiễm Leptospira.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Nhiễm Leptospira.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Nhiễm Leptospira.

*Kỹ năng:

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Nhiễm Leptospira.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Nhiễm Leptospira dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Nhiễm Leptospira.
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Nhiễm Leptospira.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Nhiễm Leptospira.

*Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Nhiễm Leptospira.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn bệnh:

2.2.2. Đường lây:

2.2.3. Tính cảm thụ:

2.3. Bệnh sinh:

2.4. Triệu chứng lâm sàng: các hội chứng chính



2.4.1. Hội chứng nhiễm khuẩn:

2.4.2. Hội chứng gan mật:

2.4.3. Hội chứng thận:

2.4.4. Hội chứng màng não

2.4.5. Hội chứng xuất huyết:

2.5. Chẩn đoán: Dựa vào

2.5.1. Dịch tễ học:

2.5.2. Lâm sàng :

2.5.3. Xét nghiệm:

2.6. Điều trị:

2.7. Dự phòng:

Bài 17: NGỘ ĐỘC THỨC ĂN DO TỤ CẦU, E.COLI VÀ SALMONELLA

Thời gian: 1 giờ (1LT,0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Ngộ độc thức ăn.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Ngộ độc thức ăn.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Ngộ độc thức ăn.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Ngộ độc thức ăn.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Ngộ độc thức ăn.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Ngộ độc thức ăn dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Ngộ độc thức ăn.
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Ngộ độc thức ăn.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Ngộ độc thức ăn.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Ngộ độc thức ăn.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Triệu chứng lâm sàng:

2.3. Chẩn đoán: Dựa vào

2.3.1. Khai thác bệnh sử:

2.3.2. Lâm sàng :

2.3.3. Xét nghiệm:

2.4. Điều trị:

2.5. Dự phòng:

CHƯƠNG 4. NHÓM CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM ĐƯỜNG MÁU

Bài 18: BỆNH VIÊM NÃO NHẬT BẢN B

Thời gian: 1 giờ (1LT,0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Viêm não Nhật bản B.

+ Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Viêm não Nhật bản B.

+ Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Viêm não Nhật bản B.

+ Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Viêm não Nhật bản B.

***Kỹ năng:**

+ Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Viêm não Nhật bản B.

+ Biện luận và chẩn đoán được bệnh Viêm não Nhật bản B dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm

+ Thực hiện tốt cách phòng bệnh Viêm não Nhật bản B.

+ Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Viêm não Nhật bản B.

+ Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Viêm não Nhật bản B.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Viêm não Nhật bản B.

+ Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Ổ virus::

2.2.2. Trung gian truyền bệnh:

2.2.3. Khởi cảm nhiễm:

2.3. Triệu chứng lâm sàng:

2.4.1. Thời kỳ ủ bệnh:

2.4.2. Thời kỳ khởi phát:

2.4.3. Thời kỳ toàn phát:

2.4.4. Diễn tiến:

2.5. Chẩn đoán: Dựa vào

2.5.1. Dịch tễ học:

2.5.2. Lâm sàng :

2.5.3. Xét nghiệm:

2.6. Điều trị:

2.7. Dự phòng:

Bài 19: BỆNH VIÊM GAN SIÊU VI

Thời gian: 3 giờ (2 LT, 0TH, 1KT)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Viêm gan siêu vi.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Viêm gan siêu vi.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Viêm gan siêu vi.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Viêm gan siêu vi.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Viêm gan siêu vi.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Viêm gan siêu vi. dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Viêm gan siêu vi.
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Viêm gan siêu vi.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Viêm gan siêu vi.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Viêm gan siêu vi
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:
 - 2.1. Mầm bệnh và dịch tễ học:
 - 2.1.1. Virus viêm gan A (HAV)
 - 2.1.2. Virus viêm gan B (HBV)
 - 2.1.3. Virus viêm gan C (HCV)
 - 2.1.4. Virus viêm gan D (HDV)
 - 2.1.5. Virus viêm gan E (HEV)
 - 2.2. Bệnh sinh:
 - 2.3. Triệu chứng lâm sàng:
 - 2.3.1. Thời kỳ ủ bệnh:
 - 2.3.2. Thời kỳ khởi phát:
 - 2.3.3. Thời kỳ toàn phát:
 - 2.3.4. Thời kỳ hồi phục:
 - 2.4. Chẩn đoán: Dựa vào
 - 2.4.1. Dịch tễ học:
 - 2.4.2. Lâm sàng :
 - 2.4.3. Xét nghiệm:
 - 2.5. Điều trị:
 - 2.6. Dự phòng:

Bài 20: BỆNH DỊCH HẠCH

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0TH)

1. Mục tiêu của bài:

*Kiến thức:

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Dịch hạch.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Dịch hạch.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Dịch hạch.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Dịch hạch.

*Kỹ năng:

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Dịch hạch.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Dịch hạch dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Dịch hạch.
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Dịch hạch.

+ Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Dịch hạch.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Dịch hạch.

+ Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài

Bài 21: BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT- DENGUE

Thời gian: 2 giờ (2 LT,0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Sốt xuất huyết - Dengue .

+ Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Sốt xuất huyết - Dengue .

+ Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Sốt xuất huyết - Dengue .

+ Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Sốt xuất huyết - Dengue.

***Kỹ năng:**

+ Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Sốt xuất huyết - Dengue .

+ Biện luận và chẩn đoán được bệnh Sốt xuất huyết - Dengue dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm

+ Thực hiện tốt cách phòng bệnh Sốt xuất huyết - Dengue

+ Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Sốt xuất huyết - Dengue .

+ Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Sốt xuất huyết - Dengue.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Sốt xuất huyết - Dengue.

+ Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Định nghĩa:

2.2. Mầm bệnh:

2.3. Dịch tễ học:

- 2.4. Bệnh sinh:
- 2.5. Triệu chứng lâm sàng:
 - 2.5.1. Thở viêm hạch:
 - 2.5.2. Thở nhiễm trùng huyết:
 - 2.5.3. Thở phổi:
- 2.6. Chẩn đoán: Dựa vào
 - 2.6.1. Dịch tễ học:
 - 2.6.2. Lâm sàng :
 - 2.5.3. Xét nghiệm:
- 2.7. Điều trị:
- 2.8. Dự phòng:

CHƯƠNG 4: NHÓM CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM LỚP BAO PHỦ BÊN NGOÀI

Bài 22: BỆNH SỐT RÉT

Thời gian: 1 giờ (1LT, 0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Sốt rét.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Sốt rét.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Sốt rét
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Sốt rét.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Sốt rét.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Sốt rét dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Sốt rét.
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Sốt rét.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Sốt rét.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Sốt rét.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:
 - 2.1. Định nghĩa:
 - 2.2. Mầm bệnh
 - 2.3. Dịch tễ học:
 - 2.3.1. Nguồn bệnh:
 - 2.3.2. Trung gian truyền bệnh:
 - 2.3.3. Ở Việt Nam:
 - 2.4. Bệnh sinh:
 - 2.5. Triệu chứng lâm sàng:
 - 2.5.1. Sốt rét cơn thông thường:
 - 2.5.2. Sốt rét nặng, sốt rét ác tính:
 - 2.6. Chẩn đoán: Dựa vào
 - 2.6.1. Dịch tễ học:
 - 2.6.2. Lâm sàng :
 - 2.6.3. Xét nghiệm:
 - 2.7. Điều trị:
 - 2.8. Dự phòng:

Bài 23: BỆNH ĐẠI

Thời gian: 1 giờ (1LT,0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Đại.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Đại.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Đại.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Đại.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Đại.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh Đại dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
- + Thực hiện tốt cách phòng bệnh Đại
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Đại.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Đại.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Đại.

+ Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn bệnh trong thiên nhiên:

2.2.2. Đường lây:

2.2.3. Bệnh đại trên thế giới:

2.3. Bệnh sinh:

2.4. Triệu chứng lâm sàng:

2.4.1. Thời kỳ ủ bệnh:

2.4.2. Thời kỳ khởi phát:

2.4.3. Thời kỳ toàn phát:

2.5. Chẩn đoán: Dựa vào

2.5.1. Dịch tễ học:

2.5.2. Lâm sàng :

2.5.3. Xét nghiệm:

2.6. Điều trị:

2.6.1. Xử trí khi bị chó cắn:

2.6.2. Khi bệnh nhân lên cơn đại:

2.7. Biện pháp phòng ngừa chung:

Bài 24: BỆNH UỐN VÁN

Thời gian: 1 giờ (1LT,0TH)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh Uốn ván.

+ Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh Uốn ván.

+ Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh Uốn ván.

+ Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh Uốn ván.

***Kỹ năng:**

+ Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh Uốn ván.

+ Biện luận và chẩn đoán được bệnh Uốn ván dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm

+ Thực hiện tốt cách phòng bệnh Uốn ván

+ Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh Uốn ván.

+ Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh Uốn ván.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh Uốn ván.

+ Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Định nghĩa

2.2. Mầm bệnh:

2.3. Dịch tễ học:

2.2.1. Nguồn bệnh:

2.2.2. Đường lây:

2.2.3. Khôï cảm nhiễm:

2.4. Bệnh sinh:

2.5. Triệu chứng lâm sàng:

2.5.1. Thời kỳ ủ bệnh:

2.5.2. Thời kỳ khởi phát:

2.5.3. Thời kỳ toàn phát:

2.5.4. Tiến triển:

2.6. Chẩn đoán: Dựa vào

2.5.1. Dịch tễ học:

2.5.2. Lâm sàng :

2.5.3. Ngõ vào của vết thương:

2.7. Điều trị:

2.8. Dự phòng:

Bài 25 : BỆNH HIV/AIDS

Thời gian: 2 giờ (1LT,0TH,1KT)

1. Mục tiêu của bài:

***Kiến thức:**

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của bệnh HIV/AIDS.
- + Trình bày được các yếu tố dịch tễ học và bệnh sinh của bệnh HIV/AIDS.
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của bệnh HIV/AIDS.
- + Trình bày đầy đủ quá trình bệnh lý và theo dõi người bệnh HIV/AIDS.

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh HIV/AIDS.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh HIV/AIDS dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
- + Thực hiện tốt phòng bệnh HIV/AIDS.
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh HIV/AIDS.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh HIV/AIDS.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác sử dụng thuốc và chăm sóc an toàn cho người bệnh HIV/AIDS.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Định nghĩa

2.2. Mầm bệnh:

2.3. Các đường lây truyền:

2.2.1. Ở bệnh nhân có HIV trong:

2.2.2. Ba đường lây:

2.4. Triệu chứng lâm sàng:

2.4.1. Giai đoạn nhiễm HIV cấp:

2.4.2. Giai đoạn nhiễm HIV không triệu chứng:

2.4.3. Giai đoạn có biểu hiện lâm sàng:

2.5. Xét nghiệm::

2.6. Điều trị:

2.7. Các biện pháp phòng bệnh:

Bài 26: SỐC (SHOCK) NHIỄM TRÙNG

Thời gian: 1 giờ (1LT,0TH)

1. Mục tiêu của bài:



***Kiến thức:**

- + Trình bày được các loại vi khuẩn gây nhiễm trùng.
- + Trình bày được các điều kiện làm xuất hiện sốt.
- + Trình bày được hướng điều trị sốt..

***Kỹ năng:**

- + Xác định được các dấu hiệu và triệu chứng của tình trạng nhiễm trùng.
- + Biện luận và chẩn đoán được bệnh sốt dựa vào biểu hiện triệu chứng và xét nghiệm
- + Thực hiện nhanh các bước chống sốt.
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người sốt nhiễm trùng.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh sốt nhiễm trùng.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Sinh viên phải tham gia xử trí khi có bất kỳ biểu hiện của bệnh xảy ra sốt và chăm sóc an toàn cho người bệnh.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Mầm bệnh:

2.2. Các điều kiện xuất hiện Sốt:

2.3. Triệu chứng lâm sàng:

2.4. Cận lâm sàng:

2.5. Chẩn đoán:

2.5.1. Chẩn đoán xác định:

2.5.2. Chẩn đoán phân biệt

2.5.3. Các thể lâm sàng: 2 thể

2.6. Tiên lượng:

2.7. Điều trị: Tiến hành cùng một lúc

Thực hiện 5 bước chống sốt

Chương 6: Thực tập lâm sàng

THỰC TẬP TẠI KHOA NHIỄM

Thời gian: 90 giờ (0 LT, 89 TH, 1 KT)

1. Mục tiêu:

- Tiếp xúc bệnh nhân: Hỏi được bệnh sử và tiền sử bệnh lý của người bệnh

- Thực hành đúng kỹ năng thăm khám và xác định được các bệnh truyền nhiễm thường gặp.

- Tư vấn được chế độ điều trị, giáo dục sức khỏe cho người bệnh truyền nhiễm.

2. Chỉ tiêu:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
1	Thăm khám bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue	5		
2	Chẩn đoán được bệnh nhân tiêu chảy nhiễm trùng	10		
3	Thăm khám và chẩn đoán được bệnh thủy đậu	3		
4	Thăm khám và chẩn đoán được bệnh quai bị	3		
5	Thăm khám được bệnh viêm gan siêu vi	3		
6	Phân biệt được dấu hiệu xuất huyết dưới da và hồng ban	5		
7	Thực hành khám các dấu hiệu trong hội chứng màng não	5		
8	Chọc dò não tủy		2	Kiểm tập
9	Tư vấn chế độ điều trị viêm màng não mủ	5		
10	Thực hiện được hướng xử trí bệnh truyền nhiễm	10		
11	Hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc	10		
12	Làm và bình bệnh án	5		
13	Kiểm tra	1		

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng:

+ Lý thuyết: Giảng đường

+ Thực hành: Lâm sàng (Khoa Nhiễm)

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, laptop,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng, tài liệu học tập chính, đánh giá kỹ năng, thực hành trên bệnh nhân,...

4. Các điều kiện khác: Phòng thoáng, rộng,...

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của các bệnh truyền nhiễm.
- + Xác định được các bệnh truyền nhiễm thường gặp trên lâm sàng
- + Trình bày được hướng điều trị và cách dự phòng của các bệnh truyền nhiễm.
- + Trình bày đầy đủ quy trình điều dưỡng để áp dụng vào thực hành chăm sóc và theo dõi người bệnh truyền nhiễm.

- Kỹ năng:

- + Áp dụng để phân tích, đánh giá ban đầu trong chẩn đoán bệnh trên lâm sàng.
- + Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh truyền nhiễm .
- + Thực hiện đúng xử lý thuốc trong điều trị và chăm sóc người bệnh truyền nhiễm.
- + Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh truyền nhiễm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Sinh viên phải thận trọng nghiêm túc, không phân biệt đối xử, kỳ thị với người bệnh truyền nhiễm.
- + Khả năng vận dụng kiến thức để khám bệnh, chẩn đoán đúng.
- + Sinh viên phải áp dụng được trong công tác hướng dẫn dùng thuốc an toàn cho người bệnh truyền nhiễm.
- + Luôn có ý thức trong học tập, dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận nhóm, góp ý kiến xây dựng bài trong học tập.

2. Phương pháp đánh giá:

- Hình thức đánh giá: trắc nghiệm, vấn đáp hoặc thực hiện kỹ thuật thăm khám người bệnh theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.
- + Hình thức kiểm tra: bài kiểm tra tự luận, hoặc bình bệnh án vấn đáp trên người bệnh tại cơ sở y tế.
- + Hình thức thi kết thúc môn học: trắc nghiệm
- + Điểm kiểm tra gồm 2 cột điểm: 1 cột thường xuyên và 1 cột định kỳ. Trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kì hệ số 2.
- + Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học hoặc kiểm tra trắc nghiệm hoặc

kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Tự luận hoặc Bình bệnh án
vấn đáp trên người bệnh, từ 45 đến 60 phút

- Kiểm tra kết thúc môn học:

+ Lý thuyết: 2 cột điểm (1 cột thường xuyên; 1 cột định kỳ)

+ Thực hành: 2 cột điểm gồm 1cột thường xuyên(chuyên cần) và 1 cột định kỳ
(bình bệnh án)

- Thi kết thúc môn học: 1 cột điểm (Thi trắc nghiệm bao gồm lý thuyết và thực
hành)

* Tính điểm môn học:

- Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn
đến một chữ số thập phân.

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường
xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm.

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và
điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

- Điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4 theo phương thức tích lũy tín
chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học:

1.1. Đơn vị phụ trách môn học: Bộ môn Nhiễm - Khoa Y.

1.2. Đối tượng học tập: Sinh viên Ngành Y sĩ Cao Đẳng Chính Qui.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học,
chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

+ Phối hợp các phương pháp dạy/học: thuyết trình, thảo luận nhóm, xử lý tình
huống, vấn đáp.....

+ Tổ chức đánh giá quá trình, kết quả học tập giữa học phần, cuối học phần

+ Báo cáo kết quả giảng dạy, kết quả học tập của sinh viên

- Đối với người học:

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không
tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm
“không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập, bài kiểm tra theo chương trình môn học.

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết vào lâm sàng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

+ Các nguyên nhân gây bệnh truyền nhiễm

+ Xác định được yếu tố dịch tễ học

+ Nhận định đúng triệu chứng, biến chứng và cách phòng bệnh của từng bệnh truyền nhiễm.

+ Thực hiện được các kỹ năng khám các cơ quan trên người bệnh..

+ Thực hiện đúng nguyên tắc điều trị người bệnh truyền nhiễm .

+ Có khả năng làm được hồ sơ bệnh án của bệnh nhân tại cơ sở y tế.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. *Bài giảng Bệnh truyền nhiễm*, Nhà xuất bản Y Học, Đại Học Y Dược TP Hồ Chí Minh, năm 2020.

[2]. *Bệnh Học Truyền Nhiễm*, Nhà xuất bản Y Học Hà Nội, năm 2019.

[3]. *Bệnh Truyền Nhiễm*, Nhà xuất bản Y Học, Đại Học Y Dược TP Hồ Chí Minh, năm 2008

[4]. *Viral infections and treatment*, Mariel Dekker, 2016

[5]. Longo, D.L(2012), Harrison's principles of internal medicine, 18th ed 2018

[6]. *Lenetter's Laboratory Diagnosis Of Viral Infections*, Informa Healthcare, 2016

[7]. Papadakis, M.etal, *Current Medical Diagnosis and Treatment*, 2019

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Bệnh học Sản phụ khoa

Mã môn học: MH24A113428

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực tập bệnh viện: 89 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học chuyên ngành được đào tạo vào học kỳ thứ 5 của chương trình đào tạo ngành Y sĩ Cao đẳng

- Tính chất: Môn học này được áp dụng để trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sức khỏe sinh sản ở phụ nữ, được cập nhật những thông tin, kiến thức mới trên cơ sở phương pháp giảng dạy, học tập theo hướng tích cực.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về các cơ quan sinh dục nữ
+ Trình bày được các giai đoạn khám thai và quản lý thai nghén
+ Trình bày được kiến thức cơ bản các giai đoạn trong chuyển dạ và theo dõi chuyển dạ

+ Trình bày được các bệnh lý có thể xảy ra trong thai kỳ

+ Trình bày được các tai biến sản khoa xảy ra trong thai kỳ

+ Trình bày được hướng xử trí của các tai biến sản khoa trong thai kỳ

+ Trình bày được các bệnh lý phụ khoa thường gặp

- Kỹ năng:

+ Thực hành các quy trình khám thai và dấu hiệu chuyển dạ của thai phụ

+ Tham gia tư vấn, giáo dục sức khỏe cho thai phụ về cách chăm sóc sức khỏe khi mang thai tại bệnh viện.

+ Thực hiện được quy trình khám và điều trị bệnh lý sản phụ khoa

+ Tư vấn kế hoạch hóa gia đình

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận định được dấu hiệu chuyển dạ thật sự

+ Thực hiện được các chăm sóc cơ bản trong sản khoa.

+ Đảm bảo được kiến thức, kỹ năng về nhận định, đánh giá và chăm sóc cho thai phụ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo l luận, bài tập	Kiểm tra
1	<p>Chương 1: Nhắc lại giải phẫu, sinh lý bộ máy sinh dục nữ</p> <p>1. Giải phẫu cơ quan sinh dục nữ về phương diện sản khoa</p> <p>1.1 Âm hộ</p> <p>1.2. Âm đạo</p> <p>1.3. Tầng sinh môn</p> <p>1.4. Tử cung</p> <p>1.5. Buồng trứng</p> <p>1.6. Ống dẫn trứng</p> <p>2. Sinh lý cơ quan sinh dục nữ về phương diện sản khoa</p> <p>2.1. Chu kỳ kinh nguyệt và hoạt động của buồng trứng</p> <p>2.2. Chức năng nội tiết của buồng trứng</p> <p>2.3. Các thay đổi khác trong chu kỳ kinh nguyệt</p> <p>3. Giải phẫu khung chậu nữ về phương diện sản khoa</p> <p>3.1. Đại khung</p> <p>3.2. Tiểu khung</p> <p>3.3. Xếp loại khung chậu</p>	02	02		
2	<p>Chương 2: Ngôi , thế, kiểu thế và độ lọt của thai, cơ chế đẻ ngôi chỏm</p> <p>1. Ngôi, thế, kiểu thế , độ lọt của thai</p> <p>1.1. Các định nghĩa về ngôi , thế , kiểu thế của thai</p>	02	02		

	<p>1.2. Sự tiến triển của ngôi và các mức độ lọt của ngôi</p> <p>1.3. Chẩn đoán các loại ngôi thai trên lâm sàng</p> <p>2. Cơ chế đỡ đẻ ngôi chỏm</p> <p>2.1. Cơ chế đỡ đẻ ngôi chỏm theo kiểu chậm chạp trái trước</p> <p>2.2. Cơ chế đẻ ngôi chỏm theo kiểu chậm chạp phải sau</p>				
3	<p>Chương 3: Các dấu hiệu chuyển dạ, theo dõi và chăm sóc chuyển dạ</p> <p>1. Khái niệm chuyển dạ</p> <p>2. Các giai đoạn của chuyển dạ</p> <p>2.1. Giai đoạn 1</p> <p>2.2. Giai đoạn 2</p> <p>2.3. Giai đoạn 3</p> <p>3. Đặc điểm lâm sàng của cơn co tử cung và cơn co thành bụng trong chuyển dạ</p> <p>3.1. Cơn co tử cung</p> <p>3.2. Đặc điểm của cơn co tử cung</p> <p>3.3. Cơn co thành bụng</p> <p>3.4. Tác dụng của cơn co tử cung và cơn co thành bụng</p> <p>4. Chẩn đoán chuyển dạ về lâm sàng</p> <p>4.1. Dấu hiệu tiền chuyển dạ</p> <p>4.2. Dấu hiệu chuyển dạ</p> <p>4.3. Chẩn đoán chuyển dạ</p> <p>5. Các việc cụ thể cần theo dõi , chăm sóc sản phụ</p> <p>5.1. Theo dõi</p> <p>5.2. Chăm sóc</p> <p>6. Các trường hợp chuyển dạ không bình thường</p> <p>7. Biểu đồ chuyển dạ</p>	02	02		
4	<p>Chương 4: Khám thai, quản lý thai</p>	02	02		

	<p>1. Quy trình khám thai</p> <p>1.1. Mục đích của mỗi lần khám thai định kỳ.</p> <p>1.2. Các bước thực hành khám thai</p> <p>1.3. Chẩn đoán thai nghén</p> <p>2. Quản lý thai</p> <p>2.1. Đăng ký thai nghén</p> <p>2.2. Công cụ quản lý thai nghén tại tuyến y tế cơ sở</p>				
5	<p>Chương 5: Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ</p> <p>1. Sáu bước chăm sóc thiết yếu</p> <p>2. Quy trình chăm sóc thiết yếu</p> <p>2.1. Áp dụng</p> <p>2.2. Chuẩn bị</p> <p>2.3. Tiến hành</p>	01	01		
	Kiểm tra	01	00		01
6	<p>Chương 6: Chảy máu nửa đầu thời kỳ thai nghén</p> <p>1. Sảy thai</p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Nguyên nhân</p> <p>1.3. Lâm sàng các giai đoạn sảy thai</p> <p>1.4. Các thể lâm sàng khác nhau của sảy thai</p> <p>1.5. Chẩn đoán phân biệt</p> <p>1.6. Xử trí</p> <p>2. Thai chết trong tử cung</p> <p>2.1. Định nghĩa</p> <p>2.2. Nguyên nhân</p> <p>2.3. Triệu chứng lâm sàng</p> <p>2.4. Diễn biến của thai chết trong tử cung</p> <p>2.5. Xử trí</p> <p>3. Thai ngoài tử cung</p>	03	03		

	<p>3.1. Định nghĩa và phân loại</p> <p>3.2. Nguyên nhân</p> <p>3.3. Triệu chứng lâm sàng</p> <p>3.4. Chẩn đoán phân biệt</p> <p>3.5. Xử trí</p>				
7	<p>Chương 7: Chảy máu nửa sau thời kỳ thai nghén</p> <p>1. Nhau tiền đạo</p> <p>1.1. Định nghĩa và phân loại</p> <p>1.2. Nguyên nhân</p> <p>1.3. Triệu chứng lâm sàng</p> <p>1.4. Cận lâm sàng</p> <p>1.5. Xử trí</p> <p>1.6. Dự phòng</p> <p>2. Nhau bong non</p> <p>2.1. Định nghĩa</p> <p>2.2. Nguyên nhân</p> <p>2.3. Triệu chứng lâm sàng</p> <p>2.4. Cận lâm sàng</p> <p>2.5. Các thể lâm sàng</p> <p>2.6. Diễn biến và biến chứng</p> <p>2.7. Xử trí</p> <p>2.8. Dự phòng</p> <p>3. Vỡ tử cung</p> <p>3.1. Vỡ tử cung trong thai kì</p> <p>3.2. Vỡ tử cung trong chuyển dạ</p> <p>3.3. Chuẩn đoán</p> <p>3.4. Tiên lượng</p> <p>3.5. Dự phòng và điều trị</p>	03	03		
8	<p>Chương 8: Hội chứng tăng huyết áp do thai, tiền sản giật – sản giật</p> <p>1. Hội chứng tăng huyết áp do thai</p> <p>2. Tiền sản giật</p>	02	02		



	<ul style="list-style-type: none"> 2.1. Tiền sản giật 2.2. Tiền sản giật nặng 3. Sản giật 3.1. Yếu tố nguy cơ 3.2. Thời điểm 3.3. Mô tả cơn co giật 3.4. Biến chứng 4. Chẩn đoán phân biệt 5. Xử trí 5.1. Tăng huyết áp do thai nghén 5.2. Tiền sản giật và sản giật 6. Biến chứng 7. Dự phòng 				
9	<p>Chương 9: Chấn thương đường sinh dục trong cuộc đẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Phân loại chấn thương đường sinh dục 2. Rách âm hộ và tầng sinh môn 2.1. Rách tầng sinh môn 3. Rách âm đạo 3.1. Vị trí rách 3.2. Chẩn đoán 3.3. Xử trí 4. Rách cổ tử cung 4.1. Nguyên nhân 4.2. Chẩn đoán 4.3. Xử trí 5. Dự phòng 5.1. Rách âm hộ 5.2. Rách âm đạo 5.3. Rách TSM 5.4. Rách cổ tử cung 	01	01		
10	<p>Chương 10: Chảy máu thời kỳ sổ nhau và sau đẻ</p>	01	01		

	<p>ngày sau đẻ</p> <p>1. Theo dõi và chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ và những ngày sau đẻ</p> <p>1.1. Nhận định tình trạng trẻ sơ sinh ngay khi sổ thai</p> <p>1.2. Chăm sóc trẻ sơ sinh khỏe mạnh, đủ tháng</p> <p>1.3. Chăm sóc trẻ sơ sinh non tháng, nhẹ cân</p> <p>1.4. Chăm sóc trẻ sơ sinh dị tật</p> <p>2. Các đặc điểm lâm sàng thời kỳ sau đẻ ở sản phụ</p> <p>2.1. Thay đổi tổng quát ngay sau đẻ</p> <p>2.2. Co hồi tử cung và các phần phụ thuộc</p> <p>2.3. Sản dịch</p> <p>2.4. Tiết sữa và cho con bú</p> <p>2.5. Biến cố có thể gặp trong thời kỳ sau đẻ</p> <p>3. Chăm sóc, theo dõi sản phụ ngay sau đẻ và những ngày sau</p> <p>3.1. Ngày sau đẻ (ngày đầu)</p> <p>3.2. Những ngày sau (tuần đầu sau đẻ)</p>				
13	<p>Chương 13. Đại cương về đẻ khó</p> <p>1. Đẻ khó do con co tử cung</p> <p>1.1. Thời gian khác nhau của các pha trong giai đoạn xóa mở cổ tử cung</p> <p>1.2. Con co tử cung tăng</p> <p>1.3. Con co tử cung giảm</p> <p>2. Đẻ khó do nguyên nhân cơ giới</p> <p>2.1. Do mẹ</p> <p>2.2. Do thai</p> <p>2.3. Do phần phụ của thai</p>	01	01		
14	<p>Chương 14. Uốn ván rốn sơ sinh</p> <p>1. Triệu chứng lâm sàng</p>	01	01		

	<p>2. Điều trị</p> <p>3. Dự phòng</p> <p>3.1. Đối với trạm xá, nhà hộ sinh</p> <p>3.2. Lịch chủng ngừa uốn ván cho phụ nữ trong tuổi sinh đẻ, có thai</p>				
15	<p>Chương 15. Đại cương về viêm nhiễm sinh dục. Cách khám phụ khoa</p> <p>1. Nguyên nhân viêm nhiễm sinh dục</p> <p>1.1. Nguyên nhân</p> <p>1.2. Yếu tố thuận lợi</p> <p>2. Quy trình khám phụ khoa</p> <p>2.1. Chuẩn bị</p> <p>2.2. Tiếp đón người bệnh</p> <p>2.3. Hỏi bệnh</p> <p>2.4. Khám thực thể</p> <p>3. Nội dung thông tin, tư vấn về NKĐSS và BLTQĐTD</p> <p>4. Công tác dự phòng NKĐSS và BLTQĐTD</p>	01	01		
16	<p>Chương 16. Hội chứng tiết dịch âm đạo</p> <p>1. Dịch tiết âm đạo bình thường</p> <p>1.1. Vai trò của dịch tiết âm đạo bình thường</p> <p>1.2. Đặc tính của dịch tiết sinh lý ở âm đạo</p> <p>2. Hội chứng tiết dịch âm đạo</p> <p>2.1. Triệu chứng và chẩn đoán</p> <p>2.2. Điều trị</p> <p>2.3. Chuyển tuyến</p>	01	01		
17	<p>Chương 17. Ra máu âm đạo bất thường</p> <p>1. Các khái niệm của ra máu âm đạo bất thường</p> <p>2. Nguyên nhân</p> <p>2.1. Rong kinh, rong huyết, kinh ít, kinh nhiều, vô kinh thứ phát cơ năng</p>	01	01		

	<p>2.2. Các tổn thương thực thể ở cơ quan sinh dục</p> <p>2.3. Các biến chứng liên quan với thai nghén</p> <p>2.4. Bệnh toàn thân</p> <p>2.5. Các yếu tố do thuốc</p> <p>3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng</p> <p>3.1. Khai thác tiền sử và bệnh sử</p> <p>3.2. Khám lâm sàng</p> <p>3.3. Các xét nghiệm cận lâm sàng</p> <p>4. Điều trị</p> <p>4.1. Nguyên tắc điều trị</p> <p>4.2. Điều trị nguyên nhân</p>				
18	<p>Chương 18. Ung thư vú – Ung thư cổ tử cung</p> <p>1. Ung thư vú</p> <p>1.1. Các yếu tố nguy cơ</p> <p>1.2. Chẩn đoán</p> <p>1.3. Điều trị</p> <p>2. Ung thư cổ tử cung</p> <p>2.1. Các yếu tố nguy cơ gây ung thư cổ tử cung</p> <p>2.2. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng ung thư cổ tử cung</p> <p>3. Điều trị ung thư cổ tử cung</p> <p>4. Dự phòng ung thư cổ tử cung</p>	01	01		
19	<p>Chương 19. Giáo dục về sức khỏe sinh sản đối với phụ nữ</p> <p>1. Nội dung giáo dục về skss ở phụ nữ nói chung</p> <p>1.1. Vệ sinh thân thể và bộ phận sinh dục ngoài hàng ngày</p> <p>1.2. Vệ sinh kinh nguyệt</p> <p>1.3. Vệ sinh tình dục</p> <p>2. Nội dung giáo dục skss ở tuổi vị thành</p>	01	01		

niên				
3. Nội dung giáo dục skss ở phụ nữ tuổi sinh sản				
4. Nội dung giáo dục skss ở phụ nữ mang thai				
5. Nội dung giáo dục skss ở phụ nữ tuổi mãn kinh				
Thực tập lâm sàng	0	0	89	01
Cộng	120	29	89	02

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Nhắc lại giải phẫu, sinh lý bộ máy sinh dục nữ. Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được giải phẫu và sinh lý cơ quan sinh dục nữ về phương diện sản khoa

1.2. Trình bày được khung chậu nữ về phương diện sản khoa

2. Nội dung chương:

2.1. Giải phẫu cơ quan sinh dục nữ về phương diện sản khoa

2.2.1. Âm hộ

2.2.2. Âm đạo

2.2.2.1. Cấu tạo

2.2.2.2. Mạch máu

2.2.2.3. Thần kinh

2.2.3. Tầng sinh môn

2.2.4. Tử cung

2.2.4.1. Hình thể và cấu trúc

2.2.4.2. Mạch máu và thần kinh

2.2.4.3. Vị trí và liên quan

2.2.4.4. Các phương tiện giữ tử cung tại chỗ

2.2.5. Buồng trứng

2.2.5.1. Hình thể

2.2.5.2. Liên quan

2.2.5.3. Mạch máu và thần kinh

2.2.5.4. Các phương tiện giữ buồng trứng

2.2.6. Ống dẫn trứng

- 2.2.6.1. Hình thể và cấu trúc
- 2.2.6.2. Mạch máu và thần kinh
- 2.2.6.3. Các dây chằng và mạc treo
- 2.2. Sinh lý cơ quan sinh dục nữ về phương diện sản khoa
 - 2.2.1. Chu kỳ kinh nguyệt và hoạt động của buồng trứng
 - 2.2.1.1. Kinh nguyệt
 - 2.2.1.2. Hoạt động của buồng trứng
 - 2.2.2. Chức năng nội tiết của buồng trứng
 - 2.2.2.1. Estrogen
 - 2.2.2.2. Progesteron
 - 2.2.3. Các thay đổi khác trong chu kỳ kinh nguyệt
 - 2.2.3.1. Thân nhiệt
 - 2.2.3.2. Cổ tử cung
 - 2.2.3.3. Âm đạo
- 2.3. Giải phẫu khung chậu nữ về phương diện sản khoa
 - 2.3.1. Đại khung
 - 2.3.2. Tiểu khung
 - 2.3.3. Xếp loại khung chậu

Chương 2: Ngôi , thế , kiểu thế và độ lọt của thai , cơ chế đẻ ngôi chỏm
 Thời gian 02 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Trình bày được ngôi , thế , kiểu thế và độ lọt của thai
 - 1.2. Trình bày được cơ chế đẻ ngôi chỏm
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Ngôi, thế, kiểu thế , độ lọt của thai
 - 2.1.1. Các định nghĩa về ngôi , thế , kiểu thế của thai
 - 2.1.1.1. Ngôi
 - 2.1.1.2. Điểm mốc của ngôi
 - 2.1.1.3. Thế và kiểu thế của thai
 - 2.1.1.4. Quá trình thai đẻ ra ngoài
 - 2.1.2. Sự tiến triển của ngôi và các mức độ lọt của ngôi
 - 2.1.3. Chẩn đoán các loại ngôi thai trên lâm sàng
 - 2.2. Cơ chế đỡ đẻ ngôi chỏm

2.2.1. Cơ chế đỡ đẻ ngôi chỏm theo kiểu chằm chậu trái trước.

2.2.1.1. Xác định vị trí các mốc

2.2.1.2. Diễn biến trong cơ chế đỡ

2.2.1.3. Hiện tượng uốn khuôn

2.2.2. Cơ chế đỡ ngôi chỏm theo kiểu chằm chậu phải sau

2.2.2.1. Vị trí các mốc

2.2.2.2. Diễn biến

Chương 3: Các dấu hiệu chuyển dạ , theo dõi và chăm sóc chuyển dạ

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1 Trình bày được khái niệm và 3 giai đoạn của cuộc chuyển dạ .

1.2 Trình bày được đặc điểm lâm sàng của cơn co tử cung và cơn co thành bụng trong chuyển dạ

1.3 Trình bày được chẩn đoán chuyển dạ và các việc cần theo dõi chăm sóc một sản phụ chuyển dạ

1.4 Trình bày được các trường hợp bất thường khi theo dõi chuyển dạ

1.5 Trình bày được khái niệm, chỉ định, tiêu chuẩn loại trừ và ý nghĩa của biểu đồ chuyển dạ

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm chuyển dạ

2.2. Các giai đoạn của chuyển dạ

2.2.1. Giai đoạn 1

2.2.2.2. Giai đoạn 2

2.2.3. Giai đoạn 3

2.3. Đặc điểm lâm sàng của cơn co tử cung và cơn co thành bụng trong chuyển dạ

2.3.1. Cơn co tử cung

2.3.2. Đặc điểm của cơn co tử cung

2.3.3. Cơn co thành bụng

2.3.4. Tác dụng của cơn co tử cung và cơn co thành bụng

2.4. Chẩn đoán chuyển dạ về lâm sàng

2.4.1. Dấu hiệu tiền chuyển dạ

2.4.2. Dấu hiệu chuyển dạ

2.4.3. Chẩn đoán chuyển dạ

2.5. Các việc cụ thể cần theo dõi , chăm sóc sản phụ

2.5.1. Theo dõi

2.5.2. Chăm sóc

2.6. Các trường hợp chuyển dạ không bình thường

2.7. Biểu đồ chuyển dạ

Chương 4: Khám thai, quản lý thai

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được quy trình khám thai

1.2. Trình bày được chẩn đoán thai nghén

1.3. Trình bày được quản lý thai tại tuyến y tế cơ sở

2. Nội dung chương:

2.1. Quy trình khám thai

2.1.1. Mục đích của mỗi lần khám thai định kỳ.

2.1.1.1. Lần thứ nhất

2.1.1.2. Lần thứ hai

2.1.1.3. Lần thứ ba

2.1.2. Các bước thực hành khám thai

2.1.3. Chẩn đoán thai nghén

2.1.3.1. Chẩn đoán thai nghén trong 4 tháng rưỡi đầu

2.1.3.2. Chẩn đoán thai nghén trong 4 tháng rưỡi sau

2.1.3.3. Chẩn đoán phân biệt

2.1.3.4. Cách tính tuổi thai và dự đoán ngày sanh

2.2. Quản lý thai

2.2.1. Đăng ký thai nghén

2.2. Công cụ quản lý thai nghén tại tuyến y tế cơ sở

Chương 5: Chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ

Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1 Trình bày được 6 bước chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ

1.2 Trình bày được chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ

1.3 Thực hiện được chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ đúng kỹ thuật và an toàn

2. Nội dung chương:

2.1. Sáu bước chăm sóc thiết yếu

2.2. Quy trình chăm sóc thiết yếu

2.2.1. Áp dụng

2.2.2. Chuẩn bị

2.2.3. Tiến hành

2.2.3.1. Tư vấn cho sản phụ

2.2.3.2. Tiến hành đỡ đẻ

2.2.3.3. Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ

2.2.3.4. Tiêm oxytocin

2.2.3.5. Kẹp dây rốn muộn và cắt dây rốn một thì

2.2.3.6. Kéo dây rốn có kiểm soát

2.2.3.7. Xoa tử cung

2.2.3.8. Tư vấn, hướng dẫn bà mẹ cho con bú sớm

Kiểm tra

Thời gian 01 giờ

Chương 6: Chảy máu nửa đầu thời kỳ thai nghén

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân và lâm sàng các giai đoạn sảy thai.

1.2. Trình bày được các thể lâm sàng, chẩn đoán phân biệt và xử trí sảy thai.

1.3. Trình bày được định nghĩa, nguyên nhân thai chết trong tử cung.

1.4. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và diễn tiến thai chết trong tử cung.

1.5. Xử trí được thai chết trong tử cung

1.6. Trình bày được định nghĩa, phân loại và nguyên nhân thai ngoài tử cung.

1.7. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán phân biệt và cách xử trí thai ngoài tử cung.

1.8. Trình bày được dự phòng thai ngoài tử cung

2. Nội dung chương:

2.1. Sảy thai

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Lâm sàng các giai đoạn sảy thai

2.1.3.1. Dọa sảy thai

2.1.3.2. Đang sảy thai

- 2.1.3.3. Đã sảy thai
- 2.1.4. Các thể lâm sàng khác nhau của sảy thai
- 2.1.5. Chẩn đoán phân biệt
- 2.1.6. Xử trí
- 2.2. Thai chết trong tử cung
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.3.1. Thai chết khi tuổi thai dưới 22 tuần
 - 2.2.3.2. Thai chết khi tuổi thai trên 22 tuần
 - 2.2.4. Diễn biến của thai chết trong tử cung
 - 2.2.5. Xử trí
- 2.3. Thai ngoài tử cung
 - 2.3.1. Định nghĩa và phân loại
 - 2.3.2. Nguyên nhân
 - 2.3.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.3.1. Thai ngoài tử cung chưa vỡ
 - 2.3.3.2. Thai ngoài tử cung đã vỡ
 - 2.3.3.3. Thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
 - 2.3.3. Chẩn đoán phân biệt
 - 2.3.5. Xử trí

Chương 7: Chảy máu nửa sau thời kỳ thai nghén

Thời gian 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân thường gây xuất huyết trong nửa sau thời kỳ thai nghén
- 1.2. Trình bày được xử trí của xuất huyết trong nửa sau thời kỳ thai nghén.
- 1.3. Trình bày được các triệu chứng, các thể lâm sàng của từng nguyên nhân

2. Nội dung chương:

- 2.1. Nhau tiền đạo
 - 2.1.1. Định nghĩa và phân loại
 - 2.1.2. Nguyên nhân
 - 2.1.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.1.3.1. Cơ năng

- 2.1.3.2. Toàn thân
- 2.1.3.3. Thực thể
- 2.1.4. Cận lâm sàng
- 2.1.5. Xử trí
- 2.1.6. Dự phòng
- 2.2. Nhau bong non
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.3.1. Cơ năng
 - 2.2.3.2. Toàn thân
 - 2.2.3.3. Thực thể
 - 2.2.4. Cận lâm sàng
 - 2.2.5. Các thể lâm sàng
 - 2.2.5.1. Nhau bong non thể nhẹ
 - 2.2.5.2. Nhau bong non thể trung bình
 - 2.2.5.3. Nhau bong non thể nặng (phong huyết tử cung nhau)
 - 2.2.6. Diễn biến và biến chứng
 - 2.2.7. Xử trí
 - 2.2.7.1. Nội khoa
 - 2.2.7.2. Sản khoa
 - 2.2.7.3. Điều trị các biến chứng
 - 2.2.8. Dự phòng
- 2.3. Vỡ tử cung
 - 2.3.1. Vỡ tử cung trong thai kì
 - 2.3.1.1. Nguyên nhân
 - 2.3.1.1. Triệu chứng
 - 2.3.2. Vỡ tử cung trong chuyển dạ
 - 2.3.2.1. Nguyên nhân
 - 2.3.2.1. Triệu chứng
 - 2.3.3. Chuẩn đoán
 - 2.3.3.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.3.3.2. Chẩn đoán phân biệt

2.3.4. Tiên lượng

2.3.5. Dự phòng và điều trị

2.3.5.1. Dự phòng

2.3.5.2. Điều trị

Chương 8: Hội chứng tăng huyết áp do thai, tiền sản giật – sản giật

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được hội chứng tăng huyết áp do thai, tiền sản giật và sản giật những tháng cuối thai kỳ.

1.2. Phân biệt được các hội chứng trên với các bệnh lý khác đi kèm với thai.

1.3. Trình bày được xử trí, biến chứng thường gặp, dự phòng các hội chứng trên

2. Nội dung chương:

2.1. Hội chứng tăng huyết áp do thai

2.2. Tiền sản giật

2.2.1. Tiền sản giật

2.2.2. Tiền sản giật nặng

2.3. Sản giật

2.3.1. Yếu tố nguy cơ

2.3.2. Thời điểm

2.3.3. Mô tả cơn co giật

2.3.4. Biến chứng

2.4. Chẩn đoán phân biệt

2.5. Xử trí

2.5.1. Tăng huyết áp do thai nghén

2.5.2. Tiền sản giật và sản giật

2.6. Biến chứng

2.7. Dự phòng

Chương 9: Chấn thương đường sinh dục trong cuộc đẻ

Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Phân loại được các chấn thương đường sinh dục trong cuộc đẻ

1.2. Trình bày được nguyên nhân, phân độ rách, chẩn đoán và xử trí rách tầng sinh môn và âm hộ

1.3. Trình bày được rách âm đạo, rách cổ tử cung và dự phòng chấn thương đường sinh dục

2. Nội dung chương:

2.1. Phân loại chấn thương đường sinh dục

2.2. Rách âm hộ và tầng sinh môn

2.2.1. Rách tầng sinh môn

2.2.1.1. Nguyên nhân

2.2.1.2. Phân độ

2.2.1.3. Chẩn đoán

2.2.1.4. Xử trí rách TSM mới

2.2.1.5. Xử trí rách TSM cũ

2.3. Rách âm đạo

2.3.1. Vị trí rách

2.3.2. Chẩn đoán

2.3.3. Xử trí

2.4. Rách cổ tử cung

2.4.1. Nguyên nhân

2.4.2. Chẩn đoán

2.4.3. Xử trí

2.5. Dự phòng

2.5.1. Rách âm hộ

2.5.2. Rách âm đạo

2.5.3. Rách TSM

2.5.4. Rách cổ tử cung

Chương 10: Chảy máu thời kỳ sổ nhau và sau đẻ

Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, các nhóm nguyên nhân gây chảy máu trong thời kỳ sổ nhau và sau đẻ

1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, xử trí sót nhau, sót màng nhau và đờ tử cung

1.3. Trình bày được định nghĩa, phân loại, triệu chứng lâm sàng, xử trí nhau bong không hoàn toàn

1.4. Trình bày được dự phòng chảy máu trong thời kỳ sổ nhau và sau đẻ

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm

- 2.2. Sốt nhau, sốt màng nhau
- 2.2.1. Nguyên nhân
- 2.2.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.2.3. Xử trí
- 2.3. Đờ tử cung
- 2.3.1. Nguyên nhân
- 2.3.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.3.3. Xử trí
- 2.4. Chấn thương đường sinh dục
- 2.5. Nhau bong không hoàn toàn
- 2.5.1. Định nghĩa và phân loại
- 2.5.2. Triệu chứng lâm sàng
- 2.5.3. Xử trí
- 2.6. Dự phòng

Chương 11: Nhiễm trùng sau đẻ

Thời gian 02 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Trình bày được định nghĩa và các yếu tố thuận lợi gây nhiễm trùng sau đẻ
 - 1.2. Trình bày được các hình thái và dự phòng nhiễm trùng sau đẻ
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Định nghĩa
 - 2.2. Yếu tố thuận lợi gây nhiễm khuẩn hậu sản
 - 2.3. Các hình thái nhiễm khuẩn hậu sản
 - 2.3.1. Nhiễm khuẩn tầng sinh môn, âm hộ, âm đạo, cổ tử cung
 - 2.3.1.1. Nguyên nhân
 - 2.3.1.2. Triệu chứng
 - 2.3.1.3. Xử trí
 - 2.3.2. Viêm nội mạc tử cung
 - 2.3.2.1. Nguyên nhân
 - 2.3.2.2. Triệu chứng
 - 2.3.2.3. Xử trí
 - 2.3.3. Bể sản dịch
 - 2.3.3.1. Nguyên nhân
 - 2.3.3.2. Triệu chứng

- 2.3.3.3. Xử trí
- 2.3.4. Viêm tử cung toàn bộ
 - 2.3.4.1. Nguyên nhân
 - 2.3.4.2. Triệu chứng
 - 2.3.4.3. Xử trí
- 2.3.5. Viêm tử cung và phần phụ
 - 2.3.5.1. Nguyên nhân
 - 2.3.5.2. Triệu chứng
 - 2.3.5.3. Xử trí
- 2.3.6. Viêm phúc mạc tiểu khung
 - 2.3.6.1. Nguyên nhân
 - 2.3.6.2. Triệu chứng
 - 2.3.6.3. Xử trí
- 2.3.7. Viêm phúc mạc toàn bộ
 - 2.3.7.1. Nguyên nhân
 - 2.3.7.2. Triệu chứng
 - 2.3.7.3. Xử trí
- 2.3.8. Nhiễm khuẩn huyết
 - 2.3.8.1. Nguyên nhân
 - 2.3.8.2. Triệu chứng
 - 2.3.8.3. Xử trí
- 2.3.9. Các bệnh lý về vú của bà mẹ sau đẻ
 - 2.3.9.1. Cương sữa
 - 2.3.9.2. Tắc sữa
 - 2.3.9.3. Viêm tuyến vú
 - 2.3.9.5. Đầu vú bị rách
 - 2.3.9.6. Abcess vú

2.4. Dự phòng

Chương 12. Theo dõi, chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh ngay sau đẻ và những ngày sau đẻ

Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được bảng điểm số apgar.

1.2. Trình bày được các chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh những ngày sau đẻ.

1.3. Trình bày được các chăm sóc và theo dõi sản phụ sinh ngay sau đẻ và những ngày sau đẻ.

2. Nội dung chương:

2.1. Theo dõi và chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ và những ngày sau đẻ

2.1.1. Nhận định tình trạng trẻ sơ sinh ngay khi sổ thai

2.1.2. Chăm sóc trẻ sơ sinh khỏe mạnh, đủ tháng

2.1.3. Chăm sóc trẻ sơ sinh non tháng, nhẹ cân

2.1.4. Chăm sóc trẻ sơ sinh dị tật

2.2. Các đặc điểm lâm sàng thời kỳ sau đẻ ở sản phụ

2.2.1. Thay đổi tổng quát ngay sau đẻ

2.2.2. Co hồi tử cung và các phần phụ thuộc

2.2.3. Sản dịch

2.2.4. Tiết sữa và cho con bú

2.2.5. Biến cố có thể gặp trong thời kỳ sau đẻ

2.3. Chăm sóc, theo dõi sản phụ ngay sau đẻ và những ngày sau

2.3.1. Ngay sau đẻ (ngày đầu)

2.3.2. Những ngày sau (tuần đầu sau đẻ)

Chương 13. Đại cương về đẻ khó

Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đẻ khó do cơn co tử cung.

1.2. Trình bày được đẻ khó do nguyên nhân cơ giới

2. Nội dung chương:

2.1. Đẻ khó do cơn co tử cung

2.1.1. Thời gian khác nhau của các pha trong giai đoạn xóa mở cổ tử cung

2.1.2. Cơn co tử cung tăng

2.1.3. Cơn co tử cung giảm

2.2. Đẻ khó do nguyên nhân cơ giới

2.2.1. Do mẹ

2.2.2. Do thai

2.2.3. Do phần phụ của thai

Chương 14. Uốn ván rốn sơ sinh

Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và điều trị uốn ván rốn sơ sinh.

1.2. Trình bày được cách dự phòng uốn ván rốn sơ sinh.

2. Nội dung chương:

2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.2. Điều trị

2.3. Dự phòng

2.3.1. Đối với trạm xá, nhà hộ sinh

2.3.2. Lịch chủng ngừa uốn ván cho phụ nữ trong tuổi sinh đẻ, có thai

Chương 15. Đại cương về viêm nhiễm sinh dục. Cách khám phụ khoa

Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân gây viêm nhiễm sinh dục.

1.2. Trình bày được quy trình khám phụ khoa và nội dung thông tin, tư vấn về viêm nhiễm sinh dục.

1.3. Trình bày được công tác dự phòng viêm nhiễm sinh dục

2. Nội dung chương:

2.1. Nguyên nhân viêm nhiễm sinh dục

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Yếu tố thuận lợi

2.2. Quy trình khám phụ khoa

2.2.1. Chuẩn bị

2.2.2. Tiếp đón người bệnh

2.2.3. Hỏi bệnh

2.2.4. Khám thực thể

2.3. Nội dung thông tin, tư vấn về NKĐSS và BLTQĐTD

2.4. Công tác dự phòng NKĐSS và BLTQĐTD

Chương 16. Hội chứng tiết dịch âm đạo

Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được dịch tiết âm đạo bình thường.

1.2. Trình bày được hội chứng tiết dịch âm đạo.

2. Nội dung chương:

2.1. Dịch tiết âm đạo bình thường

2.1.1. Vai trò của dịch tiết âm đạo bình thường

2.1.2. Đặc tính của dịch tiết sinh lý ở âm đạo

2.2. Hội chứng tiết dịch âm đạo

2.2.1. Triệu chứng và chẩn đoán

2.2.2. Điều trị

2.2.3. Chuyển tuyến

Chương 17. Ra máu âm đạo bất thường

Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các khái niệm của ra máu âm đạo bất thường.

1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị ra máu âm đạo bất thường

1.3. Điều trị được ra máu âm đạo bất thường

2. Nội dung chương:

2.1. Các khái niệm của ra máu âm đạo bất thường

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Rong kinh, rong huyết, kinh ít, kinh nhiều, vô kinh thứ phát cơ năng

2.2.2. Các tổn thương thực thể ở cơ quan sinh dục

2.2.3. Các biến chứng liên quan với thai nghén

2.2.4. Bệnh toàn thân

2.2.5. Các yếu tố do thuốc

2.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.3.1. Khai thác tiền sử và bệnh sử

2.3.2. Khám lâm sàng

2.3.3. Các xét nghiệm cận lâm sàng

2.4. Điều trị

2.4.1. Nguyên tắc điều trị

2.4.2. Điều trị nguyên nhân

Chương 18. Ung thư vú – Ung thư cổ tử cung

Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được chẩn đoán và điều trị ung thư vú.

1.2. Trình bày được các yếu tố nguy cơ, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, điều trị và dự phòng ung thư cổ tử cung.

1.3. Trình bày được các yếu tố nguy cơ, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng ung thư cổ tử cung.

1.4. Trình bày được điều trị và dự phòng ung thư cổ tử cung

2. Nội dung chương:

2.1. Ung thư vú

2.1.1. Các yếu tố nguy cơ

2.1.2. Chẩn đoán

2.1.3. Điều trị

2.1.3.1. Điều trị tại chỗ

2.1.3.2. Điều trị di căn xa

2.2. Ung thư cổ tử cung

2.2.1. Các yếu tố nguy cơ gây ung thư cổ tử cung

2.2.2. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng ung thư cổ tử cung

2.2.2.1. Các thương tổn khó thấy

2.2.2.2. Với các tổn thương rõ

2.2.3. Điều trị ung thư cổ tử cung

2.2.4. Dự phòng ung thư cổ tử cung

Chương 19. Giáo dục về sức khỏe sinh sản đối với phụ nữ Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nội dung giáo dục về sức khỏe sinh sản ở phụ nữ nói chung.

1.2. Trình bày được các nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản cho vị thành niên, phụ nữ tuổi sinh sản và phụ nữ tuổi mãn kinh

2. Nội dung chương:

2.1. Nội dung giáo dục về SKSS ở phụ nữ nói chung

2.1.1. Vệ sinh thân thể và bộ phận sinh dục ngoài hàng ngày

2.1.2. Vệ sinh kinh nguyệt

2.1.3. Vệ sinh tình dục

2.2. Nội dung giáo dục SKSS ở tuổi vị thành niên

2.3. Nội dung giáo dục skss ở phụ nữ tuổi sinh sản

Thực tập lâm sàng

Thời gian 90 giờ (0 LT, 89 TH, 01 KT)

1. Mục tiêu:

1.1. Giao tiếp với nhân viên y tế, người bệnh và thân nhân người bệnh.

1.2. Thực hiện các quy trình khám thai

1.3. Thực hiện được quy trình đỡ sanh ngôi chằm

1.4. Thực hiện được quy trình khám hậu sản

1.5. Tư vấn được các biện pháp ngừa thai trong thời kỳ hậu sản

1.6. Khám, chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị trong các trường hợp nhiễm trùng hậu sản

1.7. Khám, chẩn đoán và đưa ra hướng điều trị 5 tai biến sản khoa

1.8. Thực hiện được quy trình khám và chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa, xuất huyết tử cung bất thường

1.9. Rèn luyện đạo đức người y sĩ, tác phong thận trọng, chính xác.

2. Chỉ tiêu:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
		Thực tập	Kiến tập	
1	Đo dấu sinh tồn	15 lần		
2	Rửa tay thường quy	10 lần		
3	Khám thai	10 lần	10 lần	
4	Khám phụ khoa	10 lần	10 lần	
5	Khám các trường hợp chuyển dạ	10 lần	10 lần	
6	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình	10 lần		
7	Làm bệnh án sản khoa	02 lần		
8	Làm bệnh án phụ khoa	02 lần		
9	Làm bệnh án hậu sản	02 lần		
10	Tư vấn theo dõi dấu hiệu bất thường trong thai kỳ	10 lần		
11	Tư vấn các dấu hiệu bất thường trong thời kỳ hậu sản	10 lần		

12	Hồ sơ bệnh nhân	10 lần		
----	-----------------	--------	--	--

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: phòng học lý thuyết và cơ sở thực hành bệnh viện

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, laptop, bảng phấn, mô hình hồi sức sơ sinh,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sách, giáo trình, đề cương chi tiết môn học, giáo án, bút, viết, thước kẻ, thước dây, ống nghe tim thai, bộ dụng cụ khám phụ khoa, bộ dụng cụ cắt may tầng sinh môn,

4. Các điều kiện khác: học xong các môn Giải phẫu – sinh lý, Sinh lý bệnh, Vi ký sinh

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Trình bày được kiến thức cơ bản về các cơ quan sinh dục nữ

+ Trình bày được các giai đoạn khám thai và quản lý thai nghén

+ Trình bày được kiến thức cơ bản các giai đoạn trong chuyển dạ và theo dõi chuyển dạ

+ Trình bày được các bệnh lý có thể xảy ra trong thai kỳ

+ Trình bày được các tai biến sản khoa xảy ra trong thai kỳ

+ Trình bày được hướng xử trí của các tai biến sản khoa trong thai kỳ

+ Trình bày được các bệnh lý phụ khoa thường gặp

- Kỹ năng:

+ Thực hành các quy trình khám thai và dấu hiệu chuyển dạ của thai phụ

+ Tham gia tư vấn, giáo dục sức khỏe cho thai phụ về cách chăm sóc sức khỏe khi mang thai tại bệnh viện.

+ Thực hiện được quy trình khám và điều trị bệnh lý sản phụ khoa

+ Tư vấn kế hoạch hóa gia đình

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận định được dấu hiệu chuyển dạ thật sự

+ Thực hiện được các chăm sóc cơ bản trong sản khoa.

+ Đảm bảo được kiến thức, kỹ năng về nhận định, đánh giá và chăm sóc cho thai phụ.

2. Phương pháp:

- Điểm kiểm tra gồm 2 cột điểm: 1 cột thường xuyên và 1 cột định kỳ chia đều cho cả nội dung lý thuyết và thực hành, trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm dưới 30 phút.

- Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm trên lớp

- Hình thức kiểm tra trắc nghiệm: trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án

- Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Hình thức thi kết thúc môn học phần lý thuyết: Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án, câu hỏi đúng – sai

- Hình thức thi kết thúc môn học phần lâm sàng: Làm bệnh án trên bệnh nhân, vấn đáp, thực hiện kỹ năng khám theo bảng kiểm, xử trí tình huống lâm sàng,.....

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tổng kết môn học là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của nhà trường.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học này được áp dụng để trang bị cho sinh viên Y Sĩ những kiến thức cơ bản về cách chăm sóc thai phụ.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên

+ Tổ chức dạy và học lý thuyết, thực tập tại bệnh viện

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

+ Phối hợp các phương pháp dạy/học: Thuyết giảng có minh họa, thảo luận nhóm, làm mẫu, đặt vấn đề

- Đối với người học:

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết vào lâm sàng

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giải phẫu sinh lý cơ quan sinh dục nữ, quy trình khám thai và quản lý thai nghén, các bất thường trong thai kỳ và bất thường trong của cơ quan sinh sản

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ Y tế (2009), *Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản*, nhà xuất bản Y học Hà nội.

[2] Bộ Y tế (2015), *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa*, nhà xuất bản Y học Hà Nội.

[3] Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Giáo trình Sản Phụ khoa*, nhà xuất bản Y học

[4] Beckmann (2014), *Obstetrics and gynecology 7th edition*, Nhà xuất bản Wolters Kluwer Health

[5] Hackers and Moore, *Essential of obstetrics and gynecology 5th edition*

[6] Williams (2014), *Obstetrics 24th edition*, Nhà xuất bản McGraw-Hill Education



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU

Mã môn học: MH24A113229

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học chuyên môn, được bố trí vào học kỳ 1 năm thứ 3 trong chương trình đào tạo ngành, nghề y sĩ cao đẳng chính quy.

- Tính chất: Môn học này là môn học lý thuyết, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chương trình y tế quốc gia, rèn luyện và có thái độ đúng trong khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

- + Thuộc được khái niệm về sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu.
 - + Trình bày được 10 nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu.
 - + Phân tích được các nguyên tắc cơ bản của chăm sóc sức khỏe ban đầu.
 - + Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng tới chăm sóc sức khỏe ban đầu.
 - + Phân tích được những phong tục, tập quán ảnh hưởng sâu sắc đến chăm sóc sức khỏe ban đầu.
 - + Trình bày được 9 giải pháp của chính phủ nhằm đạt mục tiêu CSSKB
 - + Phân tích được 9 giải pháp tác động đến đời sống xã hội Việt nam trong cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21.
 - + Trình bày được những giải pháp được áp dụng vào từng vùng miền của Việt Nam.
 - + Trình bày được khái niệm về sức khỏe, khái niệm về cộng đồng và Quy trình điều dưỡng cộng đồng.
 - + Kể được 4 bước quy trình điều dưỡng.
 - + Mô tả 4 phương pháp lượng giá nhu cầu.
 - + Vận dụng các kiến thức điều dưỡng cơ bản và kiến thức chuyên ngành để đưa ra các hoạt động chăm sóc thích hợp theo yêu cầu, ngăn ngừa giảm bớt khó khăn của cá nhân, gia đình và cộng đồng.
- Kỹ năng:
- + Vận động được cộng đồng thay đổi được những phong tục tập quán có hại.
 - + Lập được kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
 - + Xác định được mục tiêu chăm sóc để tư vấn, giáo dục sức khỏe cộng đồng;

- + Lựa chọn các hoạt động chăm sóc phù hợp;
- + Viết hoàn thành bản kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Nhanh nhẹn, gần gũi, thân thiện và nhiệt tình;
 - + Tôn trọng cá nhân, gia đình và cộng đồng sinh sống;
 - + Có trách nhiệm với công việc, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, khả năng phối hợp cộng tác cho đồng nghiệp cấp trên;
 - + Chịu trách nhiệm về toàn bộ về quy trình làm việc chăm sóc, hành nghề của mình trước pháp luật.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Giới thiệu về chăm sóc sức khỏe ban đầu	5	5	0	
	1. Giới thiệu về Hội nghị Alma-Ata				
	2. Định nghĩa chăm sóc sức khỏe ban đầu				
	3. Nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu				
	4. 5 nguyên lý cơ bản của chăm sóc sức khỏe ban đầu				
	5. Các yếu tố ảnh hưởng đến ảnh hưởng chăm sóc sức khỏe ban đầu				
	6. Khái niệm về các tuyến trong chăm sóc sức khỏe ban đầu				
2	Chương 2: 10 nội dung CSSKBD ở Việt nam	5	5	0	
	1. Giáo dục sức khỏe				

	2. Cung cấp thực phẩm và dinh dưỡng hợp lý				
	3. Cung cấp nước sạch và VS môi trường				
	4. Bảo vệ SKBMTE /KHHGD				
	5. Tiêm chủng mở rộng				
	6. Phòng và quản lý bệnh lưu hành tại địa phương				
	7. Điều trị các bệnh thông thường, chấn thương				
	8. Cung cấp thuốc thiết yếu				
	9. Quản lý sức khỏe				
	10. Kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở				
3	Chương 3: Đánh giá chương trình CSSKBĐ	2	2	0	
	1. Khái niệm				
	2. Lập kế hoạch hành động				
	3. Giám sát				
	4. Đánh giá công tác CSSKBĐ				
4	Chương 4: Các biện pháp, chính sách để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Việt Nam	3	3	0	
	1. Kiện toàn tổ chức và phát triển mạng lưới chăm sóc sức khỏe nhân dân.				
	2. Đào tạo, bố trí nhân lực khoa học và phát triển công nghệ				
	3. Tăng cường đầu tư và quản lý tốt các nguồn lực.				
	4. Xã hội hóa công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân				

5	Chương 5: Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	2	0	
	1. Khái niệm kế hoạch điều dưỡng cộng đồng				
	2. Lập kế hoạch chăm sóc				
	Kiểm tra thường xuyên	1	0	0	1
6	Chương 6: Quy trình điều dưỡng cộng đồng	2	2	0	
	1. Một số khái niệm.				
	2. Nội dung quy trình điều dưỡng				
	3. Những vấn đề sức khỏe cần ưu tiên giải quyết khi chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng				
7	Chương 7: Tổ chức quản lý hồ sơ sức khỏe tại trạm y tế	5	5	0	
	1. Những mục tiêu của ngành y tế				
	2. Quản lý sức khỏe toàn dân				
	3. Quản lý sức khỏe tại trạm y tế				
	4. Vai trò của sổ sách đối với tuyến y tế cơ sở				
	5. Cách sử dụng sổ sách phục vụ cho công tác quản lý y tế				
8	Chương 8: Thăm và chăm sóc tại gia đình	4	4	0	1
	1. Vai trò của người điều dưỡng trong hành nghề chăm sóc gia đình				

	2. Thăm và chăm sóc tại gia đình				
	3. Chăm sóc cho cá nhân trong cộng đồng				
	Kiểm tra định kỳ				1
	Cộng	30	28		2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Giới thiệu về chăm sóc sức khỏe ban đầu

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Trình bày tóm tắt các nội dung và ý nghĩa của tuyên ngôn Alma Ata.
- Trình bày được tình hình và xu hướng triển khai các hoạt động CSSKBD trên thế giới;
- Trình bày được các hoạt động CSSKBD theo 10 nội dung của CSSKBD tại Việt Nam kể từ sau tuyên ngôn Alma Ata;
- Trình bày được 5 nguyên lý cơ bản của chăm sóc sức khỏe ban đầu

2. Nội dung bài:

- 2.1. Giới thiệu về Hội nghị Alma-Ata
- 2.2. Định nghĩa chăm sóc sức khỏe ban đầu
- 2.3. Nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu
- 2.4. 5 nguyên lý cơ bản của chăm sóc sức khỏe ban đầu
- 2.5. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng ở Việt Nam
- 2.6. Ý nghĩa của chăm sóc sức khỏe ban đầu
- 2.7. Khái niệm về các tuyến trong chăm sóc sức khỏe ban đầu

Chương 2: 10 nội dung CSSKBD ở Việt nam

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Trình bày được mục tiêu của từng nội dung CSSKBD của Việt Nam
- Nắm việc triển khai thực hiện các nội dung CSSKBD của Việt Nam

2. Nội dung bài:

- 2.1. Giáo dục sức khỏe
- 2.2. Cung cấp thực phẩm và dinh dưỡng hợp lý
- 2.3. Cung cấp nước sạch và VS môi trường
- 2.4. Bảo vệ SKBMTE /KHHGD
- 2.5. Tiêm chủng mở rộng

- 2.6. Phòng và quản lý bệnh lưu hành tại địa phương
- 2.7. Điều trị các bệnh thông thường, chấn thương
- 2.8. Cung cấp thuốc thiết yếu
- 2.9. Quản lý sức khoẻ
- 2.10. Kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở

Chương 3: Đánh giá chương trình CSSKBĐ

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài

- Trình bày được khái niệm và phân loại đánh giá chương trình CSSKBĐ.
- Liệt kê được 3 giai đoạn và 8 bước trong quy trình đánh giá chương trình CSSKBĐ.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Lập kế hoạch hành động
- 2.3. Giám sát
- 2.4. Đánh giá công tác CSSKBĐ

Chương 4: Các biện pháp, chính sách để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Việt Nam

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được các giải pháp của chính phủ nhằm đạt mục tiêu CSSKB
- Phân tích được các giải pháp tác động đến đời sống xã hội Việt nam trong cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21.

2. Nội dung của bài:

- 2.1. Kiện toàn tổ chức và phát triển mạng lưới chăm sóc sức khỏe nhân dân.
- 2.2. Đào tạo, bố trí nhân lực khoa học và phát triển công nghệ
- 2.3. Tăng cường đầu tư và quản lý tốt các nguồn lực.
- 2.4. Xã hội hóa công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân

Chương 5: Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức: Trình bày được các bước lập kế hoạch chăm sóc Sk cộng đồng
- Kỹ năng: Lập được kế hoạch hoạt động điều dưỡng cộng đồng

2. Nội dung của bài:

- 2.1. Khái niệm kế hoạch điều dưỡng cộng đồng
- 2.2. Lập kế hoạch chăm sóc

- 2.2.1. Chủ đề của kế hoạch
- 2.2.2. Xây dựng các mục tiêu chăm sóc
- 2.2.3. Quyết định giải pháp
- 2.2.4. Xác định các hoạt động
- 2.2.5. Lập kế hoạch hành động

Kiểm tra thường xuyên: 1 giờ

Chương 6: Quy trình điều dưỡng cộng đồng

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Phân biệt được chẩn đoán điều dưỡng và chẩn đoán cộng đồng

+ Trình bày được các bước của quy trình điều dưỡng cộng đồng

- Kỹ năng: Viết được 1 bảng quy trình điều dưỡng cộng đồng cho 1 số vấn đề sức khỏe ưu tiên ở xã, phường.

2. Nội dung của bài:

2.1. Một số khái niệm.

2.1.1. Định nghĩa về quy trình điều dưỡng

2.1.2. Định nghĩa về cộng đồng

2.1.3. Chẩn đoán cộng đồng và chẩn đoán chăm sóc

2.1.4. Quy trình điều dưỡng tại cộng đồng

2.2. Nội dung quy trình điều dưỡng

2.2.1. Nhận định điều dưỡng

2.2.2. Chẩn đoán sức khỏe (Chẩn đoán chăm sóc)

2.2.3. Lập kế hoạch

2.2.4. Thực hiện kế hoạch

2.2.5. Đánh giá

2.3. Những vấn đề sức khỏe cần ưu tiên giải quyết khi chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng

2.3.1. Chăm sóc sức khỏe cho cá nhân

2.3.2. Chăm sóc sức khỏe cho gia đình

2.3.3. Chăm sóc sức khỏe cho cả cộng đồng

Chương 7: Tổ chức quản lý hồ sơ sức khỏe tại trạm y tế

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được mục tiêu của ngành y tế tại cộng đồng.
- + Mô tả được vai trò của sổ sách đối với tuyến y tế cơ sở
- Kỹ năng: Ứng dụng và ghi chép được sổ sách phục vụ cho công tác tổ chức y tế

2. Nội dung của bài:

2.1. Những mục tiêu của ngành y tế

2.1.1. Mục tiêu dài hạn

2.1.2. Mục tiêu ngắn hạn

2.2. Quản lý sức khỏe toàn dân

2.2.1. Các yếu tố để đảm bảo sức khỏe

2.2.2. Bản chất của quản lý sức khỏe

2.2.3. Nội dung của quản lý sức khỏe

2.2.4. Cách làm quản lý sức khỏe

2.2.5. Cách khám sức khỏe lần đầu

2.2.6. Cách khám sức khỏe định kỳ

2.2.7. Yêu cầu của quản lý sức khỏe

2.2.8. Các yêu cầu đảm bảo quản lý sức khỏe

2.2.9. Ý nghĩa của quản lý sức khỏe

2.3. Quản lý sức khỏe tại trạm y tế

2.3.1. Chức năng quản lý sức khỏe tại trạm y tế

2.4. Vai trò của sổ sách đối với tuyến y tế cơ sở

2.4.1. Theo dõi người bệnh

2.4.2. Tìm hiểu vấn đề sức khỏe của cộng đồng

2.4.3. Phát hiện nhanh chóng sự xuất hiện một bệnh dịch

2.4.4. Đánh giá tình hình sử dụng Trạm y tế

2.4.5. Ước lượng khối lượng công việc

2.4.6. Đánh giá hoạt động của Trạm y tế và Cán bộ y tế

2.5. Cách sử dụng sổ sách phục vụ cho công tác quản lý y tế

Kiểm tra định kỳ: 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy vi tính, máy chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, giáo án, bảng, phấn, tờ rơi, áp phích...

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Thuộc được khái niệm về sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- + Trình bày được 10 nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- + Phân tích được các nguyên tắc cơ bản của chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- + Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng tới chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- + Phân tích được những phong tục, tập quán ảnh hưởng sâu sắc đến chăm sóc sức khỏe ban đầu.
- + Trình bày được 9 giải pháp của chính phủ nhằm đạt mục tiêu CSSKB
- + Phân tích được 9 giải pháp tác động đến đời sống xã hội Việt nam trong cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21.
- + Trình bày được những giải pháp được áp dụng vào từng vùng miền của Việt Nam.
- + Trình bày được khái niệm về sức khỏe, khái niệm về cộng đồng và Quy trình điều dưỡng cộng đồng.
- + Kể được 4 bước quy trình điều dưỡng.
- + Mô tả 4 phương pháp lượng giá nhu cầu.
- + Vận dụng các kiến thức điều dưỡng cơ bản và kiến thức chuyên ngành để đưa ra các hoạt động chăm sóc thích hợp theo yêu cầu, ngăn ngừa giảm bớt khó khăn của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

- Kỹ năng:

- + Vận động được cộng đồng thay đổi được những phong tục tập quán có hại.
- + Lập được kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
- + Xác định được mục tiêu chăm sóc để tư vấn, giáo dục sức khỏe cộng đồng;
- + Lựa chọn các hoạt động chăm sóc phù hợp;
- + Viết hoàn thành bản kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nhanh nhẹn, gần gũi, thân thiện và nhiệt tình;
- + Tôn trọng cá nhân, gia đình và cộng đồng sinh sống;
- + Có trách nhiệm với công việc, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, khả năng phối hợp cộng tác cho đồng nghiệp cấp trên;

+ Chịu trách nhiệm về toàn bộ về qui trình làm việc chăm sóc, hành nghề của mình trước pháp luật. 2. Phương pháp:

- **Hình thức đánh giá:** trắc nghiệm, vấn đáp hoặc thuyết trình theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.

+ Hình thức kiểm tra trắc nghiệm: Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án; chọn đáp án đúng hoặc sai.

+ Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án.

- Điểm kiểm tra gồm 2 cột điểm: 1 cột thường xuyên và 1 cột định kỳ trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2.

+ Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút (phần lý thuyết)

+ Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm/ kiểm tra viết/ thuyết trình từ 45 đến 60 phút

+ Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Sinh viên không dự kiểm tra thường xuyên, định kỳ sẽ nhận điểm "0" (không) của lần kiểm tra đó.

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Chăm sóc sức khỏe cộng đồng sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng điều dưỡng hệ chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Đối với giảng viên:

- Tổ chức dạy và học lý thuyết, thực hành.

- Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Phối hợp các phương pháp dạy/học:

+ Thuyết giảng có minh họa

+ Thảo luận nhóm

Đối với người học:

- Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

- Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.

- Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

- Vận dụng kiến thức lý thuyết vào chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Trình bày được 10 nội dung CSSKBD của Việt Nam

- Lập được kế hoạch CSSK cộng đồng.

- Viết được một bản quy trình CSSK cộng đồng cho một vấn đề sức khỏe ưu tiên ở xã, phường.

- Ứng dụng được các kiến thức đã học vào chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ môn Y học gia đình. Trường Đại học Y Hà Nội: Thực hành Y học gia đình trong chăm sóc sức khỏe ban đầu (2012). Nhà xuất bản Y học.

[2]. Trung tâm đào tạo bác sĩ gia đình. Trường Đại Học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh: Y học gia đình (2012). Nhà xuất bản Y học 2012

[3]. Bộ Y tế (2019): Thông tư số 21/2019/TT-BYT ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn thí điểm về hoạt động y học gia đình

[4]. Bộ Y tế (2016).Quyết định số 1568/QĐ-BYT ngày 27 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Phê duyệt kế hoạch nhân rộng và phát triển mô hình phòng khám bác sĩ gia đình tại Việt Nam giai đoạn 2016-2020

[5]. Bộ Y tế (2015).Thông tư 33/2015-TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế “Hướng dẫn chức năng của Trạm Y tế xã , phường, thị trấn”.

[6]. Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới.

[7]. Chính phủ: Nghị định 117/2014/NĐ-CP (08/12/2014), "Quy định về y tế xã phường, thị trấn"

[8]. Bộ Y tế (2019): Thông tư số 21/2019/TT-BYT ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn thí điểm về hoạt động y học gia đình

[9]. Bộ Y tế (2015).Thông tư 33/2015-TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế “Hướng dẫn chức năng của Trạm Y tế xã , phường, thị trấn”.

[10]. Jon Rohde và cộng sự (2008) 30 years after Alma-Ata: has primary health care worked in countries? Lancet 372: 950–61

[11]. WHO (2008) The World Health Report –Primary health care –Now more than ever

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Bệnh học các chuyên khoa

Mã môn học: MH24A113430

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 89 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học chuyên môn, được bố trí ở học kỳ 1 năm thứ 3 trong chương trình đào tạo ngành, nghề Y sĩ trình độ cao đẳng chính quy.

- Tính chất: Môn học này kết hợp lý thuyết và thực tập tại cơ sở. Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các bệnh chuyên khoa (răng hàm mặt, tai mũi họng) giúp học viên tiến hành thăm khám, phát hiện và xử trí bước đầu các bệnh lý về răng hàm mặt, tai mũi họng, tuyên truyền phòng bệnh trong công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Mô tả được cấu trúc, chức năng, sự phát triển vùng răng hàm mặt – tai mũi họng qua các giai đoạn.

+ Giải thích được bệnh căn, bệnh sinh của các bệnh vùng răng hàm mặt – tai mũi họng thường gặp.

+ Liệt kê được những xét nghiệm cận lâm sàng cần thiết để áp dụng vào chẩn đoán bất thường hoặc bệnh lý răng miệng, hàm mặt, tai, mũi họng.

- Kỹ năng:

+ Xử trí được chấn thương, bệnh lý, nhiễm trùng vùng hàm mặt.

+ Thực hiện thăm khám vùng răng hàm mặt – tai mũi họng đúng quy trình.

+ Chẩn đoán được các bệnh lý đơn giản vùng hàm mặt, tai mũi họng.

+ Nhận định được và đưa ra hướng xử trí phù hợp đối với một số vấn đề trên bệnh nhân hàm mặt, tai mũi họng như răng mọc lệch, sai khớp cắn, chảy máu mũi, dị vật đường thở,...

+ Phân tích được khớp cắn trên các mẫu hàm.

+ Vận dụng kiến thức về bệnh học các chuyên khoa vào công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân.

+ Thực hiện được hồ sơ bệnh án Răng hàm mặt – Tai mũi họng chính các đúng nguyên tắc cơ bản của đạo đức y học.

+ Áp dụng được những nguyên tắc để tăng cường các biện pháp phòng bệnh răng miệng, tai mũi họng.

+ Hướng dẫn vệ sinh răng miệng, chế độ ăn uống và giáo dục dinh dưỡng tăng cường sức khỏe răng miệng, tai mũi họng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tuân thủ các qui định về môi trường lao động và kiểm soát nhiễm khuẩn để tránh lây nhiễm chéo trong thực hiện các kỹ thuật thăm khám, điều trị bệnh lý đơn giản vùng hàm mặt, tai mũi họng.

+ Cam kết trung thực trong chuyên môn, duy trì, phát huy tính chủ động, học tập để hoàn thành trách nhiệm hướng đến lợi ích sức khỏe của cộng đồng.

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình thực hành.

+ Nhận biết năng lực và hạn chế của bản thân, lập kế hoạch cụ thể để cập nhật kiến thức, thái độ, kỹ năng nhằm đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và xã hội.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	PHẦN A. LÝ THUYẾT	30	29	0	1
	I. RĂNG HÀM MẶT	15	14	0	1
1	Chương 1: Giải phẫu – sinh lý và tổ chức học của răng 1. Giải phẫu răng 2. Hệ xương của răng 2.1. Xương sọ 2.2. Xương hàm dưới 2.3. Khớp thái dương hàm 3. Thần kinh mặt 4. Hệ thống nhai 5. Cơ quan răng 6. Bộ răng sữa 7. Bộ răng vĩnh viễn 8. Cấu tạo của răng 8.1. Men răng 8.2. Ngà răng 8.3. Tuỷ răng 9. Cấu tạo hệ thống nâng đỡ răng 9.1. Xương ổ răng 9.2. Cement 9.3. Dây chằng nha chu 9.4. Nướu răng	2	2	0	0

2	Chương 2: Sâu răng và dự phòng sâu răng 1. Đại cương 2. Nguyên nhân gây sâu răng 2.1. Răng 2.2. Vi khuẩn 2.3. Chất đường 2.4. Yếu tố thời gian 3. Diễn tiến bệnh sâu răng 3.1. Sâu men 3.2. Sâu ngà 3.3. Viêm tuỷ răng 3.4. Nhiễm trùng chân răng 4. Chẩn đoán 5. Điều trị 6. Phòng bệnh 6.1. Hạn chế vi khuẩn gây bệnh. 6.2. Thay đổi chế độ ăn 6.3. Tăng cường sức đề kháng của răng	2	2	0	0
3	Chương 3: Viêm nha chu 1. Đại cương 1.1. Mảng bám răng 1.2. Vôi răng, cao răng, đá răng 2. Viêm nướu răng 2.1. Nguyên nhân gây viêm nướu 2.2. Triệu chứng 3. Viêm nha chu 3.1. Phân loại 3.2. Nguyên nhân gây bệnh 3.3. Triệu chứng 4. Phòng bệnh	1	1	0	0
4	Chương 4: Viêm mô tế bào vùng hàm mặt 1. Viêm mô tế bào 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân 2. Viêm mô tế bào tụ 2.1. Viêm mô tế bào cấp (viêm mô tế bào mọng) 2.2. Viêm mô tế bào mạn 3. Viêm mô tế bào lan tỏa cấp	3	3	0	0

	tính 3.1. Triệu chứng 3.2. Điều trị				
5	Chương 5: Sự mọc răng và tai biến của mọc răng 1. Đại cương 2. Nguyên nhân thường gặp 2.1. Tại chỗ 2.2. Toàn thân 3. Tai biến thường gặp 4. Xử trí	1	1	0	0
6	Chương 6: Nhổ răng 1. Chỉ định 2. Chống chỉ định 3. Chăm sóc bệnh nhân nhổ răng	1	1	0	0
7	Chương 7: Chấn thương phần mềm vùng hàm mặt 1. Nguyên nhân thường gặp 1.1. Tai nạn giao thông 1.2. Tai nạn trong sinh hoạt – lao động 1.3. Tai nạn do chơi thể thao 1.4. Tai nạn do thú vật cắn 2. Phân loại, định nghĩa 2.1. Vết thương đụng dập 2.2. Vết thương sây sát 2.3. Vết thương xuyên thấu 2.4. Vết thương rách 2.5. Vết thương lóc da 2.6. Vết thương thiếu hồng 3. Xử trí vết thương và nguyên tắc chung	2	2	0	0
8	Chương 8: Dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt 1. Sự hình thành vùng miệng, mặt và khe hở bẩm sinh 2. Phân loại 2.1. Khe hở môi 2.2. Khe hở khẩu cái 2.3. Khe hở môi + khẩu cái 3. Điều trị	1	1	0	0

	Kiểm tra định kỳ	1	0	0	1
9	Chương 9: Ung thư khoang miệng 1. Đại cương 2. Tần suất 3. Tuổi – phái tính 4. Tác nhân sinh ung 5. Triệu chứng 5.1. Triệu chứng lâm sàng 5.2. Di căn hạch 6. Điều trị	1	1	0	0
	II. TAI MŨI HỌNG	15	15	0	0
1	Chương 1: Giải phẫu – sinh lý tai mũi họng – Cách khám tai mũi họng 1. Giải phẫu – sinh lý tai mũi họng 1.1. Tai 1.1.1. Giải phẫu tai 1.1.2. Sinh lý tai 1.2. Mũi 1.2.1. Lỗ mũi 1.2.2. Niêm mạc mũi 1.2.3. Mạch máu 1.2.4. Thần kinh 1.2.5. Các xoang mặt 1.3. Họng và thanh quản 1.3.1. Họng (hầu) 1.3.2. Thanh quản 1.4. Xoang 2. Cách khám tai mũi họng 2.1. Dụng cụ 2.2. Khám tai mũi họng 2.2.1. Chuẩn bị thuốc khám 2.2.2. Trợ giúp bác sĩ khám 2.2.3. Nguyên tắc khám 2.2.4. Khám tai 2.2.5. Khám mũi xoang 2.2.6. Khám họng 2.2.7. Khám thanh quản	2	2	0	0
2	Chương 2: Viêm VA- Amidal – Họng – Thanh quản	3	3	0	0

	<ul style="list-style-type: none"> 1. Viêm V.A. 1.1. Đại cương 1.2. Nguyên nhân 1.3. Triệu chứng 1.4. Biến chứng 1.5. Hướng điều trị 1.6. Phòng bệnh 1.7. Chăm sóc 2. Viêm Amidal 2.1. Dịch tễ 2.2. Triệu chứng lâm sàng 2.3. Các thể viêm amidal 2.4. Biến chứng 2.5. Điều trị 3. Viêm họng 3.1. Đại cương 3.2. Nguyên nhân 3.3. Triệu chứng 3.4. Hướng điều trị 3.5. Biến chứng 3.6. Phòng bệnh 3.7. Chăm sóc 4. Viêm thanh quản 4.1. Đại cương 4.2. Nguyên nhân 4.3. Triệu chứng 4.4. Biến chứng 4.5. Hướng điều trị 4.6. Phòng bệnh 4.7. Chăm sóc 				
3	<p>Chương 3: Viêm mũi – Viêm xoang</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Viêm mũi 1.1. Đại cương 1.2. Nguyên nhân 1.3. Triệu chứng 1.4. Biến chứng 1.5. Hướng điều trị 1.6. Phòng bệnh 1.7. Chăm sóc 2. Viêm xoang 2.1. Đại cương 2.2. Nguyên nhân 2.3. Triệu chứng 	2	2	0	0

	2.4. Biến chứng 2.5. Hướng điều trị 2.6. Phòng bệnh 2.7. Chăm sóc				
4	Chương 4: Viêm tai giữa 2.1. Đại cương 2.2. Nguyên nhân 2.3. Triệu chứng 2.3.1. Viêm tai giữa cấp tính 2.3.1.1. Giai đoạn sung huyết 2.3.1.2. Giai đoạn ứ mủ 2.3.1.3. Giai đoạn vỡ mủ 2.3.2. Viêm tai giữa mủ mạn tính 2.4. Diễn tiến và biến chứng 2.5. Hướng điều trị 2.6. Phòng bệnh 2.7. Chăm sóc 2.7.1. Làm hạ thân nhiệt 2.7.2. Giảm đau tai 2.7.3. Làm giảm chảy tai, đỡ ù tai và giúp người bệnh nghe tốt hơn 2.7.4. Hướng dẫn người bệnh tự chăm sóc tai	2	2	0	0
5	Chương 5: Viêm tai xương chũm 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 2.1. Nguyên nhân Viêm tai xương chũm 2.2. Nguyên nhân biến chứng 3. Triệu chứng 3.1. Viêm tai xương chũm mạn tính 3.2. Viêm tai giữa mạn tính hồi viem 3.3. Viêm tai giữa mạn tính hồi viem xuất ngoại 4. Biến chứng 4.1. Viêm màng não do tai 4.2. Áp xe não do tai 4.3. Viêm tĩnh mạch bên do tai 5. Hướng điều trị	1	1	0	0



	5.1. Nội khoa 5.2. Ngoại khoa 6. Phòng bệnh 7. Chăm sóc				
6	Chương 6: Chảy máu mũi 1. Đại cương 2. Phân loại 2.1. Chảy máu điểm mạch kisselbach 2.2. Chảy máu động mạch 2.3. Chảy máu toả lan do mao mạch 3. Hướng điều trị 3.1. Cầm máu tại chỗ 3.2. Điều trị toàn thân 3.3. Tìm nguyên nhân điều trị 4. Phòng bệnh 5. Chăm sóc	1	1	0	0
7	Chương 7: Dị vật đường thở 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 3.1. Hội chứng xâm nhập 3.2. Dị vật thanh quản 3.3. Dị vật khí quản 3.4. Dị vật phế quản 3.5. Cận lâm sàng 4. Biến chứng 5. Hướng điều trị 6. Phòng bệnh 7. Chăm sóc	1	1	0	0
8	Chương 8: Ung thư tai mũi họng và đầu cổ 1. Đại cương 2. Các yếu tố nguy cơ 3. Biểu hiện tiền ung thư 3.1. Ung thư vòm mũi họng 3.2. Ung thư thanh quản – hạ họng 3.3. Ung thư hạ họng – thanh quản 3.4. Cận lâm sàng 4. Hướng điều trị	2	2	0	0

	5. Phòng bệnh 6. Chăm sóc				
9	Chương 9: Phát hiện sớm điếc và nghễnh ngãng ở trẻ em 1. Tầm quan trọng của việc chăm sóc trẻ bị điếc và nghễnh ngãng 2. Nguyên nhân 2.1. Do di truyền và bẩm sinh 2.2. Điếc mắc phải 3. Cách phát hiện điếc bằng các phương pháp đo thính lực đơn giản 3.1. Định nghĩa 3.2. Đo thính lực đơn giản 4. Hướng xử trí và giáo dục phục hồi chức năng 5. Phòng bệnh 6. Chăm sóc	1	1	0	0
	PHẦN B. THỰC TẬP LÂM SÀNG	90	0	89	1
1	Thực tập tại khoa Răng hàm mặt	45	0	45	0
2	Thực tập tại khoa Tai mũi họng	44	0	44	0
	Kiểm tra định kỳ	1	0	0	1
	Cộng	120	29	89	2

2. Nội dung chi tiết

PHẦN A. LÝ THUYẾT

I. RĂNG HÀM MẶT

Chương 1: Giải phẫu – sinh lý và tổ chức học của răng

Thời gian 2 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Định nghĩa đúng giải phẫu răng.

+ Trình bày được hệ thống nhai.

+ Mô tả được cơ quan răng.

- + Trình bày được bộ răng sữa và bộ răng vĩnh viễn.
- + Trình bày đúng cấu tạo của răng.

- Kỹ năng:

Vẽ được sơ đồ của bộ răng vĩnh viễn và răng sữa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc nắm vững cấu trúc giải phẫu trong công tác điều trị chăm sóc các bệnh lý vùng răng hàm mặt.

2. Nội dung của chương:

2.1. Giải phẫu răng

2.2. Hệ xương của răng

2.2.1. Xương sọ

2.2.2. Xương hàm dưới

2.2.3. Khớp thái dương hàm

2.3. Thần kinh mặt

2.4. Hệ thống nhai

2.5. Cơ quan răng

2.6. Bộ răng sữa

2.7. Bộ răng vĩnh viễn

2.8. Cấu tạo của răng

2.8.1. Men răng

2.8.2. Ngà răng

2.8.3. Tuỷ răng

2.9. Cấu tạo hệ thống nâng đỡ răng

2.9.1. Xương ổ răng

2.9.2. Cement

2.9.3. Dây chằng nha chu

2.9.4. Nướu răng

Chương 2: Sâu răng và dự phòng sâu răng

Thời gian 2 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

- + Kể đúng 3 nguyên nhân chính và 3 biện pháp phòng bệnh sâu răng.

- + Trình bày được 4 giai đoạn diễn tiến chính của bệnh sâu răng.

- Kỹ năng:

Giải thích được đặc điểm của các giai đoạn sâu răng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc điều trị và dự phòng sâu răng

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân gây sâu răng

2.2.1. Răng

2.2.2. Vi khuẩn

2.2.3. Chất đường

2.2.4. Yếu tố thời gian

2.3. Diễn tiến bệnh sâu răng

2.3.1. Sâu men

2.3.2. Sâu ngà

2.3.3. Viêm tủy răng

2.3.4. Nhiễm trùng chân răng

2.4. Chẩn đoán

2.5. Điều trị

2.6. Phòng bệnh

2.6.1. Hạn chế vi khuẩn gây bệnh.

2.6.2. Thay đổi chế độ ăn

2.6.3. Tăng cường sức đề kháng của răng

Chương 3: Viêm nha chu

Thời gian 1 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày được nguyên nhân gây viêm nướu và viêm nha chu.

+ Kể được các triệu chứng của viêm nha chu.

+ Trình bày được các phương pháp phòng bệnh viêm nướu và viêm nha chu.

- Kỹ năng:

Phân biệt được nướu răng bình thường và nướu viêm trên 1 tình huống bệnh nhân cụ thể.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thực hiện thăm khám tình trạng vùng răng miệng của bệnh nhân thận trọng, chính xác.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Mảng bám răng

2.1.2. Vôi răng, cao răng, đá răng

2.2. Viêm nướu răng

2.2.1. Nguyên nhân gây viêm nướu

2.2.2. Triệu chứng

2.3. Viêm nha chu

2.3.1. Phân loại

2.3.2. Nguyên nhân gây bệnh

2.3.3. Triệu chứng

2.4. Phòng bệnh

Chương 4: Sự nhiễm trùng vùng miệng

Thời gian 3 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày đúng định nghĩa viêm mô tế bào.

+ Trình bày được biện pháp xử trí viêm mô tế bào lan tỏa và tụ.

- Kỹ năng:

Phân biệt được viêm mô tế bào tụ và lan tỏa cấp tính.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc điều trị viêm mô tế bào vùng hàm mặt.

2. Nội dung của chương:

2.1. Viêm mô tế bào

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân

2.2. Viêm mô tế bào tụ

2.2.1. Viêm mô tế bào cấp (viêm mô tế bào mọng)

2.2.1.1. Triệu chứng

2.2.1.2. Tiến triển

2.2.1.3. Tìm răng nguyên nhân

2.2.1.4. Chẩn đoán phân biệt

2.2.1.5. Điều trị

2.2.2. Viêm mô tế bào mạn:

2.2.2.1. Triệu chứng

2.2.2.2. Tiến triển

2.2.2.3. Điều trị

2.3. Viêm mô tế bào lan tỏa cấp tính

2.3.1. Triệu chứng

2.3.2. Điều trị

Chương 5: Sự mọc răng và tai biến của mọc răng Thời gian 1 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày được nguyên nhân thường gặp tai biến mọc răng .

+ Trình bày được tai biến và biện pháp xử trí tai biến.

- Kỹ năng:

Nhận định đúng tình trạng mọc răng dựa trên phim x-quang của bệnh nhân cụ thể.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc điều trị các biến chứng do mọc răng.

+ Đưa ra hướng xử trí tai biến mọc răng phải thận trọng, chính xác.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân thường gặp

2.2.1. Tại chỗ

2.2.2. Toàn thân

2.3. Tai biến thường gặp

2.4. Xử trí

Chương 6: Nhổ răng Thời gian 1 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày được chỉ định nhổ răng.

+ Trình bày đúng chống chỉ định nhổ răng.

- Kỹ năng:

Đánh giá đúng tình trạng răng trước khi đưa ra hướng xử trí nhổ răng cho bệnh nhân.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Đưa ra hướng xử trí nhổ răng phù hợp với tình trạng bệnh lý răng bệnh nhân.

2. Nội dung của chương:

2.1. Chỉ định

2.2. Chống chỉ định

2.3. Chăm sóc bệnh nhân sau nhổ răng

Chương 7: Chấn thương phần mềm vùng hàm mặt Thời gian 2 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Phân loại, định nghĩa được các loại vết thương phần mềm vùng hàm mặt.

+ Liệt kê được 4 nguyên nhân chấn thương phần mềm vùng hàm mặt thường gặp.

+ Trình bày được 5 nguyên tắc chung xử trí vết thương phần mềm vùng hàm mặt.

- Kỹ năng:

+ Nhận định đúng một số loại vết thương phần mềm vùng hàm mặt.

+ Đưa ra được hướng xử trí một số loại vết thương phần mềm vùng hàm mặt.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc xử trí ban đầu các vết thương phần mềm vùng hàm mặt.

2. Nội dung của chương:

2.1. Nguyên nhân thường gặp

2.1.1. Tai nạn giao thông

2.1.2. Tai nạn trong sinh hoạt – lao động

2.1.3. Tai nạn do chơi thể thao

2.1.4. Tai nạn do thú vật cắn

2.2. Phân loại, định nghĩa

2.2.1. Vết thương đụng dập

2.2.2. Vết thương xây xát

2.2.3. Vết thương xuyên thấu

2.2.4. Vết thương rách

2.2.5. Vết thương lóc da

2.2.6. Vết thương thiếu hồng

2.3. Xử trí vết thương và nguyên tắc chung

Chương 8: Dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt

Thời gian 1 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

Trình bày được sự hình thành vùng miệng, mặt và khe hở bẩm sinh.

- Kỹ năng:

Phân loại đúng dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc điều trị sớm các dị tật vùng hàm mặt.

2. Nội dung của chương:

2.1. Sự hình thành vùng miệng, mặt và khe hở bẩm sinh

2.2. Phân loại

2.2.1. Khe hở môi

2.2.2. Khe hở khẩu cái

2.2.3. Khe hở môi + khẩu cái

2.3. Điều trị

Kiểm tra định kỳ lần 1

Thời gian: 1 giờ (LT)

Chương 9: Ung thư khoang miệng

Thời gian: 1 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày được một số tác nhân sinh ung thư khoang miệng thường gặp.

+ Kể được một số triệu chứng điển hình của ung thư khoang miệng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc phát hiện sớm ung thư khoang miệng.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Tần suất

2.3. Tuổi – phái tính

2.4. Tác nhân sinh ung

2.5. Triệu chứng

2.5.1. Triệu chứng lâm sàng

2.5.2. Di căn hạch

2.6. Điều trị

PHẦN II. TAI MŨI HỌNG

Chương 1: Giải phẫu – sinh lý tai mũi họng – Cách khám tai mũi họng

Thời gian 2 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày các cấu trúc giải phẫu – chức năng sinh lý của Tai mũi họng.

+ Liệt kê được dụng cụ và cách khám Tai mũi họng.

+ Trình bày được cấu tạo và liên quan của tai giữa.

- Kỹ năng: Xác định được cấu trúc giải phẫu và sinh lý của Tai mũi họng trên mô hình

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc nắm vững cấu trúc giải phẫu vùng tai mũi họng trong công tác điều trị và chăm sóc.

2. Nội dung của chương:

2.1. Giải phẫu – sinh lý tai mũi họng

2.1.1. Tai

2.1.1.1. Giải phẫu tai

2.1.1.2. Sinh lý tai

2.1.2. Mũi

2.1.2.1. Lỗ mũi

2.1.2.2. Các thành của mũi

2.1.2.3. Niêm mạc mũi

2.1.2.4. Mạch máu

2.1.2.5. Thần kinh

2.1.2.6. Các xoang mặt

2.1.3. Họng và thanh quản

2.1.3.1. Họng (hầu)

2.1.3.2. Thanh quản

2.1.4. Xoang

2.2. Cách khám tai mũi họng

2.2.1. Dụng cụ

2.2.2. Khám tai mũi họng

2.2.2.1. Chuẩn bị thuốc khám

2.2.2.2. Trợ giúp bác sĩ khám

2.2.2.3. Nguyên tắc khám

2.2.2.4. Khám tai

2.2.2.5. Khám mũi xoang

2.2.2.6. Khám họng

2.2.2.7. Khám thanh quản

Chương 2: Viêm VA- Amidal – Họng – Thanh quản Thời gian 3 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày và phân tích được định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng và hướng điều trị của bệnh viêm VA – Amidal – Họng – Thanh quản.

+ Nêu được cách phòng bệnh viêm VA - Amidal – Họng – Thanh quản.

+ Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bệnh viêm VA - Amidal – Họng – Thanh quản theo đúng qui trình điều dưỡng.

- Kỹ năng:

Chẩn đoán và đề ra hướng điều trị được bệnh viêm VA - Amidal – Họng – Thanh quản

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc phòng ngừa các bệnh lý viêm VA, amidan, viêm họng, viêm thanh quản.

2. Nội dung của chương:

2.1. Viêm V.A.

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Triệu chứng

2.1.3.1. Viêm V.A. cấp tính

2.1.3.2. Viêm V.A. mạn tính

2.1.4. Biến chứng

2.1.5. Hướng điều trị

2.1.6. Phòng bệnh

2.1.7. Chăm sóc

2.2. Viêm Amidal

2.2.1. Dịch tễ

2.2.2. Triệu chứng lâm sàng



- 2.2.2.1. Viêm amidal cấp
- 2.2.2.2. Viêm amidal mạn
- 2.2.3. Các thể viêm amidal
- 2.2.4. Biến chứng
 - 2.2.4.1. Tại chỗ
 - 2.2.4.2. Biến chứng gần
 - 2.2.4.3. Biến chứng xa
- 2.2.5. Điều trị
- 2.3. Viêm họng
 - 2.3.1. Đại cương
 - 2.3.2. Nguyên nhân
 - 2.3.3. Triệu chứng
 - 2.3.3.1. Viêm họng cấp tính
 - 2.3.3.2. Viêm họng mạn tính
 - 2.3.4. Hướng điều trị
 - 2.3.4.1. Thể cấp tính
 - 2.3.4.2. Thể mạn tính
 - 2.3.5. Biến chứng
 - 2.3.6. Phòng bệnh
 - 2.3.7. Chăm sóc
- 2.4. Viêm thanh quản
 - 2.4.1. Đại cương
 - 2.4.2. Nguyên nhân
 - 2.4.2.1. Viêm thanh quản cấp tính
 - 2.4.2.2. Viêm thanh quản mạn tính
 - 2.4.3. Triệu chứng
 - 2.4.3.1. Viêm thanh quản cấp tính
 - 2.4.3.2. Viêm thanh quản mạn tính
 - 2.4.4. Biến chứng
 - 2.4.5. Hướng điều trị
 - 2.4.6. Phòng bệnh
 - 2.4.7. Chăm sóc
 - 2.4.7.1. Làm hạ thân nhiệt

2.4.7.2. Đảm bảo cho người bệnh thông khí tốt

2.4.7.3. Làm giảm khàn tiếng

2.4.7.4. Phòng chống nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới và tại chỗ mở khí quản

Chương 3: Viêm mũi – viêm xoang

Thời gian 2 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày được triệu chứng lâm sàng viêm mũi cấp.

+ Trình bày được nguyên nhân, diễn tiến, biến chứng, hướng điều trị, cách dự phòng và chăm sóc bệnh viêm mũi cấp.

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, biến chứng, hướng điều trị, cách phòng bệnh và chăm sóc bệnh viêm xoang.

- Kỹ năng:

Chẩn đoán và đề ra hướng điều trị được bệnh Viêm mũi – viêm xoang

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc chăm sóc và điều trị viêm mũi, viêm xoang.

2. Nội dung của chương:

2.1. Viêm mũi

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Triệu chứng

2.1.3.1. Viêm mũi cấp tính

2.1.3.2. Viêm mũi mạn tính

2.1.4. Biến chứng

2.1.5. Hướng điều trị

2.1.5.1. Toàn thân

2.1.5.2. Tại chỗ

2.1.5.3. Điều trị nguyên nhân

2.1.6. Phòng bệnh

2.1.7. Chăm sóc

2.1.7.1. Làm thông mũi

2.1.7.2. Chống chảy mũi

2.1.7.3. Hướng dẫn người bệnh tự xông mũi

2.1.7.4. Giảm lo lắng giúp người bệnh hiểu biết bệnh và chấp nhận điều trị

2.1.7.5. Hướng dẫn người bệnh tự chăm sóc và phòng bệnh

2.2. Viêm xoang

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Nguyên nhân

2.2.3. Triệu chứng

2.2.3.1. Viêm xoang cấp tính

2.2.3.2. Viêm xoang mạn tính

2.2.4. Biến chứng

2.2.5. Hướng điều trị

2.2.5.1. Thể cấp tính

2.2.5.2. Thể mạn tính

2.2.6. Phòng bệnh

2.2.7. Chăm sóc

2.2.7.1. Giảm thân nhiệt

2.2.7.2. Làm thông thoáng hốc mũi, lỗ thông mũi xoang

2.2.7.3. Đảm bảo chức năng ngửi trở lại bình thường

2.2.7.4. Người bệnh tự chăm sóc và phòng bệnh làm giảm nguy cơ biến chứng

Chương 4: Viêm tai giữa

Thời gian 2 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, bệnh viêm tai giữa.

+ Trình bày được nguyên tắc điều trị, biến chứng, phòng bệnh viêm tai giữa.

+ Trình bày được kế hoạch chăm sóc người bị bệnh viêm tai giữa.

- Kỹ năng:

Chẩn đoán và đề ra hướng điều trị được bệnh Viêm tai giữa

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc điều trị dứt điểm viêm tai giữa.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Viêm tai giữa cấp tính

2.3.1.1. Giai đoạn sung huyết

2.3.1.2. Giai đoạn ứ mủ

2.3.1.3. Giai đoạn vỡ mủ

2.3.2. Viêm tai giữa mủ mạn tính

2.4. Diễn tiến và biến chứng

2.5. Hướng điều trị

2.6. Phòng bệnh

2.7. Chăm sóc

2.7.1. Làm hạ thân nhiệt

2.7.2. Giảm đau tai

2.7.3. Làm giảm chảy tai, đỡ ù tai và giúp người bệnh nghe tốt hơn

2.7.4. Hướng dẫn người bệnh tự chăm sóc tai

Chương 5: Viêm tai xương chũm

Thời gian 1 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày và phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị và cách phòng bệnh viêm tai xương chũm

+ Trình bày được các biến chứng nội sọ do tai

- Kỹ năng:

Chẩn đoán và đề ra hướng điều trị được bệnh Viêm tai xương chũm

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc chăm sóc bệnh nhân viêm tai xương chũm.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Nguyên nhân Viêm tai xương chũm

2.2.2. Nguyên nhân biến chứng

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Viêm tai xương chũm mạn tính

2.3.2. Viêm tai giữa mạn tính hồi viêm

2.3.3. Viêm tai giữa mạn tính hồi viêm xuất ngoại

2.4. Biến chứng

- 2.4.1. Viêm màng não do tai
 - 2.4.1.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.1.2. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.4.2. Áp xe não do tai
 - 2.4.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.4.3. Viêm tĩnh mạch bên do tai
 - 2.4.3.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.3.2. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.5. Hướng điều trị
 - 2.5.1. Nội khoa
 - 2.5.2. Ngoại khoa
- 2.6. Phòng bệnh
- 2.7. Chăm sóc

Chương 6: Chảy máu mũi

Thời gian 1 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày và phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị ba thể chảy máu mũi.

+ Trình bày được cách phòng bệnh chảy máu mũi.

- Kỹ năng:

Xử trí đúng trường hợp chảy máu mũi

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc xử trí chảy máu mũi

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại

2.2.1. Chảy máu điểm mạch kisselbach

2.2.1.1. Nguyên nhân

2.2.1.2. Triệu chứng

2.2.2. Chảy máu động mạch

2.2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chảy máu toả lan do mao mạch

2.2.3.1. Nguyên nhân

2.2.3.2. Triệu chứng

2.3. Hướng điều trị

2.3.1. Cầm máu tại chỗ

2.3.2. Điều trị toàn thân

2.3.3. Tìm nguyên nhân điều trị

2.4. Phòng bệnh

2.5. Chăm sóc

Chương 7: Dị vật đường thở

Thời gian 1 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

Trình bày và phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị và cách phòng bệnh dị vật đường thở.

- Kỹ năng:

Thực hiện được cách cấp cứu ban đầu dị vật thanh quản bằng thủ thuật Heimlich.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc xử trí đúng bệnh nhân dị vật đường thở.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.3.1. Hội chứng xâm nhập

2.3.2. Dị vật thanh quản

2.3.3. Dị vật khí quản

2.3.4. Dị vật phế quản

2.3.5. Cận lâm sàng

2.4. Biến chứng

2.5. Hướng điều trị

2.6. Phòng bệnh

2.7. Chăm sóc

Chương 8: Ung thư tai mũi họng và đầu cổ

Thời gian 2 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày được các yếu tố nguy cơ, các biểu hiện sớm ung thư tai mũi họng và đầu cổ

+ Trình bày hướng điều trị, cách phòng bệnh ung thư tai mũi họng và đầu cổ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc phát hiện sớm và điều trị kịp thời ung thư tai mũi họng và đầu cổ.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Các yếu tố nguy cơ

2.3. Biểu hiện tiền ung thư

2.3.1. Ung thư vòm mũi họng

2.3.2. Ung thư thanh quản – hạ họng

2.3.3. Ung thư hạ họng – thanh quản

2.3.4. Cận lâm sàng

2.4. Hướng điều trị

2.5. Phòng bệnh

2.6. Chăm sóc

Chương 9: Phát hiện sớm điếc và nghẽn ngãng ở trẻ em

Thời gian: 1 giờ (LT)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Trình bày được một số nguyên nhân chính của điếc và nghẽn ngãng ở trẻ em

+ Trình bày được các phương pháp đo thính lực đơn giản để phát hiện sớm trẻ bị điếc và nghẽn ngãng.

+ Nêu được hướng xử trí, giáo dục phục hồi chức năng và cách phòng bệnh cho trẻ em bị điếc và nghẽn ngãng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc phát hiện và can thiệp kịp thời các trường hợp trẻ bị điếc và nghẽn ngãng.

2. Nội dung của chương:

2.1. Tầm quan trọng của việc chăm sóc trẻ bị điếc và nghẽn ngãng

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Do di truyền và bẩm sinh

6	Thăm khám người bệnh mắc các bệnh lý tai mũi họng	1 lần	1 lần	
8	Hoàn thành hồ sơ bệnh án một số bệnh lý tai mũi họng	1 lần		
9	Rút mech mũi cho bệnh nhân		1 lần	
10	Đo dấu sinh tồn	5 lần		
11	Tiêm thuốc (IV, IM, ID, SC)	5 lần		
12	Truyền dịch	02 lần		
13	Thay băng, cắt chỉ vết thương	01 lần	01 lần	
14	Tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh	01 lần		

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: phòng học lý thuyết; các cơ sở y tế có các khoa lâm sàng chuyên khoa răng hàm mặt, tai mũi họng.

2. Trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy chiếu, micro, ống nghe, máy đo HA, Dụng cụ chuyên môn răng hàm mặt, dụng cụ chuyên môn tai mũi họng: ghế nha khoa, máy cạo vôi, đèn laser, máy hút nước,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình, tài liệu tham khảo, mô hình giải phẫu tai mũi họng và răng hàm mặt, bảng, phấn, bông lau bảng,...

- Dụng cụ: Đèn soi tai, bộ dụng cụ khám tai mũi họng, gương soi, kẹp gấp, thám trâm, kềm nhổ răng các loại, gòn viên, thuốc tê, gạc, kềm, kẹp phẫu tích, kéo, dịch truyền, thuốc, dung dịch rửa vết thương, dung dịch sát khuẩn, găng tay, bơm kim tiêm,...

4. Các điều kiện khác: sinh viên phải học xong các môn học Giải phẫu, Vi sinh – Ký sinh trùng, Sinh lý, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Kiểm soát nhiễm khuẩn, Kỹ năng thực hành lâm sàng, Điều dưỡng cơ bản – KTDD

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Trình bày được giải phẫu răng, hệ thống nhai. Mô tả được cơ quan răng.
- + Trình bày được bộ răng sữa và bộ răng vĩnh viễn, cấu tạo của răng.
- + Kể đúng 3 nguyên nhân chính và 3 biện pháp phòng bệnh sâu răng.

2.2.2. Điếc mắc phải

2.3. Cách phát hiện điếc bằng các phương pháp đo thính lực đơn giản

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Đo thính lực đơn giản

2.4. Hướng xử trí và giáo dục phục hồi chức năng

2.5. Phòng bệnh

2.6. Chăm sóc

PHẦN B: THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thực tập tại khoa Răng hàm mặt

Thời gian: 45 giờ (TH)

Thực tập tại khoa Tai mũi họng

Thời gian: 44 giờ (TH)

Kiểm tra:

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:

- Giao tiếp, hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh chuyên khoa và thân nhân người bệnh.

- Nhận định triệu chứng lâm sàng một số bệnh chuyên khoa thường gặp trên người bệnh.

- Phát hiện và xử trí bước đầu khi thăm khám người bệnh chuyên khoa.

- Thực hiện một số kỹ thuật thăm khám, chăm sóc thông thường, kiến tập một số kỹ thuật chăm sóc đặc biệt trên người bệnh chuyên khoa.

- Rèn luyện đạo đức người y sinh, tác phong thận trọng, chính xác.

2. Chỉ tiêu:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
		Thực tập	Kiến tập	
1	Thăm khám người bệnh mắc các bệnh lý răng hàm mặt	1 lần	1 lần	
2	Hoàn thành hồ sơ bệnh án một số bệnh lý răng hàm mặt	1 lần		
3	Nhổ răng sữa cho trẻ	1 lần	1 lần	
4	Hỗ trợ bác sĩ nhổ răng cho bệnh nhân	1 lần	1 lần	
5	Thực hiện kỹ thuật cạo vôi răng	1 lần	1 lần	

- + Trình bày được 4 giai đoạn diễn tiến chính của bệnh sâu răng.
 - + Trình bày được nguyên nhân gây viêm nướu và viêm nha chu.
 - + Kể được các triệu chứng của viêm nha chu, các phương pháp phòng bệnh viêm nướu và viêm nha chu.
 - + Trình bày được nguyên nhân chấn thương mềm vùng hàm mặt
 - + Trình bày được các nguyên nhân, triệu chứng một số loại ung thư vùng hàm mặt
 - + Trình bày được sự hình thành vùng miệng, mặt và khe hở bẩm sinh.
 - + Phân loại đúng dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt.
 - + Trình bày được các cấu trúc giải phẫu – chức năng sinh lý của tai mũi họng
 - + Trình bày được triệu chứng lâm sàng một số bệnh lý tai mũi họng
 - + Trình bày được diễn tiến, biến chứng, nguyên tắc điều trị một số bệnh lý tai mũi họng thông thường.
 - + Trình bày được yếu tố nguy cơ, các biểu hiện sớm ung thư tai mũi họng và đầu cổ
 - + Trình bày và phân tích được kế hoạch chăm sóc người bệnh ung thư tai mũi họng và đầu cổ theo đúng qui trình điều dưỡng.
 - + Trình bày được một số nguyên nhân chính của điếc và nghễnh ngãng ở trẻ em
 - + Nêu được hướng xử trí, giáo dục phục hồi chức năng và cách phòng bệnh cho trẻ em bị điếc và nghễnh ngãng.
- Kỹ năng:
- + Phân biệt được nướu răng bình thường và nướu viêm.
 - + Sử dụng thành thạo các dụng cụ khám nha và tiến hành thăm khám được một số biến đổi thông thường vùng hàm mặt.
 - + Xử trí được một số loại vết thương phần mềm vùng hàm mặt.
 - + Chẩn đoán và xử trí được chảy máu mũi
 - + Chẩn đoán được bệnh nhân bị dị vật đường thở
 - + Thực hiện được nghiệm pháp Heimlich
 - + Chẩn đoán được khó thở thanh quản và mức độ khó thở thanh quản
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập: chuẩn bị bài, tham khảo tài liệu.
 - + Phối hợp tốt với nhóm trong quá trình học, thuyết trình, thảo luận nhóm
 - + Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

2. Phương pháp:

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm, vấn đáp, thuyết trình, kỹ năng thực hiện kỹ thuật chăm sóc người bệnh tại lâm sàng theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.

- Kiểm tra thường xuyên toàn môn học (hệ số 1): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên từng thành phần chuyên khoa

+ Số lần: Mỗi chuyên khoa kiểm tra ít nhất 01 lần

+ Hình thức: Bài tập nhóm, thuyết trình, vấn đáp hoặc trắc nghiệm. Giảng viên có thông báo trước kết hợp với đánh giá chuyên cần.

- Kiểm tra định kỳ toàn môn học (hệ số 2): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra định kỳ từng thành phần chuyên khoa

+ Số lần: Mỗi chuyên khoa kiểm tra ít nhất 01 lần

+ Hình thức: Trắc nghiệm, bài tập giải quyết tình huống, vấn đáp hoặc bài báo cáo nhóm hoặc thực hiện thủ thuật đánh giá dựa vào bảng kiểm

- Thi kết thúc môn học:

+ Lý thuyết: Đánh giá bằng hình thức thi trắc nghiệm, theo thang điểm 10, chiếm trọng số 40% điểm thi kết thúc môn học

+ Thực hành: Đánh giá bằng hình thức thi vấn đáp, theo thang điểm 10, chiếm trọng số 60% điểm thi kết thúc môn học. Trong đó:

▪ Viết bệnh án, chiếm 80% điểm thi thực hành

▪ Vấn đáp bệnh án chiếm 20% điểm thi thực hành

- Tính điểm môn học:

+ Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số.

+ Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

+ Điểm môn học được quy đổi theo thang điểm 4 theo phương thức tích lũy tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Bệnh học các chuyên khoa sử dụng để giảng dạy ngành, nghề Y sĩ trình độ cao đẳng chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

+ Tổ chức dạy và học lý thuyết, hướng dẫn thực tập lâm sàng.

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

+ Phối hợp các phương pháp dạy/học: Thuyết giảng có minh họa, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, thao tác mẫu,...

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng theo Quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ áp dụng cho khoá học đó.

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học. Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm 0 (điểm không) ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó”.

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết vào chăm sóc sức khoẻ người bệnh.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giải phẫu răng, hệ thống nhai. Mô tả được cơ quan răng.

- Răng sữa và bộ răng vĩnh viễn, cấu tạo của răng.

- Nguyên nhân chính và 3 biện pháp phòng bệnh sâu răng.

- Các giai đoạn diễn tiến chính của bệnh sâu răng.

- Nguyên nhân gây viêm nướu và viêm nha chu.

- Triệu chứng của viêm nha chu, các phương pháp phòng bệnh viêm nướu và viêm nha chu.

- Chấn thương mềm vùng hàm mặt

- Một số loại ung thư vùng hàm mặt

- Vùng miệng, mặt và khe hở bẩm sinh.

- Dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt.

- Cấu trúc giải phẫu – chức năng sinh lý của tai mũi họng

- Một số bệnh lý tai mũi họng

- Ung thư tai mũi họng và đầu cổ

- Điếc và nghễnh ngãng ở trẻ em

- Nghiệm pháp Heimlich

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Hồ Nguyễn Thanh Chon, *Chấn thương hàm mặt*, tập 1, NXB Y học, 2021

[2] Nguyễn Tiên Dũng, *Chứng viêm mũi họng và xử trí*, Nhà xuất bản Y học, 2010

[3] Nguyễn Mạnh Hà, *Phẫu thuật trong miệng*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2013: 14-122

- [4] Phạm Khánh Hòa, *Tai mũi họng*, tái bản lần thứ 5, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017
- [5] Ngô Ngọc Liễn, *Giản yếu tai mũi họng*, Nhà xuất bản Y học, 2014
- [6] Ngô Ngọc Liễn, *Bệnh học Tai mũi họng – Đầu mặt cổ*, NXB Y học, 2016: 13-266
- [7] Lê Văn Lợi, *Cấp cứu tai mũi họng*, Nhà xuất bản Y học, 2004
- [8] Trần Ngọc Quảng Phi, *Phẫu thuật miệng – Hàm mặt ứng dụng*, NXB Y học, 2022: 3-89
- [9] Nhan Trùng Sơn, *Tai mũi họng*, Nhà xuất bản Y học, 2010
- [10] Nhan Trùng Sơn, *Tai mũi họng nhập môn*, Nhà xuất bản Y học, 2010
- [11] Nguyễn Toại, *Răng Hàm mặt*, NXB Y học, 2012: 1-152
- [12] Trần Văn Trường, *Viêm nhiễm miệng hàm mặt*, NXB Y học, 2008: 1-183
- [13] <https://www.vinmec.com/vi/news/health-news/general-health-check/airway-control-in-patients-with-maxillofacial-trauma/>

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Mã môn học: MH24A113231

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (20 tiết lý thuyết, 8 tiết thực hành, 02 tiết kiểm tra)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học Dân số - Kế hoạch hóa gia đình là môn học chuyên ngành được bố trí học sau các môn học cơ sở, môn học đào tạo bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành, nghề Y sĩ cao đẳng ở học kỳ 5.

- Tính chất: Môn học Dân số - Kế hoạch hóa gia đình được kết hợp lý thuyết với bài tập thực hành. Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, trên cơ sở đó sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng giáo dục, truyền thông, tư vấn, cung cấp các phương tiện tránh thai cho khách hàng an toàn, hiệu quả nhằm nâng cao sức khỏe sinh sản cho tất cả các lứa tuổi trong cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức:

+ Phân tích được tình hình phát triển dân số, những tác động đối với phát triển kinh tế, xã hội, môi trường của Việt Nam hiện nay và các biện pháp can thiệp.

+ Trình bày được tổng quan về sức khỏe sinh sản tại Việt Nam giai đoạn

+ Trình bày được các chỉ số về chăm sóc, bảo vệ bà mẹ, trẻ em, dân số, kế hoạch hóa gia đình.

+ Trình bày được các biện pháp tránh thai

+ Trình bày được các phương pháp tư vấn cho khách hàng.

- Kỹ năng:

+ Lập được kế hoạch thực hiện các mục tiêu về DS – KHHGD và dự trù các phương tiện tránh thai.

+ Thực hiện được truyền thông, tư vấn về DS - KHHGD cho khách hàng.

+ Thực hiện được quy trình đặt và tháo dụng cụ tử cung có dây trên mô hình.

+ Thực hiện được cung cấp các phương tiện tránh thai cho khách hàng an toàn, hiệu quả.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thông cảm chia sẻ và tôn trọng khách hàng

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<p>Chương 1: Đại cương dân số học thế giới và Việt Nam</p> <p>1. Đại cương dân số học</p> <p>2. Nguy cơ bùng nổ dân số với con người và phát triển kinh tế-xã hội</p> <p>2.1. Sự bùng nổ dân số</p> <p>2.2. Nguy cơ bùng nổ dân số với con người và phát triển kinh tế - xã hội và môi trường</p> <p>3. Tháp tuổi dân số</p> <p>3.1. Loại giãn</p> <p>3.2. Loại co</p> <p>3.3. Loại ổn định</p> <p>4. Pháp lệnh dân số của nhà nước Việt Nam</p> <p>4.1. Một số những quy định chung</p> <p>4.2. Mục tiêu chiến lược của công tác dân số đến năm 2030</p> <p>4.3. Giải pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu chiến lược công tác dân số - KHHGD</p> <p>5. Cách đánh giá về dân số - KHHGD ở một nước hay một địa phương về lượng, về chất và cách thu thập số liệu</p> <p>5.1. Về lượng</p> <p>5.2. Về chất</p> <p>5.3. Cách thu thập các nguồn dữ liệu về dân số</p>	03	03		
2	<p>Chương 2. Tổng quan về sức khỏe sinh sản</p> <p>1. Khái niệm về sức khỏe sinh sản</p> <p>1.2. Nội dung sức khỏe sinh sản</p> <p>2. Những nguyên nhân thành tựu</p> <p>2.1. Nguyên nhân thành tựu</p>	02	02		

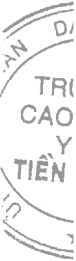
<p>2.2. Những tồn tại 2.3. Những thách thức 3. Mục tiêu chiến lược quốc gia 3.1. Mục tiêu tổng quát 3.2. Mục tiêu cụ thể 4. Các giải pháp chủ yếu 4.1. Lãnh đạo, tổ chức và quản lý 4.2. Truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi 4.3. Dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản</p>				
<p>Chương 3: Các chỉ số về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số - kế hoạch hóa gia đình 1. Khái niệm, mục đích và ý nghĩa của hệ thống chỉ số y tế 2. Các dạng của chỉ số dùng trong thống kê dân số - y tế 2.1. Tỷ số (Ratio) 2.2. Tỷ số (Proportion) 2.3. Tỷ lệ phần trăm 2.4. Tỷ suất 2.5. Xác suất 3. Các chỉ số về CSSK bà mẹ, trẻ em, dân số, KHHGD 3.1. Chỉ số về dân số 3.2. Chỉ số về sức khỏe bà mẹ, KHHGD 3.3. Chăm sóc sức khỏe trẻ em 3.4. Chỉ số về dinh dưỡng</p>	02	02		
<p>Chương 4: Lập kế hoạch hoạt động và thực hiện các mục tiêu về dân số-KHHGD ở cơ sở 1. Lập kế hoạch công tác năm 2. Cách thành lập kế hoạch dự trù 2.1. Lập kế hoạch dự trù các phương tiện tránh thai 2.2. Lập kế hoạch quản lý các phương tiện tránh thai 2.3. Lập kế hoạch phân phối các phương tiện tránh thai 3. Bài toán thực hành về lập kế hoạch dự trù, quản lý và phân phối các PTTT cho một xã</p>	01	01		
<p>Chương 5: Các biện pháp tránh thai</p>	02	01	01	

	tự nhiên 1. Đại cương về biện pháp tránh thai tự nhiên 1.1. Khái niệm 1.2. Chỉ định 1.3. Chống chỉ định 2. Biện pháp tránh thai theo vòng kinh 2.1. Cơ chế tránh thai 2.2. Hướng dẫn thực hiện 3. Biện pháp tránh thai dựa theo thân nhiệt 4. BPTT dựa vào chất nhầy cổ tử cung 5. Biện pháp xuất tinh ngoài âm đạo 6. Tư vấn về các BPTT tự nhiên				
	Chương 6: Phương pháp cho bú vô kinh 1. Đại cương về phương pháp cho bú vô kinh 2. Cơ chế tác dụng, hiệu quả 3. Chỉ định và chống chỉ định 4. Thuận lợi và không thuận lợi 5. Tư vấn về phương pháp cho bú vô kinh	02	01	01	
	Chương 7: Bao cao su 1. Cơ chế tác dụng 2. Chỉ định và chống chỉ định 2.1. Chỉ định 2.2. Chống chỉ định 3. Thuận lợi và không thuận lợi 3.1. Thuận lợi 3.2. Không thuận lợi 4. Cách sử dụng và bảo quản 5. Tư vấn	02	01	01	
	Kiểm tra	01	00	00	01
5	Chương 8: Viên thuốc tránh thai kết hợp liều thấp 1. Đại cương và cơ chế tác dụng 1.1. Đại cương 1.2. Cơ chế tác dụng 2. Chỉ định và chống chỉ định 2.1. Chỉ định 2.2. Chống chỉ định	03	02	01	

	<p>3. Cách sử dụng</p> <p>3.1. Thời điểm dùng thuốc</p> <p>3.2. Cách sử dụng thuốc</p> <p>4. Xử trí khi quên thuốc hay bị nôn, tiêu chảy, chậm kinh</p>				
6	<p>Chương 9: Thuốc tránh thai chỉ có progestin</p> <p>1. Đại cương và cơ chế tác dụng</p> <p>1.1. Đại cương</p> <p>1.2. Cơ chế tác dụng</p> <p>2. Chỉ định và chống chỉ định</p> <p>2.1. Chỉ định</p> <p>2.2. Chống chỉ định</p> <p>3. Thuận lợi và không thuận lợi</p> <p>3.1. Thuận lợi</p> <p>3.2. Không thuận lợi</p> <p>4. Cách sử dụng</p> <p>4.1. Thăm khám, đánh giá trước khi áp dụng biện pháp</p> <p>4.2. Thời điểm bắt đầu dùng thuốc</p> <p>4.3. Cách sử dụng thuốc</p> <p>4.4. Cách dùng viên thuốc tránh thai khẩn cấp</p> <p>5. Tác dụng phụ và dấu hiệu báo động</p> <p>6. Tư vấn</p> <p>6.1. Các nội dung cần tư vấn khi khách hàng có nhu cầu sử dụng</p> <p>6.2. Bài tập tình huống</p>	02	01	01	
8	<p>Chương 10: Thuốc diệt tinh trùng</p> <p>1. Đại cương và cơ chế tác dụng</p> <p>2. Chỉ định và chống chỉ định</p> <p>3. Thuận lợi và không thuận lợi</p> <p>3.1. Thuận lợi</p> <p>3.2. Không thuận lợi</p> <p>4. Tư vấn và hướng dẫn sử dụng</p> <p>4.1. Tư vấn</p> <p>4.2. Hướng dẫn cách đặt thuốc diệt tinh trùng.</p> <p>4.3. Bảo quản</p> <p>4.4. Những sai lầm thường gặp khi sử dụng thuốc diệt tinh trùng</p> <p>5. Xử trí các vấn đề có thể gặp khi sử dụng</p> <p>5.1. Dị ứng hay nhạy cảm với thuốc</p>	02	01	01	

5.2. Nhiễm trùng đường tiết niệu				
<p>Chương 11: Dụng cụ tránh thai trong tử cung</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm về dụng cụ tử cung 2. Thuận lợi và không thuận lợi <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Thuận lợi 2.2. Không thuận lợi 3. Chỉ định, chống chỉ định <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Chỉ định 3.2. Chống chỉ định 4. Thời điểm đặt DCTC <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Với phụ nữ bình thường 4.2. Sau đẻ 4.3. Sau nạo hút thai hoặc sảy thai 4.4. Để tránh thai khẩn cấp 5. Các tiêu chuẩn về cán bộ y tế và địa điểm đặt DCTC <ol style="list-style-type: none"> 5.1. Cán bộ y tế đặt DCTC 5.2. Địa điểm đặt DCTC 6. Tư vấn trước và sau khi đặt DCTC <ol style="list-style-type: none"> 6.1. Truyền thông và tư vấn trước khi đặt DCTC 6.2. Dặn dò sau khi đặt DCTC 7. Cách phát hiện và xử trí các tác dụng phụ và biến chứng <ol style="list-style-type: none"> 7.1. Nhiễm khuẩn 7.2. Kiểm tra không thấy dây ra ngoài 7.3. Có thai 8. Quy trình đặt và tháo và đặt dụng cụ tử cung <ol style="list-style-type: none"> 8.1. Đặt DCTC 8.2. Tháo DCTC 	01	01		
<p>Chương 12: Triệt sản</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm 2. Chỉ định <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Triệt sản nam 2.2. Triệt sản nữ 3. Chống chỉ định <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Triệt sản nam 3.2. Triệt sản nữ 4. Thời điểm tiến hành <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Triệt sản nam 4.2. Triệt sản nữ 5. Tư vấn trước và sau triệt sản 	02	02		

<ul style="list-style-type: none"> 5.1. Triệt sản nam 5.2. Triệt sản nữ 6. Chuẩn bị khách hàng trước phẫu thuật <ul style="list-style-type: none"> 6.1. Triệt sản nam 6.2. Triệt sản nữ 7. Theo dõi sau phẫu thuật <ul style="list-style-type: none"> 7.1. Triệt sản nam 7.2. Triệt sản nữ 				
<p>Chương 13: Phá thai bằng phương pháp hút chân không</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa, chỉ định, chống chỉ định phá thai bằng phương pháp hút thai chân không ở tuyến y tế cơ sở <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Định nghĩa 1.2. Chỉ định áp dụng cho tuyến y tế cơ sở 1.3. Chống chỉ định ở tuyến y tế cơ sở 2. Nội dung tư vấn cho khách hàng trước khi hút thai <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Những yêu cầu cần thiết đối với cán bộ và cơ sở y tế 2.2. Các nội dung cần trao đổi, tư vấn cho người phá thai 2.3. Các vấn đề cần lưu ý khi tư vấn cho các nhóm đối tượng đặc biệt 3. Quy trình thực hiện thủ thuật <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Chuẩn bị phương tiện 3.2. Chuẩn bị dụng cụ 3.3. Chuẩn bị dụng cụ bơm hút chân không bằng tay 3.4. Chuẩn bị khách hàng 3.5. Chuẩn bị của người thực hiện thủ thuật 3.6. Thực hiện 4. Tai biến <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Tai biến 4.2. Biện chứng 5. Theo dõi, chăm sóc sau phá thai <ul style="list-style-type: none"> 5.1. Theo dõi 5.2. Thuốc 5.3. Tư vấn cho khách hàng sau hút thai 	02	01	01	
<p>Chương 14: Tư vấn kế hoạch hóa gia đình</p>	02	01	01	



1. Các khái niệm tư vấn, KHHGD 1.1. Tư vấn là gì ? 1.2. Kế hoạch hóa gia đình là gì ? 1.3. Những kiến thức tư vấn cần cho các biện pháp kế hoạch hóa gia đình 2. Sáu bước cơ bản về tư vấn kế hoạch hóa gia đình 2.1. Bước 1 2.2. Bước 2 2.3. Bước 3 2.4. Bước 4 2.5. Bước 5 2.6. Bước 6 3. Những điều cần tránh và không nên làm khi tư vấn 3.1. Những điều cần tránh 3.2. Những điều cần làm 4. Những trở ngại, những tin đồn sai lệch về các BPTT và những giải pháp khắc phục 4.1. Những trở ngại 4.2. Những tin đồn sai lệch về các biện pháp tránh thai 4.3. Những giải pháp khắc phục 5. Thực hành tư vấn KHHGD 5.1. Nghiên cứu trường hợp 5.2. Bài tập tình huống				
Kiểm tra	01	00	00	01
Cộng	30	20	08	02

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương dân số học thế giới và Việt Nam
giờ

Thời gian 03

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đại cương về dân số học.

1.2. Phân tích được những nguy cơ của sự gia tăng dân số với con người và phát triển kinh tế, xã hội.

1.3. Nhận định được các loại tháp tuổi dân số.

1.4. Trình bày được pháp lệnh dân số của nhà nước Việt Nam.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương dân số học

- 2.2. Nguy cơ bùng nổ dân số với con người và phát triển kinh tế-xã hội
 - 2.2.1. Sự bùng nổ dân số
 - 2.2.1.1. Dân số thế giới
 - 2.2.1.2 . Dân số Việt Nam
 - 2.2.2. Nguy cơ bùng nổ dân số với con người và phát triển kinh tế - xã hội và môi trường
 - 2.2.2.1. Đối với thế giới
 - 2.2.2.2. Hậu quả của việc gia tăng dân số
 - 2.2.2.2. Đối với Việt Nam
 - 2.2.2.2.1. Sáu đặc điểm của Việt Nam liên quan đến vấn đề tăng dân số
- 2.3. Tháp tuổi dân số
 - 2.3.1. Loại giãn
 - 2.3.2. Loại co
 - 2.3.3. Loại ổn định
- 2.4. Pháp lệnh dân số của nhà nước việt nam
 - 2.4.1. Một số những quy định chung
 - 2.4.1.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
 - 2.4.1.2. Nguyên tắc của công tác dân số
 - 2.4.1.3. Quyền và nghĩa vụ của công dân về công tác dân số
 - 2.4.1.4 .Trách nhiệm của nhà nước, cơ quan, tổ chức trong công tác dân số
 - 2.4.1.5. Trách nhiệm của mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong công tác dân số
 - 2.4.1.6. Các hành vi bị nghiêm cấm
 - 2.4.2. Mục tiêu chiến lược của công tác dân số đến năm 2030
 - 2.4.3. Giải pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu chiến lược công tác dân số - KHHGD
- 2.5. Cách đánh giá về dân số - KHHGD ở một nước hay một địa phương về lượng, về chất và cách thu thập số liệu
 - 2.5.1. Về lượng
 - 2.5.1.1. Biến động sinh học
 - 2.5.1.2. Biến động cơ học
 - 2.5.2. Về chất
 - 2.5.3. Cách thu thập các nguồn dữ liệu về dân số

Chương 2: Tổng quan về sức khỏe sinh sản

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm và 8 nội dung của sức khỏe sinh sản .

1.2. Trình bày được những nguyên nhân thành tựu, các tồn tại và thách thức trong công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản tại Việt Nam đến năm 2030

1.3. Kể được 8 mục tiêu và các giải pháp chủ yếu của chiến lược quốc gia về công tác dân số, sức khỏe sinh sản đến năm 2030

2. Nội dung của chương:

1. Khái niệm về sức khỏe sinh sản

1.2. Nội dung sức khỏe sinh sản

2. Những nguyên nhân thành tựu

2.1. Nguyên nhân thành tựu

2.2. Những tồn tại

2.3. Những thách thức

3. Mục tiêu chiến lược quốc gia

3.1. Mục tiêu tổng quát

3.2. Mục tiêu cụ thể

4. Các giải pháp chủ yếu

4.1. Lãnh đạo, tổ chức và quản lý

4.2. Truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi

4.3. Dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản

Chương 3: Các chỉ số về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số - kế hoạch hóa gia đình

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm

1.2. Phát hiện và xử trí được các tác dụng phụ, biến chứng đặt dụng cụ tử cung.

1.3. Trình bày được chỉ định tháo dụng cụ tử cung.

2. Nội dung của chương:

2.1. Khái niệm, mục đích và ý nghĩa của hệ thống chỉ số y tế

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Mục đích và ý nghĩa của hệ thống chỉ số y tế

2.2. Các dạng của chỉ số dùng trong thống kê dân số - y tế

2.2.1. Tỷ số (Ratio)

2.2.2. Tỷ lệ (Proportion)

2.2.3. Tỷ lệ phần trăm

2.2.4. Tỷ suất

2.2.5. Xác suất

2.3. Các chỉ số về CSSK bà mẹ, trẻ em, dân số, KHHGD

2.3.1. Chỉ số về dân số

2.3.2. Chỉ số về sức khỏe bà mẹ, KHHGD

2.3.3. Chăm sóc sức khỏe trẻ em

2.3.4. Chỉ số về dinh dưỡng

**Chương 4: Lập kế hoạch hoạt động và thực hiện các mục tiêu về dân số-
KHHGD ở cơ sở** Thời gian 01
giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được 7 bước lập kế hoạch hoạt động thực hiện các mục tiêu cho công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

1.2. Trình bày được cách lập kế hoạch dự trù, quản lý, phân phối các phương tiện tránh thai tại trạm y tế cơ sở.

1.3. Làm được bài toán thực hành về lập kế hoạch dự trù và phân phối các phương tiện tránh thai.

2. Nội dung của chương:

2.1. Lập kế hoạch công tác năm

2.2. Cách thành lập kế hoạch dự trù

2.2.1. Lập kế hoạch dự trù các phương tiện tránh thai

2.2.1.1. Những nội dung cần lập dự trù

2.2.1.2. Những chỉ số cần thiết khi lập dự trù các PTTT

2.2.2. Lập kế hoạch quản lý các phương tiện tránh thai

2.2.2.1. Lên kế hoạch dự trù các PTTT

2.2.2.2. Tổ chức thực hiện

2.2.2.3. Bảo quản các phương tiện tránh thai

2.2.2.4. Chỉ đạo, theo dõi, giám sát công việc

2.2.2.5. Kiểm tra đánh giá

2.2.3. Lập kế hoạch phân phối các phương tiện tránh thai

2.3. Bài toán thực hành về lập kế hoạch dự trù, quản lý và phân phối các PTTT cho một xã



Chương 5: Các biện pháp tránh thai tự nhiên

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, chỉ định, chống chỉ định của biện pháp tránh thai tự nhiên.

1.2. Trình bày được cách lập kế hoạch dự trữ, quản lý, phân phối các phương tiện tránh thai tại trạm y tế cơ sở.

1.3. Tư vấn được cho khách hàng về các biện pháp tránh thai tự nhiên.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương về biện pháp tránh thai tự nhiên

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Chỉ định

2.1.3. Chống chỉ định

2.2. Biện pháp tránh thai theo vòng kinh

2.2.1. Cơ chế tránh thai

2.2.2. Hướng dẫn thực hiện

2.3. Biện pháp tránh thai dựa theo thân nhiệt

2.4. BPTT dựa vào chất nhầy cổ tử cung

2.5. Biện pháp xuất tinh ngoài âm đạo

2.6. Tư vấn về các BPTT tự nhiên

2.6.1. Ưu điểm

2.6.2. Nhược điểm

2.6.3. Tình huống lâm sàng

Chương 6: Phương pháp cho bú vô kinh

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được được đại cương, cơ chế tác dụng của phương pháp cho bú vô kinh .

1.2. Trình bày được chỉ định, chống chỉ định, hiệu quả, thuận lợi, không thuận lợi của phương pháp cho bú vô kinh .

1.3. Trình bày được tư vấn về phương pháp cho bú vô kinh .

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương về phương pháp cho bú vô kinh

2.2. Cơ chế tác dụng, hiệu quả

2.3. Chỉ định và chống chỉ định

2.3.1. Chỉ định

- 2.3.2. Chống chỉ định
- 2.4. Thuận lợi và không thuận lợi
 - 2.4.1. Thuận lợi
 - 2.4.2. Không thuận lợi
- 2.5. Tư vấn về phương pháp cho bú vô kinh
 - 2.5.1. Giải thích cách áp dụng
 - 2.5.2. Tư vấn và theo dõi sau khi áp dụng

Chương 7: Bao cao su

Thời gian 02 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Trình bày được cơ chế tác dụng, chỉ định và chống chỉ định của bao cao su.
 - 1.2. Trình bày được những thuận lợi, không thuận lợi của bao cao su nam, nữ.
 - 1.3. Trình bày được cách sử dụng và bảo quản bao cao su nam, nữ.
 - 1.4. Trình bày được tư vấn về bao cao su khi khách hàng có nhu cầu sử dụng.
- 2. Nội dung của chương:
 - 2.1. Cơ chế tác dụng
 - 2.2. Chỉ định và chống chỉ định
 - 2.2.1. Chỉ định
 - 2.2.2. Chống chỉ định
 - 2.3. Thuận lợi và không thuận lợi
 - 2.3.1. Thuận lợi
 - 2.3.2. Không thuận lợi
 - 2.4. Cách sử dụng và bảo quản
 - 2.5. Tư vấn
 - 2.5.1. Thực hiện 6 bước tư vấn với nội dung
 - 2.5.2. Thực hành

Kiểm tra

Thời gian 01 giờ

Chương 8: Viên thuốc tránh thai kết hợp liều thấp

Thời gian 03 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Trình bày được đại cương, cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của thuốc viên tránh thai kết hợp liều thấp.
 - 1.2. Trình bày được cách sử dụng và xử trí các trường hợp khách hàng quên uống thuốc viên tránh thai kết hợp liều thấp.
- 2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương và cơ chế tác dụng

2.1.1. Đại cương

2.2. Cơ chế tác dụng

2.2. Chỉ định và chống chỉ định

2.2.1. Chỉ định

2.2.2. Chống chỉ định

2.3. Cách sử dụng

2.3.1. Thời điểm dùng thuốc

2.3.2. Cách sử dụng thuốc

2.4. Xử trí khi quên thuốc hay bị nôn, tiêu chảy, chậm kinh

Chương 9: Thuốc tránh thai chỉ có progestin

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đại cương, cơ chế tác dụng thuốc tránh thai chỉ có progestin.

1.2. Trình bày được chỉ định, chống chỉ định thuốc tránh thai chỉ có progestin.

1.3. Trình bày được cách sử dụng thuốc tránh thai chỉ có progestin.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương và cơ chế tác dụng

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Cơ chế tác dụng

2.2. Chỉ định và chống chỉ định

2.2.1. Chỉ định

2.2.2. Chống chỉ định

2.3. Thuận lợi và không thuận lợi

2.3.1. Thuận lợi

2.3.2. Không thuận lợi

2.4. Cách sử dụng

2.4.1. Thăm khám, đánh giá trước khi áp dụng biện pháp

2.4.2. Thời điểm bắt đầu dùng thuốc

2.4.3. Cách sử dụng thuốc

2.4.3.1. Viên thuốc tránh thai chỉ có progestin

2.4.3.2. Thuốc tiêm tránh thai DMPA

2.4.4. Cách dùng viên thuốc tránh thai khẩn cấp

2.5. Tác dụng phụ và dấu hiệu báo động

2.6. Tư vấn

2.6.1. Các nội dung cần tư vấn khi khách hàng có nhu cầu sử dụng

2.6.2. Bài tập tình huống

Chương 10: Thuốc diệt tinh trùng

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đại cương và cơ chế tác dụng của thuốc diệt tinh trùng .

1.2. Trình bày được chỉ định, chống chỉ định, thuận lợi, không thuận lợi của diệt tinh trùng.

1.3. Trình bày được các tư vấn và hướng dẫn sử dụng thuốc diệt tinh trùng.

1.4. Xử trí được các vấn đề khách hàng có thể gặp khi sử dụng biện pháp tránh thai này.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương và cơ chế tác dụng

2.2. Chỉ định và chống chỉ định

2.3. Thuận lợi và không thuận lợi

2.3.1. Thuận lợi

2.3.2. Không thuận lợi

2.4. Tư vấn và hướng dẫn sử dụng

2.4.1. Tư vấn

2.4.2. Hướng dẫn cách đặt thuốc diệt tinh trùng

2.4.2.1. Những điểm cần lưu ý trước khi sử dụng

2.4.2.2. Cách đặt thuốc diệt tinh trùng

2.4.3. Bảo quản

2.4.4. Những sai lầm thường gặp khi sử dụng thuốc diệt tinh trùng

2.5. Xử trí các vấn đề có thể gặp khi sử dụng

2.5.1. Dị ứng hay nhạy cảm với thuốc

2.5.2. Nhiễm trùng đường tiết niệu

Chương 11: Dụng cụ tránh thai trong tử cung

Thời gian 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, thuận lợi, chỉ định, chống chỉ định và thời điểm để đặt của dụng cụ tử cung .

1.2. Trình bày được các tiêu chuẩn về cán bộ y tế, địa điểm đặt và nội dung tư vấn khách hàng trước và sau khi đặt dụng cụ tử cung.

1.3. Phát hiện và xử trí được các tác dụng phụ, biến chứng đặt dụng cụ tử cung.

1.4. Thực hiện được quy trình đặt và tháo dụng cụ tử cung Tcu 380 trên mô hình.

2. Nội dung của chương:

2.1. Khái niệm về dụng cụ tử cung

2.2. Thuận lợi và không thuận lợi

2.2.1. Thuận lợi

2.2.2. Không thuận lợi

2.3. Chỉ định, chống chỉ định

2.3.1. Chỉ định

2.3.2. Chống chỉ định

2.3.2.1. Chống chỉ định tuyệt đối

2.3.2.2. Chống chỉ định tương đối

2.4. Thời điểm đặt DCTC

2.4.1. Với phụ nữ bình thường

2.4.2. Sau đẻ

2.4.3. Sau nạo hút thai hoặc sảy thai

2.4.4. Để tránh thai khẩn cấp

2.5. Các tiêu chuẩn về cán bộ y tế và địa điểm đặt DCTC

2.5.1. Cán bộ y tế đặt DCTC

2.5.2. Địa điểm đặt DCTC

2.6. Tư vấn trước và sau khi đặt DCTC

2.6.1. Truyền thông và tư vấn trước khi đặt DCTC

2.6.2. Dặn dò sau khi đặt DCTC

2.7. Cách phát hiện và xử trí các tác dụng phụ và biến chứng

2.7.1. Nhiễm khuẩn

2.7.2. Kiểm tra không thấy dây ra ngoài

2.7.3. Có thai

2.8. Quy trình đặt và tháo và đặt dụng cụ tử cung

2.8.1. Đặt DCTC

2.8.2. Tháo DCTC

Chương 12: Triệt sản

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, chỉ định, chống chỉ định, thời điểm tiến hành triệt sản nam, nữ.

1.2. Tư vấn được cho khách hàng trước và sau khi làm triệt sản nam, nữ.

1.3. Trình bày được các việc cần chuẩn bị trước khi làm phẫu thuật và theo dõi khách hàng sau phẫu thuật triệt sản nam, nữ.

2. Nội dung của chương:

2.1. Khái niệm

2.2. Chỉ định

2.2.1. Triệt sản nam

2.2.2. Triệt sản nữ

2.3. Chống chỉ định

2.2.1. Triệt sản nam

2.2.2. Triệt sản nữ

2.4. Thời điểm tiến hành

2.2.1. Triệt sản nam

2.2.2. Triệt sản nữ

2.5. Tư vấn trước và sau triệt sản

2.2.1. Triệt sản nam

2.2.2. Triệt sản nữ

2.6. Chuẩn bị khách hàng trước phẫu thuật

2.2.1. Triệt sản nam

2.2.2. Triệt sản nữ

2.7. Theo dõi sau phẫu thuật

2.2.1. Triệt sản nam

2.2.2. Triệt sản nữ

Chương 13: Phá thai bằng phương pháp hút thai chân không

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, chỉ định, chống chỉ định phá thai bằng phương pháp hút chân không.

1.2. Trình bày được nội dung tư vấn cho khách hàng trước khi phá thai.

1.3. Trình bày được quy trình thực hiện, tai biến, theo dõi và chăm sóc khách hàng sau phá thai.

2. Nội dung của chương

2.1. Định nghĩa, chỉ định, chống chỉ định phá thai bằng phương pháp hút thai chân không ở tuyến y tế cơ sở



- 2.1.1. Định nghĩa
- 2.1.2. Chỉ định áp dụng cho tuyến y tế cơ sở
- 2.1.3. Chống chỉ định ở tuyến y tế cơ sở
- 2.2. Nội dung tư vấn cho khách hàng trước khi hút thai
 - 2.2.1. Những yêu cầu cần thiết đối với cán bộ và cơ sở y tế
 - 2.2.1.1. Những yêu cầu về kiến thức cho cán bộ tư vấn
 - 2.2.1.2. Các kỹ năng tư vấn cho các đối tượng phá thai (Xem phần tư vấn chung).
 - 2.2.1.3. Địa điểm tư vấn
 - 2.2.2. Các nội dung cần trao đổi, tư vấn cho người phá thai
 - 2.2.3. Các vấn đề cần lưu ý khi tư vấn cho các nhóm đối tượng đặc biệt
 - 2.2.3.1. Vị thành niên
 - 2.2.3.2. Những phụ nữ bị bạo hành
- 2.3. Quy trình thực hiện thủ thuật
 - 2.3.1. Chuẩn bị phương tiện
 - 2.3.2. Chuẩn bị dụng cụ
 - 2.3.3. Chuẩn bị dụng cụ bơm hút chân không bằng tay
 - 2.3.4. Chuẩn bị khách hàng
 - 2.3.5. Chuẩn bị của người thực hiện thủ thuật
 - 2.3.6. Thực hiện
- 2.4. Tai biến
 - 2.4.1. Tai biến
 - 2.4.2. Biện chứng
- 2.5. Theo dõi, chăm sóc sau phá thai
 - 2.5.1. Theo dõi
 - 2.5.2. Thuốc
 - 2.5.3. Tư vấn cho khách hàng sau hút thai

Chương 14: Tư vấn kế hoạch hóa gia đình

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm về tư vấn và kế hoạch hóa gia đình
- 1.2. Trình bày được 6 bước cơ bản, những điều cần tránh và cần làm trong khi tư vấn về kế hoạch hóa gia đình
- 1.3. Trình bày được những trở ngại, những tin đồn sai lệch về các biện pháp tránh thai và giải pháp khắc phục trong khi tư vấn về kế hoạch hóa gia đình.

1.4. Thực hành và giải quyết được các bài tập tình huống, nghiên cứu trường hợp trong bài học

2. Nội dung của chương:

2.1. Các khái niệm tư vấn, KHHGD

2.1.1. Tư vấn là gì ?

2.1.2. Kế hoạch hóa gia đình là gì ?

2.1.3. Những kiến thức tư vấn cần cho các biện pháp kế hoạch hóa gia đình

2.2. Sáu bước cơ bản về tư vấn kế hoạch hóa gia đình

2.2.1. Bước 1

2.2.2. Bước 2

2.2.3. Bước 3

2.2.4. Bước 4

2.2.5. Bước 5

2.2.6. Bước 6

2.3. Những điều cần tránh và không nên làm khi tư vấn

2.3.1. Những điều cần tránh

2.3.2. Những điều cần làm

2.4. Những trở ngại, những tin đồn sai lệch về các BPTT và những giải pháp khắc phục

2.4.1. Những trở ngại

2.4.2. Những tin đồn sai lệch về các biện pháp tránh thai

2.4.3. Những giải pháp khắc phục

2.5. Thực hành tư vấn KHHGD

2.5.1. Nghiên cứu trường hợp

2.5.2. Bài tập tình huống

Kiểm tra

Thời gian 01

giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, laptop, bảng phấn, mô hình đặt dụng cụ tử cung, mô hình phá thai, mô hình thực tập đặt vòng, mô hình giải phẫu sinh dục nam,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Sách, giáo trình, bút, viết, thước kẻ, bao cao su, dụng cụ tử cung, dụng cụ bơm hút chân không, bộ tranh vẽ giải phẫu, sinh lý sinh dục nam, nữ, dân số kế hoạch hóa gia đình, thuốc ngừa thai, bộ dụng cụ vô khuẩn, mỏ vịt, dụng cụ tử cung,....

DA
RU
08
Y7
IG
★

4. Các điều kiện khác:

Học sinh phải học xong các môn học Giáo dục sức khỏe, Giải phẫu, Sinh lý, Kiểm soát nhiễm khuẩn, Bệnh học sản phụ khoa

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức:

+ Phân tích được tình hình phát triển dân số, những tác động đối với phát triển kinh tế, xã hội, môi trường của Việt Nam hiện nay và các biện pháp can thiệp.

+ Trình bày được tổng quan về sức khỏe sinh sản tại Việt Nam giai đoạn

+ Trình bày được các chỉ số về chăm sóc, bảo vệ bà mẹ, trẻ em, dân số, kế hoạch hóa gia đình.

+ Trình bày được các biện pháp tránh thai

+ Trình bày được các phương pháp tư vấn cho khách hàng.

- Kỹ năng:

+ Lập được kế hoạch thực hiện các mục tiêu về DS – KHHGD và dự trù các phương tiện tránh thai.

+ Thực hiện được truyền thông, tư vấn về DS - KHHGD cho khách hàng.

+ Thực hiện được quy trình đặt và tháo dụng cụ tử cung có dây trên mô hình.

+ Thực hiện được cung cấp các phương tiện tránh thai cho khách hàng an toàn, hiệu quả.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thông cảm chia sẻ và tôn trọng khách hàng

2. Phương pháp:

- Điểm kiểm tra gồm 2 cột điểm: 1 cột thường xuyên và 1 cột định kỳ, trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

+ Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp hoặc bài tập tình huống dưới 30 phút.

+ Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức trắc nghiệm

- Thi hết môn được thực hiện bằng hình thức trắc nghiệm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tổng kết môn học là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn

đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của nhà trường.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Dân số - Kế hoạch hóa gia đình được sử dụng để giảng dạy cho đối tượng Y sĩ đa khoa chính quy trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học :

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy như thuyết trình, trực quan, đàm thoại, uốn nắn, kèm cặp để sinh viên dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào bài tập thực hành có hiệu quả

- Đối với người học:

+ Trang bị đủ giáo trình

+ Đọc tài liệu và chuẩn bị các ý kiến để thảo luận trong giờ học

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

+ Chủ động, tự học.

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các biện pháp tránh thai

- Phá thai bằng phương pháp hút thai chân không

- Tư vấn kế hoạch hóa gia đình

4. Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Y tế (2015), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa, Hà Nội.

[2]. Bộ Y tế, Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo (2012), Tài liệu đào tạo hộ sinh 3 năm, chương 3- Đạo đức nghề nghiệp, nhà xuất bản Y học.

[3]. Bộ Y tế, Vụ Khoa học và Đào tạo (2015), Tài liệu đào tạo điều dưỡng đại học 4 năm, chương Chăm sóc Sản Phụ khoa - Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, nhà xuất bản Y học.

[4]. Bộ Y tế, Ủy ban Dân số quốc gia và Kế hoạch hoá gia đình (2013), Chăm sóc sức khỏe sinh sản, nhà xuất bản Y học.

[5] Bộ Y tế (2015), *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh sản phụ khoa*, Hà Nội.

[6] Thủ tướng Chính phủ (2019), *Quyết định 1679/QĐ-TTg Phê duyệt chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030*

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Y học cổ truyền

Mã môn học: MH24A113332

Thời gian thực hiện môn học: 105 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực tập bệnh viện: 89 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn Y học cổ truyền là môn chuyên ngành, được bố trí ở học kỳ VI trong chương trình đào tạo ngành, nghề y sĩ đa khoa cao đẳng chính quy.

- Tính chất: Môn học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, là một trong những môn học chuyên ngành quan trọng trong chương trình đào tạo y sĩ nhằm thực hiện mục tiêu kết hợp Y học hiện đại và Y học cổ truyền trong phòng và chữa bệnh. Môn học cung cấp cho học sinh các kiến thức cơ bản về các nguyên lý y học cổ truyền, các phương pháp điều trị không dùng thuốc và dùng thuốc để ứng dụng chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được nội dung cơ bản của các học thuyết Âm dương, Ngũ hành, học thuyết Tạng tượng, học thuyết về Tinh – Khí – Thần – Huyết – Tân dịch, học thuyết kinh lạc; đặc điểm các nguyên nhân gây bệnh và biểu hiện của các hội chứng bệnh Khí huyết, Tạng phủ.

+ Trình bày được những nguyên tắc sử dụng thuốc y học cổ truyền, nguyên tắc tiến hành châm cứu, xoa bóp và tập luyện dưỡng sinh trong điều trị những bệnh thông thường.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được các kỹ thuật khám bệnh bằng Y học cổ truyền.

+ Chẩn đoán được những hội chứng bệnh thường gặp theo y học cổ truyền (chẩn đoán Bát cương, bệnh lý Tạng phủ và nguyên nhân gây bệnh).

+ Điều trị và dự phòng được những chứng bệnh thông thường bằng phương pháp dùng thuốc y học cổ truyền, châm cứu, xoa bóp và tập luyện dưỡng sinh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y học cổ truyền và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

+ Chủ động, tích cực có trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao.

+ Trung thực, khách quan, thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1. Lý luận cơ bản về Y học cổ truyền	10	10	0	0
	1. Học thuyết Âm Dương – Học thuyết Ngũ hành và ứng dụng trong Y học cổ truyền	2	2	0	0
	1.1. Học thuyết Âm Dương				
	1.2. Học thuyết Ngũ hành				
	2. Học thuyết Tạng tượng, Tinh – Khí – Huyết – Thần – Tân dịch	3	3	0	0
	2.1. Học thuyết Tạng tượng				
	2.2. Tinh – Khí – Huyết – Thần – Tân dịch				
	3. Nguyên nhân gây bệnh	1	1	0	0
	3.1. Đại cương				
	3.2. Nhóm nguyên nhân Ngoại nhân				
3.3. Nhóm nguyên nhân Nội nhân					
3.4. Nhóm nguyên nhân Bất nội ngoại nhân					
4. Các phương pháp khám bệnh, nguyên tắc chẩn đoán và điều trị bệnh bằng Y học cổ truyền	4	4	0	0	
4.1. Các phương pháp khám bệnh (Tứ chẩn)					
4.2. Nguyên tắc chẩn đoán bệnh (Bát cương)					
4.3. Nguyên tắc chẩn đoán bệnh (Hội chứng bệnh Khí huyết, Tạng phủ)					
4.4. Nguyên tắc và phương pháp điều trị bệnh theo Y học cổ truyền					

2	Chương 2: Châm cứu – Dưỡng sinh – Xoa bóp 1. Đại cương về Hệ kinh lạc – Huyết vị trong châm cứu 1.1. Hệ kinh lạc 1.2. Huyết vị trong châm cứu 2. Đại cương về dưỡng sinh 2.1. Đại cương về phương pháp dưỡng sinh 2.2. Nguyên tắc tập thể dục dưỡng sinh, xoa bóp 3. Đại cương về xoa bóp 3.1. Đại cương về xoa bóp 3.2. Tác dụng của xoa bóp 3.3. Các thủ thuật xoa bóp	2	2	0	0
3	Chương 3: Đông dược 1. Thuốc giải biểu 1.1. Đại cương 1.2. Giới thiệu một số vị thuốc giải biểu 2. Thuốc thanh nhiệt 2.1. Đại cương 2.2. Giới thiệu một số vị thuốc thanh nhiệt 3. Thuốc trừ hàn - lợi niệu 3.1. Thuốc trừ hàn 3.2. Thuốc lợi niệu 4. Thuốc an thần, chữa ho - long đàm 4.1. Thuốc an thần 4.2. Thuốc chữa ho - long đàm 5. Thuốc bổ dưỡng 5.1. Đại cương 5.2. Giới thiệu một số vị thuốc bổ dưỡng	2	2	0	0
	Kiểm tra	1	0	0	1
	Thực tập lâm sàng	90	0	89	1
	Cộng	105	14	89	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Lý luận cơ bản về Y học cổ truyền

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nội dung của các học thuyết Âm dương, Ngũ hành.
- Trình bày được những ứng dụng của học thuyết Âm dương, Ngũ hành vào chẩn đoán, phòng bệnh, bào chế thuốc và điều trị.
- Trình bày được các chức năng của Tạng, Phủ, Tinh – Khí – Huyết – Thần – Tân dịch.
- Liệt kê được các nguyên nhân gây bệnh theo Y học cổ truyền.
- Trình bày được các đặc điểm và biểu hiện của các loại bệnh theo từng nguyên nhân.
- Trình bày được nội dung chủ yếu của Vọng, vấn, vấn, thiết.
- Trình bày được ý nghĩa và biểu hiện lâm sàng của mỗi cương trong Bát cương.
- Trình bày được biểu hiện của các hội chứng bệnh Khí huyết, Tạng phủ.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị bệnh theo Y học cổ truyền.
- Trình bày chỉ định và chống chỉ định của 8 phương pháp chữa bệnh.

2. Nội dung chương:

2.1. Học thuyết Âm Dương – Học thuyết Ngũ hành và ứng dụng trong Y học cổ truyền

2.1.1. Học thuyết Âm Dương

2.1.1.1. Định nghĩa

2.1.1.2. Các quy luật cơ bản trong học thuyết Âm dương

2.1.1.3. Ứng dụng trong y học cổ truyền

2.1.2. Học thuyết Ngũ hành

2.1.2.1. Nội dung học thuyết Ngũ hành

2.1.2.2. Ứng dụng trong y học cổ truyền

2.2. Học thuyết Tạng tượng, Tinh – Khí – Huyết – Thần – Tân dịch

2.2.1. Học thuyết Tạng tượng

2.2.1.1. Đại cương

2.2.1.2. Hệ thống các Tạng

2.2.1.3. Hệ thống các Phủ

2.2.2. Tinh – Khí – Huyết – Thần – Tân dịch

2.2.2.1. Tinh

2.2.2.2. Khí

2.2.2.3. Huyết

2.2.2.4. Thần

2.2.2.5. Tân dịch

2.3. Nguyên nhân gây bệnh

2.3.1. Đại cương

2.3.2. Nhóm nguyên nhân Ngoại nhân

2.3.2.1. Phong tà

2.3.2.2. Hàn tà

2.3.2.3. Thử tà

2.3.2.4. Thấp tà

2.3.2.5. Táo tà

2.3.2.6. Hỏa tà

2.3.3. Nhóm nguyên nhân Nội nhân

2.3.4. Nhóm nguyên nhân Bất nội ngoại nhân

2.3.4.1. Âm thực

2.3.4.2. Lao động

2.3.4.3. Sinh hoạt

2.3.4.4. Nguyên nhân khác

2.4. Các phương pháp khám bệnh, nguyên tắc chẩn đoán và điều trị bệnh bằng Y học cổ truyền

2.4.1. Các phương pháp khám bệnh (Tứ chẩn)

2.4.1.1. Vọng chẩn

2.4.1.2. Văn chẩn

2.4.1.3. Vấn chẩn

2.4.1.4. Thiết chẩn

2.4.2. Nguyên tắc chẩn đoán bệnh (Bát cương)

2.4.2.1. Biểu – Lý

2.4.2.2. Hàn – Nhiệt

2.4.2.3. Hư – Thực

2.4.2.4. Âm – Dương

2.4.3. Nguyên tắc chẩn đoán bệnh (Hội chứng bệnh Khí huyết, Tạng phủ)

2.4.3.1. Hội chứng bệnh Khí huyết

2.4.3.2. Hội chứng bệnh Tạng phủ

2.4.4. Nguyên tắc và phương pháp điều trị bệnh theo Y học cổ truyền

2.4.4.1. Nguyên tắc điều trị bệnh



2.4.4.2. Phương pháp điều trị bệnh (Bát pháp)

Chương 2: Châm cứu – Dưỡng sinh – Xoa bóp Thời gian 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày tác dụng của hệ kinh lạc
- Trình bày bốn cách xác định huyết
- Trình bày được ba cách chọn huyết
- Liệt kê được nội dung của phương pháp dưỡng sinh
- Trình bày nguyên tắc tập thể dục dưỡng sinh, xoa bóp
- Trình bày được ưu điểm của xoa bóp
- Trình bày được các điểm chú ý khi tiến hành xoa bóp
- Trình bày được tác dụng của xoa bóp

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về Hệ kinh lạc – Huyết vị trong châm cứu

2.1.1. Hệ kinh lạc

2.1.1.1. Định nghĩa

2.1.1.2. Tác dụng

2.1.2. Huyết vị trong châm cứu

2.1.2.1. Định nghĩa

2.1.2.2. Phân loại

2.1.2.3. Tác dụng

2.1.2.4. Cách xác định huyết

2.1.2.5. Nguyên tắc chọn huyết

2.2. Đại cương về dưỡng sinh

2.2.1. Đại cương về phương pháp dưỡng sinh

2.2.1.1. Định nghĩa

2.2.1.2. Nội dung

2.2.2. Nguyên tắc tập thể dục dưỡng sinh, xoa bóp

2.2.2.1. Sự cần thiết của việc tập các động tác dưỡng sinh

2.2.2.2. Đặc điểm của xoa bóp dưỡng sinh

2.2.2.3. Đặc điểm khi tập mỗi động tác dưỡng sinh

2.2.2.4. Các điểm trọng tâm cần chú ý luyện tập

2.2.2.5. Một số nguyên tắc cần chú ý khi luyện tập dưỡng sinh

2.3. Đại cương về xoa bóp

Kiểm tra

Thời gian 1 giờ

Thực tập lâm sàng

Thời gian 90 giờ (0 LT, 89 TH, 1 KT)

1. Mục tiêu:

- Phân định rõ Hàn, Nhiệt, Biểu, Lý, Hư, Thực qua Tứ chẩn.
- Tổng hợp được các triệu chứng theo Bát cương.
- Chẩn đoán được những hội chứng bệnh Khí huyết, Tạng phủ.
- Đề ra được pháp chữa bệnh cho những Hội chứng bệnh.
- Xác định được lộ trình nổi của 12 đường kinh chính
- Xác định đúng 60 huyệt vị và liệt kê tác dụng của từng huyệt.
- Thực hiện thành thạo kỹ thuật châm cứu trên các vùng cơ thể.
- Thực hiện thành thạo các thủ thuật xoa bóp và xoa bóp 05 vùng cơ thể.
- Thực hiện thành thạo và trình bày tác dụng của 30 bài thể dục dưỡng sinh và tự xoa bóp.
- Nhận dạng tên gọi và trình bày được bộ phận dùng, công dụng của 30 vị thuốc nam thường dùng.
- Rèn luyện đạo đức người cán bộ y tế, tác phong thận trọng, chính xác.

2. Chỉ tiêu:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
		Thực tập	Kiến tập	
I	LÝ LUẬN CƠ BẢN			
1	Khám bệnh bằng Tứ chẩn	5 bệnh nhân	10 bệnh nhân	
2	Chẩn đoán Bát cương, Hội chứng bệnh Khí huyết, Tạng phủ	5 bệnh nhân		
3	Đề ra pháp chữa bệnh phù hợp	5 bệnh nhân		
II	KINH LẠC-HUYẾT VỊ			
1	Xác định lộ trình kinh nổi của 12 đường kinh chính	5 lần		

2	Xác định đúng 60 huyệt thường dùng	5 lần		
III	KỸ THUẬT CHÂM			
1	Châm trên gó			
1.1	Bằng kim ngắn	10 lần		
1.2	Bằng kim dài	5 lần		
1.3	Thủ thuật bỏ, tả	10 lần		
2	Châm trên người lành			
2.1	Huyệt vùng đầu mặt	2 huyệt		
2.2	Huyệt vùng lưng	2 huyệt		
2.3	Huyệt vùng ngực bụng	2 huyệt		
2.4	Huyệt vùng chi trên	4 huyệt		
2.5	Huyệt vùng chi dưới	4 huyệt		
3	Châm trên người bệnh			
3.1	Số lượng bệnh nhân	10 người	10 người	
3.2	Hào châm đơn thuần	20 lần		
3.3	Xử lý tai biến khi châm	05 người	05 người	
IV	KỸ THUẬT CỨU			
1	Cứu cách gừng trên người lành	2 lần		
2	Cứu điều ngải	2 lần		
V	KỸ THUẬT XOA BÓP			

1	Xoa bóp vùng đầu mặt	2 lần		
2	Xoa bóp vùng cổ vai gáy	2 lần		
3	Xoa bóp vùng lưng	2 lần		
4	Xoa bóp chi trên	2 lần		
5	Xoa bóp chi dưới	2 lần		
VI	TẬP LUYỆN DƯỠNG SINH			
1	Tập 30 động tác dưỡng sinh	1 lần		
2	Tự xoa bóp	5 lần		
VII	DƯỢC LIỆU			
1	Nhận dạng vị thuốc tươi và mẫu khô	30 vị thuốc		
2	Bóc, gói thuốc thang	10 thang		
VIII	BỆNH ÁN Y HỌC CỔ TRUYỀN	01		

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng:

Giảng đường, phòng thực hành, cơ sở y tế có bệnh nội trú, ngoại trú

2. Trang thiết bị, máy móc:

Máy chiếu, máy vi tính, tủ thuốc Đông y, mô hình tượng các huyết

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình, sách tài liệu tham khảo, tranh châm cứu, tiêu bản dược liệu, dược điển, bộ vị thuốc mẫu y học cổ truyền

- Cân thuốc; dụng cụ chia thuốc, gói thuốc; cối và chày giã thuốc; bộ dụng cụ tiêm chích vô khuẩn; gối kê tay, gối nằm

- Kim châm cứu, ngải nhung, điều ngải, dầu xoa bóp

4. Các điều kiện khác:

Học sinh phải học xong các môn học Giải phẫu, Sinh lý, Vi sinh – Ký sinh trùng, Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Kiểm soát nhiễm khuẩn, Kỹ năng thực hành lâm sàng, Bệnh học nội khoa

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Các quy luật của học thuyết Âm dương, Ngũ hành
- + Chức năng sinh lý từng chức năng Tạng phủ
- + Đặc điểm các nguyên nhân gây bệnh
- + Đặc điểm của Tứ chẩn, Bát cương, Hội chứng bệnh Khí huyết - Tạng phủ, Bát pháp
- + Tác dụng chữa bệnh của các huyết thường dùng
- + Cách xác định và cách chọn huyết
- + Tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều chú ý khi sử dụng của các nhóm Đông dược

- Kỹ năng:

- + Cách khám bệnh dùng Tứ chẩn
- + Chẩn đoán Bát cương, hội chứng bệnh Khí huyết - Tạng phủ
- + Pháp trị
- + Lộ trình nổi của 12 đường kinh chính
- + Vị trí và tác dụng của 60 huyết thường dùng
- + Kỹ thuật châm cứu trên gối và trên người, cách xử lý tai biến khi châm cứu
- + Cách thực hiện các thủ thuật xoa bóp và áp dụng xoa bóp 05 vùng cơ thể
- + Cách thực hiện và tác dụng chữa bệnh của 30 động tác dưỡng sinh
- + Bộ phận dùng, công dụng của 30 vị thuốc thường dùng thuộc các nhóm thuốc giải biểu, thanh nhiệt, trừ hàn – lợi niệu, chữa ho, long đàm – an thần, bổ dưỡng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Sự tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn của ngành, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực học tập, các quy trình kỹ thuật của ngành y tế, nội quy, quy chế của nhà trường, cơ sở thực tập
 - + Sự chủ động trong tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến xây dựng bài học
 - + Tinh thần tự giác học tập tại các cơ sở y tế để nâng cao trình độ chuyên môn
 - + Tác phong thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình trong giao tiếp, trong việc vận dụng kiến thức về thuốc Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại để chăm sóc sức khỏe người bệnh.

2. Phương pháp:

Thành phần đánh giá		Hình thức đánh giá		Hệ số/Trọng số		Trọng số đánh giá môn học (thang điểm 10 làm tròn 01 chữ số thập phân)	
		Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
Kiểm tra	Thường xuyên	Vấn đáp trong giờ học	Vấn đáp trong giờ học	1	1	40%	40%
	Định kỳ	Trắc nghiệm MCQ 45 phút	Bóc thăm bệnh nhân làm bệnh án/tình huống lâm sàng, vấn đáp	2	2		
Thi kết thúc môn học		Trắc nghiệm MCQ	Vấn đáp xác định lộ trình kinh nối; vị trí, tác dụng dược liệu; thực hiện thủ thuật xoa bóp; tập dưỡng sinh. Đánh giá qua bảng kiểm	40%	60%	60%	60%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Y học cổ truyền được sử dụng để giảng dạy cho đối tượng Y sĩ đa khoa chính quy trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

+ Tổ chức dạy và học lý thuyết tại trường, thực tập tại cơ sở y tế.

+ Giảng viên trước khi dạy căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

+ Phối hợp các phương pháp dạy/học: Thuyết giảng có minh họa, thảo luận nhóm, làm mẫu, đặt vấn đề; tổ chức lớp học phân công nhóm thực hiện thuyết trình, thảo luận,...

+ Tổ chức đánh giá thường xuyên, đánh giá kết quả học tập định kỳ

- Đối với người học:

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện

- + Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học
- + Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm
- + Vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế lâm sàng
- + Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Quy luật học thuyết Âm dương, Ngũ hành; ứng dụng những học thuyết này trong Y học cổ truyền

- Chức năng sinh lý của các Tạng, Phủ
- Nguyên nhân gây bệnh
- Bốn phương pháp khám bệnh bằng Y học cổ truyền
- Bát cương
- Tám phương pháp điều trị bệnh theo Y học cổ truyền
- Hội chứng bệnh Khí huyết, Tạng phủ
- Cách xác định vị trí huyết
- Kỹ thuật châm cứu
- Nội dung của phương pháp dưỡng sinh
- Các nguyên tắc tập thể dục dưỡng sinh, xoa bóp
- Ưu điểm và tác dụng của xoa bóp
- Các thủ thuật xoa bóp
- Tác dụng chung và những điều cần chú ý khi dùng các nhóm thuốc giải biểu, thanh nhiệt, trừ hàn, lợi niệu, chữa ho - long đàm, an thần, bổ dưỡng
- Bộ phận dùng, công năng, chủ trị của các vị thuốc

4. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Đỗ Tất Lợi, *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Hồng Đức, 2019: 30-1050
- [2]. Lê Bảo Lưu và Tăng Khánh Huy, *Lý luận cơ bản Y học cổ truyền*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2021: 2-392
- [3]. Trịnh Thị Diệu Thường, *Châm cứu học 1*, NXB Y học, 2021: 7-231
- [4]. Trịnh Thị Diệu Thường, *Châm cứu học 2*, NXB Y học, 2021: 1-79
- [5]. Võ Trọng Tuân và Phạm Huy Hùng, *Phương pháp Dưỡng sinh*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2021: 2-166
- [6]. Võ Trọng Tuân và Nguyễn Thị Anh Đào, *Xoa bóp, bấm huyết*, NXB Y học, 2021: 2-130



[7]. Lozano, F. *Basic Theories of Traditional Chinese Medicine. Acupuncture for Pain Management*; 2013: 13-43

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Phục hồi chức năng

Mã môn học: MH24A113233

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành 29 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:

Môn học Phục hồi chức năng là môn học chuyên ngành, được bố trí ở học kỳ 6 trong chương trình đào tạo ngành Y sĩ trình độ cao đẳng chính quy.

- Tính chất:

Môn học này là môn học kết hợp lý thuyết với thực hành, trang bị cho sinh viên những kiến thức về nhu cầu cơ bản về chương trình Phục hồi chức năng, đồng thời rèn luyện đạo đức tác phong người y sĩ trong công tác chăm sóc và phục hồi chức năng cho người bệnh, cũng như những kỹ năng thực hiện những kỹ thuật cơ bản phục hồi chức năng cho một số dạng bệnh.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu.

+ Trình bày được một số chương trình phục hồi chức năng cho một số dạng bệnh thường gặp.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được một số kỹ thuật để phục hồi chức năng cho người bệnh.

+ Hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ tự chăm sóc, luyện tập phục hồi chức năng tại bệnh viện và tại nhà.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần tự học và chịu trách nhiệm trong quá trình chăm sóc phục hồi chức năng cho bệnh nhân.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: Đại cương về Phục hồi chức năng 1. Quá trình tàn tật và cách phòng ngừa 1.1. Quá trình tàn tật 1.2. Phòng ngừa tàn tật 2. Đại cương về y học phục hồi 2.1. Định nghĩa 2.2. Các bước phát triển của y học 3. Vai trò của người cán bộ y tế trong PHCN 3.1. Chức năng phát hiện 3.2. Chức năng phối hợp	2	2	0	
2	Chương 1: Một số phương pháp Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng 1. Các phương pháp vật lý trị liệu thường dùng 2. Vật động trị liệu 2.1. Định nghĩa: 2.2. Mục đích vận động trị liệu 2.3. Tác dụng sinh học của vận động cơ cơ 2.4. Phân loại vận động 2.5. Những điều cần chú ý 3. Hoạt động trị liệu 3.1. Định nghĩa 3.2. Mục đích 3.3. Nguyên tắc điều trị 3.4. Các hoạt động 4. Xoa bóp trị liệu 4.1. Định nghĩa 4.2. Hiệu quả sinh lý của xoa bóp 4.3. Kỹ thuật xoa bóp 4.4. Chỉ định xoa bóp 4.5. Chống chỉ định 5. Kéo nắn trị liệu 5.1. Định nghĩa 5.2. Nguyên nhân tắc nghẽn khớp	8	3	5	

	<p>5.3. Triệu chứng của tắc nghẽn khớp 5.4. Hậu quả của tắc nghẽn khớp 5.5. Nguyên tắc kéo nắn 6. Chườm nóng, chườm lạnh 6.1. Chườm nóng 6.2. Chườm lạnh 7. Ánh sáng trị liệu 7.1. Định nghĩa 7.2. Từ ngoại trị liệu 7.3. Hồng ngoại trị liệu 8. Điện trị liệu 8.1. Dòng điện thấp tần 8.2. Dòng điện xung trung tần trị liệu: Dòng trên 5000Hz 8.3. Dòng điện cao tần trị liệu: Sóng ngắn 8.4. Siêu âm trị liệu</p>				
3	<p>Chương 2: Phục hồi chức năng bệnh khớp 1. Đại cương 2. Triệu chứng 2.1. Triệu chứng cơ năng 2.2. Triệu chứng thực thể 2.3. Cận lâm sàng 3. Hậu quả của bệnh khớp 4. Phục hồi chức năng 4.1. Tư thế tốt 4.2. Các biện pháp giảm đau, chống viêm cải thiện tuần hoàn khớp. 4.3. Các biện pháp ngăn ngừa teo cơ, yếu cơ và cứng khớp 4.4. Các biện pháp cải thiện chuyển hóa dinh dưỡng chung cho cơ thể. 4.5. Nhiệm vụ của người cán bộ y tế</p>	4	1	3	
4	<p>Chương 3: Phục hồi chức năng bệnh nhân gãy xương 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Nguyên nhân 1.3. Tiến triển gãy xương 1.4. Biến chứng 2. Phục hồi chức năng 2.1. Trường hợp gãy xương trước bó bột, phẫu thuật</p>	3	1	2	

T
SNG
AN
TÈ
GIAI
★

	<p>2.2. Trường hợp bó bột hoặc kéo tạ sau kéo nắn chỉnh hình</p> <p>2.3. PHCN sau tháo bột</p> <p>2.4. PHCN sau phẫu thuật mổ xương gãy</p> <p>3. Nhiệm vụ của người cán bộ y tế</p>				
5	<p>Chương 4: Phục hồi chức năng hô hấp</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Phục hồi chức năng</p> <p>2.1. Kỹ thuật dẫn lưu tư thế</p> <p>2.2. Kỹ thuật vỗ lồng ngực</p> <p>2.3. Kỹ thuật rung</p> <p>2.4. Kỹ thuật ho và khạc đờm có hiệu quả</p> <p>2.5. Kỹ thuật tập thở</p> <p>2.6. Kỹ thuật thư giãn</p> <p>3. Nhiệm vụ của người cán bộ y tế</p> <p>3.1. Hướng dẫn giải thích bệnh nhân hiểu mục đích ý nghĩa của sự tập luyện.</p> <p>3.2. Hàng ngày người cán bộ y tế có thể trực tiếp điều trị cho các bệnh nhân.</p> <p>3.3. Thử tự các động tác cần làm</p>	5	1	4	
	Kiểm tra	1	0	0	1 (TH)
6	<p>Chương 5: Phục hồi chức năng trước sau phẫu thuật</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. PHCN sau phẫu thuật lồng ngực</p> <p>2.1. Mục đích của PHCN</p> <p>2.2. PHCN trước phẫu thuật</p> <p>2.3. PHCN sau phẫu thuật</p> <p>3. PHCN sau phẫu thuật ổ bụng</p> <p>3.1. Mục đích của PHCN</p> <p>3.2. PHCN trước phẫu thuật</p> <p>3.3. PHCN sau phẫu thuật</p>	4	1	3	
7	<p>Chương 6: Phục hồi chức năng sản phụ</p> <p>1. Mục đích luyện tập</p> <p>2. Các hình thức và nguyên tắc tập luyện</p> <p>2.1. Các hình thức tập luyện</p> <p>2.2. Nguyên tắc tập luyện</p> <p>3. Những chỉ định khi tập luyện</p> <p>3.1. Đối với kỹ thuật viên, bác sĩ</p> <p>3.2. Đối với sản phụ</p> <p>4. Các bài tập cho người phụ nữ khi mang</p>	3	1	2	

	thai 4.1. Tập ở tư thế ngồi 4.2. Tập ở tư thế nằm. 4.3. Tập ở tư thế đứng 4.4. Luyện tập kỹ thuật rặn đẻ 4.5. Chương trình tại nhà 5. PHCN sau sinh trong tuần đầu 5.1. Mục đích 5.2. Phục hồi chức năng sau đẻ thường tuần đầu 6. Chương trình về nhà				
8	Chương 7: Phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt nửa người 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng 4. Hậu quả của liệt nửa người 5. Phục hồi chức năng 5.1. Nguyên tắc của PHCN 5.2. Mục đích PHCN 5.3. Các phương pháp PHCN 6. Nhiệm vụ của người cán bộ y tế	7	2	5	0
	Kiểm tra	1	0	0	1 (LT)
9	Chương 8: Phục hồi chức năng cho bệnh nhân tổn thương thần kinh ngoại biên 1. Đại cương 2. Triệu chứng 3. Điều trị 4. Phục hồi chức năng 4.1. Mục đích PHCN 4.2. Phương pháp PHCN 5. Nhiệm vụ của người cán bộ y tế	4	1	3	
10	Chương 9: Phục hồi chức năng cho trẻ bại não 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân 2.1. Trước khi sinh 2.2. Trong khi sinh 2.3. Sau khi sinh 2.4. Không rõ nguyên nhân	3	1	2	

3. Một số dấu hiệu nhận biết sớm 4. Phân loại 4.1. Thể lâm sàng 4.2. Theo mức độ 5. Phục hồi chức năng 5.1. Nguyên tắc 5.2. Hướng dẫn gia đình trẻ bại não một số kỹ thuật cụ thể để PHCN tại nhà. 5.3. Tập luyện hướng dẫn cho trẻ và gia đình các hoạt động trong sinh hoạt hàng ngày				
TỔNG CỘNG	45	14	29	2

2. Nội dung chi tiết

Bài mở đầu: Khái niệm về Phục hồi chức năng

Thời gian 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đại cương về Phục hồi chức năng (PHCN).
- Lập được sơ đồ bệnh tật và cách phòng ngừa.
- Nhận thức đúng vai trò của PHCN trong phòng ngừa tàn tật.

2. Nội dung bài:

2.1. Quá trình tàn tật và cách phòng ngừa

2.1.1. Quá trình tàn tật

2.1.2. Phòng ngừa tàn tật

2.1.2.1. Phòng ngừa tàn tật bước 1

2.1.2.2. Phòng ngừa tàn tật bước 2

2.1.2.3. Phòng ngừa tàn tật bước 3

2.2. Đại cương về y học phục hồi

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Các bước phát triển của y học

2.2.2.1. Y học lâm sàng

2.2.2.2. Y học dự phòng (YHDP)

2.2.2.3. Y học phục hồi

2.3. Vai trò của người cán bộ y tế trong PHCN

2.3.1. Chức năng phát hiện

2.3.2. Chức năng phối hợp

Chương 1: Một số phương pháp Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng

Thời gian 8 giờ (3 LT, 5 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được 7 phương pháp PHCN
- Thực hiện được 7 phương pháp PHCN
- Nhận thức đúng vai trò của PHCN trong phòng ngừa tàn tật

2. Nội dung bài:

2.1. Các phương pháp vật lý trị liệu thường dùng

2.2. Vật động trị liệu:

2.2.2. Mục đích vận động trị liệu

2.2.3. Tác dụng sinh học của vận động cơ cơ

2.2.4. Phân loại vận động

2.2.5. Những điều cần chú ý

2.3. Hoạt động trị liệu

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Mục đích

2.3.3. Nguyên tắc điều trị

2.3.4. Các hoạt động

2.4. Xoa bóp trị liệu

2.4.1 Định nghĩa

2.4.2. Hiệu quả sinh lý của xoa bóp

2.4.3. Kỹ thuật xoa bóp

2.4.4. Chỉ định xoa bóp

2.4.5. Chống chỉ định

2.5. Kéo nắn trị liệu

2.5.1. Định nghĩa

2.5.2. Nguyên nhân tắc nghẽn khớp

2.5.3. Triệu chứng của tắc nghẽn khớp

2.5.4. Hậu quả của tắc nghẽn khớp

2.5.5. Nguyên tắc kéo nắn

2.6. Chườm nóng, chườm lạnh

- 2.6.1. Chườm nóng
 - 2.6.1.1. Tác dụng sinh lý
 - 2.6.1.2. Một số yếu tố ảnh hưởng tác dụng của chườm nóng
 - 2.6.1.3 Chỉ định
 - 2.6.1.4. Chống chỉ định
- 2.6.2. Chườm lạnh
 - 2.6.2.1. Tác dụng sinh lý
 - 2.6.2.2. Chỉ định
 - 2.6.2.3. Chống chỉ định
- 2.7. Ánh sáng trị liệu
 - 2.7.1. Định nghĩa
 - 2.7.2. Tử ngoại trị liệu
 - 2.7.2.1. Nguồn gốc
 - 2.7.2.2. Tác dụng sinh lý
 - 2.7.2.3. Liều lượng
 - 2.7.2.4. Chỉ định
 - 2.7.2.5. Chống chỉ định
 - 2.7.3. Hồng ngoại trị liệu
 - 2.7.3.1. Nguồn gốc
 - 2.7.3.2. Tác dụng sinh lý
 - 2.7.3.3. Kỹ thuật
 - 2.7.3.4. Chỉ định
 - 2.7.3.5. Chống chỉ định
- 2.8. Điện trị liệu
 - 2.8.1. Dòng điện thấp tần
 - 2.8.1.1. Dòng galvanic: Dòng điện một chiều có cường độ không đổi
 - 2.8.1.2. Dòng điện xung trị liệu
 - 2.8.2. Dòng điện xung trung tần trị liệu: Dòng trên 5000Hz
 - 2.8.2.1. Tác dụng sinh lý
 - 2.8.2.2. Các loại dòng
 - 2.8.3. Dòng điện cao tần trị liệu: Sóng ngắn
 - 2.8.3.1. Tác dụng sinh lý
 - 2.8.3.2. Chống chỉ định

2.8.3.3. Chỉ định

2.8.4. Siêu âm trị liệu

2.8.4.1. Tác dụng sinh lý

2.8.4.2. Kỹ thuật điều trị

2.8.4.3. Chỉ định

2.8.4.4. Chống chỉ định

Chương 2: Phục hồi chức năng bệnh khớp Thời gian 4 giờ (1 LT, 3 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đại cương một số bệnh lý khớp.
- Trình bày được chương trình PHCN bệnh khớp.
- Thực hiện được chương trình PHCN bệnh khớp.
- Nhận thức đúng vai trò của PHCN bệnh lý khớp.

2. Nội dung bài:

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.2.1. Triệu chứng cơ năng

2.2.2. Triệu chứng thực thể

2.2.3. Cận lâm sàng

2.3. Hậu quả của bệnh khớp

2.4. Phục hồi chức năng

2.4.1. Tư thế tốt

2.4.2. Các biện pháp giảm đau, chống viêm cải thiện tuần hoàn khớp.

2.4.3. Các biện pháp ngăn ngừa teo cơ, yếu cơ và cứng khớp

2.4.3.1. Giai đoạn cấp tính

2.4.3.2. Giai đoạn bán cấp và mãn tính.

2.4.4. Các biện pháp cải thiện chuyển hóa dinh dưỡng chung cho cơ thể.

2.4.5. Nhiệm vụ của người cán bộ y tế

Chương 3: Phục hồi chức năng bệnh nhân gãy xương

Thời gian: 3 giờ (1 LT, 2 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đại cương một số bệnh lý gãy xương.
- Trình bày được chương trình PHCN bệnh lý gãy xương.
- Thực hiện được chương trình PHCN bệnh gãy xương.

- Nhận thức đúng vai trò của PHCN bệnh lý gãy xương.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Tiến triển gãy xương

2.1.4. Biến chứng

2.1.4.1 Các biến chứng thường có trên các bệnh nhân

2.1.4.2. Các biến chứng ít gặp hơn

2.2. Phục hồi chức năng

2.2.1. Trường hợp gãy xương trước bó bột, phẫu thuật

2.2.2. Trường hợp bó bột hoặc kéo tạ sau kéo nắn chỉnh hình

2.2.2.1. Mục đích PHCN

2.2.2.2. Phương pháp PHCN

2.2.3. PHCN sau tháo bột

2.2.3.1. Mục đích PHCN

2.2.3.2. Phương pháp PHCN

2.2.3.2.1. Điều trị hội chứng Sudeck và vùng cơ teo

2.2.3.2.2. Kéo dẫn cơ vùng bó bột bị co rút

2.2.4. PHCN sau phẫu thuật mổ xương gãy

2.2.4.1. Mục đích phục hồi

2.2.4.2. Phương pháp

2.3. Nhiệm vụ của người cán bộ y tế

Chương 4: Phục hồi chức năng hô hấp

Thời gian: 5 giờ (1 LT, 4 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đại cương một số bệnh lý hô hấp.

- Trình bày được chương trình PHCN bệnh hô hấp.

- Thực hiện được chương trình PHCN bệnh hô hấp

- Nhận thức đúng vai trò của PHCN bệnh lý hô hấp.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.2. Phục hồi chức năng

2.2.1. Kỹ thuật dẫn lưu tư thế

- 2.2.1.1. Chỉ định
- 2.2.1.2. Kỹ thuật
- 2.2.2. Kỹ thuật vỡ lồng ngực
 - 2.2.2.1. Mục đích
 - 2.2.2.2. Kỹ thuật vỡ
- 2.2.3. Kỹ thuật rung
 - 2.2.3.1. Mục đích
 - 2.2.3.2. Kỹ thuật rung
- 2.2.4. Kỹ thuật ho và khạc đờm có hiệu quả
 - 2.2.4.1. Mục đích
 - 2.2.4.2. Kỹ thuật
- 2.2.5. Kỹ thuật tập thở
 - 2.2.5.1. Mục đích
 - 2.2.5.2. Kỹ thuật
- 2.2.6. Kỹ thuật thư giãn
 - 2.2.6.1. Mục đích
 - 2.2.6.2. Kỹ thuật
- 2.3. Nhiệm vụ của người cán bộ y tế
 - 2.3.1. Hướng dẫn giải thích bệnh nhân hiểu mục đích ý nghĩa của sự tập luyện.
 - 2.3.2. Hàng ngày người cán bộ y tế có thể trực tiếp điều trị cho các bệnh nhân.
 - 2.3.3. Thứ tự các động tác cần làm

Kiểm tra

Thời gian: 1 giờ (TH)

Chương 5: Phục hồi chức năng trước sau phẫu thuật

Thời gian: 4 giờ (1 LT, 3 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đại cương về trước và sau phẫu thuật.
- Trình bày được chương trình PHCN trước và sau phẫu thuật
- Thực hiện được chương trình PHCN trước và sau phẫu thuật
- Nhận thức đúng vai trò của PHCN trước và sau phẫu thuật

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.2. PHCN sau phẫu thuật lồng ngực

2.2.1. Mục đích của PHCN

DÁP
TR
CÁC
TIẾ

- 2.2.2. PHCN trước phẫu thuật
- 2.2.3. PHCN sau phẫu thuật.
 - 2.2.3.1. Ngày đầu sau mổ.
 - 2.2.3.2. Các ngày sau.
 - 2.2.3.3. Sau 5-10 ngày bệnh nhân có thể ngồi dậy
- 2.3. PHCN sau phẫu thuật ổ bụng
 - 2.3.1. Mục đích của PHCN
 - 2.3.2. PHCN trước phẫu thuật
 - 2.3.3. PHCN sau phẫu thuật
 - 2.3.3.1. Ngày đầu sau mổ
 - 2.3.3.2. Ngày thứ 2-3 sau mổ
 - 2.3.3.3. Những ngày sau.

Chương 6: Phục hồi chức năng sản phụ

Thời gian 3 giờ (1 LT, 2 TH)

- 1. Mục tiêu:
 - Trình bày được đại cương về PHCN sản phụ
 - Trình bày được chương trình PHCN sản phụ
 - Thực hiện được chương trình PHCN sản phụ
 - Nhận thức đúng vai trò của PHCN sản phụ
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Mục đích luyện tập
 - 2.2. Các hình thức và nguyên tắc tập luyện
 - 2.2.1. Các hình thức tập luyện
 - 2.2.2. Nguyên tắc tập luyện
 - 2.3. Những chỉ định khi tập luyện
 - 2.3.1. Đối với kỹ thuật viên, bác sĩ
 - 2.3.2. Đối với sản phụ.
 - 2.4. Các bài tập cho người phụ nữ khi mang thai
 - 2.4.1. Tập ở tư thế ngồi
 - 2.4.2. Tập ở tư thế nằm.
 - 2.4.3. Tập ở tư thế đứng
 - 2.4.4. Luyện tập kỹ thuật rặn đẻ
 - 2.4.5. Chương trình tại nhà
 - 2.5. PHCN sau sinh trong tuần đầu

2.5.1. Mục đích

2.5.2. Phục hồi chức năng sau đẻ thường tuần đầu

2.6. Chương trình về nhà

Chương 7: Phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt nửa người

Thời gian 7 giờ (2 LT, 5TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đại cương một số bệnh lý liệt nửa người
- Trình bày được chương trình PHCN bệnh lý liệt nửa người.
- Thực hiện được chương trình PHCN bệnh lý liệt nửa người.
- Nhận thức đúng vai trò của PHCN bệnh lý liệt nửa người.

2. Nội dung chương:

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân

2.3. Triệu chứng

2.4. Hậu quả của liệt nửa người

2.5. Phục hồi chức năng

2.5.1. Nguyên tắc của PHCN

2.5.2. Mục đích PHCN

2.5.3. Các phương pháp PHCN

2.5.3.1. PHCN vận động giai đoạn đầu

2.5.3.2. PHCN vận động giai đoạn tiếp theo

2.5.3.3. PHCN sinh hoạt

2.5.3.4. PHCN tiếng

2.5.3.5. PHCN tâm lý, tâm thần

2.5.3.6. Tái hòa nhập xã hội và hướng nghiệp

2.6. Nhiệm vụ của người cán bộ y tế

Kiểm tra

Thời gian 1 giờ (LT)

Chương 8. Phục hồi chức năng cho bệnh nhân tổn thương thần kinh ngoại biên

Thời gian 4 giờ (1 LT, 3 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đại cương một số bệnh lý tổn thương thần kinh ngoại biên
- Trình bày được chương trình PHCN tổn thương thần kinh ngoại biên
- Thực hiện được chương trình PHCN tổn thương thần kinh ngoại biên

- Nhận thức đúng vai trò của PHCN tổn thương thần kinh ngoại biên

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.2. Triệu chứng

2.3. Điều trị

2.4. Phục hồi chức năng

2.4.1. Mục đích PHCN

2.4.2. Phương pháp PHCN

2.4.2.1. Ngừa biến dạng chi

2.4.2.2. Sung nề hoặc teo nhão vùng tổn thương

2.4.2.3. Duy trì tối đa tầm hoạt động khớp

2.4.2.4. Gia tăng sức mạnh nhóm cơ liệt

2.4.2.5. Tái rèn luyện chức năng vận động

2.5. Nhiệm vụ của người cán bộ y tế

Chương 9: Phục hồi chức năng cho trẻ bại não

Thời gian 3 giờ (1 LT, 2 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đại cương bệnh lý bại não
- Trình bày được chương trình PHCN bại não
- Thực hiện được chương trình PHCN bại não
- Nhận thức đúng vai trò của PHCN bại não

2. Nội dung chương:

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Trước khi sinh

2.2.2. Trong khi sinh

2.2.3. Sau khi sinh

2.2.4. Không rõ nguyên nhân

2.3. Một số dấu hiệu nhận biết sớm

2.4. Phân loại

2.4.1. Thể lâm sàng

2.4.1.1. Thể co cứng

2.4.1.2. Thể múa vờn

2.4.1.3. Thể thất điều

2.4.1.4. Thể phối hợp

2.4.2. Theo mức độ

2.4.2.1. Loại nhẹ

2.4.2.2. Loại vừa

2.4.2.3. Loại nặng

2.5. Phục hồi chức năng

2.5.1. Nguyên tắc:

2.5.2. Hướng dẫn gia đình trẻ bại não một số kỹ thuật cụ thể để PHCN tại nhà

2.5.2.1. Thể co cứng

2.5.2.2. Thể múa vờn

2.5.2.3. Thể thất điều

2.5.2.4. Thể phối hợp

2.5.3. Tập luyện hướng dẫn cho trẻ và gia đình các hoạt động trong sinh hoạt hàng ngày

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: phòng học lý thuyết, phòng thực hành PHCN.

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy vi tính, màn chiếu, dàn âm thanh, trang thiết bị chuyên ngành PHCN.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng đen, phấn, giáo trình, dụng cụ thực tập tại phòng thực tập PHCN

4. Các điều kiện khác:

Sinh viên phải học xong các môn học: Giải phẫu - Sinh lý, Vi sinh - Ký sinh trùng, Sinh lý bệnh, Bệnh học nội, Bệnh học ngoại.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu.

+ Trình bày được một số chương trình phục hồi chức năng cho một số dạng bệnh thường gặp.

- Kỹ năng:

+Thực hiện được một số kỹ thuật để phục hồi chức năng cho người bệnh.

+ Hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ tự chăm sóc, luyện tập phục hồi chức năng tại bệnh viện và tại nhà.



- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có tinh thần tự học và chịu trách nhiệm trong quá trình chăm sóc PHCN cho bệnh nhân.

2. Phương pháp:

- Hình thức đánh giá: trắc nghiệm, vấn đáp, thuyết trình, kỹ năng theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1):

+ Số cột: ít nhất 01 cột (Lý thuyết)

+ Hình thức: Bài tập nhóm hoặc thuyết trình được xác nhận có tham gia hoặc kiểm tra hình thức trắc nghiệm (chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án; chọn đáp án đúng hoặc sai). Giảng viên có thông báo trước.

- Kiểm tra định kỳ (hệ số 2):

+ Số cột: ít nhất 01 cột (Thực hành)

+ Hình thức: thực hiện kỹ thuật bất kỳ do GV chỉ định, đánh giá theo quy trình của bảng kiểm.

- Thi kết thúc môn học”

Lý thuyết: kiểm tra trắc nghiệm, chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án; chọn đáp án đúng hoặc sai. Chiếm 50% điểm kiểm tra kết thúc môn học.

Thực hành: Chiếm 50% điểm kiểm tra kết thúc môn học. Bằng hình thức bốc thăm và thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng trong chương trình môn học, đánh giá theo quy trình bảng kiểm.

* Tính điểm môn học:

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

- Điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4 theo phương thức tích lũy tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Phục hồi chức năng sử dụng để giảng dạy ngành, nghề Y sĩ trình độ cao đẳng chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, đàm thoại, làm mẫu để học sinh dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào chăm sóc bệnh nhân

- Đối với người học:

+ Thực hiện đúng theo Quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ áp dụng cho khóa học đó.

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học. Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm 0 (điểm không) ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó”.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập, bài kiểm tra theo chương trình môn học.

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết vào lâm sàng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Những kiến thức cơ bản về Phục hồi chức năng - Vật lý trị liệu.

- Một số chương trình phục hồi chức năng cho một số dạng bệnh thường gặp.

- Thực hiện được một số kỹ thuật để phục hồi chức năng cho người bệnh.

- Hướng dẫn người bệnh và người nhà của họ tự chăm sóc, luyện tập phục hồi chức năng tại bệnh viện và tại nhà.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Cao Minh Châu, Phục hồi chức năng, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019.

[2]. Nguyễn Thị Xuyên, Phục hồi chức năng, NXB Y học, 2018.

[3]. Phạm Quang Lung, Giáo trình Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng, NXB Y học Hà Nội, 2020.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực tập cộng đồng

Mã môn học: MH24A113234

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 88 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Thực tập cộng đồng là môn học chuyên ngành, thuộc phần các môn học chuyên ngành, được bố trí giảng dạy ở học kỳ 6 cho đối tượng Y sĩ cao đẳng sau khi học xong các môn cơ sở ngành và các môn chuyên ngành.

- Tính chất: Thực tập cộng đồng là môn học thực tế, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về mô hình hoạt động và chức năng của tuyến y tế cơ sở cũng như tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận cộng đồng, tìm hiểu các yếu tố môi trường, kinh tế, văn hóa, xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân trong cộng đồng và tình hình mắc một số vấn đề sức khỏe thường gặp và lập kế hoạch can thiệp phù hợp

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

Trình bày các đặc điểm về

+ Tổ chức, hoạt động của tuyến y tế cơ sở

+ Nội dung hoạt động của một số chương trình y tế quốc gia

+ Các hình thức sử dụng dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe

- Kỹ năng:

+ Giáo dục sức khỏe tại cộng đồng, vận động nhân dân bảo vệ và nâng cao sức khỏe

+ Phát hiện được các nhu cầu sức khỏe, các vấn đề ảnh hưởng tới sức khỏe người dân tại cộng đồng và đề xuất kế hoạch, biện pháp giải quyết

+ Lập kế hoạch can thiệp và bước đầu can thiệp thông qua tổ chức giáo dục sức khỏe tại cộng đồng

+ Thực hành quản lý sức khỏe tại cộng đồng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Vận dụng kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống bất ngờ khi vắng gia, tham vấn hay phân tích vấn đề sức khỏe trong cộng đồng để họ hợp tác, hỗ trợ trong quá trình hoạt động bảo vệ sức khỏe

+ Tôn trọng, lắng nghe ý kiến của người dân

+ Nghiêm túc thực hiện đúng nội quy học tập tại cộng đồng

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	<p>Chương 1: Tổ chức, hoạt động của Trạm Y tế xã/phường/thị trấn</p> <p>1. Tổ chức y tế xã/phường/thị trấn của Việt Nam hiện nay</p> <p>1.1. Trạm Y tế xã/phường/thị trấn</p> <p>1.2. Nhân viên y tế thôn/ bản/ấp</p> <p>2. Chức năng, nhiệm vụ và quản lý các dịch vụ y tế cơ bản của y tế xã/phường/thị trấn</p> <p>2.1 Nhiệm vụ của Trạm y tế xã</p> <p>2.2. Hoạt động thường quy Trạm y tế xã/phường</p> <p>2.3. Một số dịch vụ y tế chủ yếu tại y tế xã/phường/thị trấn</p> <p>2.4. Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã đến năm 2030</p> <p>3. Nhận xét về tổ chức và hoạt động y tế xã/phường</p> <p>3.1. Thu thập những thông tin cần thiết</p> <p>3.2. Nhận xét một số nội dung quản lý bằng bảng kiểm</p> <p>3.3. Nhận xét thực hiện một số dịch vụ y tế chủ yếu tại xã/phường</p>	4	0	4	0
	<p>Chương 2: Thực hành giáo dục sức khỏe tại cộng đồng</p> <p>1. Phương pháp và phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng</p> <p>1.1. Phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng</p> <p>1.2. Các phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng</p> <p>2. Các bước trong tổ chức truyền thông</p>	11	0	11	
		1		1	
		1		1	

<p>giáo dục sức khỏe và các đối tác có thể tham gia hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng</p> <p>2.1. Các bước trong tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng</p> <p>2.2. Các đối tác có thể tham gia vào hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng</p> <p>3. Một số kỹ năng cần chú ý trong truyền thông giáo dục sức khỏe trực tiếp tại cộng đồng</p> <p>3.1. Kỹ năng làm quen</p> <p>3.2. Kỹ năng nói</p> <p>3.3. Kỹ năng đặt câu hỏi</p> <p>3.4. Kỹ năng lắng nghe</p> <p>3.5. Kỹ năng giải thích</p> <p>3.6. Kỹ năng sử dụng tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe</p> <p>3.7. Kỹ năng khuyến khích, động viên, khen ngợi</p> <p>3.8. Kỹ năng đặt câu hỏi kiểm tra sau truyền thông giáo dục sức khỏe</p> <p>4. Hướng dẫn thực hành truyền thông giáo dục sức khỏe trực tiếp tại cộng đồng</p> <p>4.1. Tổ chức nói chuyện giáo dục sức khỏe</p> <p>4.2. Tổ chức thảo luận nhóm giáo dục sức khỏe tại cộng đồng</p> <p>4.3. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho cá nhân</p> <p>4.4. Thăm hộ gia đình thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe</p> <p>4.5. Các phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe trực tiếp khác ở cộng đồng</p> <p>5. Hướng dẫn sử dụng bảng kiểm rèn luyện kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng</p> <p>6. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, vận động thực hiện một vấn đề sức khỏe trong cộng đồng</p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>1</p> <p>5</p>		<p>1</p> <p>2</p> <p>1</p> <p>5</p>	
<p>Chương 3: Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Hướng dẫn thực hành một số phương</p>	<p>2</p>	<p>0</p>	<p>2</p>	

<p>pháp cộng đồng cùng tham gia trong xác định vấn đề ưu tiên</p> <p>2.1. Phương pháp ghi chép từ phỏng vấn và thảo luận nhóm</p> <p>2.2. Các phương pháp kích thích sự tham gia của cộng đồng vào xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên</p> <p>3. Một phương pháp hỗ trợ kiểm tra chéo thông tin</p> <p>3.1. Nên hỏi và thảo luận với nhiều nhóm đối tượng khác nhau</p> <p>3.2. Nên áp dụng nhiều phương pháp thu thập thông tin</p>				
<p>Chương 4: Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin</p> <p>1. Các kỹ thuật thu thập thông tin sức khỏe cơ bản tại tuyến xã</p> <p>1.1. Một số khái niệm</p> <p>1.2. Quan sát</p> <p>1.3. Vấn đáp</p> <p>1.4. Hồi cứu, sử dụng tư liệu sẵn có</p> <p>1.5. Phối hợp các kỹ thuật</p> <p>2. Bộ câu hỏi và sử dụng bộ câu hỏi</p> <p>2.1. Nguyên tắc xây dựng bộ câu hỏi</p> <p>2.2. Các loại câu hỏi</p> <p>2.3 Cấu trúc bộ câu hỏi</p> <p>2.4. Kiểm tra tính sát hợp của bộ câu hỏi đã soạn thảo để hoàn chỉnh lần cuối</p> <p>3. Bảng kiểm và sử dụng bảng kiểm</p> <p>4. Bệnh án nghiên cứu</p> <p>4.1. Sự khác nhau giữa bệnh án bệnh phòng và bệnh án nghiên cứu</p> <p>4.2. Biên soạn bệnh án nghiên cứu</p> <p>4.3. Cấu trúc chung của bệnh án nghiên cứu</p>	3	0	3	
<p>Chương 5: Lập kế hoạch hoạt động can thiệp</p> <p>1. Các bước lập kế hoạch can thiệp giải quyết một vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng</p> <p>1.1. Các câu hỏi đặt ra khi tiến hành lập kế hoạch của cộng đồng</p> <p>1.2. Các bước lập kế hoạch</p>	9	0	9	

TF
CA
TIẾ

<p>1.3. Mẫu viết một bản kế hoạch hoạt động can thiệp theo tiến trình thời gian</p> <p>2. Các yêu cầu và nguyên tắc chọn ưu tiên cho kế hoạch</p> <p>3. Thực hành lập kế hoạch can thiệp</p> <p>3.1. Xác định và viết tên vấn đề sức khỏe ưu tiên</p> <p>3.2. Xác định và viết tên kế hoạch</p> <p>3.3. Xác định và viết mục tiêu cho kế hoạch can thiệp</p> <p>3.4. Xác định và viết giải pháp, hoạt động, xác định chi phí cho từng giải pháp, hoạt động và dự kiến kết quả</p> <p>3.5. Mẫu viết một bản kế hoạch hoạt động can thiệp theo tiến trình thời gian</p> <p>4. Thực hành lập kế hoạch can thiệp cụ thể trong phòng chống dịch, vệ sinh phòng bệnh tại cụm dân cư, phòng chống các bệnh xã hội, suy dinh dưỡng, bệnh không lây nhiễm, nâng cao chất lượng dân số - kế hoạch hóa gia đình,...</p>	1		1	
	1		1	
	5		5	
Kiểm tra	1	0	0	1
<p>Chương 6: Hướng dẫn viết báo cáo kết quả thực địa cộng đồng</p> <p>1. Thành phần chính của báo cáo</p> <p>2. Đặt vấn đề</p> <p>3. Nội dung và lịch trình thực hành tại cộng đồng</p> <p>4. Phương pháp và kỹ thuật thu thập số liệu</p> <p>5. Kết quả và nhận xét</p> <p>6. Kết luận và kiến nghị</p> <p>7. Phụ lục</p> <p>8. Yêu cầu về hình thức của báo cáo</p> <p>8.1. Nội dung</p> <p>8.2. Hình thức</p>	5	0	5	

Chương 7: Dân số và kế hoạch hóa gia đình 1. Xác định các số liệu cần thu thập 2. Đối tượng cần hỏi, phỏng vấn khi tổ chức điều tra 3. Phương pháp thu thập số liệu 3.1. Phương pháp nghiên cứu định tính 3.1.1. Phỏng vấn sâu 3.1.2. Thảo luận nhóm trọng tâm 3.1.3. Một số kỹ thuật khai thác thông tin liên quan đến dân số và kế hoạch hóa gia đình 3.2. Phương pháp nghiên cứu định lượng	5	0	5	
Thực hành các hoạt động thường quy tại Trạm Y tế	24	0	24	0
Kiểm tra	1	0	0	1
Thực địa cộng đồng thu thập số liệu, viết báo cáo về một vấn đề sức khỏe trong cộng đồng	25	0	25	0
Cộng	90	0	88	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Tổ chức, hoạt động của Trạm Y tế xã/phường/thị trấn

Thời gian 04 giờ (00 LT, 04 TH)

1. Mục tiêu:

- Nhận xét các ưu điểm và tồn tại về tổ chức, xây dựng và nguồn lực hiện có của y tế một xã /phường cụ thể.

- Nhận xét được hoạt động quản lý thông tin theo sổ sách, lập kế hoạch hành động, giám sát và đánh giá hoạt động y tế tại trạm y tế xã/phường.

- Nhận xét được việc thực hiện dịch vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em – kế hoạch hóa gia đình và cung cấp thuốc thiết yếu tại xã/phường dựa trên Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã

- Vẽ được sơ đồ cơ cấu tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế

2. Nội dung của chương:

2.1. Tổ chức y tế xã/phường/thị trấn của Việt Nam hiện nay

2.1.1. Trạm Y tế xã/phường/thị trấn

2.1.2. Nhân viên y tế thôn/ bản/ấp

2.2. Chức năng, nhiệm vụ và quản lý các dịch vụ y tế cơ bản của y tế xã/phường/thị trấn

2.2.1. Chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã

2.2.2. Hoạt động thường quy Trạm y tế xã/phường

2.2.3. Một số dịch vụ y tế chủ yếu tại y tế xã/phường/thị trấn

2.2.4. Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã đến năm 2030

2.3. Nhận xét về tổ chức và hoạt động y tế xã/phường

2.3.1. Thu thập những thông tin cần thiết

2.3.2. Nhận xét một số nội dung quản lý bằng bảng kiểm

2.3.3. Nhận xét thực hiện một số dịch vụ y tế chủ yếu tại xã/phường

Chương 2: Thực hành giáo dục sức khỏe tại cộng đồng

Thời gian 11 giờ (00 LT, 11 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các bước chính trong tổ chức truyền thông – giáo dục sức khỏe và liệt kê các đối tác có thể tham gia hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

- Sử dụng bảng kiểm để nhận xét các ưu điểm và tồn tại trong thực hiện các phương pháp truyền thông – giáo dục sức khỏe trực tiếp tại cộng đồng.

- Tham gia thực hiện các hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe tại cộng đồng dưới sự hướng dẫn phối hợp của cán bộ y tế địa phương.

2. Nội dung của chương:

2.1. Phương pháp và phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng

2.1.1. Phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng

2.1.1.1. Phương pháp truyền thông gián tiếp

2.1.1.2. Phương pháp truyền thông trực tiếp

2.1.2. Các phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng

2.1.2.1. Phương tiện truyền thông

2.1.2.2. Phương tiện in ấn

2.1.2.3. Phương tiện nghe nhìn

2.1.2.3. Các mô hình hiện vật

2.1.2.4. Lời nói trực tiếp

2.2. Các bước trong tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe và các đối tác có thể tham gia hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng

2.2.1. Các bước trong tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng

2.2.2. Các đối tác có thể tham gia vào hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng

2.3. Một số kỹ năng cần chú ý trong truyền thông giáo dục sức khỏe trực tiếp tại cộng đồng

2.3.1. Kỹ năng làm quen

2.3.2. Kỹ năng nói

2.3.3. Kỹ năng đặt câu hỏi

2.3.4. Kỹ năng lắng nghe

2.3.5. Kỹ năng giải thích

2.3.6. Kỹ năng sử dụng tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe

2.3.7. Kỹ năng khuyến khích, động viên, khen ngợi

2.3.8. Kỹ năng đặt câu hỏi kiểm tra sau truyền thông giáo dục sức khỏe

2.4. Hướng dẫn thực hành truyền thông giáo dục sức khỏe trực tiếp tại cộng đồng

2.4.1. Tổ chức nói chuyện giáo dục sức khỏe

2.4.1.1. Cách bắt đầu nói chuyện

2.4.1.2. Thực hiện nội dung nói chuyện

2.4.1.3. Kết thúc nói chuyện

2.4.2. Tổ chức thảo luận nhóm giáo dục sức khỏe tại cộng đồng

2.4.3. Tư vấn giáo dục sức khỏe cho cá nhân

2.4.4. Thăm hộ gia đình thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe

2.4.5. Các phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe trực tiếp khác ở cộng đồng

2.5. Hướng dẫn sử dụng bảng kiểm rèn luyện kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng

2.6. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, vận động thực hiện một vấn đề sức khỏe trong cộng đồng

Chương 3: Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên

Thời gian: 2 giờ (00 LT, 2 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số phương pháp xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên cho nghiên cứu hoặc cho can thiệp trong một cộng đồng.

- Lựa chọn được một số phương pháp và xây dựng công cụ thích hợp xác định ưu tiên theo phương pháp cộng đồng cùng tham gia.

- Sử dụng được các phương pháp và công cụ thích hợp để xác định ưu tiên sát với tình hình thực tế tại mọi cộng đồng, ưu tiên các phương pháp cộng đồng cùng tham gia.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Hướng dẫn thực hành một số phương pháp cộng đồng cùng tham gia trong xác định vấn đề ưu tiên

2.2.1. Phương pháp ghi chép từ phỏng vấn và thảo luận nhóm

2.2.2. Các phương pháp kích thích sự tham gia của cộng đồng vào xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên

2.2.2.1. Phương pháp liệt kê

2.2.2.2. Phương pháp cho điểm, xếp vấn đề theo thứ tự ưu tiên

2.2.2.3. Phương pháp so sánh cặp tương tác

2.3. Một phương pháp hỗ trợ kiểm tra chéo thông tin

2.3.1. Nên hỏi và thảo luận với nhiều nhóm đối tượng khác nhau

2.3.2. Nên áp dụng nhiều phương pháp thu thập thông tin

Chương 4: Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin

Thời gian: 3 giờ (00 LT, 3 TH)

1. Mục tiêu:

- Xây dựng được các công cụ đơn giản để thu thập thông tin tại thực địa

- Ghi nhận các thông tin mô tả một số bệnh tại cộng đồng

2. Nội dung của chương:

2.1. Các kỹ thuật thu thập thông tin sức khỏe cơ bản tại tuyến xã

2.1.1. Một số khái niệm

2.1.2. Quan sát

2.1.3. Vấn đáp

2.1.4. Hồi cứu, sử dụng tư liệu sẵn có

2.1.5. Phối hợp các kỹ thuật

2.2. Bộ câu hỏi và sử dụng bộ câu hỏi

2.2.1. Nguyên tắc xây dựng bộ câu hỏi

2.2.2. Các loại câu hỏi

2.2.3 Cấu trúc bộ câu hỏi

2.2.4. Kiểm tra tính sát hợp của bộ câu hỏi đã soạn thảo để hoàn chỉnh lần cuối

2.3. Bảng kiểm và sử dụng bảng kiểm

2.4. Bệnh án nghiên cứu

2.4.1. Sự khác nhau giữa bệnh án bệnh phòng và bệnh án nghiên cứu

2.4.2. Biên soạn bệnh án nghiên cứu

2.4.3. Cấu trúc chung của bệnh án nghiên cứu

Chương 5: Lập kế hoạch hoạt động can thiệp

Thời gian 09 giờ (00 LT, 09 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các bước lập kế hoạch hoạt động y tế xã/phường/thị trấn
- Lập được kế hoạch giải quyết một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng một cách hợp lý, logic.

2. Nội dung của chương:

2.1. Các bước lập kế hoạch can thiệp giải quyết một vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng

2.1.1. Các câu hỏi đặt ra khi tiến hành lập kế hoạch của cộng đồng

2.1.2. Các bước lập kế hoạch

2.1.3. Mẫu viết một bản kế hoạch hoạt động can thiệp theo tiến trình thời gian

2.2. Các yêu cầu và nguyên tắc chọn ưu tiên cho kế hoạch

2.3. Thực hành lập kế hoạch can thiệp

2.3.1. Xác định và viết tên vấn đề sức khỏe ưu tiên

2.3.2. Xác định và viết tên kế hoạch

2.3.3. Xác định và viết mục tiêu cho kế hoạch can thiệp

2.3.4. Xác định và viết giải pháp, hoạt động, xác định chi phí cho từng giải pháp, hoạt động và dự kiến kết quả

2.3.5. Mẫu viết một bản kế hoạch hoạt động can thiệp theo tiến trình thời gian

2.4. Thực hành lập kế hoạch can thiệp cụ thể trong phòng chống dịch, vệ sinh phòng bệnh tại cụm dân cư, phòng chống các bệnh xã hội, suy dinh dưỡng, bệnh không lây nhiễm, nâng cao chất lượng dân số - kế hoạch hóa gia đình,...

Kiểm tra

Thời gian 01 giờ

Chương 6: Hướng dẫn viết báo cáo kết quả thực địa cộng đồng

Thời gian 05 giờ (00 LT, 05 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các phần và trình tự của viết báo cáo điều tra tại cộng đồng
- Sử dụng mẫu hướng dẫn, viết được một báo cáo sau đợt thực địa cộng đồng

2. Nội dung của chương:

- 2.1. Thành phần chính của báo cáo
- 2.2. Đặt vấn đề
- 2.3. Nội dung và lịch trình thực hành tại cộng đồng
- 2.4. Phương pháp và kỹ thuật thu thập số liệu
- 2.5. Kết quả và nhận xét
- 2.6. Kết luận và kiến nghị
- 2.7. Phụ lục
- 2.8. Yêu cầu về hình thức của báo cáo
 - 2.8.1. Nội dung
 - 2.8.2. Hình thức

Chương 7: Dân số và kế hoạch hóa gia đình

Thời gian 05 giờ (00 LT, 05 TH)

1. Mục tiêu:

- Xác định và thu thập các thông tin cần thu thập để tìm hiểu thực trạng vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình ở một cộng đồng.
- Xác định những yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng vấn đề dân số ở cộng đồng đó.
- Đề xuất các giải pháp thích hợp nhằm khắc phục các vấn đề bất cập liên quan đến công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình tại cộng đồng.

2. Nội dung của chương:

2.1. Xác định các số liệu cần thu thập

2.2. Đối tượng cần hỏi, phỏng vấn khi tổ chức điều tra

2.3. Phương pháp thu thập số liệu

2.3.1. Phương pháp nghiên cứu định tính

2.3.1.1. Phỏng vấn sâu

2.3.1.2. Thảo luận nhóm trọng tâm

2.3.1.3. Một số kỹ thuật khai thác thông tin liên quan đến dân số và kế hoạch hóa gia đình

2.3.2. Phương pháp nghiên cứu định lượng

Thực hành các hoạt động thường quy tại Trạm Y tế

Thời gian 25 giờ (00 LT, 24 TH, 01 KT)

1. Mục tiêu:

- Mô tả được các dạng vacxin, cách dùng, cách bảo quản các vacxin và dây chuyền lạnh trong chương trình tiêm chủng mở rộng
- Sắp xếp được một địa điểm tiêm chủng và đầy đủ phương tiện đạt yêu cầu một chiều và vô khuẩn

- Tiêm chủng đúng kỹ thuật và đảm bảo vô khuẩn
- Ghi chép sổ sách biểu mẫu, hồ sơ theo đúng quy định
- Sử dụng bình bơm và phun hóa chất theo đúng thường quy
- Thực hiện các thao tác kiểm tra các chương trình vệ sinh phòng bệnh

2. Chỉ tiêu:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	
		Kiến tập	Thực tập
1	Lấy bệnh phẩm và mẫu xét nghiệm		01 lần
2	Bảo quản, sử dụng vắc xin và các phương tiện tiêm chủng	01 lần	
3	Thực hiện tiêm chủng và ghi chép sổ sách tiêm chủng		01 lần
4	Phun hóa chất diệt côn trùng	01 lần	01 lần
5	Thực hành thống kê, làm sổ sách, phiếu theo dõi và báo cáo về dân số kế hoạch hóa gia đình và về một số bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây và bệnh xã hội	04 lần	04 lần
6	Thực hành kiểm tra vệ sinh trường học	01 lần	01 biên bản
7	Thực hành kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	01 lần	01 biên bản
8	Thực hành điều tra cơ bản về bệnh truyền nhiễm, bệnh dinh dưỡng ở trẻ em và bệnh xã hội tại một cụm dân cư		01 lần ít nhất 04 hộ
9	Khám và điều trị một số bệnh thông thường		02 bệnh nhân

Kiểm tra

Thời gian 01 giờ

Thực địa cộng đồng thu thập số liệu, viết báo cáo về một vấn đề sức khỏe trong cộng đồng

Thời gian 25 giờ (00 LT, 25 TH)

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Phòng học tại các Trạm Y tế hoặc Trung tâm Y tế các huyện, thị xã thành phố thuộc tỉnh

2. Trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy chiếu, micro, phương tiện truyền thông, ...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu hướng dẫn học tập cộng đồng, phiếu điều tra, bảng, phấn, tài liệu tuyên truyền hỗ trợ, giấy trắng khổ to, ghim, dập ghim, hồ dán, giấy A4 màu, kéo,...

4. Các điều kiện khác: sinh viên phải học xong các môn học: Giáo dục sức khỏe, Quản lý tổ chức Y tế - Nghiên cứu khoa học, Sức khỏe môi trường - Vệ sinh phòng bệnh, Dinh dưỡng, Điều dưỡng cơ bản – Kỹ thuật điều dưỡng, Dân số - KHHGD, Chăm sóc sức khỏe ban đầu.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Trình bày các đặc điểm về

+ Tổ chức, hoạt động của tuyến y tế cơ sở

+ Nội dung hoạt động của một số chương trình y tế quốc gia

+ Các hình thức sử dụng dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe

- Kỹ năng:

+ Giáo dục sức khỏe tại cộng đồng, vận động nhân dân bảo vệ và nâng cao sức khỏe

+ Phát hiện được các nhu cầu sức khỏe, các vấn đề ảnh hưởng tới sức khỏe người dân tại cộng đồng và đề xuất kế hoạch, biện pháp giải quyết

+ Lập kế hoạch can thiệp và bước đầu can thiệp thông qua tổ chức giáo dục sức khỏe tại cộng đồng

+ Thực hành quản lý sức khỏe tại cộng đồng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Vận dụng kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống bất ngờ khi vắng gia, tham vấn hay phân tích vấn đề sức khỏe trong cộng đồng để họ hợp tác, hỗ trợ trong quá trình hoạt động bảo vệ sức khỏe

+ Tôn trọng, lắng nghe ý kiến của người dân

+ Nghiêm túc thực hiện đúng nội quy học tập tại cộng đồng

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): được đánh giá bằng hình thức vấn đáp, thực hiện kỹ năng, hoặc bài tập tình huống cùng với bảng điểm danh thường xuyên tại cơ sở về việc chấp hành nội quy thực tập (có sự xác nhận của cơ sở thực tập).

- Kiểm tra định kỳ (hệ số 2): được đánh giá bằng hình thức viết báo cáo thực hành cá nhân có nhận xét của cơ sở thực tập

- Thi kết thúc môn học: Đánh giá bằng hình thức viết báo cáo kết quả thực địa theo nhóm

- Tính điểm môn học:

+ Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số.

+ Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

+ Điểm môn học được quy đổi theo thang điểm 4 theo phương thức tích lũy tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

1.1. Đơn vị phụ trách môn học: Khoa Y

1.2. Đối tượng học tập: Sinh viên ngành Cao Đẳng Y sĩ đa khoa chính quy

2. Hướng dẫn thực hiện học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

+ Phối hợp chặt chẽ với cán bộ y tế y sở tổ chức cho sinh viên tiếp cận cộng đồng thuận lợi

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

+ Phối hợp các phương pháp dạy/học: Thuyết giảng có minh họa, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, thao tác mẫu,...

- Đối với người học:

+ Sinh viên phải phát huy khả năng tự học, chủ động tìm hiểu các kiến thức tại cơ sở thực tập và phối hợp với cán bộ y tế cơ sở hoàn thiện kỹ năng theo chỉ tiêu thực tập.

+ Thực hiện đúng theo Quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ áp dụng cho khoá học đó.

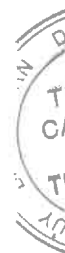
+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giáo dục sức khỏe trong cộng đồng



- Lập kế hoạch hoạt động can thiệp
- Tìm hiểu vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng
- Sử dụng bộ câu hỏi soạn sẵn để thu thập số liệu bằng phương pháp phỏng vấn người dân tại hộ gia đình

- Xử lý, phân tích số liệu và viết báo cáo kết quả thực hành cộng đồng

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ Y Tế, *Thực hành cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học, 2007

[2] Bộ Y Tế, *Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030*, 2020

[3] Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình thực tập cộng đồng*, 2019

[4] Trường Đại học Y tế công cộng, *Giáo trình truyền thông giáo dục sức khỏe*, 2020

[5] Nguyễn Minh Tuấn, *Giáo trình giáo dục sức khỏe*, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên 2019

[6] Nguyễn Văn Mạn, *Sức khỏe môi trường*, 2023

[7] Norbert Howse, *Preventive Health Care*, 2015

[8] Gerardus Blokdyk, *Preventive healthcare A Clear and Concise Reference*, 2018

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực tế ngành

Mã môn học: MH24A113635

Thời gian thực hiện môn học: 135 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 264 giờ;Kiểm tra: 06 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Thực tế ngành là một môn học chuyên môn trong chương trình đào tạo Y sĩ, là một trong các chuyên khoa chuyên ngành quan trọng được học sau khi học xong các môn cơ bản, các môn chuyên ngành được học ở học kỳ 2 năm thứ 2

- Tính chất: đây là môn học thực hành các môn chuyên ngành học sinh sẽ đi thực hành trên người bệnh tại các cơ sở y tế.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của đơn vị y tế nơi học sinh đến thực tập và chức trách nhiệm vụ của người y sĩ tuyến cơ sở/ bệnh viện huyện/ tỉnh.

- Kỹ năng Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người thực hiện ngành y và các kỹ thuật chăm sóc y tế đã học vào thực tế chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở khám, chữa bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của cán bộ y tế tại bệnh viện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe về chăm sóc sức khỏe người bệnh tại bệnh viện.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Thực tập Bệnh viện Khoa Nội	66	0	66	0
2	Chương 2: Thực tập Bệnh viện Khoa Ngoại Tổng Quát	66	0	66	0
3	Chương 3: Thực tập Bệnh viện Khoa Nhi	66	0	66	0
4	Chương 4: Thực tập Bệnh viện Khoa Nhiễm	66	0	66	0

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
5	Kiểm tra	6	0	0	6
5	Cộng	270	0	264	6

2. Nội dung chi tiết:

THỰC TẬP LÂM SÀNG

Chương 1: Khoa Nội

Thực tập tại khoa Nội

Thời gian: 66 tiết

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được việc thăm khám, chẩn đoán và trình bày được hướng điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.
- Làm được bệnh án Nội khoa.

2. Chỉ tiêu:

STT	Nội dung chỉ tiêu	Thực hiện	Ghi chú
1	Viêm phế quản cấp – COPD (viêm phế quản mãn và khí phế thũng)	7	
2	Viêm phổi thùy	8	
3	Suy tim	4	
4	Cao huyết áp	8	
5	Cơn đau thắt ngực – nhồi máu cơ tim	5	
6	Loét dạ dày – tá tràng	5	
7	Xơ gan	5	
8	Suy thận mãn	4	

9	Đái tháo đường	6	
10	Ngộ độc thuốc trừ sâu 666 – DDT – lân hữu cơ	3	
11	Ngộ độc rượu	5	
12	Xuất huyết đường tiêu hoá	5	
13	Làm được bệnh án nội khoa.	1	

Chương 2: Khoa Ngoại

Thực tập tại khoa Ngoại

Thời gian: 66 tiết

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được việc thăm khám, chẩn đoán và trình bày được hướng điều trị một số bệnh ngoại khoa thường gặp.

- Làm được bệnh án Ngoại khoa (tiền phẫu, hậu phẫu).

2. Chỉ tiêu:

STT	Nội dung chỉ tiêu	Thực hiện	Ghi chú
1	Viêm ruột thừa cấp	8	
2	Thủng dạ dày - tá tràng	4	
3	Tắc ruột	4	
4	Lồng ruột cấp ở trẻ em	4	
5	Thoát vị bẹn (thường hoặc nghẹt)	4	
6	Viêm phúc mạc	5	
7	Hẹp môn vị	4	

8	Sỏi ống mật chủ	5	
9	Áp xe gan	4	
10	Trĩ, rò hậu môn	4	
11	Sỏi thận, Sỏi niệu quản, Sỏi bàng quang	5	
12	U xơ tiền liệt tuyến	4	
13	Tràn dịch màng tinh hoàn	4	
14	Chấn thương - vết thương phần mềm, bong gân, trật khớp, gãy xương.	5	
15	Làm bệnh án tiền phẫu, hậu phẫu	2	

Chương 3: Khoa Nhi

Thực tập tại khoa Nhi

Thời gian: 66 tiết

1. Mục tiêu:

- Thực hiện được việc thăm khám, chẩn đoán và trình bày được hướng điều trị một số bệnh tại Khoa Nhi thường gặp.
- Làm được bệnh án Nhi.

2. Chỉ tiêu:

STT	Nội dung chỉ tiêu	Thực hiện	Ghi chú
1	Sốt xuất huyết Dengue	7	
2	Tiêu chảy cấp	6	

3	Tiêu chảy nhiễm trùng	6	
4	Viêm phổi	6	
5	Hen phế quản	5	
6	Viêm màng não	2	
7	Hội chứng thận hư	4	
8	Viêm cầu thận cấp	4	
9	Bệnh tay chân miệng	5	
10	Xuất huyết giảm tiểu cầu	5	
11	Vàng da sơ sinh	5	
12	Nhiễm trùng sơ sinh	5	
13	Thalassemia	5	
14	Làm bệnh án Nhi khoa	1	

Chương 4: Khoa Nhiễm

Thực tập tại khoa Nhiễm

Thời gian: 66 tiết

1.Mục tiêu:

- Thực hiện được việc thăm khám, chẩn đoán và trình bày được hướng điều trị một số bệnh tại Khoa Nhiễm thường gặp.
- Làm được bệnh án Nhiễm.

2.Chỉ tiêu:

STT	Nội dung chỉ tiêu	Thực hiện	Ghi chú
1	Tiêu chảy cấp, nhiễm trùng; tả	10	
2	Lỵ trực khuẩn, amíp	5	
3	Viêm gan siêu vi	6	
4	Sốt xuất huyết, sốt Dengue	10	
5	Cúm, nhiễm siêu vi	6	
6	Rubella, sốt phát ban, sởi	8	
7	Thủy đậu, Zona	6	
8	Quai bị	5	
9	Viêm màng não mủ	3	
10	Viêm não	3	
11	Nhiễm HIV/AIDS	3	
12	Làm bệnh án bệnh truyền nhiễm	1	
Kiểm tra		06 giờ	

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: phòng học lý thuyết; các cơ sở y tế có các khoa lâm sàng chuyên khoa Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm.
2. Trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy chiếu, micro, ống nghe, máy đo HA, đèn pin, búa phản xạ.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, bảng, phấn, nguyên vật liệu tiêu hao tương ứng với các chỉ tiêu thực tập lâm sàng.
4. Các điều kiện khác: sinh viên phải học xong các môn học Vi sinh – Ký sinh trùng, Giải phẫu – Sinh lý, KNGT và giáo dục sức khỏe, điều dưỡng cơ bản – KTĐD, Cấp cứu ban đầu, các môn chuyên ngành Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của đơn vị y tế nơi học sinh đến thực tập và chức trách nhiệm vụ của người y sĩ tuyến cơ sở/ bệnh viện huyện/ tỉnh.
- Kỹ năng Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người thực hiện ngành y và các kỹ thuật chăm sóc y tế đã học vào thực tế chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở khám, chữa bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của cán bộ y tế tại bệnh viện.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe về chăm sóc sức khỏe người bệnh tại bệnh viện.

2. Phương pháp:

- Hình thức đánh giá: trắc nghiệm, vấn đáp hoặc thực hiện kỹ thuật thăm khám người bệnh theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.
- + Hình thức kiểm tra bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp.
- + Hình thức thi kết thúc môn học: bình bệnh án vấn đáp trên người bệnh tại cơ sở y tế.
- Điểm kiểm tra gồm 2 cột điểm: 1 cột thường xuyên (phần lý thuyết bệnh ngoại khoa) và 1 cột định kỳ (đánh giá lâm sàng khoa Ngoại tổng quát). Trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2.
- + Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.
- + Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Bình bệnh án vấn đáp trên người bệnh, từ 45 đến 60 phút
- + Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

1.1. Đơn vị phụ trách môn học: Khoa Y.

1.2. Đối tượng học tập: Sinh viên Ngành Y sĩ Cao Đẳng Chính Qui.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giảng viên chuẩn bị bài giảng trước khi lên lớp

+ Tổ chức lớp học phân công nhóm thực hiện thuyết trình, thảo luận, vấn đáp,...

+ Soạn câu hỏi kiểm tra

+ Tổ chức đánh giá quá trình, kết quả học tập giữa học phần, cuối học phần

+ Báo cáo kết quả giảng dạy, kết quả học tập của sinh viên

- Đối với người học:

+ Tham gia tối thiểu 80% giờ thực hành/thực tập và có báo cáo kết quả.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

+ Tham dự thi kết thúc môn học.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Thực hiện được việc thăm khám, chẩn đoán và trình bày được hướng điều trị một số bệnh nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm thường gặp.

- Làm được bệnh án Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ môn Nội, 2017, Bệnh học Nội khoa T1 (Sách dùng cho đào tạo sau đại học), NXB Y học.

[2]. Bộ môn Nhiễm, Trường ĐH Y Dược Tp. Hồ Chí Minh, 2008, Bệnh truyền nhiễm, NXB Y học.

[3]. BS. Bạch Văn Cam, Phạm Văn Quang (phiên dịch), 2017, Sổ tay điều trị Nhi khoa, NXB Y học.

[4]. PGS.TS. Ngô Quý Châu, GS.TS. Nguyễn Lâm Việt, PGS.TS. Phạm Quang Vinh và cộng sự, 2018, Bệnh học Nội khoa tập 1, NXB Y học.

[5]. PGS.TS. Ngô Quý Châu, GS.TS. Nguyễn Lâm Việt, PGS.TS. Phạm Quang Vinh và cộng sự, 2018, Bệnh học Nội khoa tập 2, NXB Y học.

[6]. GS. TSKH. Bùi Đại và cộng sự, 2005, Bệnh học Truyền nhiễm, NXB Y học.

[7]. GS. TSKH. Lê Đăng Hà và cộng sự, 2011, Bệnh Truyền nhiễm Và Nhiệt đới, NXB Khoa học kỹ thuật.

- [8]. PGS. TS. Nguyễn Văn Kính và cộng sự, 2016, Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm, NXB Y học.
- [9]. GS.TS. Đào Văn Phan, TS. Nguyễn Trọng Thông và cộng sự, 2018, Dược lý học lâm sàng, NXB Y học.
- [10]. PGS.TS. Hà Văn Quyết và cộng sự, 2016, Bài giảng bệnh học ngoại khoa, NXB Y học.
- [11]. PGS.TS Hà Văn Quyết, GS.TS. Trần Quán Anh và cộng sự, 2012, Bệnh học ngoại Tập 2 (sau ĐH), NXB Y học.
- [12]. TS. BS. Tăng Chí Thượng và cộng sự, 2013, Phác đồ điều trị Nhi khoa, NXB Y Học.
- [13]. PGS.TS.Mai Tất Tố, TS. Vũ Thị Trâm, ThS. Đào Thị Vui và cộng sự, 2017, Dược lý học tập 1, NXB Y học.
- [14]. PGS.TS.Mai Tất Tố, TS.Vũ Thị Trâm và cộng sự, 2016, Dược lý học tập 2, NXB Y học
- [15]. Guyton A.C., Hall (2000), *Textbook of Medical Physiology*, 10th ed, Philadelphia, W.B.Saunders Co.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Định hướng cơ bản chuyên khoa Nội

Mã môn học: MH24A113436

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành bệnh viện: 89 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Định hướng cơ bản chuyên khoa Nội là một môn học trong chương trình đào tạo Y sĩ, là một trong các chuyên khoa chuyên ngành quan trọng được học sau khi học xong các môn cơ bản, được học vào học kỳ 6.

- Tính chất: Đây là môn học lý thuyết, cung cấp cho học sinh kiến thức về bệnh lý nội khoa để học sinh thực hành lâm sàng tại các cơ sở y tế có chuyên khoa Nội.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán các bệnh lý nội khoa thường gặp và nêu được hướng xử trí.

- Kỹ năng: có khả năng thăm khám, phát hiện các triệu chứng và chẩn đoán được một số bệnh lý nội khoa thường gặp

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

+ Chủ động, tích cực có trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao.

+ Trung thực, khách quan, thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình.

+ Nhận thức đúng việc chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1. Bệnh lý tim mạch	9	9	0	0
	1. Cơ đau thắt ngực	3	3	0	0
	1.1. Đại cương				
	1.2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng				
	1.3. Các thể lâm sàng của đau thắt ngực				

	1.4. Chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt 1.5. Điều trị và dự phòng 2. Nhồi máu cơ tim cấp 2.1. Định nghĩa 2.2. Nguyên nhân 2.3. Yếu tố nguy cơ 2.4. Dấu hiệu cảnh báo 2.5. Biến chứng 2.6. Các xét nghiệm chẩn đoán 2.7. Điều trị 3. Tâm phế mạn 3.1. Đại cương 3.2. Nguyên nhân 3.3. Triệu chứng lâm sàng 3.4. Cận lâm sàng 3.5. Điều trị	4	4	0	0
2	Chương 2. Bệnh lý hô hấp 1. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính 1.1. Đại cương 1.2. Yếu tố nguy cơ 1.3. Cơ chế bệnh sinh 1.4. Sinh lý bệnh 1.5. Triệu chứng lâm sàng 1.6. Cận lâm sàng 1.7. Chẩn đoán 1.8. Điều trị 2. Ung thư phổi 2.1. Đại cương 2.2. Dịch tễ học và nguyên nhân sinh bệnh 2.3. Giải phẫu bệnh 2.4. Phân loại 2.5. Lâm sàng 2.6. Xét nghiệm cận lâm sàng 2.7. Điều trị 2.8. Tiên lượng	5	5	0	0
	1. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính 1.1. Đại cương 1.2. Yếu tố nguy cơ 1.3. Cơ chế bệnh sinh 1.4. Sinh lý bệnh 1.5. Triệu chứng lâm sàng 1.6. Cận lâm sàng 1.7. Chẩn đoán 1.8. Điều trị	3	3	0	0
3	Chương 3. Bệnh lý thần kinh – Xương khớp	5	5	0	0

AN
RUC
AO F
Y
TIEN
?

	1. Viêm khớp dạng thấp 1.1. Đại cương 1.2. Cơ chế bệnh sinh 1.3. Nguyên nhân 1.4. Triệu chứng lâm sàng 1.5. Cận lâm sàng 1.6. Điều trị 2. Viêm đa dây thần kinh 2.1. Đại cương 2.2. Nguyên nhân 2.3. Triệu chứng lâm sàng 2.4. Điều trị	3	3	0	0
4	Chương 4. Bệnh lý thận 1. Suy thận mạn 1.1. Đại cương 1.2. Định nghĩa 1.3. Các giai đoạn bệnh thận mạn 1.4. Nguyên nhân 1.5. Chẩn đoán 1.6. Điều trị 2. Hội chứng thận hư 2.1. Đại cương 2.2. Lâm sàng, chẩn đoán, tiến triển và tiên lượng 2.3. Điều trị	5 3	5 3	0 0	0 0
5	Chương 5. Cấp cứu Nội khoa 1. Choáng 1.1. Triệu chứng lâm sàng 1.2. Phân loại sốc 1.3. Xử trí cấp cứu 2. Phù phổi cấp 2.1. Đại cương 2.2. Sinh bệnh học 2.3. Nguyên nhân 2.4. Triệu chứng 2.5. Xử trí	5 3	5 3	0 0	0 0
	Kiểm tra	1	0	0	1

	Thực tập tại bệnh viện	90	0	89	1
	Khoa Nội B (BVĐK Tiền Giang)	45	0	45	0
	Khoa Nội tim mạch (BVĐK Tiền Giang)	45	0	44	1
	Cộng	120	29	89	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Bệnh lý tim mạch

Thời gian 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức:

+ Mô tả được tính chất cơn đau thắt ngực điển hình

+ Trình bày được các triệu chứng nhồi máu cơ tim cấp, tâm phế mạn

- Kỹ năng: Thăm khám và phát hiện được triệu chứng và chẩn đoán được cơn đau thắt ngực điển hình, nhồi máu cơ tim cấp, bệnh tâm phế mạn.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc chẩn đoán và điều trị cơn đau thắt ngực điển hình, nhồi máu cơ tim cấp và tâm phế mạn

2. Nội dung của chương:

2.1. Cơn đau thắt ngực

2.1.1. Đại cương

2.1.1.1. Định nghĩa

2.1.1.2. Nguyên nhân bệnh sinh

2.1.1.3. Yếu tố thuận lợi xuất hiện cơn đau ngực

2.1.2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.1.2.1. Triệu chứng đau

2.1.2.2. Các triệu chứng đi kèm với cơn đau

2.1.2.3. Triệu chứng về điện tim

2.1.2.4. Chụp X - quang động mạch vành

2.1.2.5. Một số xét nghiệm khác

2.1.3. Các thể lâm sàng của đau thắt ngực

2.1.3.1. Đau thắt ngực ổn định

2.1.3.2. Đau thắt ngực không ổn định

2.1.3.3. Cơn đau thắt ngực kiểu Prinzmetal

2.1.3.4. Thiếu máu cơ tim cục bộ thể âm

2.1.4. Chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt



- 2.1.4.1. Chẩn đoán xác định
- 2.1.4.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.1.5. Điều trị và dự phòng
 - 2.1.5.1. Điều trị cắt cơn đau thắt ngực
 - 2.1.5.2. Điều trị khi hết cơn đau
 - 2.1.5.3. Điều trị bằng các biện pháp can thiệp
- 2.2. Nhồi máu cơ tim cấp
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.3. Yếu tố nguy cơ bị nhồi máu cơ tim cấp
 - 2.2.4. Dấu hiệu cảnh báo nhồi máu cơ tim cấp
 - 2.2.5. Biến chứng nhồi máu cơ tim cấp
 - 2.2.6. Các xét nghiệm để chẩn đoán nhồi máu cơ tim
 - 2.2.7. Điều trị nhồi máu cơ tim cấp
 - 2.2.7.1. Điều trị tái lưu thông động mạch vành bị tắc nghẽn cấp cứu
 - 2.2.7.2. Những thuốc cơ bản ban đầu (ESC)
- 2.3. Tâm phế mạn
 - 2.3.1. Đại cương
 - 2.3.2. Nguyên nhân
 - 2.3.2.1. Bệnh tiên phát của đường hô hấp và phế nang
 - 2.3.2.2. Bệnh tiên phát làm tổn thương đến bộ phận cơ học của hệ hô hấp
 - 2.3.2.3. Bệnh tiên phát làm tổn thương mạch máu phổi
 - 2.3.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.3.1. Giai đoạn đầu
 - 2.3.3.2. Giai đoạn suy thất phải
 - 2.3.3.3. Giai đoạn tăng áp lực động mạch phổi
 - 2.3.4. Cận lâm sàng
 - 2.3.5. Điều trị

Chương 2: Bệnh lý hô hấp

Thời gian 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng bệnh COPD và bệnh ung thư phổi.
- Kỹ năng: Thăm khám, phát hiện các triệu chứng, chẩn đoán và điều trị được bệnh COPD và bệnh ung thư phổi.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc chẩn đoán và điều trị bệnh COPD và ung thư phổi

2. Nội dung của chương:

2.1. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)

2.1.1. Đại cương

2.1.1.1. Định nghĩa

2.1.1.2. Dịch tễ học

2.1.2. Yếu tố nguy cơ

2.1.2.1. Yếu tố cơ địa

2.1.2.2. Yếu tố môi trường

2.1.3. Cơ chế bệnh sinh

2.1.3.1. Cơ chế viêm đường thở

2.1.3.2. Quá trình tái tạo đường thở

2.1.3.3. Giả thuyết tăng phản ứng phế quản không đặc hiệu

2.1.3.4. Cơ chế mất cân bằng Protease kháng Protease

2.1.4. Sinh lý bệnh

2.1.5. Triệu chứng lâm sàng

2.1.5.1. Khởi phát

2.1.5.2. Triệu chứng cơ năng

2.1.5.3. Triệu chứng thực thể

2.1.6. Cận lâm sàng

2.1.6.1. X quang phổi

2.1.6.2. Chụp CT lồng ngực

2.1.6.3. Thăm dò chức năng hô hấp

2.1.6.4. Khí máu động mạch

2.1.7. Chẩn đoán

2.1.7.1. Chẩn đoán bệnh

2.1.7.2. Chẩn đoán phân biệt

2.1.8. Điều trị

2.1.8.1. Điều trị bằng thuốc

2.1.8.2. Điều trị không dùng thuốc

2.1.8.3. Điều trị dự phòng

2.2. Ung thư phổi

- 2.2.1. Đại cương
- 2.2.2. Dịch tế học và nguyên nhân sinh bệnh
- 2.2.1. Dịch tế học
- 2.2.2. Nguyên nhân sinh bệnh
- 2.3. Giải phẫu bệnh
- 2.3.1. Vị trí
- 2.3.2. Đại thể
- 2.3.3. Vi thể
- 2.3.4. Phương thức lan tràn của ung thư
- 2.4. Phân loại
- 2.4.1. Phân loại theo hệ thống TNM của Uỷ ban Quốc Tế đề nghị năm 1965
- 2.4.2. Theo giải phẫu
- 2.4.3. Theo tổ chức học
- 2.4.4. Theo mô học và tần số gặp các loại
- 2.5. Lâm sàng
- 2.5.1. Đặc điểm chung
- 2.5.2. Qua thực tế lâm sàng
- 2.5.3. Đặc điểm các triệu chứng lâm sàng của ung thư phổi
- 2.5.4. Các hội chứng đặc biệt trong ung thư phế quản
- 2.6. Xét nghiệm cận lâm sàng
- 2.6.1. Xét nghiệm X – quang
- 2.6.2. Soi phế quản
- 2.6.3. Thử nghiệm tế bào học chất đờm
- 2.6.4. Soi trung thất
- 2.7. Điều trị
- 2.7.1. Điều trị ung thư phổi bằng tia xạ (radio therapie)
- 2.7.2. Điều trị ung thư phổi bằng hoá chất
- 2.7.3. Điều trị ung thư phổi bằng miễn dịch
- 2.7.4. Điều trị ung thư phổi bằng phẫu thuật
- 2.8. Tiên lượng

Chương 3: Bệnh lý thần kinh, xương khớp

Thời gian 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng bệnh viêm khớp dạng thấp.

- Kỹ năng: Thăm khám, phát hiện các triệu chứng, chẩn đoán và điều trị bệnh viêm khớp dạng thấp, viêm đa dây thần kinh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc chẩn đoán và điều trị bệnh viêm khớp dạng thấp, viêm đa dây thần kinh.

2. Nội dung của chương:

2.1. Viêm khớp dạng thấp

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Cơ chế bệnh sinh

2.1.3. Nguyên nhân

2.1.4. Triệu chứng lâm sàng

2.1.4.1. Viêm khớp

2.1.4.2. Triệu chứng toàn thân và ngoài khớp

2.1.5. Cận lâm sàng

2.1.6. Điều trị

2.1.6.1. Nguyên tắc điều trị

2.1.6.2. Điều trị cụ thể

2.2. Viêm đa dây thần kinh

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Nguyên nhân

2.2.2.1. Nhiễm khuẩn

2.2.2.2. Nhiễm độc

2.2.2.3. Các bệnh dinh dưỡng và chuyển hóa

2.2.3. Triệu chứng lâm sàng

2.2.3.1. Rối loạn cảm giác

2.2.3.2. Rối loạn vận động

2.2.3.3. Rối loạn dinh dưỡng

2.2.3.4. Rối loạn về phản ứng điện

2.2.4. Điều trị

Chương 4: Bệnh lý thận

Thời gian 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng bệnh suy thận mạn và hội chứng thận hư

- Kỹ năng: Thăm khám, phát hiện các triệu chứng, chẩn đoán và điều trị suy thận mạn, hội chứng thận hư

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc chẩn đoán và điều trị bệnh suy thận mạn và hội chứng thận hư

2. Nội dung của chương:

2.1. Suy thận mạn

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Định nghĩa bệnh thận mạn

2.1.3. Các giai đoạn bệnh thận mạn

2.1.4. Nguyên nhân

2.1.5. Chẩn đoán

2.1.5.1. Hỏi bệnh sử

2.1.5.2. Khám lâm sàng

2.1.5.3. Xét nghiệm

2.1.5.4. Tầm soát bệnh thận mạn

2.1.5.5. Chẩn đoán nguyên nhân bệnh thận mạn

2.1.6. Điều trị

2.1.6.1. Nguyên tắc

2.1.6.2. Điều trị cụ thể

2.2. Hội chứng thận hư

2.2.1. Đại cương

2.2.1.1. Khái niệm

2.2.1.2. Nguyên nhân và phân loại hội chứng thận hư

2.2.1.3. Bệnh sinh

2.2.2. Lâm sàng, chẩn đoán, tiến triển và tiên lượng

2.2.2.1. Lâm sàng

2.2.2.2. Chẩn đoán

2.2.2.3. Tiến triển và tiên lượng

2.2.2.4. Các biến chứng của hội chứng thận hư

2.2.3. Điều trị hội chứng thận hư

2.2.3.1. Điều trị nguyên nhân với hội chứng thận hư thứ phát

2.2.3.2. Điều trị theo cơ chế bệnh sinh với hội chứng thận hư nguyên phát

2.2.3.3. Điều trị triệu chứng

2.2.3.4. Điều trị và dự phòng các biến chứng

Chương 5: Cấp cứu Nội khoa

Thời gian 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng choáng và phù phổi cấp
- Kỹ năng: Thăm khám và phát hiện các triệu chứng, chẩn đoán và xử trí các loại choáng, phù phổi cấp
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức đúng tầm quan trọng của việc chẩn đoán và điều trị choáng và phù phổi cấp

2. Nội dung của chương:

2.1. Choáng

2.1.1. Triệu chứng lâm sàng

2.1.1.1. Triệu chứng thần kinh

2.1.1.2. Triệu chứng toàn thân

2.1.1.3. Triệu chứng tuần hoàn

2.1.1.4. Triệu chứng hô hấp

2.1.1.5. Triệu chứng tiết niệu

2.1.2. Phân loại sốc

2.1.2.1. Sốc chấn thương

2.1.2.2. Sốc nhiễm khuẩn

2.1.2.3. Sốc giảm thể tích máu

2.1.2.4. Sốc phản vệ

2.1.3. Xử trí cấp cứu

2.2.2. Phù phổi cấp

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Sinh bệnh học

2.2.2.1. Phù phổi cấp huyết động

2.2.2.2. Phù phổi cấp tổn thương

2.2.2.3. Phù phổi cấp hỗn hợp

2.2.3. Nguyên nhân

2.2.3.1. Phù phổi cấp huyết động

2.2.3.2. Phù phổi cấp tổn thương

2.2.3.3. Phù phổi cấp hỗn hợp

2.2.4. Triệu chứng

2.2.4.1. Phù phổi cấp huyết động

2.2.4.2. Phù phổi cấp tổn thương

1/2/10/1

2.2.5. Xử trí

2.2.5.1. Phù phổi cấp huyết động

2.2.5.2. Phù phổi cấp tổn thương

Kiểm tra

Thời gian 1 giờ

Thực tập tại bệnh viện

Thời gian: 90 giờ (0 LT, 89 TH, 1 KT)

1. Mục tiêu

- Tiếp xúc và hỏi được bệnh sử, tiền sử bệnh lý của người bệnh
- Thực hành thăm khám, chẩn đoán được các bệnh lý nội khoa nêu trên
- Tư vấn được chế độ điều trị các bệnh lý nội khoa.

2. Chỉ tiêu

STT	Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
		Thực tập	Kiến tập	
1	Thăm khám bệnh nhân cơn đau thắt ngực	10		
2	Thăm khám được bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp	4		
3	Tư vấn điều trị cho bệnh nhân tâm phế mạn	10		
4	Chẩn đoán được bệnh tâm phế mạn	5		
5	Thăm khám bệnh nhân COPD	15		
6	Thăm khám được bệnh nhân suy thận mạn	6		
7	Chọc dò màng phổi		2	
8	Tư vấn chế độ điều trị bệnh suy thận mạn	20		
9	Làm và bình bệnh án nội khoa	2		
10	Thực hành nghe ran phổi (ran nổ, ran ẩm, ran rít, ran rít)	10		
11	Thực hành nghe âm thổi do tổn thương các van tim	10		

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: phòng học lý thuyết; các cơ sở y tế có các khoa lâm sàng chuyên khoa Nội.

2. Trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy chiếu, micro, ống nghe, máy đo HA, nhiệt kế, búa gõ phản xạ, bộ dụng cụ khám thần kinh, đồng hồ bấm giây, cân trọng lượng, các thiết bị phòng cấp cứu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, hộp thuốc chống choáng theo thông tư số 51/2017/TT- BYT, garo, găng tay,...

4. Các điều kiện khác: Sinh viên phải học xong các môn học Giải phẫu, Vi sinh – Ký sinh trùng, Sinh lý, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Dược lý, Kỹ năng thực hành lâm sàng, Điều dưỡng cơ bản

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng và tiêu chuẩn chẩn đoán các bệnh nội khoa thường gặp.

- Kỹ năng: Có khả năng thăm khám, tổng hợp các triệu chứng thành hội chứng, đưa đến chẩn đoán bệnh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

+ Chủ động, tích cực có trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao.

+ Trung thực, khách quan, thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình.

+ Nhận thức đúng việc chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp

2. Phương pháp:

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm, vấn đáp, thuyết trình, kỹ năng thực hiện kỹ thuật thăm khám người bệnh tại lâm sàng theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.

- Kiểm tra thường xuyên toàn môn học (hệ số 1):

+ Số lần: ít nhất 01 lần

+ Hình thức: Bài tập nhóm, thuyết trình, vấn đáp hoặc trắc nghiệm.

- Kiểm tra định kỳ toàn môn học (hệ số 2):

+ Số lần: ít nhất 01 lần

+ Hình thức: Trắc nghiệm, bài tập giải quyết tình huống, vấn đáp hoặc bài báo cáo nhóm hoặc thực hiện kỹ năng khám lâm sàng đánh giá dựa vào bảng kiểm

- Thi kết thúc môn học:

+ Lý thuyết: Đánh giá bằng hình thức thi trắc nghiệm, theo thang điểm 10, chiếm trọng số 40% điểm thi kết thúc môn học

+ Thực hành: Đánh giá bằng hình thức thi viết bệnh án và vấn đáp, theo thang điểm 10, chiếm trọng số 60% điểm thi kết thúc môn học. Trong đó:

- Tính điểm môn học:

+ Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số.

+ Điểm môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

+ Điểm môn học được quy đổi theo thang điểm 4 theo phương thức tích lũy tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn học Định hướng chuyên khoa Nội được áp dụng giảng dạy cho Y sĩ trình độ cao đẳng tại trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.

- Đơn vị phụ trách chính: Khoa Y

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Căn cứ nội dung tổng quát của môn học và nội dung cụ thể của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học trước khi lên lớp.

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế lâm sàng

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Tiêu chuẩn chẩn đoán từng bệnh nội khoa thường gặp

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ môn Nội, Đại học Y dược Hồ Chí Minh, *Bệnh học Nội khoa (2019)*, Nhà xuất bản Y học.

[2] Bệnh viện Chợ Rẫy (2021), *Phác đồ điều trị Nội khoa*, Nhà xuất bản Y học.

[3] Joseph Loscalzo, *Harrison's Principles of Internal Medicine 21st Edition*, McGraw-Hill Medical, 2022

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Định hướng cơ bản chuyên khoa Ngoại

Mã môn học: MH24A113437

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 89 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Định hướng chuyên khoa Ngoại là một môn học tự chọn trong các chuyên ngành định hướng cơ bản trong chương trình đào tạo Y sĩ cao đẳng, là một trong các chuyên khoa chuyên ngành quan trọng được học sau khi học xong các môn cơ bản, chuyên ngành được học ở học kỳ 1 năm thứ 3

- Tính chất: đây là môn học lý thuyết, sau khi học kết thúc môn học sinh sẽ đi thực hành trên người bệnh tại các cơ sở y tế.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán các bệnh lý Ngoại khoa thường gặp và nêu được hướng xử trí.

- Kỹ năng: Thăm khám và phát hiện các triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý Ngoại khoa thường gặp

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

+ Chủ động, tích cực có trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao.

+ Trung thực, khách quan, thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình.

+ Nhận thức đúng việc chẩn đoán và điều trị một số bệnh Ngoại khoa thường gặp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
I	Lý thuyết	29	29	0	0

1	<p>Chương 1: Bệnh lý ống phúc tinh mạc</p> <p>1. Giải phẫu học vùng bẹn</p> <p>2. Sự hình thành bệnh lý ống bẹn ở trẻ em</p> <p>3. Tần suất</p> <p>4. Hình thái lâm sàng bệnh lý ống bẹn</p> <p>4.1. Bệnh lý tinh hoàn không xuống.</p> <p>4.2. Bệnh lý ống phúc tinh mạc không xơ hóa</p>	3	3	0	0
2	<p>Chương 2: Chấn thương và vết thương bụng</p> <p>1. Nguyên nhân và cơ chế</p> <p>1.1. Chấn thương kín vùng bụng</p> <p>1.2. Vết thương bụng</p> <p>2. Đặc điểm thương tổn</p> <p>2.1. Tính phổ biến</p> <p>2.2. Tính kết hợp</p> <p>2.3. Thương tổn giải phẫu</p> <p>3. Khám lâm sàng</p> <p>3.1. Bệnh sử</p> <p>3.2. Tình trạng toàn thân</p> <p>3.3. Khám bụng</p> <p>4. Cận lâm sàng</p> <p>4.1. Xét nghiệm sinh hóa</p> <p>4.2. Chẩn đoán hình ảnh</p> <p>4.3. Chọc dò và chọc rửa ổ bụng</p> <p>5. Hướng xử trí</p> <p>5.1. Chấn thương bụng kín</p> <p>5.2. Vết thương bụng hở</p>	3	3	0	0
3	<p>Chương 3: Võ bìng quang do chấn thương thận</p> <p>1. Đại cương</p> <p>1.1. Một số đặc điểm giải phẫu của bìng quang</p> <p>1.2. Yếu tố nguy cơ</p> <p>1.3. Nguyên nhân</p> <p>2. Chẩn đoán</p> <p>2.1. Lâm sàng</p> <p>2.2. Cận lâm sàng</p> <p>2.3. Chẩn đoán xác định</p>	3	3	0	0

	<p>2.4. Chẩn đoán phân biệt</p> <p>3. Điều trị</p> <p>3.1. Xử trí ban đầu</p> <p>3.2. Điều trị bảo tồn</p> <p>3.3. Ngoại khoa</p> <p>3.4. Biến chứng</p> <p>3.5. Theo dõi</p>				
4	<p>Chương 4: Chấn thương ngực kín và vết thương ngực hở</p> <p>1. Chấn thương ngực kín</p> <p>1.1. Sinh lý bệnh</p> <p>1.2. Chẩn đoán</p> <p>1.3. Thái độ xử trí cấp cứu</p> <p>1.4. Nguyên tắc điều trị</p> <p>2. Vết thương ngực</p> <p>2.1. Nguyên nhân</p> <p>2.2. Rối loạn hô hấp tuần hoàn trong vết thương ngực hở</p> <p>2.3. Chẩn đoán</p>	3	3	0	0
5	<p>Chương 5: Sỏi hệ tiết niệu</p> <p>1. Sỏi thận</p> <p>1.1. Dịch tễ học</p> <p>1.2. Biểu hiện lâm sàng</p> <p>1.3. Chẩn đoán lâm sàng</p> <p>1.4. Điều trị</p> <p>1.5 Theo dõi sau điều trị</p> <p>2. Sỏi niệu quản</p> <p>2.1. Đại cương</p> <p>2.2. Lâm sàng và cận lâm sàng</p> <p>2.3. Điều trị</p> <p>3. Sỏi bàng quang</p> <p>3.1. Đại cương</p> <p>3.2. Lâm sàng và cận lâm sàng</p> <p>3.3. Chẩn đoán</p> <p>3.4. Điều trị</p> <p>4. Sỏi niệu đạo</p> <p>4.1. Đại cương</p> <p>4.2. Lâm sàng và cận lâm sàng</p> <p>4.3. Chẩn đoán</p> <p>4.4. Điều trị</p>	3	3	0	0

6	Chương 6: Sỏi ống mật chủ 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và cơ chế 2.1. Thuyết nhiễm trùng 2.2. Thuyết nhiễm ký sinh trùng 2.3. Thuyết chuyển hóa và tăng cholesterol máu 3. Lâm sàng 3.1. Đau bụng 3.2. Sốt 3.3. Vàng da 3.4. Khám thực thể 3.5. Triệu chứng cận lâm sàng 4. Chẩn đoán 4.1. Chẩn đoán xác định 4.2. Chẩn đoán phân biệt 5. Điều trị 5.1. Điều trị không phẫu thuật 5.2. Điều trị phẫu thuật 6. Phòng bệnh	3	3	0	0
7	Chương 7: Tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Yếu tố nguy cơ 1.3. Nguyên nhân 2. Lâm sàng và cận lâm sàng 2.1. Lâm sàng 2.2. Cận lâm sàng 3. Chẩn đoán 3.1. Chẩn đoán xác định 3.2. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 4.1. Xử trí ban đầu 4.2. Điều trị nội khoa 4.3. Ngoại khoa 4.4. Biện chứng 4.5. Xử trí một số tình huống lâm sàng	3	3	0	0
8	Chương 8: Viêm ruột thừa cấp ở trẻ em 1. Lịch sử 2. Phôi thai học của ruột thừa	3	3	0	0

	<p>3. Đặc điểm về giải phẫu của ruột thừa</p> <p>4. Thương tổn giải phẫu bệnh</p> <p>4.1. Về đại thể</p> <p>4.2. Về vi thể</p> <p>5. Tần suất</p> <p>6. Bệnh nguyên</p> <p>7. Triệu chứng lâm sàng</p> <p>7.1. Triệu chứng cơ năng</p> <p>7.2. Triệu chứng thực thể</p> <p>8. Cận lâm sàng</p> <p>8.1. Xét nghiệm</p> <p>8.2. X quang</p> <p>8.3. Nội soi ổ bụng</p> <p>8.4. Siêu âm</p> <p>9. Diễn tiến</p> <p>10. Chẩn đoán xác định</p> <p>11. Chẩn đoán phân biệt</p> <p>11.1. Bệnh đường ruột</p> <p>11.2. Bệnh của tử cung và phần phụ</p> <p>11.3. Nhiễm trùng đường tiết niệu</p> <p>11.4. Các bệnh hệ thống</p> <p>11.5. Chấn thương</p> <p>11.6. Viêm phổi</p> <p>11.7. Sốt xuất huyết</p> <p>12. Điều trị</p> <p>12.1. VRT chưa vỡ</p> <p>12.2. VRT bị vỡ</p> <p>12.3. Absces RT</p> <p>13. Các biến chứng hậu phẫu</p> <p>13.1. Chảy máu</p> <p>13.2. Nhiễm trùng</p> <p>13.3. Dò phân</p> <p>13.4. Tắc ruột</p> <p>13.5. Viêm tĩnh mạch</p> <p>13.6. Dò mũ vết mổ</p> <p>13.7. Hoại tử manh tràng sau mổ</p>				
9	<p>Chương 9: Xử trí cấp cứu gãy xương</p> <p>1. Khám tổng quát bệnh nhân bị gãy xương</p>	3	3	0	0

	1.1. Nguyên tắc 1.2. Khám chấn thương 1.3. Khám tổn thương kèm theo 2. Các biến chứng thường gặp trong gãy xương 2.1. Sốc chấn thương 2.2. Chèn ép khoang 2.3. Gãy xương hở 2.4. Tổn thương mạch máu, thần kinh 3. Quy trình xử lý cấp cứu gãy xương 3.1. Nẹp bột và cấp toa về 3.2. Mời khám chuyên khoa chấn thương bán khẩn 3.3. Mời khám chuyên khoa khẩn cấp				
10	Chương 10: Tiếp cận chẩn đoán và điều trị Chấn thương sọ não 1. Đại cương 2. Khám bệnh nhân chấn thương sọ não 2.1. Bệnh sử 2.2. Tiền sử 2.3. Khám lâm sàng 3. Cận lâm sàng 3.1. X quang sọ 3.2. Mạch não đồ 3.3. Chụp cắt lớp điện toán 4. Điều trị 4.1. Sơ cứu 4.2. Điều trị	2	2	0	0
II	Kiểm tra	1	0	0	1
III	Thực tập lâm sàng	90	0	89	1
IV	Cộng	120	29	89	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Bệnh lý ống phúc tinh mạc

Thời gian 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguồn gốc bào thai học của bệnh lý ống phúc tinh mạc

- Chẩn đoán được các bệnh lý ống phúc tinh mạc hay gặp.

- Trình bày các nguyên tắc điều trị cơ bản.

2. Nội dung của chương:

2.1. Giải phẫu học vùng bẹn

2.2. Sự hình thành bệnh lý ống bẹn ở trẻ em

2.3. Tần suất

2.4. Hình thái lâm sàng bệnh lý ống bẹn

2.4.1. Bệnh lý tinh hoàn không xuống

2.4.1.1. Các dạng tinh hoàn không xuống

2.4.1.2. Nguyên nhân tinh hoàn không xuống

2.4.1.3. Chẩn đoán tinh hoàn không xuống

2.4.1.4. Biến chứng của tinh hoàn không xuống

2.4.1.5. Điều trị tinh hoàn không xuống

2.4.2. Bệnh lý ống phúc tinh mạc không xơ hóa

2.4.2.1. Các dạng bệnh lý ống phúc tinh mạc không xơ hóa

2.4.2.2. Chẩn đoán bệnh lý ống bẹn

2.4.2.3. Điều trị bệnh lý ống bẹn

2.4.2.4. Tai biến trong lúc mổ

2.4.2.5. Biến chứng sau mổ

Chương 2: Chấn thương và vết thương bụng Thời gian 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các đặc điểm tổn thương.

- Trình bày được cách khám và theo dõi một số bệnh nhân chấn thương.

- Chẩn đoán được một số bệnh nhân có tổn thương cơ quan trong ổ bụng.

2. Nội dung của chương:

2.1. Nguyên nhân và cơ chế

2.1.1. Chấn thương kín vùng bụng

2.1.2. Vết thương bụng

2.2. Đặc điểm thương tổn

2.2.1. Tính phổ biến

2.2.2. Tính kết hợp

2.2.3. Thương tổn giải phẫu

2.2.3.1. Tạng đặc

- 2.2.3.2. Tạng rỗng
- 2.3. Khám lâm sàng
 - 2.3.1. Bệnh sử
 - 2.3.2. Tình trạng toàn thân
 - 2.3.3. Khám bụng
- 2.4. Cận lâm sàng
 - 2.4.1. Xét nghiệm sinh hóa
 - 2.4.2. Chẩn đoán hình ảnh
 - 2.4.2.1. X- quang quy ước
 - 2.4.2.2. Siêu âm bụng
 - 2.4.2.3. Chụp cắt lớp điện toán (ct-scan)
 - 2.4.2.4. Soi ổ bụng chẩn đoán
 - 2.4.3. Chọc dò và chọc rửa ổ bụng
- 2.5. Hướng xử trí
 - 2.5.1. Chấn thương bụng kín
 - 2.5.1.1. Tình trạng sốc hay huyết động không ổn định
 - 2.5.1.2. Huyết động ổn định
 - 2.5.2. Vết thương bụng hở

Chương 3: Võ bàng quang do chấn thương thận Thời Gian 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các đặc điểm tổn thương.
- Trình bày được cách khám và theo dõi một số bệnh nhân chấn thương bàng quang.
- Chẩn đoán được một số bệnh nhân có tổn thương bàng quang.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

- 2.1.1. Một số đặc điểm giải phẫu của bàng quang
- 2.1.2. Yếu tố nguy cơ
- 2.1.3. Nguyên nhân

2.2. Chẩn đoán

- 2.2.1. Lâm sàng
 - 2.2.1.1. Triệu chứng chung
 - 2.2.1.2. Triệu chứng đặc hiệu

2.2.2. Cận lâm sàng

2.2.2.1. Sinh hóa

2.2.2.2. Siêu âm

2.2.2.3. X-quang

2.2.3. Chẩn đoán xác định

2.2.4. Chẩn đoán phân biệt

2.3. Điều trị

2.3.1. Xử trí ban đầu

2.3.2. Điều trị bảo tồn

2.3.3. Ngoại khoa

2.3.3.1. Chấn thương kín không do thầy thuốc

2.3.3.2. Vết thương không do thầy thuốc

2.3.3.3. Chấn thương không do thầy thuốc kèm

2.3.3.4. Chấn thương bầm quang do thầy thuốc

2.3.4. Biến chứng

2.3.5. Theo dõi

Chương 4: Chấn thương ngực kín và Vết thương ngực hở

Thời gian 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được sinh lý và cơ chế chấn thương ngực, vết thương ngực.
- Chẩn đoán được các bệnh cảnh lâm sàng trong chấn thương ngực và vết thương ngực.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị trong chấn thương ngực và vết thương ngực.

2. Nội dung của chương:

2.1. Chấn thương ngực kín

2.1.1. Sinh lý bệnh

2.1.1.1. Sinh lý bệnh của chấn thương ngực kín

2.1.1.2. Sinh lý bệnh của suy hô hấp

2.1.1.3. Sinh lý bệnh của suy tuần hoàn

2.1.2. Chẩn đoán

2.1.2.1. Chấn thương thành ngực

2.1.2.2. Tràn dịch hoặc khí màng phổi, có thể hỗn hợp Hội chứng tràn khí màng phổi

- 2.1.2.3. Đụng giập phổi
- 2.1.2.4. Chấn thương khí phế quản
- 2.1.2.5. Vỡ động mạch chủ do chấn thương
- 2.1.2.6. Chấn thương đụng giập tim
- 2.1.3. Thái độ xử trí cấp cứu
- 2.1.3.1. Đánh giá độ trầm trọng của chấn thương ngực kín
- 2.1.3.2. Nguyên tắc điều trị
- 2.1.4. Nguyên tắc điều trị
- 2.1.4.1. Thương tổn thành ngực
- 2.1.4.2. Điều trị đụng giập phổi
- 2.1.4.3. Điều trị vỡ phế quản
- 2. Vết thương ngực
- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Rối loạn hô hấp tuần hoàn trong vết thương ngực hở
- 2.3. Chẩn đoán
- 2.3.1. Nguyên tắc thăm khám và chẩn đoán
- 2.3.2. Thăm khám

Chương 5: Sỏi hệ tiết niệu

Thời gian: 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của sỏi tiết niệu.
- Kể tên được các xét nghiệm hình ảnh cần làm để chẩn đoán sỏi tiết niệu.
- Trình bày được các biến chứng của sỏi thận-sỏi niệu quản.
- Kể được các phương pháp điều trị ngoại khoa về sỏi hệ tiết niệu và trình bày được chỉ định của các phương pháp đó.

2. Nội dung của chương:

2.1. Sỏi thận

- 2.1.1. Dịch tễ học
- 2.1.2. Biểu hiện lâm sàng
- 2.1.3. Chẩn đoán lâm sàng
- 2.1.4. Điều trị
- 2.1.5. Theo dõi sau điều trị

2.2. Sỏi niệu quản

- 2.2.1. Đại cương

- 2.2.1.1. Định nghĩa
- 2.2.1.2. Nguyên nhân
- 2.2.1.3. Diễn tiến của sỏi niệu quản
- 2.2.2. Lâm sàng và cận lâm sàng
 - 2.2.2.1. Lâm sàng
 - 2.2.2.2. Cận lâm sàng
- 2.2.3. Điều trị
 - 2.2.3.1. Các phương pháp điều trị sỏi niệu quản
 - 2.2.3.2. Điều trị cấp cứu
 - 2.2.3.3. Điều trị nội khoa
 - 2.2.3.4. Điều trị ngoại khoa
- 2.3. Sỏi bàng quang
 - 2.3.1. Đại cương
 - 2.3.1.1. Định nghĩa
 - 2.3.1.2. Yếu tố nguy cơ
 - 2.3.2. Lâm sàng và cận lâm sàng
 - 2.3.2.1. Lâm sàng
 - 2.3.2.2. Cận lâm sàng
 - 2.3.3. Chẩn đoán
 - 2.3.3.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.3.3.2. Chẩn đoán phân biệt
 - 2.3.4. Điều trị
 - 2.3.4.1. Mục tiêu điều trị
 - 2.3.4.2. Điều trị nội khoa
 - 2.3.4.3. Ngoại khoa
 - 2.3.4.4. Điều trị biến chứng
 - 2.3.4.5. Điều trị căn nguyên
- 2.4. Sỏi niệu đạo
 - 2.4.1. Đại cương
 - 2.4.1.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Lâm sàng và cận lâm sàng
 - 2.4.2.1. Lâm sàng
 - 2.4.2.2. Cận lâm sàng

2.4.3. Chẩn đoán

2.4.3.1. Chẩn đoán xác định

2.4.3.2. Chẩn đoán phân biệt

2.4.4. Điều trị

2.4.4.1. Xử trí ban đầu

2.4.4.2. Ngoại khoa

Chương 6: Sỏi ống mật chủ

Thời gian 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Chẩn đoán được một bệnh nhân bị sỏi ống mật chủ.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị ngoại khoa sỏi ống mật chủ.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị ngoại khoa biến chứng sỏi ống mật chủ.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân và cơ chế

2.2.1. Thuyết nhiễm trùng

2.2.2. Thuyết nhiễm ký sinh trùng

2.2.3. Thuyết chuyển hóa và tăng cholesterol máu

2.3. Lâm sàng

2.3.1. Đau bụng

2.3.2. Sốt

2.3.3. Vàng da

2.3.4. Khám thực thể

2.3.5. Triệu chứng cận lâm sàng

2.3.5.1. Xét nghiệm máu

2.3.5.2. Xét nghiệm nước tiểu

2.3.5.3. Xét nghiệm hình ảnh

2.4. Chẩn đoán

2.4.1. Chẩn đoán xác định

2.4.2. Chẩn đoán phân biệt

2.5. Điều trị

2.5.1. Điều trị không phẫu thuật

2.5.2. Điều trị phẫu thuật

2.5.2.1. Phẫu thuật kinh điển (mổ hở)

2.5.2.2. Các phương pháp phẫu thuật

2.6. Phòng bệnh

Chương 7: Tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt

Thời gian 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được sinh lý bệnh của tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.
- Khám và chẩn đoán được các thể lâm sàng của tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.
- Trình bày được nguyên tắc điều trị tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Yếu tố nguy cơ

2.1.3. Nguyên nhân

2.2. Lâm sàng và cận lâm sàng

2.2.1. Lâm sàng

2.2.1.1. Triệu chứng cơ năng

2.2.1.2. Triệu chứng thực thể

2.2.2. Cận lâm sàng

2.3. Chẩn đoán

2.3.1. Chẩn đoán xác định

2.3.2. Chẩn đoán phân biệt

2.4. Điều trị

2.4.1. Xử trí ban đầu

2.4.2. Điều trị nội khoa

2.4.2.1. Các thuốc

2.4.2.2. Chỉ định điều trị

2.4.3. Ngoại khoa

2.4.3.1. Chỉ định

2.4.3.2. Cắt đốt nhân tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt nội soi qua niệu đạo

2.4.3.3. Các thay đổi kỹ thuật nội soi qua niệu đạo

2.4.4. Biến chứng

2.4.5. Xử trí một số tình huống lâm sàng

2.4.5.1. Thông niệu đạo - bàng quang

2.4.5.2. Thông niệu đạo - bàng quang thất bại

2.4.5.3. Suy thận do tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt

2.4.5.4. Tác nghẽn do tuyến tiền liệt lành tính có viêm mủ bàng quang, Niệu đạo, viêm tinh hoàn mào tinh hoàn, các bệnh lý nội khoa nặng

Chương 8: Viêm ruột thừa cấp ở trẻ em

Thời gian 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biến chứng của viêm ruột thừa cấp.
- Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của viêm ruột thừa cấp.
- Trình bày được các biến chứng của viêm ruột thừa cấp.
- Xử trí được viêm ruột thừa cấp và các biến chứng.

2. Nội dung của chương:

2.1. Lịch sử

2.2. Phôi thai học của ruột thừa

2.3. Đặc điểm về giải phẫu của ruột thừa

2.4. Thương tổn giải phẫu bệnh

2.4.1. Về đại thể

2.4.2. Về vi thể

2.5. Tàn suất

2.6. Bệnh nguyên

2.7. Triệu chứng lâm sàng

2.7.1. Triệu chứng cơ năng

2.7.2. Triệu chứng thực thể

2.8. Cận lâm sàng

2.8.1. Xét nghiệm

2.8.2. X - quang

2.8.3. Nội soi ổ bụng

2.8.4. Siêu âm

2.9. Diễn tiến

2.10. Chẩn đoán xác định

2.11. Chẩn đoán phân biệt

2.11.1. Bệnh đường ruột

2.11.2. Bệnh của tử cung và phần phụ

2.11.3. Nhiễm trùng đường tiết niệu

- 2.11.4. Các bệnh hệ thống
- 2.11.5. Chấn thương
- 2.11.6. Viêm phổi
- 2.11.7. Sốt xuất huyết
- 2.12. Điều trị
 - 2.12.1. VRT chưa vỡ
 - 2.12.2. VRT bị vỡ
 - 2.12.3. Abces RT
- 2.13. Các biến chứng hậu phẫu
 - 2.13.1. Chảy máu
 - 2.13.2. Nhiễm trùng
 - 2.13.3. Dò phân
 - 2.13.4. Tắc ruột
 - 2.13.5. Viêm tĩnh mạch
 - 2.13.6. Dò mũ vết mổ
 - 2.13.7. Hoại tử manh tràng sau mổ

Chương 9: Xử trí cấp cứu gãy xương

Thời gian 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được chẩn đoán được gãy xương.
- Trình bày được các biến chứng thường gặp trong gãy xương.
- Trình bày được xử trí ban đầu một số loại gãy xương thường gặp.
- Trình bày được xử trí cấp cứu các trường hợp gãy xương lớn, có biến chứng.

2. Nội dung của chương:

2.1. Khám tổng quát bệnh nhân bị gãy xương

2.1.1. Nguyên tắc

2.1.2. Khám chấn thương

2.1.3. Khám tổn thương kèm theo

2.2. Các biến chứng thường gặp trong gãy xương

2.2.1. Sốc chấn thương

2.2.2. Chèn ép khoang

2.2.3. Gãy xương hở

2.2.4. Tổn thương mạch máu, thần kinh

2.3. Quy trình xử lý cấp cứu gãy xương



2.3.1. Nẹp bột và cấp toa vè

2.3.1.1. Chỉ định

2.3.1.2. Phương pháp

2.3.2. Mời khám chuyên khoa chấn thương bán khẩn

2.3.2.1. Chỉ định

2.3.2.2. Phương pháp

2.3.3. Mời khám chuyên khoa khẩn cấp

Chương 10: Tiếp cận chẩn đoán và điều trị chấn thương sọ não

Thời gian 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Chẩn đoán được chấn thương sọ não.
- Trình bày được các xử trí trong chấn thương sọ não.
- Trình bày được các biến chứng thường gặp trong chấn thương sọ não.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Khám bệnh nhân chấn thương sọ não

2.2.1. Bệnh sử

2.2.2. Tiền sử

2.2.3. Khám lâm sàng

2.3. Cận lâm sàng

2.3.1. X quang sọ

2.3.2. Mạch não đồ

2.3.3. Chụp cắt lớp điện toán

2.4. Điều trị

2.4.1. Sơ cứu

2.4.2. Điều trị

Kiểm tra

Thời gian 1 giờ

Thực tập lâm sàng

Thời gian: 89 giờ (0 LT, 89 TH)

1. Mục tiêu:

- Tiếp xúc và hỏi được bệnh sử, tiền sử bệnh lý của người bệnh
- Thực hành thăm khám Chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý ngoại khoa thường gặp
- Tư vấn được chế độ điều trị các bệnh lý ngoại khoa.

2. Chỉ tiêu:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
		Thực tập	Kiến tập	
1	Thăm khám bệnh lý ống phúc tinh mạc	5		
2	Thăm khám được bệnh nhân chấn thương vết thương bụng	5		
3	Thăm khám được bệnh nhân vỡ bàng quang do chấn thương thận	5		
4	Thăm khám được bệnh nhân chấn thương ngực kín và vết thương ngực hở	5		
5	Chẩn đoán được bệnh nhân sỏi hệ tiết niệu	5		
6	Chẩn đoán được bệnh nhân sỏi ống mật chủ	5		
7	Chọc dò màng phổi , màng bụng		2	
8	Thăm khám được bệnh nhân được bệnh nhân tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt	5		
9	Thăm khám được bệnh nhân được bệnh nhân viêm ruột thừa cấp ở trẻ em	5		
10	Thăm khám được bệnh nhân được bệnh nhân gãy xương	10		
11	Làm và bình bệnh án ngoại khoa	10		
12	Thực hành khám bụng ngoại khoa	22		
13	Kiểm tra chuyển khoa bình bệnh án vấn đáp	5		

Kiểm tra

Thời gian 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: phòng học lý thuyết; các cơ sở y tế có các khoa lâm sàng chuyên khoa Ngoại tổng quát.

2. Trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy chiếu, micro, ống nghe, máy đo HA, đèn pin, búa phản xạ,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, bảng, phấn, mô hình giải phẫu các cơ quan ngực, bụng, găng tay,...

4. Các điều kiện khác: sinh viên phải học xong các môn học Vi sinh – Ký sinh trùng, Giải phẫu, Sinh lý, Sinh lý bệnh, Kiểm soát nhiễm khuẩn, Dược lý, Kỹ năng thực hành lâm sàng, Điều dưỡng cơ bản – Kỹ thuật điều dưỡng

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được các triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán các bệnh lý Ngoại khoa thường gặp và nêu được hướng xử trí.

- Kỹ năng: Thăm khám và phát hiện các triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý Ngoại khoa thường gặp

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

+ Chủ động, tích cực có trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao.

+ Trung thực, khách quan, thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình.

+ Nhận thức đúng việc chẩn đoán và điều trị một số bệnh Ngoại khoa thường gặp

2. Phương pháp:

- Hình thức đánh giá: trắc nghiệm, vấn đáp hoặc thực hiện kỹ thuật thăm khám người bệnh theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.

+ Hình thức kiểm tra bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp.

+ Hình thức thi kết thúc môn học: bình bệnh án vấn đáp trên người bệnh tại cơ sở y tế.

- Điểm kiểm tra gồm 2 cột điểm: 1 cột thường xuyên (phần lý thuyết bệnh ngoại khoa) và 1 cột định kỳ (đánh giá lâm sàng khoa Ngoại tổng quát). Trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2.

+ Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Bình bệnh án vấn đáp trên người bệnh, từ 45 đến 60 phút

+ Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn

đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Môn học Định hướng chuyên khoa Ngoại được áp dụng giảng dạy cho Y sĩ trình độ cao đẳng tại trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.

- Đơn vị phụ trách chính: Khoa Y

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giảng viên chuẩn bị bài giảng trước khi lên lớp

+ Tổ chức lớp học phân công nhóm thực hiện thuyết trình, thảo luận, vấn đáp,...

+ Soạn câu hỏi kiểm tra

+ Tổ chức đánh giá quá trình, kiểm tra định kỳ

- Đối với người học:

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế lâm sàng

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm là chẩn đoán các bệnh lý Ngoại khoa thường gặp và nêu được hướng xử trí.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ môn Ngoại ĐHYD Thành phố Hồ Chí Minh, *Bệnh học Ngoại – Điều trị Ngoại*, NXB Y học, 2006

[2] Bộ môn Ngoại ĐH Y Hà nội, *Bệnh học Ngoại T1, T2*, NXB Y học, 2007

[3] Hà Văn Quyết và cộng sự, *Bài giảng bệnh học ngoại khoa*, NXB Y học, 2016

[4] Hà Văn Quyết, Trần Quán Anh và cộng sự, *Bệnh học ngoại Tập 2 (sau ĐH)*, NXB Y học, 2012

[5] Guyton A.C., Hall, *Textbook of Medical Physiology, 10th ed*, Philadenphia, W.B.Saunders Co.,2000

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Định hướng cơ bản chuyên khoa Nhi

Mã môn học: MH24A113438

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 89 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Định hướng chuyên khoa Nhi là một môn học tự chọn trong các chuyên ngành định hướng cơ bản trong chương trình đào tạo Y sĩ cao đẳng, là một trong các chuyên khoa chuyên ngành quan trọng được học sau khi học xong các môn cơ bản, chuyên ngành được. Môn học được bố trí học ở học kỳ 6.

- Tính chất: Đây là môn học lý thuyết, sau khi học kết thúc môn học sinh sẽ đi thực hành trên người bệnh tại bệnh viện.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

Trình bày được các triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán các bệnh lý Nhi khoa thường gặp và nêu được hướng xử trí.

- Kỹ năng:

+ Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng, bệnh lý Nhi khoa

+ Chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý Nhi khoa thường gặp

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế

+ Chủ động, tích cực có trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao

+ Trung thực, khách quan, thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
I	Lý thuyết	29	29	0	0

1	<p>Chương 1: Nhiễm khuẩn sơ sinh</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Nguyên nhân 2.2. Yếu tố nguy cơ 3. Triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm và chẩn đoán <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Biểu hiện lâm sàng 3.2. Xét nghiệm 3.3. Chẩn đoán xác định 4. Điều trị nhiễm khuẩn sơ sinh <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Kháng sinh chống nhiễm khuẩn 4.2. Vệ sinh 4.3. Liệu pháp hỗ trợ <ol style="list-style-type: none"> 4.3.1. Cân bằng thân nhiệt 4.3.2. Cân bằng nước, điện giải, toan kiềm 4.3.3. Chống suy hô hấp cấp 4.3.4. Chống rối loạn đông máu 4.3.5. Thay máu 4.3.6. Thuốc tăng cường miễn dịch 5. Phòng nhiễm khuẩn sơ sinh 	2	2	0	0
2	<p>Chương 2: Suy hô hấp sơ sinh</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa 2. Nguyên nhân <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Nguyên nhân tại đường hô hấp 2.2. Nguyên nhân ngoài đường hô hấp 3. Chẩn đoán <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Lâm sàng 3.2. Cận lâm sàng 4. Điều trị <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Nguyên tắc điều trị 4.2. Điều trị cụ thể 5. Phòng bệnh 	2	2	0	0
	<p>Chương 3: Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sự thích nghi với cuộc sống 	2	2	0	0

<p>bên ngoài tử cung</p> <p>2. Khai thác bệnh sử và tiền sử</p> <p>2.1. Tiền sử gia đình</p> <p>2.2. Tiền sử mẹ</p> <p>2.3. Diễn biến chính xác quá trình thai nghén</p> <p>2.4. Diễn biến của chuyển dạ</p> <p>3. Khám trẻ sơ sinh</p> <p>3.1. Xác định tuổi thai</p> <p>3.2. Xác định mức độ dinh dưỡng của trẻ sơ sinh trong thai kỳ</p> <p>4. Khám trẻ sơ sinh trong phòng sinh</p> <p>5. Khám từng cơ quan</p> <p>6. Phân loại trẻ sơ sinh</p> <p>6.1. Sơ sinh đủ tháng</p> <p>6.2. Sơ sinh đẻ non</p> <p>6.3. Sơ sinh già tháng</p> <p>7. Những nguy cơ gặp phải trong quá trình chăm sóc</p> <p>7.1. Sơ sinh đủ tháng</p> <p>7.2. Sơ sinh đẻ non</p> <p>7.3. Sơ sinh đẻ yếu</p> <p>7.4. Sơ sinh già tháng</p> <p>8. Những bệnh lý ngoại khoa sơ sinh cần cấp cứu</p> <p>9. Chăm sóc trẻ sơ sinh</p> <p>9.1. Chăm sóc tại nhà hộ sinh</p> <p>9.2. Chăm sóc tuần đầu tiên tại nhà</p>				
<p>Chương 4: Bại não</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Dịch tễ</p> <p>3. Nguyên nhân</p> <p>3.1. Nguyên nhân trước lúc sinh</p> <p>3.2. Nguyên nhân trong lúc sinh</p> <p>3.3. Nguyên nhân sau sinh</p> <p>4. Lâm sàng</p> <p>5. Phân loại</p> <p>6. Điều trị</p> <p>7. Phòng ngừa</p>	1	1	0	0

<p>Chương 5: Viêm khớp dạng thấp thiếu niên</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Dịch tễ học 3. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ 4. Các thể lâm sàng <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Thể hệ thống 4.2. Thể đa khớp 4.3. Thể ít khớp 5. Chẩn đoán <ol style="list-style-type: none"> 5.1. Chẩn đoán xác định 5.2. Chẩn đoán phân biệt 6. Điều trị <ol style="list-style-type: none"> 6.1. Nguyên tắc điều trị 6.2. Điều trị cụ thể 	2	2	0	0
<p>Chương 6: Hội chứng táo bón trẻ em</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương 2. Nguyên nhân 3. Triệu chứng lâm sàng và thăm khám <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Bệnh sử 3.2. Khám 3.3. Cận lâm sàng 4. Điều trị <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Nguyên tắc điều trị 4.2. Thực hiện điều trị 	1	1	0	0
<p>Chương 7: Bệnh do giun sán ống tiêu hóa trẻ em</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bệnh do giun đũa <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Chu trình 1.2. Bệnh sinh 1.3. Dịch tễ 1.4. Lâm sàng 1.5. Biểu chứng 1.6. Phòng bệnh 2. Bệnh do giun kim <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Chu trình và bệnh lý giun kim 2.2. Dịch tễ 2.3. Lâm sàng 2.4. Điều trị 	2	2	0	0

<p>3. Bệnh do giun sán dải lợn và sán dải bò</p> <p>3.1. Chu trình và dịch tễ học</p> <p>3.2. Lâm sàng</p> <p>3.3. Chẩn đoán</p> <p>3.4. Phòng bệnh</p> <p>3.5. Điều trị</p>				
<p>Chương 8: Hội chứng xuất huyết ở trẻ em</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Sinh lý học quá trình đông cầm máu</p> <p>2.1. Giai đoạn thành mạch</p> <p>2.2. Giai đoạn tiểu cầu</p> <p>2.3. Giai đoạn huyết tương hay đông máu</p> <p>3. Sinh lý bệnh hội chứng xuất huyết</p> <p>4. Tần suất bệnh xuất huyết trẻ em</p> <p>5. Phân loại nguyên nhân</p> <p>5.1. Do thành mạch</p> <p>5.2. Do tiểu cầu</p> <p>5.3. Do rối loạn quá trình đông máu</p> <p>6. Chẩn đoán</p> <p>6.1. Khám lâm sàng xuất huyết</p> <p>6.2. Cận lâm sàng</p> <p>6.3. Định hướng chẩn đoán</p> <p>7. Các bệnh và hội chứng bệnh gây xuất huyết thường gặp</p> <p>7.1. Bệnh ưa chảy máu</p> <p>7.2. Hội chứng đông máu rải rác nội mạch</p> <p>7.3. Hội chứng tiêu sợi huyết nguyên phát cấp</p>	3	3	0	0
<p>Chương 9: Bệnh thiếu máu ở trẻ em</p> <p>1. Đại cương</p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Dịch tễ học</p> <p>2. Phân loại</p> <p>2.1. Theo nguyên nhân</p>	2	2	0	0

	<p>2.2. Theo kích thước hồng cầu</p> <p>2.3. Theo khoảng phân bố hồng cầu và thể tích hồng cầu</p> <p>3. Một số hội chứng thiếu máu thường gặp</p> <p>3.1. Thiếu máu thiếu sắt</p> <p>3.2. Bệnh Thalassemia</p>				
4	<p>Chương 10: Xử trí dị tật bẩm sinh cấp cứu</p> <p>1. Giới thiệu</p> <p>2. Các dị tật bẩm sinh ngoại khoa thường gặp</p> <p>2.1. Các dị tật ở vùng ngực</p> <p>2.2. Các dị tật ở đường tiêu hóa</p> <p>2.3. Thoát vị màng não tủy và tật nứt đốt sống</p> <p>2.4. Teo tật lỗ mũi sau</p> <p>3. Dự phòng</p>	3	3	0	0
5	<p>Chương 11: Cấp cứu ngưng tim – ngưng thở</p> <p>1. Nguyên nhân</p> <p>2. Chẩn đoán chết lâm sàng</p> <p>3. Một số yếu tố cần lưu ý trong cấp cứu ngưng tim ngưng thở</p> <p>3.1. Sự hoà hợp giữa tuần hoàn và hô hấp (nhịp nhàng – đồng bộ)</p> <p>3.2. Tiến hành cấp cứu (trường hợp có hai người cấp cứu)</p> <p>3.3. Chỉ định đặt nội khí quản</p> <p>3.4. Thao tác và kỹ thuật đặt nội khí quản</p> <p>3.5. Dùng thuốc</p> <p>3.6. Đánh giá và theo dõi</p> <p>4. Phòng bệnh</p> <p>4.1. Cấp 0 – I</p> <p>4.2. Cấp II</p> <p>4.3. Cấp III</p>	2	2	0	0
	<p>Chương 12: Chẩn đoán và xử trí ngộ độc cấp ở trẻ em</p> <p>1. Đại cương</p> <p>2. Dịch tễ học</p>	2	2	0	0

<p>3. Chẩn đoán 3.1. Nghi ngờ ngộ độc cấp 3.2. Chẩn đoán lâm sàng 3.3. Chẩn đoán xác định 4. Nguyên tắc xử trí 4.1. Thăm khám bệnh nhân ngộ độc cấp 4.2. Thứ tự ưu tiên trong xử trí NĐC 5. Xử trí cụ thể 5.1. Ưu tiên 1 (Điều trị triệu chứng) 5.2. Ưu tiên 2 (Điều trị tổng độc) 5.3. Ưu tiên 3 (Điều trị thải độc) 5.4. Ưu tiên 4 (Điều trị kháng độc) 5.5. Chuyển tuyến 6. Phòng ngừa ngộ độc</p>				
<p>Chương 13: Biếng ăn ở trẻ em 1. Nguyên nhân chính gây biếng ăn ở trẻ em 1.1. Nguyên nhân tâm lý 1.2. Các bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng 1.3. Bệnh lý tiêu hóa và răng miệng 1.4. Bệnh mạn tính 1.5. Các nguyên nhân khác 2. Chẩn đoán 2.1. Lâm sàng 2.2. Cận lâm sàng 3. Nguyên tắc xử trí 3.1. Biếng ăn do nguyên nhân tâm lý 3.2. Biếng ăn do bệnh nhiễm trùng, ký sinh trùng, bệnh lý tiêu hoá, răng miệng 3.3. Biếng ăn do bệnh lý mạn tính nặng 3.4. Biếng ăn do các nguyên nhân khác</p>	1	1	0	0

DẤU
TRƯỞNG
CÁC
TIÊU
CH

7	Chương 14: Sốt cao co giật đơn thuần 1. Khái niệm 2. Nguyên nhân 3. Chẩn đoán 3.1. Cận lâm sàng 3.2. Chẩn đoán xác định 3.3. Chẩn đoán phân biệt 4. Điều trị 4.1. Tại nhà 4.2. Tại Trạm Y tế 4.3. Tại bệnh viện 5. Phòng bệnh và giáo dục kiến thức cho phụ huynh	2	2	0	0
	Chương 15: Sử dụng thuốc ở trẻ em 1. Những đặc điểm sinh học chủ yếu của cơ thể trẻ 2. Các tác dụng phụ của một số loại thuốc thông thường 2.1. Kháng sinh 2.2. Giảm đau, hạ sốt 2.3. An thần và thuốc chống động kinh 2.4. Một số thuốc khác 3. Nguyên tắc xử trí 4. Tương kỵ của một số thuốc 5. Các đường đưa thuốc vào cơ thể trẻ 6. Kê đơn thuốc ở trẻ em 7. Các cách tính liều lượng cho trẻ em 8. Sử dụng một số thuốc thông dụng ở trẻ em 8.1. Thuốc kháng sinh 8.2. Thuốc giảm đau, hạ sốt 8.3. Thuốc an thần và chống co giật 8.4. Thuốc chống suy tim (Digoxin) 8.5. Thuốc lợi tiểu (Furosemide)	2	2	0	0
II	Kiểm tra	1	0	0	1

III	Thực tập lâm sàng	90	0	89	1
IV	Cộng	120	29	89	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Nhiễm khuẩn sơ sinh

Thời gian 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân và yếu tố nguy cơ gây NKSS
- Trình bày được triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm và chẩn đoán NKSS
- Trình bày được các biện pháp điều trị NKSS
- Trình bày được các biện pháp phòng ngừa NKSS

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Yếu tố nguy cơ

2.2.2.1. Đường máu

2.2.2.2. Qua màng ối

2.2.2.3. Tiếp xúc trực tiếp

2.3. Triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm và chẩn đoán

2.3.1. Biểu hiện lâm sàng

2.3.2. Xét nghiệm

2.3.3. Chẩn đoán xác định

2.4. Điều trị nhiễm khuẩn sơ sinh

2.4.1. Kháng sinh chống nhiễm khuẩn

2.4.1.1. Lựa chọn kháng sinh

2.4.1.2. Liều kháng sinh thường dùng

2.4.1.3. Thời gian sử dụng kháng sinh

2.4.2. Vệ sinh

2.4.3. Liệu pháp hỗ trợ

2.4.3.1. Cân bằng thân nhiệt

2.4.3.2. Cân bằng nước, điện giải, toan kiềm

2.4.3.3. Chống suy hô hấp cấp

2.4.3.4. Chống rối loạn đông máu

11 | 100-9 | 111

2.4.3.5. Thay máu

2.4.3.6. Thuốc tăng cường miễn dịch

2.5. Phòng nhiễm khuẩn sơ sinh

Chương 2: Suy hô hấp sơ sinh

Thời gian 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân gây suy hô hấp sơ sinh
- Trình bày được chẩn đoán sơ sinh
- Trình bày được cách xử trí suy hô hấp sơ sinh
- Trình bày được các biện pháp phòng ngừa suy hô hấp sơ sinh

2. Nội dung của chương:

2.1. Định nghĩa

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Nguyên nhân tại đường hô hấp

2.2.2. Nguyên nhân ngoài đường hô hấp

2.3. Chẩn đoán

2.3.1. Lâm sàng

2.3.2. Cận lâm sàng

2.4. Điều trị

2.4.1. Nguyên tắc điều trị

2.4.2. Điều trị cụ thể

2.4.2.1. Chống suy hô hấp.

2.4.2.2. Chống toan máu

2.4.2.3. Chống nhiễm khuẩn

2.4.2.4. Chống kiệt sức.

2.4.2.5. Điều trị nguyên nhân

2.5. Phòng bệnh

Chương 3: Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ và thiếu tháng

Thời gian 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Khám được trẻ sơ sinh và xác định được tuổi thai theo tiêu chuẩn nhi khoa (hình thái và thần kinh)

- Khai thác xác định được các yếu tố từ mẹ trong khi mang thai và khi chuyển dạ có nguy cơ cho trẻ sơ sinh.

- Chẩn đoán được 4 loại sơ sinh: đủ tháng, đẻ yếu và suy dinh dưỡng bào thai, già tháng.

- Lập được kế hoạch chăm sóc 4 loại trẻ sơ sinh này.

2. Nội dung của chương:

2.1. Sự thích nghi với cuộc sống bên ngoài tử cung

2.2. Khai thác bệnh sử và tiền sử

2.2.1. Tiền sử gia đình

2.2.2. Tiền sử mẹ

2.2.3. Diễn biến chính xác quá trình thai nghén

2.2.4. Diễn biến của chuyển dạ

2.3. Khám trẻ sơ sinh

2.3.1. Xác định tuổi thai

2.3.1.1. Định nghĩa

2.3.1.2. Xác định tuổi thai theo tiêu chuẩn sản khoa

2.3.2. Xác định mức độ dinh dưỡng của trẻ sơ sinh trong thai kỳ

2.4. Khám trẻ sơ sinh trong phòng sinh

2.5. Khám từng cơ quan

2.6. Phân loại trẻ sơ sinh

2.6.1. Sơ sinh đủ tháng

2.6.1.1. Sơ sinh đủ tháng bình dưỡng

2.6.1.2. Sơ sinh đủ tháng thiếu dưỡng

2.6.1.3. Sơ sinh quá dưỡng

2.6.2. Sơ sinh đẻ non

2.6.2.1. Đẻ non bình dưỡng

2.6.2.2. Đẻ non thiếu dưỡng

2.6.3. Sơ sinh già tháng

2.7. Những nguy cơ gặp phải trong quá trình chăm sóc

2.7.1. Sơ sinh đủ tháng

2.7.2. Sơ sinh đẻ non

2.7.3. Sơ sinh đẻ yếu

2.7.4. Sơ sinh già tháng

2.8. Những bệnh lý ngoại khoa sơ sinh cần cấp cứu

2.9. Chăm sóc trẻ sơ sinh

2.9.1. Chăm sóc tại nhà hộ sinh

2.9.2. Chăm sóc tuần đầu tiên tại nhà

Chương 4: Bại não

Thời gian 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Chỉ ra được một số đặc điểm về dịch tễ chứng bại não ở trẻ em.
- Trình bày các nguyên nhân bại não trước sinh và sau sinh
- Mô tả các đặc điểm về lâm sàng, cận lâm sàng ở giai đoạn sớm và muộn
- Trình bày được các loại bại não

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Dịch tễ

2.3. Nguyên nhân

2.3.1. Nguyên nhân trước lúc sinh

2.3.2. Nguyên nhân trong lúc sinh

2.3.3. Nguyên nhân sau sinh

2.4. Lâm sàng

2.5. Phân loại

2.5.1. Cứng cơ

2.5.2. Múa vờn

2.5.3. Mất thăng bằng

2.6. Điều trị

2.7. Phòng ngừa

Chương 5: Viêm khớp dạng thấp thiếu niên

Thời gian 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày dịch tễ học, nguyên nhân và yếu tố nguy cơ của bệnh
- Phân biệt các thể lâm sàng và những biến chứng.
- Nêu được nguyên tắc điều trị và cách phòng bệnh.
- Hướng dẫn các bà mẹ cách chăm sóc trẻ bệnh.

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.2. Dịch tễ học

2.3. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ

- 2.3.1. Nguyên nhân
- 2.3.2. Yếu tố nguy cơ
- 2.4. Các thể lâm sàng
 - 2.4.1. Thể hệ thống
 - 2.4.1.1. Lâm sàng
 - 2.4.1.2. Cận lâm sàng
 - 2.4.1.3. Tiến triển, biến chứng, tiên lượng
 - 2.4.2. Thể đa khớp
 - 2.4.2.1. Lâm sàng
 - 2.4.2.2. Cận lâm sàng
 - 2.4.2.3. Tiến triển
 - 2.4.2.4. Biến chứng
 - 2.4.3. Thể ít khớp
 - 2.4.3.1. Lâm sàng
 - 2.4.3.2. Cận lâm sàng
 - 2.4.3.3. Tiến triển
- 2.5. Chẩn đoán
 - 2.5.1. Chẩn đoán xác định
 - 2.5.2. Chẩn đoán phân biệt
- 2.6. Điều trị
 - 2.6.1. Nguyên tắc điều trị
 - 2.6.2. Điều trị cụ thể
 - 2.6.2.1. Dùng thuốc
 - 2.6.2.2. Vật lý trị liệu
 - 2.6.2.3. Phẫu thuật chỉnh hình
 - 2.6.2.4. Khám mắt

Chương 6: Hội chứng táo bón trẻ em Thời gian 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tần suất mắc bệnh và nguyên nhân của táo bón ở trẻ em
- Kể các triệu chứng lâm sàng và cách thăm khám để phát hiện bệnh
- Nêu các xét nghiệm thường dùng để chẩn đoán nguyên nhân
- Trình bày cách điều trị và phòng táo bón

2. Nội dung của chương:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Nguyên nhân
 - 2.2.1. Ở trẻ sơ sinh
 - 2.2.2. Ngoài diện sơ sinh
- 2.3. Triệu chứng lâm sàng và thăm khám
 - 2.3.1. Bệnh sử
 - 2.3.2. Khám
 - 2.3.3. Cận lâm sàng
- 2.4. Điều trị
 - 2.4.1. Nguyên tắc điều trị
 - 2.4.1.1. Làm sạch (rỗng) đại tràng
 - 2.4.1.2. Chấm dứt đau đốn khi đi tiêu
 - 2.4.1.3. Tập thói quen đi tiêu
 - 2.4.1.4. Chế độ ăn
 - 2.4.2. Thực hiện điều trị

Chương 7: Bệnh do giun sán ống tiêu hóa trẻ em

Thời gian 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các đặc điểm chính của chu kỳ sinh học, bệnh sinh của một số loại giun (giun đũa, giun kim), sán (sán dây bò, sán dây lợn)
- Nêu được các đặc điểm dịch tễ của từng loại giun sán.
- Kể được các biến chứng của giun sán và xử trí được các biến chứng chính: giun chui ống mật, tắc ruột, áp xe gan, thiếu máu.
- Trình bày được các phương pháp phòng chống bệnh giun sán.

2. Nội dung của chương:

2.1. Bệnh do giun đũa

- 2.1.1. Chu trình
- 2.1.2. Bệnh sinh
- 2.1.3. Dịch tễ
- 2.1.4. Lâm sàng
 - 2.1.4.1. Thời kỳ xâm nhập và di chuyển trong cơ thể
 - 2.1.4.2. Thời kỳ cư trú ở ruột
- 2.1.5. Biến chứng

- 2.1.5.1. Giun chui ống mật
- 2.1.5.2. Nhiễm trùng đường mật
- 2.1.5.3. Áp xe gan
- 2.1.5.4. Tắc ruột do giun
- 2.1.5.5. Các biến chứng khác
- 2.1.6. Phòng bệnh
- 2.2. Bệnh do giun kim
 - 2.2.1. Chu trình và bệnh lý giun kim
 - 2.2.2. Dịch tễ
 - 2.2.3. Lâm sàng
 - 2.2.4. Điều trị
- 2.3. Bệnh do giun sán dải lợn và sán dải bò
 - 2.3.1. Chu trình và dịch tễ học
 - 2.3.2. Lâm sàng
 - 2.3.2.1. Triệu chứng học bệnh sán dải
 - 2.3.2.2. Triệu chứng bệnh ấu trùng sán dây lợn
 - 2.3.3. Chẩn đoán
 - 2.3.4. Phòng bệnh
 - 2.3.5. Điều trị

Chương 8: Hội chứng xuất huyết ở trẻ em

Thời gian 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Phân loại được hội chứng xuất huyết theo cơ chế bệnh sinh và nguyên nhân
- Mô tả được các hình thái xuất huyết và trình bày được các xét nghiệm đông máu toàn bộ.
- Chẩn đoán và xử trí một số trường hợp bệnh xuất huyết trẻ em.
- Tư vấn về cách phòng xuất huyết cho bệnh nhi bị ưa chảy máu.

2. Nội dung của chương

2.1. Đại cương

2.2. Sinh lý học quá trình đông cầm máu

2.2.1. Giai đoạn thành mạch

2.2.2. Giai đoạn tiêu cầu

2.2.3. Giai đoạn huyết tương hay đông máu



- 2.3. Sinh lý bệnh hội chứng xuất huyết
- 2.4. Tần suất bệnh xuất huyết trẻ em
- 2.5. Phân loại nguyên nhân
 - 2.5.1. Do thành mạch
 - 2.5.2. Do tiểu cầu
 - 2.5.3. Do rối loạn quá trình đông máu
- 2.6. Chẩn đoán
 - 2.6.1. Khám lâm sàng xuất huyết
 - 2.6.2. Cận lâm sàng
 - 2.6.3. Định hướng chẩn đoán
- 2.7. Các hội chứng xuất huyết thường gặp
 - 2.7.1. Bệnh ưa chảy máu
 - 2.7.1.1. Đại cương
 - 2.7.1.2. Bệnh sinh
 - 2.7.1.3. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.7.1.4. Xét nghiệm
 - 2.7.1.5. Điều trị
 - 2.7.1.6. Chăm sóc sức khỏe ban đầu
 - 2.7.2. Hội chứng đông máu rải rác nội mạch
 - 2.7.2.1. Nguyên nhân
 - 2.7.2.2. Bệnh sinh
 - 2.7.2.3. Lâm sàng
 - 2.7.2.4. Xét nghiệm
 - 2.7.2.5. Chẩn đoán
 - 2.7.2.6. Điều trị
 - 2.7.3. Hội chứng tiêu sợi huyết nguyên phát cấp
 - 2.7.3.1. Đại cương
 - 2.7.3.2. Lâm sàng
 - 2.7.3.3. Xét nghiệm
 - 2.7.3.4. Điều trị

Chương 9: Bệnh thiếu máu ở trẻ em

Thời gian 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Định nghĩa và phân loại thiếu máu
- Chẩn đoán và xử trí được các bệnh thiếu máu thiếu sắt trẻ em và thiếu máu huyết tán
- Tư vấn cho gia đình về phòng thiếu máu thiếu sắt, thiếu máu huyết tán di truyền

2. Nội dung của chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Dịch tễ học

2.2. Phân loại

2.2.1. Theo nguyên nhân

2.2.1.1. Thiếu máu do giảm sinh

2.2.1.2. Thiếu máu do mất máu

2.2.1.3. Thiếu máu do tan máu

2.2.2. Theo kích thước hồng cầu

2.2.2.1. Thiếu máu hồng cầu nhỏ

2.2.2.2. Thiếu máu hồng cầu to

2.2.2.3. Thiếu máu hồng cầu bình thường

2.2.3. Theo khoảng phân bố hồng cầu và thể tích hồng cầu

2.3. Một số hội chứng thiếu máu thường gặp

2.3.1. Thiếu máu thiếu sắt

2.3.1.1. Đại cương

2.3.1.2. Nguyên nhân

2.3.1.3. Lâm sàng

2.3.1.4. Xét nghiệm

2.3.1.5. Điều trị

2.3.1.6. Phòng ngừa

2.3.2. Bệnh Thalassemia

2.3.2.1. Đại cương

2.3.2.2. Bệnh α Thalassémia

2.3.2.3. Bệnh β Thalassémia

2.3.2.4. Chăm sóc sức khỏe ban đầu

Chương 10: Xử trí dị tật bẩm sinh cấp cứu

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân gây dị tật bẩm sinh
- Trình bày được triệu chứng các dị tật bẩm sinh cấp cứu
- Trình bày được cách xử trí các dị tật bẩm sinh cấp cứu
- Trình bày được các biện pháp phòng ngừa dị tật bẩm sinh

2. Nội dung của chương:

2.1. Giới thiệu

2.2. Các dị tật bẩm sinh ngoại khoa thường gặp

2.2.1. Các dị tật ở vùng ngực

2.2.1.1. Thoát vị hoành bẩm sinh

2.2.1.2. Dị dạng phế quản và phổi bẩm sinh

2.2.2. Các dị tật ở đường tiêu hóa

2.2.2.1. Teo thực quản

2.2.2.2. Tắc ruột

2.2.2.3. Viêm phúc mạc phân su

2.2.2.4. Thoát vị rốn và khe hở thành bụng

2.2.5. Không hậu môn

2.2.3. Thoát vị màng não tủy và tật nứt đốt sống

2.2.4. Teo tật lỗ mũi sau

2.3. Dự phòng

Chương 11: Cấp cứu ngưng tim – ngưng thở

Thời gian 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- *Kể được các nguyên nhân thường dẫn đến ngưng tim – ngưng thở.*
- *Chẩn đoán được nhanh bệnh nhi chết lâm sàng (LS).*
- *Trình bày được thao tác và kỹ thuật xoa bóp tim ngoài lồng ngực và bóp bóng giúp thở.*
- *Trình bày được thao tác và kỹ thuật đặt nội khí quản (NKQ).*
- *Chọn lựa các thông số hồi sức tim phổi thích hợp theo từng lứa tuổi.*
- *Trình bày được cách sử dụng thuốc trong cấp cứu ngưng tim – ngưng thở.*
- *Nêu cách phòng bệnh ngưng tim – ngưng thở.*

2. Nội dung của chương:

- 2.1. Nguyên nhân
- 2.2. Chẩn đoán chết lâm sàng
- 2.3. Một số yếu tố cần lưu ý trong cấp cứu ngưng tim ngưng thở
 - 2.3.1. Sự hoà hợp giữa tuần hoàn và hô hấp (nhịp nhàng – đồng bộ)
 - 2.3.2. Tiến hành cấp cứu (trường hợp có hai người cấp cứu)
 - 2.3.3. Chỉ định đặt nội khí quản
 - 2.3.4. Thao tác và kỹ thuật đặt nội khí quản
 - 2.3.5. Dùng thuốc
 - 2.3.6. Đánh giá và theo dõi
- 2.4. Phòng bệnh
 - 2.4.1. Cấp 0 – I
 - 2.4.2. Cấp II
 - 2.4.3. Cấp III

Chương 12: Chẩn đoán và xử trí ngộ độc cấp ở trẻ em

Thời gian 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên tắc của việc chẩn đoán & xử trí ngộ độc ở trẻ em.
- Trình bày được các chống chỉ định hay các cách xử trí không thích hợp trong xử trí ngộ độc.
- Hướng dẫn được cho các bà mẹ cách phòng ngừa và cách xử trí ban đầu các ngộ độc cấp cho trẻ em

2. Nội dung của chương:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Dịch tễ học
 - 2.2.1. Tuổi
 - 2.2.2. Nơi ngộ độc
 - 2.2.3. Tác nhân gây ngộ độc
 - 2.2.4. Nguyên nhân
 - 2.2.5. Tần suất
 - 2.2.6. Tỷ lệ tử vong
- 2.3. Chẩn đoán
 - 2.3.1. Nghi ngờ ngộ độc cấp
 - 2.3.2. Chẩn đoán lâm sàng



- 2.3.3. Chẩn đoán xác định
- 2.4. Nguyên tắc xử trí
 - 2.4.1. Thăm khám bệnh nhân ngộ độc cấp
 - 2.4.2. Thứ tự ưu tiên trong xử trí NĐC
- 2.5. Xử trí cụ thể
 - 2.5.1. Ưu tiên 1 (Điều trị triệu chứng)
 - 2.5.1.1. Mục đích
 - 2.5.1.2. Biện pháp và kỹ thuật
 - 2.5.2. Ưu tiên 2 (Điều trị tổng độc)
 - 2.5.2.1. Mục đích
 - 2.5.2.2. Biện pháp và kỹ thuật
 - 2.5.3. Ưu tiên 3 (Điều trị thải độc)
 - 2.5.3.1. Mục đích
 - 2.5.3.2. Biện pháp và kỹ thuật
 - 2.5.4. Ưu tiên 4 (Điều trị kháng độc)
 - 2.5.4.1. Mục đích
 - 2.5.4.2. Biện pháp
 - 2.5.5. Chuyển tuyến
- 2.6. Phòng ngừa ngộ độc
 - 2.6.1. Tuyên truyền giáo dục
 - 2.6.2. Quản lý tốt các nguồn độc chất, thuốc

Chương 13: Biếng ăn ở trẻ em

Thời gian 1 giờ (1 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu:
 - Trình bày được những nguyên nhân thường gặp gây biếng ăn ở trẻ em
 - Chẩn đoán được các loại biếng ăn ở trẻ em
 - Xử trí được các loại biếng ăn ở trẻ em
- 2. Nội dung của chương:
 - 2.1. Nguyên nhân chính gây biếng ăn ở trẻ em
 - 2.1.1. Nguyên nhân tâm lý
 - 2.1.2. Các bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng
 - 2.1.3. Bệnh lý tiêu hóa và răng miệng
 - 2.1.4. Bệnh mạn tính
 - 2.1.5. Các nguyên nhân khác

- 2.2. Chẩn đoán
 - 2.2.1. Lâm sàng
 - 2.2.1.1. Biếng ăn do tâm lý ở trẻ nhỏ
 - 2.2.1.2. Biếng ăn do nguyên nhân tâm lý ở trẻ thiếu niên
 - 2.2.1.3. Biếng ăn do các bệnh nhiễm trùng, bệnh lý răng miệng, bệnh mãn tính nặng
 - 2.2.2. Cận lâm sàng
 - 2.2.2.1. Các bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng
 - 2.2.2.2. Các bệnh lý tiêu hoá và răng miệng
 - 2.2.2.3. Các bệnh mãn tính nặng
- 2.3. Nguyên tắc xử trí
 - 2.3.1. Biếng ăn do nguyên nhân tâm lý
 - 2.3.1.1. Ở trẻ nhỏ
 - 2.3.1.2. Ở trẻ thiếu niên
 - 2.3.2. Biếng ăn do bệnh nhiễm trùng, ký sinh trùng, bệnh lý tiêu hoá, răng miệng
 - 2.3.3. Biếng ăn do bệnh lý mạn tính nặng
 - 2.3.4. Biếng ăn do các nguyên nhân khác
 - 2.3.4.1. Biếng ăn do sinh lý
 - 2.3.4.2. Biếng ăn do sai lầm trong chế độ ăn và cách chế biến thức ăn

Chương 14: Sốt cao co giật đơn thuần ở trẻ em

Thời gian 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cách chẩn đoán sốt cao co giật đơn thuần (SCCGĐT)
- Trình bày được cách xử trí SCCGĐT
- Hướng dẫn được cha mẹ trẻ cách lau (ấm, mát) hạ nhiệt
- Trình bày cách sử dụng paracetamol hạ nhiệt cho trẻ bị SCCGĐT
- Trình bày cách sử dụng thuốc an thần trong xử trí cắt cơn SCCGĐT
- Hướng dẫn giáo dục kiến thức phòng bệnh lúc nằm viện và sau khi về nhà

2. Nội dung của chương:

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Nguyên nhân
- 2.3. Chẩn đoán
 - 2.3.1. Cận lâm sàng

2.3.2. Chẩn đoán xác định

2.3.3. Chẩn đoán phân biệt

2.4. Điều trị

2.4.1. Tại nhà

2.4.2. Tại Trạm Y tế

2.4.3. Tại bệnh viện

2.5. Phòng bệnh và giáo dục kiến thức cho phụ huynh

Chương 15: Sử dụng thuốc ở trẻ em

Thời gian 2 giờ (2 LT, 0 TH)

Mục tiêu:

- Trình bày được những đặc điểm sinh học chủ yếu của cơ thể trẻ em có liên quan đến quá trình hấp thu, chuyển hóa và bài tiết thuốc.

- Trình bày được các tác dụng phụ của một số loại thuốc thông thường trong nhi khoa (Kháng sinh, chống đau, hạ sốt, an thần) và cách xử trí khi dùng quá liều một số thuốc thông thường.

- Trình bày được những đường đưa thuốc vào cơ thể trẻ và nguyên tắc kê đơn cho trẻ.

- Tính được liều lượng thuốc cho trẻ

Nội dung của chương:

2.1. Những đặc điểm sinh học chủ yếu của cơ thể trẻ

2.2. Các tác dụng phụ của một số loại thuốc thông thường

2.2.1. Kháng sinh

2.2.2. Giảm đau, hạ sốt

2.2.3. An thần và thuốc chống động kinh

2.2.4. Một số thuốc khác

2.3. Nguyên tắc xử trí

2.4. Tương kỵ của một số thuốc

2.5. Các đường đưa thuốc vào cơ thể trẻ

2.5.1. Đường uống

2.5.2. Đường tiêm

2.5.3. Đường hậu môn

2.6. Kê đơn thuốc ở trẻ em

2.6.1. Một số điểm cần lưu ý khi kê đơn cho trẻ em

2.6.1.1. Đối với trẻ sơ sinh

2.6.1.2. Đối với trẻ bú mẹ

2.6.2. Một số nguyên tắc kê đơn thuốc cho trẻ

2.7. Các cách tính liều lượng cho trẻ em

2.7.1. Dựa trên cân nặng

2.7.2. Dựa trên diện tích bề mặt da

2.7.3. Dựa trên liều người lớn

2.8. Sử dụng một số thuốc thông dụng ở trẻ em

2.8.1. Thuốc kháng sinh

2.8.2. Thuốc giảm đau, hạ sốt

2.8.3. Thuốc an thần và chống co giật

2.8.4. Thuốc chống suy tim (Digoxin)

2.8.5. Thuốc lợi tiểu (Furosemide)

Kiểm tra Thời gian 01 giờ

Thực tập lâm sàng Thời gian 90 tiết (TH 01, KT 01)

1. Mục tiêu:

- Tiếp xúc và hỏi được bệnh sử, tiền sử bệnh lý của bệnh nhi
- Thực hành thăm khám Chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý nhi khoa thường gặp
- Tư vấn được chế độ điều trị các bệnh lý nhi khoa

2. Chỉ tiêu:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	
		Thực tập	Kiến tập
1	Thăm khám được bệnh nhi viêm khớp dạng thấp	5	
2	Thăm khám được bệnh nhi táo bón	5	
3	Thăm khám được bệnh nhi ngộ độc	5	
4	Thăm khám được bệnh nhi sốt xuất huyết	5	
5	Chẩn đoán được suy hô hấp sơ sinh	5	
6	Chẩn đoán được bệnh nhi thiếu máu	5	
7	Chẩn đoán được bệnh nhi xuất huyết	5	
8	Chẩn đoán được bệnh nhi biếng ăn	5	

9	Chẩn đoán được nhiễm trùng sơ sinh	5	
10	Chẩn đoán được bệnh nhi bại não	5	
11	Chẩn đoán được sốt cao co giật đơn thuần	5	
12	Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng	5	
13	Làm và bình bệnh án nhi khoa	10	
14	Thực hành khám tổng quát bệnh nhi	20	
15	Bình bệnh án vấn đáp	5	

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: phòng học lý thuyết; các bệnh viện có các khoa lâm sàng chuyên khoa Nhi tổng quát

2. Trang thiết bị máy móc: máy vi tính, máy chiếu, micro, ống nghe, máy đo huyết áp trẻ em, đèn pin, que đê lưỡi, máy thở trẻ em (thực tập tại bệnh viện),...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, bảng, phấn, găng tay thăm khám, khẩu trang,...

4. Các điều kiện khác: sinh viên phải học xong các môn học Vi sinh – Ký sinh trùng, Giải phẫu – Sinh lý, Sinh lý bệnh, Cấp cứu ban đầu, Bệnh học các chuyên ngành Nội, Ngoại, Nhi, Nhiễm

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Trình bày được các triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán các bệnh lý Nhi khoa thường gặp và nêu được hướng xử trí.

- Kỹ năng:

+ Có khả năng thăm khám và phát hiện các triệu chứng, bệnh lý Nhi khoa

+ Chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý Nhi khoa thường gặp

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế

+ Chủ động, tích cực có trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao

+ Trung thực, khách quan, thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình

2. Phương pháp:

- Hình thức đánh giá: trắc nghiệm, vấn đáp hoặc thực hiện kỹ thuật thăm khám người bệnh theo từng cột điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học.

+ Hình thức kiểm tra bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp

+ Hình thức thi kết thúc môn học: Lý thuyết trắc nghiệm trên máy vi tính (trọng số 40%) và bình bệnh án vấn đáp trên người bệnh tại cơ sở y tế (trọng số 60%)

- Điểm kiểm tra gồm 2 cột điểm: 1 cột thường xuyên (phần lý thuyết bệnh nhi khoa) và 1 cột định kỳ (đánh giá lâm sàng khoa Nhi). Trong đó điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2.

+ Kiểm tra thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra trắc nghiệm hoặc kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút.

+ Kiểm tra định kỳ được thực hiện bằng hình thức: Bình bệnh án vấn đáp trên người bệnh, từ 45 đến 60 phút

+ Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6; điểm môn học được sử dụng theo thang điểm 4.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

1.1. Đơn vị phụ trách môn học: Khoa Y

1.2. Đối tượng học tập: Sinh viên ngành Y sĩ Cao đẳng Chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên chuẩn bị bài giảng trước khi lên lớp

+ Tổ chức lớp học phân công nhóm thực hiện thuyết trình, thảo luận, vấn đáp,...

+ Soạn câu hỏi kiểm tra

+ Tổ chức đánh giá quá trình, kết quả học tập giữa học phần, cuối học phần

- Đối với người học:

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế lâm sàng

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó).

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm là chẩn đoán các bệnh lý Nhi khoa thường gặp và hướng xử trí.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trường Đại Học Y Hà Nội (2013), Bài giảng Nhi khoa, Tập 1, Tập 2, NXB Y học.

[2]. Trường Đại Học Y Huế (2009), Bài giảng Nhi khoa, Tập 1, Tập 2, NXB Y học.

[3]. Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (2020), Bài giảng Nhi khoa, Tập 1, Tập 2, NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM..

[4]. Trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (2020), Bài giảng Nhi khoa, Tập 3, Tập 4, Giáo trình sau đại học, NXB Đại Học Quốc Gia TPHCM.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Định hướng cơ bản chuyên khoa Y học cổ truyền

Mã môn học: MH24A113439

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (lý thuyết: 29 giờ; thực tập bệnh viện: 89 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn Định hướng cơ bản chuyên khoa Y học cổ truyền (YHCT) là môn chuyên ngành tự chọn, được bố trí ở học kỳ VI trong chương trình đào tạo ngành, nghề Y sĩ đa khoa cao đẳng chính quy.

- Tính chất: Là một trong những môn định hướng trong chương trình đào tạo Y sĩ đa khoa cao đẳng làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu với mục tiêu kết hợp Y học hiện đại và Y học cổ truyền trong phòng và chữa bệnh. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng nhận biết, phân loại, tính năng, bộ phận dùng làm thuốc, tính vị quy kinh, công dụng của các vị thuốc Y học cổ truyền. Sau khi học, sinh viên có thể sử dụng và tư vấn sử dụng các vị thuốc đúng cách, đúng liều, an toàn và hợp lý để điều trị một số chứng bệnh thông thường.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được nguồn gốc, tính năng, phân loại và tương kỵ của thuốc YHCT

+ Trình bày được bộ phận dùng, tính vị quy kinh, tác dụng, chủ trị, liều dùng của 100 vị thuốc

- Kỹ năng:

+ Xác định được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, chủ trị, kiêng kỵ, liều dùng của 100 vị thuốc

+ Sử dụng được các vị thuốc y học cổ truyền trong điều trị các bệnh thông thường

+ Tư vấn sử dụng được các vị thuốc an toàn, hợp lý

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tuân thủ đúng các quy định về y đức, dược đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y học cổ truyền và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

+ Chủ động, tích cực có trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao.

+ coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

+ Trung thực, khách quan, thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: Đại cương về Đông dược 1. Nguồn gốc 2. Thu hái, bảo quản 2.1. Thu hái 2.2. Bảo quản 3. Bào chế đơn giản 3.1. Mục đích 3.2. Phương pháp bào chế 4. Tính năng dược vật 4.1. Tứ khí 4.2. Ngũ vị 4.3. Thăng, giáng, phù, trầm 4.4. Bô, Tả 5. Sự quy kinh của thuốc 6. Sự phối hợp các vị thuốc 6.1. Tương tu 6.2. Tương sử 6.3. Tương úy 6.4. Tương sát 6.5. Tương ô 6.6. Tương phản 7. Sự cấm kỵ khi dùng thuốc 7.1. Những vị thuốc cấm kỵ khi có thai 7.2. Các vị thuốc tương phản lẫn nhau 7.3. Cấm kỵ trong khi dùng thuốc	1	1	0	0
2	Chương 1: Thuốc giải biểu 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung 1.4. Tính chất chung 1.5. Những điều cần chú ý khi	2	2	0	0

	dùng thuốc giải biểu 1.6. Cấm kỵ 2. Một số vị thuốc giải biểu 2.1. Phát tán phong hàn 2.2. Phát tán phong nhiệt				
3	Chương 2: Thuốc trừ hàn 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung 1.4. Tính chất chung 1.5. Cấm kỵ 2. Một số vị thuốc trừ hàn 2.1. Thuốc ôn lý trừ hàn 2.2. Thuốc hồi dương cứu nghịch	2	2	0	0
4	Chương 3: Thuốc thanh nhiệt 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung 1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc thanh nhiệt 1.5. Cấm kỵ 2. Một số vị thuốc thanh nhiệt 2.1. Thuốc thanh nhiệt giải độc 2.2. Thuốc thanh nhiệt giáng hỏa 2.3. Thuốc thanh nhiệt táo thấp 2.4. Thuốc thanh nhiệt lương huyết 2.5. Thanh nhiệt giải thử	4	4	0	0
5	Chương 4: Thuốc bình Can tức phong 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung 1.3. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc bình Can tức phong 1.4. Cấm kỵ 2. Một số vị thuốc bình Can tức	1	1	0	0

	phong				
6	Chương 5: Thuốc lợi thủy, trực thủy 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung 1.3. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc lợi thủy, trực thủy 1.4. Cấm kỵ 2. Một số vị thuốc lợi thủy, trực thủy 2.1. Thuốc lợi thủy 2.2. Thuốc trực thủy	2	2	0	0
7	Chương 6: Thuốc trừ phong thấp 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Tính chất chung 1.4. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung 1.5. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc trừ phong thấp 2. Một số vị thuốc trừ phong thấp 2.1. Thuốc trừ phong thăng thấp 2.2. Thuốc hóa thấp hòa Vị	3	3	0	0
8	Chương 7: Thuốc an thần 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung 1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc an thần 2. Một số vị thuốc an thần 2.1. Thuốc dưỡng Tâm an thần 2.2. Thuốc trọng trấn an thần	1	1	0	0
9	Chương 8: Thuốc trừ đàm,	2	2	0	0

	chữa ho 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung 1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc trừ đàm, chữa ho 2. Một số vị thuốc trừ đàm, chữa ho 2.1. Thuốc thanh hóa đàm nhiệt 2.2. Thuốc ôn hóa đàm hàn 2.3. Thuốc ôn Phế chỉ khái 2.4. Thuốc thanh Phế chỉ khái 2.5. Thuốc bình suyễn				
10	Chương 9: Thuốc cố sáp 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung 1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc cố sáp 1.5. Cấm kỵ 2. Một số vị thuốc cố sáp 2.1. Thuốc cố biểu liễm hãn 2.2. Thuốc cố tinh, sáp niệu 2.3. Thuốc sáp trường chỉ tả	1	1	0	0
11	Chương 10: Thuốc tiêu đạo 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung 1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc tiêu đạo 2. Một số vị thuốc tiêu đạo 2.1. Thuốc tiêu thực đạo trệ 2.2. Thuốc tiêu bĩ, hóa tích	1	1	0	0
12	Chương 11. Thuốc tả hạ 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa	1	1	0	0

	1.2. Phân loại 1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung 1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc tả hạ 2. Một số vị thuốc tả hạ 2.1. Thuốc công hạ 2.2. Thuốc nhuận hạ				
13	Chương 12. Thuốc lý khí 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Tính chất chung 1.4. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung 1.5. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc lý khí 1.6. Cấm kỵ 2. Một số vị thuốc lý khí 2.1. Thuốc hành khí giải uất 2.2. Thuốc phá khí giáng nghịch 2.3. Thuốc thông khí khai khiếu	2	2	0	0
14	Chương 13. Thuốc lý huyết 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung 1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc hành huyết 1.5. Cấm kỵ 2. Một số vị thuốc lý huyết 2.1. Thuốc hành huyết 2.2. Thuốc chỉ huyết	2	2	0	0
15	Chương 14. Thuốc bổ dưỡng 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại 1.3. Tác dụng chung 1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc bổ dưỡng 1.5. Cấm kỵ	4	4	0	0

2. Một số vị thuốc bổ dưỡng 2.1. Thuốc bổ âm 2.2. Thuốc bổ dương 2.3. Thuốc bổ khí 2.4. Thuốc bổ huyết				
Kiểm tra	1	0	0	1
Thực tập lâm sàng	90	0	89	1
Cộng	120	29	89	2

2. Nội dung chi tiết

Bài mở đầu: Đại cương về Đông dược

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các cách bào chế Đông dược
- Trình bày được nội dung các tính năng dược vật
- Trình bày được sự phối ngũ và cấm kỵ trong khi dùng thuốc

2. Nội dung chương:

2.1. Nguồn gốc

2.2. Thu hái, bảo quản

2.2.1. Thu hái

2.2.2. Bảo quản

2.3. Bào chế đơn giản

2.3.1. Mục đích

2.3.2. Phương pháp bào chế

2.4. Tính năng dược vật

2.4.1. Tứ khí

2.4.2. Ngũ vị

2.4.3. Thăng, giáng, phù, trầm

2.4.4. Bỏ, Tả

2.5. Sự quy kinh của thuốc

2.6. Sự phối hợp các vị thuốc

2.6.1. Tương tu

2.6.2. Tương sử

- 2.6.3. Tương úy
- 2.6.4. Tương sát
- 2.6.5. Tương ô
- 2.6.6. Tương phản
- 2.7. Sự cấm kỵ khi dùng thuốc
 - 2.7.1. Những vị thuốc cấm kỵ khi có thai
 - 2.7.2. Các vị thuốc tương phản lẫn nhau
 - 2.7.3. Cấm kỵ trong khi dùng thuốc

Chương 1: Thuốc giải biểu

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu:
 - Trình bày được định nghĩa, phân loại và tác dụng chung của thuốc giải biểu
 - Trình bày được những điều chú ý khi dùng thuốc giải biểu
 - Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc giải biểu

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Phân loại
 - 2.1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung
 - 2.1.4. Tính chất chung
 - 2.1.5. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc giải biểu
 - 2.1.6. Cấm kỵ
- 2.2. Một số vị thuốc giải biểu
 - 2.2.1. Phát tán phong hàn
 - 2.2.2. Phát tán phong nhiệt

Chương 2: Thuốc trừ hàn

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu:
 - Trình bày được định nghĩa, phân loại và tác dụng chung của thuốc trừ hàn
 - Trình bày được những điều chú ý khi dùng thuốc trừ hàn
 - Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc trừ hàn

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung

2.1.4. Tính chất chung

2.1.5. Cấm kỵ

2.2. Một số vị thuốc trừ hàn

2.2.1. Thuốc ôn lý trừ hàn

2.2.2. Thuốc hồi dương cứu nghịch

Chương 3: Thuốc thanh nhiệt

Thời gian: 4 giờ (4 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa, phân loại và tác dụng chung của thuốc thanh nhiệt
- Trình bày được những điều chú ý khi dùng thuốc thanh nhiệt
- Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc thanh nhiệt

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung

2.1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc thanh nhiệt

2.1.5. Cấm kỵ

2.2. Một số vị thuốc thanh nhiệt

2.2.1. Thuốc thanh nhiệt giải độc

2.2.2. Thuốc thanh nhiệt giáng hỏa

2.2.3. Thuốc thanh nhiệt tảo thấp

2.2.4. Thuốc thanh nhiệt lương huyết

2.2.5. Thanh nhiệt giải thử

Chương 4: Thuốc bình Can tức phong

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa và tác dụng chung của thuốc bình Can tức phong

- Trình bày được những điều chú ý khi dùng thuốc bình Can tức phong
- Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc bình Can tức phong.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung

2.1.3. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc bình Can tức phong

2.1.4. Cấm kỵ

2.2. Một số vị thuốc bình Can tức phong

Chương 5: Thuốc lợi thủy, trục thủy

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được những điều chú ý khi dùng thuốc lợi thủy, trục thủy
- Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc lợi thủy, trục thủy

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung

2.1.3. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc lợi thủy, trục thủy

2.1.4. Cấm kỵ

2.2. Một số vị thuốc lợi thủy, trục thủy

2.2.1. Thuốc lợi thủy

2.2.2. Thuốc trục thủy

Chương 6: Thuốc trừ phong thấp

Thời gian: 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa và tác dụng chung của thuốc trừ phong thấp
- Trình bày được những điều chú ý khi dùng thuốc trừ phong thấp
- Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc trừ phong thấp

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Tính chất chung

2.1.4. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung

2.1.5. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc trừ phong thấp

2.2. Một số vị thuốc trừ phong thấp

2.2.1. Thuốc trừ phong thăng thấp

2.2.2. Thuốc hóa thấp hòa Vị

Chương 7: Thuốc an thần

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa, phân loại và tác dụng chung của thuốc an thần
- Trình bày được những điều chú ý khi dùng thuốc an thần
- Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc an thần

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung

2.1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc an thần

2.2. Một số vị thuốc an thần

2.2.1. Thuốc dưỡng Tâm an thần

2.2.2. Thuốc trọng trấn an thần

Chương 8: Thuốc trừ đàm, chữa ho

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày định nghĩa, phân loại và tác dụng chung của thuốc trừ đàm, chữa ho
- Trình bày những điều chú ý khi dùng thuốc
- Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc trừ đàm, chữa ho

2. Nội dung chương:



- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Phân loại
 - 2.1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung
 - 2.1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc trừ đàm, chữa ho
 - 2.2. Một số vị thuốc trừ đàm, chữa ho
 - 2.2.1. Thuốc thanh hóa đàm nhiệt
 - 2.2.2. Thuốc ôn hóa đàm hàn
 - 2.2.3. Thuốc ôn Phế chỉ khái
 - 2.2.4. Thuốc thanh Phế chỉ khái
 - 2.2.5. Thuốc bình suyễn
- Chương 9: Thuốc cố sáp**

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu:
 - Trình bày định nghĩa và tác dụng chung của thuốc cố sáp
 - Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc cố sáp

- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Phân loại
 - 2.1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung
 - 2.1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc cố sáp
 - 2.1.5. Cấm kỵ
 - 2.2. Một số vị thuốc cố sáp
 - 2.2.1. Thuốc cố biểu liễm hãn
 - 2.2.2. Thuốc cố tinh, sáp niệu
 - 2.2.3. Thuốc sáp trường chỉ tả

Chương 10: Thuốc tiêu đạo

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

- 1. Mục tiêu:
 - Trình bày định nghĩa và phân loại của thuốc tiêu đạo

- Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc tiêu đạo

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung

2.1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc tiêu đạo

2.2. Một số vị thuốc tiêu đạo

2.2.1. Thuốc tiêu thực đạo trệ

2.2.2. Thuốc tiêu bí, hóa tích

Chương 11: Thuốc tả hạ

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày định nghĩa, tác dụng chung và phân loại của thuốc tả hạ

- Trình bày những điểm cần lưu ý khi dùng thuốc tả hạ

- Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc tả hạ

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung

2.1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc tả hạ

2.2. Một số vị thuốc tả hạ

2.2.1. Thuốc công hạ

2.2.2. Thuốc nhuận hạ

Chương 12: Thuốc lý khí

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày định nghĩa và tác dụng chung của thuốc lý khí

- Trình bày những điểm cần lưu ý khi dùng thuốc lý khí

- Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc lý khí

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Tính chất chung

2.1.4. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung

2.1.5. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc lý khí

2.1.6. Cấm kỵ

2.2. Một số vị thuốc lý khí

2.2.1. Thuốc hành khí giải uất

2.2.2. Thuốc phá khí giáng nghịch

2.2.3. Thuốc thông khí khai khiếu

Chương 13: Thuốc lý huyết

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày định nghĩa và cơ sở phân loại của thuốc lý huyết

- Trình bày tác dụng chung của thuốc lý huyết

- Trình bày những điểm cần lưu ý khi dùng thuốc lý huyết

- Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc lý huyết

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Tác dụng và chỉ định chữa bệnh chung

2.1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc lý huyết

2.1.5. Cấm kỵ

2.2. Một số vị thuốc lý huyết

2.2.1. Thuốc hành huyết

2.2.1.1. Thuốc hoạt huyết

2.2.1.2. Thuốc phá huyết

- 2.2.2. Thuốc chỉ huyết
 - 2.2.2.1. Thanh nhiệt lương huyết chỉ huyết
 - 2.2.2.2. Khử ú chỉ huyết
 - 2.2.2.3. Thu liễm chỉ huyết
 - 2.2.2.4. Bổ ích chỉ huyết

Chương 14: Thuốc bổ dưỡng

Thời gian: 4 giờ (4 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu:

- Trình bày tác dụng chung của thuốc bổ dưỡng
- Trình bày những điều chú ý khi dùng thuốc bổ dưỡng
- Trình bày được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, liều dùng của một số vị thuốc bổ dưỡng

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Tác dụng chung

2.1.4. Những điều cần chú ý khi dùng thuốc bổ dưỡng

2.1.5. Cấm kỵ

2.2. Một số vị thuốc bổ dưỡng

2.2.1. Thuốc bổ Âm

2.2.2. Thuốc bổ Dương

2.2.3. Thuốc bổ Khí

2.2.4. Thuốc bổ Huyết

Kiểm tra

Thời gian 1 giờ

Thực tập lâm sàng

Thời gian: 90 giờ (0 LT, 89 TH, 1 KT)

1. Mục tiêu:

- Phân biệt được tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, chỉ định, kiêng kỵ, liều dùng của 100 vị thuốc
- Sử dụng được các vị thuốc y học cổ truyền trong điều trị các bệnh thông thường
- Tư vấn sử dụng được các vị thuốc an toàn, hợp lý
- Rèn luyện đạo đức người cán bộ y tế, tác phong thận trọng, chính xác.

2. Chỉ tiêu:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
		Kiến tập	Thực tập	
1	Nhận dạng vị thuốc tươi và khô		100 vị thuốc	
2	Làm tiêu bản dược liệu mẫu để lưu trữ		10 tiêu bản	
3	Bốc, gói thuốc thang	10 thang	20 thang	
4	Tham gia xây dựng hoặc chăm sóc vườn thuốc tại cơ sở thực hành		01 vườn	
5	Bình bệnh án có phần điều trị dùng thuốc Y học cổ truyền		10 bệnh án	
6	Khám bệnh và kê đơn thuốc Y học cổ truyền		10 bệnh nhân	
7.	Tư vấn sử dụng các vị thuốc an toàn, hợp lý		10 bệnh nhân	

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng:

Giảng đường, phòng thực hành, cơ sở y tế có phòng Dược liệu, có bệnh nội trú, ngoại trú

2. Trang thiết bị, máy móc:

Máy chiếu, máy vi tính, tủ thuốc Đông y

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình, sách tài liệu tham khảo, dược điển, bộ 100 vị thuốc mẫu, tranh vẽ dược liệu, tiêu bản dược liệu,...

- Cân thuốc; dụng cụ chia thuốc, gói thuốc; cối và chày giã thuốc; ẩm sắc thuốc,...

4. Các điều kiện khác:

Học sinh phải học xong các môn học Giải phẫu – Sinh lý, Vi sinh – Ký sinh trùng, Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Dược lý, Bệnh học nội khoa, Bệnh học ngoại khoa, Bệnh học nhi khoa, Bệnh học truyền nhiễm, Bệnh học sản phụ khoa, Bệnh học các chuyên khoa, Y học cổ truyền

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Nguồn gốc, thu hái, bảo quản, bào chế đơn giản, tính năng, quy kinh, sự phối hợp thuốc và kiêng kỵ khi dùng thuốc YHCT

+ Bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, kiêng kỵ, liều dùng của 100 vị thuốc YHCT

- Kỹ năng:

+ Tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh, công dụng, kiêng kỵ, liều dùng của 100 vị thuốc YHCT

+ Sử dụng các vị thuốc YHCT trong điều trị các bệnh thông thường

+ Tư vấn sử dụng 100 vị thuốc YHCT an toàn, hợp lý

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Sự tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn của ngành, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực học tập, các quy trình kỹ thuật của ngành y tế, nội quy, quy chế của nhà trường, cơ sở thực tập

+ Sự chủ động trong tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến xây dựng bài học

+ Tinh thần tự giác học tập tại các cơ sở y tế để nâng cao trình độ chuyên môn

+ Tác phong thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình trong giao tiếp, trong việc vận dụng kiến thức về thuốc Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại để chăm sóc sức khỏe người bệnh.

2. Phương pháp:

Thành phần đánh giá		Hình thức đánh giá		Hệ số/Trọng số		Trọng số đánh giá môn học (thang điểm 10 làm tròn 01 chữ số thập phân)	
		Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
Kiểm tra	Thường xuyên	Vấn đáp trong giờ học	Vấn đáp trong giờ học	1	1	40%	40%
	Định kỳ	Trắc nghiệm MCQ 50 câu	Vấn đáp nhận dạng dược liệu	2	2		
Thi kết thúc môn học		Trắc nghiệm MCQ	Chạy trạm nhận dạng dược liệu và giải quyết tình	50%	50%	60%	60%

		huống lâm sàng				
--	--	----------------	--	--	--	--

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Định hướng cơ bản chuyên khoa Y học cổ truyền được sử dụng để giảng dạy cho đối tượng Y sĩ đa khoa chính quy trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

+ Tổ chức dạy và học lý thuyết tại trường, thực tập tại cơ sở y tế

+ Giảng viên trước khi dạy căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

+ Phối hợp các phương pháp dạy/học: Thuyết giảng có minh họa, thảo luận nhóm, làm mẫu, đặt vấn đề; tổ chức lớp học phân công nhóm thực hiện thuyết trình, thảo luận,...

+ Tổ chức đánh giá thường xuyên, đánh giá kết quả học tập định kỳ

- Đối với người học:

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện

+ Tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế lâm sàng

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ (Người học không tham dự kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ thì kết quả điểm kiểm tra là điểm “không” ở lần kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ đó)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Tính năng dược vật

- Phân loại các nhóm thuốc

- Chú ý khi sử dụng các nhóm thuốc

- Tên Việt Nam, bộ phận dùng, tính vị quy kinh và công năng, chủ trị, kiêng kỵ của 100 vị thuốc

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, *Dược điển Việt Nam V tập 2*, NXB Y học, 2018

- Đỗ Tất Lợi, *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Hồng Đức, 2019

- Hứa Hoàng Oanh và Nguyễn Thành Triết, *Thuốc Y học cổ truyền tập 1*, NXB Y học, 2021: 17-228

- Chang Zhang-fu, Jia De-xian, James Bare, *Chinese Materia Medica 1st edition*,
People's Medical Publishing House, 2014

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Định hướng cơ bản chuyên khoa Y học gia đình

Mã môn học: MH24A113440

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực tập bệnh viện: 89 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn Định hướng cơ bản chuyên khoa Y học gia đình là môn học tự chọn, được bố trí ở học kỳ cuối trong chương trình đào tạo ngành, nghề Y sĩ cao đẳng chính quy.

- Tính chất: Định hướng cơ bản chuyên khoa Y học gia đình là một trong những nội dung quan trọng của đào tạo sinh viên ngành Y sĩ định hướng nghề nghiệp và trang bị các kiến thức quan trọng của chuyên khoa Y học gia đình. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các nguyên lý y học gia đình, ứng dụng trong chăm sóc, phòng ngừa một số bệnh lý thường gặp trong cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

- + Phân tích được các nguyên tắc cơ bản của Y học gia đình
- + Trình bày được nhiệm vụ của cơ sở Y học gia đình
- + Nhận thức hiệu quả của Y học gia đình trong chăm sóc sức khỏe người dân
- + Trình bày được các giai đoạn của vòng đời người và các giai đoạn gia đình
- + Trình bày các vấn đề được nghiên cứu liên quan tác động của bệnh tật đến gia đình
- + Nắm được các công cụ đánh giá trong Y học gia đình
- + Trình bày khái niệm về tư vấn, các bước của tư vấn và lợi ích, chức năng của tư vấn sức khỏe
- + Phân tích được tầm quan trọng khám sức khỏe người già
- + Trình bày phương pháp chăm sóc dự phòng cho bệnh nhân theo mô hình RISE
- + Trình bày được các yếu tố nguy cơ theo nhóm tuổi
- + Trình bày các nội dung chính trong “chẩn đoán sức khỏe” và “điều trị” duy trì sức khỏe cho người trưởng thành.

- Kỹ năng:

- + Áp dụng được thái độ và các kỹ năng chính của tư vấn sức khỏe trong một trường hợp tư vấn sức khỏe cụ thể
- + Tiếp cận được bệnh nhân tại phòng khám yhgđ theo mô hình rise
- + Thực hành đánh giá và đưa ra hướng điều trị một số trường hợp cụ thể
- + Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo Y học gia đình

+ Thực hiện được các nội dung khám ban đầu và tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người trưởng thành

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến ngành Y sĩ và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

+ Chủ động, tích cực có trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao.

+ Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<p>Bài 1: Chuyên khoa Y học gia đình và các nguyên tắc của Y học gia đình</p> <p>1. Khái niệm về y học gia đình</p> <p>1.1. Y học gia đình là gì ?</p> <p>1.2. Hoàn cảnh ra đời</p> <p>2. Chuyên khoa y học gia đình</p> <p>2.1. Lịch sử chuyên ngành Y học gia đình</p> <p>2.2. Y học gia đình là một chuyên khoa</p> <p>3. Các nguyên lý y học gia đình</p> <p>3.1. Liên tục chăm sóc</p> <p>3.2. Tính toàn diện</p> <p>3.3. Phối hợp trong chăm sóc</p> <p>3.4. Cộng đồng</p> <p>3.5. Phòng bệnh</p> <p>3.6. Gia đình</p> <p>4. Các khái niệm cơ bản trong y học gia đình</p> <p>5. Chăm sóc ban đầu và hiệu quả của y học gia đình trong chăm sóc sức khỏe người dân</p> <p>5.1 Khái niệm về Chăm sóc ban đầu</p> <p>5.2. Lợi ích của chăm sóc</p>	2	2	0	0

	ban đầu				
	<p>Bài 2: Trạm y tế hoạt động theo nguyên lý y học gia đình tại Việt Nam</p> <p>1. Mô hình cơ sở y học gia đình hiện nay</p> <p>2. Nhiệm vụ của cơ sở y học gia đình</p> <p> 2.1 Quản lý sức khỏe cộng đồng</p> <p> 2.2. Tư vấn nâng cao sức khỏe và phòng bệnh</p> <p> 2.3. Thực hiện các chương trình, hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng</p> <p> 2.4. Khám bệnh, chữa bệnh</p> <p> 2.5. Chuyển người bệnh lên tuyến trên</p> <p> 2.6. Tham gia nghiên cứu khoa học, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật về y học gia đình</p> <p> 2.7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền quy định</p> <p> 2.8 Danh mục chuyên môn kỹ thuật thực hiện tại nhà người bệnh</p> <p>3. Tiêu chuẩn của Trạm Y tế hoạt động theo nguyên tắc Y học gia đình</p> <p> 3.1. Tiêu chuẩn nhân lực</p> <p> 3.2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế</p> <p>4. Nhiệm vụ của trạm y tế xã khi hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình</p> <p> 4.1 Nhiệm vụ của trạm y tế hiện nay</p> <p> 4.2 Trạm y tế khi hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình</p> <p>5. Phân biệt được nhiệm vụ của bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh và dược sĩ ở trạm y tế hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình</p>	2	2	0	0

	so với nhiệm vụ theo quy định của nhà nước 5.1 Nhiệm vụ của các nhân viên y tế 5.2 Làm việc theo ê-kíp chăm sóc sức khỏe				
	Bài 3: Vòng đời người, vòng đời gia đình và mối liên quan với sức khỏe, bệnh tật 1. Đại cương 2. Các giai đoạn vòng đời người 2.1 Giai đoạn trước sinh 2.2 Giai đoạn trẻ em 2.3 Giai đoạn vị thành niên 2.4. Giai đoạn trưởng thành 2.5 Giai đoạn cao tuổi 3. Các giai đoạn của vòng đời gia đình 3.1 Giai đoạn độc thân 3.2 Giai đoạn lập gia đình hay kết hôn 3.3 Giai đoạn có con 3.4 Giai đoạn có con trưởng thành 3.5 Giai đoạn về hưu	2	2	0	0
	Bài 4: Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình 1. Đại cương 2. Một số công cụ đánh giá gia đình trong y học gia đình 2.1. Cây phả hệ (Genogram) 2.2. Bản đồ gia đình và một số thông tin cần thu thập từ gia đình 2.3 Chỉ số APGAR 2.4 Đánh giá SCREEM 2.5 Chuỗi sự kiện gia đình	2	2	0	0
	Bài 5: Hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình 1. Một số khái niệm	2	2	0	0

	<p>2. Hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân và hộ gia đình</p> <p>2.1. Mục đích</p> <p>2.2. Nguyên tắc định hướng</p> <p>2.3. Phương pháp tiếp cận</p> <p>2.4. Nội dung hồ sơ, biểu mẫu quản lý khỏe</p> <p>2.5 Quy trình các bước triển khai lập hồ sơ quản lý sức khỏe</p> <p>3. Quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử</p> <p>3.1 Sự cần thiết quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử</p> <p>3.2 Mục tiêu</p>				
2	<p>Bài 6: Tác động của bệnh tật đối với gia đình</p> <p>1. Mục đích của nghiên cứu về tác động của bệnh tật</p> <p>2. Các bước nghiên cứu về tác động của bệnh tật</p> <p>3. Quá trình bệnh tật của gia đình</p> <p>3.1. Đặc điểm</p> <p>3.2 Các giai đoạn trong quá trình bệnh tật của gia đình</p>	1	1	0	0
3	<p>Bài 7: Các kỹ năng giao tiếp và tư vấn sức khỏe</p> <p>1. Khái niệm và các chức năng của tư vấn</p> <p>1.1 Đặt vấn đề</p> <p>1.2 Khái niệm của tư vấn giáo dục sức khỏe</p> <p>1.3 Lợi ích của tư vấn</p> <p>1.4 Các chức năng của tư vấn trong chăm sóc ban đầu</p> <p>2. Nguyên tắc và yêu cầu của tư vấn sức khỏe</p> <p>2.1. Nguyên tắc chung của tư vấn sức khỏe</p> <p>2.2. Những yêu cầu của một cuộc tư vấn sức khỏe</p> <p>3. Thái độ cần thiết của nhà tư vấn</p>	3	3	0	0

	<p>3.1 Chân thật 3.2. Quan tâm tích cực 3.3. Thông cảm</p> <p>4. Các kỹ năng cần thiết khi tư vấn sức khỏe</p> <p>4.1 Kỹ năng giao tiếp 4.2 Kỹ năng tiếp đón 4.3 Kỹ năng lắng nghe 4.4 Kỹ năng đặt câu hỏi để thu nhận thông tin 4.5 Kỹ năng giải quyết vấn đề 4.6 Kỹ năng thăm dò (Probing skill) 4.7 Kỹ năng phản ánh (Reflecting skill)</p>				
4	<p>Bài 8: Khám sức khỏe cho người già</p> <p>1. Kết hợp khám sức khỏe định kỳ vào trong thực hành</p> <p>1.1 Cách tiếp cận đối với người già 1.2. Các hoạt động khuyến khích sức khỏe 1.3. Biện pháp chăm sóc sức khỏe toàn bộ cho người già</p> <p>2. Dự phòng tiên phát</p> <p>2.1 Tiêm chủng phòng bệnh lý nhiễm khuẩn 2.2 Dự phòng các bệnh lây qua đường tình dục 2.3. Chăm sóc răng thường quy 2.4. Dự phòng chấn thương</p> <p>3. Dự phòng thứ phát: Tầm soát ung thư 4. Dự phòng thứ phát: Tầm soát các bệnh khác 5. Đánh giá sự lão hóa</p>	2	2	0	0
	<p>Bài 9: Khám tầm soát và tham vấn tại phòng khám ngoại trú theo y học gia đình</p> <p>1. Giới thiệu</p>	2	2	0	0



	<p>2. Cơ sở khoa học của việc khám sức khỏe định kỳ</p> <p>3. Tiếp cận bệnh nhân tại phòng khám Yhgd theo mô hình rise</p> <p>3.1 Xác định yếu tố nguy cơ (risk factor)</p> <p>3.2 Tiêm chủng (immunization)</p> <p>3.3 Sàng lọc (screening)</p> <p>3.4 Giáo dục (education)</p>				
	<p>Bài 10: Xét nghiệm sàng lọc theo nhóm tuổi và yếu tố nguy cơ</p> <p>1. Khuyến cáo sàng lọc</p> <p>2. Các bảng test sàng lọc theo lứa tuổi và theo yếu tố nguy cơ</p>	2	2	0	0
	<p>Bài 11: Hành vi sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>1.1. Khái niệm sức khỏe</p> <p>1.2. Khái niệm hành vi của con người</p> <p>1.3. Hành vi sức khỏe</p> <p>2. Các yếu tố nguy cơ sức khỏe</p> <p>2.1 Hành vi lối sống cá nhân và cộng đồng</p> <p>2.2 Các yếu tố môi trường</p> <p>2.3. Hệ thống chăm sóc sức khỏe, dịch vụ y tế</p> <p>2.4 Các yếu tố di truyền, bẩm sinh</p> <p>3. Mối liên quan giữa các yếu tố môi trường với sức khỏe</p> <p>3.1 Những yếu tố môi trường gây nguy hại cho sức khỏe</p> <p>3.2 Những yếu tố môi trường truyền thống phổ biến hiện nay có ảnh hưởng đến sức khỏe</p> <p>3.3 Những yếu tố môi trường hiện đại có ảnh hưởng</p>	3	3	0	0

<p>đến sức khỏe</p> <p>4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thay đổi hành vi sức khỏe</p> <p> 4.1 Các yếu tố bên trong của mỗi con người</p> <p> 4.2 Các yếu tố bên ngoài</p> <p>5. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe</p> <p> 5.1 Khái quát các cách thay đổi hành vi</p> <p> 5.2 Các bước của quá trình thay đổi hành vi</p>				
<p>Bài 12: Duy trì sức khỏe cho người trưởng thành</p> <p>1. Nguyên tắc chung</p> <p> 1.1. Định nghĩa</p> <p> 1.2. Phân loại</p> <p> 1.3 Nguyên nhân</p> <p>2. Chẩn đoán</p> <p> 2.1 Biểu hiện lâm sàng</p> <p> 2.2 Bệnh sử</p> <p>3. Điều trị</p> <p> 3.1 Tư vấn và giáo dục bệnh nhân để phát huy lối sống khỏe mạnh</p> <p> 3.2 Sàng lọc</p> <p> 3.3 Chủng ngừa</p> <p> 3.4 Hóa dự phòng</p>	2	2	0	0
<p>Bài 13: Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo y học gia đình</p> <p>1. Khái niệm kế hoạch và lập kế hoạch</p> <p>2. Phân loại kế hoạch</p> <p> 2.1. Lập kế hoạch từ trên xuống</p> <p> 2.2 Lập kế hoạch từ dưới lên</p> <p> 2.3 Lập kế hoạch phối hợp</p> <p>3. Các bước lập kế hoạch</p> <p> 3.1 Xác định vấn đề can thiệp</p> <p> 3.2. Phân tích vấn đề, tìm</p>	2	2	0	0

	nguyên nhân gốc rễ 3.3 Xác định mục tiêu can thiệp 3.4 Lựa chọn giải pháp 3.5 Viết kế hoạch hoạt động				
	Bài 14: Chăm sóc sức khoẻ tại nhà 1. Tính cấp thiết 2. Mục tiêu 3. Mô hình tổ chức 4. Phương thức hoạt động 4.1 Quy trình hoạt động 4.2 Các dịch vụ chăm sóc 5. Hướng dẫn chăm sóc sức khoẻ tại nhà cho bệnh nhân 5.1 Phòng tránh lây nhiễm 5.2 Tư thế trị liệu thông thường 5.3 Di chuyển 5.4 Vệ sinh cá nhân 5.5 Các hoạt động chăm sóc khác	2	2	0	0
	Thực tập lâm sàng	89	0	89	0
	Kiểm tra	2	0	0	2
	Cộng	120	29	89	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Chuyên khoa Y học gia đình và các nguyên tắc của Y học gia đình

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được khái niệm Y học gia đình
- Trình bày được sự phát triển Y học gia đình trên thế giới và Việt Nam.
- Phân tích sáu nguyên tắc cơ bản của Y học gia đình.
- Giải thích các khái niệm thường dùng thường Y học gia đình
- Nhận thức hiệu quả của Y học gia đình trong chăm sóc sức khoẻ người dân.

2. Nội dung bài:

1. Khái niệm về y học gia đình

1.1. Y học gia đình là gì ?

- 1.2. Hoàn cảnh ra đời
2. Chuyên khoa y học gia đình
 - 2.1. Lịch sử chuyên ngành Y học gia đình
 - 2.2. Y học gia đình là một chuyên khoa
3. Các nguyên lý y học gia đình
 - 3.1. Liên tục chăm sóc
 - 3.2. Tính toàn diện
 - 3.3. Phối hợp trong chăm sóc
 - 3.4. Cộng đồng
 - 3.5. Phòng bệnh
 - 3.6. Gia đình
4. Các khái niệm cơ bản trong y học gia đình
5. Chăm sóc ban đầu và hiệu quả của y học gia đình trong chăm sóc sức khỏe người dân
 - 5.1 Khái niệm về Chăm sóc ban đầu
 - 5.2. Lợi ích của chăm sóc ban đầu

Bài 2: Trạm y tế hoạt động theo nguyên lý y học gia đình tại Việt Nam

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Phân biệt được 2 mô hình: TYT xã hoạt động theo nguyên lý YHGD và bác sĩ gia đình tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
- Xác định được những tiêu chuẩn về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị của một trạm y tế hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình.
- Phân tích được nhiệm vụ của trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý Y học gia đình.

2. Nội dung bài:

1. Mô hình cơ sở y học gia đình hiện nay
2. Nhiệm vụ của cơ sở y học gia đình
 - 2.1 Quản lý sức khỏe cộng đồng
 - 2.2. Tư vấn nâng cao sức khỏe và phòng bệnh
 - 2.3. Thực hiện các chương trình, hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng
 - 2.4. Khám bệnh, chữa bệnh
 - 2.5. Chuyển người bệnh lên tuyến trên

2.6. Tham gia nghiên cứu khoa học, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật về y học gia đình

2.7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền quy định

2.8. Danh mục chuyên môn kỹ thuật thực hiện tại nhà người bệnh

3. Tiêu chuẩn của Trạm Y tế hoạt động theo nguyên tắc Y học gia đình

3.1. Tiêu chuẩn nhân lực

3.2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế

4. Nhiệm vụ của trạm y tế xã khi hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình

4.1. Nhiệm vụ của trạm y tế hiện nay

4.2. Trạm y tế khi hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình

5. Phân biệt được nhiệm vụ của bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh và dược sĩ ở trạm y tế hoạt động theo nguyên tắc y học gia đình so với nhiệm vụ theo quy định của nhà nước

5.1. Nhiệm vụ của các nhân viên y tế

5.2. Làm việc theo ê-kíp chăm sóc sức khỏe

Bài 3: Vòng đời người, vòng đời gia đình và mối liên quan với sức khỏe, bệnh tật

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được khái niệm vòng đời người, vòng đời gia đình
- Mô tả, phát hiện những thay đổi trong các giai đoạn của vòng đời người và vòng đời gia đình.
- Giải thích được mối liên quan giữa vòng đời người với sức khỏe, bệnh tật
- Áp dụng kiến thức vòng đời người, vòng đời gia đình vào công tác chăm sóc sức khỏe theo nguyên lý y học gia đình.
- Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, báo cáo, làm việc nhóm hiệu quả

2. Nội dung bài:

1. Đại cương

2. Các giai đoạn vòng đời người

2.1. Giai đoạn trước sinh

2.2. Giai đoạn trẻ em

2.3. Giai đoạn vị thành niên

2.4. Giai đoạn trưởng thành

2.5. Giai đoạn cao tuổi

3. Các giai đoạn của vòng đời gia đình

- 3.1 Giai đoạn độc thân
- 3.2 Giai đoạn lập gia đình hay kết hôn
- 3.3 Giai đoạn có con
- 3.4 Giai đoạn có con trưởng thành
- 3.5 Giai đoạn về hưu

Bài 4: Một số công cụ thường sử dụng trong đánh giá gia đình

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được khái niệm và nội dung chính của một số công cụ đánh giá gia đình trong hệ thống chăm sóc sức khỏe
- Thực hành bài tập sử dụng công cụ đánh giá gia đình.
- Áp dụng được một số công cụ đánh giá gia đình vào công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân.

2. Nội dung bài:

- 1. Đại cương
- 2. Một số công cụ đánh giá gia đình trong y học gia đình
 - 2.1. Cây phả hệ (Genogram)
 - 2.2. Bản đồ gia đình và một số thông tin cần thu thập từ gia đình
 - 2.3 Chi số APGAR
 - 2.4 Đánh giá SCREEM
 - 2.5 Chuỗi sự kiện gia đình

Bài 5: Hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân, hộ gia đình theo nguyên lý y học gia đình

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được mục đích, nguyên tắc định hướng, phương pháp tiếp cận, nội dung hồ sơ, biểu mẫu quản lý sức khỏe theo nguyên lý YHGD.
- Giải thích được quy trình các bước triển khai lập hồ sơ quản lý sức khỏe theo nguyên lý YHGD.
- Lập được hồ quản lý hồ sơ sức khỏe theo nguyên lý y học gia trong tình huống giả định.

2. Nội dung của bài

- 1. Một số khái niệm
- 2. Hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân và hộ gia đình



- 2.1. Mục đích
- 2.2. Nguyên tắc định hướng
- 2.3. Phương pháp tiếp cận
- 2.4. Nội dung hồ sơ, biểu mẫu quản lý khỏe
- 2.5 Quy trình các bước triển khai lập hồ sơ quản lý sức khỏe
3. Quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử
- 3.1 Sự cần thiết quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử
- 3.2 Mục tiêu

Bài 6: Tác động của bệnh tật đối với gia đình

Thời gian: 1 giờ (1 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài:

- Nhận thức tầm quan trọng của việc quan tâm đến tác động của bệnh tật đến gia đình và ngược lại
- Trình bày các vấn đề được nghiên cứu liên quan tác động của bệnh tật đến gia đình.
- Trình bày năm giai đoạn của quá trình bệnh tật diễn ra trong gia đình

2. Nội dung bài:

1. Mục đích của nghiên cứu về tác động của bệnh tật
2. Các bước nghiên cứu về tác động của bệnh tật
3. Quá trình bệnh tật của gia đình
- 3.1. Đặc điểm
- 3.2 Các giai đoạn trong quá trình bệnh tật của gia đình

Bài 7: Các kỹ năng giao tiếp và tư vấn sức khỏe

Thời gian: 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài

- Trình bày khái niệm về tư vấn, lợi ích và các chức năng của tư vấn
- Diễn giải được các bước trong một buổi tư vấn sức khỏe
- Nhận thức tầm quan trọng của việc giao tiếp và tư vấn bệnh nhân trong chăm sóc sức khỏe ban đầu
- Áp dụng được thái độ và các kỹ năng chính của tư vấn sức khỏe trong một trường hợp tư vấn sức khỏe cụ thể

2. Nội dung bài:

1. Khái niệm và các chức năng của tư vấn

- 1.1 Đặt vấn đề
- 1.2 Khái niệm của tư vấn giáo dục sức khỏe
- 1.3 Lợi ích của tư vấn
- 1.4 Các chức năng của tư vấn trong chăm sóc ban đầu
2. Nguyên tắc và yêu cầu của tư vấn sức khỏe
 - 2.1. Nguyên tắc chung của tư vấn sức khỏe
 - 2.2. Những yêu cầu của một cuộc tư vấn sức khỏe
3. Thái độ cần thiết của nhà tư vấn
 - 3.1 Chân thật
 - 3.2. Quan tâm tích cực
 - 3.3. Thông cảm
4. Các kỹ năng cần thiết khi tư vấn sức khỏe
 - 4.1 Kỹ năng giao tiếp
 - 4.2 Kỹ năng tiếp đón
 - 4.3 Kỹ năng lắng nghe
 - 4.4 Kỹ năng đặt câu hỏi để thu nhận thông tin
 - 4.5 Kỹ năng giải quyết vấn đề
 - 4.6 Kỹ năng thăm dò (Probing skill)
 - 4.7 Kỹ năng phản ánh (Reflecting skill)

Bài 8: Khám sức khỏe cho người già

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài

- Phân tích khái niệm khám sức khỏe người già
- Giải thích dự phòng tiên phát người già
- Giải thích dự phòng thứ phát người già

2. Nội dung bài:

1. Kết hợp khám sức khỏe định kỳ vào trong thực hành
 - 1.1 Cách tiếp cận đối với người già
 - 1.2. Các hoạt động khuyến khích sức khỏe
 - 1.3. Biện pháp chăm sóc sức khỏe toàn bộ cho người già
2. Dự phòng tiên phát
 - 2.1 Tiêm chủng phòng bệnh lý nhiễm khuẩn
 - 2.2 Dự phòng các bệnh lâu qua đường tình dục
 - 2.3. Chăm sóc răng thường quy

- 2.4. Dự phòng chấn thương
3. Dự phòng thứ phát: Tầm soát ung thư
4. Dự phòng thứ phát: Tầm soát các bệnh khác
5. Đánh giá sự lão hóa

Bài 9: Khám tầm soát và tham vấn tại phòng khám ngoại trú theo y học gia đình

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài
 - Nhận thức việc khám sức khỏe định kỳ là một nguyên tắc quan trọng và có cơ sở khoa học trong Y học gia đình
 - Trình bày phương pháp chăm sóc dự phòng cho bệnh nhân theo mô hình RISE
 - Trình bày tiêu chuẩn của một test sàng lọc
2. Nội dung bài:
 1. Giới thiệu
 2. Cơ sở khoa học của việc khám sức khỏe định kỳ
 3. Tiếp cận bệnh nhân tại phòng khám Yhgđ theo mô hình rise
 - 3.1 Xác định yếu tố nguy cơ (risk factor)
 - 3.2 Tiêm chủng (immunization)
 - 3.3 Sàng lọc (screening)
 - 3.4 Giáo dục (education)

Bài 10: Xét nghiệm sàng lọc theo nhóm tuổi và yếu tố nguy cơ

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài
 - Trình bày được các test sàng lọc theo nhóm tuổi
 - Trình bày được các yếu tố nguy cơ theo nhóm tuổi
2. Nội dung bài:
 1. Khuyến cáo sàng lọc
 2. Các bảng test sàng lọc theo lứa tuổi và theo yếu tố nguy cơ

Bài 11: Hành vi sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe

Thời gian: 3 giờ (3 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài
 - Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe.
 - Xây dựng được các bước để thay đổi hành vi.
 - Giải thích được mối liên quan giữa các yếu tố môi trường với sức khỏe.
 - Nhận thức được tầm quan trọng của các yếu tố nguy cơ đến sức khỏe tại cộng đồng để có biện pháp phòng chống.

2. Nội dung bài:

1. Khái niệm

1.1. Khái niệm sức khỏe

1.2. Khái niệm hành vi của con người

1.3. Hành vi sức khỏe

2. Các yếu tố nguy cơ sức khỏe

2.1 Hành vi lối sống cá nhân và cộng đồng

2.2 Các yếu tố môi trường

2.3. Hệ thống chăm sóc sức khỏe, dịch vụ y tế

2.4 Các yếu tố di truyền, bẩm sinh

3. Mối liên quan giữa các yếu tố môi trường với sức khỏe

3.1 Những yếu tố môi trường gây nguy hại cho sức khỏe

3.2 Những yếu tố môi trường truyền thống phổ biến hiện nay có ảnh hưởng đến sức khỏe

3.3 Những yếu tố môi trường hiện đại có ảnh hưởng đến sức khỏe

4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thay đổi hành vi sức khỏe

4.1 Các yếu tố bên trong của mỗi con người

4.2 Các yếu tố bên ngoài

5. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe

5.1 Khái quát các cách thay đổi hành vi

5.2 Các bước của quá trình thay đổi hành vi

Bài 12: Duy trì sức khỏe cho người trưởng thành

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài

- Nhận thức tầm quan trọng của việc duy trì sức khỏe cho người trưởng thành
- Trình bày ba nội dung chính trong “chẩn đoán sức khỏe” cho người trưởng thành.
- Trình bày bốn nội dung chính trong “điều trị” duy trì sức khỏe cho người trưởng thành
- Thực hành đánh giá và điều trị một số trường hợp cụ thể theo bảng hướng dẫn

2. Nội dung bài:

1. Nguyên tắc chung

1.1. Định nghĩa

1.2. Phân loại

1.3 Nguyên nhân

2. Chẩn đoán

2.1 Biểu hiện lâm sàng

2.2 Bệnh sử

3. Điều trị

3.1 Tư vấn và giáo dục bệnh nhân để phát huy lối sống khỏe mạnh

3.2 Sàng lọc

3.3 Chủng ngừa

3.4 Hóa dự phòng

Bài 13: Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo y học gia đình

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài

- Trình bày được khái niệm về kế hoạch và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch can thiệp tại cộng đồng

- Giải thích được vai trò của các bước xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Thực hành xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe theo nguyên lý y học gia đình

2. Nội dung bài:

1. Khái niệm kế hoạch và lập kế hoạch

2. Phân loại kế hoạch

2.1. Lập kế hoạch từ trên xuống

2.2 Lập kế hoạch từ dưới lên

2.3 Lập kế hoạch phối hợp

3. Các bước lập kế hoạch

3.1 Xác định vấn đề can thiệp

3.2. Phân tích vấn đề, tìm nguyên nhân gốc rễ

3.3 Xác định mục tiêu can thiệp

3.4 Lựa chọn giải pháp

3.5 Viết kế hoạch hoạt động

Bài 14: Chăm sóc sức khỏe tại nhà

Thời gian: 2 giờ (2 LT, 0 TH)

1. Mục tiêu của bài
 - Trình bày lợi ích và hiệu quả của chăm sóc sức khỏe tại nhà
 - Mô tả được các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà
 - Lập kế hoạch và quy trình cần thực hiện chăm sóc sức khỏe tại nhà phù hợp với trạm y tế địa phương
2. Nội dung bài học
 1. Tính cấp thiết
 2. Mục tiêu
 3. Mô hình tổ chức
 4. Phương thức hoạt động
 - 4.1 Quy trình hoạt động
 - 4.2 Các dịch vụ chăm sóc
 5. Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe tại nhà cho bệnh nhân
 - 5.1 Phòng tránh lây nhiễm
 - 5.2 Tư thế trị liệu thông thường
 - 5.3 Di chuyển
 - 5.4 Vệ sinh cá nhân
 - 5.5 Các hoạt động chăm sóc khác

Thực tập lâm sàng

Thời gian: 89 giờ (0 LT, 89 TH, 0 KT)

Mục tiêu:

- + Áp dụng được thái độ và các kỹ năng chính của tư vấn sức khỏe trong một trường hợp tư vấn sức khỏe cụ thể
- + Tiếp cận được bệnh nhân tại phòng khám yhgđ theo mô hình rise
- + Thực hành đánh giá và đưa ra hướng điều trị một số trường hợp cụ thể
- + Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo Y học gia đình
- + Thực hiện được các nội dung khám ban đầu và tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người trưởng thành
- + Rèn luyện đạo đức người cán bộ y tế, tác phong thận trọng, chính xác.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng:
Giảng đường, phòng thực hành, cơ sở y tế có bệnh nội trú, ngoại trú
2. Trang thiết bị, máy móc:

Máy chiếu, máy vi tính, micro, bút trình chiếu, bảng, phấn bảng, quạt, đèn, internet,....

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Bài giảng, tài liệu học tập chính công cụ kiểm tra - đánh giá kiến thức, bảng kiểm, bệnh nhân thực hành ,...

4. Các điều kiện khác:

Sinh viên phải học xong các môn học Giải phẫu – Sinh lý, Hóa sinh y học, Vi sinh – Ký sinh trùng, Sinh lý bệnh

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Phân tích được các nguyên tắc cơ bản của Y học gia đình
- + Trình bày được nhiệm vụ của cơ sở Y học gia đình
- + Nhận thức hiệu quả của Y học gia đình trong chăm sóc sức khỏe người dân
- + Trình bày được các giai đoạn của vòng đời người và các giai đoạn gia đình
- + Trình bày các vấn đề được nghiên cứu liên quan tác động của bệnh tật đến gia đình
- + Nắm được các công cụ đánh giá trong Y học gia đình
- + Trình bày khái niệm về tư vấn, các bước của tư vấn và lợi ích, chức năng của tư vấn sức khỏe
- + Phân tích được tầm quan trọng khám sức khỏe người già
- + Trình bày phương pháp chăm sóc dự phòng cho bệnh nhân theo mô hình RISE
- + Trình bày được các yếu tố nguy cơ theo nhóm tuổi
- + Trình bày các nội dung chính trong “chẩn đoán sức khỏe” và “điều trị” duy trì sức khỏe cho người trưởng thành.

- Kỹ năng:

- + Áp dụng được thái độ và các kỹ năng chính của tư vấn sức khỏe trong một trường hợp tư vấn sức khỏe cụ thể
- + Tiếp cận được bệnh nhân tại phòng khám yhgđ theo mô hình rise
- + Thực hành đánh giá và đưa ra hướng điều trị một số trường hợp cụ thể
- + Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng theo Y học gia đình
- + Thực hiện được các nội dung khám ban đầu và tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người trưởng thành

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Sự tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn của ngành, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực học tập, các quy trình kỹ thuật của ngành y tế, nội quy, quy chế của nhà trường, cơ sở y tế thực hành

+ Sự chủ động trong tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến xây dựng bài học.

+ Tinh thần tự giác học tập và sự học tập kinh nghiệm của nhân viên y tế tại các cơ sở y tế để nâng cao trình độ chuyên môn

+ Tác phong thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình trong giao tiếp, trong việc vận dụng kiến thức về Y học gia đình để chăm sóc sức khỏe người bệnh.

1. Phương pháp:

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá		Hệ số		Trọng số đánh giá môn học (thang điểm 10 làm tròn 01 chữ số thập phân)	
	Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1. Kiểm tra thường xuyên	Bài tập nhóm	Quan sát thái độ học tập và vấn đáp cá nhân	1	1		
2. Kiểm tra định kỳ	Kiểm tra cá nhân bằng hình thức MCQ chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án	Kiểm tra cá nhân thực hiện tư vấn giáo dục sức khỏe bệnh nhân. Đánh giá bằng bảng kiểm	2	2	40%	40%
3. Thi kết thúc môn học	Kiểm tra cá nhân bằng hình thức MCQ chọn 1 đáp án đúng nhất trong 4 đáp án	Kiểm tra cá nhân thực hiện tư vấn giáo dục sức khỏe bệnh nhân hoặc đánh giá và đưa ra hướng điều trị một số trường hợp bệnh cụ thể. Đánh giá bằng bảng kiểm sau khi bốc thăm. Đánh giá			60%	60%



		bảng bảng kiểm				
--	--	----------------	--	--	--	--

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Định hướng cơ bản chuyên khoa Y học gia đình được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng Y sĩ chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Tổ chức dạy và học lý thuyết tại trường, thực tập tại cơ sở y tế.

+ Giảng viên trước khi dạy căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

+ Phối hợp các phương pháp dạy/học: Thuyết giảng có minh họa, thảo luận nhóm, làm mẫu, đặt vấn đề; tổ chức lớp học phân công nhóm thực hiện thuyết trình, thảo luận,...

+ Tổ chức đánh giá thường xuyên, đánh giá kết quả học tập định kỳ, kết thúc môn học

+ Báo cáo kết quả giảng dạy, kết quả học tập của sinh viên.

- Đối với người học:

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện

+ Tham dự ít nhất 80% thời gian học tập (bao gồm thời gian học lý thuyết, thực tập)

+ Nghiên cứu tài liệu, chủ động sắp xếp thời gian tự học và thảo luận nhóm

+ Tham dự đầy đủ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc học phần

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết vào lâm sàng

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Cách tư giao tiếp, tư vấn sức khỏe cho bệnh nhân

- Khuyến cáo sàng lọc và tầm soát bệnh

- Cách tiếp cận bệnh nhân theo định hướng Y học gia đình

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trường Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh, *Y học gia đình*, 2008

[2]. Trường Đại học Philippines Manila, *Bài giảng của Bộ môn Y học Gia đình và công cộng*, 2018

[3]. Nguyễn Văn Hiến, *Giáo dục và nâng cao sức khỏe, sách đào tạo Bác sĩ đa khoa*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2007

[4]. Bộ Y tế, *Khoa học hành vi và Giáo dục sức khỏe*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2006

[5]. Trường Đại học Y dược Cần Thơ, *Giáo trình Y học gia đình*, 2021

[6]. Allan H. Goroll, Albert G. Mulley. *Part I - Principles of Primary care. Chapter 3 and 5. Health Maintenance and the Role of Screening, Immunization.* Lippincott Williams & Wilkins, (2009) pp. 16-19 and 27-49

[7]. Robert E. Rakel, *Textbook of Family Medicine 9th*, 2015



4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Danh mục các chữ viết tắt:

- TC: tín chỉ
- LT: lý thuyết
- TH: thực hành

4.2. LT: lý thuyết: (1TC = 15 giờ, 1 giờ = 45 phút)

4.3. TH: thực hành: (TH tại trường/TH tại cơ sở y tế)

- + 1 Tín chỉ TH tại trường = 30 giờ (1 giờ = 60 phút)
- + 1 Tín chỉ TH tại cơ sở y tế = 45 giờ (1 giờ = 60 phút)

4.4. Thời gian giảng dạy:

- 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện;

4.5. Các môn học chung bắt buộc: Chính trị, Pháp luật, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Tin học, Tiếng Anh và Giáo dục thể chất được áp dụng theo chương trình đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và ban hành theo các Thông tư sau:

- Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;

- Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;

- Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Pháp luật;

- Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;

- Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Tin học;

- Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Trong đó, môn học giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và An ninh là 2 môn học điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp; kết quả đánh giá 2 môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, xếp loại tốt nghiệp.

4.6. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun:

Thực hiện theo quy định kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp của Trường được cụ thể hóa theo Quy định 111/QĐ-CDYT ngày 24/8/2022 của Hiệu trưởng

Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang quy định đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.

4.7. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải hoàn thành hết các môn học trong chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo và đủ điều kiện theo Quy định đào tạo thì được xét tốt nghiệp;

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và các điều kiện khác theo quy định đào tạo để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Người học sau khi được Hiệu trưởng Nhà trường công nhận tốt nghiệp, được cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành.



5. Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học

